

VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
VIỆN NGHIÊN CỨU HÁN NÔM

NGÔ THỈ NHÂM

TOÀN TẬP

TẬP V



NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI

NGÔ THÌ NHẬM
TOÀN TẬP
TẬP V

VIỆN NGHIÊN CỨU HÁN NÔM

NGÔ THÌ NHẬM

TOÀN TẬP

TẬP V

Sưu tầm, biên dịch, giới thiệu

LÂM GIANG (*Chủ biên*)

ĐỖ THỊ HẢO - CAO XUÂN HUY - PHẠM THỊ THOẠI
NGUYỄN HUY THỨC - NGUYỄN CÔNG VIỆT

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI

HÀ NỘI - 2006

THAY LỜI KẾT

Ngô Thì Nhậm Toàn Tập đến tập 5 này là kết thúc. Về cơ bản chúng tôi đã công bố hết các sáng tác của Ngô Thì Nhậm. Phần lớn các tác phẩm ấy đều tập hợp trong từng thư *Ngô gia văn phái*, được sắp xếp theo thứ tự thời gian, như sau:

Sáng tác thời Lê Trịnh:

Hải Đông chí lược (Văn xuôi)

Bút hải tùng đàm (Thơ)

Kim mã hành dư (Văn xuôi)

Hào môn ai lục (Văn xuôi)

Thủy vân nhàn vịnh (Thơ)

Xuân Thu quản kiến (Văn xuôi)

Sáng tác thời Tây Sơn:

Ngọc đường xuân khiếu (Thơ)

Bang giao hảo thoại (Văn xuôi)

Hoàng hoa đồ phả (Thơ)

Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh (Văn xuôi)

Cúc hoa thi trận (Thơ)

Thu cận dương ngôn (Thơ)

Cẩm đường nhàn thoại (Thơ)

Trong số các sáng tác trên chỉ có 2 tác phẩm *Hải Đông chí lược* và *Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh* không được tập hợp trong từng thư *Ngô gia văn phái*. Vì *Hải Đông chí lược* bị thất lạc, mới sưu tầm

được một phần, còn *Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh* thì ngoài Ngô Thì Nhậm là tác giả chính ra, còn có một số người khác nữa, có lẽ vì thế mà soạn giả chưa tiện đưa vào *Tùng thư* (Xin xem thêm ở phần giới thiệu của hai tác phẩm này).

Nhìn lại quá trình biên soạn, về cơ bản đúng với dự kiến ban đầu: Những tác phẩm được sắp xếp theo thứ tự thời gian, tác phẩm nào sáng tác trước, đặt ở tập trước, tác phẩm sáng tác sau đặt ở tập sau. Nhưng trong quá trình biên soạn có sự thay đổi đôi chút là chiếu cố tới cơ cấu của mỗi tập, sao cho đồng đều về số trang, để không có sự chênh lệch về độ dày mỏng khác nhau, như có tập thì quá dày, có tập thì quá mỏng, làm cho tổng thể của bộ sách không được đẹp mắt.

Ví dụ như ở *Ngô Thì Nhậm Toàn Tập* tập III có các tác phẩm: *Hoàng hoa đồ phả* (Thơ) và *Bang giao hảo thoại* (Văn xuôi) là hai tập về ngoại giao của Ngô Thì Nhậm, sáng tác vào khoảng những năm 1789 đến năm 1795, để chiếu cố đến tình hình như đã nêu trên, nên đã đưa thêm tập *Cẩm đường nhân thoại* (Thơ), sáng tác vào cuối đời Ngô Thì Nhậm vào tập ấy.

Cũng như vậy, ở *Ngô Thì Nhậm Toàn Tập* tập IV, là tác phẩm *Xuân Thu quản kiến*, một sáng tác trong thời kỳ Ngô Thì Nhậm lãnh nạn kiêu binh từ năm 1780 đến năm 1786. Bộ sách khá đồ sộ, gồm 12 Công với “vài vạn lời” như Ngô Thì Nhậm từng nói trong *Lời tựa*, vì không có điều kiện công bố cả 12 Công, vậy chỉ xin tuyển vào *Toàn tập* 3 Công đầu tiên của bộ sách. Cũng để chiếu cố đến cơ cấu của *Toàn tập*, mặt khác để độc giả có cái nhìn tổng thể về bộ sách mà Ngô Thì Nhậm dùng để “quản kiến” nên xin đưa thêm vào phần *Phụ lục Kinh Xuân Thu*, do Khổng Tử san đính. *Kinh Xuân Thu*, như đã

biết, là một trong *Ngũ kinh* của hệ thống giáo khoa thư của người xưa, cũng là Kinh bất cứ đấng quân vương hay vương công đại thần nào cũng cần phải biết một cách nhuần nhuyễn để ứng dụng vào thực tiễn trong công việc của mình... Nếu không có thêm phần Phụ lục này thì tập sách chưa đủ số trang cần thiết. Nếu thay vào đây bằng Công thứ 4 thì sẽ quá tải về số trang, cũng tức là quá tải về độ dày của tập sách.

Hay ở *Ngô Thì Nhậm Toàn Tập* tập V, là tác phẩm *Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh* được biên soạn và khắc in vào cuối đời Ngô Thì Nhậm, lại có thêm tập *Hải Đông chí lược* sáng tác thời Lê Trịnh, và phần Phụ lục *Ngô gia thế phả*, là cũng để đáp ứng về cơ cấu của *Toàn tập*. *Ngô gia thế phả* sẽ cung cấp thêm cho độc giả những tư liệu để hiểu đầy đủ hơn về một dòng họ đã một thời là danh gia vọng tộc...

Vậy cơ cấu của mỗi tập đã được xuất bản như sau:

Ngô Thì Nhậm toàn tập – Tập I, xuất bản năm 2003, gồm:

- Bút hải từng đàm* (Thơ).
- Thủy vân nhân vịnh* (Thơ).
- Kim mã hành dư* (Văn xuôi).

Ngô Thì Nhậm toàn tập – Tập II, xuất bản năm 2004, gồm:

- Ngọc đường xuân khiếu* (Thơ).
- Cúc hoa thi trận* (Thơ).
- Thu cận dương ngôn* (Thơ).
- Hào môn ai lục* (Văn xuôi).

Ngô Thì Nhậm toàn tập – Tập III, xuất bản năm 2005, gồm:

- Hoàng hoa đồ phả* (Thơ).
- Cẩm đường nhân thoại* (Thơ).

-Bang giao hảo thoại (Văn xuôi).

Ngô Thị Nhậm toàn tập – Tập IV, xuất bản năm 2005, gồm:

-Xuân Thu quản kiến (Văn xuôi).

-Phụ lục: Kinh Xuân Thu (Văn xuôi).

Ngô Thị Nhậm toàn tập – Tập V, xuất bản năm 2006, gồm:

-Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh (Văn xuôi).

-Hải Đông chí lược (Văn xuôi).

-Phụ lục: Ngô gia thế phả (Văn xuôi).

Bộ sách được biên soạn và biên dịch trong một thời gian dài, nên tính thống nhất cũng như chất lượng có thể không đồng đều, và việc theo dõi của độc giả bị gián đoạn... Chúng tôi cũng muốn bộ sách ra mắt cùng một lúc, nhưng vì bộ sách có khối lượng tác phẩm khá lớn, nên lực bất tòng tâm, mong độc giả lượng thứ.

Hà Nội ngày 20 tháng 11 năm 2005

TRÚC LÂM TÔNG CHỈ NGUYÊN THANH

竹林宗旨元聲

LỜI GIỚI THIỆU

Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh hiện còn hai văn bản và một âm bản Mai cropim, lưu trữ tại Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm. Hai văn bản có ký hiệu Thư viện: A.460 và A.2181. Một âm bản Mai cropim, ký hiệu: 349 (của bản A.460). Tại Pari (Pháp) cũng có hai âm bản Mai cropim, ký hiệu: II/5/1747 (của bản A.2181) và II/1085 (của bản A.460). Ngoài ra, còn có bản dịch với tên là *Tam Tổ thực lục*, do Á Nam Trần Tuấn Khải dịch ở Miền Nam trước ngày giải phóng, Sài Gòn xuất bản năm 1971, ở phần cuối bản dịch có chụp lại nguyên văn bản chữ Hán, là bản chép tay số MC 4207 TG của chi nhánh Văn khố Đà Lạt.

Sau khi đối chiếu thấy bản có ký hiệu A.460 và bản có ký hiệu A.2181 là cùng một khuôn in, nhưng bản A.460 còn lại nguyên vẹn hơn, không bị rách nát, trang đầu tiên khắc tên sách: *Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh* với khổ chữ cỡ lớn. Sách gồm 112 tờ, mỗi tờ 28 dòng, mỗi dòng từ 14 đến 20 chữ, khổ 29 x 17 cm.

Bản A.2181 mất một số tờ đầu và một số tờ cuối, chỉ còn lại 80 tờ. Bản này vì không còn tên sách, nên nhân viên Thư viện khi đóng lại sách, thấy trong đó có ghi hành trạng về ba vị tổ phái Trúc Lâm, bèn thêm vào bìa bốn chữ *Tam Tổ hành trạng* làm tên sách!

Bản MC 4207 TG của chi nhánh văn khố Đà Lạt, cũng có tên *Tam Tổ hành trạng*, sau khi so sánh, thấy đây chính là bản chép lại từ bản A.2181, ngoài tên sách như đã thấy là như nhau, còn những trang bị mất cũng mất giống như nhau...

Vì hai bản A.460 và A.2181 cùng một khuôn in, còn bản MC 4207 TG của chi nhánh văn khố Đà Lạt, lại là bản chép lại từ bản

A.2181, vừa thiếu lại có một số chữ viết sai, nên chúng tôi dùng bản A.460 làm bản chính để tiến hành phiên âm và dịch thuật, dĩ nhiên có so sánh với 2 bản kia khi cần thiết.

1. Cơ cấu của *Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh*

Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh gồm có 9 đề mục như sau:

-*Đề mục thứ 1:* Bài tựa có tên “Trúc Lâm đại chân Viên giác thanh tự” của Phan Thụy Nham (tức Phan Huy Ích), đề trước tiết lập đông năm Bính Thìn, niên hiệu Cảnh Thịnh (1796).

-*Đề mục thứ 2:* Khắc 4 bức chân dung của: Điều Ngự Giác Hoàng, Pháp Loa tôn giả, Huyền Quang tôn giả, Hải Lượng thiền sư tôn giả. Mặt sau của mỗi bức chân dung có ghi lời Ngũ lục và bài kệ 4 câu, tóm tắt thân thế và sự nghiệp của từng vị. Bốn bức chân dung xin được miêu tả như sau:

Bức chân dung của Điều Ngự Giác Hoàng, ngồi dưới gốc cây cổ thụ, trên cây có đôi chim đậu, cành cây toả xuống bên hồ nước có tường vây, bên cạnh là chiếc bàn bằng gốc cây cửa phẳng làm bề mặt. Trên bàn có lọ lộc bình đặt bên bát hương đương thoả khói. Điều Ngự đầu hói, tóc chải ngược về phía sau, râu dài, mắt nhìn xa, mình mặc áo dài trùm kín chân, hai tay đỡ cây tích trượng. Bên cạnh bức chân dung đề 4 chữ “Điều Ngự Giác Hoàng,” to đậm. (Xem ảnh số 2).

Bức chân dung của Pháp Loa tôn giả, đứng dưới gốc cây thông cành xoà ra che mặt trời toả nắng, mặt quay về đầu rồng đương phun mây, mây tuôn xuống tận chân. Pháp Loa đầu đội mũ chụp lấy trộm, như mũ của mục sư Thiên chúa giáo, mình mặc áo dài quét kín chân, một tay cầm cây tích trượng, một tay dơ lên như đang bắt quyết. Bên cạnh bức chân dung đề 4 chữ viết theo lối chữ triện: “Pháp Loa tôn giả.” (Xem ảnh số 3).

Bức chân dung của Huyền Quang tôn giả, ngồi thiền trên tấm thảm tròn, trải trên đất, dưới bóng những cành thông, đầu cạo để trần, toả ra những ánh hào quang, hai tai to dài. Bên cạnh bức chân dung đề 4 chữ viết theo lối hành thư: “Huyền Quang tôn giả.” (Xem ảnh số 4).

Bức chân dung của Hải Lượng thiền sư, ngồi trên ghế, đặt bên cạnh tấm bia lớn bên bờ sông Nhuệ gọn làn sóng nhỏ, giữa dòng sông ghi hai chữ “Nhuệ giang” (con sông chảy qua làng Tả Thanh Oai, quê hương Ngô Thì Nhậm). Phía trước mặt có hai đệ tử quỳ, chấp tay vái thiền sư. Hải Lượng đầu búi tóc, râu dài, mắt nhìn về phía bờ sông, vẻ nghiêm trang, một tay dơ lên như đang bắt quyết, một tay đặt trên gối. Bên cạnh bức chân dung đề 4 chữ viết theo lối chữ triện: “Hải Lượng thiền sư.” (Xem ảnh số 5).

-Đề mục thứ 3: Là một biểu đồ hình tròn, có tên: “Nhị thập tứ thanh phối khí ứng sơn chi đồ” (Biểu đồ 24 thanh phối với các tiết trong năm). 24 thanh được xếp thành vòng tròn, mỗi thanh kết hợp với một can, hoặc chi, hoặc bát quái, và vào giờ nào thì mở đầu cho một tiết trong năm, lại được biểu hiện bằng ký hiệu là những chấm tròn đen hoặc trắng, nối với nhau bằng những hàng kẻ ngang hoặc dọc, trên dưới khác nhau. Các thanh xếp theo thứ tự thuận chiều quay của kim đồng hồ, như:

Không thanh, thuộc Tý (chi), tiết Đông chí giữa giờ Tý.

Ngộ thanh, thuộc Quý (can), tiết Tiểu hàn đầu giờ Sửu.

Ấn thanh, thuộc Sửu (chi), tiết Đại hàn giữa giờ Sửu.

Phát tướng thanh, thuộc Cấn (bát quái), tiết Lập xuân đầu giờ Dần.

Kiến thanh, thuộc Dần (chi), tiết Vũ thủy vào giữa giờ Dần v.v...

(Xem ảnh số 6).

-Đề mục thứ 4: Có tiêu đề “Tướng thanh nhị thập tứ bồ tát”: Liệt kê “Tướng” của từng thanh, “Tướng” là hình dáng, là bộ mặt. Ở đây có thể

hiểu dùng để chỉ cái điều cơ bản, hay cái bản chất của từng thanh, như “Tướng” của Không thanh là: *Nam mô không không quan tâm Quan Thế Âm bồ tát. Không không quan tâm* có nghĩa “trong lòng trống vắng,” là điểm mấu chốt của “Tướng” thuộc Không thanh. Hay “Tướng” của Minh thanh là: *Nam mô minh phổ minh chiếu thế gian Quan Thế Âm bồ tát. Minh phổ minh chiếu thế gian* có nghĩa “Soi sáng khắp thế gian,” là điểm mấu chốt của “Tướng” thuộc Minh thanh v.v...

Đề mục thứ 5: Có tiêu đề “**Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh tông.**” “Tông” là đầu mối, ở đây hiểu như là điều kiện, tức điều kiện làm nên *Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh*, bao gồm hai phần:

Phần thứ nhất

Hộ thanh tứ tắc (Bốn chuẩn tắc hỗ trợ cho thanh). Bốn chuẩn tắc đó là:

-“Tự” (Tựa), là thanh thủ (đầu của thanh), chỉ bài tựa của Phan Thụy Nham (Phan Huy Ích) để ở đầu sách.

-“Đồ” (hình vẽ), là thanh hàm (hàm của thanh), chỉ 4 bức chân dung của các vị Thiền sư và biểu ghi 24 thanh phối với các tiết trong năm, như đã nói ở mục thứ 3 trên.

-“Hành” (Hành trạng), là thanh cảnh (cổ của thanh), chỉ hành trạng tóm lược của 4 vị Điều Ngự Giác Hoàng, Pháp Loa tôn giả, Huyền Quang tôn giả, Hải Lượng thiền sư.

-“Bạt” là thanh vĩ (đuôi của thanh), chỉ phần *Đại chân Viên giác thanh*, là phần chính của tác phẩm này.

Phần thứ hai

Vệ thanh tứ dục (Bốn điều kiện cần thiết trợ giúp hộ vệ cho thanh), gồm:

-Thanh chú: Chỉ việc chú giải rõ nghĩa thêm cho từng thanh, gồm hai vị, vị Thanh chú thứ nhất là Hải Âu hoà thượng, tức Vũ Trinh, nguyên là Tham tri chính sự, tước Lan Trì hầu, người xã Xuân Lan, huyện Lang Tài (nay Bắc Ninh).

Vị Thanh chú thứ hai là Hải Hoà tả bạn tăng, tức Nguyễn Đăng Sở nguyên Hoàng giáp khoa Đinh Vị, tước Hương Lĩnh bá, người làng Hương Triện, huyện Gia Định (nay Bắc Ninh).

-Thanh dẫn: Chỉ việc dẫn dắt mở đầu cho từng thanh. Người làm nhiệm vụ này là Thượng Túc đệ tử Hải Huyền, tức Ngô Thì Hoàng, là em trai thứ 4 của Đại thiên sư, trụ trì tại Trúc Lâm thiền viện, người xã Tả Thanh Oai, huyện Thanh Oai (xã Tả Thanh Oai nay thuộc Hà Nội).

-Thanh khẩu: Chỉ việc hàng ngày gõ mõ khấn các thanh (cũng tức là làm nhiệm vụ tóm lược nội dung chủ yếu của từng thanh). Người làm nhiệm vụ này là Bạch Túc đệ tử Hải Diên, tức Nguyễn Viêm, là cháu vị Tiên tham tụng Xuân quận công, người xã Tiên Diên, huyện Nghi Xuân (nay Hà Tĩnh).

Đề mục thứ 6: Tam tổ hành trạng, là hành trạng của 3 vị tổ thuộc phái Trúc Lâm là Giác Hoàng Điều Ngự, Pháp Loa tôn giả và Huyền Quang tôn giả.

Đề mục thứ 7: Trúc Lâm Đại chân Viên giác thanh: Đây là phần chính của tác phẩm, nói về 24 thanh, trước mỗi thanh là thanh dẫn của Ngô Thì Hoàng, tiếp theo sau là lời của Hải Lượng thiên sư, rồi đến thanh chú của Hải Âu hoà thượng và Hải Hoà tăng, như Vệ thanh tứ dục, đã nói ở mục 5.

Đề mục thứ 8: Trúc Lâm Đại chân Viên giác thanh tiểu khẩu: Như đã nói phần Thanh khẩu, mục thứ 5.

Đề mục thứ 9: Họ tên, chức nghiệp, quê quán những người viết chữ, người khắc ván. Người viết chữ để khắc ván, gồm 3 người:

- Thị nội mật sự Tả trung doãn, tước Dực Trung bá, Nguyễn Hữu Dực, người xã Nhân Mục, huyện Thanh Trì.

- Thị nội bí thư Thự chính tự, tước Tích Trung bá, Đào Kim Tích, người xã Tình Quang, huyện Gia Lâm.

- Thị nội bí thư Thự kiểm thảo, tước Tuấn Trung tử, Nguyễn Hữu Tuấn, người xã Nhân Mục, huyện Thanh Trì.

Người khắc: Thái thường giám Thái chúc, tước Nho Nghĩa nam, Phạm Đạt Nho, người xã Hồng Liễu, huyện Gia Lộc.

2. Soạn giả, tên tác phẩm và năm khắc in

Như trên đã trình bày thì *Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh* không ghi tên soạn giả và năm khắc ván in.

Chúng ta đều biết, Ngô Thì Nhậm sau khi đi sứ nhà Thanh cầu phong cho Quang Toản trở về năm 1793, không còn được tin dùng như dưới thời Quang Trung, mặc dầu ông vẫn giữ trọng trách về ngoại giao, nhưng công việc thưa dần, đôi khi mới được vời vào triều cận vua Quang Toản tại kinh đô Phú Xuân, xong việc lại trở về Bắc Thành. Chính trong hoàn cảnh nửa ở nửa về ấy, Ngô Thì Nhậm mới lập ra Thiền viện tại phường Bích Câu ở phía Tây Nam thành Thăng Long, tu theo phái Thiền tông đời Trần, đặt tên là Trúc Lâm Thiền viện, tôn 3 vị tổ của phái Trúc Lâm làm Tổ, viết *Kinh Viên giác*, tên đầy đủ là *Đại chân Viên giác thanh*. Kinh này viết xong khoảng trước năm 1796. Trước khi khắc ván in, Ngô Thì Nhậm đưa cho Phan Huy Ích đề tựa. Bài tựa hoàn thành vào ngày lập đông năm Bính Thìn (1796).

Trước đó, vào mùa thu, Ngô Thì Nhậm và Phan Huy Ích được Quang Toản vời vào triều cận ở kinh đô Phú Xuân. Nhân tiết thu, hai ông làm thơ xướng hoạ về hoa cúc, tập hợp thành 100 bài, đặt tên là *Cúc thu bách vịnh* (có sách chép *Cúc hoa bách vịnh*, *Cúc đường bách vịnh*). Trong lời dẫn của một bài thơ hoạ lại, Phan Huy Ích có nói: “Tập *Nhị thập tứ thanh* của thai huynh biên soạn nhận thức rất sáng suốt, hơn hẳn xưa nay, có lẽ vẫn giữ được đúng ý nghĩa xây dựng ngôi chùa Tam giáo ở động Nhị Thanh của Tiên công ta (tức Ngô Thì Sĩ)... Thai huynh đã nhiều lần bảo tôi làm bài tựa, từ chối mãi cũng không được. Vậy còn đang phải nghĩ, khi nào xong sẽ đệ trình.”

Vì *Kinh* gồm 24 thanh nên trong lời dẫn trên, Phan Huy Ích gọi “*Nhị thập tứ thanh*.” Tên này, trong lời đề tựa cho sách, họ Phan cũng nhắc lại: “Sở trước *Nhị thập tứ thanh*, tận tương Phạn ngữ u ảo chi xứ, phân tiết đoạn lạc...” (Trước tác *Hai mươi bốn thanh*, đem hết những chỗ lời lẽ của nhà Phật còn lơ mờ huyền bí, chia cắt ra thành từng đoạn...)

Nêu ra mấy chi tiết trên đây, là để nói rằng, tác phẩm vào thời điểm này (cuối năm 1796) chưa được khắc ván in. Và lúc này chỉ có phần *Kinh* do Ngô Thì Nhậm sáng tác, tên là *Đại chân viên giác thanh*, còn cái tên *Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh* chưa hề thấy xuất hiện. Vậy thì *Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh* xuất hiện khi nào?

Ngay sau khi lập Thiền viện, Ngô Thì Nhậm đã tập hợp được một số người như: Hoà thượng Hải Âu, tăng Hải Hoà, và em trai thứ 4 của mình Ngô Thì Hoàng tới trụ trì. Cùng với một số chức sắc dưới triều nhà Lê cũ hiện không còn đặc dụng nữa, như: Quan Thị nội mật sự Tả trung doãn Nguyễn Hữu Dực, tước Dực Trung bá; quan Thị nội

bí thư Thư chính tự Đào Kim Tích, tước Tích Trung bá; quan Thị nội bí thư Thư kiểm thảo Nguyễn Hữu Tuấn, tước Tuấn Trung tử v.v... cũng thường hay lui tới Thiền viện. Các vị trên, chắc hẳn hàng ngày được nghe Ngô Thì Nhậm giảng giải *Đại chân Viên giác thanh*, đã hiểu khá sâu sắc *Kinh* này. Cho nên khi đưa đi khắc ván in *Đại chân Viên giác thanh*, đã được góp mặt mình vào đấy, như Ngô Thì Hoàng làm nhiệm vụ dẫn dắt (*Thanh dẫn*), còn Hoà thượng Hải Âu và tăng Hải Hoà thì làm nhiệm vụ chú giải thêm cho rõ (*Thanh chú*). Hoạc Bạch Túc đệ tử Hải Điền làm nhiệm vụ tóm tắt ý chính của từng thanh (*Thanh khấu*). Hay Thị nội mật sự Tá trung doãn Dực Trung bá, Nguyễn Hữu Dực làm nhiệm vụ viết chữ để khắc in v.v... Vì theo phái Trúc Lâm nhà Trần, nên tập sách kể lại hành trạng 3 vị Tổ (*Tam tổ hành trạng*) là Điều Ngự, Pháp Loa, Huyền Quang. Đến đây nội dung tập sách không còn bó hẹp trong *Đại chân Viên giác thanh* nữa mà đã mở rộng hơn nhiều. Chính vì thế mới xuất hiện tên *Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh*. Như vậy, trước khi đưa khắc ván in, Ngô Thì Nhậm cùng với các đệ tử của mình đã biên soạn đưa thêm các phần:

-*Ngũ lục và bài kệ của 4 vị Tổ.*

-*Nhị thập tứ thanh phối khí ứng sơn chi đồ.*

-*Tướng thanh nhị thập tứ bồ tát.*

-*Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh tông.*

-*Tam tổ hành trạng.*

-*Trúc Lâm đại chân Viên giác thanh tiểu khấu.* Tạo thành *Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh* như đã thấy.

Có ý kiến cho rằng *Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh* được biên soạn và khắc in đời sau. Nếu đời sau là đời Nguyễn (Từ thời Gia Long đến

Thành Thái 1802 - 1906) thì không hợp lý, vì trong thời kỳ này tục kiêng húy các vua triều Nguyễn rất phổ biến, nhất là các chữ húy như “Ánh,” “Hoa,” “Thì”... mà trong *Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh* không có một chữ kiêng húy nào.

Nếu đời sau là cuối thời Nguyễn (Khoảng từ sau thời Thành Thái trở đi), khi mà tục kiêng húy các vua triều Nguyễn không còn hiệu lực nữa thì cũng không hợp lý, vì Ngô Giáp Đậu biên soạn *Ngô gia thế phả* vào thời Thành Thái cũng đã nhắc đến *Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh* rồi (Xin xem *Ngô gia thế phả* ở phần Phụ lục). Trong *Ngô gia thế phả* chữ kiêng húy vua Tự Đức “Thì” Ngô Giáp Đậu vẫn viết kiêng húy.

Vậy thì chỉ có một giả thuyết đúng là *Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh* được biên soạn và khắc ván in dưới thời Tây Sơn, chính Ngô Thì Nhậm tổ chức. Cũng xin nói thêm rằng, năm 1803 Ngô Thì Nhậm qua đời, Ngô Thì Hoàng khi ấy vẫn ở lại Thiền viện, đến năm Đinh Mão, niên hiệu Gia Long thứ 6 (1807) thi đậu Cử nhân. Ngô Thì Hoàng sau đổi tên là Tịnh, hiệu Huyền Trai, vì từng ở chùa (Trúc Lâm thiền viện), nên trong họ trong làng thường gọi ông là Tú Chùa. Nếu *Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh* biên soạn trong thời kỳ này, chắc hẳn phải viết kiêng húy chữ “Ánh.”

Các đề mục trong *Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh* như người viết chữ, người khắc... được nêu ra khá đầy đủ, nhưng không nêu tên người biên soạn chính, mà người nào phụ trách mục nào thì ghi tên ở mục đó, như Ngô Thì Hoàng giữ mục “Thanh dẫn,” Hải Lượng thiền sư (Ngô Thì Nhậm) giữ mục chính của tác phẩm phần “Đại chân Viên giác thanh,” Hoà thượng Hải Âu và tăng Hải Hoà giữ mục “Thanh chú”... Có thể chính vì lý do này mà soạn giả Tùng thư *Ngô gia văn phái* không đưa *Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh* vào trong tùng thư của dòng họ mình.

Tóm lại, *Đại chân Viên giác thanh* do Ngô Thì Nhậm viết xong trước năm Bính Thìn niên hiệu Cảnh Thịnh (1796), khi khắc in đã biên soạn thêm vào các mục như đã trình bày trên, và đặt tên theo nội dung mới là *Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh*, rồi tiến hành khắc ván in ngay sau đó, khoảng từ năm 1797 đến 1802.

3. Một số nhận xét về nội dung *Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh*

Đại chân Viên giác thanh, còn gọi là *Kinh Viên giác*, là một tác phẩm khó, khi Ngô Thì Nhậm đưa cho Phan Huy Ích viết lời đề tựa, họ Phan từng phải khất lần: “Thai huynh đã nhiều lần bảo tôi làm bài tựa, từ chối mãi cũng không được, vậy còn đang phải nghĩ, khi nào xong sẽ đệ trình.” Và ông họ Phan đã đánh giá cao học thuyết này của Ngô Thì Nhậm: “Nhận thức rất sáng suốt, hơn hẳn xưa nay (đã dẫn trên). Như thế thì, Phan Huy Ích đã nghiền ngẫm khá kỹ tác phẩm mới có thể viết được lời đề tựa. Lời lẽ trong *Đại chân Viên giác thanh* sâu kín, nếu không tinh tường về giáo lý nhà Phật thì khó mà hiểu nổi. Chẳng thế mà Bùi Dương Lịch không rõ vì không hiểu tinh thần của Phật giáo, hay cố ý không hiểu, có ý đả kích Phật giáo mà trong một bức thư trả lời bức thư của Ngô Thì Nhậm nói: “Trong thư ông có nói: “Nhà Phật bảo giết cha, giết mẹ, giết sư sãi, tức là chỗ khắc phục,” tôi thực không hiểu. Đặt lối giáo huấn để dạy người, tại sao lại dùng những lời lẽ mờ ám. Nếu cần dùng những lời mờ tối thì tại sao lại dùng những câu ghê người như vậy? Tôi sợ đó không phải là những câu mà người con hiếu, hay người có lòng nhân muốn nghe” (Bùi Dương Lịch - *Ốc lậu thoại*) (Dẫn lại Hà Thúc Minh: *Tình hình văn bản của sách Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh - Thơ văn Ngô Thì Nhậm tập 1* KHXH Hà Nội 1978). Có lẽ chính vì lời lẽ trong *Đại chân Viên giác thanh* khó hiểu nên

Ngô Thì Nhậm cần phải có lời dẫn giải (*Thanh dẫn*) và giảng giải cho rõ thêm (*Thanh chú*), để *Kinh Viên giác* (tức *Đại chân Viên giác thanh*) của ông được các đệ tử đón nhận một cách rõ ràng. Cho nên điều mà Bùi Dương Lịch nói trên đã được khắc phục trong *Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh*. Như câu: “giết cha, giết mẹ, giết sư,” viết ở *Thoát thanh* được Hoà thượng Hải Âu giải thích (*Thanh chú*) rằng: “Câu giết cha, giết mẹ, giết sư, chỉ là ngụ ngôn mà thôi. Nghĩa này thấy trong *Kinh Lăng già*.” Như vậy, bảo là giết cha, giết mẹ, giết sư không phải là giết thật sự mà chỉ là cách dùng hình tượng để tỏ ý phủ nhận tất cả mọi hiện tượng bên ngoài là có thật.

Nói về tư tưởng chủ đạo của tác phẩm thì Phan Huy Ích nhận định: “Tập *Nhị thập tứ thanh* (tức *Đại chân Viên giác thanh*) của thai huynh biên soạn nhận thức rất sáng suốt, hơn hẳn xưa nay, có lẽ vẫn giữ được đúng ý nghĩa xây dựng ngôi chùa Tam giáo ở động Nhị Thanh của Tiên công ta” (*đã dẫn trên*). Như vậy họ Phan cho rằng, Ngô Thì Nhậm chịu ảnh hưởng của cha mình, theo xu hướng “Tam giáo nhất nguyên.” Trong một số tác phẩm của mình, như *Thiên quân thái nhiên phú*, *Bài ký đình Thuỷ Nhất...* (trong *Kim mã hành dư*) thì xu hướng ấy thể hiện khá rõ nét. Còn ở *Đại chân Viên giác thanh*, xu hướng Tam giáo nhất nguyên chỉ có đôi chỗ thể hiện ra bằng lời, như lời Thanh chú cho *Hành thanh* của tăng Hải Hoà chẳng hạn: Khổng Tử dạy: “Bốn mùa theo nhau, trăm loài sinh trưởng, trời có nói gì đâu!” Họ Thích nói: “Không biết từ đâu đến, cũng không biết đi về đâu, cho nên gọi là Như Lai.” Cùng với lời của Lão Tử: “Thanh tịnh mà dân tự nhiên yên,” là sự thể hiện Tam giáo một nguồn vậy... Có lẽ ngoài chi tiết này ra, còn lại toàn bộ tác phẩm, Ngô Thì Nhậm tập trung nêu lên quan điểm Nho và Phật là một nguồn...

Phật ở *Đại chân Viên giác thanh* là Phật theo phái Trúc Lâm đời Trần, không hẳn là yếm thế, lánh đời, như lời đánh giá trong *Thu thanh* về việc Trần Nhân Tông dựng chùa trên núi Yên Tử: “Người ta thấy Điều Ngự đệ nhất tổ, đến ở chùa Hoa Yên, thì bảo là ngài xuất gia, nào hay Tổ ta lúc bấy giờ biết coi thiên hạ là của công. Trong nước vô sự, nhưng ở phía bắc vẫn có nước láng giềng lớn mạnh, chưa được an tâm. Cái ý ấy là không tiện nói rõ, sợ người ta dao động. Cho nên nhằm được ngọn núi Yên Tử là ngọn cao nhất, phía đông nhìn về Yên Quảng, phía bắc liếc sang Nhị Lạng (Lạng Giang và Lạng Sơn), dựng lên ngôi chùa, thời thường dạo chơi, để xem động tĩnh, cốt để ngừa cái mối lo nước ngoài xâm phạm, thật là một vị Vô Lượng Lực Đại Thế Chí bồ tát. Lúc bấy giờ chỉ có Huyền Quang tôn giả biết được ý ấy, bỏ cái cao sang của một vị Trạng nguyên, sớm chiều đi theo Ngài để hoàn thành cái ý nguyện của Ngài, thật là một vị Vô Lượng Kiến Thức Đại bồ tát.”

Phật ở *Đại chân Viên giác thanh* là Phật hành sự trong thực tiễn, phản đối những cao tăng có pháp thuật cao, như Không Lộ, Đại Điền, Đạo Hạnh, Vạn Hạnh, tạo ra những “Vết sét đánh ở thân cây gạo, dấu chân in ở đỉnh hang núi Sài Sơn...” Và cho đó là “Hiện hiện sự quái dị để kinh hãi người ta.” Hay như “Cái vạc Phổ Minh, cái tháp Báo Thiên, tượng Phật Quỳnh Lâm, cái chuông Phả Lại, đều như thế cả. Chân tu như Trúc Lâm Tam tổ chưa hề làm điều gì quái gở truyền lại đời sau...” Cho rằng, những nhà sư nêu trên chỉ có thể gọi là cao tăng, chưa đạt đến mức “Thượng Phật,” Thượng Phật thì “phải như Trúc Lâm Tam tổ, chỉ dùng ngôn ngữ đạo lý để giác ngộ người đời, chẳng những không lộ liễu ở hành sự mà có nói năng thì cũng cao xa rộng thoáng, không thấy cạnh góc, đáng được nhà Thiên học suy tôn làm Tổ...” (*Hưởng thanh*).

Phật ở *Đại chân Viên giác thanh* là Phật với Nho “đúc lại làm một” (*Nhất thanh*). Điều này được thể hiện suốt trong 24 thanh, là điều mấu

chốt của tác phẩm. Như bàn về chữ “nhân” và chữ “kỷ” trong *Định thanh*: “Nhà Nho bàn về chữ *kỷ* và chữ *nhân* là nói về mặt *tâm tính*. Thích quân tử thì bỏ mình (xả kỷ) để cứu vớt người đời, Thích tiểu nhân thì dọa người để bảo vệ mình (kỷ). Đó là đứng về mặt *Lý* và *Dục* mà phân chia ra *nhân* và *kỷ*. Chữ *nhân* và chữ *kỷ* của đảng này (Phật), so với chữ *nhân* và *kỷ* của đảng kia (Nho), thì công phu tác dụng tuy không giống nhau, nhưng quy kết về *tâm tính*, thì chỉ là một mà thôi. Vì vậy cho nên nhà Nho nói “Chính tâm,” nói “Thành tính,” nhà Phật nói “Minh tâm” nói “Kiến tính,” đều là nói “Đạo người quân tử rộng khắp mà kín đáo” (từ dùng trong *Trung dung* và *Lễ ký*).

Hay bàn về *định mệnh* của nhà Nho với *tiền kiếp* của nhà Phật, thì cũng có những điều thống nhất: “Nhà Nho nói *Định mệnh*, nhà Phật nói *Tiền kiếp*, *Tiền kiếp* cũng chẳng qua là cái *Định mệnh* không dời đổi được. Kẻ nào phú quý mà không bo bo với danh lợi thì kẻ đó là người đã không chế được *Định mệnh*. Cao sĩ chế tác *Định mệnh*, Đại sĩ biến hoá được *Tiền kiếp*. Biến hoá được *Tiền kiếp* cho nên thành Phật.” Điều này được Hoà thượng Hải Âu giải thích thêm rằng: “Cao sĩ chế tác *Định mệnh*, có nghĩa là chế tác mà không làm trái lẽ và lộn xộn; Đại sĩ biến hoá *Tiền kiếp*, có nghĩa là nhập thần mà hoá. Hoá được kiếp thì thành Phật tử, không chế được mệnh thì thành Đại Nho” (*Trác thanh*).

Nói về thuyết *luân hồi* của Phật, thì cho rằng giống như thuyết *tuần hoàn* của Nho. Hiểu theo nghĩa gốc của chữ *luân hồi* và chữ *tuần hoàn* là: *Luân* là cái bánh xe, *hồi* là xoay vòng, cũng như *hoàn* là cái vòng, *tuần* là ven theo, vì chúng đều tròn cho nên xoay. Rồi vận dụng vào thực tiễn: “Năm có cái luân hồi của một năm, tháng có cái luân hồi của một tháng, ngày có cái luân hồi của một ngày. Vì là cái bánh xe (luân) cho nên xoay

vòng (hồi), cũng như Nho nói tuần hoàn, vì là cái vòng (hoàn) cho nên ven theo (tuần), không phải cái vòng thì không xoay” (*Lưu động thanh*).

Hay nói về thuyết *nhân quả* của Phật, thì cũng cho rằng như thuyết *thạc quả* (quả lớn) của Nho. Cho rằng *thạc quả* giống hết công quả, phúc quả. Vì vậy mà “Nhà nào tích thiện, tất có thừa phúc, nhà nào tích bất thiện, tất có thừa tai ương” (*Dư thanh*).

Hay như trong *Biểu lý thanh* nói sự tương đồng giữa *Kinh Lăng già* của Phật và *Kinh Dịch* của Nho: “Phật diễn giải *Kinh Lăng già*, cũng tức là cái sâu kín huyền ảo của *Kinh Dịch* vậy...”

Lại trong *Đồng thanh*, Ngô Thì Nhậm viết: “Trong *Kinh Dịch* có 64 quẻ mà chỉ cho quẻ Khốn được chữ *Trí mệnh*. *Kinh Lăng già* có tám thức mà chỉ cho *Ý thức* được chữ *Niết Bàn*. Nho không cho phép người ta coi nhẹ cái chết, Thích cũng không cho phép người ta coi nhẹ cái chết. Như vậy, *Ý thức* và cái *tượng* của quẻ Khốn giống nhau. Cái tượng của quẻ Khốn là nước nhỏ giọt ở dưới đầm, rồi nước chảy ra khỏi đầm. *Ý thức* như bể nổi gió, cuộn lên vô số đợt sóng, khiến cho quẻ Khốn không đến với *Trí mệnh* không được, *Ý thức* không đến với *Niết Bàn* không được. Vì vậy, Nho giả quý *Nghĩa tình nhân thực*, Thích giả quý *Trí mệnh ý cao*. Nếu nhân nghĩa không tình thực, trí ý không cao minh, không qua được cửa ải sinh tử, thì làm sao chế định được cái mệnh sinh tử của con người? Khổng Tử là chủ của tính mệnh, Phật Thích Ca Mâu Ni là khách của tính mệnh. Một đôi chủ khách ấy, có từ khi trời đất mới mở ra.” V.v...

Nêu ra mấy ví dụ trên đây là chưa tính đến mặt tích cực hay tiêu cực, và ý nghĩa của từng vấn đề của Phật và Nho, mà chỉ để thấy rõ Phật của phái Trúc Lâm với Nho, theo quan điểm của Ngô Thì Nhậm là một, đúng như lời Thanh dẫn cho *Nhất thanh* của Ngô

Thì Hoàng “Đem Nho và Thích đúc lại làm một, đó là chỗ tâm đắc và nhất quán của Đại thiên sư...” Tiến thêm một bước, Ngô Thì Nhậm cho rằng, sự nhất quán ấy là do Phật đã kế thừa từ Nho. Rằng “Phật Thích Ca Mâu Ni sinh sau Đế Thuấn Hữu Ngu thị, cho nên tiếp thu được cái phép phá ngục của Đế Thuấn, để mà cứu vớt chúng sinh” (*Thoát thanh*). Cũng như Phan Huy Ích đã nói trong lời đề tựa “Những luận thuyết *Tận tính nhi cùng lý, Khu Thích dĩ nhập Nho* của ông đã khiến cho Bát bộ Phạn vương (Phật) không vượt ra ngoài ngôi nhà và bức tường của Tổ vương” (Khổng Tử)...

Tóm lại, Phật trong *Đại chân Viên giác thanh* cũng giống như Nho là hành sự trong thực tiễn, không hoàn toàn yếm thế, lánh đời... Ở đây phần nào phản ánh được hiện trạng thực tại của Ngô Thì Nhậm lúc đó. Khi triều đình cần đến, Ngô Thì Nhậm sẵn sàng lặn lội vào kinh đô Phú Xuân tham góp vào công việc triều chính. Khi không ông lại trở về với Trúc Lâm Thiền viện ở Bắc Thành. Suốt trong thời kỳ Quang Toản nắm quyền, Ngô Thì Nhậm đã vài ba lần đi lại như thế...

Đôi điều cảm nhận trên đây, có thể có chỗ còn vu khoát, vì đề tài về Phật giáo không phải là thế mạnh của mình, nhận thức có thể chưa thật hoàn hảo...

*

* *

Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh trước đây đã ra mắt bạn đọc với tên *Thơ văn Ngô Thì Nhậm tập 1* (KHXXH – 1978), vẫn do chúng tôi chủ trương. Ở lần xuất bản ấy, có lược đi một số mục, và mục *Tam tổ hành trạng* cho là phần phụ, nên đưa xuống cuối sách, không theo đúng trật vốn có của nó. Lần này, đã bổ sung đầy đủ và theo đúng thứ tự trước sau của đề từng mục, chỉ có một mục là biểu đồ

vòng tròn, xung quanh ghi 24 thanh, cùng những ký hiệu của từng thanh ứng với các tiết trong năm, vì không xoay sở cho hợp lý để phiên âm và dịch nghĩa, nên chỉ có thể miêu tả như *Mục thứ 3*: “Nhị thập tứ thanh phối khí ứng sơn chi đồ” đã nêu ở phần trên.

Ngoài ra, ở mỗi một *Thanh* chúng tôi có thêm vào mục *Thanh dẫn*, *Thanh chú*... và tên người đảm nhiệm mục ấy, đặt trong móc vuông, như: [Thanh dẫn Ngô Thì Hoàng], [Hải Lượng Đại thiền sư], [Thanh chú 1]: Hải Âu Hoà thượng, [Thanh chú 2]: Hải Hoà tăng, để tiện việc theo dõi. Những chi tiết này có nói ở mục thứ 5, phần hai: *Vệ thanh tứ dục* (Bốn điều kiện cần thiết trợ giúp bảo vệ hộ vệ cho thanh) ở đầu sách, mà ở chính văn không nhắc lại.

Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh xuất bản lần này, được tiến hành phiên âm, phiên dịch, chú giải trên cơ sở của bản dịch cũ, mong muốn được hoàn thiện hơn. Nhưng khả năng của chúng tôi về mặt này có hạn, chắc hẳn còn có những khiếm khuyết, mong độc giả lượng thứ.

Hà Nội, tháng 11 – 2005



ẢNH 1: TRANG ĐẦU SÁCH TRÚC LÂM TÔNG
CHỈ NGUYÊN THANH (*Mất chữ Trúc đầu ảnh*)



ẢNH 2: ĐIỀU NGŨ GIÁC HOÀNG



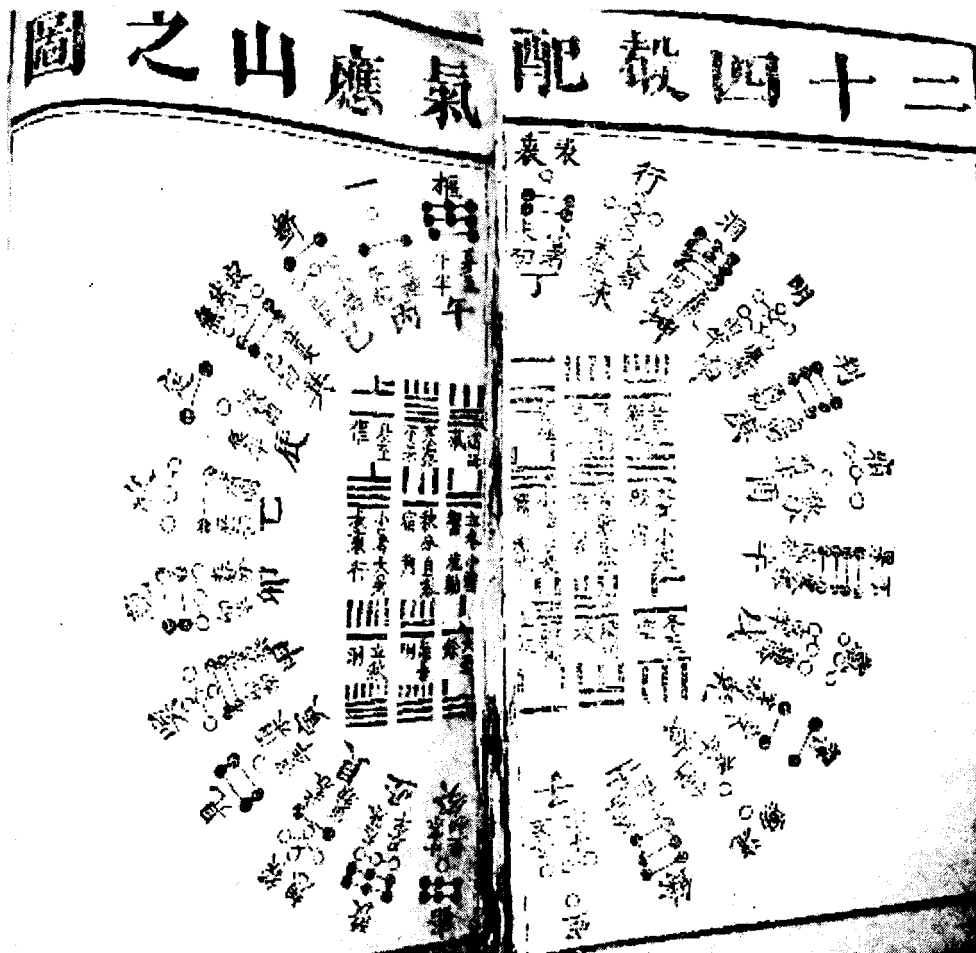
ẢNH 3: PHÁP LOA TÔN GIẢ



ẢNH 4: HUYỀN QUANG TÔN GIẢ



ẢNH 5: HẢI LƯỢNG THIÊN SƯ



ẢNH 6: HAI MƯƠI BỐN THANH PHỐI VỚI CÁC TIẾT TRONG NĂM

竹林大真圓覺聲序

聲以警動群聽，覺迷蒙而證慧悟，便是道常響于壞之間。蓋義理精蘊，著諸言話，猶之造化祕藏，發爲雷風。聲之意象大矣哉！

夫！道之大原出於天，流行於宇宙，見於萬物。同體異用，一本萬殊。其途轍若相岐，而統宗會元，到精切極至處，總不越這箇道理。

釋氏之教，雖曰空齋虛渺，大要蠲除鄣累，了悟真如。專以明心見性爲務，求之吾儒誠意致知之學，無甚違戾。聞之吾夫子曰：“西方有大聖人”。元未曾鄙斥梵端爲異也。

世之學者，膠於粗跡，日與梵家相矛盾，俾緇衲別成門戶，而吾道周流旁礴之，復有釋教分廷。是徒格閼事之末，非能研究旨趣之歸。鳩亡鴻曉又曷辨，意見既狹積習亦深且久。

我眷兄侍中大學士希尹公，博聞卓識，迥出 倫輩。涉履愈深，而造詣愈粹，三教九流，百家諸子，靡不搜剔得來，宜其襟宇完暢，足以揮斥萬有，融徹三玄。所著二十四聲，儘將梵語幽幻之處，公之梨棗，以示禪林。

自竹林三祖而後，崇風寥然。五百年前慧覺之旨，有新聲而始克發輝。竹林之徒，尊公爲第四宗，非泰也。公之新聲，吾徒見之，必有旁生議論：“昌黎道理從佛中來，象山主淨，流入於禪”。似此常套語公，豈足以知公耶？盡性而窮理，驅釋以入儒，使梵王八部，不出素王宮牆。斯聲也，寔扶道之元音，殆非茫昧無所執著之比，此可與知道者言之。

我與公形神相契，深得其所以作聲之意。輒敢弁數言于其端，請以質之明道君子。是爲序。

時皇阮第二帝景盛丙辰立冬前一日。

眷弟翊運功臣特進上大夫侍中御史瑞巖侯，別號葆真道人，又安潘輝益之裕敬題。

PHIÊN ÂM:

TRÚC LÂM ĐẠI CHÂN VIÊN GIÁC THANH TỰ

*Thanh dĩ cảnh động quần thính, giác mê mộng nhi chứng tuệ
ngộ, tiện thị đạo thường hưởng vu khung nhượng chi gian. Cái nghĩa
lý tinh uân, trước chư ngôn thoại, do chi tạo hoá bí tàng, phát vi lôi
phong. Thanh chi ý tượng đại hỷ tai!*

*Phù! Đạo chi đại nguyên xuất ư thiên, lưu hành ư vũ trụ, kiến
ư vạn vật. Đồng thể dị dụng, nhất bản vạn thù. Kỳ đồ triệt nhược
tương kỳ, nhi thông tông hội nguyên, đáo tinh thiết cực chí xứ, tổng
bất việt giá cá đạo lý.*

*Thích thị chi giáo, tuy viết không trai hư điều, đại yếu quyền
trừ chương luỹ, liễu ngộ chân như. Chuyên dĩ minh tâm kiến tính vi
vụ, cầu chi ngộ Nho thành ý trí tri chi học, vô thậm vi lệ. Văn chi ngộ
Phu tử viết: “Tây phương hữu đại thánh nhân.” Nguyên vị tăng bĩ xích
Phạn đoan vi dị dã.*

*Thế chi học giả, giao ư thô tích, nhật dữ Phạn gia tương mâu
thuẫn, tử truy nạp biệt thành môn hộ, nhi ngộ đạo chu lưu bàng bạc chi,
phục hữu Thích giáo phân đình. Thị đồ các hạch sự chi mật, phi năng
nghiên cứu chỉ thú chi quy. Cứu vong hồng hiêu hựu hạt biện, ý kiến ký
hiệp, tích tập diệc thâm thả cứu.*

*Ngã quyến huynh Thị trung đại học sĩ Hy Doãn Công, bác văn
trác thức, quỳnh xuất thâm bối. Thiệp lý dữ thâm, nhi tạo nghệ dữ tuý,
Tam giáo cửu lưu, Bách gia chư tử, my bất sưu dịch đắc lai, khởi kỳ
khâm vũ quỹ sương, túc dĩ huy xích vạn hữu, dung triệt tam huyền. Sở
trước nhị thập tứ thanh, tận tương Phạn ngữ u ảo chi xứ, phân triệt*

đoạn lạc, tấu hội điều tự tiết thứ, khoát khai tinh uẩn, công chi lê tảo, dĩ thị thiên lâm.

Tự Trúc Lâm Tam tổ nhi hậu, sùng phong liêu nhiên. Ngũ bách niên tiên tuệ giác chi chỉ, hữu tân thanh nhi thuỷ khắc phát huy. Trúc Lâm chi đồ, tôn công vi Đệ tứ tông, phi thái dã. Công chi tân thanh ngô đồ kiến chi, tất hữu bàng sinh nghị luận: “Xương Lê đạo lý, tông Phật trung lai, Tượng Sơn chủ tĩnh, lưu nhập ư Thiên.” Tự thử thường sáo ngữ công, khởi túc dĩ tri công da? Tận tính nhi cùng lý, khu Thích dĩ nhập Nho, sử Phạn vương bát bộ, bất xuất Tố vương cung tường. Tự thanh dã, thực phù đạo chi nguyên âm, đãi phi mang muối vô sở chấp trước chi tử, thử khả dĩ tri đạo giả ngôn chi.

Ngã dĩ Công hình thần tương kế, thâm đắc kỳ sở dĩ tác thanh chi ý. Triếp cảm biên sở ngôn vu kỳ đoan, thỉnh dĩ chất chi minh đạo quân tử. Thị vi tự.

Thời Hoàng Nguyễn đệ nhị đế Cảnh Thịnh Bính Thìn lập đông tiền nhất nhật.

Quyển đệ Dục vận công thân Đặc tiến thượng đại phu thị trung Ngự sử Thuy Nham hầu, biệt hiệu Bảo Chân đạo nhân, Nghệ An Phan Huy Ích chi dụ kính đề.

DỊCH NGHĨA:

LỜI TỰA

TRÚC LÂM ĐẠI CHÂN VIÊN GIÁC THANH⁽¹⁾

Tiếng là để đánh động cho quần sinh nghe, gọi những kẻ mê muội tỉnh dậy mà chứng kiến tuệ trí, tức là cái đạo thường vang vọng vào khoảng trời đất bất diệt. Có lẽ, cái tinh vi uẩn xúc của nghĩa lý được tỏ rõ

ra ở lời nói, còn do cái kín đáo của tạo hoá phát ra thành sấm gió. Vậy thì ý nghĩa và hình tượng của *tiếng* lớn lao lắm thay!

Kìa như! Cái lớn lao của Đạo, xuất phát từ trời, rồi lưu hành trong vũ trụ, thể hiện ra ở vạn vật. Tuy cái *thể* thì như nhau, nhưng cái *dụng* thì khác, cũng như cùng một gốc mà vạn cành riêng biệt. Đường đi của nó dường như khác nẻo, nhưng thâm tóm lại đến tận gốc, tới chỗ cực kỳ tinh vi thiết yếu, thì vẫn không vượt ra khỏi cái lý lẽ ấy.

Giáo lý của Thích Ca, tuy nói rằng “hư không tịch diệt,”⁽²⁾ nhưng điều cốt yếu nhất vẫn là làm sao trừ bỏ được mọi chướng lối, hiểu rõ được chân như,⁽³⁾ làm sao đến được với “minh tâm kiến tính,”⁽⁴⁾ tìm đến cái học “thành ý trí tri”⁽⁵⁾ của nhà Nho, mà không có điều gì trái ngược. Ta nghe đức Phu tử nói: “Tây phương có bậc đại thánh nhân.”⁽⁶⁾ Thế thì Phu tử vốn chưa hề chê bai đạo Phật là dị đoan bao giờ.

Học giả ở đời, hay chấp nê nông cạn, ngày càng mâu thuẫn với nhà Phật, khiến cho Nho và Phật thành ra môn hộ riêng, mà đạo Nho ta lưu hành rộng khắp, lại còn có phần sân của Thích giáo nữa. Như vậy chỉ là soi mói cái ngọn của sự việc, chứ không tìm tòi chỗ quy kết của tôn chỉ. Như thế khác nào chim cưu mất thì nhao nhao cãi là chim hồng, sao mà phân biệt cho được? Ý kiến đã hẹp hòi, thói quen tích tụ cũng lại càng sâu và lâu.

Ông anh vợ tôi, là Hy Doãn Công, quan Thị trung đại học sĩ, học thức cao rộng, hơn hẳn người thường. Kinh nghiệm đúc kết càng uyên thâm, sự nghiệp càng thêm tinh túy, Tam giáo cửu lưu,⁽⁷⁾ Bách gia chư tử⁽⁸⁾ không gì là không thâm tóm được đầy đủ, hợp với tấm lòng rộng lớn, đủ để điều khiển được muôn vật, nắm vững được Tam huyền.⁽⁹⁾ Bộ sách “Hai mươi bốn thanh âm” của ông soạn ra, đã đem hết những chỗ mà lời lẽ của nhà Phật còn lơ mờ huyền bí, chia cắt thành từng đoạn, thâm tóm,

tập hợp thành đầu mối theo thứ tự từng tiết, cho nên những gì là tinh túy, uẩn xúc đã được mở rộng ra, rồi đem công hành trên bản in, để tỏ rõ cho rừng Thiền được biết.

Sau Trúc Lâm Tam tổ thì phong khí nhà Thiền rất vắng lặng. Cái tôn chỉ của tuệ giác⁽¹⁰⁾ ở năm trăm về trước, nay đã có *Tân thanh* này lại bắt đầu được phát huy. Vì vậy, các đệ tử trong phái Trúc Lâm tôn ông làm Đệ tứ tông, điều đó không có gì là quá đáng. Thuyết *Tân thanh* của ông bọn tục Nho nghe thấy, chắc sẽ sinh ra nghị luận: “Lý lẽ của Xương Lê bài Phật,⁽¹¹⁾ sau lại theo Phật, Tượng Sơn⁽¹²⁾ chủ trương “tĩnh” rồi lại nhập vào dòng Thiền.” Dường như những lời ước đoán tầm thường như thế để phẩm bình ông thì làm sao đủ để đánh giá được sở học của ông! Những luận thuyết “Tận tính nhi cùng lý”⁽¹³⁾ “Khu Thích dĩ nhập Nho,”⁽¹⁴⁾ của ông đã khiến cho Bát bộ Phạn vương không vượt ra ngoài ngôi nhà và bức tường của Tố vương. Thế thì *Tân thanh* này chính là cái *thanh âm* đứng đầu để diu dặt Đạo lớn, hẳn không thể sánh với kẻ mù quáng hời hợt, mà chỉ có thể nói được với những ai biết Đạo mà thôi.

Tôi và ông “hình thần” hợp nhau, nên tôi hiểu sâu sắc được cái ý của ông làm ra *thanh* này, vậy mới dám dùng mấy lời để mào lên đầu sách. Xin chờ các bậc quân tử hiểu Đạo chỉ dẫn cho. Nay tựa.

Trước ngày lập đông năm Bính Thìn niên hiệu Cảnh Thịnh (1796) đời Đệ nhị đế, triều Hoàng Nguyễn.

Em rể: Dục vận công thần đặc tiến thượng đại phu Thị trung ngự sử, Thụy Nham hầu, biệt hiệu Bảo Chân đạo nhân, người Nghệ An, Phan Huy Ích Chi Dụ kính đề.

CHÚ THÍCH:

1. *Kinh Viên giác*: (Ganda Vjaha Tathagathaguna jnana) Kinh điển của Phật giáo Đại thừa. Viên giác nghĩa là giác ngộ hoàn toàn. Viên giác là một trong

Lục kinh phổ biến của Phật giáo Đại thừa (*Đại bát nhã, Kim cương, Duy ma cát, Lăng già, Viên giác, Lăng nghiêm*).

2.Hư vô tịch diệt: Phật giáo quan niệm hết thấy mọi hiện tượng đều không có thật (nhất thiết pháp hư vô). Có nghĩa là phủ nhận sự vật tồn tại.

3.Chân như: Chân là chân thực, không giả dối. Như là như thường không thay đổi. *Duy thức luận*: “Chân vị chân thực, hiển phí hư vọng. Như vị như thường, biểu vô biến dịch. Vị thử chân thực vu nhất thiết pháp, thường như kỳ tính, cố viết Chân như,” nghĩa là: “Chân là chân thực, rõ ràng không phải hư ảo. Như là như thường không thay đổi. Cho nên chân thực trong mọi hiện tượng, không thay đổi bản tính gọi là Chân như.”

4.Minh tâm kiến tính: Từ nhà Phật, có nghĩa là nhìn được triệt để bản tính tự tâm.

5.Thành ý trí tri: Sách *Đại học* ghi cái gọi là 8 điều cương mục: Cách vật, trí tri, thành ý, chính tâm, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ.

6.Tây phương: Chỉ Ấn Độ. Phan Huy Ích ghi là: “Tây phương hữu đại thánh nhân” (Tây phương có bậc đại thánh nhân). Sách *Liệt sử*, thiên *Trọng Ni*: “Tây phương chi nhân hữu Thánh giả yên” (Người phương Tây có bậc thánh nhân).

7.Tam giáo: Nho, Phật, Lão. Cửu lưu là chín học phái thời Chiến Quốc như Nho, Đạo, Âm dương, Pháp, Danh, Mặc, Tung hoành, Tạp, Nông.

8.Bách gia chư tử: Chỉ chung các học giả kể từ thời tiên Tần.

9.Tam huyền: Là ba bộ sách triết lý gồm *Chu dịch, Đạo đức kinh, Thái huyền*.

10.Tuệ giác: Từ nhà Phật, chỉ sự hiểu biết, giác ngộ.

11.Xương Lê: Túc Hàn Dũ (768 - 824), người đời Đường, Trung Quốc, từng có chủ trương bài Phật.

12. Tượng Sơn: Túc Lục Cửu Uyên (1139 - 1192), người đời Tống.

13. Tận tính nhi cùng lý: Thấu triệt được thiên tính hiểu rõ được thiên lý.

Trình Hạo di thư q.182: “Cùng lý, tận tính, chí mệnh, chỉ thị nhất sự,” nghĩa là “cùng lý, tận tính, chí mệnh, chỉ là một.”

14. Đưa đạo Phật vào đạo Nho.

語錄

調御覺皇

調御覺皇，陳朝仁宗皇帝，在位十四年，兩敗元人，後遜位于英宗，住持安子山，自号竹林大士，築寤語院，與眾頭陀說法。滅度臥雲庵。僧众尊為竹林第一祖。偈云：

九重法門

皇帝大士

欲識調御

不識者是

法螺尊者

法螺尊者，別號乘來，海陽南策人，有道骨，少好學，默會如來宗旨。時調御覺皇遜位出家，得法

螺歸來，乃出歡喜，攜上山說法，相與講傳燈錄，園家僧徒等尊爲竹林第二祖。偈云：

乃譜憑顯

靈龍靈蛇

變幻無窮

我祖法螺

玄光尊者

玄光尊者李道載，京北嘉定人，天資明爽，早悟禪理，舉陳朝三教狀元，棄家求道，從調御覺皇，住持安山中，示寂後，徒弟尊爲竹林第三祖。偈云：

大覺人天

南度三傳

契悟空虛

出之又玄

海量大禪師

海量大禪師，侍中尚書希尹公法號也，公巡南青威人，家一業儒，晚好釋典，推尊三祖，著大真圓覺聲，獨得如來正法眼藏，其徒尊爲竹林第四祖。偈云：

發心地

覺姓今楷

誰公與歸

竹林三祖

左伴僧字海和謹識。

PHIÊN ÂM:

NGŨ LỤC

Điều Ngự Giác Hoàng

Điều Ngự Giác Hoàng, Trần triều Nhân Tông Hoàng đế, tại vị thập tứ niên, lưỡng bại Nguyên nhân, hậu tôn vị vu Anh Tông, trú trì An Tử sơn, tự hiệu Trúc Lâm Đại Sĩ, trú Ngộ Ngũ viện, dữ chúng đầu đà thuyết pháp, diệt độ Ngọa Vân am, tăng chúng tôn vị Trúc Lâm đệ nhất tổ. Kệ vân:

Cửu trùng pháp môn,

Hoàng đế Đại Sĩ.

Dục thức Điều Ngự,

Bất thức giả thị.

Pháp Loa tôn giả

Pháp Loa tôn giả, biệt hiệu Thừa Lai, Hải Dương Nam Sách nhân, hữu đạo cốt, thiếu hiếu học, mặc hội Như Lai tông chỉ. Thời Điều Ngự Giác Hoàng tôn vị xuất gia, đắc Pháp Loa quy lai, nãi xuất hoan hỷ, huê thượng sơn thuyết pháp, tương dữ giảng Truyền đăng lục, viên gia tăng đồ đẳng tôn vị Trúc Lâm đệ tam tổ. Kệ vân:

Nãi phổ bằng hiển,

Linh long linh xà.

Biến ảo vô cùng,

Ngã tổ Pháp Loa.

Huyền Quang tôn giả

Huyền Quang tôn giả Lý Đạo Tái, Kinh Bắc Gia Định nhân, thiên tư minh sáng, tảo ngộ Thiên lý, cử Trần triều Tam giáo Trạng nguyên, khi gia cầu đạo, tông Điều Ngự Giác Hoàng, trú trì An Tử sơn trung, thị tịch hậu, đồ đệ tôn vi Trúc Lâm đệ tam tổ. Kệ vân:

Đại giác nhân thiên,

Nam độ tam truyền.

Khế ngộ không hư,

Xuất chi hựu huyền.

Hải Lượng Đại thiên sư

Hải Lượng Đại thiên sư, Thị trung Thượng thư Hy Doãn Công pháp hiệu dã. Công tuần nam Thanh Uy nhân, gia nhất nghiệp Nho, văn hiếu Thích điển, suy tôn Tam tổ, trước Đại chân viên giác thanh, độc đắc Như Lai chính pháp nhãn tạng, kỳ đồ đệ tôn vi đệ tứ tông. Kệ vân:

Đạo tâm không địa,

Giác tính kim khổ.

Thùy dữ Công quy,

Trúc lâm Tam tổ.

Tả bạn tăng tự Hải Hoà cần thức.

DỊCH NGHĨA:

NGŨ LỤC

Điều Ngự Giác Hoàng

Điều Ngự Giác Hoàng là Hoàng đế Nhân Tông triều Trần, ở ngôi 14 năm, hai lần đánh thắng người Nguyên, sau nhường ngôi cho Anh Tông, trụ trì tại núi Yên Tử, tự đặt tên hiệu là Trúc Lâm Đại Sĩ, dựng viện Ngộ ngữ, cùng thuyết pháp với các đầu đà, mất ở am Ngoạ Vân, tăng chúng tôn làm Trúc Lâm đệ nhất tổ. Kệ rằng:

Cửa pháp chín tầng,

Nơi Đại Sĩ ở.

Muốn hỏi Điều Ngự,

Biết được không dễ.

Pháp Loa tôn giả

Pháp Loa tôn giả, biệt hiệu Thừa Lai, người Nam Sách tỉnh Hải Dương. Từ nhỏ hiếu học, có đạo cốt, hiểu rõ tôn chỉ của Phật Như Lai. Khi Điều Ngự Giác Hoàng nhường ngôi xuất gia, gặp Pháp Loa đưa về, lòng rất mừng vui, dấy lên núi thuyết pháp, cùng nhau giảng *Truyền đăng lục*, tăng chúng trong viện, bèn đồ đệ tôn làm Trúc Lâm đệ nhị tổ. Kệ rằng:

Hiển hiện rộng khắp,

Linh thiêng long xà.

Biển ảo vô cùng,

Tổ ta Pháp Loa.

Huyền Quang tôn giả

Huyền Quang tôn giả Lý Đạo Tái, người huyện Gia Định, Kinh Bắc, thiên tư thông minh, sớm giác ngộ lẽ đạo Thiên, đỗ khoa Tam giáo triều Trần, bỏ nhà đi học đạo, theo Điều Ngự Giác Hoàng, trụ trì trong núi Yên Tử, sau khi qua đời, đồ đệ tôn làm Trúc Lâm đệ tam tổ. Kệ rằng:

Đại giác người tiên,
Cõi Nam lưu truyền.
Hư không giác ngộ,
Xuất gia diệu huyền.

Hải Lượng Đại thiện sư

Hải Lượng Đại thiện sư, pháp hiệu là Thị trung Thượng thư Hi Doãn Công. Công làm quan nước Nam, người Thanh Oai, nhà chỉ theo nghiệp Nho, về cuối đời yêu thích đạo Phật, đã suy tôn ba vị Tam tổ, làm ra *Đại chân viên giác thanh*, riêng đạt được pháp nhãn của Phật Như Lai, đem cất giữ, đồ đệ tôn làm Trúc Lâm đệ tứ tông. Kệ rằng:

Lòng đạo vắng không,
Nay đã giác ngộ.
Ông về cùng ai,
Trúc Lâm Tam tổ.

Tả bạn tặng, tự Hải Hoà kính dâng.

相聲二十四菩薩

空聲相: 南無空空觀心世音菩薩。

寤聲相: 南無寤現攸菩薩觀世音菩薩。

殷聲相: 南無殷遊諸國土度脫眾生觀世音菩薩。

發想聲相: 南無發相具不可思議威神觀世音菩薩。

見聲相:南無若欲見佛當與見佛觀世音菩薩。

喚聲相:南無喚速令聲聞證果觀世音菩薩。

說聲相:南無說能令地獄門開罪人解脫觀世音菩薩。

收聲相:南無收所有眷屬和順觀世音菩薩。

定聲相:南無定與我速得戒定道觀世音菩薩。

寂然無聲相:南無寂然無無爲心觀世音菩薩。

斷聲相:南無斷聲無染心觀世音菩薩。

一聲相:南無一一切妙具皆自莊嚴觀世音菩薩。

樞聲相:南無樞禪定藏觀世音菩薩。

表裏聲相:南無所聞正法悟甚深義觀世音菩薩。

行聲相:南無行能令國還政治觀世音菩薩。

洞聲相:南無不爲非自分害死觀世音菩薩。

明聲相:南無明普明照世間觀世音菩薩。

判聲相:南無判以實觀眾生觀世音菩薩。

宿聲相:南無宿常住藏觀世音菩薩。

不果聲相:南無不果得如是意觀世音菩薩。

藏聲相:南無藏觀世音心秘密與願觀世音菩薩。

嚮聲相:南無嚮聞其音聲而得解脫觀世音菩薩。

流動聲相: 南無流動具神通力觀世音菩薩。

餘聲相: 南餘令四果得果觀世音菩薩。

PHIÊN ÂM:

TƯỚNG THANH NHỊ THẬP TỬ BỒ TÁT

Không thanh tướng: Nam mô không quan tâm Quan Thế Âm bồ tát.

Ngộ thanh tướng: Nam mô Ngộ hiện du bồ tát Quan Thế Âm bồ tát.

*Ẩn thanh tướng: Nam mô Ẩn du chư quốc thổ độ thoát chúng sinh
Quan Thế Âm bồ tát.*

*Phát tướng thanh tướng: Nam mô Phát tướng cụ bất khả tư nghị
uy thần Quan Thế Âm bồ tát.*

*Kiến thanh tướng: Nam mô nhược dục kiến Phật đương dữ kiến
Phật Quan Thế Âm bồ tát.*

*Hoán thanh tướng: Nam mô Hoán tốc kim thanh văn chứng quả
Quan Thế Âm bồ tát.*

*Thuyết thanh tướng: Nam mô Thuyết năng kim địa ngục môn
khai tội nhân giải thoát Quan Thế Âm bồ tát.*

*Thu thanh tướng: Nam mô Thu sở hữu quyền thuộc hoà thuận
Quan Thế Âm bồ tát.*

*Định thanh tướng: Nam mô Định dữ ngã tốc đắc giới định đạo
Quan Thế Âm bồ tát.*

*Tịch nhiên vô thanh tướng: Nam mô Tịch nhiên vô vô vi tâm
Quan Thế Âm bồ tát.*

*Trác thanh tướng: Nam mô Trác thanh vô nhiễm tâm Quan Thế
Âm bồ tát.*

Nhất thanh tướng: Nam mô Nhất nhất thiết diệu cụ giai tự trang nghiêm Quan Thế Âm bồ tát.

Xu thanh tướng: Nam mô Xu thiên định tàng Quan Thế Âm bồ tát.

Biểu lý thanh tướng: Nam mô sở văn chính pháp ngộ thâm thâm nghĩa Quan Thế Âm bồ tát.

Hành thanh tướng: Nam mô Hành năng kim quốc hoàn chính trị Quan Thế Âm bồ tát.

Đồng thanh tướng: Nam mô bất vi phi tự phận hại tử Quan Thế Âm bồ tát.

Minh thanh tướng: Nam mô Minh phổ minh chiếu thế gian Quan Thế Âm bồ tát.

Phán thanh tướng: Nam mô Phán dĩ thực quan chúng sinh quan thế âm bồ tát.

Túc thanh tướng: Nam mô Túc thường trú tàng Quan Thế Âm bồ tát.

Bất quả thanh tướng: Nam mô Bất quả đắc như thị ý Quan Thế Âm bồ tát.

Tàng thanh tướng: Nam mô Tàng Quan Thế Âm tâm bí mật dữ nguyện Quan Thế Âm bồ tát.

Hưởng thanh tướng: Nam mô Hưởng văn kỳ âm thanh nhi đắc giải thoát Quan Thế Âm bồ tát.

Lưu động thanh tướng: Nam mô Lưu động cụ thân thông lực Quan Thế Âm bồ tát.

Dư thanh tướng: Nam mô Dư lệnh tử quả đắc quả Quan Thế Âm bồ tát.

DỊCH NGHĨA:

HAI MƯƠI BỐN VỊ BỒ TÁT CỦA TƯỚNG THANH

Tướng của Không thanh (tiếng Không) là: Nam mô Không không quan tâm Quan Thế Âm bồ tát (Nam mô Quan Thế Âm bồ tát, tiếng Không trong lòng trống không).

Tướng của Ngộ thanh (tiếng Thúc) là: Nam mô Ngộ hiện du bồ tát Quan Thế Âm bồ tát (Nam mô Quan Thế Âm bồ tát, tiếng Ngộ thúc tỉnh hiện ra bồ tát).

Tướng của Ẩn thanh (tiếng Âm) là: Nam mô Ẩn du chư quốc thổ độ thoát chúng sinh Quan Thế Âm bồ tát (Nam mô Quan Thế Âm bồ tát, tiếng Ẩn vang ruổi khắp quốc thổ cứu độ chúng sinh thoát khỏi bến mê).

Tướng của Phát tướng thanh (tiếng Phát tướng) là: Nam mô Phát tướng cụ bất khả tư nghị uy thần Quan Thế Âm bồ tát (Nam mô Quan Thế Âm bồ tát, tiếng Phát tướng đều không thể nghĩ bàn đến uy thần).

Tướng của Kiến thanh (tiếng Thấy) là: Nam mô nhược dục kiến Phật đương dữ kiến Phật Quan Thế Âm bồ tát (Nam mô Quan Thế Âm bồ tát, nếu như muốn thấy Phật thì nên cùng thấy Phật).

Tướng của Hoán thanh (tiếng Gọi) là: Nam mô Hoán tốc kim thanh văn chứng quả Quan Thế Âm bồ tát (Nam mô Quan Thế Âm bồ tát, tiếng Hoán cấp tốc gọi nay nghe chứng quả).

Tướng của Thoát thanh (tiếng Thoát) là: Nam mô Thoát năng kim địa ngục môn khai tội nhân giải thoát Quan Thế Âm bồ tát (Nam mô Quan Thế Âm bồ tát, tiếng Thoát nay có thể mở cửa địa ngục giải thoát người có tội).

Tướng của Thu thanh (tiếng Thu) là: Nam mô thu sở hữu quyền thuộc hoà thuận Quan Thế Âm bồ tát (Nam mô Quan Thế Âm bồ tát tiếng Thu có thể làm cho họ hàng thân thích thuận hoà).

Tướng của Định thanh (tiếng Định) là: Nam mô Định dữ ngã tốc đắc giới định đạo Quan Thế Âm bồ tát (Nam mô Quan Thế Âm bồ tát, tiếng Định cùng ta mau được giới định).

Tiếng Tịch nhiên vô thanh (tiếng Lặng lẽ không có tiếng) là: Nam mô Tịch nhiên vô vô vi tâm Quan Thế Âm bồ tát (Nam mô Quan Thế Âm bồ tát, tiếng Tịch nhiên vô thanh không để trong lòng).

Tướng của Trác thanh (tiếng Đẽo) là: Nam mô Trác thanh vô nhiễm tâm Quan Thế Âm bồ tát (Nam mô Quan Thế Âm bồ tát, tiếng Trác không nhiễm vào lòng).

Tướng Nhất thanh (tiếng Nhất) là: Nam mô Nhất nhất thiết diệu cụ giai tự trang nghiêm Quan Thế Âm bồ tát (Nam mô Quan Thế Âm bồ tát, tiếng Nhất tất cả đủ kỳ diệu đều trang nghiêm).

Tướng của Xu thanh (tiếng Chốt) là: Nam mô Xu thiên định tàng Quan Thế Âm bồ tát (Nam mô Quan Thế Âm bồ tát, tiếng Xu dấu đi thiên định).

Tướng của Biểu lý thanh (tiếng Ngoài trong) là: Nam mô sở văn chính pháp ngộ thậm thâm nghĩa Quan Thế Âm bồ tát (Nam mô Quan Thế Âm bồ tát, được nghe ý nghĩa của chính pháp ngộ đạo càng sâu).

Tướng của Đồng thanh (tiếng Trong suốt) là: Nam mô bất vi phi tự phạm hại tử Quan Thế Âm bồ tát (Nam mô Quan Thế Âm bồ tát, không làm điều gì không thuộc phạm sự mình hại chết người).

Tướng của Minh thanh (tiếng Sáng) là: Nam mô Minh phổ minh chiếu thế gian Quan Thế Âm bồ tát (Nam mô Quan Thế Âm bồ tát, tiếng Minh soi sáng khắp thế gian).

Tướng của Phán thanh (tiếng Quyết đoán) là: Nam mô Phán dĩ thực quan chúng sinh Quan Thế Âm bồ tát (Nam mô Quan Thế Âm bồ tát, tiếng Phán thực sự xem xét chúng sinh).

Tướng của Túc thanh (tiếng Quy túc) là: Nam mô Túc thường trú tàng Quan Thế Âm bồ tát (Nam mô Quan Thế Âm bồ tát, tiếng Túc thường được dấu kín).

Tướng của Bất quả thanh (tiếng Không thành) là: Nam mô Bất quả đắc như thị ý Quan Thế Âm bồ tát (Nam mô Quan Thế Âm bồ tát, tiếng Bất quả được như ý muốn).

Tướng của Tàng thanh (tiếng Ẩn giấu) là: Nam mô Tàng Quan Thế Âm tâm bí mật dĩ nguyện Quan Thế Âm bồ tát (Nam mô Quan Thế Âm bồ tát, tiếng Tàng trong lòng Quan Thế Âm giữ kín cùng ý nguyện).

Tướng của Hưởng thanh (tiếng Vang) là: Nam mô Hưởng văn kỳ âm thanh nhi đắc giải thoát Quan Thế Âm bồ tát (Nam mô Quan Thế Âm bồ tát tiếng Hưởng nghe được âm thanh của nó thì được giải thoát).

Tướng của Lưu động thanh (tiếng Lưu động) là: Nam mô Lưu động cụ thân thông lực Quan Thế Âm bồ tát (Nam mô Quan Thế Âm bồ tát, tiếng Lưu động đủ sức cho thân thông).

Tướng của Dư thanh (tiếng Thừa) là: Nam mô Dư lệnh tứ quả đắc quả Quan Thế Âm bồ tát (Nam mô Quan Thế Âm bồ tát, tiếng Dư khiến cho tứ quả được thành chứng quả).

竹林宗旨元聲綜

護聲四則

序一: 聲首

圖二: 聲含

行三: 聲頸

跋四: 聲尾

衛聲四翼

聲註:

海鷗 和尚武楨原參知政事，蘭池 侯，良才春蘭人。

海和 左伴僧阮登隄原丁未科黃甲，香嶺伯，嘉定香象人。

聲引:

上足弟子海玄吳時儻大禪師親弟，住持竹林禪院，青威左青威人。

聲叩:

白足弟子海顛阮倓前參從春郡公之孫，宜春僊田人。

PHIÊN ÂM:

TRÚC LÂM TÔNG CHỈ NGUYÊN THANH TÔNG

HỘ THANH TỬ TẮC

Tự nhất: Thanh thủ

Đồ nhị: Thanh hàm

Hành tam: Thanh cảnh

Bạt tứ: Thanh vĩ

VÊ THANH TỬ DỤC

Thanh chú:

-Hải Âu hoà thượng Vũ Trinh: Nguyên Tham tri chính sự, Lan Trì hầu, Lương Tài Xuân Lan nhân.

-Hải Hoà tả ban tểng Nguyễn Đăng Sở: Nguyên Đình Vị khoa Hoàng giáp, Hương Lĩnh bá, Gia Định Hương Triện nhân.

Thanh dẫn:

Thượng túc đệ tử Hải Huyền Ngô Thì Hoàng: Đại thiên sư thân đệ, trụ trì Trúc Lâm thiền viện, Thanh Uy Tả Thanh Uy nhân.

Thanh khấu:

Bạch túc đệ tử Hải Điền Nguyễn Viêm: Tiền Tham thung tụng Xuân quận công chi tôn, Nghi Xuân Tiên Điền nhân.

DỊCH NGHĨA:

TÔNG (ĐẦU MỐI) CỦA TRÚC LÂM TÔNG CHỈ NGUYÊN THANH

BỐN CHUẨN TẮC HỖ TRỢ CHO THANH

Thứ nhất là Bài tựa: Thanh thủ (Đầu Thanh).

Thứ hai là đồ hoạ: Thanh hàm (Hàm Thanh).

Thứ ba là Hành trạng: Thanh cảnh (Cổ Thanh).

Thứ tư là Bạt: Thanh vĩ (Đuôi Thanh).

BỐN ĐIỀU KIỆN TRỢ GIÚP BẢO VỆ THANH

Thanh chú (Chú giải cho Thanh):

-Hải Âu hoà thượng Vũ Trinh: Nguyên Tham tri chính sự, tước Lan Trì hầu, người xã Xuân Lan, huyện Lương Tài (Bắc Ninh).

-Hải Hoà tả ban tăng Nguyễn Đăng Sở: Nguyên Đình Vị khoa Hoàng giáp, tước Hương Lĩnh bá, người xã Hương Triện huyện Gia Định (Bắc Ninh).

Thanh dẫn (Dẫn dắt cho Thanh):

Thượng Túc đệ tử Hải Huyền Ngô Thì Hoàng: Em trai của Đại thiên sư, trụ trì tại Thiền viện Trúc Lâm, người xã Tả Thanh Oai huyện Thanh Oai (nay Tả Thanh Oai, Hà Nội).

Thanh khẩu (Gõ mõ khấn Thanh):

Bạch Túc đệ tử Hải Điền Nguyễn Viêm: Là cháu nội quan Tiên Tham thung tụng, tước Xuân quận công, người xã Tiên Điền huyện Nghi Xuân (Hà Tĩnh).

* * *

三祖行狀

第一行

調御覺皇爲太子時，嘗從聖宗駕幸安子山，求避位入山，帝不許。既即位，日與大燈、惠中講究佛典。內禪後，銳意投禪，自號調御頭陀，遍遊諸道，除淫祠施法藥。得法螺來歸，帝喜其有道骨，攜上山謂曰：

啼鳥血流無用處，

西山依舊暮雲橫。

法螺進曰：

萬里雲收時如何？

曰：雨漫漫！

曰：萬里雲鎖時如何？

曰：月皎皎！

又問：如何三十二相，八十種好？

曰：若以色見我，以聲音求我，是人行邪道，不能見如來。

問：如何是佛？

曰：碓下糟糠！

問：如何是祖師西來意？

曰：同坑無異土。

問：有句無句，如藤倚樹，時如何？

帝曰：

有句無句，

藤枯樹倒。

幾箇衲僧，

撞頭嗑藤。

有句無句，

體露金風。

兢伽沙數，

犯刃傷鋒。

有句無句，

立宗立旨。

打馬鑽龜，

登山涉水。

有句無句，

非有非無。

刻舟求劍，

索驥按圖。

有句無句，

互不回互。

笠雪靴花，

守株待兔。

有句無句，

自古自今。

執指忘月，

平地陸沈。

有句無句，

如是如是。

八字打開，

全無巴鼻。

有句無句，

顧左側右。

阿刺刺地，

鬧𦉰𦉰地。

有句無句，

忉忉怛怛。

截斷葛藤，

彼此快活。

法螺得心印，帝乃砌開堂住持，爲講傳登錄。既而屏卻淨人，及三寶奴，與俱上紫宵庵，傍築石室寤語院。惟上足弟子寶殺侍焉。帝遍行諸巖，寶殺白曰：

尊德春秋高邁，而衝冒霜雪，其如佛法命脈何？

帝答曰：

將來時至矣，欲作長往計耳。興隆十六年十月初五日，天瑞公主家僮，上山奏曰：

天瑞病篤，願得見調御。

帝喟然曰：

時節而已矣。

乃拄策而下，惟侍者一人隨行。十日至京，十五日付囑了還山，宿超類寺。絕早部行，至古法鄉寺，帝自題云：

世數一息默，

時情兩海銀。

魔宮渾管甚，

佛國不勝春。

十七日宿崇嚴寺，宣慈皇太后，請就平陽庵設齋。帝欣然曰：

此是最後供也。

乃受之。十八日，又步行至安生奇特峰秀林寺。

覺頭痛，乃謂子滿、完中二僧曰：

吾欲上臥雲峰而腳力不能奈何？

二僧應曰：

弟子能助矣。

纔至臥雲，謝二僧：

快下山脩行去，切勿以生死爲閒事。

十九日差侍者法空上紫宵庵，逐寶殺速來。寶殺去至瀛泉，見黑雲一陣，從臥雲峰過磊山，至泉下，大水暴漲高數丈餘，兩眼如星，須臾而沒。

二十一日至臥雲，帝見來囑爾曰：

吾將去矣，汝來何晚乎？汝於佛法有甚處未了，速向將來！

寶殺曰：

日面佛月面佛，音旨如何？

帝厲聲曰：

五帝三王是何？

對曰：

只如花簇簇，南地竹兮北地木，又怎麼生？

帝曰：

瞎卻爾眼剎便休！

數日天地晦冥，暴風大作，雨雪擁木，猿猴繞庵，山禽哀鳴。十二月初一日夜，明星朗然，帝曰：

此何時也？

寶殺答曰：子時。

帝以手撥開窗牖視之曰：

是吾時也！

寶殺曰：

調御何處去？

帝曰：

一切法不生，一切法不滅，若能如是解，諸佛嘗現前，何去來之有也。

言迄，乃獅子臥，崩於山庵。法螺尊遺囑，奉玉骸入火壇，得舍利一千粒以歸。英宗以一分舍利葬德陵，一分鎮其山之金塔，遍脩山寺，安金像事之。

課虛集所記我調御出離陳俗，捨王宮，坐御山門，儼然常住，山門龍洞寺也。

PHIÊN ÂM:

TAM TỔ HÀNH TRẠNG

ĐỀ NHẤT HÀNH

Điều Ngự Giác Hoàng vi Thái tử thời, thường tông Thánh Tông giá hạnh An Tử sơn, cầu ty vị nhập sơn, đế bất hứa. Ký tức vị, nhật dữ Đại Đăng Tuệ Trung giảng cứu Phật điển. Nội thiên hậu, nhuệ ý đầu thiên, tự hiệu Điều Ngự Đầu Đà, biến du chư đạo, trừ dân từ thi pháp được. Đắc Pháp Loa lai quy, đế hỷ kỳ hữu đạo cốt, huê thượng sơn vị viết:

Đề điều huyết lưu vô dụng xứ,

Tây sơn y cứu mộ vân hoành.

Pháp Loa tiến viết:

Vạn lý vân thu thời như hà?

Viết: Vũ mạn mạn!

Viết: Vạn lý vân toả thời như hà?

Viết: Nguyệt kiều kiều!

Hữu vấn: Như hà tam thập nhị tướng, bát thập chủng hảo?

Viết: Nhược dĩ sắc kiến ngã, dĩ thanh âm cầu ngã, thị nhân hành tà đạo, bất năng kiến Như Lai.

Vấn: Như hà thị Phật?

Viết: Đối hạ tao khang!

Vấn: Như hà thị tổ sư tây lai ý?

Viết: Đồng khanh vô dị thổ.

Vấn: Hữu cú vô cú, như đăng ý thụ, thời như hà?

Đế viết:

Hữu cú vô cú,

Đăng khô thụ đảo.

Kỷ cá nạp tăng,

Chàng đầu hạp đăng.

Hữu cú vô cú,

Thế lộ kim phong.

Căng Già sa số,

Phạm nhận thương phong.

Hữu cú vô cú,

Lập tông lập chỉ.

Đả mã toàn quy,

Đăng sơn thiệp thủy.

Hữu cú vô cú.

Phi hữu phi vô.

Khắc chu câu kiếm,

Sách ký án đồ!

Hữu cú vô cú,

Hỗ bất hồi hồ.

Lập tuyết ngoa hoa,

Thủ chu đái miễn.

Hữu cú vô cú,

Tự cổ tự kim.

Chấp chỉ vong nguyệt,

Bình địa lục trầm.

Hữu cú vô cú,

Như thị như thị.

Bát tự đả khai.

Toàn vô ba ty.

Hữu cú vô cú,

Cố tả trắc hữu.

A thích thích địa,

Náo hao hao địa.

Hữu cú vô cú,

Đao đao đất đất.

Tiệt đoạn cát đằng,

Bỉ thử khoái hoạt.

*Pháp Loa đắc tâm ấn, đế nãi thiết khai đường trụ trì, vi giảng
Truyền đăng lục. Ký nhi bình khước tịnh nhân, cập Tam bảo nô, dữ*

câu thượng Tử Tiêu am, bàng trúc thạch thất Ngô Ngữ Viện. Duy thượng túc đệ tử Bảo Sái thị yên. Đế biến hành chư nham, Bảo Sái bạch viết:

Tôn đức xuân thu cao mai, nhi xung mạo sương tuyết, kỳ như Phật pháp mệnh mạch hà?

Đế đáp viết:

Tương lai thời chí hỹ, dục tác trường vãng kế nhĩ.

Hưng Long thập lục niên thập nguyệt sơ ngũ nhật, Thiên Thuy công chủ gia đồng, thượng sơn tấu viết:

Thiên Thuy bệnh đốc, nguyện đắc kiến Điều Ngự.

Đế vị nhiên viết:

Thời tiết nhi dĩ hỹ.

Nãi thượng sách nhi hạ, duy thị giả nhất nhân tùy hành. Thập nhật chí kinh, thập ngũ nhật phó chúc liễu hoàn sơn, túc Siêu Loại tự. Tuyết tạo bộ hành, chí Cổ Pháp hương tự, đế tự đề vân:

Thế số nhất túc mặc,

Thời tình lưỡng hải ngân.

Ma cung hồn quản thậm,

Phật quốc bất thăng xuân.

Thập thất nhật túc Sùng Nghiêm tự, Tuyên Từ Hoàng Thái Hậu, thỉnh tự Bình Dương am thiết trai. Đế hân nhiên viết:

Thử thị tối hậu cúng dã!

Nãi thụ chi. Thập bát nhật, hựu bộ hành chí An Sinh Kỳ Đặc phong Tú Lâm tự. Giác đầu thống, nãi vị Tử Man Hoàn Trung nhị tăng viết:

Ngô dục thương Ngoạ Vân phong nhi cước lực bất năng nại hà?

Nhị tăng ứng viết:

Đệ tử năng trợ hỷ.

Tài chí Ngoạ Vân, tạ nhị tăng:

Khoái hạ sơn tu hành khứ, thiết vật dĩ sinh tử vi nhân sự.

Thập cửu nhật sai thị giả Pháp Không thương Tử Tiêu am, trực Bảo Sái tóc lai. Bảo Sái khứ chí Doanh tuyến, kiến hắc vân nhất trận, tùng Ngoạ Vân phong quá Lỗi sơn, chí tuyến hạ, đại thủy bạo trường cao sở trượng, ký nhi phục bình. Kiến nhị long đầu đại như mã, cử đầu cao trượng dư, lưỡng nhân như tinh, tu du nhi một.

Nhị thập nhất nhật chí Ngoạ Vân, đế kiến lai hoản nhĩ viết:

Ngô tương khứ hỷ, nhữ lai hà vân hô? Nhữ ư Phật pháp hữu thậm xứ vị liễu, tốc hướng tương lai!

Bảo Sái viết:

Nhật diện Phật nguyệt diện Phật, âm chỉ như hà?

Đế lệ thanh viết:

Ngũ Đế Tam Vương thị hà?

Đối viết:

Chỉ như hoa thốc thốc hê cầm thốc thốc, nam địa trúc hê bắc địa mộc, hựu chấm ma sinh!

Đế viết:

Hạt khước nhĩ nhân sát tiện hưu!

Sổ nhật thiên địa hồi minh, bạo phong đại tác, vũ tuyết ủng mộc, viên hầu nhiều am, sơn cầm ai minh. Thập nhị nguyệt sơ nhất nhật dạ, minh tinh lãng nhiên, đế viết:

Thử hà thời dã?

Bảo Sái đáp viết: Tỷ thời.

Đế dĩ thử bát khai song dã thị chi viết:

Thị ngô thời dã!

Bảo Sái viết: Điều Ngự hà xử khứ?

Đế viết: Nhất thiết pháp bất sinh, nhất thiết pháp bất diệt. Nhược năng như thị giải, chư Phật thường hiện tiền, hà khứ lai chi hữu dã.

Ngôn hát nãi sư tử ngoạ băng ư sơn am. Pháp Loa tôn di chúc, phụng ngọc hài nhập hoả đàn, đắc xá lị nhất thiên lạc dĩ quy. Anh Tông dĩ nhất phân xá lị táng Đức lãng, nhất phân trấn kỳ sơn chi kim tháp, biên tu sơn tự, an kim tượng sự chi.

Khoá hư tập sở ký: Ngã Điều Ngự xuất ly trần tục, khí xả vương cung, toạ ngự Sơn môn, nghiêm nhiên thường trụ, sơn môn Long Động tự dã.

DỊCH NGHĨA:

HÀNH TRẠNG VỊ TỔ THỨ NHẤT

Đức Điều Ngự Giác Hoàng lúc còn làm Thái tử thường hay theo xa giá Thánh Tông lên chơi núi Yên Tử, có ý muốn bỏ ngôi vua để đi tu trên núi, vua cha không cho. Khi đã lên ngôi, hàng ngày vẫn cùng với Đại Đăng và Tuệ Trung giảng cứu kinh điển nhà Phật. Sau khi nắm được các qui tắc nội thiền, bèn quyết chí đi tu, lấy pháp danh là Điều Ngự Đầu Đà⁽¹⁾ đi vân du khắp mọi nơi, bài trừ những đên miếu thờ dân thần⁽²⁾ và bố thí pháp được⁽³⁾ cho dân. Khi được Pháp Loa theo về, vua rất mừng vì cho là có đạo cốt, bèn dắt Pháp Loa lên núi bảo rằng:

*Để điều huyết lưu vô dụng xứ,
Tây sơn y cựu mộ vân hoành.*

Nghĩa là:

Chim kêu đổ máu toàn vô dụng,
Núi tây chiều xế vẫn mây treo.⁽⁴⁾

Pháp Loa tiến lên hỏi:

-Khi mà mây muôn dặm đã thu rồi thì thế nào?

Vua đáp:

-Mưa dầm dề!

Hỏi:

-Khi mà mây muôn dặm đóng kín thì thế nào?

Đáp:

-Trăng vàng vạc!⁽⁵⁾

Hỏi:

-Ba mươi hai tướng và tám mươi thứ đẹp là thế nào?⁽⁶⁾

Đáp:

-Nếu lấy sắc mà xem ta, lấy thanh âm mà tìm ta, người ấy là theo tà đạo không sao thấy được Như Lai.⁽⁷⁾

Pháp Loa lại hỏi:

-Thế nào là Phật?

Vua đáp:

-Cám bã ở dưới cối!⁽⁸⁾

Hỏi:

-Nói rằng Tổ sư ở phương Tây lại là ý gì?⁽⁹⁾

Đáp:

-Cùng một hố không có đất khác nhau.⁽¹⁰⁾

Hỏi:

-Nói “rằng có rằng không” như giây sắn dựa vào cây là thế nào?⁽¹¹⁾

Đáp:

Rằng có rằng không,
Cây đổ, sắn khô.
Nào sãi nào sư,
Đập đầu vỡ óc.

Rằng có rằng không,
Thân trải gió vàng.
Căng Già, sa số,⁽¹²⁾
Đao kiếm sát thương.

Rằng có rằng không,
Lập chỉ lập tông.
Xuyên rùa đánh ngựa,⁽¹³⁾
Lợi suối trèo non.

Rằng có rằng không,
Chẳng có chẳng không.
Khắc thuyền tìm kiếm,⁽¹⁴⁾
Tìm ngựa trong tranh.⁽¹⁵⁾

Rằng có rằng không,
Loanh quanh dây đó.
Nón tuyết giấy hoa,
Ôm cây đợi thỏ.⁽¹⁶⁾

Rằng có rằng không,
Từ cổ chí kim.
Nhìn ngón quên trăng,⁽¹⁷⁾
Chết đuối trên cạn.

Rằng có rằng không,
Như thế như thế,
Tám chữ mở ra,⁽¹⁸⁾
Toàn vô căn cứ.

Rằng có rằng không,
Quay phải nhìn trái.
Quát tháo inh ỏi.
Huyền não cả vùng

Rằng có rằng không,
Nhức nhức nhồi nhồi.
Dứt sắn chặt cây,
Người người thoải mái?⁽¹⁹⁾

Pháp Loa tiếp thu được tâm ấn, vua bèn sai dựng Phật đường và cho làm trụ trì, rồi giảng *Truyền đăng lục* cho nghe. Sau đó, vua xua hết người ngoài và Tam bảo nô ra ngoài, chỉ dất Pháp Loa cùng lên am Tử Tiêu, xây một ngôi nhà đá bên cạnh am, gọi là Ngộ Ngũ Viện. Lúc bấy giờ chỉ còn đệ tử cao nhất là Bảo Sái ở lại hầu hạ. Vua đi khắp các ngọn núi, Bảo Sái bạch rằng:

-Đức ngài tuổi cao mà dầu dãi tuyết sương, như vậy thì mệnh mạch⁽²⁰⁾ của Phật pháp sẽ ra sao?

Vua đáp:

-Sắp đến giờ rồi, ta đương muốn tính việc đi lâu dài đây.

Niên hiệu Hưng Long thứ 16, ngày mồng 5 tháng 10, công chúa Thiên Thụy⁽²¹⁾ sai người nhà lên núi, tâu với vua rằng:

-Công chúa bệnh tình rất nguy kịch, muốn được trông thấy
Điều Ngự.

Vua bùi ngùi nói:

-Đây chẳng qua thời tiết mà thôi!

Vua liền chống gậy xuống núi, chỉ mang theo mỗi một người hầu. Ngày mùng 10 tới kinh đô, ngày 15 dọn dò xong, vua lại trở về núi và nghỉ đêm ở chùa Siêu Loại. Sáng hôm sau, ngài dậy rất sớm, đi bộ lên chùa làng Cổ Pháp và tự tay đề thơ rằng:

*Thế số nhất tức mặc,
Thời tình lưỡng hải ngân.
Ma cung hôn quản thậm,
Phật quốc bất thắng xuân.*

Nghĩa là:

Thế số, một hơi thở,
Thời tình, đôi mắt ta.⁽²²⁾
Cung ma nào đáng kể,
Cõi Phật xuân la đà.

Ngày 17, vua nghỉ đêm ở chùa Sùng Nghiêm. Tuyên Từ Hoàng Thái Hậu mời đến am Bình Dương dùng cỗ chay, vua hôn hờ nói:

-Đây là cúng dàng lần cuối cùng đấy!

Vua nhận lời ngay. Qua ngày 18, vua lại đi bộ lên chùa Tú Lâm ở trên ngọn núi An Sinh Kỳ Đặc. Thấy mình đau đầu, vua bảo hai nhà sư Tử Mãn và Hoàn Trung rằng:

-Ta muốn lên ngọn núi Ngoạ Vân, nhưng chân không bước nổi, biết làm sao đây?

Hai nhà sư nói:

-Đệ tử xin hết sức giúp đỡ.

Vừa lên đến núi Ngoạ Vân, vua cảm tạ hai nhà sư và bảo:

-Thôi, xuống núi ngay đi, chăm chỉ tu hành, chớ coi sinh tử là việc chơi.

Ngày 19, vua sai người hầu là Pháp Không lên núi Tử Tiêu, gọi ngay Bảo Sái đến. Bảo Sái đi tới suối Doanh, trông thấy một đám mây đen từ núi Ngoạ Vân bay qua núi Lỗi, đến chỗ suối thì nước bỗng dâng cao tới mấy trượng, rồi lại phẳng lặng như thường. Lại có hai con rồng đầu to như đầu ngựa cùng nghển cổ lên cao tới một trượng, hai mắt sáng như sao, một chốc thời biến mất.

Ngày 21, Bảo Sái đến Ngoạ Vân. Vua thấy đến bèn cười hỏi:

-Ta sắp đi đây, sao người tới muộn thế? Trong Phật pháp có chỗ nào chưa hiểu được thì hỏi ngay đi!

Bảo Sái thưa:

-Phật mặt trời⁽²³⁾ Phật mặt trăng⁽²⁴⁾ ý nghĩa như thế nào?

Vua lớn tiếng bảo:

-Tam Hoàng Ngũ Đế là gì?

Đáp:

-Chỉ là những rừng hoa chói lọi, những cuộn gấm rõ ràng, những khóm trúc ở miền Nam, những cây gỗ ở đất Bắc, chứ còn là gì!

Vua bảo:

-Chọc mù mắt của người, giết chết mới xong!

Mấy ngày liền, trời đất tối om, gió giạt dữ dội, mưa tuyết phủ kín cây cối hầu vượn chạy quanh am, chim chóc hót thê thảm. Đêm mồng một tháng Chạp, sao sáng đầy trời, vua hỏi:

-Giờ này là giờ gì?

Bảo Sái thưa:

-Bây giờ là giờ Tí.

Vua lấy tay đẩy cánh cửa sổ trông ra mà nói:

-Đây là giờ của ta đó!

Bảo Sái hỏi:

-Vua đi đâu bây giờ?

Vua nói:

-Hết thầy pháp không sinh, hết thầy pháp không diệt.⁽⁵⁶⁾ Hiểu được thế thì chư Phật thường hiện ra trước mắt, còn gì là đi, còn gì là đến.

Nói xong, vua liền nằm như sư tử⁽²⁶⁾ và tịch ở am trên núi. Pháp Loa theo lời di chúc, rước hài cốt của vua vào đàn hoả, rồi nhặt được một nghìn viên xá lị đem về. Vua Anh Tông đem một phần xá lị táng ở Đức lăng, còn một phần thì để ở kim tháp trong núi và cho sửa chữa lại tất cả các chùa trên núi ấy, đặt tượng vàng để thờ phụng.

Sách *Khóa hư lục* chép rằng: Đức Điều Ngự ta là bỏ trần tục, xa rời cung vua, ngồi ngự trên Sơn môn, nghiêm nhiên thường trụ,⁽²⁷⁾(Sơn môn tức là chùa Long Động).

CHÚ THÍCH:

1.Đầu Đà: Tiếng Phạn là Dutha có nghĩa là quét sạch (bụi trần), sau dùng chỉ chung những người tu hành khổ hạnh.

2.Dâm từ: Theo *Từ nguyên*, “dâm từ” là những đền miếu thiết lập ngoài qui định của nhà chức sắc (lạm thiết chi từ miếu dã). Sách *Đường thư* chép: Định Nhân Kiệt đến Giang Nam phá huỷ “dâm từ” 1.700 ngôi, chỉ để lại 4 ngôi là Hạ Vũ, Ngô Thái Bá, Quý Trác và Ngũ Viên.

3.Pháp dược: Theo đạo lý của Phật thì dứt đau khổ cả về thể xác lẫn tinh thần, nên gọi là pháp dược.

4.Câu này ý nói: Lặn lội trong cuộc đời chìm nổi chẳng ích gì, cứ bình thản như mây chiều ở núi tây là được. Đây là những câu nói của các nhà sư thường gọi là công án. Công án của Thiền tông thường khó hiểu. Thiền tông chủ trương lãnh hội công án bằng trực giác, chứ không phải bằng lý trí. Nói cách khác, Thiền tông chủ trương hạn chế lý trí trong cái gọi là phương tiện tri (Upayajnana) và dùng cái gọi là chân thật trí (Tattvajnana) để hiểu biết.

5.Câu này ý nói: Phải có cách nhìn tục.

6.Ba mươi hai tướng, tám mươi hai thứ đẹp: Nhà Phật coi vẻ đẹp biểu hiện ra bên ngoài như: Tay dài quá gối, mình sắc vàng, da dẻ mịn màng, đi đứng đường bệ... (Xem *Trí độ luận*).

7.Như Lai: Tức là Phật tính. Câu này trích trong kinh *Kim cương* (Vajira Suci).

8.Cám bã ở dưới cối: Ý nói cái gì cũng là Phật.

9.Ý hỏi Phật pháp là gì.

10.Ý giống như chú thích số 8.

11.Ý hỏi “nào có nào không” có giống như cây sắn dựa vào thân cây, vì giữa có và không cùng nương tựa nhau.

12.Căng Già sa số: Ý nói nhiều người, không đếm được như cát sông Hằng (Hằng hà sa số).

13.Xuyên rùa đánh ngựa: Chưa rõ diễn cố. Có lẽ ở đây dùng để chỉ những việc làm nhỏ mọn, tốn mướn vô ích.

14.Khắc thuyền tìm gương: Ngày xưa có một người nước Sở đi thuyền đánh rơi kiếm xuống sông, anh ta liền dùng dao khắc ở mạn thuyền, nơi kiếm rơi, để tìm. Sau thường dùng tích này chỉ việc làm vô bổ, không ích lợi gì.

15. Tìm ngựa trong tranh: Xưa con trai Bá Nhạc (thầy xem tướng ngựa) đem sách tướng ngựa của bố đi tìm mua về một con ngựa không cưỡi được. Việc này khác nào tìm ngựa trong bức tranh vẽ, một việc làm phí hoài công sức.

16. Ôm cây đợi thỏ: Xưa ở nước Tống có người trông thấy con thỏ húc phải gốc cây mà chết, anh ta bèn ngồi đấy để chờ trường hợp tương tự xảy ra. Ý giống như trên.

17. Nhìn ngón quên trăng (chấp chỉ vong nguyệt): Nhìn ngón tay mà quên mặt trăng, ý nói chỉ cố chấp cái phương tiện mà quên cái cứu cánh. (Xem *Kinh Viên giác*).

18. Tám chữ mở ra (Bát tự đả khai): Có nghĩa là đã trình bày rõ ràng không còn dấu điểm gì nữa.

Tám chữ (bát tự): Kinh *Niết bàn* ghi: “Sinh diệt diệt dĩ tịch diệt vi lạc,” nghĩa là “Sinh thành huỷ diệt cũng là ở trong cõi diệt, chỉ có tịch diệt mới là vui.”

Cũng có ý kiến cho rằng “tám chữ” ở đây là chỉ tám chữ trong kinh *Kim cương*: “Ứng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm,” nghĩa là “Đừng để tâm của mình bị lôi cuốn bởi điều gì.”

19. Cả đoạn này ý nói: Trần Nhân Tông muốn gạt cả thuyết *Hữu* lẫn thuyết *Vô* (có và không) bằng phương pháp bất nhị (bất nhị pháp môn). Theo Trần Nhân Tông thì *Hữu* và *Vô* đều là những chủ trương thiên kiến, cứng nhắc. Nhưng hai phái đó quấn vào nhau như rắn quấn vào cây. Chúng đánh đổ nhau bằng những luận chứng như nhau, mỗi bên chấp nê một thuyết như người tìm gươm theo vạch truyền, ôm cây đợi thỏ; hay như người nhìn ngón tay mà quên mặt trăng, họ cãi vã quát tháo ồn ào tìm kiếm khổ sở, đau đầu nhức óc mà chẳng được gì. Bất nhị pháp môn gạt cả hai, chủ trương cái gọi là bình đẳng quan (Samata).

Bài *Bát bất kế* của Tuệ Trung Thượng Sĩ thể hiện bình đẳng quan này: “Pháp thân vô khứ diệt vô lai, chân tính vô phi diệt vô thị, hữu hữu vô vô tất cánh đồng, phiền não Bồ đề nguyên bất nhị, bất sinh hoàn bất diệt, vô thủy diệt vô chung.” Có nghĩa là: “Pháp thân không đi đâu mà cũng không từ đâu lại, chân tính không sai cũng không đúng, hữu hữu vô vô đều như nhau, phiền não và Bồ đề vốn không phải là hai, không sinh cũng không diệt, không bắt đầu cũng không kết thúc.”

20. Tính mệnh huyết mạch: Ý nói đến sự sống còn của Trần Nhân Tông.

21. Công chúa Thiên Thuy: Chị vua Trần Nhân Tông.

22. Hai con mắt: Nguyên văn “Lưỡng hải ngân” (Hai bể bạc). Đạo gia gọi vai là “lâu ngọc” (ngọc lâu), mắt là “bể bạc” (ngân hải).

23. Phật mặt trời (nhật diện Phật): Phật sống một ngàn tám trăm tuổi.

24. Phật mặt trăng (nguyệt diện Phật): Phật sống một ngày một đêm (*Phật học tiểu từ điển* tr. 107-108).

25. Pháp: Tiếng Phạn là dharma, có nghĩa là hết thấy sự vật sự lý. Hết thấy pháp không sinh, hết thấy pháp không diệt, nghĩa là mọi sự vật sự lý đều không thể sinh ra cũng như không thể huỷ diệt (xem *Duy ma kinh*).

26. Nằm như sư tử: Một lối nằm của người tham thiền, hoặc tập khí công. Nằm nghiêng bên phải, chân phải co lại, chân trái đặt trên chân phải, tay phải co lại để sát mặt đất gần đầu, tay trái đặt dọc theo người, hoặc ngược lại.

27. Thường trụ: Phép làm cho vô sinh diệt vô biến thiên. Phép thường trụ gồm bảy loại: Bồ đề, niết bàn, chân như, Phật tính, yếm ma la thức, không như lai tạng, đại viên kinh thi (xem kinh *Lăng Già*).

Ở trên ghi là “Sách *Khoá hư lục*,” có lẽ nhầm, nên sửa là “sách *Tam tổ thực lục*.”

第二行

法螺尊者，姓同氏。母夜夢異人投以神劍，喜而懷之，乃有娠。惡其生多女，用藥墜之，竟不下。生時異香滿室，移月不絕。母喜命名堅剛。及長通慧過人，不嗜葷肉。

隆興十二年，陳仁宗出家，幸南柵江見而奇之曰此子有道眼，後必有法器。且喜其來，賜名善來，命參性覺和尚受戒。性覺終不爲開示，法螺乃探取海眼經看閱。更深因見燈花落，忽然大悟，自此誓脩十二頭陀行。後隨仁宗往靈山麒麟寮受戒。賜號法螺。

十六年，仁宗上臥雲山頂住庵，命法螺嗣法住時開堂行傳授禮。英宗駕至立客位，宰執庶僚立庭下，仁宗升法堂說法，擁法螺登座，合掌問難，授法衣披之。十二月，仁宗入滅，法螺奉舍利入大内安置，歸作石室寤語頌，述仁宗居退院時法語。

十九年，增置天下伽藍八百餘所。王公貴人爭施田產金錢供施。三年一度僧至千餘人，法螺每減其

數。賜官船及棹夫，給常時往來，辭不受。寶慈皇太后，及司徒文惠王，並出家受戒。英宗有書抵法螺輒稱弟子，四方從學者益眾，門弟玄光最著，景願、景徽、惠燃、惠燭、海印，皆得其法術。創瓊林院及壺天真樂庵，使其弟子分往往持。又開崑山及青梅山，所至輒成名藍。有戀青山詩曰：

疏瘦窮秋水，

巉嶁落照中。

昂頭看不盡，

來路又重重。

大慶四年疾革，以仁宗所傳衣及寫心偈付玄光，法器拄杖付景願，佛子付景徽，竹篋付惠觀，法書付惠燃，金鈴付海印，金析付惠燭。

病尋愈，詔赴壇祈雨立應。尋命赴安樂會，病復作。玄光來見，法螺睡時吽吽三聲，玄光曰：

尊者寐語耶？

法螺曰：睡則寐語，不睡則不寐語。

玄光曰：安得睡與覺，一還不病時？

法螺曰：病也不干他，不病也不干他。

玄光曰：爭奈既有語聲何？

法螺曰：管甚麼風過樹聲。癡人亦有感於樹聲者疾亟。

玄光曰：古人到這裏，皆有示偈，師何獨無？

良久乃起，索筆大寫曰：

萬緣截斷一身閒，

四十餘年夢幻間。

珍重諸人休借問，

那邊風月更遙寬。

示寂時年四十四，加號淨智大尊者，弟子舉就青梅山安置。英宗爲詩挽之曰：

自從法螺去世後，

天下釋子空無人。

所著有參禪指要，金剛場陀羅尼經，完法花經科疏，般若右心經科疏，及發願文（大略云諸佛菩薩，所有行願，一切眾生，或讚段，或敬慢，或施予，或侵奪，蠲目粗名，皆舍之令登菩提等語）。

香海寺其遺跡也。

PHIÊN ÂM:

ĐỀ NHỊ HÀNH

Pháp Loa Tôn Giả, tính Đồng thị. Mẫu dạ mộng mị nhân thụ dĩ thần kiếm, hỷ nhi hoài chi, nãi hữu thần. Ố kỳ sinh nữ đa, dụng được đọa chi, cánh bất hạ. Sinh thời dị hương mãn thất, di nguyệt bất tuyệt. Mẫu hỷ mệnh danh Kiên Cường. Cập trưởng thông tuệ quá nhân, bất kỳ huân nhục.

Long Hưng thập nhị niên, Trần Nhân Tông xuất gia, hạnh Nam Sách giang kiến nhị kỳ chi viết: Thử tử hữu đạo nhân, hậu tất hữu pháp khí. Thả hỷ kỳ lai, tứ danh Thiện Lai, mệnh tham Tính Giác hòa thượng thụ giới. Tính Giác chung bất vi khai thị, Pháp Loa nãi thám thủ hải nhân kinh khán duyệt. Cánh thâm nhân kiến đăng hoa lạc, hốt nhiên đại ngộ, tự thử thệ tu thập nhị đầu đà hạnh. Hậu tùy Nhân Tông vãng Linh sơn Kỳ Lân liêu thụ giới. Tứ hiệu Pháp Loa.

Thập lục niên, Nhân Tông thượng Ngoạ Vân sơn đỉnh trú am, mệnh Pháp Loa tự pháp trú thời khai đường hành truyền thụ lễ. Anh Tông giá chí lập khách vị, tế chấp thử liêu lập đình hạ, Nhân Tông thăng pháp đường thuyết pháp, ủng Pháp Loa đăng tọa, hợp chuông vấn nạn, thụ pháp y phi chi. Thập nhị nguyệt, Nhân Tông nhập diệt, Pháp Loa phụng xá li nhập đại nội an trí, quy tác Thạch Thất Ngộ ngữ tụng, thuật Nhân Tông cư Thoái viện thời pháp ngữ.

Thập cửu niên, tăng trí thiên hạ già lam bát bách dư sở. Vương công quý nhân tranh thí điền sản kim tiền cúng thí. Tam niên nhất độ tăng chí thiên dư nhân, Pháp Loa mỗi giảm kỳ số. Tứ quan truyền cập trao phu, cấp thường thời vãng lai, từ bất thụ. Bảo Từ Hoàng Thái Hậu, cập Tư đồ Văn Huệ vương, tịnh xuất gia thụ giới. Anh Tông hữu thư đề Pháp Loa, triếp xưng đệ tử, tứ phương tông học giả ích chúng,

môn đệ Huyền Quang tối trử, Cảnh Nguyên, Cảnh Huy, Huệ Nhiên, Huệ Chúc, Hải Ấn, giai đắc kỳ pháp thuật. Sáng Quỳnh Lâm viện cập Hồ Thiên Chân Lạc am, sử kỳ đệ tử phân vãng trụ trì. Hữu khai Côn Sơn cập Thanh Mai sơn, sở chí triếp thành danh lam. Hữu luyện Thanh Sơn thi viết:

Sơ sáu cùng thu thủy,

Sàm nham lạc chiếu trung.

Ngang đầu khan bất tận,

Lai lộ hựu trùng trùng.

Đại Khánh tứ niên tậ cách, dĩ Nhân Tông sở truyền y cập tả tâm kệ phó Huyền Quang, pháp khí trụ trượng phó Cảnh Nguyên, Phật tử phó Cảnh Huy, trúc côn phó Huệ Quan, pháp thư phó Huệ Nhiên, kim linh phó Hải Ấn, kim tích phó Huệ Chúc.

Bệnh tâm dữ, chiếu phó đàn kỳ vũ lập ứng. Tâm mệnh phó An lạc hội, bệnh phục tác. Huyền Quang lai kiến Pháp Loa thủy thời hồng hồng tam thanh, Huyền Quang viết:

Tôn Giả my ngữ gia?

Pháp Loa viết: Thủy tắc my ngữ, bất thủy tắc bất my ngữ.

Huyền Quang viết: An đắc thủy dữ giác, nhất hoàn bất bệnh thời?

Pháp Loa viết: Bệnh dã bất can tha, bất bệnh dã bất can tha.

Huyền Quang viết: Tranh nại ký hữu ngữ thanh hà?

Pháp Loa viết: Quản thậm ma phong quá thụ thanh. Si nhân diệc hữu cảm ư thụ thanh giả tậ cức.

Huyền Quang viết: Cổ nhân đáo giá lý, giai hữu thị kệ, sư hà độc vô?

Lương cứu nãi khởi, sách bút đại tả viết:

Vạn duyên tiệt đoạn nhất thân nhân,

Tứ thập dư niên mộng ảo gian.

Trần trọng chư nhân hữu tá vấn,

Na biên phong nguyệt cánh đường khoan.

*Thị tịch thời niên tứ thập tứ, gia hiệu Tịnh Trí Đại Tôn Giả, đệ tử
dư tộ Thanh Mai sơn an trí. Anh Tông vi thi văn chi viết:*

Tự tông Pháp Loa khứ thế hậu,

Thiên hạ Thích tử không vô nhân.

*Sở trước hữu: Tham thiền chỉ yếu, Kim cương trường đà la ni
kinh, Hoàn pháp hoa kinh khoa sớ, Bát nhã hữu tâm kinh khoa sớ, cập
Phát nguyện văn. Đại lược vân: Chư Phật bồ tát, sở hữu hành nguyện,
nhất thiết chúng sinh, hoặc tán đoạn, hoặc kính mạn, hoặc thi dư hoặc
xâm đoạt, quỳên mục thô danh giai xá chi linh đẳng bồ đề đẳng ngữ.*

Hương Hải tự kỳ di tích dã.

DỊCH NGHĨA:

HÀNH TRẠNG VỊ TỔ THỨ HAI

Pháp Loa Tôn Giả, người họ Đồng. Bà mẹ Tôn Giả một đêm nằm chiêm bao thấy dị nhân trao cho một thanh gương thần, liền vui vẻ ôm vào lòng, thế là có thai. Vì ghét đã sinh ra nhiều con gái, bèn dùng thuốc để trục thai, nhưng rốt cục không trục nổi. Lúc sinh ra Tôn Giả, hương thơm đầy nhà, hàng tháng trời hương lạ vẫn không mất. Bà mẹ vui mừng đặt tên là Kiên Cương. Lớn lên Kiên Cương thông minh trí tuệ khác thường, không ăn thịt và các thứ tanh hôi.

Năm Hưng Long thứ 12, vua Trần Nhân Tông xuất gia đi đến hạt Nam Sách, trông thấy Tôn Giả, vua lấy làm lạ mà rằng: “Gã kia có

đạo nhân,⁽¹⁾ sau này tất thành đại khí⁽²⁾ của đạo ta.” Và vì mừng thấy Tôn Giả đến, nên vua đặt tên cho là Thiện Lai, rồi khiến đến tham yết Hoà thượng Tính Giác để thụ giới. Nhưng mãi vẫn không thấy Hoà thượng chỉ cho điều gì, Tôn Giả bèn tìm kinh *Hải nhĩn*⁽³⁾ mà xem. Một hôm xem mãi đến khuya, thấy hoa đèn rụng. Tôn Giả hốt nhiên bừng tỉnh, từ đó phát nguyện theo 12 hạnh đầu đà (tu khổ hạnh). Về sau, Tôn Giả theo vua Nhân Tông đến lán Kỳ Lân ở Linh Sơn thụ giới. Vua đặt cho hiệu là Pháp Loa.

Năm thứ 16, vua Nhân Tông lên trụ am trên đỉnh núi Ngoạ Vân, lệnh cho Pháp Loa thay ngài làm phép trụ trì,⁽⁴⁾ và khi ấy cho mở Phật đường làm lễ truyền thụ. Vua Anh Tông ngự đến, đứng vào khách vị, các quan liêu đều đứng ở dưới sân, vua Nhân Tông lên Phật đường thuyết pháp, dắt Pháp Loa vào chỗ ngồi, chấp tay vấn hỏi những chỗ khó, lấy áo pháp khoác cho. Tháng 12, Nhân Tông nhập diệt, Pháp Loa rước xá lị đặt vào cung vua, rồi trở về làm bộ sách *Thạch thất ngộ ngữ tụng*, thuật lại những pháp ngôn của Nhân Tông lúc còn ở Thoái viện.

Trong 19 năm, Pháp Loa dựng hơn 800 ngôi chùa lớn. Các bậc vương công quý nhân đua nhau cúng ruộng đất vàng bạc vào chùa. Cứ ba năm làm lễ độ tăng⁽⁵⁾ một lần, tăng chúng đông hơn ngàn người, Pháp Loa thường phải giảm dần số lượng. Vua có cấp thuyền công và phu chèo, nhưng ngài không nhận. Bà Bảo từ Hoàng Thái Hậu⁽⁶⁾ và quan Tư đồ Văn Huệ Vương⁽⁷⁾ đều cùng xuất gia thụ giới. Mỗi khi vua Anh Tông gửi thư đến, đều xưng là đệ tử. Người bốn phương theo học càng ngày càng đông, trong đó Huyền Quang là giỏi nhất, rồi đến Cảnh Nguyên, Cảnh Huy, Huệ Nhiên, Huệ Chúc và Hải Ấn. Ngài sáng lập viện Quỳnh Lâm và am Hồ Thiên Chân Lạc, sai đệ tử chia nhau đi trụ trì. Sau lại mở chùa Côn Sơn và

Thanh Mai; đến đâu cũng trở thành chùa chiền nổi tiếng. Ngài có bài thơ luyến cảnh Thanh Sơn như sau:

*Sơ sáu cùng thu thủy,
Sâm nhâm lạc chiếu trung,
Ngang đầu khan bất tận,
Lai lộ hựu trùng trùng.*

Nghĩa là:

Vóc gầy soi đáy nước hồ thu,
Ngả trong nắng chiếu cao chất ngất.
Ngang đầu mà nhìn không chán mắt,
Đường trở về trông thấy mịt mù.

Năm Đại Khánh thứ 4, ngài ốm nặng, bèn đem chiếc áo của Nhân Tông để lại và bài kệ *Tả tâm* giao cho Huyền Quang, đồ pháp bảo và trụ trượng giao cho Cảnh Nguyên, tràng hạt (?) giao cho Cảnh Huy, gậy trúc giao cho Huệ Quang, pháp thư giao cho Huệ Nhiên, bạc vàng giao cho Hải Ấn, chày vàng giao cho Huệ Chúc.

Nhưng bệnh lại khỏi dần, được chiếu chỉ nhà vua tới đàn cầu mưa, lập tức ứng nghiệm. Sau đó, vâng mệnh vua đến dự hội An Lạc, thì bị ốm lại. Huyền Quang đến thấy Pháp Loa đương ngáy khò khò mà lại kêu ba tiếng, ⁽⁸⁾ bèn hỏi:

-Tôn giả nói mơ sao?

Pháp Loa nói:

-Ngủ thì nói mơ, không ngủ thì không nói mơ.

Huyền Quang hỏi:

-Làm sao ngủ và thức đều như lúc không đau ốm?

Pháp Loa nói:

-Ốm cũng mặc kệ nó, không ốm cũng mặc kệ nó!

Huyền Quang lại hỏi:

-Thế nhưng, trót đã có tiếng nói thì sao?

Pháp Loa nói:

-Kể gì tiếng gió thổi qua cây. Người ngây cũng có kẻ cảm được tiếng cây qua gió thổi.⁽⁹⁾

Huyền Quang nói:

-Cổ nhân đến lúc này (lúc sắp chết), đều có làm kệ, sao Tôn sư lại không có⁽¹⁰⁾?

Giây lâu, Pháp Loa ngồi dậy, đòi bút viết chữ lớn rằng:

Vạn duyệt tiết đoạn nhất thân nhàn,

Tứ thập dư niên mộng huyễn gian.

Trân trọng chư nhân hựu tá vấn,

Na biên phong nguyệt cánh đường khoan.

Nghĩa là:

Vạn duyên chặt đứt, một thân nhàn,

Bốn mươi năm lẽ mộng chưa tan.

Trân trọng xin người đừng có hỏi,

Bên kia trăng gió, cũng nhạt khoan.

Lúc Ngài qua đời, tuổi bốn mươi tư, được thêm hiệu là Tịnh Trí Đại Tôn Giả, đệ tử đưa linh cữu đến núi Thanh Mai an táng. Vua Anh Tông làm thơ viếng có câu:

Tự lòng Pháp Loa khứ thế hậu,

Thiên hạ Thích tử không vô nhân.

Nghĩa là:

Từ sau khi Pháp Loa qua đời,

Thiên hạ Phật tử trống trải người.

Nói về trước tác của ngài thì có: *Tham thiên chỉ yếu*, *Kim cương trường đà la ni kinh*, *Hoàn pháp hoa kinh lược số*, *Bát nhã hữu tâm kinh khoa số* và bài văn *Phát nguyện* (đại lược nói rằng: Những hành nguyện của các Phật và các bồ tát, thì hết thấy chúng sinh hoặc chê, hoặc kính nhờn, hoặc cúng thí, hoặc xâm đoạt... tất cả những thứ đó đều bỏ hết, khiến cho đều chúng tới ngôi bồ đề...)

Chùa Hương Hải là di tích của Ngài.

CHÚ THÍCH:

1.Đạo nhân: Mất có thể nhìn thấu suốt những lẽ huyền vi sâu kín của đạo Phật.

2.Đại khí: Ý nói có thể thực hành được đạo Phật.

3.Kinh *Hải nhãn*: Có lẽ là kinh *Lăng nghiêm* (Suragama Samadhi).

4.Thay làm phép: Nguyên văn “Pháp tự” “Tự” là kế nối, là thay nối dòng đạo.

5.Lễ độ tăng: Một nghi lễ thụ giới cho những người đã đến học ở chùa được ba năm.

6.Bảo Từ Hoàng Thái Hậu: Mẹ của vua Trần Nhân Tông.

7.Quan Tư đồ Văn Huệ Vương: Túc Trần Quang Triều, cháu Trần Hưng Đạo, làm quan Tư đồ nắm quyền phụ chính.

8.Bia “Đệ nhị đại tổ bi trùng tu sự tích ký” dựng năm 1684 tại chùa Hương Hải (Nam Sách, Hải Dương) ghi Pháp Loa ngáy một tiếng chứ không phải ba tiếng.

9.Gió thổi qua cây: Thiên tông chủ trương tránh dùng ngôn ngữ, văn tự. Trang Tử nói những lý luận trong sách vở chẳng qua cũng như tiếng gió thổi qua bông hốc của cây trong rừng (sách *Tề vật luận*).

Ý Pháp Loa nói: Tôi nói mơ cũng chẳng qua như tiếng gió thổi trên cây, đều là tự phát chứ không có dụng ý gì.

10. Đoạn này trong bản *Tam tổ thực lục* (Ký hiệu Thư viện A. 786) nói hơi khác:

Ngày mười một, đang đêm Huyền Quang đến thăm bệnh, thấy sư đang ngủ mà lại nói lảm nhảm. Huyền Quang nói: Sao lại ngủ cũng như tỉnh? Sư nói: Ngủ với tỉnh cũng là một, chỉ có lúc vô bệnh là thế. Huyền Quang nói: Có lý đâu có bệnh vô bệnh là một? Sư nói: Có bệnh hay vô bệnh không liên quan gì đến nó. Huyền Quang nói: Nhưng lại có tiếng nói là nghĩa làm sao? Sư nói: Gió lướt vào cây, sao lại có tiếng? Huyền Quang nói mê thì người ta nghi hoặc. Sư nói: Có thể đùa ngu cũng nghi hoặc cả gió lướt qua cây.

第三行

玄光尊者，九歲能詩文，習舉子業。十九歲入空門，舉三教狀元，不受官，乞回山脩持，隨抱璞受戒瓊林寺。仁宗駕幸其寺，見而器之。法螺乃引爲侍者。帝崩後，法螺接玄光謂曰：

調御遺囑，汝其忘乎？

玄光始相隨參學。

明宗大慶四年二月，法螺病革，以調御所傳衣，及寫心偈付玄光。法螺病尋愈，其年十二月，創瓊林院居之。

開泰元年，法螺入滅，玄光尊遺教住持山院，傍營瓊林庵，倣調御住山時所作退院。說法之暇，輒

寄情吟詠，調思莊雅。有玉鞭集行于世，今不傳。見
存古體詩一章：

古體一：

舟中作

一葉扁舟湖海客
撐出葦行風槭槭
微茫四顧晚湖生
江水連天一鷗白

近體二十三：

1. 延祐寺作(今一柱寺)

上方秋夜一鍾闌
月色如波楓樹丹
鷗吻倒眠方鏡冷
塔光雙峙玉尖寒
萬緣不擾城遮俗
半點無憂眼放寬
參透是非平等相
魔宮佛國好生觀

2. 安子山庵居作

庵逼青宵冷
門開雲上層
已竿龍洞日
猶尺虎溪冰
抱拙無餘策
扶衰有瘕藤
竹林多宿鳥
過半伴閒僧

3. 午睡作

雨過溪山淨
楓林一夢涼
反觀塵世界
開眼醉茫茫

4. 石室作

半間石室和雲住
一領毳衣經歲寒

僧在禪床經在案

爐殘楮拙日三竿

5.次寶慶寺壁間韻

荒草煙雲野思多

南樓北館夕陽斜

春無主惜詩無伴

愁絕東風幾樹花

6.地爐即事作

煨餘楮拙獨黃香

口答山童問短章

手把吹筒和木鐸

從教人道老僧忙

7.因事題究蘭寺

德薄常慚繼祖燈

空教寒舍起冤僧

爭如逐伴歸山去
疊嶂重巒萬萬層

8.梅花作

欲向蒼蒼問所從
凜然孤峙雪山中
折來不爲遮青眼
願借春思慰病翁

9.畫眠作

祖父田園任自鋤
千青盤屈繞吾廬
木犀窗外千鳩寂
一枕青風畫夢餘

10.山宇作

秋風午夜拂簷牙
山宇蕭然枕綠蘿
已是成禪心一片

蛩聲唧唧爲誰多

11.哀俘虜作

割血書成欲寄音

孤飛寒鴈塞雲深

幾家愁對青宵月

兩處忙然一種心

12.泛舟作

小艇乘風泛渺茫

山青水綠又秋光

數聲魚笛蘆花外

月落波心江滿霜

13.題洞軒檀越假山

花木寅緣種作山

籠煙罩月落花寒

從茲念慮都無俗

贏得清風一枕安

14.過萬劫作

諒州人物水流東
百歲光陰撚指中
回首故山凝望處
數行歸鴈帖晴空

15.贈仕途子弟

富貴浮雲遲未到
光陰流水急相催
何如小隱林泉下
一榻松風茶一盃

16.題淡水寺

淡水亭邊野草多
空山雨霽夕陽斜
欲因輦路投禪室
推梵敲鍾揀落花

17.早秋作

夜氣分涼入畫屏

蕭蕭庭樹報秋聲

竹堂忘適香初燼

[][][][]調目明

18.菊花作

松聲蔣詡先生徑

梅景西湖處仕家

義氣不同難苟合

故園隨處吐黃花

19.又

大江無夢浣枯腸

百詠梅花讓好粧

老去悲秋吟未穩

詩瓢實爲菊花茫

20. 又

忘身忘世已都忘
坐久蕭然一榻涼
歲晚山中無歷日
菊花開處即重陽

21. 又

年年和露向秋開
月淡風光愜寸懷
堪笑不明花好處
滿頭隨例掛歸來

22. 又

花在中庭人在樓
梵香獨坐自忘憂
主人與物渾無竟
花向群芳出一頭

23. 又

春秋黃白各芳菲

憂艷怜香亦似時

遍界繁花金墜地

後凋顏色屬東籬

PHIÊN ÂM:

ĐỀ TAM HÀNH

Huyền Quang tôn giả, cửu tuế năng thi văn, tập cử tử nghiệp. Thập cửu tuế nhập không môn, cử Tam giáo Trạng nguyên, bất thụ quan, khát hồi sơn tu trì, tùy Bảo Phác thụ giới Quỳnh Lâm tự. Nhân Tông giá hạnh kỳ tự, kiến nhi khí chi. Pháp Loa nãi dẫn vi thị giả. Đế băng hậu, Pháp Loa tiếp Huyền Quang vị viết: Điều Ngự di chúc, nhữ kỳ vong hồ? Huyền Quang thủy tương tùy tham học.

Mình Tông Đại Khánh tứ niên nhị nguyệt, Pháp Loa bệnh cách, dĩ Điều Ngự sở truyền y, cập Tả tâm kệ phó Huyền Quang. Pháp Loa bệnh tầm dã, kỳ niên thập nhị nguyệt sáng Quỳnh Lâm viện cư chi.

Khai Thái nguyên niên Pháp Loa nhập diệt, Huyền Quang tuân di giáo trú trì sơn viện, bàng doanh Quỳnh Động am, phỏng Điều Ngự trú sơn thời sở tác Thoái viện. Thuyết pháp chi hạ, triếp ký tình ngâm vịnh, điều tư trang nhĩ. Hữu Ngọc tiên tập hành vu thế, kim bất truyền. Kiến tồn cổ thể thi nhất chương.

Cổ thể nhất:

Chu trung tác

*Nhất điệp biên chu hồ hải khách,
Xanh xuất vi hành phong thích thích.
Vi mang tử cố văn trào sinh,
Giang thủy liên thiên nhất âu bạch.*

Cận thể nhị thập tam:

1. Diên Hựu tự tác (Kim Nhất Trụ tự)

*Thượng phương thu dạ nhất chung lan,
Nguyệt sắc như ba phong thụ đan.
Si vẫn đảo miên phương kính lãnh;
Tháp quang song trĩ ngọc tiêm hàn.
Vạn duyên bất nhiều thành già tục;
Bán điểm vô ưu nhân phóng khoan.
Tham thấu thị phi bình đẳng tướng,
Ma cung Phật quốc hảo sinh quan.*

2. Yên Tử sơn am cư tác

*Am bức thanh tiêu lãnh,
Môn khai^(a) vân thượng tầng.
Dĩ can Long Động nhật;
Do xích Hồ Khê băng.
Bão chuyết vô dư sách;^(b)
Phù suy hữu sáu đăng.*

Trúc lâm đa túc điều,
Quá bán bạn nhàn tăng.

3.Ngo thuy tác

Vũ quá khê sơn tịnh,
Phong lâm nhất mộng lương.
Phản^(c) quan trần thế giới,
Khai nhãn tuý mang mang.

4.Thạch thất tác

Bán gian thạch thất hoà vân trú,
Nhất lĩnh thuế kinh tuế hàn.
Tăng tại thiền sàng kinh tại án,
Lô tàn cốt chuyết nhật tam can.

5.Thử Bảo Khách tự bích gian vận

Hoang thảo yên vân dã tứ đa,
Nam lâu bắc quán tịch dương tà.
Xuân vô chủ tích thi vô bạn,
Sâu tuyết đông phong kỷ thụ hoa!

6.Địa lô túc sự tác

Ôi dư cốt chuyết độc^(d) hoàng hương,
Khẩu đáp sơn đồng vấn đoản chương.
Thủ bả xuy đồng^(d) hoà mộc đặc,
Tòng giao nhân đạo lão tăng mang.

7.Nhân sự đề Cứu Lan tự

Đức bạc thường tâm kế tổ đấng,
Không giao hàn [Xá] khởi oan tăng.^(e)
Tranh như trúc bạn qui sơn khứ,
Điệp chương trùng loan vạn vạn tăng.

8.Mai hoa tác

Dục hướng thương thương vấn sở tông,
Lắm nhiên cô trī tuyết sơn trung.
Chiết lai bất vị già thanh nhān,
Nguyễn tá xuân tư ụy bệnh ông.

9.Trú miên tác

Tổ phụ điền viên nhâm tự sử,
Thiên thanh bàn khuất nhiều ngô lư.
Mộc tê song ngoại^(g) thiên cư tịch,
Nhất chẩm thanh phong trú mộng dư.

10.Sơn vũ tác

Thu phong ngộ dạ phát thiêm nha,
Sơn vũ tiêu nhiên chẩm lục la.
Dĩ thị thành Thiên tâm nhất phiến,
Cùng thanh tức tức vị^(h) thủy đa?

11. Ai phù lỗ tác

Khoa huyết thư thành dục ký âm,

*Cô phi hàn nhận tái vân thâm.
Kỷ gia sâu đôi thanh tiêu nguyệt,
Lưỡng xứ mang nhiên nhất chủng tâm.*

12. Phiếm chu tác

*Tiểu đỉnh thừa phong phiếm diêu mang,
Sơn thanh thủy lục hựu thu quang.
Sổ thanh ngư địch lô hoa ngoại,
Nguyệt lạc ba tâm giang mãn sương.*

13. Đế Động Hiến đàn việt giả sơn

*Hoa mộc di duyên chủng tác san.
Lung yên trạo nguyệt lạc hoa hàn.
Tòng tư niệm lự đô vô tục,
Doanh đắc thanh phong nhất chấm an.*

14. Quá Vạn Kiếp tác

*Lạng Châu nhân vật thủy lưu đông,
Bách tuế quang âm nhiên chỉ trung.
Hồi thủ cố sơn ngưng vọng xứ,
Sổ hàng qui nhận thiệp tình không.*

15. Tặng sĩ đồ tử đệ

*Phú quý phù vân tri vị đáo,
Quang âm lưu thủy cấp tương thôi.
Hà như tiểu ả lâm tuyên⁽¹⁾ hạ,
Nhất tháp tùng phong trà nhất bôi.*

16.Đề Đạm Thủy tự

Đạm Thủy đình biên^(h) dã thảo đa,
Không sơn vũ tế tịch dương tà.
Dục nhân liễn lộ đầu Thiên thất,
Thôi phạn sao chung giản lạc hoa.

17.Tảo thu tác

Dạ khí phân lương nhập hóa bình,
Tiêu tiêu đình thụ báo thu thanh.
Trúc đường vong thích hương sơ tấn,
(mất 4 chữ)..... điệu mục minh.^(l)

18.Cúc hoa tác

Tùng thanh tướng Hủ tiên sinh kính,
Mai ảnh Tây Hồ xử sĩ gia.
Nghĩa khí bất đồng nan cầu hợp,
Cô viên tuy xứ thổ hoàng hoa.

19.Hự

Đại giang vô mộng cán khô trường,
Bách vịnh mai hoa nhượng hảo trang.
Lão khứ bi thu ngâm vị ổn,
Thi biểu thực vị cúc hoa mang.

20.Hự

Vong thân, vong thế dĩ đô vong,
Toạ cử tiêu nhiên nhất tháp lương.

*Tuế văn sơn trung vô lịch nhật,
Cúc hoa khai xử tức trùng dương.*

21.Hựu

*Niên niên hòa lộ hướng thu khai,
Nguyệt đàm phong quang hiệp thốn hoài.
Kham tiếu bất minh hoa hảo xứ,
Mãn đầu tùy lệ quả quy lai.*

22.Hựu

*Hoa tại trung đình nhân tại lâu,
Phân hương độc tọa tự vong ưu.
Chủ nhân dĩ vật hồn vô cánh,
Hoa hương quân phương xuất nhất đầu.*

23.Hựu

*Xuân thu hoàng bạch các phương phi,
Ưu diễm lân hương diệc tự thì.
Biển giới phồn hoa kim trụ địa,
Hậu điều nhan sắc thuộc đông ly.*

DỊCH NGHĨA:

HÀNH TRẠNG VỊ TỔ THỨ BA

Huyền Quang Tôn Giả, chín tuổi đã làm được thơ văn, chuyên tập về cử nghiệp. Mười chín tuổi đi tu, thi đỗ Tam giáo Trạng nguyên, nhưng không muốn làm quan. Ngài xin về núi chuyên việc tu trì và theo Bảo Phác Thiên Sư⁽¹⁾ thụ giới ở Quỳnh Lâm.⁽²⁾ Vua Nhân Tông ngự giá đến chùa, trông thấy

Ngài biết là đại khí. Pháp Loa bèn đem Ngài vào hầu cận vua. Sau khi vua mất, Pháp Loa tiếp Ngài và bảo rằng: “Di chúc của Điều Ngự, người quên rồi hay sao?” Từ đấy, Ngài theo học Pháp Loa. Tháng 2, năm Đại Khánh thứ 4, đời vua Minh Tông, Pháp Loa ốm nặng, bèn đem chiếc áo của Điều Ngự để lại và bài kệ *Tả tâm* trao cho Ngài. Rồi đó, Pháp Loa khỏi bệnh và tháng 12 năm ấy thì dựng viện Quỳnh Lâm để ở.

Năm Khai Thái thứ nhất, Pháp Loa qua đời. Ngài tuân theo di chúc đến trụ trì ở sơn viện và làm am Quỳnh Động bên cạnh, để bắt chước Điều Ngự khi ở núi có làm Thoái viện. Mỗi khi công việc thuyết pháp nhàn rỗi, Ngài thường làm thơ ngâm vịnh, để di dưỡng tinh thần, âm điệu ý tứ đều rất trang nhã. Ngài có bộ *Ngọc tiên tập* được lưu truyền lúc bấy giờ, nay không còn nữa. Hiện còn những bài thơ như sau:

Thơ cổ thể còn 1 bài:

Làm ở trong thuyền

Một chiếc thuyền con, khách hải hồ,
Chèo qua lau lách gió sột soạt đưa.
Bốn phía lờ mờ, thủy triều dậy sóng,
Sông nước liên trời, chú âu trắng bay qua.

Thơ cận thể còn 23 bài:

1.Đề chùa Diên Hựu

(Tức chùa Một Cột ngày nay)

Gác chùa đêm thu, một tiếng chuông tàn,
Ánh trăng như sóng, đỏ ngời cây bàng.
Gương vuông lạnh lùng, điều hâu châu đầu ngủ ngược;⁽³⁾

Chóp ngọc⁽⁴⁾ rét mướt, ánh tháp đứng sừng sồng đôi.
Muôn duyên chẳng vướng, bởi có bức thành ngăn tục;
Nửa điểm không lo, vì tầm mắt nhìn được rộng xa.
Nếu thấu hiểu đúng sai là bình đẳng,⁽⁵⁾
Thì cung Ma, nước Phật sẽ thấy rõ ràng.⁽⁶⁾

2.Ở trên am núi Yên Tử

Am sát khung xanh lạnh,
Cửa mở trên tầng mây.
Đã một con sào, mặt trời Long Động;⁽⁷⁾
Còn dày một thước, băng đọng Hồ Khê.⁽⁸⁾
Không thừa phương sách, ôm cái vụng dại;
Có chiếc gậy song, đỡ thân đã suy.
Rừng trúc có nhiều chim ngủ,
Quá nửa bạn với nhàn tăng.

3.Ngủ trưa dậy

Sau mưa, núi khe sạch,
Rừng phong, giấc mộng lành.
Cõi trần, quay nhìn lại,
Mở mắt, mơ màng say.

4.Nhà đá

Cùng ở với mây, nửa gian nhà đá,
Trải năm rét mướt, một chiếc áo lông.
Sư nằm giường thiền, kinh đặt trên án,
Lò tàn củi hết, mặt trời lên cao.

5.Nổi vận đề vách chùa Bảo Khánh

Cỏ hoang mây khói, nẩy nhiều tứ vụng,
Lầu nam quán bắc, soi bóng chiều tà.
Tiếc xuân không chủ, nhà thơ không bạn,
Gió đông buồn rút, thổi mấy khóm hoa.

6.Tức sự bên lò đất

Mẫu củi cháy dở, khói như hương vàng,
Miệng đáp sơn đồng, đến hỏi câu văn.
Tay cầm ống thổi và chuông dạy học,⁽⁹⁾
Có người bảo thật bạn rợn, ông sư già.

7.Nhân có việc để chùa Cứu Lan

Đức mỏng thường then, tiếp nối đèn Tổ,
Khiến gian nhà lạnh, dấy nổi oán hờn.
Chi bằng theo bạn, về ở trên núi,
Núi non trùng điệp, cao muôn vạn tầng.

8.Vịnh hoa mai

Muốn hỏi ông xanh, cây mai từ đâu đến?
Trong núi tuyết, lẫm liệt đứng sững một mình.
Bẻ đem về không phải để che mắt xanh,
Chỉ mượn tứ xuân, an ủi ông già đương ốm.

9.Ngủ ngày

Ruộng vườn của ông cha mặc ý cày bừa,

Cây cối um tùm quanh ngôi nhà lá của ta.
Ngoài cửa sổ mộc tề⁽¹⁰⁾ chim chóc im lặng,
Một gối lạnh gió mát sau giấc mộng trưa.

10.Nhà trên núi

Nửa đêm gió thu lay động tấm rèm,
Nhà trong núi quạnh vắng, gối đầu cỏ biếc.
Đã giấc ngộ thành một tấm lòng Thiên,
Tiếng rế rì rỉ kêu cho ai nhiều thế?

11.Thương người tù binh

Lấy máu viết thư xong, muốn gửi tin về,
Chim nhận bơ vơ trên mây dày cửa ải.
Vài nóc nhà buồn bã dưới bóng trăng trong,
Hai nơi canh cánh chung một tấm lòng.

12.Bơi thuyền

Thuyền con cuỗi gió giữa khoảng mệnh mang,
Non xanh nước biếc, lại nắng thu vàng.
Sáo chài mấy tiếng ngoài đám hoa lau lách,
Trăng rơi xuống sóng, sông dầu sương.

13.Đề hòn non bộ của người mộ đạo Phật ở Động Hiên

Hoa, cây trồng xen lẫn làm thành núi,
Khói lồng trắng toả, hoa rơi lạnh lòng.

Từ nay ngấm ngời, không còn tục luy,
Một giấc ngủ yên, đón ngọn gió trong.

14. Qua Vạn Kiếp

Nhân vật Lạng Châu như nước chảy về đông,
Thời gian trăm năm chỉ trong gang tấc,
Ngoảnh đầu lại, dăm dăm nhìn về nơi núi cũ,
Mấy hàng nhận bay về in trên khoảng trời trong.

15. Tặng học trò đương làm quan

Giàu sang tựa như mây nổi, trôi đi chậm chậm,
Tháng ngày như nước chảy, đuổi nhau rất nhanh.
Sao bằng về ẩn nơi rừng suối,
Một chõng bên gốc tùng lộng gió, một chén trà xanh.

16. Đề chùa Đạm Thủy

Bên chùa Đạm Thủy, cỏ rậm mọc dày,
Núi quang mưa tạnh, bóng chiều vừa xế.
Muốn theo đường xe đi vào cửa Thiên,
Dở kinh Phật, gõ chuông, nhật hoa rụng.

17. Đầu thu

Hơi đêm dịu mát lọt qua bức bình phong,
Cây ngoài sân xào xạc báo hiệu thu về.
Trong nhà tre, quên hẳn nén hương vừa cháy hết,
(Mất chữ)

18.Hoa cúc

Tiếng từng reo trên lối đi trong vườn Tưởng Hủ,⁽¹¹⁾
Bóng mai ngả bên nhà của xử sĩ ở Tây Hồ.⁽¹²⁾
Nghĩa khí khác nhau, khôn gượng hợp,
Vườn xưa đây đó trở hoa vàng.

19.Lại đề trên

Không mộng đến sông to rửa cho ruột khô,
Trăm lần vịnh hoa mai, vẫn nhường vẻ đẹp cho cúc.
Tuổi già chưa tiện ngâm vịnh, bởi còn xót thu,
Thực vì hoa cúc mà bận bịu bầu rượu túi thơ.

20.Lại đề trên

Quên mình, quên đời đã quên hết thấy,
Vắng vẻ ngồi lâu một mình trên giường.
Năm đã gần tàn, trong núi không có lịch,
Thấy hoa cúc nở, biết là ngày trùng dương.

21.Lại đề trên

Năm năm nở cùng với sương thu,
Thoả tấm lòng trắng trong gió mát.
Nực cười không biết cảnh hoa đẹp,
Quen lệ, ngắt gài đây đầu đi về.

22.Lại đề trên

Hoa ở giữa sân, người ở trên lầu.

Đốt hương ngồi một mình quên cả lo âu.
Chủ nhân không đua tranh với ai cả,
Trong các hoa, có một loài hoa trội hẳn lên một đầu.

23. Lại đề trên

Xuân, thu ngào ngạt hoa trắng hoa vàng,
Cũng như thời tiết, tiếc đẹp thương hương.
Khắp chốn phồn hoa, như vàng rơi trên đất,
Sắc hoa xót lại sau, ấy là đậu đông.

Các trước tác của Huyền Quang đều có dáng vẻ Thiên gia ẩn giả. Những truyện về Huyền Quang bằng chữ Nôm, lưu hành trong dân chúng phần nhiều có tính chất khôi hài, ở đây chúng tôi bỏ đi.

KHẢO DỊ:

- a. Sách *Toàn Việt thi lục* ghi là: “Môn quan” (Cửa đóng).
- b. Sách *Toàn Việt thi lục* ghi là: “Vô dư khí” (không đủ sức).
- c. Sách *Toàn Việt thi lục* ghi là: “Bách quan” (Nhìn bao quát).
- d. Sách *Toàn Việt thi lục* ghi là “Tuyệt hoàng dương” (không còn hương vòng).
- đ. Nguyên bản chép *xuy thương*. Phải là *xuy đồng* mới có nghĩa.
- e. Sách *Toàn Việt thi lục* ghi là: “Không gian hàn xá khởi oan tình” (luống khiến cho nhà lạnh lẽo gây nên nỗi oan). Nguyên văn chép thiếu chữ “Xá”).
- g. Sách *Toàn Việt thi lục* ghi là “Tê song minh nguyệt” (trăng sáng ở cửa sổ một tê).

h.Sách *Toàn Việt thi lục* ghi là: “Khán thủy đa” (xem ai nhiều hơn).

i.Sách *Toàn Việt thi lục* ghi là “Cam tuyền” (suối ngọt).

k.Sách *Toàn Việt thi lục* ghi là “Đình giao” (ở cách xa đình).

l.Sách *Toàn Việt thi lục* ghi là “... Nhuận nguyệt minh.”

Sách *Kiến văn tiểu lục* của Lê Quý Đôn ghi “Nhất nhất tùng chi
vông nguyệt minh.” Nghĩa là: “Cảnh cây giăng lưới bóng trăng sáng.”

CHÚ THÍCH:

1.Bảo Phác Thiên Sư: Chưa rõ là ai.

2.Chùa Quỳnh Lâm ở huyện Đông Triều, Quảng Ninh.

3.Trên nóc chùa người ta thường hay đắp hình hai con diều hâu châu
đầu với nhau. Bóng nóc nhà lồng xuống mặt hồ thành ra diều hâu ngủ ngược.

4.Chữ “tiêm” là nhọn, chớp thắp nhọn hình búp măng, chiếu xuống
mặt hồ, xa trông tưởng như rét mướt run rẩy.

Gương vuông (phương kính): Chỉ cái hồ vuông, trên có chùa Diên Hựu.

5.Thuyết “Bất nhị pháp môn” nói: Đúng và sai chẳng bên nào hơn bên
nào, phải gạt cả hai.

6.Ý nói: Nếu theo “Bất nhị pháp môn” thì đến được nước Phật, bằng
còn theo phương pháp khác thì đến cung Ma.

7.Long Động: Tên ngôi chùa ở trên núi Yên Tử.

8.Hồ Khê: Suối Hồ Khê ở núi Yên Tử, còn gọi là suối Giải Oan.

9.Mộc đặc: Là cái chuông lắc. Theo sách *Chu lễ*, dùng chuông có dùi
bằng gỗ (mộc đặc) vào việc văn, dùng chuông có dùi bằng đồng (kim đặc) vào
việc võ.

10.Mộc tê: Hoa mộc, thường trồng trước chùa, mùi rất thơm. Hoa nở từ tết Nguyên đán kéo dài đến tháng 6.

11.Tưởng Hủ: Ẩn sĩ đời Hán (Trung Quốc), trong vườn mở ba lối đi dành riêng cho những bạn thân dạo chơi.

12.Lâm Bộ: Ẩn sĩ đời Tống (Trung Quốc), nhà ở núi Cô Sơn thuộc Tây Hồ, giống mai nuôi hạc làm bầu bạn, có làm bài thơ vịnh mai rất được truyền tụng.

* * *

大真圓覺聲

1. 空聲

[聲引吳時儻]:

聲發於叩，大叩則大鳴，小叩則小鳴，皆有所因而發也。發有所因，便有時而息。

空中而有聲，則其聲無所從來，亦無所去。迎之不知其所始，隨之不知其所終，鏗鏗然，鉦鉦然，無一息之或停。子未開丑未闕，聲在混沌；陽既降，陰既升，聲在際蟠。古今行識，盡在空聲中。可得而聞，不可得而尋。夫是之謂空。空也者，上天之載，無聲之聲也。

[海量大禪師]:

海量大禪師頂禮竹林三祖於玄天觀中，左伴僧海和，右伴僧海淨，與其徒弟二十四人俱。

徒弟白師言:

儒家說理，何謂理？

師答言：

理如木節理之理。

又白：

說欲何謂欲？

師答言：

欲如水走下，火炎上之欲。

曰：然，循理時如何？

曰：理不可盡循。

於是僧眾背案而坐。師作欠氣而屈一足。左伴僧向師言：

師何偏屈一足？

師言：

萬水皆東弱水西，

菊花不與百花齊。

左伴僧進云：

水向東西轡轉軸，

花開早晚蟻磨盤。

師乃作聲：

起，起起，打不起。睡，睡睡，罵乃睡。

右伴僧離席而進曰：

順水行舟，

險途按轡。

一止一行，

並非吾意。

爾時，調御覺皇，在矍曇樹下，化作無數矍曇花。開不開，風乃開，謝不謝，雨乃謝。而有青鳥，含花飛去，花忽入鳥，鳥羽盡皆生花。師乃觀鳥，而認羽花。偈言：

鳥身非鳥，

花魂非花。

行止饒他，

我奈吾何？

右伴僧合掌念：

是色非色，

是空非空。

左伴僧上前云：

馬逢坦路行無礙，

木到槃根解不開。

右伴僧偏袒右臂，而作答言：

坦路是馬順理，槃根是木逆理，理有
順逆，是無執著，便循不上著。

師乃倒持竹杖，進庵而禮世尊。

[聲註一]

海鷗和尚曰：

理如木節之理，該有是理也。欲如水火之欲，該有是欲也。理一而已。語常，則理無二是。男女不親授受，理也。嫂溺叔援，亦可以非理視之歟？君子於惡人則遠之，陳寔弔張讓以救黨錮；康海見劉謹以出夢陽，皆不循理也。此特可爲悟者道耳。萬水東流理也，百花春發理也。東爲吐噏之地，故凡水皆歸；春爲生育之時，故凡卉皆發。弱水能沉羽毛，介而不容物也；菊花能勝霜雪，傲而不齊物也。剛故介聚於西堅剛之地；強故傲開於秋爲蕭殺之時。非水中之水，花中之花，曷能挺然獨異於眾？此粗發理不可盡循之義。然亦惟大力量者，能不盡循理也。

打不起，罵亦睡，蓋益發前言未盡之意；曰：“水向東西轡轉軸，花開早晚蟻磨槃”，似得循理之意，而未到不盡循理之旨也。“順水行舟，險途按轡”，會得無物我膠固之趣。然喜順水而行舟，驚險途而按轡，亦未造無意識界。非一番大點化，則晦者不幾於愈晦歟”？

覺皇化作無數矍曇花，千年不開不謝之花，乃其開以風，其謝以雨。矍曇究竟亦有不自由時。理不可盡循，觀此可以明白了悟。

雖然，理不可盡循，應事者然也。事而不事於事，物而不物於物，惟真性菩薩能之。鳥含花去，花化鳥羽，幻景繽紛，恍迷心目，非靈根慧業，幾何不誤當前接應，亂羽花真幻。大禪師觀鳥而認羽花，識鳥身非鳥，花魂非花。

含花飛鳥仍飛去，

不斷曇花自在花。

鳥自爲鳥，花自爲花，過眼去來，關人甚事。於是伴僧以此悟色空，以此知無執著。師乃倒持竹杖，進庵而禮世尊。全副精神，又在“倒”字“進”字上。

此節認明理欲順逆之辨，屈伸行止之宜，隨遇而安，與物俱化，雖已無與焉，而真性原不昧也。

[聲註二]

海和僧曰：

叩明真奧，開示心局，禪家第一事也。心把儒家說爲說者，誠已道一而已。儒家玄妙處便是禪，禪家作用處便是儒。捨伎倆文辭尋常戒行之外，而求所謂道者，可一以貫之矣。

說理云何？蓋從事上得來，合當如此。說欲云何？蓋從心上得來，也要如此。理之爲理，有橫斜，有曲直，如木之理。然使理而可盡循，則繩墨規矩，可以不設，又何必求如魯班、離婁、公輸者而使之哉。

師處世以儒，出世以禪，豈肯過爲驚世之辨。蓋優游於是理之中，而超出於是理之外。惟其見得真，是以說得破。調御覺皇，爲竹林第一祖，至于今五百餘歲，虛空顯現，乃在叢曇樹下，人何從而見之。惟我師與我二僧，心心是佛，是故見佛。世之口念“南無佛”，而心中果無佛者，何足以語此。

相傳：“優曇樹無花，優曇花降彌陀，出釋迦”。惟皇陳朝三次開花，逮今復僅見耳。事出希奇，有佛眼光明，方能見得。見得時便得正印。曇花開謝，自與風雨無干，風乃開雨乃謝者，覺皇慈心，只要人知，物物有自然之天，而循理不通，反成凝滯。又現出青鳥與花，變幻不常，佛法神通，亦復如是。鳥不必其爲鳥，花不必其爲花，橫一理於其間，已爲贅瘤，而又何循乎？

雖然，理有順逆，不可盡循，而凡順之可循，乃所謂理。不見竹梢向上，自然之理。至截而爲杖，手握其本，梢反在下，理乎，非理乎？師倒持竹杖，理乎，非理乎？

昔本師拈花，迦葉微笑，契機領旨，不待言傳。今真空無障礙，佛與徒弟說法，乃至徵於色，發於聲者，眾人功行未深，魔障猶重，一聞師言，至於背案而坐。非極力爲言，何緣曉會？是故設爲問答，與眾辨疑，亦是慈悲一段苦心。

PHIÊN ÂM:

ĐẠI CHÂN VIÊN GIÁC THANH

KHÔNG THANH

[Thanh dẫn Ngô Thì Hoàng]

Thanh phát ư khẩu, đại khẩu tắc đại minh. Tiểu khẩu tắc tiểu minh, giai hữu sở nhân nhi phát dã. Phát hữu sở nhân, tiện hữu thời nhi tức.

Không trung nhi hữu thanh, tắc kỳ thanh vô sở tòng lai, diệt vô sở khứ. Nghênh chi bất tri kỳ sở thủy, tùy chi bất tri kỳ sở chung, khanh khanh nhiên, huyền huyền nhiên, vô nhất tức chi hoặc đình. Tỷ vị khai Sửu vị tịch, thanh tại hỗn độn. Dương ký giáng, âm ký thăng, thanh tại tế bàn. Cổ him hành thúc, tận tại không thanh

trung. Khả đắc nhi văn, bất khả đắc nhi tâm. Phù thị chi vị không. Không dã giả, thượng thiên chi tái, vô thanh chi thanh dã.

[Hải Lượng Đại thiên sư]:

Hải Lượng Đại thiên sư, đỉnh lễ Trúc Lâm tam tổ ư Huyền Thiên quan trung, tả bạn tăng Hải Hòa, hữu bạn tăng Hải Tịnh dữ kỳ đồ đệ nhị thập tứ nhân câu.

Đồ đệ bạch sư ngôn:

-Nho gia thuyết lý, hà vị lý?

Sư đáp ngôn:

-Lý như mộc tiết lý chi lý.

Hữu bạch:

-Thuyết dục, hà vị dục?

Sư đáp ngôn:

-Dục như thủy tẩu hạ, hoả viêm thượng chi dục.

Viết:

-Nhiên, tuần lý thời như hà?

Viết:

-Lý bất khả tận tuần.

Ư thị tăng chúng bối án nhi tọa. Sư tác khiếm khí nhi khuất nhất túc. Tả bạn tăng hướng sư ngôn:

-Sư hà thiên khuất nhất túc?

Sư ngôn:

-Vạn thủy giai đông nhược thủy tê,

Cúc hoa bất dữ bách hoa tê.

Tả bạn tăng tiến vân:

-Thủy hướng đông tây lô chuyển trục,

Hoa khai tảo vãn nghị ma bàn.

Sư nãi tác thanh:

-Khởi, khởi khởi, đả bất khởi, thủy, thủy thủy, mạ nãi thủy.

Hữu bạn tăng ly tịch nhi tiến viết:

-Thuận thủy hành chu,

Hiểm đồ án bí.

Nhất chỉ nhất hành,

Tịnh phi ngô ý.

Nhĩ thời, Điều Ngự Giác Hoàng, tại Cồ đàm thụ hạ, hoá tác vô số Cồ đàm hoa. Khai bất khai, phong nãi khai, tạ bất tạ, vũ nãi tạ. Nhi hữu thanh điều, hàm hoa phi khứ, hoa hốt nhập điều, điều vũ tận giai sinh hoa. Sư nãi quan điều, nhi nhận vũ hoa. Kệ ngôn:

-Điều thân phi điều,

Hoa hồn phi hoa.

Hành chỉ nhiều tha,

Ngã nại ngô hà ?

Hữu bạn tăng hợp chương niệm:

-Thị sắc phi sắc,

Thị không phi không.

Tả bantăng thượng tiền vân:

-Mã phùng thảo lộ hành vô ngại,

Mộc đáo bàn căn giải bất khai.

Hữu bạn tăng thiên đản hữu tỷ, nhi tác đáp ngôn :

-Thần lộ thị mã thuận lý, bàn căn thị mộc nghịch lý, lý hữu thuận nghịch, thị vô chấp trước, tiện tuần bất thượng trước.

Sư, nãi đảo trì trúc trượng, tiến am nhi lễ Thế Tôn.

[Thanh chú nhất]

Hải Âu Hoà thượng viết:

-Lý như mộc tiết chi lý, cai hữu thị lý dã; dục như thủy hoả chi dục, cai hữu thị dục dã. Lý nhất nhi dĩ. Ngũ thường, tắc lý vô nhị thị. Nam nữ bất thân thụ thụ, lý dã. Tẩu nịch thúc viện. diệc khả dĩ phi lý thị chi dư? Quân tử ư ác nhân tắc viễn chi, Trần Thực điều Trương Nhưộng dĩ cứu đảng cố; Khang Hải kiến Lưu Căn dĩ xuất Mộng Dương, giai bất tuần lý dã. Thử đặc khả vi ngộ giả đạo nhĩ. Vạn thủy đông lưu lý dã, bách hoa xuân phát lý dã. Đông vi khiếp hấp chi địa, cố phạm thủy giai quy; xuân vi sinh dục chi thời, cố phạm huỷ giai phát. Nhược thủy năng trầm vũ mao, giới nhi bất dung vật dã; cúc hoa năng thắng sương tuyết, ngạo nhi bất tề vật dã. Cương cố giới tự ư tây kiên cương chi địa; cường cố ngạo, khai ư thu vi túc sát chi thời. Phi thủy trung chi thủy, hoa trung chi hoa, hạt năng đình nhiên độc dị ư chúng? Thử thô phát lý bất khả tận tuần chi nghĩa. Nhiên diệc duy đại lực lượng giả, năng bất tận tuần lý dã.

Đã bất khởi, mạ diệc thủy, cái ích phát tiền ngôn vị tận chi ý; viết: “Thủy hướng đông tây lô chuyển trục, hoa khai thảo văn nghị ma bàn.” Tự đắc tuần lý chi ý, nhi vị đáo bất tận tuần lý chi chỉ dã. “Thuận thủy hành chu, hiểm đồ án bí,” hội đắc vô vật ngã giao cố chi thú. Nhiên hỷ thuận thủy nhi hành chu, kinh hiểm đồ nhi án bí, diệc vị tạo vô ý thức giới. Phi nhất phiên đại điểm hoá, tắc hồi giả bất cơ ư dĩ hồi dư?

Giác Hoàng hoá tác vô số Cổ đàm hoa (đàm hoa Phật quốc). Thiên niên bất khai bất tạ chi hoa, nãi kỳ khai dĩ phong, kỳ tạ dĩ vũ. Cổ đàm cứu

cánh diệp hữu bất tự do thời. Lý bất khả tận tuần, quan thử khả dĩ minh bạch liễu ngộ.

Tuy nhiên, lý bất khả tận tuần, ứng sự giả nhiên dã. Sự nhi bất sự ư sự, vật nhi bất vật ư vật, duy chân tính bồ tát năng chi. Điều hàm hoa khứ, hoa hoá điều vũ. Ảo cảnh tân phân, hoảng mê tâm mục. Phi linh căn tuệ nghiệp, kỷ hà bất ngộ đương tiền tiếp ứng, loạn vũ hoa chân ảo. Đại thiên sư quan điều nhi nhận vũ hoa, thức điều thân phi điều, hoa hồn phi hoa.

Hàm hoa phi điều nhưng phi khứ,

Bất đoạn đàm hoa tự tại hoa.

Điều tự vi điều, hoa tự vi hoa, quá nhĩn khứ lai, quan nhĩn thậm sự. Ư thị bạn tăng dĩ thử ngộ sắc không, dĩ thử tri vô chấp trước, sư nãi đảo tri trúc trượng, tiến am nhi lễ Thế Tôn. Toàn phó tinh thần, hựu tại “đảo” tự “tiến” tự thượng.

Thử tiết, thị minh lý dục thuận nghịch chi biện, khuất thân hành chỉ chi nghi, tùy ngộ nhi an, dữ vật câu hoá. Tuy dĩ vô dữ yên, nhi chân tính nguyên bất muội dã.

[Thanh chú nhị]

Hải Hoà tăng viết:

-Khẩu minh lý áo, khai kỳ tâm quynh, Thiên gia đệ nhất sự dã. Tất bả Nho gia thuyết vi thuyết giả, thành dĩ đạo nhất nhi dĩ. Nho gia huyền diệu xử tiện thị Thiên, Thiên gia tác dụng xử tiện thị Nho. Xả kỹ lưỡng văn từ tâm thường giới hạnh chi ngoại, nhi cầu sở vị đạo giả, khả nhất dĩ quán chi hỹ.

Thuyết lý vân hà? Cái tông sự thượng đắc lai, hợp đương như thử. Thuyết dục vân hà? Cái tông tâm thượng đắc lai, dã yếu như thử. Lý chi

vi lý, hữu hoành tà, hữu khúc trực, như mộc chi lý. Nhiên sử lý nhi khả tận tuần, tắc thẳng mặc quy củ, khả dĩ bất thuyết, hựu hà tất cầu như Lô Ban, Ly Lôu, Công Thâu giả nhi sử chi tại.

Sư xử thế dĩ Nho, xuất thế dĩ Thiên, khởi kháng quá vi kinh thế chi biến. Cái ưu du ư thị lý chi trung, nhi siêu xuất ư thị lý chi ngoại, duy kỳ kiến đắc chân, thị dĩ thuyết đắc phá. Điều Ngự Giác Hoàng, vi Trúc Lâm đệ nhất tổ, chí vu kim ngũ bách dư tuế, hư không hiển hiện, nãi tại Cô đàm thụ hạ, nhân hà tông nhi kiến chi. Duy ngã sư dữ ngã nhị tăng, tâm tâm thị Phật, thị cố kiến Phật. Thế chi khẩu niệm: “Nam mô phật,” nhi tâm trung quả vô Phật giả, hà túc dĩ ngữ thử. Tương truyền: “Ưu đàm thụ vô hoa, ưu đàm hoa, giáng Di Đà, xuất Thích Ca.”

Duy hoàng Trần triều tam thứ khai hoa, đãi kim phục cận kiến nhĩ. Sự xuất hỷ kỳ, hữu Phật nhãn quang minh, phương năng kiến đắc. Kiến đắc thời tiện đắc chính ấn. Đàm hoa khai tạ, tự dữ phong vũ vô can, phong nãi khai, vũ nãi tạ giả, Giác Hoàng từ tâm, chỉ yếu nhân tri vật, vật hữu tự nhiên chi thiên, nhi tuần lý bất thông, phản thành ngưng trệ. Hữu hiện xuất thanh điều dữ hoa, biến ảo bất thường, Phật pháp thân thông, diệp phục như thị. Điều bất tất kỳ vi điều, hoa bất tất kỳ vi hoa. Hoành nhất lý ư kỳ gian, dĩ vi ngao lưu, nhi hựu hà tuần hồ?

Tuy nhiên, lý hữu thuận nghịch, bất khả tận tuần, nhi phạm thuận chi khả tuần, nãi sở vi lý. Bất kiến trúc tiêu hướng thượng, tự nhiên chi lý. Chí tiệt nhi vi trượng, thủ ác kỳ bản, tiêu phản tại hạ, lý hồ, phi lý hồ? Sư đảo trí trúc trượng, lý hồ, phi lý hồ?

Tích bản sư niêm hoa, Ca Diếp vi tiểu, khế cơ lãnh chỉ, bất đãi ngôn truyền. Kim chân không vô chương ngại, Phật dữ đồ đệ thuyết pháp, nãi chí chuyển ư sắc, phát ư thanh giả, chúng nhân công hành vị thâm, ma

chương do trọng, nhất văn sư ngôn, chí ư bối án nhi toạ. Phi cực lực vi ngôn, hà duyên hiểu hội? Thị cố thiết vi vấn đáp, dữ chúng biện nghi, diệc thị từ bi nhất đoạn khổ tâm.

DỊCH NGHĨA:

ĐẠI CHÂN VIÊN GIÁC THANH

KHÔNG THANH (TIẾNG KHÔNG)

[Thanh dẫn Ngô Thì Hoàng]

Vì gõ mà có tiếng kêu, gõ mạnh tiếng kêu to, gõ yếu tiếng kêu nhỏ, vậy thì, tiếng kêu vang lên là có nguyên do. Tiếng kêu vang lên có nguyên do, thì có lúc nó phải tắt đi.

Trong khoảng trống không mà có tiếng, thì tiếng ấy không biết từ đâu đưa đến, cũng không biết nó đi về đâu. Đón lấy thì không biết chỗ nó khởi nguồn, đi theo thì không biết chỗ nó kết thúc, sang sang, oang oang, không dừng lại một giây.

Khi trời chưa mở đất chưa sinh, thì tiếng ở nơi hỗn độn; khi dương đã giáng, âm đã thăng, thì có tiếng quanh quẩn ở đó. Xưa nay hành động và nhận thức, hết thay đều ở trong “Tiếng không.”

Tiếng có thể nghe, nhưng tìm thì không được. Chính vì vậy mà gọi là “không.” “Không” ở đây, là sự vận chuyển ở trên trời, là cái tiếng “không có tiếng.”⁽¹⁾

[Hải Lượng Đại thiên sư]

Hải Lượng Đại thiên sư làm lễ ba vị Tổ phái Trúc Lâm ở quán Huyền Thiên, bên trái là sư ông Hải Hòa, bên phải là sư ông Hải Tịnh, cùng với 24 vị đồ đệ khác. Các đồ đệ bạch với thầy rằng:

-Nhà Nho nói về “lý.” Vậy thế nào là “lý”?

Thầy đáp:

-Lý giống như lý lẽ của cây có đốt.

Đồ đệ lại bạch với thầy rằng:

-Nhà Nho lại nói về “dục.” Vậy thế nào là “dục”?

Thầy đáp:

-Dục như nước muốn chảy xuống, như lửa nóng bốc lên.

Đệ tử lại hỏi:

-Nhưng, khi noi theo cái “lý” thì phải như thế nào?

Thầy đáp:

-Lý không thể noi theo hết được!

Thế là, chúng tăng ngồi quay lưng vào án thư. Thầy lúc đó khẽ thở ra và co một chân lại.

Nhà sư bên trái bạch với Thầy rằng:

-Sao Thầy chỉ co có một chân?

Thầy trả lời:

-Vạn thủy giai đông, Nhược thủy tê,

Cúc hoa bất dữ bách hoa tê.

Nghĩa là:

Vạn sông chảy về đông, riêng sông Nhược chảy về tây,

Hoa cúc không cùng với trăm hoa, nở đầy.

Nhà sư bên trái nói:

-Thủy khứ đông tây lô chuyển trục,

Hoa khai thảo văn nghĩ ma bàn.

Nghĩa là:

Nước chảy hết đông lại về tây, như cần giếng xoay trục,
Hoa nở hết buổi sớm lại buổi chiều, tựa kiến bò quanh mâm.

Thầy bèn quát to:

-Dậy, dậy, dậy! Đánh mà chẳng dậy,

Ngủ, ngủ, ngủ! Chửi mà vẫn ngủ.

Nhà sư bên phải rời khỏi chiếu ngồi đi lên hỏi:

-Thuận thủy hành chu,

Hiểm đồ án bí.

Nhất chí nhất hành,

Tịnh phi ngô ý.

Nghĩa là:

Xuôi nước đi thuyền,

Ghìm cương chỗ hiểm.

Vừa đi vừa dừng,

Ý ta chẳng muốn.

Chốc lát, dưới gốc cây Cồ đàm,⁽²⁾ Điều Ngự Giác Hoàng hoá làm vô số hoa Cồ đàm. Hoa muốn nở mà không nở được, có gió thì mới nở; muốn rụng mà không rụng được, có mưa thì mới rụng. Nhưng có con chim xanh ngậm hoa bay đi, hoa bỗng bám vào chim, hết thảy lông chim đều biến thành hoa.

Thầy bèn nhìn chim mà nhận ra đâu là hoa, đâu là lông chim, bèn đọc bài kệ rằng:

Điều thân phi điều,

Hoa hôn phi hoa.

Hành chỉ nhiều tha,

Ngã nại ngô hà.

Nghĩa là:

Thân chim, không phải chim,

Hôn hoa, không phải hoa.

Đứng đi là bởi nó,

Ta làm gì được đâu?

Nhà sư bên phải chấp tay niệm:

-Thị sắc phi sắc,

Thị không phi không.

Nghĩa là:

Sắc chẳng phải sắc,

Không chẳng phải không.

Nhà sư bên trái tiến lên phía trước nói:

-Mã phùng thân lộ hành vô ngại,

Mộc đao bàn căn giải bất khai.

Nghĩa là:

Ngựa gặp đường bằng đi không vướng,

Cây được vững gốc bửa không ra.

Nhà sư bên phải mặc áo lôi vai bên phải, đứng dậy trả lời rằng:

-Đường phẳng là ngựa thuận “lý,” gốc vững là cây nghịch “lý,” “lý” có thuận có nghịch, vậy thì, người nào không câu nệ cố chấp thì không theo nổi “lý.”

Thầy bèn chống ngược gậy trúc, đi lên am mà làm lễ Thế Tôn.

[Thanh chú 1]

Hòa Thượng Hải Âu nói:

-Lý như là cái lý của đốt cây, đúng là có cái “lý” ấy. Dục như nước chảy xuống, lửa bốc lên, đúng là có cái “dục” ấy. Lý chỉ có một mà thôi. Nói theo lẽ thường, thì không bao giờ có hai “lý” cùng đúng. Nam nữ không tự trao tay cho nhau, đó là lý. Nhưng chị dâu chết đuối, em giai chồng vớt lên,⁽³⁾ cũng có thể coi đó là phi lý chăng? Người quân tử đối với kẻ ác thì tránh xa, thế mà Trần Thực lại đi viếng bố Trương Nhượng, để thoát nạn bè đảng,⁽⁴⁾ Khang Hải đi gặp Lưu Cẩn, để xin thả Mộng Dương,⁽⁵⁾ đều không noi theo lý vậy. Điều ấy chỉ có thể nói được với người đã ngộ đạo mà thôi.

Sông muôn dòng chảy đều về đông, đó là lý; hoa trăm loài đều nở về mùa xuân, đó là lý. Phương đông là chỗ thở hút, cho nên mọi sông đều dồn về; mùa xuân là mùa sinh sôi nảy nở, cho nên cỏ cây đều đâm trồi nảy lộc. Nhược thủy có thể nhấn chìm được lông chim lông thú, vì nó thanh khiết không bao dung vật tục; hoa cúc có thể thắng được tuyết sương, vì nó cao ngạo, không chịu ngang hàng với vật khác. Cương nghị cho nên đọng lại ở phương tây, nơi có đất cứng rắn; quật cường cho nên cao ngạo nở vào mùa thu, là mùa khắc nghiệt. Nếu nước không ở trong dòng nước, hoa không ở trong khóm hoa, thì làm sao có thể trồi lên khác hẳn với mọi vật? Đó mới chỉ nói sơ qua về cái nghĩa “Lý không thể theo hết được” của Thầy ta. Nhưng cũng chỉ có bậc đại lực lượng mới có thể biết được cái lý lẽ “không theo được hết lý” vậy.

Nói là “đánh mà không dậy, chửi mà vẫn ngủ,” có lẽ là để nói rõ cái ý của lời nói trước chưa nói hết; nói là “Nước chảy hết đông lại về tây như cần giếng xoay trục, hoa nở hết buổi sớm lại buổi chiều tựa kiến bò quanh

mâm,” dường như đã nói lên được cái ý “noi theo lý,” nhưng chưa đạt đến cái tôn chỉ “không theo lý hết được.” Câu “Xuôi nước đi thuyền, ghim cương chỗ hiểm,” là đã lĩnh hội được cái ý không có ranh giới cố định giữa vạn vật và ta. Nhưng vui mừng vì thấy thuận nước mà xuôi thuyền, gặp đường hiểm mà ghim cương, thì cũng chưa đến được cái giới “vô ý thức.” Nếu không một phen hết sức biến đổi cảm hóa, thì kẻ tối tăm chẳng hầu như càng tối tăm đó hay sao?

Giác Hoàng hóa làm vô số hoa Cồ đàm, nghìn năm hoa không nở không rụng, thế mà khi có gió thì nở, khi có mưa thì rụng, suy cho cùng, hoa Cồ đàm cũng có lúc không được tự do. Vậy câu “Lý không noi theo hết được” xem đó có thể hiểu được một cách rõ ràng.

Tuy nhiên, nói “Lý không noi theo hết được,” là nói người ứng xử với việc đời cũng phải như vậy. Nhưng đứng trước việc mà không bị việc lôi kéo, đứng trước vật mà không bị vật khống chế, thì chỉ có các vị bồ tát “chân tính” mới có thể như thế được. Chim ngậm hoa bay đi, hoa hoá thành lông chim, ảo ảnh rồi bời, mắt quáng lòng mê, nếu không có bản lĩnh linh hoạt, ý chí vững vàng, thì mấy ai không mắc phải sai lầm khi trực diện ứng phó với cái thật và cái giả lẫn lộn giữa hoa và lông chim? Chỉ có Đại thiên sư ta khi nhìn thấy chim mới nhận ra đâu là lông chim, đâu là hoa, biết được thân chim không phải là chim, hồn hoa không phải là hoa.

Hàm hoa phi điệu nhưng phi khứ,

Bất đoạn đàm hoa tự tại hoa.

Nghĩa là:

Chim bay ngậm hoa, vẫn bay đi,

Hoa đàm không gãy là hoa tự tại.

Chim vẫn là chim, hoa vẫn là hoa, lại qua trước mắt, liên quan gì tới người đâu! Vậy là, bạn tặng nhờ đó mà hiểu được chữ “sắc không,” nhờ đó

mà biết được không nên “câu nệ cố chấp” (chấp trước). Thấy bèn chống ngược cây gậy tre tiến lên am làm lễ Thế Tôn. Toàn bộ tinh thần chú trọng ở trong chữ “ngược” và chữ “tiến.”

Tiết này Thầy ta biện luận rõ ràng sự thuận nghịch của “lý” và “dục,” co hay duỗi phải cho hợp lẽ, tùy việc gặp phải mà sắp đặt cho ổn thoả, cùng hoà vào với vạn vật. Như thế, tuy mình không có chỗ dựa nhưng cái tính tự nhiên vốn có (chân tính) còn nguyên không bị mờ tối vậy.

[Thanh chú 2]

Tăng Hải Hòa nói:

-Chỉ rõ cái lý diệu huyền, mở ra cái tâm sâu kín cho người ta thấy, là công việc thứ nhất của nhà Thiền. Muốn làm được việc đó, tất phải dùng đến luận thuyết của nhà Nho để luận thuyết, vì thực ra đạo chỉ là một mà thôi. Chỗ huyền diệu của nhà Nho cũng tức là chỗ huyền diệu của nhà Thiền, chỗ tác dụng của nhà Thiền cũng tức là chỗ tác dụng của nhà Nho. Gạt bỏ ra ngoài những kỹ xảo văn chương của Nho và những điều giới hạnh tâm thường của Thiền, để đi tìm cái gọi là “đạo,” thì Nho và Thiền có thể xâu lại thành một chuỗi.

Nói về “lý” là nói điều gì? Có lẽ là nói về cái đạt được ở trong công việc, hợp lại thành như thế. Nói về “dục” là nói điều gì? Có lẽ là nói cái đạt được ở trong lòng, cũng vừa đúng như thế. Cái lý sở dĩ có lý, vì nó có ngang, có chệch, có cong, có thẳng, như cái lý của đốt cây. Nhưng nếu lý mà có thể noi theo hết thấy được, thì cái giây mực, cái thước đo tròn, cái thước đo vuông, có thể không cần phải đặt ra, mà cũng cần gì phải đi tìm những người như Lỗ Ban, Ly Lôu, Công Thân⁽⁶⁾ để dùng những dụng cụ ấy nữa.

Thầy ta xử thế bằng đạo Nho, xuất thế bằng đạo Thiền, há phải biện luận quá, làm cho người đời kinh hãi. Vì rằng thầy ta ung dung ở trong cái

lý ấy, rồi vượt ra ngoài cái lý ấy. Chỉ có thấy ta mới thấy được cái đúng, nên nói ra được gãy gọn. Điều Ngự Giác Hoàng, là Tổ thứ nhất của phái Trúc Lâm, đến nay đã hơn 500 năm, hiển hiện trong hư không dưới gốc cây Cổ đàm, người ta sao có thể nhìn thấy được! Chỉ có Thấy ta cùng với hai tầng này, lòng mình là Phật, cho nên mới nhìn thấy được Phật. Những người hàng ngày ngoài miệng tụng niệm: “Na mô Phật,” nhưng trong lòng quả thật không có Phật, thì sao đủ để nói điều này với họ được.

Tượng truyền, cây Ưu đàm không có hoa, hoa Ưu đàm giáng xuống bậc Di Đà, Thích Ca xuất thế. Duy chỉ có Hoàng triều nhà Trần nở hoa ba lần, đến nay lại thấy nở hoa lần nữa mà thôi. Việc hiếm hoi lạ lùng này, chỉ có ánh sáng của Phật nhãn mới có thể nhìn thấy. Khi đã nhìn thấy thì đạt được “chính ấn” của đạo. Hoa Ưu đàm nở hay rụng, vốn không liên can gì với gió mưa, thế mà nói gặp gió mới nở, gặp mưa mới rụng, là vì lòng từ bi của Giác Hoàng chỉ muốn cho người đời biết rằng, mọi vật đều có thiên tính tự nhiên của nó, nên noi theo lý mà không thông, thì trở thành ngưng trệ. Lại hiện ra chim xanh và hoa, biến hóa bất thường, Phật pháp thần thông cũng lại như thế. Chim không hẳn là chim, hoa không hẳn là hoa, một chữ “lý” chen ngang vào khoảng giữa, tự làm miếng thịt thừa, thì tuân theo ở chỗ nào?

Tuy nhiên, lý có thuận có nghịch, không thể noi theo hết được, nhưng phạm là cái có thể thuận theo được thì gọi là lý. Không thấy ngọn cây trúc hướng lên trên đấy ư? Đó là lẽ tự nhiên. Đến khi chặt trúc làm gậy, tay cầm đằng gốc, thì ngọn lại trở xuống dưới, ấy là lý chẳng? Phi lý chẳng? Thấy cầm ngược cái gậy trúc, đó là lý chẳng? Phi lý chẳng?

Xưa kia, Bản S·r⁽⁷⁾ nhón tay cầm hoa giro lên, thì Ca Diếp mỉm cười, đó là thần cơ đã linh hội được ý chỉ, không đợi phải truyền thụ bằng lời. Nay chân không chẳng còn chướng ngại, Phật thuyết pháp với đồ đệ phải lộ

ra chút thần sắc, phát ra thành lời, đó là vì chúng nhân công hành chưa sâu, ma chướng còn nặng, vừa mới nghe thầy nói mà đến nỗi ngồi quay lưng vào án thư. Nếu không cố sức nói, thì làm sao mà linh hội được? Cho nên đặt ra vấn đáp để biện minh nghi hoặc với chúng nhân, đó cũng là một điều khổ tâm của đức từ bi.

CHÚ THÍCH:

1. Nguyên văn: “Thượng thiên chi tái, vô thanh vô xứ.” Nghĩa là: “Sự vận chuyển trên trời không tiếng, không mùi” (*Kinh Thi*, thiên *Đại nhĩ*).

2. Cổ đàm: Còn gọi là Ưu đàm hay Thi đàm bát hoa, đó là loại thực vật không có hoa, quả, thường mọc ở Hy Mã Lạp Sơn, cao nguyên Dekan, Sirilanka. Thân cây cổ đàm cao hơn một trượng, tục truyền 3 nghìn năm mới nở hoa một lần.

Có người chú: Hoa cổ đàm ở nước Phật.

3. Sách *Mạnh Tử*, thiên *Ly lâu thượng*: Thuần Vu Khôn viết: Nam nữ thụ thụ bất thân, lễ dư? Mạnh Tử viết: Lễ dã. Viết: Tẩu nịch, tắc viện chi dĩ thủ hồ? Viết: Tẩu nịch, bất viện thị sai lang dã. Nam nữ thụ thụ bất thân, lễ dã, tẩu nịch viện chi dĩ dĩ, quyền dã.

Nghĩa là: Thuần Vu Khôn hỏi: Nam, nữ không được trao tận tay cho nhau một vật gì, đó có phải là lễ không? Mạnh Tử đáp: Đó là lễ.

Hỏi: Chị dâu sắp chết đuối thì có lấy tay vớt lên không?

Đáp: Chị dâu sắp chết đuối mà không vớt là đồ lang sói. Nam nữ không được tận tay trao cho nhau vật gì, đó là lễ, còn chị dâu sắp chết đuối mà lấy tay vớt lên thì như vậy gọi là quyền.

4. Trương Nhượng đời Tống là một tên hoạn quan chuyên quyền ai cũng căm ghét. Bố Nhượng chết, dân cả quận Dinh Xuyên đến viếng, trong các bậc danh sĩ, chỉ có Trần Thục là đến viếng. Khi họa bè đảng xảy ra, các danh sĩ đều bị hại, riêng Trần Thục được Nhượng che chở cho nên còn sống sót.

5. Lưu Cẩn là hoạn quan chuyên quyền đời vua Hiếu Tông nhà Minh. Khang Hải đỗ Trạng nguyên, Lưu Cẩn mời Khang Hải ra làm quan, Khang Hải không thêm ra. Nhưng khi Lý Mộng Dương bị bắt có gửi thư cầu cứu với Khang Hải, nên Khang Hải mới ra mắt Lưu Cẩn để cứu Mộng Dương.

6. 1 3 Ban, Ly Lâu, Công Thâu đều là những bậc thợ mộc nổi tiếng thời Xuân Thu Chiến Quốc.

Cái thước làm vòng tròn (quy). Cái thước làm hình vuông (cử).

7. Bản Sư: Túc Phật Thích Ca Mâu Ni.

2. 寤聲

[聲引吳時儻]

人之爲人，夙興夜寐，興而作，作而動，動故有聲。言話嘖笑，凡聲之所發，人皆得而知之。若夫寐而息，息而靜，靜則無聲。無聲之中，忽然有聲，寐者所不自知也。是聲也，乃造化渾然不露之聲豈尋常言話嘖笑之云乎！爲龍爲蛇，爲浮漚，爲世尊，皆所未常聞之聲，是之謂寤聲。

歐陽子言：“星月皎潔，明河在天，四無人聲，聲在樹間”，天之寤聲也。吾大禪師之寤聲，非夫天籟鳴之聲歟？

[海量大禪師]

海量大禪師，坐石碑壇說法，徒弟又
白師言：

理不可盡循，欲還可盡斷麼？

師言：

不斷斷，斷不斷。滾滾水流，流去涸，星
星火撲，撲來烘。

徒弟白師言：

何水非水？

師答言：

看水是水，不是真水。

又白：

何火非火？

曰：

看火是火，乃是膺火。真水能溫，真火能
寒。是故有欲者無欲，無欲者有欲。

徒弟又白師言：

天下何物是好？

師答言：

物物都好。物有可欲是好，有不可欲是
不好。故有好不好，有不好好。

徒弟不喻。

爾時法螺世尊，在瓊林萬松山中，暑極
口渴，而水飲，探窟求水，見一長蛇，取蛇
吞之，以解焦渴。蛇乃化龍，噴水而浮世
尊。世尊化作浮漚蕩漾水中。師以手指浮
漚，念：

南無釋迦牟尼佛，南無文殊菩薩，南無
普賢菩薩，南無觀世音菩薩。

僧眾合掌。師乃說法如初。

[聲註一]

海鷗和尚曰：

書曰：“天生人有欲”，曰：“所欲與聚”。欲性也，日用常行，如饑食渴飲之不可無。惟欲而不爲欲蔽，即欲斷矣。必曰：“予斷欲，使之無欲”，是欲斷欲也。

無中生欲，更深一重魔障。滾滾水甚大也，任其性而使流則涸矣。星星火至微也，欲其滅而遽撲則烘矣。水質陰而性本陽，火質陽而性本陰。火能寒，水能溫，方具陰陽質性。

有欲者有性，瑩白之則爲了、爲悟、爲定、爲慧。了悟定慧，無欲之上乘也。無欲者無性，晦冥之則爲昏、爲蒙、爲蠢、爲愚。昏、蒙、蠢、愚，有欲之惡根也。反覆對言：“以明不斷斷，斷不斷之旨”。

天下無物不是好，好性也。可欲是好，不可欲是不好，隨其性而應之。物元無定好，定不好也。故山谷之人，所好者卉衣土窟，語之以衣冠文物則愕矣。獷獠之人，手食而鼻飲，茹生而飲血，見方丈列鼎則唾矣。秦割十五城以易趙璧，而荆山之人，用以投鵲。羅殺國以掀鼻獠牙爲美，見眉清目秀者，則號哭而奔避之。動檀板而山鳥飛，襲衣冠而猿狙裂。引而伸之，所謂：“有好不好，有不好好”此之謂也。

此一段以顯上文之止。然天下之事，有常有變。制變而不失其性，又非大力量者不能。法螺世尊，暑極口渴，探穴求水，見一長蛇，取蛇吞之，亦惟世尊能吞蛇耳。蛇乃化龍，噴水而浮世尊，則魔障愈高。世尊現作浮漚，蕩漾水中，將不復見世尊，亦不見浮漚矣。

大禪師以手指浮漚，念釋迦、文殊、普賢、觀音，會得千佛爲一佛，三身是一身，世尊是諸佛，浮漚是世尊。爲天、爲水、爲蛇、爲龍，幻者自幻，真者自真。

南無大慧眼菩薩，僧眾合掌，歡喜亦歡喜。大禪師認得世尊，自明白易見。大禪師認得世尊，故恐未易知。

[聲註二]

海和僧曰：

調御尊居萬乘，妃嬪滿側，珍寶盈前，卒而視六宮如微塵，棄天下如敝屣，竟無一毫留戀。世亦有刻苦持齋者，到小小利害處，便割捨不得。

故知看水是寒，而寒者非真水，一陽初至，泉水先溫，可以寒而言水歟？看火是溫，而溫者非真火，木未鑽時，石未擊時，冷清清如也，可以熱而言火歟？

古人有言：“天下無正色，天下無正聲”。有可欲者便是好，否則商敦周鼎，難售田夫。冬葛夏裘，必違於物性。好則好矣。如不可欲何？

試思口渴時而欲水，水是好，蛇是不好。無水而見長蛇，可欲在蛇，蛇卻是好。有水而浮世尊，不可欲在水，水卻是好。浮漚卻是不好，世尊現作浮漚，浮漚卻是好。指浮漚而念佛，浮漚非佛國中變化之一最好歟？

師自在壇，世尊自在山，師手指浮漚時，在壇歟？在山歟？西方佛，放白毫光照東土，其壇之謂歟？夫法螺世尊，猶以渴而欲水，渴則思解，解了便休，到得蕩漾水中，空空自性，又何欲之可斷？

PHIÊN ÂM:

NGÔ THANH

[Thanh dẫn Ng[^] Thì Hoàng]

Nhân chi vi nhân, túc hưng dạ mị, hưng nhi tác, tác nhi động, động cố hữu thanh. Ngôn thoại tần tiếu. phàm thanh chi sở phát, nhân giai đắc nhi tri chi. Nhược phù my nhi tức, tức nhi tĩnh, tĩnh tắc vô thanh. Vô thanh chi trung, hốt nhiên hữu thanh, my giả sở bất tự tri dã. Thị thanh dã, nãi tạo hóa hồn nhiên bất lộ chi thanh, khởi tâm thường ngôn thoại tần tiếu chi vân hồ? Vi long vi xà, vi phù âu, vi Thế Tôn, giai sở vị thường văn chi thanh, thị vị chi Ngô thanh.

Âu Dương Tử ngôn: “Tĩnh nguyệt kiêu khiết, minh hà tại thiên, tứ vô nhân thanh, thanh tại thụ gian,” thiên chi Ngô thanh dã. Ngô Đại thiên sư chi Ngô thanh, phi phù thiên lại minh chi thanh dư?

[Hải Lượng Đại thiên sư]

Hải Lượng Đại thiên sư tọa Thạch Bi đàn thuyết pháp, đồ đệ hựu bạch sư ngôn:

-Lý bất khả tận tuần, dục hoàn khả tận đoán ma.

Sư ngôn:

-Bất đoán đoán, đoán bất đoán. Cố cố thủy lưu, lưu khứ hạt, tinh. tinh hoả phác, phác lai hồng.

Đồ đệ bạch sư ngôn:

-Hà thủy phi thủy?

Sư đáp ngôn:

-Khán thủy thị thủy, bất thị chân thủy.

Hựu bạch:

-Hà hoả phi hoả?

Viết:

-Khán hoả thị hoả, nãi thị ứng hoả. Chân thủy năng ôn, chân hoả năng hàn. Thị cố hữu dục giả vô dục, vô dục giả hữu dục.

Đồ đệ hựu bạch sư ngôn:

-Thiên hạ hà vật thị hảo?

Sư đáp ngôn:

-Vật vật đô hảo. Vật hữu khả dục thị hảo, hựu bất khả dục thị bất hảo. Cố hữu hảo bất hảo, hữu bất hảo hảo.

Đồ đệ bất dụ.

Nhĩ thời Pháp Loa Thế Tôn, tại Quỳnh Lâm Vạn Tùng sơn trung, thủ cực khẩu khát, nhi vô thủy ẩm, thám quật cầu thủy, kiến nhất trường xà, thủ xà thôn chi, dĩ giải tiêu khát. Xà nãi hoá long, phún thủy nhi phù Thế Tôn. Thế Tôn hoá tác phù âu, đăng dạng thủy trung. Sư dĩ thủ chỉ phù âu, niệm:

-Nam mô Thích Ca Mâu Ni Phật, Nam mô Văn Thù bồ tát, Nam mô Phổ Hiền bồ tát, nam mô Quan Thế Âm bồ tát.

Tăng chúng hợp chường. Sư nãi thuyết pháp như sơ.

[Thanh chú nhất]

Hải Âu Hoà thượng viết:

-Thư viết: Thiên sinh nhân hữu dục, viết: “Sở dục dĩ tự.” Dục tính dã, nhật dụng thường hành, như cơ thực khát ẩm chi bất khả vô. Duy dục nhi bất vi dục tế, tức dục đoán hỷ. Tất viết: “Dư đoán dục, sử chi vô dục,” thị dục đoán dục dã.

Vô trung sinh dục, cánh thâm nhất trùng ma chường. Cỗ cỗ thủy thậm đại dã, nhậm kỳ tính nhi sử lưu tắc hạt hỷ. Tinh tinh hoả chí vi dã,

dục kỳ diệt nhi cự phác tắc hồng hỷ. Thuỷ chất âm nhi tính bản dương, hoả chất dương nhi tính bản âm. Hoả năng hàn, thuỷ năng ôn, phương cụ âm dương chất tính.

Hữu dục giả hữu tính, oánch bạch chi tắc vi liễu, vi ngộ, vi định, vi tuệ. Liễu, ngộ, định, tuệ, vô dục chi thượng thừa dã. Vô dục giả vô tính, hồi minh chi tắc vi hôn, vi mộng, vi xuân, vi ngu. Hôn, mộng, xuân, ngu, hữu dục chi ác căn dã. Phản phúc đối ngôn: “Dĩ minh bất đoán đoán, đoán bất đoán chi chỉ.”

Thiên hạ vô vật bất thị hảo, hảo tính dã. Khả dục thị hảo, bất khả dục thị bất hảo, tùy kỳ tính nhi ứng chi. Vật nguyên vô định hảo, định bất hảo dã. Cố sơn cốc chi nhân, sở hảo giả huỷ y thổ quật, ngữ chi dĩ y quan văn vật tắc ngạc hỷ. Quảng Liêu chi nhân, thủ thực nhi tỵ ẩm, như sinh nhi ẩm huyết, kiến phương trượng liệt đỉnh tắc thoá hỷ. Tần cát thập ngũ thành dĩ dịch Triệu bích, nhi Kinh Sơn chi nhân, dụng dĩ đầu thước. La Sát quốc dĩ hân tỵ liêu nha vi mỹ, kiến my thanh mục tú giả, tắc hào khóc nhi bôn tỵ chi. Động đàn bản nhi sơn điệu phi, tập y quan nhi viên như liệt. Dãn nhi thân chi, sở vị: “Hữu hảo bất hảo, hữu bất hảo hảo” thử chi vị dã.

Thử nhất đoạn dĩ hiển thượng văn chi chỉ. Nhiên thiên hạ chi sự, hữu thường hữu biến. Chế biến nhi bất thất kỳ tính, hựu phi đại lực lượng giả bất năng. Pháp Loa Thế Tôn, thử cực khẩu khát, thám huyết cầu thuỷ, kiến nhất trường xà, thử xà thôn chi, diệt duy Thế Tôn năng thôn xà nhi. Xà nãi hoá long, phun thuỷ nhi phù Thế Tôn, tắc ma chương dữ cao. Thế Tôn hiện tác phù âu, đang dạng thuỷ trung, tương bất kiến Thế Tôn, diệt bất kiến phù âu hỷ.

Đạt thiên sư dĩ thủ chỉ phù âu, niệm Thích Ca, Văn Thù, Phổ Hiền, Quan Âm, hội đắc thiên Phật vi nhất Phật, tam thân thị nhất thân, Thế

Tôn thị chư Phật, phù âu thị Thế Tôn. Vi thiên, vi thủy, vi xà, vi long, ảo giả tự ảo, chân giả tự chân.

Na mô Đại Tuệ Nhân bồ tát, tăng chúng hợp chuông, hoan hỷ diệt hoan hỷ. Đại thiên sư nhận đắc Thế Tôn, tự mình bạch dị kiến. Đại thiên sư nhận đắc Thế tôn, cố khùng vị dị tri.

[Thanh chú nhị]

Hải Hoà tăng viết:

-Điều Ngự tôn cư vạn thặng, phi tần mãn trắc, trân bảo doanh tiền, tốt nhi thị lục cung như vi trần, khí thiên hạ như tẻ tở, cánh vô nhất hào lưu luyến. Thế diệt hữu khắc khổ trì trai giả, đáo tiểu tiểu lợi hại xứ, tiện cát xả bất đắc.

Cố tri khán thủy thị hàn, nhi hàn giả phi chân thủy, nhất dương sơ chí, tuyền thủy tiên ô, khả dĩ hàn nhi ngôn thủy dư? Khán hoả thị ôn, nhi ôn giả phi chân hoả, mộc vị toản thời, thạch vị kích thời, lãnh thanh thanh như dã. khả dĩ thực nhi ngôn hoả dư?

Cố nhân hữu ngôn: “Thiên hạ vô chính sắc, thiên hạ vô chính thanh.” Hữu khả dục giả tiện thị hảo, phủ tắc Thương đôn Chu đỉnh, nan thù điển phu. Đông cát hạ cầu, tất vi ư vật tính. Hảo tắc hảo hỷ. Như bất khả dục hà?

Thí tư khẩu khát thời nhi dục thủy, thủy thị hảo, xà thị bất hảo. Vô thủy nhi kiến trường xà, khả dục tại xà, xà khước thị hảo. Hữu thủy nhi phù Thế Tôn, bất khả dục tại thủy, thủy khước bất thị hảo. Phù âu khước bất thị hảo, Thế Tôn hiện tác phù âu, phù âu khước thị hảo. Chỉ phù âu nhi niệm Phật, phù âu phi Phật quốc trung biên hoá chi nhất tối hảo dư?

Sư tự tại đàn, Thế Tôn tự tại sơn, sư thủ chỉ phù âu thời, tại đàn dư? Tại sơn dư? Tây phương Phật, phóng bạch hào quang chiếu đông thổ, kỳ đàn chi vị dư? Phù Pháp Loa Thế Tôn, do dĩ khát nhi dục thủy, khát tắc tư giải, giải liễu tiện hưu, đảo đắc đăng dạng thủy trung, không tự tính, hưu hà dục chi khả đoán?

DỊCH NGHĨA:

TIẾNG THỨC (NGỘ THANH)

[Thanh dẫn Ngô Thì Hoàng]

Đã là người thì, sớm dậy, tối nằm, dậy thì nhúc nhắc, nhúc nhắc, thì động, vì động cho nên có tiếng. Nói năng, cười, khóc, phàm tiếng đã được phát ra, thì người ta đều nghe được mà biết. Còn như ngủ thì nghỉ, nghỉ thì yên lặng, yên lặng thì không có tiếng. Trong khi không có tiếng, mà chợt có tiếng, thì người ngủ không tự biết được. Cái tiếng ấy là cái tiếng hồn nhiên chẳng tiết lộ ra của tạo hóa, nào có phải là cái tiếng nói năng cười khóc tầm thường đâu! Là rỗng, là rần, là bong bóng trên mặt nước, là Thế Tôn, đều là những tiếng chưa từng nghe bao giờ, đó gọi là “Ngộ thanh” (Tiếng Thức).

Âu Dương Tử nói: “Trăng sao vàng vạc, sông Ngân giữa trời, bốn bề không có tiếng người, không có tiếng ở trong khóm cây,”⁽¹⁾ đó là “Tiếng Thức” của trời vậy. Thế thì, “Tiếng Thức” của Đại thiên sư ta, há chẳng phải là tiếng sáo trời oang reo đó hay sao?

[Hai Lượng đại thiên sư]

Hải Lượng Đại thiên sư ta đang ngồi trên đàn Thạch Bi để thuyết pháp, đồ đệ lại có người đi tới bạch với thầy rằng:

-*Lý* (lý lẽ) không thể noi theo hết được, vậy thì *dục* (lòng ham muốn) còn có thể cắt đứt hết được hay không?

Thầy nói:

-Không cắt đứt thì đứt, muốn cắt đứt thì lại không đứt. Nước chảy cuộn cuộn, chảy đi thì cạn. Dập lửa lồm đồm, dập thì bùng lên.

Đồ đệ lại bạch với thầy rằng:

-Có nước gì chẳng phải là nước không?

Thầy trả lời rằng:

-Nếu nước được coi là nước, thì đó không phải là nước thật.

Lại bạch rằng:

-Có lửa gì chẳng phải là lửa không?

Thầy trả lời rằng:

-Nếu lửa được coi là lửa, thì đó chính là lửa giả. Nước thật thì nóng, lửa thật thì lạnh. Cho nên kẻ nào có lòng ham muốn thì không ham muốn, kẻ nào không có lòng ham muốn thì ham muốn.

Đồ đệ lại bạch với thầy:

-Trong trời đất vật gì là tốt?

Thầy trả đáp:

-Mọi vật đều tốt cả. Vật gì ta thích thì tốt, ta không thích thì không tốt. Cho nên có cái tốt mà không tốt, có cái không tốt mà tốt.

Đồ đệ không hiểu được.

Trong giây lát, Pháp Loa Thế Tôn ở trong núi Quỳnh Lâm Vạn Tùng, nóng quá miệng khát, nhưng không có nước uống, bèn dò hang tìm nước, thấy một con rắn dài, bắt rắn nuốt đi, để giải cơn khát. Rắn bèn hóa thành rồng phun nước, làm cho Thế Tôn nổi lên. Thế Tôn hóa làm cái bong bóng nổi lên bênh trên mặt nước. Thầy chỉ tay vào cái bong bóng nổi, niệm:

-Nam mô Thích Ca Mâu Ni Phật, Nam mô Văn Thù bồ tát, Nam mô Quan Thế Âm bồ tát.

Chúng tăng đều chấp tay, Thầy bèn lại thuyết pháp như lúc trước.

[Thanh chú 1]

Hòa thượng Hải Âu nói:

-*Kinh Thư* có nói rằng: “Trời sinh ra con người đều có lòng ham muốn.” Lại nói: “Có ham muốn thì ham muốn tự lại cho.”⁽²⁾ Như thế, ham muốn vốn là tính tự nhiên, luôn luôn thể hiện ở những hành động thường ngày, như đói thì muốn ăn, khát thì muốn uống, không có không được. Chỉ có điều, nếu muốn cho lòng ham muốn không bị che khuất, thì lòng ham muốn sẽ dứt. Như thế, ắt sẽ có người nói rằng: “Ta cắt bỏ lòng ham muốn đi, để cho nó không còn tồn tại nữa,” là muốn cắt đứt lòng ham muốn vậy.

Ham muốn sinh ra từ trong cái không, trong cái không sinh ra cái có, lại càng làm cho ma chướng sâu thêm một tầng. Nước cuộn cuộn chảy rất lớn, cứ theo cái tính của nó mà để mặc cho nó chảy, thì nó khô cạn. Lửa lăm lăm rất nhỏ, nhưng muốn nó tắt đi mà vội dập, thì nó bùng lên. Nước chất âm mà vốn tính của nó là dương, lửa chất dương mà vốn tính

của nó là âm. Lửa phải ở trạng thái lạnh, nước phải ở trạng thái ấm, thì mới đủ tính chất âm dương.

Có ham muốn là do có bản tính, làm cho bản tính ấy trong trắng, thì là “liễu,” là “ngộ,” là “định,” là “tuệ.” Liễu, ngộ, định, tuệ là Thượng thừa⁽³⁾ của vô dục (không có lòng ham muốn). Không có lòng ham muốn là không có bản tính, làm cho bản tính của nó tối mờ đi, thì là “hôn,” là “mông,” là “xuẩn,” là “ngu.” Hôn, mông, xuẩn, ngu là cái gốc sâu xa của hữu dục (có lòng ham muốn). Thấy lật đi lật lại mà trả lời để tỏ rõ cái ý nghĩa “Không chặt đứt thì đứt, chặt đứt thì không đứt” vậy.

Trong trời đất không có vật gì là không tốt, tốt là do bản tính của nó. Có mong muốn là tốt, không có là không tốt, phải tùy theo bản tính của nó mà đáp ứng. Vật không hẳn vật nào là tốt, vật nào là xấu. Cho nên người ở trong núi, trong thung lũng thì sở thích là áo cỏ, hang đất; nếu lấy mũ áo văn vật mà nói với họ thì họ lấy làm kỳ lạ. Người Man, Rợ ăn bằng tay, uống bằng lỗ mũi, nuốt tươi, uống máu, thấy nhà ăn bằng chảo vạc thì phỉ nhổ. Nước Tần cắt mười lăm thành để đổi lấy một hòn ngọc của nước Triệu, thế mà người Kinh Sơn thì lại lấy ngọc mà ném chim. Nước La Sát cho hếch mũi vầu rằng là đẹp, nhưng thấy ai mày ngài mắt phượng thì sợ hãi gào khóc mà chạy trốn.⁽⁴⁾ Chim rừng nghe tiếng sênh tiếng phách thì bay xa, vượn khỉ mặc áo đội mũ thì xé rách. Suy cho rộng ra, nói rằng “Có cái tốt mà không tốt, có cái không tốt mà tốt” là nói cái đó.

Đoạn này dùng để nói rõ ý nghĩa của đoạn văn trên. Nhưng việc trong trời đất có cái thường, có cái biến. Ứng phó với cái biến mà không mất bản tính của nó, không phải người có đại lực lượng thì không làm nổi. Pháp Loa Thế Tôn nóng bức khát nước, dò hang tìm nước, thấy một con

rắn dài, bắt nó mà nuốt đi, chỉ có Thế Tôn mới nuốt được rắn. Rắn lại hóa ra con rồng phun nước, làm cho Thế Tôn nổi lênh bệnh, thì ma chướng càng cao. Thế Tôn hóa làm cái bong bóng nổi lênh đèntrên mặt nước, rồi người ta cũng chẳng thấy Thế Tôn đâu nữa, và cũng chẳng thấy có bong bóng nào nữa.

Thầy lấy ngón tay chỉ cái bong bóng, niệm Thích Ca, Văn Thù, Phổ Hiền, Quan Âm, biết được rằng muôn Phật ra một Phật, ba thân là một thân, Thế Tôn là chư Phật, bong bóng là Thế Tôn. Là trời, là nước, là rắn, là rồng, huyễn vẫn là huyễn, chân vẫn là chân.

“Na mô Đại tuệ nhãn bồ tát,” tăng chúng hoan hỷ chấp tay niệm, Đại thiên sư cũng hoan hỷ niệm. Đại Thiên sư nhận biết được Thế Tôn, việc đó rõ ràng dễ nhìn thấy. Nhưng vì sao Đại Thiên sư nhận biết được Thế Tôn, điều này e rằng không dễ mà biết được.

[Thanh chú 2]

Tăng Hải Hòa nói:

-Điều Ngự ở ngôi cao có vạn cỗ xe, hai bên chậtních những phi tần, châu báu chất đầy trước mặt, rút cục, lại coi lục cung như bụi bay, vứt bỏ thiên hạ như bỏ đôi giày nát, tuyệt nhiên không mảy may luyến tiếc. Đời cũng có kẻ trài khắc khổ, nhưng đến khi gặp điều lợi hại nho nhỏ, thì không cắt bỏ được.

Cho nên biết rằng, xem nước là lạnh mà lạnh không phải là nước thật, vì khi một dương mới sinh, thì nước sôi ấmm áp trước, như thế thì có thể lấy cái lạnh mà nói về bản tính của nước hay sao? Xem lửa là ấmm, mà ấmm không phải lửa thật, khi gỗ chưa dùi, khi đá chưa xiết thì vẫn lạnh ngăn ngắt đấy, như thế thì có thể lấy cái nóng mà nói về bản tính của lửa được chẳng?

Cổ nhân có câu rằng: “Thiên hạ không có sắc chính, thiên hạ không có thanh chính.”⁽⁵⁾ Cái gì mình thích, thì là tốt, nếu không thì vạc của nhà Thương, đỉnh của nhà Chu cũng khó bán cho người đi cày. Mùa đông mặc áo cát (áo mỏng), mùa hạ mặc áo cầu (áo dày) là trái với tính vật, tốt thì vẫn là tốt, nhưng như thế thì sao người ta lại không muốn?

Thử nghĩ mà xem, khi miệng khát thì muốn uống nước, lúc đó nước là tốt, con rắn là không tốt. Không có nước, thấy con rắn dài, muốn giải khát bằng con rắn, lúc ấy con rắn lại là tốt. Có nước nhưng nước làm cho Thế Tôn phải nổi lên, thì Thế Tôn không muốn có nước nữa, lúc đó nước lại là không tốt. Cái bong bóng trên mặt nước là không tốt mà Thế Tôn hiện làm bong bóng, thì bong bóng lại là tốt. Chỉ cái bong bóng nước mà niệm Phật, thì cái bong bóng nước chẳng phải là cái tốt nhất của sự biến hóa trong nước Phật hay sao?

Thầy vốn ở đàn, Thế Tôn vốn ở núi, khi thầy chỉ tay vào cái bong bóng nước, thì lúc ấy thầy đang đứng ở đàn chăng? Hay đang đứng ở núi chăng? Phật ở Tây phương phóng đạo hào quang trắng, rọi chiếu tới Đông thổ, đó là nói cái đàn thầy ta đang ở chăng? Kể ra, Đức Pháp Loa Thế Tôn do khát mà muốn uống nước, đã khát thì muốn giải khát, giải khát rồi thì thôi, đang này, lại được lệnh bênh trên nước, tự nhiên thoải mái, vậy thì sao lại muốn cắt bỏ ham muốn ấy đi?

CHÚ THÍCH:

1.Âu Dương Tử: Tức Âu Dương Tu. Câu này trích từ bài phú *Thu thanh* (Thu thanh phú) của Âu Dương Tu (1007 - 1072).

2.Nguyên văn: “Sở dục dĩ chi tự chi,” nghĩa là: Muốn có dục vọng thì dục vọng tự lại cho (*Kinh Thư*).

3. Thượng thừa: Sách *Tam Tổ thực lục* chia Thiền ra làm 5 loại: 1/ Phàm phu Thiền. 2/ Ngoại đạo Thiền. 3/ Tiểu thừa Thiền. 4/ Đại thừa Thiền. 5/ Thượng thừa Thiền. Ở đây cho rằng liễu, ngộ, định, tuệ là đỉnh cao của “vô dục” (không ham muốn).

4. Truyện này trích trong *Liêu trai chí dị*.

5. Câu thơ *Nghị hôn* của Bạch Cư Dị (772 - 846): “Thiên hạ vô chính thanh... Thiên hạ vô chính sắc.” Ở đây chép ngược lại là “Thiên hạ vô chính sắc. Thiên hạ vô chính thanh.” Trong bài dịch là “sắc chính,” “thanh chính” nghĩa là màu sắc chính, bao gồm các màu xanh, vàng, đỏ, trắng, đen; thanh chính là thanh âm chính, không bao gồm tạp âm trong đó.

3. 殷聲

[聲引吳時儂]

殷者殷然而發。詩曰：“殷其雷在南山之陽”是也。禪師昏然而睡，時爲至靜，忽然祥光化枯樹生，至靜而後至動，是之謂殷聲。

夫！空侗一氣，混沌未分，萬象始於空，空一太極也。陰陽之氣，凝爲兆朕，發機於寤，寤者太極生兩儀也。形氣既分，則天氣下降，地氣上騰，有變化無窮之機。此如天上有雷，其體爲大壯，其德爲殷，

殷者兩儀生四象也。天人一理，故以三祖現身起見。

觀此可以知天。

[海量大禪師]

海量大禪師，雲遊於博士齋中，博士
與其門弟，儒服禮拜大禪師，而白師言：

佛說不生，何以有生？佛說不滅，何以
有滅？

師答言：

有生是不生，有滅是不滅。

牛首蛇身難得見，雀眼雞起自然知。西
牛賀州，有大千世界，生無數萬億劫身，有
無數萬億年，只有無數萬億身，耳目口鼻具
足，爾看來有生無生？

大禪師乃昏然而睡。博士門弟，一時退
散。爾時，玄光世尊，化作萬段祥光，纏遶

枯樹。枯樹乃大生枝葉，卒然有花有實，實生樹子，化作百千萬億松梢。

師忽省悟，乃在萬松山中，合掌而作偈言：

誰吹來枯？

曷噓來榮？

到底松身，

爾滅爾生。

博士門弟，尋見師於萬松山中，乃大生歡喜心，師乃大生歡喜心。

[聲註一]

海鷗和尚曰：

大禪師遊博士齋，博士以儒服謁禪師，儒釋無二致也。博士以有生有滅難大禪師，蓋未不滅不生之義。試言之：

春到花開，秋到花落，物之生滅也。極求之，總歸於何有之鄉。我生之初誰是我，我生之後我是誰，我之生滅也。極言之，不知其去來之處。見其見而不見其不見，此不生不滅之旨也。

牛首蛇身，怪異之物。雀眼雞起，尋常之事，以此爲難見易知之証。西牛賀州，大千世界，有無數萬億劫身，無數萬億年，只有無數萬億身，於何爲生？於何爲滅？須從此處悟得有生無生，方悟有滅無滅。

大禪師入定昏睡時，博士門徒，一番思議，未能遽悟。爾時玄光世尊，就眼前真境，點化萬段祥光，纏繞枯樹，而大生枝葉，而有花實，而生樹子，而作百千萬億松梢，枯樹滅也。滅則無生，從無生中，幻出生生不窮之道。爲枯爲生，卒焉勃焉，瞬息間只在枯松身上。大禪師作偈，如劈頭喝捧，提耳震雷，博士以此悟真，亦有大慧眼者。

然枯松生枝，佛化而亦魔也。心生魔生，心滅魔滅，都自人心造出。無意無觸者不見也，不見時便是不生不滅。

右上三節，爲經中大明題目。大禪師得道之淵邃，說法之玄妙，徒弟入道之門，皆當於是觀。

[聲註二]

海和僧曰：

佛亦人耳。人有形氣。囿於形氣者，誰能無生，亦誰能無滅？惟其圓通智慧，廣大慈悲，獨有以異於人。故在西方謂之佛，猶東土謂之聖人，以其超，出於形氣者言之耳。能出於形氣，故身在天地後，而道在天地先。

眾苦沉淪，何忍不生？其生則光明普照，濟度無邊。而教本虛無，何生之爲徇？功行圓完，何惜不滅？其滅則一真，自如萬化俱寂，而神尤無不周遍，何滅之爲空？

佛說不生不滅，是指道體而言。若曰：“聖人未生，道在天地，聖人既生，道在聖人，聖人既沒，道在六經”。道無隆污，息不生不滅之謂也。

夫！道統之傳有自來，不以聖人而生，得孔子生而萬世文明，可以無滅時。道派之流無終窮，不以佛而生，得牟尼氏生，而法輪常轉，可以無滅時。

如枯樹本無生底，祥光纏遶，忽然而生，生而爲花
爲實，百千萬億，生生不窮，滅麼？不滅麼？

PHIÊN ÂM:

ẨN THANH

[Thanh dẫn Ngô Thì Hoàng]

Ẩn giả ẩn nhiên nhi phát. Thi viết: “Ẩn kỳ lôi tại Nam Sơn chi dương” thị dã. Thiên sư hôn nhiên nhi thuy, thời vi chí tĩnh, hốt nhiên tường quang hoá khô thụ sinh, chí tĩnh nhi hậu chí động, thị chi vi Ẩn thanh.

Phù! Không đồng nhất khí, hỗn độn vị phân, vạn tượng thuỷ ư không, không nhất thái cực dã. Âm dương chi khí, ngưng vi triệu trâm, phát cơ ư ngộ, ngộ giả Thái Cực sinh Lưỡng Nghi dã. Hình khí ký phân, tắc thiên khí hạ giáng, địa khí thượng đằng, hữu biến hoá vô cùng chi cơ. Thử như thiên thượng hữu lôi, kỳ thể vi đại tráng, kỳ đức vi ẩn. Ẩn giả Lưỡng Nghi sinh Tứ Tượng dã. Thiên nhân nhất lý, cố dĩ Tam Tổ hiện thân khởi kiến. Quan thử khả dĩ tri thiên.

[Hải Lượng Đại thiên sư]

Hải Lượng Đại thiên sư vân du ư Bác sĩ trai trung, Bác sĩ dữ kỳ môn đệ, Nho phục lễ bái Đại thiên sư, nhi bạch sư ngôn:

-Phật thuyết bất sinh, hà dĩ hữu sinh? Phật thuyết bất diệt, hà dĩ hữu diệt?

Sư đáp ngôn:

-Hữu sinh thị bất sinh, hữu diệt thị bất diệt.

Ngưu thủ xà thân nan đắc kiến, tước nhĩ kê khởi tự nhiên tri. Tây Ngưu Hạ Châu, hữu đại thiên thế giới, sinh vô số vạn ức kiếp thân, hữu vô số vạn ức niên. Chỉ hữu vô số vạn ức thân, nhĩ mục khẩu tị cụ túc. Nhĩ khán lai hữu sinh vô sinh?

Đại thiên sư nãi hôn nhiên nhi thủy. Bác sĩ môn đệ, nhất thời thoái tán. Nhĩ thời, Huyền Quang Thế Tôn, hoá tác vạn đoạn tường quang, triển nhiều khô thụ. Khô thụ nãi đại sinh chi diệt, tốt nhiên hữu hoa hữu thực, thực sinh thụ tử, hoá tác bách thiên vạn ức từng tiêu.

Sư hốt tỉnh ngộ, nãi tại vạn từng sơn trung, hợp chương nhi tác kệ ngôn:

Thùy xuy lai khô?

Hạt hư lai vinh?

Đáo để từng thân,

Nhĩ diệt nhĩ sinh.

Bác sĩ môn đệ, tâm kiến sư ư vạn từng sơn trung, nãi đại sinh hoan hỷ tâm, sư nãi đại sinh hoan hỷ tâm.

[Thanh chú nhất]

Hải Âu Hoà thượng viết:

Đại thiên sư du Bác sĩ trai, Bác sĩ dĩ Nho phục yết Thiên sư, Nho Thích vô nhị trí dã. Bác sĩ dĩ hữu sinh hữu diệt nan Đại thiên sư, cái vị bất diệt bất sinh chi nghĩa. Thí ngôn chi:

Xuân đáo hoa khai, thu đáo hoa lạc, vật chi sinh diệt dã. Cực câu chi, tổng quy ư vô hà hữu chi hương. Ngã sinh chi sơ thủy thị ngã, ngã

sinh chi hậu ngã thị thủy, ngã chi sinh diệt dã. Cực ngôn chi, bất tri kỳ khứ lai chi xứ. Kiến kỳ kiến nhi bất kiên kỳ bất kiến, thử bất sinh bất diệt chi chỉ dã.

Ngưu thử xà thân, quái dị chi vật. Tước nhơn kê khởi, tâm thường chi sự, dĩ thử vi nan kiến dị tri chi chứng. Tây Ngưu Hạ Châu, đại thiên thế giới, hữu vô số vạn ức kiếp thân, vô số vạn ức niên. Chỉ hữu vô số vạn ức thân, ư hà vi sinh? Ứ hà vi diệt? Tu tông thử xứ ngộ đắc hữu sinh vô sinh, phương ngộ hữu diệt vô diệt.

Đại thiên sư nhập định hôn thủy thời, Bác sĩ môn đồ, nhất phiên tư nghị, vị năng cự ngộ. Nhĩ thời Huyền Quang Thế Tôn, tước nhơn tiên chân cảnh, điểm hoá vạn đoạn tường quang, triển nhiều khô thụ, nhi đại sinh chi diệt, nhi hữu hoa thực, nhi sinh thụ tử, nhi tác bách thiên vạn ức từng tiêu, khô thụ diệt dã. Diệt tắc vô sinh, tông vô sinh trung, ảo xuất sinh sinh bất cùng chi đạo. Vi khô vi sinh, tốt yên bột yên, thuận tức gian chỉ tại khô từng thân thượng. Đại thiên sư tác kệ, như bích đầu hát bóng, đề nhĩ chán lời, Bác sĩ dĩ thử ngộ chân, diệt hữu đại tuệ nhơn giả.

Nhiên khô từng sinh chi, Phật hoá nhi diệt ma dã. Tâm sinh ma sinh, tâm diệt ma diệt, đồ tự nhơn tâm tạo xuất. Vô ý vô xúc giả bất kiến dã, bất kiến thời tiện thị bất sinh bất diệt.

Hữu thượng tam tiết, vi kinh trung đại minh đề mục. Đại thiên sư đắc đạo chi uyên thủy, thuyết pháp chi huyền diệu, đồ đệ nhập đạo chi môn, giai đương ư thị quan.

[Thanh chú nhị]

Hải Hoà tăng viết:

-Phật diệt nhơn nhĩ. Nhơn hình khí, hữu ư hình khí giả, thủy năng vô sinh, diệt thủy năng vô diệt? Duy kỳ viên thông trí tuệ, quảng đại từ bi,

độc hữu dĩ dĩ ư nhân. Cố tại Tây phương vị chi Phật, do Đông thổ vị chi Thánh nhân, dĩ kỳ siêu, xuất ư hình khí giả ngôn chi nhĩ. Năng xuất ư hình khí, cố thân tại thiên địa hậu, nhi Đạo tại thiên địa tiên.

Chúng nhược trầm luân, hà nhân bất sinh? Kỳ sinh tắc quang minh phổ chiếu, tế độ vô biên, nhi giáo bản hư vô, hà sinh chi vi tuân? Công hành viên hoàn, hà tích bất diệt? Kỳ diệt tắc nhất chân, tự như vạn hoá câu tịch, nhi thân vưu vô bất chu biến, hà diệt chi vi không?

Phật thuyết bất sinh bất diệt, thị chỉ Đạo thể nhĩ ngôn. Nhược viết: “Thánh nhân vị sinh. Đạo tại thiên địa, Thánh nhân ký sinh, Đạo tại Thánh nhân, Thánh nhân ký một, đạo tại Lục kinh.” Đạo vô long ô, tức bất sinh bất diệt chi vi dã.

Phù! Đạo thống chi truyền hữu tự lai, bất dĩ Thánh nhân nhi sinh, đắc Không Tử sinh nhi vạn thế văn minh, khả dĩ vô diệt thời. Đạo phái chi lưu vô chung cùng, bất dĩ Phật nhi sinh, đắc Mâu Ni thị sinh, nhi pháp luân thường chuyển, khả dĩ vô diệt thời. Như khô thụ bản vô sinh để, tường quang triển nhiều, hốt nhiên nhi sinh, sinh nhi vi hoa vi thực, bách thiên vạn ức, sinh sinh bất cùng, diệt ma? Bất diệt ma?

DỊCH NGHĨA:

TIẾNG ẦM (ẨM THANH)

[Thanh dẫn Ngô Thì Hoàng]

Ẩn là tiếng âm âm phát ra. *Kinh Thi* nói: “Ẩn kỳ lời tại Nam Sơn chi dương,”⁽¹⁾ nghĩa là: “Tiếng sấm âm âm ở phía nam núi Nam Sơn,” là nói điều đó. Lúc Thiền sư ngủ mê chính là lúc “chí tĩnh,” bỗng nhiên ánh sáng lạnh toả ra, làm cho cây khô sống lại, thì “chí tĩnh” trở nên “chí động,” như thế gọi là *Tiếng âm (Ẩn thanh)*

Đại thiên sư nói xong thì ngủ mê. Bác sĩ và các môn đệ nhất thời đều lui ra. Chỉ trong giây lát, Huyền Quang Thế Tôn hóa làm muôn đạo hào quang, lượn quanh cây khô, cây khô bèn đâm ra nhiều nhánh và lá, bông chốc cây có hoa có quả, quả sinh ra cây con, hóa làm trăm nghìn vạn ức ngọn tùng.

Sư bỗng tỉnh ngộ, bèn ở trong núi Vạn Tùng, chấp tay mà đọc kệ rằng:

Ai thối mà khô,

Ai hà mà tốt.

Rút cục gốc tùng,

Tự sinh tự diệt.

Bác sĩ cùng các môn đệ tìm thấy Sư ở trong núi Vạn Tùng thì trong lòng vô cùng hoan hỉ. Sư cũng vô cùng hoan hỉ.

[Thanh chú 1]

Hòa thượng Hải Âu nói:

-Đại Thiên sư vân du đến thư phòng của Bác sĩ, Bác sĩ bận Nho phục yết kiến thiên sư, thể hiện Nho và Thích là một vậy. Bác sĩ chất vấn Đại thiên sư về sự “sinh ra và mất đi” (hữu sinh hữu diệt) có lẽ vì chưa hiểu rõ ý nghĩa của “không sinh ra và không mất đi” (bất diệt bất sinh). Xin thử giải thích như sau:

Xuân đến thì hoa nở, thu về thì hoa rụng, đó là sự sinh ra và mất đi của vật. Suy cho cùng, thì đều đi đến chỗ không có cái gì. Lúc ta chưa sinh ra thì ai là ta; sau khi ta đã sinh rồi, thì ta là ai? Đó là sự sinh ra và mất đi của ta. Suy cho cùng, thì không biết chỗ ta đến và chỗ ta đi. Chỉ thấy

cái có thể thấy, không thấy cái không thể thấy, đó là ý nghĩa của “không sinh ra và không mất đi” (bất sinh bất diệt) vậy.

Đầu trâu mình rắn là vật quái dị; sẻ ngủ, gà gáy sáng là việc tầm thường, đó là một minh chứng cho sự khó thấy và sự dễ biết. Tây Ngưu Hạ Châu, Đại thiên thế giới có vô số vạn ức kiếp thân, vô số vạn ức năm. Chỉ có vô số vạn ức thân thì sinh ra ở đâu và bị diệt ở đâu? Phải đứng ở chỗ đó mới ngộ ra được ý nghĩa của “có sinh ra và không sinh ra” (hữu sinh vô sinh), mới ngộ ra được “có mất và không mất” (hữu diệt vô diệt).

Khi Đại thiên sư nhập định ngủ mê, thì Bác sĩ và môn đồ suy nghĩ bàn bạc một phen, chưa có thể ngộ ngay ra được. Bấy giờ Huyền Quang Thế Tôn đứng trước cảnh chân thật diễn ra trước mắt, ~~điểm hoa~~ vạn luồng ánh sáng lành, vây lấy cây khô, cây khô bùng nổ ra cành lá, rồi đơm ~~hoa kết trái~~, rồi sinh ra cây con, rồi làm thành trăm nghìn ~~vạn~~ ức ngọn tùng, vậy là cây khô đã bị “diệt” vậy. Cây khô đã bị diệt thì không sinh sôi nữa, từ chỗ không sinh sôi ấy, lộ ra cái lý lẽ “sinh sôi mãi mãi.” Khô đi tươi lại, chết đi sống lại, chỉ trong nháy mắt trên thân cây tùng đã chết khô. Đại thiên sư làm bài kệ như gậy giáng ngang đầu, sấm sét dậy bên tai, Bác sĩ nhờ đó mà giác ngộ chân lý, cũng là một người có tuệ nhãn lớn.

Tuy nhiên, cây tùng đã chết khô mà còn để nhánh, đó là Phật hóa mà cũng là ma hóa. Tâm sinh thì ma sinh, tâm diệt thì ma diệt, đều từ cái tâm của con người tạo ra. Người nào không có ý, không có xúc⁽⁸⁾ thì không thấy cái đó, mà đã không thấy, thì tức là “không sinh ra và cũng không mất đi” (bất sinh bất diệt).

Ba tiết trên này là ba đề mục sáng rõ ở trong kinh. Cái thâm thúy đặc đạo, cái huyền diệu thuyết pháp của Đại thiên sư, cái cửa để nhập đạo của đồ đệ, đều nên tìm ở đấy.

[Thanh chú 2]

Tăng Hải Hòa nói:

-Phật cũng là người thôi. Người thì có hình, có khí. Đã bị vây bởi hình và khí, thì ai có thể không sinh ra, ai có thể không mất đi? Điều đó chỉ có thể đến với những người có trí tuệ viên thông, có lòng quảng đại từ bi, khác hẳn với người thường. Cho nên Tây phương gọi là Phật, còn Đông thổ gọi là Thánh nhân, ấy là muốn nói, họ đã vượt ra ngoài hình và khí, mà thôi. Vì đã vượt ra ngoài hình và khí, cho nên thân có sau trời đất, mà đạo thì vẫn có trước trời đất.

Chúng sinh đắm chìm trong bể khổ, sao nữ chẳng sinh ra? Đã sinh ra thì hào quang rọi khắp, tế độ vô biên, mà cái gốc của giáo lý là ở hư vô, vậy thì sao sinh ra cứ phải tuần tự? Công lao đã trọn vẹn, thì tiếc gì mà không chịu để mất đi (diệt)? Mất đi là trở về với chân lý vĩnh hằng, vạn lần biến hoá đều ở trong lặng lẽ, nhưng cái thần của nó thì càng không thể không ở khắp mọi nơi, như thế sao có thể coi sự mất đi là không còn gì?

Phật nói “Không sinh ra, không mất đi” (bất sinh bất diệt) là nói về cái thể của đạo. Cũng như nói: “Thánh nhân chưa sinh thì đạo ở trong trời đất, Thánh nhân đã sinh ra rồi thì đạo ở Thánh nhân, Thánh nhân mất đi thì đạo ở trong *Lục kinh*.” Đạo không có thêm có bớt, tức là nói “không sinh ra, không mất đi” vậy.

Ôi! Đạo thống truyền lại tự nó có nguồn gốc, không phải do Thánh nhân sinh ra, nhưng từ khi Khổng Tử sinh ra thì văn minh đến muôn đời, không bao giờ bị mất. Nguồn đạo chảy tới cùng cực, không phải vì Phật mà sinh ra, nhưng từ khi có Mâu Ni thị sinh ra thì bánh xe đạo pháp thường chuyển, không thể mất đi được. Cũng như cái cây đã khô, là một vật vô sinh, nhưng có hào quang vây quanh thì bất chợt sống lại,

sống lại mà có hoa, có quả, lại sinh cây con trăm nghìn vạn ức, sinh sôi nảy nở không bao giờ hết. Như thế là đã mất đi chăng? Hay là không phải đã mất đi?

CHÚ THÍCH:

1. *Kinh Thi*, thiên *Quốc phong*.

2. Thái cực: Chỉ khí hỗn độn khi trời đất chưa bị phân chia. Trịnh Huyền nói: “Cực trung chi đạo, thuận hòa vị phân chi khí.” Nghĩa là: Đạo của cực là khí hỗn độn chưa bị phân chia.

Khổng Đình Đạt nói: “Thái cực vị thiên địa vị phân chi tiền nguyên khí hỗn nhi vi nhất, tức vị thái nhất dã.” Nghĩa là: Thái cực là nguyên khí hỗn độn trước khi trời đất chưa sinh, tức thái sơ, thái nhất.

3. Lưỡng Nghi: Trời và đất. *Kinh Dịch*, Hệ từ thượng: “Dịch hữu Thái Cực, thị sinh Lưỡng Nghi.” Nghĩa là: Dịch có Thái Cực sinh Lưỡng Nghi.

4. “To khỏe”: Dịch toát chữ “Đại tráng.” Đại tráng: Một trong 64 quẻ của *Kinh Dịch*, tượng trưng đạo quân tử thắng thế.

5. Tứ tượng: Bốn mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông. Chu Hy giải thích rằng: Thái Cực là chỉ vạch liên, Lưỡng Nghi chỉ vạch đứt, Tứ Tượng chỉ Thái Dương, Thái Âm, Thiếu Dương, Thiếu Âm.

6. Bác sĩ: Chức quan chuyên khảo về kinh sách. Hán Văn Đế (179-157) đầu tiên lập chức Bác sĩ chuyên khảo về *Kinh Thi* để dạy cho con em vua quan gọi là Nhất kinh Bác sĩ. Về sau Hán Võ Đế (140 - 87) lập Ngũ kinh Bác sĩ (Thi, Thư, Lễ, Dịch, Xuân Thu).

Theo *Lịch triều hiến chương loại chí*, ở ta đầu Lê có chức Bác sĩ. Đời Hồng Đức có chức Ngũ kinh Bác sĩ.

7. Tây Ngưu Hạ Châu: Tiếng Phạn là Godana, châu này ở phía Nam núi Tu Di. Nơi này sản sinh nhiều bò nên đặt tên như vậy. Nhà Phật cho rằng núi

Tu Di ở giữa biển, cao 336 vạn dặm (Tu Di có nghĩa là cao đẹp), chung quanh có 4 châu, Tây Ngưu Hạ Châu là một trong 4 châu đó.

Dại thiên thế giới: Nhà Phật cho rằng trong vũ trụ có rất nhiều tiểu thế giới. Hợp 1.000 tiểu thế giới gọi là tiểu thiên thế giới, hợp 1.000 tiểu thiên thế giới gọi là trung thiên thế giới, hợp 1.000 trung thiên thế giới gọi là đại thiên thế giới - tam thiên thế giới (ba nghìn thế giới).

8.Ý (Manodvara) thuộc lĩnh vực tinh thần. Xúc (Phassa) thuộc lĩnh vực cơ thể, xúc giác.

4.發想聲

[聲引吳時儻]

天降衷於人有恒性。有天之性，便人之情。故堯能想，桀亦能想；夷能想，跖亦能想。乃聖狂之分者，能想非難，發想爲難。賢聖出人處，只在發想時。

“昧爽丕顯，坐以待旦”，成湯之發想時也。“蔬食飲水，曲肱而枕”，吾夫子之發想時也。心中只是一團天理，無一毫人欲之私，故想出一層，便得一層光明正大，是之謂聖賢之想。一切眾生，多作妄想，徒令心中熱惱，愈想愈不出，此豈足以知吾禪師發想之聲哉？

[海量大禪師]

海量大禪師，當食而噎。徒弟白師言：

師噎有想麼？

師答言：

我想非想，未到非非想，故噎。

曰：師想何想？

師答言：

我想天府、地府、水府事，還想不出有何事。我想見我髮長時，還見不得我髮長時。我想見我齒牙爪甲巨時，還見不得我齒牙爪甲巨時。我徒想見，又想不見來，何如還不想來？是我想非想，不想非非想，要見非見，不要見非非見。且如物在喉中，你想我噎，還見不得我真噎。是你要見難見，想出非想來。佛說：“若以想非非想，若以見見難見如來”。故曰：“真想真見”。

[聲註一]

海鷗和尚曰：

詩云：“他人有心，予忖度之”。忖度人心豈易哉！要其不知以爲知，要其不見以爲見，則爲弄無明識界。

大禪師當食而噎，徒弟以有想爲問，師答言：“緣師想非想故噎”。與空性其猶隔一重明識，若到非非想則無噎。徒弟有以何想爲問，則愈晦矣？

天府、地府、水府，則不可見之事，有想還想不出何事。我髮長時，我齒牙爪甲巨時，我身中過去之事也，亦我身中將來之事也。有想時亦還想不得，端由著一想字，便爲眼、耳、鼻、舌、身意，便爲有眾生相，壽者相。然徒想見又想不見，又還不想來，則想亦偶然想，噎亦偶然噎，從外來而非結於內。

曰：“不想不要見”，則想亦非而噎亦化矣。徒弟不知，強生問難，是亦要見難見，想出非想來。故大禪師反覆致告，而以佛說明之。

[聲註二]

海和僧曰：

世俗將傳：“三府公同，降人禍福”。人生所行善惡，是曰陽間。冥冥之中，喜有喜報，惡有惡報，是曰陰司。曰陰司者，天府、地府、水府之事也。天有日月星辰，地有出岳河海。水有龜、蛟、龍、魚、鱉生焉，是必有主宰之者。有以主宰之，夫豈無事？

而其事則渺茫，非人所經見。試想天府何在，在天上歟？晴旱雨潦，天府爲之歟？地府何在？在地下歟？草、木、鳥、獸，地府掌之歟？水府何在？在水中歟？潮汐乾溢，水府職之歟？想有是事，而不見有是事，非非想歟？

夫爲善與惡，只在心頭，禍福之應，各以類至。我爲善耶！漢儒曰：“猶長日益而人不見”。我髮長時，我齒牙爪甲巨時，還見得麼？有爲惡者，亦復如是。天府、地府、水府，要從吾心上起見，這是想到非非想，見得非非見。所謂真想真見，大禪師有想亦想是耳。

PHIÊN ÂM:

PHÁT TƯỜNG THANH

[Thanh dẫn Ngô Thì Hoàng]

Thiên giáng trung ư nhân hữu hằng tính. Hữu thiên chi tính, tiện nhân chi tình. Cố Nghiêu năng tưởng, Kiệt diệt năng tưởng; Di năng tưởng, Chích diệt năng tưởng. Nãi thánh cuồng chi phân giả, năng tưởng phi nan, phát tưởng vi nan. Hiền thánh xuất nhân xử, chỉ tại phát tưởng thời.

“Muội sảng phi hiển, toạ dĩ dĩ dĩ,” Thành Thang chi phát tưởng thời dã. “Sơ thực ẩm thủy, khúc quăng nhi trăm,” ngô Phu tử chi phát tưởng thời dã. Tâm trung chỉ thị nhất đoàn thiên lý, vô nhất hào nhân dục chi tư, cố tưởng xuất nhất tầng, tiện đắc nhất tầng quang minh chính đại, thị chi vị Thánh hiển chi tưởng. Nhất thiết chúng sinh, đa tác vọng tưởng, đồ lệnh tâm trung nhiệt não, dữ tưởng dữ bất xuất, thử khỏi túc dĩ tri ngô Thiền sư phát tưởng chi thanh tai?

[Hải Lượng Đại thiên sư]

Hải Lượng Đại thiên sư đương thực nhi ế. Đồ đệ bạch sư ngôn:

-Sư, ế hữu tưởng ma?

Sư đáp ngôn :

-Ngã tưởng phi tưởng, vị đao phi tưởng, cố ế.

Viết: Sư tưởng hà tưởng?

Sư đáp ngôn:

-Ngã tưởng thiên phủ, địa phủ, thủy phủ sự, hoàn tưởng bất xuất hữu hà sự. Ngã tưởng kiến ngã phát tưởng thời, hoàn kiến bất đắc ngã phát tưởng thời. Ngã tưởng kiến ngã xỉ nha trảo giáp cự thời, hoàn hiển bất đắc ngã xỉ nha trảo giáp cự thời. Ngã đồ kiến, hựu tưởng bất kiến lai, hà như hoàn bất

tướng lai? Thị ngã tướng phi tướng, bất tướng phi phi tướng, yếu kiến phi kiến, bất yếu kiến phi phi kiến. Thả như vật tại hầu trung, nễ tướng ngã ế, hoàn kiến bất đắc ngã chân ế. Thị nhĩ yếu kiến nan kiến, tướng xuất phi tướng lai. Phạt thuyết: “Nhược dĩ tướng phi phi tướng, nhược dĩ kiến kiến, nan kiến Như Lai.” Cố viết: “Chân tướng chân kiến.”

[Thanh chú nhất]

Hải Âu Hoà thượng viết:

-Thị vân: “Tha nhân hữu tâm, dư thôn đặc chi,” thôn đặc nhân tâm khởi dị tai? Yếu kỳ bất tri dĩ vi tri, yếu kỳ bất kiến dĩ vi kiến, tắc vi lộng vô minh thức giới.

Đại thiên sư đương thực nhi ế, đồ đệ dĩ hữu tướng vi vấn, sư đáp ngôn: “Duyên sư tướng phi tướng cố ế.” Hữu không tính kỳ do cách nhất trùng minh thức, nhược đáo phi phi tướng tắc vô ế. Đồ đệ hữu dĩ hà tướng vi vấn, tắc dữ hôi hỹ?

Thiên phủ, địa phủ, thủy phủ, tắc bất khả kiến chi sự, hữu tướng hoàn tướng bất xuất hà sự. Ngã phát trường thời, ngã xỉ nha trào giáp cự thời ngã thân trung quá khứ chi sự dã, diệt ngã thân trung tướng lai chi sự dã. Hữu tướng thời diệt hoàn tướng bất đắc, đoan do trước nhất tướng tự, tiện vi nhân, nhĩ, tị, thiết, thân ý, tiện vi hữu chúng sinh tướng, thọ giả tướng. Nhiên đồ tướng kiến hựu tướng bất kiến, hựu hoàn bất tướng lai, tắc tướng diệt ngẫu nhiên tướng, ế diệt ngẫu nhiên ế, tông ngoại lai nhi phi kết ư nội.

Viết “Bất tướng bất yếu kiến,” tắc tướng diệt phi nhi ế diệt hoá hỹ. Đồ đệ bất tri, cường sinh vấn nan, thị diệt yếu kiến nan kiến, tướng

xuất phi tướng lai. Cố Đại thiên sư phản phúc trí cáo, nhi dĩ Phật thuyết minh chi.

[Thanh chú nhị]

Hải Hòa tăng viết:

-Thế tục tương truyền: “Tam phủ công đồng, giáng nhân họa phúc.” Nhân sinh sở hành thiện ác, thị viết dương gian. Minh minh chi trung, thiện hữu thiện báo, ác hữu ác báo, thị viết âm ti. Viết âm ti giả, thiên phủ, địa phủ, thủy phủ chi sự dã. Thiên hữu nhật nguyệt tinh thần, địa hữu xuất nhạc hà hải. Thủy hữu long, quy, giao long, ngư, miết sinh yên, thị tất hữu chủ tế chi giả. Hữu dĩ chủ tế chi, phù khởi vô sự?

Nhi kỳ sự tắc diểu mang, phi nhân sở kinh kiến. Thí tướng thiên phủ hà tại, tại thiên thượng dư? Tình hạn vũ lạo, thiên phủ vi chi dư? Địa phủ hà tại? Tại địa hạ dư? Thảo, mộc, diểu, thú, địa phủ chương chi dư? Thủy phủ hà tại? Tại thủy trung dư? Triều tịch càn dật, thủy phủ chức chi dư? Tướng hữu thị sự, nhi bất kiến hữu thị sự, phi phi tướng dư?

Phù vi thiện dữ ác, chỉ tại tâm đầu, họa phúc chi ứng, các dĩ loại chí. Ngã vi thiện da? Hán Nho viết: “Do trường nhật ích nhi nhân bất kiến.” Ngã phát trưởng thời, ngã xỉ nha trảo giáp cự thời, hoàn kiến đắc ma? Hữu vi ác giả, diệc phục như thị. Thiên phủ, địa phủ, thủy phủ, yếu tông ngô tâm thượng khởi kiến, giá thị tướng đáo phi phi tướng, kiến đắc phi phi kiến. Sở vị chân tướng chân kiến, Đại thiên sư hữu tướng diệc tướng thị nhĩ.

DỊCH NGHĨA:

TIẾNG PHÁT TƯỚNG (PHÁT TƯỚNG THANH)

[Thanh dẫn Ngô Thì Hoàng]

Trời giáng xuống cho con người một tấm lòng trung, có hằng tính. Đã có tính của trời, thì có cái tình của người. Cho nên, Nghiêu có thể *tưởng* (suy nghĩ), thì Kiệt cũng có thể *tưởng*; Bá Di có thể *tưởng*, thì Đạo Chích⁽¹⁾ cũng có thể *tưởng*. Nhưng giữa bậc thánh và kẻ cuồng có cái *tưởng* khác nhau. Vì rằng biết *tưởng* không thôi thì không khó, mà biết *phát tưởng* mới là việc khó. Bậc hiền thánh hơn người chỉ ở vào những lúc *phát tưởng*.

“Tình mơ chưa rõ mặt, ngồi mà chờ sáng,”⁽²⁾ đó là lúc *phát tưởng* của vua Thang; “ăn rau uống nước, co khuỷu tay mà gối,”⁽³⁾ ấy là lúc *phát tưởng* của Phu tử ta vậy. Trong lòng chỉ là một khối thiên lý, không hề có một mảy nhân dục riêng tây, cho nên *tưởng* được một tầng, thì được một tầng quang minh chính đại, cái đó gọi là cái *tưởng* của bậc Thánh hiền. Hết thấy chúng sinh, phần đông vọng tưởng quàng xiên, làm cho lòng dạ phiền nhiệt, càng *tưởng* càng bế tắc, như thế há đã đủ để biết cái *Tiếng phát tưởng* của Thiên sư ta chăng?

[Hải Lượng Đại thiên sư]

Hải Lượng Đại thiên sư đang ăn thì nghẹn. Đồ đệ bạch thầy rằng:

-Thầy nghẹn thì có *tưởng* được gì không?

Thầy đáp :

-Ta *tưởng* cái *phi tưởng*, chưa đến được cái *phi phi tưởng*⁽⁴⁾ cho nên nghẹn.

Đồ đệ lại hỏi:

-Thầy *tưởng* cái *tưởng* gì vậy?

Thầy trả lời rằng:

-Ta *tưởng* những việc về thiên phủ, địa phủ, thủy phủ, nhưng vẫn *tưởng* không ra được việc gì. Ta *tưởng* thấy lúc tóc ta dài ra, nhưng vẫn không thấy được lúc tóc ta dài. Ta *tưởng* thấy lúc răng hàm, răng cửa, móng tay, móng chân của ta to lên và dài ra, nhưng vẫn không thấy được lúc răng hàm, răng cửa, móng tay, móng chân của ta to lên, dài ra. Ta những *tưởng* nhìn thấy, nhưng lại *tưởng* không thấy, thì làm sao mà còn không *tưởng* được? Như thế là ta *tưởng* cái *phi tưởng*, chứ không *tưởng* cái *phi phi tưởng*, muốn thấy cái *phi kiến*, chứ không muốn thấy cái *phi phi kiến*.⁽⁵⁾ Vả lại, như có vật gì mắc trong cổ họng, nên người *tưởng* ta nghẹn, nhưng không thấy được ta nghẹn thật. Như thế là người muốn thấy cái khó thấy, *tưởng* cái *phi tưởng*. Phật nói: “Nếu lấy cái *tưởng* mà *tưởng* cái *phi phi tưởng*, nếu lấy cái *kiến* (thấy) để *kiến*, thì khó *kiến* Như Lai.” Cho nên gọi là “Chân *tưởng*,” “Chân *kiến*.”

[Thanh chú 1]

Hòa thượng Hải Âu nói:

-*Kinh Thi* có câu: “Lòng dạ người khác, ta đo được.”⁽⁶⁾ Đo được lòng người, há là một việc dễ dàng lắm hay sao! Điều cốt yếu là ở chỗ không biết mà cứ cho là biết, không thấy mà cứ cho là thấy, như thế thì, đã nhơn nhơ ở chỗ nhận thức không rõ ràng.

Đại thiên sư đang ăn thì nghẹn, đồ đệ hỏi về điều *hữu tưởng*. Thầy đáp rằng: “Vì thầy *tưởng* cái *phi tưởng* cho nên nghẹn.” Nghĩa là còn cách “Không tính” bởi một tầng “Minh thức” nữa, nếu như đến được *phi phi tưởng* thì không nghẹn. Đồ đệ lại hỏi thầy *tưởng* cái gì, thì càng đi đến chỗ mờ tối.

Thiên phủ, địa phủ, thủy phủ, là những cái không thấy được, có *tưởng* cũng không *tưởng* ra được cái gì. Khi mà tóc ta dài ra, khi mà răng hàm, răng cửa, móng tay, móng chân của ta to ra, dài thêm, đó là việc quá khứ ở trong mình ta, mà cũng là việc tương lai ở trong mình ta, có *tưởng* đi chẳng nữa, cũng *tưởng* không được. Chính vì khi đã hạ một chữ *tưởng* thì là có mắt, có tai, có mũi, có lưỡi, có thân, có ý, cũng tức là có chúng sinh tướng, thọ giả tướng.⁽⁷⁾ Nhưng có cái *tưởng* thì thấy được, lại có cái *tưởng* không thấy được, lại cũng còn có cái *tưởng* ra, thế thì *tưởng* cũng là cái *tưởng* ngẫu nhiên, ghen cũng là cái ghen ngẫu nhiên, đều là cái từ bên ngoài đưa đến, chứ không phải là cái gì kết lại ở bên trong.

Nói rằng: “Không *tưởng*, không cần thấy,” thì *tưởng* cũng là *phi*, mà ghen cũng đã hóa giải. Đồ đệ không biết, cứ gắng hỏi, đó cũng là muốn thấy cái khó thấy, *tưởng* ra cái *phi tưởng*. Cho nên Đại thiên sư lật đi lật lại mà bảo cho, và lấy Phật để thuyết minh.

[Thanh chú 2]

Tăng Hải Hòa nói rằng:

-Trong dân gian tương truyền rằng: “Tam phủ công đồng, giáng họa, reo phúc cho người.” Người đời làm điều thiện, reo cái ác, gọi là dương gian. Trong cõi u minh, thiện được thiện báo, ác bị ác báo, gọi là âm ty. Âm ty là thiên phủ, thủy phủ, địa phủ. Thiên phủ có mặt trời, mặt trăng và các vì sao. Địa phủ có núi non, sông biển. Còn thủy phủ thì có rồng, rùa, thường lương, cá, ba ba, ắt phải có đấng chủ tể ở đó. Đã có chủ tể lẽ nào không có việc?

Nhưng việc thì mật mùng, không phải người ta thấy được. Thử nghĩ mà xem, thiên phủ ở đâu? Ở trên trời chăng? Tạnh nắng, hạn lụt, mưa bão, là do thiên phủ làm ra chăng? Còn địa phủ ở đâu! Ở dưới đất

chăng? Cây, cỏ, muông thú, địa phủ cai quản được chăng? Thủy phủ ở đâu! Ở trong nước chăng? Nước lên nước xuống, nước tràn nước kiệt, thủy phủ trông nom được chăng? *Tưởng* có việc ấy, mà không thấy được việc ấy, chẳng phải là *phi tưởng* hay sao?

Kìa như, làm việc thiện, reo cái ác, chỉ để ở trong lòng; ứng báo họa phúc, đều có loại bậc. Ta làm điều thiện chẳng! Thì như Hán Nho nói: “Mỗi ngày lớn lên một chút thì người không nhìn thấy”⁽⁸⁾ [cũng như] khi tóc ta dài ra, khi răng hàm, răng cửa, móng tay, móng chân ta dài ra, thêm lên, nào có thấy được đâu! Kẽ nào làm điều ác, thì lại cũng như thế. Thiên phủ, địa phủ, thủy phủ, cần phải nhìn nhận từ trong lòng ta, như thế là *tưởng* được cái *phi phi tưởng*, thấy được cái *phi phi kiến*. Cái đó gọi là “Chân tưởng,” “Chân kiến,” Đại thiên sư có *tưởng* thì cũng *tưởng* cái đó mà thôi.

CHÚ THÍCH:

1. Bá Di, Đạo Chích: Theo quan niệm của nhà Nho, đó là hai nhân vật tương phản nhau ở thời Xuân Thu, Chiến Quốc, một người hiền (Bá Di), một kẻ trộm cướp (Đạo Chích).

2. Nguyên văn: “Tiên vương muội sáng phi hiển, tạ dĩ dãi đán” (*Kinh Thư*, thiên *Thái giáp*).

3. Nguyên văn: “Phạn sơ thực nhi ẩm thủy, khúc quăng nhi chẩm chi” (*Luận ngữ*, thiên *Thuật nhi*).

4. *Tưởng* (sanna): Nhận thức đối tượng, gồm có tâm và đối tượng. Phật giáo cho rằng *tưởng* của con người thường sai lầm cho nên đã liệt vào một trong 5 cái gọi là ngũ uẩn (khandha: Che lấp). Tu sĩ tu luyện đến mức độ nhất định có thể vượt khỏi *tưởng*, gọi là *phi tưởng*. Tu luyện đến mức độ cao hơn nữa, tinh tế đến mức không còn cái gọi là *tưởng* hay *phi tưởng*, cho nên gọi là *phi phi tưởng* (Nevasannanaanna).

Tưởng, phi tưởng, phi phi tưởng: Có thể hiểu nghĩa cụ thể: Tưởng (suy nghĩ). Phi tưởng (không suy nghĩ). Phi phi tưởng (không thể không suy nghĩ).

5. Phi kiến, phi phi kiến: Có thể hiểu nghĩa cụ thể là: Phi kiến (không thấy), phi phi kiến (không thể không thấy).

6. Nguyên văn: “Tha nhân hữu tâm, dư thốn đặc chi” (*Kinh Thi*, thiên *Tiểu nhã*).

7. Chúng sinh tướng: Thân thể con người do 5 uẩn hợp thành. Trong Kinh Phật dịch ra chữ Hán cũ, thường dịch Khandha là chúng sinh. Không nên nhầm chúng sinh với chúng (ganna) là nhiều người.

Thọ giả tướng: Thân thể con người do 5 uẩn hợp thành được sống trong khoảng thời gian nhất định gọi là “Thọ giả tướng.”

8. Chưa rõ xuất xứ.

5. 見聲

[聲引吳時儻]

見聲非所見之聲，乃見之聲也。見本無聲，何以有聲？高明之見，與俗見異。見利而亡義者，見之見也。見金夫不有躬者，見之見也。夫！如是非惟無聲，亦無見也。至於見義而勇爲，勇之見也。見可欲而不亂，定之見也。器近乎道，故聞鼓則思勇，聞鍾則思定。

傳曰：“見而知之”。又曰：“聞而知之”。所聞是道理之聲，則所見與所聞者，同此聲耳。道理是無形可見，道理之發越者，就是發越之聲。一本散而萬殊，萬殊合而一本。可見而知之，故亦可聞而知之。

堯見得舜是真箇聖人，乃曰：“予聞”“如何”，見亦何嘗無聲。俗人之見不真，故爲無聲。高明之見甚真，是以有見聲也。

[海量大禪師]

火車國城中，有無數善男子善女人，頂禮釋迦牟尼佛，而願生男子女兒。釋迦牟尼佛，乃化作百千萬億羅漢身，生出百千萬億男子女兒。羅漢深目身，男子女兒亦深目身；羅漢黑臂身，男子女兒亦黑臂身。

而有男子女兒身，神清體秀，不像羅漢身，各各拈香頂花，禮拜海量大禪師，而問真身。大禪師念釋迦牟尼佛，見釋迦牟尼

佛身，不見百千萬億羅漢身。男子女兒，乃各認真身。大禪師合掌而作偈言：

元精吾神，

元氣吾身。

神降其元，

吾身乃真。

[聲註一]

· 海鷗和尚曰：

人自有本來面目。百千萬億黑臂深目身，乃百千萬億羅漢化身也。神清體秀男女身，乃火車國男女真身也。大禪師念佛，見釋迦不見羅漢。須見百千萬億羅漢化身，還有一箇釋迦真身在。奈何見羅漢黑臂深目身，而神清體秀者，都自忘卻本身哉。大禪師偈言：

“曰神曰身，

曰元曰真”。

真切在此四箇字。

或問海鷗曰：

“火車國在何處”？

曰：“只在你我行坐處”。

[聲註二]

海和僧曰：

玉皇骨髓經曰：

人各有精，

精合神形。

形各有氣，

氣合體真。

精氣合而爲人，其以形相神者，體亦相像。羅漢深目黑臂身。男子女兒亦深目黑臂身，以是爲真乎？男子女兒，神清体秀，不像羅漢身，以是爲非真乎？釋迦牟尼佛，化現自然，豈可泥常理論？要之人之有身莫非精氣所萃，其體相則所居之染習，而所養之遷移。男子女兒，像其父母身者，旦夕之相與，而居養之相安也。

古人胎教，必欲見王公大人，聞詩書義理，故生子狀貌端正，而資稟聰明。今之世家子弟，資質

体面，自與凡庶不同，非特精氣之清純，福澤之隆厚，亦所居所養之異，凡庶也。有世家而生不肖子，凡庶而產奇特兒，亦是偶得間氣，所謂“惟上智與下愚不移”。你問真身，請就精氣上認。

PHIÊN ÂM:

KIẾN THANH

[Thanh dẫn Ngô Thì Hoàng]

Kiến thanh phi sở kiến chi thanh, nãi kiến chi thanh dã. Kiến bản vô thanh, hà dĩ hữu thanh? Cao minh chi kiến, dữ tục kiến dị. Kiến lợi nhi vong nghĩa giả, kiến chi kiến dã. Kiến kim phù bất hữu cung giả, kiến chi kiến dã. Phù! Như thị phi duy vô thanh, diệc vô kiến dã. Chí ư kiến nghĩa nhi dừng vi, dừng chi kiến dã. Kiến khả dục nhi bất loạn, định chi kiến dã. Khí cận hồ đạo, cố văn cổ tắc tư dừng, văn chung tắc tư định.

Truyện viết: “Kiến nhi tri chi.” Hựu viết: “Văn nhi tri chi.” Sở văn thị đạo lý chi thanh, tắc sở kiến dữ sở văn giả, đồng thủ thanh nhĩ. Đạo lý thị vô hình khả kiến, đạo lý chi phát viết giả, tựu thị phát viết chi thanh! Nhất bản tán nhi vạn thù, vạn thù hợp nhi nhất bản. Khả kiến nhi tri chi, cố diệc khả văn nhi tri chi.

Nghiêu kiên đắc Thuấn thị chân cá thánh nhân, nãi viết: “Dư văn” “như hà,” kiến diệc hà thường vô danh. Tục nhân chi kiến bất chân, cố vi vô thanh. Cao minh chi kiến thậm chân, thị dĩ hữu kiến thanh dã.

[Hải Lượng Đại thiên sư]

Hỏa Xá quốc thành trung, hữu vô số thiện nam tử, thiện nữ nhân, đảnh lễ Thích Ca Mâu Ni Phật, nhi nguyên sinh nam tử nữ nhi. Thích Ca Mâu Ni Phật, nãi hoá tác bách thiên vạn ức La hán thân, sinh xuất bách thiên vạn ức nam tử nữ nhi. La hán thâm mục thân, nam tử nữ nhi diệt thâm mục thân; La hán hắc đồn thân nam tử nữ nhi diệt hắc đồn thân.

Nhi hữu nam tử nữ nhi thân, thần thanh thể tú, bất tượng La hán thân, các các niệm hương đảnh hoa, lễ bái Hải Lượng Đại thiên sư, nhi vấn chân thân. Đại thiên sư niệm Thích Ca Mâu Ni Phật, kiến Thích Ca Mâu Ni Phật thân, bất kiến bách thiên vạn ức La hán thân. Nam tử nữ nhi, nãi các nhận chân thân. Đại thiên sư hợp chưởng nhi tác kệ ngôn:

Nguyên tinh ngô thân,

Nguyên khí ngô thân.

Thần giáng kỳ nguyên,

Ngô thân nãi chân.

[Thanh chú nhất]

Hải Âu Hòa thượng viết:

-Nhân tự hữu bản lai diện mục. Bách thiên vạn ức hắc đồn thâm mục thân, nãi bách thiên vạn ức La hán hoá thân dã. Thần thanh thể tú nam tử thân, nãi Hỏa Xá quốc nam tử chân thân dã. Đại thiên sư niệm Phật, kiến Thích Ca bất kiến La hán. Tu kiến bách thiên vạn ức La hán hoá thân, hoàn hữu nhất cá Thích Ca chân thân

tại, nại hà kiến La hán hắc đồn thâm mục thân, nhi thần thanh thể tú giả, đô tự vong khước bản thân tại. Đại thiên sư kê ngôn:

“Viết thân viết thân,

Viết nguyên viết chân.”

Chân thiết tại thủ tứ cá tự.

Hoặc vấn Hải Âu viết:

“Hoả Xa quốc tại hà xứ”?

Viết:

“Chỉ tại nhĩ ngã hành toạ xứ.”

[Thanh chú nhị]

Hải Hoà tăng viết:

-Ngọc Hoàng Cốt Tuỷ kinh vân:

Nhân các hữu tinh,

Tinh hợp thần hình.

Hình các hữu khí,

Khí hợp thể chân.

Tinh khí hợp nhi vi nhân, kỳ dĩ hình tương thân giả, thể diệt tương tượng. La hán thâm mục hắc đồn thân. Nam tử nữ nhi diệt thâm mục hắc đồn thân, dĩ thị vi chân hồ? Nam tử nữ nhi, thần thanh thể tú, bất tượng La hán thân, dĩ thị vi phi chân hồ? Thích Ca Mâu Ni Phật, hoá hiện tự nhiên, khởi khả nê thường lý luận? Yếu chi nhân chi hữu thân mạc phi tinh khí sở tuy, kỳ thể tướng tắc sở cư chi nhiệm tập, nhi sở dưỡng chi thiên di. Nam tử nữ nhi, tượng kỳ phụ mẫu thân giả, đán tịch chi tương dữ, nhi cư dưỡng chi tướng an dã.

Cổ nhân thai giáo, tất dục kiến vương công đại nhân văn thi thư nghĩa lý, cố sinh tử trạng mạo đoan chính, nhi tư bẩm thông

minh. Kim chi thể gia tử đệ, tư chất thể diện, tự dữ phàm thứ bất đồng, phi đặc tinh khí chi thanh thuần, phúc trạch chi long hậu, diệc sở cư sở dưỡng chi dị, phàm thứ dã. Hữu thể gia nhi sinh bất tiểu tử, phàm thứ nhi sản kỳ đặc nhi, diệc thị ngẫu đặc gian khí, sở vị: “Duy thượng trí dữ hạ ngu bất di.” Nhĩ vấn chân thân. thỉnh tự tình khí thượng nhận.

DỊCH NGHĨA:

TIẾNG THẤY (KIẾN THANH)

[Thanh dẫn Ngô Thì Hoàng]

Tiếng *thấy* không phải là cái tiếng có thể nhìn thấy được, mà là cái tiếng của *thấy* vậy. Thấy vốn không có tiếng, sao lại cho rằng có tiếng? Cái *thấy* của bậc cao minh khác với cái *thấy* của kẻ phàm phu tục tử. *Thấy* cái lợi mà quên điều nghĩa, là *thấy* của *thấy* vậy. *Thấy* bạc vàng mà quên thân mình, cũng là *thấy* của *thấy* vậy. Ôi! Như thế thì không những không có tiếng, mà cũng không có *thấy* nữa. Đến như *thấy* việc nghĩa mà hăng hái làm, đó là *thấy* cái hăng hái vậy. *Thấy* cái có thể mong muốn được mà không rời trí, đó là *thấy* cái đã định vậy. Khí gắn với đạo, cho nên nghe trống thì nghĩ đến việc hăng hái, nghe chuông nghĩ đến điều đã định.

Truyện⁽¹⁾ nói rằng: “Vì thấy mà biết được.” Lại nói rằng: “Vì nghe mà biết được.” Cái mà ta nghe được là cái tiếng của đạo lý, vậy thì cái mà ta thấy được và cái mà ta nghe được, cũng đều là cái *tiếng* ấy mà thôi. Đạo lý là cái vô hình không thể thấy, đạo lý phát ra, tức là cái tiếng phát ra. Một gốc có thể chia ra hàng vạn vật khác nhau, hàng vạn vật khác nhau lại có thể hợp thành một gốc. Điều đó có thể *thấy* mà biết được, cho nên cũng có thể nghe mà biết được.

Vua Nghiêu *thấy* được vua Thuấn quả thật là một bậc thánh nhân, mà nói rằng: “Ta nghe” “ra sao,” như thế thì *thấy* (kiến) cũng chưa hề không có *tiếng* (thanh) bao giờ. Cái *thấy* (kiến) của người phạm tục không chân thực, cho nên nó không có *tiếng*. Cái *thấy* (kiến) của bậc cao minh thì rất chân thực, vì vậy mà có *Tiếng Thấy* (Kiến Thanh) vậy.

[Hải Lượng Đại thiên sư]

Trong thành nước Hỏa Xa có vô số trai lành, gái lành, hành lễ trước đức Phật Thích Ca Mâu Ni, để cầu xin con trai, con gái. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, bèn hóa làm trăm nghìn vạn ức thân La hán,⁽²⁾ sinh ra trăm vạn ức con trai, con gái. La hán sâu mắt, con trai con gái cũng sâu mắt. La hán đen mông, con trai con gái cũng đen mông.

Nhưng cũng có con trai con gái thân thể thanh tú, không giống La hán. Vì vậy, ai nấy đều thấp hương dâng hoa lễ bái Hải Lượng Đại thiên sư, mà hỏi về cái thân chân thực của mình. Đại thiên sư bèn niệm Thích Ca Mâu Ni Phật, thấy được cái thân của Phật Thích Ca Mâu Ni, nhưng không thấy trăm nghìn vạn ức thân La hán. Con trai, con gái bèn đều nhận được cái thân chân thực của mình. Đại thiên sư lại chấp tay mà làm bài kệ rằng:

“Nguyên tinh” là thân ta,

“Nguyên khí” là thân ta.

Thân giáng cho “nguyên” ấy,

Lại có chân thân ta!

[Thanh chú 1]

Hòa thượng Hải Âu nói rằng:

-Người ta ai cũng có bộ mặt vốn có của mình. Trăm nghìn vạn ức cái thân sâu mắt, đen mờ, là cái hóa thân của trăm nghìn vạn ức La hán vậy. Cái thân của nam thanh nữ tú, là cái thân của con trai, con gái nước Hoa Xa vậy. Đại thiên sư niệm Phật, thấy được Thích Ca không thấy La hán. Vậy cần phải thấy cái hoá thân của trăm nghìn vạn ức La hán, mới có được một cái thân đích thực của Thích Ca còn lại. Tại sao thấy La hán sâu mắt, đen mờ mà những kẻ thân thể thanh tú, đều tự quên đi bản thân của mình! Điều này, Đại thiên sư làm bài kệ nói rõ:

Là “thần” là “thân,”

Là “nguyên” là “chân.”

Cái thiết thực được đúc kết trong bốn chữ ấy.

Có người hỏi Hải Âu rằng:

-Nước Hỏa Xa ở chỗ nào?

Đáp:

-Chỉ ở chỗ ta và người đi đứng nằm ngồi.

[Thanh chú 2]

Tăng Hải Hòa nói rằng:

-Trong kinh *Ngọc Hoàng Cốt tủy*⁽³⁾ có nói:

Người ta ai cũng có tinh,

Tinh hợp thì thần có hình.

Hình ấy thấy đều có khí,

Khí hợp, có thật thân mình.

Tinh và khí kết hợp lại thì làm thành người, người đem hình mà truyền cho nhau, vì vậy thân thể cũng giống nhau. La hán có cái thân sâu mắt đen mờ, con trai con gái cũng có cái thân sâu mắt đen mờ, vậy mà cho là thật hay sao? Con trai con gái thân thể thanh tú, không giống cái thân của La hán, vì vậy mà cho là không thật hay sao? Phật Thích Ca Mâu Ni biến hóa hiển hiện tự nhiên, lẽ nào có thể câu nệ lẽ thường mà suy luận được? Tóm lại, cái thân của người ta là do tinh khí tụ hợp, còn cái bộ dạng là do sự nhiễm tập ở nơi ăn chỗ ở, hoặc là do sự thay đổi trong cách bồi dưỡng tắm bổ. Con trai con gái mà giống cha giống mẹ là do sớm chiều ăn ở cùng nhau và cách thức bồi bổ dinh dưỡng thích hợp với nhau.

Cổ nhân giáo dục từ trong bào thai, người mẹ chỉ muốn tiếp xúc với vương công đại nhân, nghe nghĩa lý trong *Thi*, *Thư*, cho nên sinh con thì diện mạo đoan chính, tư bảm thông minh. Ngày nay, những con em của thế gia, không giống với con em thứ dân về tư chất diện mạo, như thế không phải chỉ vì tinh khí thanh thuần, phúc trạch lớn dày, mà cũng còn vì nơi ăn chỗ ở, cách thức bồi bổ khác với kẻ thứ dân vậy. Hoặc có thế gia mà sinh con hư, dân thứ mà sinh thân đồng, cũng chỉ vì ngẫu nhiên mà gặp cái khí gián cách, đó là trường hợp của bậc thượng trí và kẻ hạ ngu không thay đổi theo ngoại cảnh. Người hỏi về chân thân, hãy xin nhìn về mặt tinh khí.

CHÚ THÍCH:

1. Truyện: Chưa rõ xuất xứ.
2. La hán: Từ chữ ala hán (arhat), Ala: Giác; hán: Giết. Giết hết giặc phiền não. Chỉ người đã từ bỏ mọi phiền não.
3. Kinh của Đạo giáo.

6. 喚聲

[聲引吳時儻]

至人能守其真。境智既寂，心慮安然，故視一切世事，存亡得喪，了了然於胸中。玉皇同居，非吾真貴。乞丐同食，非吾真賤。時有千萬變化，而全体自在，外物何能作怪。

中人以下，心無真知，眼無真見，皇皇然如醉如夢，於得喪存亡局中，心迷意亂，故眼花耳鳴。本無鬼豕，而見鬼豕，只緣妄想不淨，邪崇種種自見。無論外物，且看人身上，朝氣暮氣，已自不同，非定何能靜，非靜何能安慮得！

世間真見者少，不真見者多，真須喚醒出來，自然興祥亡妖，劈開兩截看定。大禪師曰：“人爲人，鬼爲鬼，畜生爲畜生”，這一句，非真喚得亂性凡夫，真可喚莊周牒夢。

[海量大禪師]

海量大禪師言：

人爲人，鬼爲鬼，畜生爲畜生。

徒弟白師言：

佛說人死爲羊，羊死爲人，時如何？

師答言：

儒說：見豕負塗，載鬼一車，你道是真鬼豕麼？眼本明而花，耳本聰而鳴，花無影鳴無響。影響是外形氣，耳目是內形氣。釋迦牟尼佛，千手千眼，孔子瞻之在前，忽然在後，手眼一手眼也，前後一前後也。人不能藏形，鬼不能出身，禽獸不能作人言。反此者外形氣也。悟佛者不捨身，不悟佛者捨身。

[聲註一]

海鷗和尚曰：

人有人道，鬼有鬼道，畜生有畜生道。大禪師言，人鬼畜生，各自有形氣也。佛說人死爲羊，羊死

爲人，意蓋謂人本人道，天良喪盡，則人性滅，而入於畜道。羊本畜道，一隙光明，則孽根自斷，而入於人道。

善惡輪迴，乃釋家覺世寓言，猶易睽卦象說鬼豕，不可以辭認真也。明乎形質之義，則真身之固有，前境之外來，自有自無靈者不昧。眼本明用以視，耳本聰用以聽，有時而自花，有時而自鳴，花是無形，鳴是無聲，雖時外來，暫爲其眩聾，然花究竟無花，聲究竟無聲，祇有耳目聰明常在。

大禪師以影響耳目，分別內外形氣，以明此章第一言之義。佛書言：“釋迦佛千手千眼”。儒書讚夫子云：“瞻之在前，忽然在後”。蓋亦謂世尊萬行具足，慧眼遍觀，聖人体用兼該，不可量測，皆以形容其至處耳。

曰：“南無佛”“大哉夫子”，即其義也，非釋迦真有幻化相，夫子真有分身術也。悟此則人鬼畜生，各自有內形氣，有時而反之，皆外形氣也。悟得真面

目，則不肯捨內以從外，迷者反是。故曰：“悟佛不捨身，不悟佛者捨身”。

[聲註二]

海和僧曰：

佛說句句高遠，儒說亦句句高遠。但儒家自伏羲有文字之後，世出大聖賢，從平正的實處講說，是以人見得破認得真。禪家自釋迦佛之後，衣鉢相傳，只從明心見性上用力。惟一達摩稍爲辨折，僅有些少言語，故其徒不曾解得。

如說觀音佛千手千眼，是手無不爲，眼無不見。若千人之手千人之眼，卻真箇塑出千手千眼佛來。如說捨身，是利人利物，不私其身，卻至有生身以飼蛟飼虎者。

使讀儒書，至“明四目達四聰”，將謂虞舜真箇四目四耳，則“載鬼一車”處，必畫周公驅一車真鬼去，使人疑惑“在前在後”處，必畫孔子變化，在前一箇相，在後一箇相，令顏回恍惚不可爲像。儒家寧有是乎？

PHIÊN ÂM:

HOÁN THANH

[Thanh dẫn Ngô Thì Hoàng]

Chỉ nhân năng thủ kỳ chân. Cảnh trí ký tịch, tâm lực an nhiên, cố thị nhất thiết thế sự, tồn vong đắc táng, liễu liễu nhiên ư hung trung. Ngọc Hoàng đông cư, phi ngô chân quý. Khất cái đồng thực, phi ngô chân tiện. Thời hữu thiên vạn biên hoá, nhi toàn thể tự tại, ngoại vật hà năng tác quái.

Trung nhân dĩ hạ, tâm vô chân tri, nhĩn vô chân kiến, hoàng hoàng nhiên như tuý như mộng, ư đắc táng tồn vong cục trung, tâm mê ý loạn, cố nhĩn hoa nhĩ minh, bản vô quý thử, nhi kiến quý thử, chỉ duyên vọng tưởng bất tịnh, tà sùng chủng chủng tự hiện. Vô luận ngoại vật, thả khán nhĩn thân thượng, triệu khí mộ khí, dĩ tự bất đồng, phi định hà năng tĩnh, phi tĩnh hà năng an lực đắc!

Thế gian chân kiến giả thiếu, bất chân kiến giả đa, chân tu hoán tỉnh xuất lai, tự nhiên hưng tường vong yêu, bích khai lương tiết khán định. Đại thiên sư viết: “Nhân vi nhĩn, quý vi quý, súc sinh vi súc sinh,” giá nhất cú, phi trực hoán đắc loạn tính phạm phu, chân khả hoán Trang Chu thiên cổ điệp mộng.

[Hải Lượng Đại thiên sư]

Hải Lượng Đại thiên sư ngôn:

-Nhân vi nhĩn, quý vi quý, súc sinh vi súc sinh.

Đồ đệ bạch sư ngôn:

-Phật thuyết nhĩn tử vi dương, dương tử vi nhĩn, thời như hà?

Sư đáp ngôn:

-Nho thuyết: Kiến thi phụ đồ, tái quý nhất xa,” nhĩ đạo thị chân quý, thi ma? Nhãn bản minh nhi hoa, nhĩ bản thông nhi minh, hoa vô ảnh minh vô hưởng. ảnh hưởng thị ngoại hình khí, nhĩ mục thị nội hình khí. Thích Ca Mâu Ni Phật, thiên thủ thiên nhãn, Không Tử chiêm chi tại tiền, hốt nhiên tại hậu, thủ nhãn nhất thủ nhãn dã, tiền hậu nhất tiền hậu dã. Nhân bất năng tàng hình, quý bất năng xuất thân, cầm thú bất năng tác nhân ngôn. Phản thử giả ngoại hình khí dã. Ngộ Phật giả bất xả thân, bất ngộ Phật giả xả thân.

[Thanh chú nhất]

Hải Âu hoà thượng viết:

-Nhân hữu nhân đạo, quý hữu quý đạo, súc sinh hữu súc sinh đạo. Đại thiên sư ngôn, nhân quý súc sinh, các tự hữu hình khí dã. Phật thuyết nhân tử vi dương, dương tử vi nhân, ý cái vị nhân bản nhân đạo, thiên lương táng tận, tắc nhân tính diệt, nhi nhập ư súc, dương bản súc đạo, nhất khích quang minh, tắc ngiệp căn tự đoán, nhi nhập ư nhân đạo.

Thiện ác luân hồi, nãi Thích gia giác thế ngũ ngôn, do dịch khuê quái tượng thuyết quý thi, bất khả dĩ từ nhận chân dã. Minh hồ hình chất chi nghĩa, tắc chân thân chi cố hữu, tiền cảnh chi ngoại lai, tự hữu tự vô linh giả bất muội. Nhân bản minh dụng dĩ thị, nhĩ bản thông dụng dĩ thính, hữu thời nhi tự hoa, hữu thời nhi tự minh, hoa thị vô hình, minh thị vô thanh, tuy thời ngoại lai, tạm vi kỳ huyền lung, nhiên hoa cứu cánh vô hoa, thanh cứu cánh vô thanh, chi hữu nhĩ mục thông minh thường tại.

Đại thiên sư dĩ ảnh hưởng nhĩ mục, phân biệt nội ngoại hình khí, dĩ minh thủ chương đệ nhất ngôn chỉ nghĩa. Phật thư ngôn: “Thích Ca Phật thiên thủ thiên nhân.” Nho thư tán Phu tử vân: “Chiêm chi tại tiền, hốt nhiên tại hậu.” Cái diệc vị thế tôn vạn hành cụ túc, tuệ nhân biến quan, thánh nhân thể dụng kiêm cai, bất khả lượng trắc, giai dĩ hình dung kỳ chí xử nhĩ.

Viết: “Na mô Phật” “đại tai Phu Tử,” tức kỳ nghĩa dã, phi Thích Ca chân hữu ảo hoá tướng, Phu tử chân hữu phân thân thuật dã. Ngộ thủ tắc nhân quý súc sinh, các tự hữu nội hình khí, hữu thời nhi phản chi, giai ngoại hình khí dã. Ngộ đắc chân diện mục, tắc bất kháng xả nội dĩ tông ngoại, mê giả phản thị. Cố viết: “Ngộ Phật bất xả thân, bất ngộ Phật giả xả thân.”

[Thanh chú nhị]

Hải Hoà tăng viết:

-Phật thuyết cú cú cao viễn, Nho thuyết diệc cú cú cao viễn. Đãn Nho gia tự Phục Hy hữu văn tự chi hậu, thế xuất đại thánh đại hiền, tông bình chính đích thực xử giảng thuyết, thị dĩ nhân kiến đắc phá nhận đắc chân. Thiên gia tự Thích Ca Phật chi hậu, y bát tương truyền, chỉ tông minh tâm kiến tính thượng dụng lực. Duy nhất Đạt Ma sảo vi biện chiết, cận hữu ta thiếu ngôn ngữ, cố kỳ đồ bất tăng giải đắc.

Như thuyết Quan âm Phật thiên thủ thiên nhân, thị thủ vô bất vi, nhân vô bất kiến. Nhược thiên nhân chỉ thủ thiên nhân chi nhân, khước chân cá tổ xuất thiên thủ thiên nhân Phật lai. Như thuyết xả thân, thị lợi nhân lợi vật, bất tư kỳ thân, khước chí hữu sinh thân dĩ tứ giao tứ hổ giả.

Sử độc Nho thư, chí minh tứ mục đạt tứ thông, tương vị Ngu Thuấn chân cá tứ mục tứ nhĩ, tắc “tải quý nhất xa” xứ, tất họa Chu Công khu nhất xa chân quý khứ, sử nhân nghi hoặc, “tại tiền tại hậu” xứ, tất họa Không Tử biến hóa, tại tiền nhất cá tướng, tại hậu nhất cá tướng, linh Nhan Hồi hoảng hốt bất khả vi tượng. Nho gia ninh hữu thị hồ?

DỊCH NGHĨA:

TIẾNG GỌI (HOÁN THANH)

[Thanh dẫn Ngô Thì Hoàng]

Bậc chí nhân biết giữ cái chân thật của mình. Cảnh sắc trí tuệ đã lắng xuống, tâm tư đã ổn định, cho nên, thấy tất cả việc đời, từ việc còn mất, đến việc hơn thua, mọi việc đều rạch ròi. Ở với Ngọc Hoàng, không cho ta là thật quý báu; ăn với hành khát, không cho ta là thật bận tiện. Có lúc, có muôn vàn biến hóa, nhưng toàn thể vẫn như cũ, thì ngoại vật sao có thể tác quái được!

Người từ bậc trung trở xuống, lòng không biết thế nào là đúng, mắt nhìn không biết thế nào là thật, chập chờn như say như mộng, trong cuộc mất còn hơn thua, tâm mê ý loạn, cho nên mắt hoa tai ù. Vốn không có ma, có lợn mà thấy ma, lợn, chỉ vì sự suy nghĩ quàng xiên chưa được gột rửa, nên tà ma hiện lên đủ loại. Chưa phải bàn đến ngoại vật, hãy xét trên thân thể người ta, tính khí buổi sáng với buổi chiều cũng đã khác nhau, nếu không định tâm lại, thì sao có thể tĩnh tại được, không tĩnh tại thì sao có thể yên ổn để suy nghĩ được.

Trên đời này, người biết đúng thì ít, mà kẻ không biết đúng thì nhiều, quả thật cần phải gọi tỉnh dậy ngay, để tự dấy lên điều lành, làm

mất đi yêu quái, để nhìn nhận cho rạch ròi. Câu “Người là người, ma là ma, súc sinh là súc sinh” của Đại thiên sư, không những gọi tỉnh ngay được bọn phàm phu loạn tính, mà còn có thể thức tỉnh được giấc mơ bướm thiên cổ của Trang Chu nữa.⁽¹⁾

[Hải Lượng Đại thiên sư]

Hải Lượng Đại thiên sư nói:

-Người là người, ma là ma, súc sinh là súc sinh.

Đồ đệ bạch với Thầy rằng:

-Phật nói người chết thì làm dê, dê chết thì làm người, là thế nào?

Thầy trả lời rằng:

-Nho nói: “Thấy lợn đội bùn, chở ma một xe,”⁽²⁾ thì nhà người cho đó là ma thật, lợn thật hay sao? Mắt vốn sáng mà hoa, tai vốn tỏ mà ù, mắt hoa thì không có bóng, tai ù thì không có vang. Cái bóng và tiếng vang là hình khí ở bên ngoài, tai và mắt là hình khí ở bên trong. Phật Thích Ca Mâu Ni, nghìn tay nghìn mắt, Không Tử nhìn đằng trước bỗng hóa ra đằng sau,⁽³⁾ tay và mắt cũng một tay mắt ấy, trước sau cũng một trước sau ấy. Người thì không tàng hình được, ma thì không hiện hình được, cầm thú thì không nói tiếng người được. Ngược lại với những điều đó, là hình khí ở bên ngoài thôi. Kẻ nào ngộ Phật thì không xả thân, kẻ nào không ngộ Phật mới xả thân.

[Thanh chú 1]

Hòa thượng Hải Âu nói:

-Người thì có đạo của người, ma thì có đạo của ma, súc sinh thì có đạo của súc sinh. Đại thiên sư nói người, ma, và súc sinh là nói đều tự có hình khí vậy. Phật nói người chết làm dê, dê chết làm người, ý có lẽ muốn nói rằng, người vốn có đạo của người, nếu thiên lương⁽⁴⁾ bị táng tận, thì nhân tính bị huỷ diệt, phải đi vào cái đạo của súc sinh. Dê vốn ở trong đạo của súc sinh, nhưng hé ra một tia sáng, thì nghiệt căn tự khắc bị chặt đứt, mà được đi vào cái đạo của người.

Thiện, ác, luân hồi, là lời gửi gắm của nhà Phật để thức tỉnh người đời, cũng giống như lời tượng của quẻ Khuê trong *Kinh Dịch* nói “ma,” nói “lợn,” không thể theo lời lẽ mà bảo rằng là có thật. Nếu cái nghĩa của “hình chất” được rõ ràng, thì “chân thân” là cái có sẵn, tiền cảnh chỉ là cái ngoại lai, lúc có lúc không, trí giả không hề mê muội. Mắt vốn sáng dùng để nhìn, tai vốn tỏ dùng để nghe, có lúc tự nhiên mắt hoa, có lúc tự nhiên tai ù; mắt hoa thì không có hình, tai ù thì không có tiếng, tuy đôi khi bị cái ngoại lai làm cho quá đỗi, nhưng hoa rồi cực không hoa, tiếng rồi cực không tiếng, chỉ mắt sáng tai tỏ là vẫn còn.

Đại thiên sư dùng cái bóng cho mắt thấy và tiếng vang cho tai nghe, là để phân biệt “hình” và “khí” giữa bên trong với bên ngoài, là để làm sáng tỏ cái ý nghĩa của lời nói đầu tiên ở chương này. Sách Phật nói: “Thích Ca nghìn tay nghìn mắt,” sách Nho tán tụng Phu Tử rằng: “Nhìn ở phía trước, bóng dung đã ở phía sau.” Có lẽ cũng để nói Thế tôn⁽⁵⁾ đức hạnh đầy đủ, tuệ nhãn nhìn khắp; Thánh nhân⁽⁶⁾ thể dụng tài năng, không thể đo được, đều là để hình dung cái tuyệt diệu của các vị ấy mà thôi.

Gọi là “Na mô Phật” hay nói là “Lớn thay Phu Tử,” ý nghĩa là thế, chứ nào phải Thích Ca quả thật có tướng ảo hóa, Phu Tử quả thật có thuật phân thân đầu! Ngộ được điều đó thì người, ma, súc sinh đều tự có “hình” và “khí” bên trong, nếu có lúc ngược lại, thì đều là “hình” và “khí” bên ngoài thôi. Hiểu được sự thật, thì không chịu bỏ cái bên trong để theo cái bên ngoài, kẻ nào mê muội thì ngược lại. Cho nên nói rằng: “Kẻ nào ngộ Phật thì không xả thân, kẻ nào không ngộ Phật thì xả thân.”

[Thanh chú 2]

Tăng Hải Hòa nói:

-Phật nói từng câu từng câu đều cao xa, Nho nói cũng từng câu từng câu đều cao xa. Nhưng, Nho gia từ thời Phục Hy, sau khi có văn tự, đòi hỏi xuất hiện những bậc đại thánh đại hiền, giảng giải thuyết phục thẳng ngay đích thực, vì thế cái nhìn của người ta vỡ ra, nhận biết được sự thật. Thiên gia thì từ sau Phật Thích Ca, y bát truyền cho nhau, chỉ dụng lực ở chỗ “minh tâm kiến tính.” Duy chỉ một mình Đạt Ma⁽⁷⁾ là có bàn bạc phân tích, nhưng chỉ có đôi lời, cho nên môn đồ của họ không hiểu được.

Như nói rằng, Quan Âm nghìn tay nghìn mắt, là muốn nói tay không gì là không làm được, mắt không gì là không nhìn thấy. Giống như tay của nghìn người, mắt của nghìn người, đã được đắp lên pho tượng Phật nghìn tay nghìn mắt thật. Như nói xả thân là lợi người lợi vật, không riêng cho bản thân mình, nhưng có kẻ đến nỗi đem thân mình làm mồi cho thương luồng, cho hổ báo!

Giả sử đọc sách Nho đến câu “minh tứ mục, đạt tứ thông”⁽⁸⁾ thì họ tưởng rằng Ngụ Thuấn có bốn mắt và bốn tai thật; đọc đến câu “chở ma một xe” thì e họ vẽ ra Chu Công đang thúc một xe ma đi lên, làm cho người

ta ngờ vực; đến câu “tại tiền tại hậu” thì e họ vẽ Khổng Tử biến hóa thành một người có tướng mạo ở phía trước, lại có một tướng mạo ở phía sau, làm cho Nhan Hồi hoảng hốt không hình dung được. Nho gia có như thế chẳng!

CHÚ THÍCH:

1.Mơ bướm Trang Chu: Trang Chu nằm mơ hóa bướm, tỉnh dậy không biết là Trang Chu hóa bướm hay bướm hóa Trang Chu. Ý nói không phân biệt đâu là mộng, đâu là tỉnh (*Trang Tử*, thiên *Tề vật luận*).

2.Nguyên văn: “Kiên thì phụ đồ, tái quý nhất xa” (*Kinh Dịch*, quẻ *Thiên phong cấu*).

3.*Luận ngữ*, thiên *Tử Hãn* có câu: “Nhan Uyên vị thiên thần viết: Ngưỡng chi di cao, toàn chi di kiên, chiêm chi tại tiền, hốt yên tại hậu.” Nghĩa là: Nhan Uyên than thở rằng: Ngược lên thì càng thấy cao, đi sâu vào thì càng thấy kiên cố, đang trông thấy phía trước, bỗng nhiên đã ở phía sau.

Đó là lời Nhan Uyên tán dương học vấn, đức độ của Khổng Tử.

4.Thiên lương: Tính tốt mà trời phú cho người.

5.Thế tôn: Túc Thích Ca.

6.Thánh nhân: Túc Khổng Tử.

7.Đạt Ma: Túc Bồ Đề Đạt Ma (bodhidharma), người Ấn Độ, đến Trung Quốc vào năm 520, chết năm 529. Được người Trung Quốc tôn xưng là Tổ thứ nhất của Thiên Tông Trung Quốc.

8.Nguyên văn: “Minh tứ mục, đạt tứ thông.” Nghĩa là “Sáng bốn mắt, tỏ bốn tai” (*Kinh Thư*, thiên *Thuấn điện*).

Ý nói: Mắt phải và tai phải tỏ, để nghe được và thấy được khắp nơi trong dân chúng.

7. 說聲

[聲引吳時儂]

說者解脫舒暢之義。天地之德曰生，故貴陽而賤陰。聖人德與天地參，故善善而惡惡。貴陽而善善者，以其解說而舒暢也。說者豈真脫人於獄，說其昏蒙之桎梏耳。

一切群有在火宅中，爲氣稟所拘，物欲所蔽，貪嗔不除，多爲情塵愛流所陷。若非仁義道德之精，以開其障蔽，大都罷脫不得。聖人教人，要使之閑邪存誠，遠離虛妄，以復其光明，則不至沉淪苦海，而得一切解脫。夫！是之謂說。

大禪師言：“有虞氏以精一破之，釋迦牟尼佛以精進破之”，破者脫也。精一精進者，仁義道德而已矣。夫聞雷霆而伏蟄昭蘇，天地之說聲也。仁義道德之發越，聽之而茅塵頓開者，斯大禪師之說聲乎？

[海量大禪師]

海量大禪師言：

釋迦牟尼佛，生於帝舜有虞氏之後，
獨得其破獄之法，以濟度眾生。

徒弟白師言：

有虞氏使皋陶爲士師，是入人獄，沉破
地獄。

大禪師言：

人獄易出，地獄最難出，非破不得。
有虞氏大力量，乃能破得，釋迦牟尼佛，
亦大力量，故得其破之之法。

徒弟白師言：

有虞氏有何法？

師言：

“地獄危，佛說無間獄苦。有虞氏以精
一破之。釋迦牟尼以精進破之。後來顏回

言：“克己”，大慧言：“殺害”，工夫全在“精”字上。故打破地獄，精力是金剛寶劍。

徒弟又白師言：

有虞氏破獄，十殿冥王已用事麼？

曰：已用事，十殿冥王就是圖書未成時，四面八方，都箇箇用事。釋迦牟尼佛，是觀世音菩薩第三身，觀世音菩薩，普度十方，便是圖書。十殿冥王出來，留得金剛不壞身，釋迦牟尼佛，就取用他，亦與有虞氏取用一般。

徒弟又白師言：

眾生何多墮地獄？

師言：

緣眾生慈悲，有虞氏不慈悲，釋迦牟尼佛亦不慈悲，故能破得地獄。眾生若不

慈悲，便不墮地獄。是故殺父母殺害僧，
是佛家第一平等。

[聲註一]

海鷗和尚曰：

虞舜使皋陶爲士師，以明形，乃人獄治人之法也。釋氏言地獄，治己之道也。人獄與地獄大異。人獄不犯者不入，犯法而人不知者亦不入，犯法爲人所知，而得法官憐者出，法官既下獄，而遇赦者亦出，不待破也。

人生落蓐時，十殿冥王，已具在人身上。目視耳聽口食，形體運動，皆冥王主之。稍有知識意向，便犯他獄罪案。冥王在不聞不見中，從而鍛練之，便落無間地獄。知識日增，地獄便加一重鐵壁，永無出期。破地獄之法，有虞氏以精一。一者守之不移。荀子曰：“守道不二，天不能爲之過”是也。釋迦氏以精進，進者力行而不輟。儒書曰：“作之不止，乃成君子”是也。

曰一曰進，工夫卻在“精”字上。精之爲義不雜也。曰：“金剛寶劍，金剛不壞身”，亦精之義也。末言：“眾生慈悲，故多墮地獄”。慈悲則犯情愛障，墜情田多觸網，渡愛海多迷津，那得不墮地獄。有虞氏、釋迦氏不慈悲，精一精進之謂也。極其精則瑩潔光明，了無罣礙。惠能禪師偈曰：

“本來無一物，

何處惹塵埃”。

眾生若不慈悲，便到處皆有尊者錫杖。

殺害父母殺害僧，寓言也，我見楞伽經。

[聲註二]

海和僧曰：

讀尚書至“人心惟危”一句，不覺捏一把汗。盲人乘瞎馬，黑夜臨深池，不危也。寢上絲懸萬鈞石，鼠爭嚙絲聲索索，不危也。搗杵未下時，銅汁未飲時，油鼎百沸未投時，睨立刀山劍樹之旁，喘息欬吁時，如十二地獄之設至危也。危在地獄屬虛幻，危在人獄最切真。人心者欲心而已。有血氣心思，誰能無欲，不意其

危若是。非我師言破獄之法，則蹈至危者，何能解脫，而就安處乎？

昔臬陶明于五刑以弼五教，使人趨教而不入刑，是破人獄。人獄明明設法，可畏而避。地獄黑嶮只在方寸，知之者寡，而犯之者多，非大力量聖人，不能破得。

蓋人皆有是心，惟放之而不知收，縱之而不知檢。是以入於邪侈，陷於過尤。纏恩愛者，永無解脫之期。溺利名者，自受焦熬之苦。在煩惱中，處憂畏境，冥冥入此地獄，跳不出走不上。釋迦牟尼佛，爲此憐憫，教人明心見性。明得心時，心本虛空，見得性時，性無倚著。

凡世間一切物事，作平等觀，精進不解，乃成佛道。不垢不淨，不增不減，皆離苦趣，此是破地獄第一法門。

何謂金剛寶劍？何謂金剛不壞身？佛生於西方屬庚辛金，得金之正氣。物成於秋，說於兌，惟金剛不能壞。故佛用精力，割斷一切業障。“曰”金剛寶劍，不生

不滅”曰“金剛不壞身”，設言如金剛耳。或有金剛寶劍，那有金剛身？

天一生水，地六成之，地二生火，天七成之，天三生木，地八成之，地四生金，天九成之，天五生土，地十成之。

在天爲五帝，在人爲五行，在司爲十地冥王。有天地來便有，亙古窮今不壞，這是金剛身。緣眾生慈悲，爲愛河所汨，貪戀不止，取用過多。火盛木灰，金盛土燥，木盛水滯，水盛金沉，土盛火遏，逆用五行，生剋非度。犯此罪惡，乃墮地獄。十殿冥王，得隨其所犯而治之。若識得破捨得斷，不爲慈悲所困，何緣墮地獄。

PHIÊN ÂM:

THOÁT THANH

[Thanh dẫn Ngô Thì Hoàng]

Thoát giả giải thoát thư tướng chi nghĩa. Thiên địa chi đức viết sinh, cố quý dương nhi thiện âm. Thánh nhân đức dữ thiên địa tham, cố thiện thiện nhi ác ác. Quý dương nhi thiện thiện giả, dĩ kỳ giải thoát nhi thư tướng dã. Thoát giả khởi chân thoát nhân ư ngục, thoát kỳ hôn mê chi trát cốc nhĩ.

Nhất thiết quần hữu tại hoả trạch trung, vì khí bảm sở câu, vật dục sở tế, tham sân bất trừ, đa vi tình trần ái lưu sở hãm. Nhược phi nhân nghĩa đạo đức chi tinh, dĩ khai kỳ chương tế, đại đồ bãi thoát bất đắc. Thánh nhân giáo nhân, yếu sử chi nhân tà tồn thành, viễn ly hư vọng, dĩ phục kỳ quang minh, tắc bất chí trầm luân khổ hải, nhi đắc nhất thiết giải thoát. Phù thị chi vị thoát.

Đại thiên sư ngôn: “Hữu thị dĩ tinh nhất phá chi, Thích Ca Mâu Ni Phật dĩ tinh tiến phá chi,” phá giả thoát dã. Tinh nhất tinh tiến giả, nhân nghĩa đạo đức nhi dĩ hỹ. Phù văn lời đình nhi phục trập chiêu tô, thiên địa chi thoát thanh dã. Nhân nghĩa đạo đức chi phát việt, thánh chi nhi mao trần đốn khai giả, tư đại thiên sư chi thoát thanh hồ?

[Hải Lượng Đại thiên sư]

Hải Lượng Đại thiên sư ngôn:

-Thích Ca Mâu Ni Phật, sinh ư Đế Thuấn Hữu Ngu thị chi hậu, độc đắc kỳ phá ngục chi pháp, dĩ tế độ chúng sinh.

Đồ đệ bạch sư ngôn:

-Hữu Ngu thị sử Cao Dao vi Sỹ sư, thị nhập nhân ngục, hướng phá địa ngục.

Đại thiên sư ngôn:

-Nhân ngục dị xuất, địa ngục tối nan xuất, phi phá bất đắc. Hữu Ngu thị đại lực lượng, nãi năng phá đắc. Thích Ca Mâu Ni Phật, diệt đại lực lượng, cố đắc kỳ phá chi pháp.

Đồ đệ bạch sư ngôn:

-Hữu Ngu thị hữu hà pháp?

Sư ngôn:

-Địa ngục nguy, Phật thuyết Vô gián ngục khổ. Hữu Ngu thị dĩ tình nhất phá chi. Thích Ca Mâu Ni dĩ tình tiến phá chi.

Hậu lai Nhan Hồi ngôn: “Khắc kỷ,” Đại Tuệ ngôn: “Sát hại,” công phu toàn tại “tình” tự thượng. Cố đả phá địa ngục, tình lực thị kim cương bảo kiếm.

Đồ đệ hựu bạch sư ngôn:

-Hữu Ngu thị phá ngục, Thập Điện Minh Vương dĩ dụng sự ma?

Viết:

-Dĩ dụng sự, Thập Điện Minh Vương tự thị đồ thư vị thành thời, tứ diện bát phương, đồ cá cá dụng sự. Thích Ca Mâu Ni Phật, thị Quan Thế Âm Bồ Tát tam thân. Quan Thế Âm Bồ Tát phổ độ thập phương, tiện thị đồ thư. Thập Điện Minh Vương xuất lai, lưu đắc kim cương bất hoại thân, Thích Ca Mâu Ni Phật, tự thủ dụng tha, diệt dữ Hữu Ngu thị thủ dụng nhất ban.

Đồ đệ hựu bạch sư ngôn:

-Chúng sinh hà đa đoạ địa ngục?

Sư ngôn:

-Duyên chúng sinh từ bi, Hữu Ngu thị bất từ bi, Thích Ca Mâu Ni Phật, diệt bất từ bi, cố năng phá đắc địa ngục. Chúng sinh nhược bất từ bi, tiện bất đoạ địa ngục. Thị cố sát phụ mẫu sát hại tăng, thị Phật gia đệ nhất bình đẳng.

[Thanh chú nhất]

Hải Âu Hoà thượng viết

-Ngu Thuấn sử Cao Dao vi Sĩ sư, dĩ minh hình, nãi nhân ngục trị nhân chi pháp dã. Thích thị ngôn địa ngục, trị kỷ chi đạo dã. Nhân ngục dữ địa ngục đại dị. Nhân ngục bất phạm giải bất nhập, phạm pháp nhi nhân bất trị giả diệc bất nhập, phạm pháp vi nhân sở trị, nhi đắc pháp quan lân giả xuất, pháp quan ký hạ ngục, nhi ngộ xá giả diệc xuất, bất đắc dĩ phá dã.

Nhân sinh lạc nhục thời, Thập Điện Minh Vương, dĩ cụ tại nhân thân thượng. Mục thị nhĩ thính khẩu thực, hình thể vận động, giai Minh Vương chủ chi. Sảo hữu tri thức ý hà, tiện phạm tha ngục tội án. Minh Vương tại bất văn bất kiến trung, tòng nhi đoán luyện chi, tiện lạc vô gián tha ngục. Tri thức nhật tăng, địa ngục tiện gia nhất trùng thiết bích, vĩnh vô xuất kỳ kỳ. Phá địa ngục chi pháp, hữu Ngu thị dĩ tinh nhất. Nhất giả thủ chi bất di. Tuân Tử viết: "Thủ đạo bất nhị, thiên bất năng vi chi hoạ," thị dã. Thích Ca thị dĩ tiến, tiến giả lực hành nhi bất xuyết. Nho thư viết: "Tác chi bất chỉ, nãi thành quân tử" thị dã.

Viết nhất viết tiến, công phu khước tại "tinh" tự thượng. Tinh chi vi nghĩa bất tạp dã. Việt "kim cương bảo kiếm, kim cương bất hoại thân, diệc tinh chi nghĩa dã. Mật ngôn: "Chúng sinh từ bi, cố đa đoạ địa ngục." Từ bi tắc phạm tình ái chương, truy tình điền đa xúc vông, độ ái hải đa mê tân, ná đắc bất đoạ địa ngục. Hữu Ngu thị, Thích Ca thị bất từ bi, tinh nhất tinh tiến chi vị dã. Cực kỳ tinh tắc oanh khiết quang minh, liễu vô quái ngại. Huệ Năng thiên sư kệ viết:

Bản lai vô nhất vật,

Hà xứ nhạ trần ai.

Chúng sinh nhược bất từ bi, tiện đáo xứ giai hữu tôn giả tích trượng. “Sát hại phụ mẫu sát hại tăng,” ngũ ngôn dã, nghĩa kiến Lăng già kinh.

[Thanh chú nhị]

Hải Hoà tăng viết:

-Độc Thượng thư chí “Nhân tâm duy nguy” nhất cú, bất giác niết nhất bả hãn. Manh nhân thặng hạt yên, hắc dạ lâm thâm trì, bất nguy dã. Tả thượng ty huyền vạn điều thạch, thử tranh khiết ty thanh sách sách, bất nguy dã. Đảo chủ vị hạ thời, đồng chấp vị ẩm thời, du đỉnh bách phí vị đầu thời, nghệ lập đao sơn kiếm thụ chi bàng, suyễn tức hy hu thời, như thập nhị địa ngục chi thiết chí nguy dã. Nguy tại địa ngục thuộc hư ảo, nguy tại nhân tâm tối thiết chân. Nhân tâm giả dục tâm nhi dĩ. Hữu huyết khí, tâm tư, thủy năng vô dục, bất ý kỳ nguy nhược thị. Phi ngã sư ngôn phá ngục chi pháp, tắc đạo chí nguy giả, hà năng giải thoát, nhi tự an xử hồ?

Tích Cao Dao minh vu ngũ hình dĩ bất ngũ giáo, sử nhân xu giáo nhi bất nhập hình, thị phá nhân ngục. Nhân ngục minh minh thiết pháp, khả ụy nhi ty. Địa ngục hắc tốt tốt chỉ tại phương thốn, tri chi giả quả, nhi phạm chi giả đa, phi đại lực lượng thánh nhân, bất năng phá đắc.

Cái nhân giai hữu thị tâm, duy phóng chi nhi bất tri thu, túng chi nhi bất tri kiểm. Trị dĩ nhập ư tà xỉ, hãm ư quá vưu. Triền ân ái giả, vĩnh vô giải thoát chi kỳ. Nịch lợi danh giả, tự thụ tiêu ngao chi khổ. Tại phiên não trúng, xử ưu ụy cảnh, minh minh nhập thử địa ngục khiêu bất xuất, tẩu bất thượng. Thích Ca Mâu Ni Phật, vi thử lân mẫn, giáo nhân minh tâm kiến tính. Minh đắc tâm thời, tâm bản hư không. Kiến đắc tính thời, tính vô ý trước.

Phàm thế gian nhất thiết vật sự, tác bình đẳng quan, tình tiến bất giải, nãi thành Phật đạo. Bất cấu bất tịnh, bất tăng bất giảm, giai ly khổ thú, thử thị phá địa ngục đệ nhất pháp môn.

Hà vị kim cương bảo kiếm? Hà vị kim cương bất hoại thân? Phật sinh ư tây phương thuộc Canh Tân kim, đắc kim chi chính khí. Vật thành ư thu, thoát ư đoài, duy kim cương năng bất hoại. Cổ Phật dụng tinh lực, cát đoán nhất thiết nghiệp chương. Viết: Kim cương bảo kiếm, bất sinh bất diệt, viết kim cương bất hoại thân, thiết ngôn như kim cương nhĩ. Hoặc hữu kim cương bảo kiếm, na hữu kim cương thân?

Thiên nhất sinh thủy, địa lục thành chi, địa nhị sinh hỏa, thiên thất thành chi, thiên tam sinh mộc, địa bát thành chi, địa tứ sinh kim, thiên cửu thành chi, thiên ngũ sinh thổ, địa thập thành chi.

Tại thiên vi Ngũ Đế, tại nhân vi ngũ hành, tại ty vi Thập Điện Diêm Vương. Hữu thiên địa lai tiện hữu, cẳng cổ cùng kim bất hoại, giá thị kim cương thân. Duyên chúng sinh từ bi, vi ái hà sở mịch, tham luyến bất chỉ, thử dụng quá đa, hỏa thịnh mộc hôi, kim thịnh thổ táo, mộc thịnh thủy trệ, thủy thịnh kim trầm, thổ thịnh hỏa át, nghịch dụng ngũ hành, sinh khắc phi độ. Phạm thử tội ác, nãi đoạ địa ngục. Thập Điện Minh Vương, đắc tùy kỳ sở phạm nhi trị chi. Nhược thức đắc phá xả đắc oán, bất vi từ bi sở khốn, hà duyên đoạ địa ngục?

DỊCH NGHĨA:

TIẾNG THOÁT (THOÁT THANH)

[Thanh dẫn Ngô Thì Hoàng]

Thoát⁽¹⁾ có nghĩa là “giải thoát,” là “thư thái.” Đức của trời đất là sinh sôi,⁽²⁾ cho nên coi trọng khí dương mà coi nhẹ khí âm. Đức của

Thánh nhân xen vào giữa trời đất, cho nên ưa cái thiện mà ghét cái ác. Coi trọng khí dương mà ưa cái thiện là vì nó là giải thoát và thư thái. Nói là “thoát,” đâu phải thực sự thoát khỏi nhân ngục, mà chỉ thoát khỏi cái cùm, cái gông ở nơi tối tăm mà thôi.

Hết thấy mọi người đều ở trong ngôi nhà đang cháy,⁽³⁾ vì bị khí bầm câu thúc, bị vật dục che lấp, không bỏ được tham lam, nên phần nhiều sa lầy trong tình ái trần ai. Nếu không có tinh hoa của nhân nghĩa đạo đức để mở ra sự che lấp ấy, thì hầu hết gỡ ra không được. Thánh nhân dạy người, điều cốt yếu là ngăn chặn tà ý, giữ lại thành ý, rời xa cái hư danh, sàm nịnh, để phục hồi ánh sáng trí tuệ, như thế thì không đến nỗi phải chìm đắm trong bể khổ, mà tất cả đều được giải thoát. Ôi! Như vậy mới gọi là giải thoát.

Đại thiên sư nói: “Hữu Ngu thị (Đế Thuấn) dùng phép *Tinh nhất*⁽⁴⁾ để phá vỡ nó. Phật Thích Ca Mâu Ni dùng phép *Tinh tiến*⁽⁵⁾ để phá vỡ nó.” Phá vỡ tức là giải thoát. *Tinh nhất* và *Tinh tiến* chỉ là nhân nghĩa đạo đức mà thôi. Kìa như, loài côn trùng ngủ đông ở dưới đất hễ nghe thấy tiếng sấm tiếng sét thì đều sống lại, đó là do có *tiếng thoát* (thoát thanh) của trời đất vậy. Nhân nghĩa đạo đức được phát ra, nghe biết được điều đó thì trong đám lau lách bụi bặm lập tức được mở toang, đó phải chăng là do *tiếng thoát* (thoát thanh) của Đại thiên sư ta chăng?

[Hải Lượng Đại thiên sư]

Hải Lượng Đại thiên sư nói:

-Phật Thích Ca Mâu Ni sinh sau Đế Thuấn Hữu Ngu thị, chỉ tiếp thu được cái phép phá ngục của Đế Thuấn để tế độ chúng sinh.

Đồ đệ bạch với thầy rằng:

-Hữu Ngu thị sai Cao Dao làm Sĩ sư,⁽⁶⁾ như thế là vào trong nhân ngục,⁽⁷⁾ còn gì để phá địa ngục nữa?

Đại thiên sư nói:

-Nhân ngục dễ ra, địa ngục rất khó ra, không phá thì không ra được. Hữu Ngu thị là người có đại lực lượng mới phá được, Thích Ca Mâu Ni cũng là người có đại lực lượng cho nên tiếp thu được cái phép phá ngục.

Đồ đệ bạch với thầy rằng:

-Hữu Ngu thị có cái phép gì vậy?

Thầy nói:

-Địa ngục rất nguy. Phật có nói về cái khổ ở ngục Vô gián.⁽⁸⁾ Hữu Ngu thị phá nó bằng phép “tĩnh nhất” mà Thích Ca Mâu Ni phá nó bằng phép “tĩnh tiến.” Sau này, Nhan Hồi nói “khắc kỷ,”⁽⁹⁾ Đại Tuệ nói “sát hại,”⁽¹⁰⁾ công phu của hai người là ở chữ “tĩnh,” cho nên tĩnh lực phá được địa ngục, là ở thanh bảo kiếm kim cương.

Đồ đệ lại bạch với Thầy rằng:

-Khi Hữu Ngu thị phá ngục, thì Thập Điện Minh Vương⁽¹¹⁾ đã dụng sự chưa?

Thầy đáp :

-Đã dụng sự. Thập Điện Minh Vương tức là lúc đồ thư chưa thành, bốn mặt tám phương đều thấy dụng sự. Phật Thích Ca Mâu Ni là thân thứ ba của Quan Thế Âm Bồ Tát. Quan Thế Âm Bồ Tát phổ độ mười phương, tức là đồ thư. Thập

Điện Minh Vương xuất hiện, giữ được thân kim cương không hư nát. Phật Thích Ca Mâu Ni dùng nó, cũng giống như Hữu Ngu thị dùng nó.

Đồ đệ lại bạch với Thầy rằng:

-Tại sao chúng sinh lại bị đầy đọa xuống địa ngục nhiều đến thế?

Thầy đáp:

-Ấy là vì chúng sinh từ bi, Hữu Ngu thị không từ bi, Phật Thích Ca cũng không từ bi, cho nên phá được địa ngục. Nếu chúng sinh không từ bi, thì tức là không bị đầy đọa xuống địa ngục. Vì vậy cho nên, giết cha mẹ, giết sư sãi, đó là cái nghĩa bình đẳng⁽¹²⁾ thứ nhất của Phật gia.

[Thanh chú 1]

Hòa thượng Hải Âu nói:

-Ngu Thuấn cho Cao Dao làm quan Sĩ sư, để làm sáng tỏ hình phạt, đó là nhân ngục, tức là cái phép trị người. Thích thị nói về địa ngục, đó là cái đạo trị mình. Nhân ngục và địa ngục khác nhau rất lớn. Nhân ngục, kẻ nào không phạm pháp thì không vào, kẻ nào phạm pháp mà người ta không biết cũng không vào, kẻ nào phạm pháp, người ta biết được, mà pháp quan rủ lòng thương thì được ra, kẻ nào bị pháp quan đã hạ ngục nhưng được ân xá thì cũng được ra, không chờ phải phá nữa.

Người ta lúc mới lọt lòng mẹ thì Thập Điện Minh Vương đã có đủ ở trong mình. Mắt nhìn, tai nghe, mồm ăn, hình thể vận động, đều là do Minh Vương làm chủ. Hễ hơi có một chút nhận biết ý hướng, thì phạm ngay vào tội án của địa ngục. Minh Vương trong khi không thấy không nghe lại rèn luyện thêm cho, rồi rơi vào địa ngục Vô gián. Sự nhận biết

ngày càng tăng, thì địa ngục lại thêm một bức tường sắt, mãi mãi không lúc nào ra được. Cái phép để phá địa ngục, Hữu Ngu thị dùng chữ *tinh nhất*. *Nhất*, là giữ gìn không chuyển rời. Tuân Tử nói: “Giữ đạo không hai, thì trời không giáng họa được”⁽¹³⁾ cũng là ý ấy. Thích Ca thị thì dùng chữ *tinh tiến*, *tiến* là cố gắng mà làm không bỏ dở. Sách Nho nói: “Làm mà chẳng dừng, thành người quân tử,” cũng là ý ấy.

Gọi là *nhất* gọi là *tiến*, nhưng ngược lại, công phu đều ở trong chữ *tinh*. Nghĩa của *tinh* tức là không lẫn lộn. Gọi là “Gươm báu kim cương, thân kim cương không bao giờ vỡ nát,” cũng là nghĩa của *tinh* vậy. Lời sau cùng, Thầy nói: “Chúng sinh từ bi, cho nên phần nhiều bị sa xuống địa ngục.” Từ bi thì phạm vào nghiệp chướng tình ái. Rơi xuống bể tình thì phần đông hay mắc lưới, đi qua bể ái thì phần đông gặp bến mê, làm sao mà chẳng bị sa xuống địa ngục. Hữu Ngu thị, Thích Ca thị không từ bi, đó là nói đến chữ *tinh nhất*, *tinh tiến* vậy. *Tinh* đến tột độ thì trong sáng sạch lâu, không chút vương bận, như bài kệ của Huệ Năng thiền sư⁽¹⁴⁾ có nói:

Vốn không có một vật.

Nơi nào nảy trần ai?

Chúng sinh nếu không từ bi, thì đến đâu cũng đều có cây tích trượng của tôn giả.

Câu “giết cha, giết mẹ, giết sư,” chỉ là ngụ ngôn mà thôi, nghĩa này thấy trong *Kinh Lăng già*.

[Thanh chú 2]

Tăng Hải Hòa nói:

-Đọc sách *Thượng thư*, đến câu “Nhân tâm duy nguy” (lòng người là rất nguy), thì bất giác toát mồ hôi. Người đui cười ngựa mù, đêm tối như mực đi kê bên đầm sâu, chưa phải là nguy! Trên giường nằm có một sợi tơ

treo tảng đá nặng nghìn cân, chuột tranh nhau cắn giây tơ treo treo, cũng chưa phải là nguy. Nhưng khi chưa bị cái vô đập xuống đầu, khi chưa uống nước đồng đun chảy, khi chưa bị ném vào cái vạc dầu sôi sùng sục, khi còn đang đứng bên rừng đao cây kiếm, hơi thở hỗn hển, như lập ra mười hai tầng địa ngục, thì khi đó mới là chí nguy. Nguy ở chỗ địa ngục thuộc về hư ảo, nguy ở chỗ lòng người rất sát với cảnh thật. Lòng người chẳng qua là lòng dục mà thôi. Đã có huyết khí tâm tư, ai mà chẳng có lòng dục, nhưng không ngờ lại có mối nguy đến như vậy. Nếu Thầy ta không nói lên cái phép phá ngục thì những người lâm nguy như thế, làm sao giải thoát được để về nơi an toàn?

Xưa kia Cao Dao làm sáng tỏ năm hình⁽¹⁵⁾ để giúp cho năm giáo,⁽¹⁶⁾ khiến người ta theo về giáo mà tránh khỏi hình, đó là phá cái nhân ngục. Nhân ngục có phép tắc rõ ràng, người ta trông thấy thì sợ mà tránh được. Còn như địa ngục thì tối đen ngòm ngòm chỉ ở trong gang tấc, người thấy nó thì rất ít mà người phạm nó thì rất nhiều, nếu không phải là bậc thánh nhân có đại lực lượng thì không phá nổi.

Có lẽ, người ta ai cũng có cái lòng ấy, chỉ vì thả nó ra mà không biết thu nó về, buông nó ra mà không biết kìm nó lại. Do đó mà đi vào con đường xằng bậy, sa vào cái hố tội ác. Kẻ nào triển miên ân ái thì mãi mãi không tìm ra đường giải thoát; kẻ nào đắm đuối danh lợi thì đau đớn quần quai trong vòng nước sôi lửa bỏng, luôn sống trong cảnh phiền não lo âu, vô hình chung sa xuống địa ngục, vượt không khỏi, chạy không thoát. Vì vậy Phật Thích Ca Mâu Ni rủ lòng thương xót, dạy cho người ta *minh tâm, kiến tính*. Khi người ta được *minh tâm* thì tâm vốn là hư không, khi người ta được *kiến tính* thì tính không dựa dẫm nữa.

Trong thế gian, hết thấy mọi sự mọi vật, đều được coi là bình đẳng, *tinh tiến* không bao giờ lơi, thì thành được Phật đạo. Không nhớ không

sạch, không thêm không bớt, lìa hẳn được mọi nỗi khổ đau, đó là cái pháp môn cao bậc nhất để phá địa ngục.

Tại sao nói: “Kiếm báu kim cương”? Tại sao nói: “Thân kim cương không vỡ nát”? Vì rằng Phật sinh ở phương Tây thuộc Kim, Canh Tân,⁽¹⁷⁾ được cái chính khí của Kim. Vật đều thành hình ở mùa thu, thoát đi ở đông, chỉ có kim cương là không vỡ nát. Cho nên Phật dùng tinh lực cắt đứt hết thảy nghiệp chướng. Gọi là “Bảo kiếm kim cương bất sinh bất diệt,” gọi là “Thân kim cương không vỡ nát,” cũng là nói ví như kim cương mà thôi. Nếu có chăng là thanh gươm kim cương, chứ đâu có cái thân kim cương?

Trời là số một sinh thủy, đất là số sáu thành thủy; đất là số hai sinh hỏa, trời là số bảy thành hỏa; trời là số ba sinh mộc, đất là số tám thành mộc; đất là số bốn sinh kim, trời là số chín thành kim; trời là số năm sinh thổ, đất là số mười thành thổ.⁽¹⁸⁾

Tại trời làm Ngũ Đế, tại người làm Ngũ hành, tại âm ty làm Thập Điện Minh Vương. Từ khi có trời đất đến nay, suốt thời gian kim cổ không bao giờ vỡ nát, đó là cái thân kim cương. Chỉ vì chúng sinh từ bi, chìm đắm trong bể ái, tham lam luyến tiếc chẳng thôi, giành lấy quá nhiều. Hỏa thịnh thì mộc hóa tro, kim thịnh thì thổ khô cháy, mộc thịnh thì thủy ngưng trệ, thủy thịnh thì kim chìm ngấm, thổ thịnh thì hỏa át, ngũ hành đảo lộn, sinh khắc sai độ số. Phạm tội ác như thế thì sa xuống địa ngục. Cho nên Thập Điện Minh Vương mới nhân chỗ phạm tội mà trừng phạt. Trái lại, nếu biết cho cặn lẽ, bỏ cho dứt khoát, không bị từ bi làm khốn, có gì phải sa xuống địa ngục?

CHÚ THÍCH:

1. Thoát thanh: Chữ thoát (脱) ở đây là đồng âm và đồng nghĩa với chữ thoát (脱).

2. Nguyên văn: "Thiên địa chi đại đức viết sinh" (*Kinh Dịch*, thiên *Hệ từ hạ*).

3. *Kinh Pháp hoa* có nói: "Ba cõi (trời, địa ngục, dương gian) giống như nhà lửa, có bao nhiêu là khổ não ở trong đó, thật là đáng sợ."

4. *Tĩnh nhất*: Trích ra từ câu "Duy tĩnh duy nhất doãn chấp quyết trung." Nghĩa là: Phải tĩnh tường chuyên nhất mới nắm được đạo trung (*Kinh Thư*, thiên *Đại Vũ mô*).

5. *Tĩnh tiến* (Virya): Là một trong sáu phép tu (lục độ) của Phật giáo. Tĩnh tiến có nghĩa là tinh thuần (thuần khiết, không tạp) và gắng gỏi (không lười nhác).

6. *Sĩ sư*: Quan coi việc hình ngục đời Nghiêu Thuấn.

7. *Nhân ngục*: Ngục do người làm ra ở trần gian. *Địa ngục*: Ngục ở âm phủ.

8. *Ngục Vô gián*: Nơi địa ngục cực kỳ tàn ác, tội nhân phải liên tục chịu những hình phạt đau đớn, không bao giờ thoát khỏi.

9. *Khắc kỷ*: Nguyên văn "Khắc kỷ phục lễ vi nhân" nghĩa là "Giữ được mình theo với lễ là nhân" (*Luận ngữ*, thiên *Nhan Uyên*).

10. *Sát hại*: *Đại Tuệ* là cao tăng Trung Quốc đời Nam Tống. Trong công án trả lời cho môn đồ, *Đại Tuệ* dùng từ "sát hại" để yêu cầu môn đồ phải có thái độ phủ định dứt khoát (sát hại) với hiện tượng bên ngoài.

11. *Thập Điện Minh Vương*: Phật giáo cho rằng dưới đất có mười vua cai quản về địa ngục như *Tân Quảng Vương*, *Sở Giang Vương*. . .

12. *Bình đẳng*: (Samata) quan điểm của Phật giáo chủ trương không phân biệt có, không, thiện, ác, đúng, sai...

13. Nguyên văn: "Tu đạo nhi bất nhĩ tắc thiên bất năng họa." Nghĩa là, tu đạo chuyên nhất thì trời không làm hại được (*Tuân Tử*, thiên *Thiên luận*).

14. *Huệ Năng*: (638 - 713) được xem là ông Tổ thứ 6 của Thiền Tông ở Trung Quốc.

15.Năm hình: Là năm hình thức xử phạt thời cổ: Mặc (thích chữ), tử (cắt mũ), phỉ (chặt chân), cung (thiến), đại tịch (chém) (xem *Kinh Thư*, thiên *Thuấn điển*).

16.Năm giáo: Là năm điều luân thường như, phụ nghĩa (cha có nghĩa), mẫu tử (mẹ hiền từ), huynh hữu (anh hữu hảo), đệ cung (em cung kính), tử hiếu (con có hiếu) (xem *Kinh Thư*, thiên *Thuấn điển*).

17.Hà đồ, Lạc thư phối hợp 4 phương, 5 hành và 10 can. Trong 10 can thì Canh và Tân thuộc phương Tây. Trong hành thì hành Kim thuộc phương Tây.

18.Nguyên văn: “Thiên dĩ nhất sinh thủy nhi địa dĩ lục thành chi. Địa dĩ nhị sinh hỏa nhi thiên dĩ thất thành chi. Thiên dĩ tam sinh mộc nhi địa dĩ bát thành chi. Địa dĩ tứ sinh kim nhi thiên dĩ cử thành chi. Thiên dĩ ngũ sinh thổ nhi địa dĩ thập thành chi” (*Chu Dịch bản nghĩa* của Chu Hy).

8.收聲

[聲引吳時儻]

或問：“聲有放，何能有收”？曰：“雷從起處起，聲在萬里，而萬里之耳聞之，是收聲也。

夫！聲有所出，必有所入。出爲放入爲收。蕭韶之樂，聲入而心通，聲之收於心也。江上之風，耳得之而爲聲，聲之收於耳也。然必慧心慧耳，然後有收聲。若夫德之而不聞，聞之而不知者，何足以語此哉？

[海量大禪師]

海量大禪師言：

無量力大菩薩不出家，無量力大菩薩，能度無數百千眾生，以無數百千眾生爲家。如是等菩薩，各以其眷屬百千萬億人俱。

孔子以億千萬世爲家，億千萬世帝王，各以其臣民俱。孔子宿然不動，感而遂通天下之故。

大勢至菩薩，入於無量義處三昧，身心不動，放眉間白毫相光，照東方萬八千世界，靡不周遍，是之謂法家。法家者不出家。

儒言：“不出家而成教於國，故聖人耐以天下爲一家”。眾生垢重爲貪疾故，自出其

家。如是我聞諸孔子曰：“鳥獸不可與同群，吾非斯人之徒與而誰與”？蓮花經云：“我觀一切普皆平等，無有彼此愛憎之心。我無貪著，亦無障礙”。無障礙者，儒家大同之義也。

[聲註一]

海鷗和尚曰：

天不產而萬物花，地不長而萬物育。故曰：“莫神於天，莫富於地”，無所在而非天地也。故佛能以無數眾生為家。身心不動，照見萬天世界。聖人能以億千萬世為家，寂然不動，感而遂通。大道者心即天地，其大無外。宇宙之間，一事一物，無有遠邇，皆心所到。

故佛曰“佛家”，儒曰“儒家”，而總謂之法，故曰“法家”，家之為義，所該甚廣。上下世界，無不是家。即欲出家，出家何住？故曰“菩薩不出家，儒不出家”。

眾生垢重，不知出家之義，以投佛為出家，不知佛本無佛，從何處投？身即是家，從何處出？須是心體

常明，照應常徹，智體寂寂，照用如如，到處盡無限礙。故末引佛說儒書以明其理。

[聲註二]

海和僧曰：

凡言無量力大菩薩，大勢至菩薩，皆是以大力大勢臨蒞天下，澤及當時，恩垂萬世。能度無數眾生者，博施濟眾之義也。以無數眾生爲家者，天下一家之義也。放毫光照世界者，深居九重之中，而化行禪海之外也。有功有德，亦復如是，是之謂佛。若出家而後可以成佛，則出家菩薩，何有百千萬億人眷屬來？其眷屬百千萬億人，非元后作民父母而何？故凡有天下者，有一國者，力無不可爲，勢無不可行，能作平等觀，治七情脩十義，興其便除其患，恩澤悃悃，無遠弗暨，不下階序，而化馳若神。這便是無量力菩薩，大勢至菩薩，何出家之有？

人見調御第一祖，居華煙寺，說是出家，豈知我祖當時能以天下爲公。國內無事，獨強鄰在北，未可忘情，此意又不好明言，恐人心搖動。占得安子最高峰，東顧安廣，北瞰二諒，建爲寺院，時遊幸瞻動靜，

尤使外侮不能爲之憂。真箇是無量力大勢至菩薩。當時惟玄光尊者，識得此意。捨狀元之貴，與之朝夕以成之，真箇是無量建識大菩薩。

PHIÊN ÂM:

THU THANH

[Thanh dẫn Ngô Thì Hoàng]

Hoặc vấn: Thanh hữu phóng, hà năng hữu thu? Viêt: Lôi tòng khởi xứ khởi, thanh tại vạn lý, nhi vạn lý chi nhĩ văn chi, thị thu thanh dã.

Phù thanh hữu sở xuất, tất hữu sở nhập. Xuất vi phóng nhập vi thu. Tiêu thiểu chi nhạc, thanh nhập nhi tâm thông, thanh chi thu ư tâm dã. Giang thượng chi phong, nhĩ đắc chi nhi vi thanh, thanh chi thu ư nhĩ dã. Nhiên tất tuệ tâm tuệ nhĩ, nhiên hậu hữu thu thanh. Nhược phù thính chi nhi bất văn, văn chi nhi bất tri giả, hà túc dĩ ngữ thử tai?

[Hải Lượng Đại thiên sư]

Hải Lượng Đại thiên sư ngôn:

- Vô lượng lực Đại bồ tát bất xuất gia, vô lượng lực Đại bồ tát, năng độ vô số bách thiên chúng sinh, dĩ vô số bách thiên chúng sinh vi gia. Như thị đẳng bồ tát, các dĩ kỳ quyền thuộc bách thiên vạn ức nhân câu.

Không Tử dĩ ức thiên vạn thế vi gia, ức thiên vạn thế đế vương, các dĩ kỳ thân dân câu. Không Tử tịch nhiên bất động, cảm nhi toại thông thiên hạ chi cố.

Đại Thế Chí bồ tát, nhập ư vô lượng nghĩa xứ tam muội, thân tâm bất động, phóng mi gian bạch hào tương quang, chiếu đông phương vạn bát thiên thế giới, mi bất chu biến, thị chi vị pháp gia. Pháp gia giả bất xuất gia.

Nho ngôn: “Bất xuất gia nhi thành giáo ư quốc, cố Thánh nhân nại dĩ thiên hạ vi nhất gia.” Chúng sinh cấu trọng vi tham tật cố, tự xuất kỳ gia. Như thị ngã văn chư Khổng Tử viết: “Điều thú bất khả dữ đồng quần, ngô phi tư nhân chi đồ dữ nhi thùy dữ?” Liên hoa kinh vân: “Ngã quan nhất thiết phổ giai bình đẳng, vô hữu bỉ thử ái tăng chi tâm. Ngã vô tham trước, diệc vô hạn ngại.” Vô hạn ngại giả, Nho gia đại đồng chi nghĩa dã.

[Thanh chú nhất]

Hải Âu Hòa thượng viết:

-Thiên bất sản nhi vạn vật hoa, địa bất trưởng nhi vạn vật dục. Cố viết: “Mạc thân ư thiên, mạc phú ư địa,” vô sở tại nhi phi thiên địa dã. Cố Phật năng dĩ vô số chúng sinh vi gia. Thân tâm bất động, chiếu kiến vạn thiên thế giới. Thánh nhân năng dĩ ức thiên vạn thế vi gia, tịch nhiên bất động, cảm nhi toại thông. Đại đạo giả tâm tức thiên địa, kỳ đại vô ngoại. Vũ trụ chi gian, nhất sự nhất vật, vô hậu viễn nhĩ, giai tâm sở đáo.

Cố Phật viết “Phật gia,” Nho viết “Nho gia,” nhi tổng vị chi pháp, cố viết “Pháp gia,” gia chi vi nghĩa, sở cai thậm quảng. Thượng hạ thế giới, vô bất thị gia. Tức dục xuất gia, xuất gia hà trú? Cố viết “Bồ tát bất xuất gia, Nho bất xuất gia.”

Chúng sinh cấu trọng, bất tri xuất gia chi nghĩa, dĩ đầu phạt vi xuất gia, bất tri Phật bản vô Phật, tông hà xứ đầu? Chân tức thị gia,

tòng hà xứ xuất? Tu thị tâm thể thường minh, chiếu ứng thường triệt, trí thể tịch tịch, chiếu dụng như như, đáo xứ tận vô hạn ngại. Cố mật dẫn Phật thuyết Nho thư dĩ minh kỳ lý.

[Thanh chú nhị]

Hải Hoà tăng viết:

-Phàm ngôn vô lượng lực Đại bồ tát, Đại Thế Chí bồ tát, giai thị dĩ đại lực đại thế lâm lý thiên hạ, trạch cập đương thời, ân thủy vạn hậu thế. Năng đặc vô số chúng sinh giả, bác thị tế chúng chi nghĩa dã. Dĩ vô số chúng sinh vi gia giả, thiên hạ nhất gia chi nghĩa dã. Phóng hào quang chiếu thế giới giả, thâm cư cứu trùng chi trung, nhi hoá hành thiên hải chi ngoại dã. Hữu công hữu đức, diệc phục như thị, thị chi vi Phật. Nhược xuất gia nhi hậu khả dĩ thành Phật, tắc xuất gia bồ tát, hà hữu bách thiên vạn ức nhân quyến thuộc lai? Kỳ quyến thuộc bách thiên vạn ức nhân, phi nguyên hậu tác dân phụ mẫu nhi hà? Cố phàm hữu thiên hạ giả, hữu nhất quốc giả, lực vô bất khả vi, thế vô bất khả hành, năng tác bình đẳng quan, trị thất tình tu thập nghĩa, hưng kỳ tiện trừ kỳ hoạn, ân trạch biên môg, vô viễn phát ký, bất hạ giai tự, nhi hoá trì nhược thân. Giá tiện thị Vô Lượng Lực bồ tát, Đại Thế Chí bồ tát, hà xuất gia chi hữu?

Nhân kiến Điều Ngự đệ nhất tổ, cư Hoa Yên tự, thuyết thị xuất gia, khởi tri ngã tổ đương thời năng dĩ thiên hạ vi công. Quốc nội vô sự, độc cường lân tại bắc, vị khả vong tình, thử ý hựu bất hảo minh ngôn, khủng nhân tâm dao động. Chiếm đắc Yên Tử tối cao phong, đông có An Quảng, bắc hám nhị Lượng, kiến vi tự viện, thời du hạnh chiêm động tĩnh, vưu sử ngoại vụ bất năng vi chi ưu. Chân cá thị vô lượng lực Đại Thế Chí bồ tát. Đương thời duy Huyền Quang tôn giả, thức đắc thử ý. Xả

Trạng nguyên chi quý, dữ chi triều tịch dĩ thành chi, chân cá thị Vô Lượng Kiến Thức Đại bồ tát.

DỊCH NGHĨA:

TIẾNG THU (THU THANH)

[Thanh dẫn Ngô Thì Hoàng!]

Có người hỏi: *Tiếng* có phóng ra, vậy làm thế nào để có thể thu lại được? Đáp: Sấm dậy lên từ nơi xa muôn dặm, mà cái tai ở xa muôn dặm nghe được, đó tức là *tiếng* được thu lại vậy.

Kìa như, tiếng đã có ra, ắt phải có vào. Ra là phóng, vào là thu. Nhạc Tiêu Thiêu⁽¹⁾ tiếng vào thì lòng cảm thông, đó là *tiếng* được thu vào trong lòng người vậy. Gió ở trên sông, lọt vào tai mà thành tiếng, đó là *tiếng* được thu vào trong tai vậy. Nhưng phải có tấm lòng minh mẫn, có tai sáng suốt (tuệ tâm, tuệ nhĩ) rồi sau đó mới có tiếng thu. Còn như lắng tai mà chẳng nghe thấy, nghe mà chẳng biết gì, thì sao đủ để nói đến điều này?

[Hải Lượng Đại thiên sư]

Hải Lượng Đại thiên sư nói rằng:

-Vô Lượng Lực Đại bồ tát không xuất gia, mà Vô Lượng Lực Đại bồ tát có thể cứu vớt được vô số trăm nghìn chúng sinh, coi vô số trăm nghìn chúng sinh là nhà. Những bồ tát bậc ấy, đều có quyền thuộc, trăm nghìn vạn ức người theo.

Khổng Tử coi ức nghìn muôn đời là nhà, đế vương ức nghìn muôn đời đều đem thân dân đi theo. Khổng Tử lặng lẽ

bất động, nhưng đã cảm hoá mà thông suốt được mọi nhẽ trong thiên hạ.

Đại Thế Chí bồ tát vào trong vô lượng nghĩa⁽²⁾ trong tam muội,⁽³⁾ thân tâm bất động, phóng ánh sáng bạch hào nơi lông mày, chiếu rọi một vạn tám nghìn thế giới ở Đông Phương, khắp hết mọi chỗ, như thế gọi là "Pháp gia" (nhà tinh thần). Đã gọi là "Pháp gia" (nhà tinh thần) thì không xuất gia.

Nho gia nói: "Không xuất gia (ra khỏi nhà) mà giáo hoá trong nước được tạo thành, cho nên Thánh nhân coi thiên hạ là một nhà."⁽⁴⁾ Còn chúng sinh thì nặng nghiệp, bị tật tham lam cố kết, nên tự mình xuất gia. Như là ta nghe Khổng Tử nói thế này: "Chim muông không thể cùng bầy, nếu ta không bạn bè với người thì còn bạn bè với ai đây"⁽⁵⁾? *Kinh Liên hoa* nói rằng: "Ta xem hết thấy đều là bình đẳng, không có lòng yêu này ghét nọ. Ta không tham lam, cũng không ngáng trở." Không ngáng trở, đó là cái nghĩa đại đồng của nhà Nho vậy.

[Thanh chú 1]

Hòa thượng Hải Âu nói:

-Trời không sinh sản mà vạn vật đơm hoa, đất không lớn lên mà vạn vật phát dục. Cho nên nói rằng: "Không gì thần diệu như trời, không gì giàu có như đất" mà trời đất thì không nơi nào là không có. Vì vậy Phật có thể coi vô số chúng sinh là nhà, thân tâm bất động, soi thấy muôn ngàn thế giới. Thánh nhân có thể coi ức ngàn muôn đời là nhà, lặng lẽ bất động, cảm hoá mà thông suốt được đạo lớn. Đạo lớn là tâm, mà tâm là trời đất,

trời đất thì rộng lớn không có gì ở ngoài nó được. Trong khoảng vũ trụ, hết thủy sự vật, không kể gần xa, tâm đều đến được.

Cho nên, Phật gọi là Phật gia, Nho gọi là Nho gia, nói gộp lại gọi là Pháp (tinh thần), vì vậy nói “Pháp gia” thì nghĩa của chữ “gia” bao hàm rất rộng: Thế giới thượng hạ, không chỗ nào không phải là “gia.” Dù có muốn “xuất gia” chẳng nữa, nhưng “xuất gia” thì ở vào đâu? Cho nên nói: “Bồ tát không xuất gia, Nho không xuất gia.”

Chúng sinh nặng nghiệp, không biết ý nghĩa của chữ xuất gia, cho rằng, đi theo Phật là xuất gia, đâu có biết rằng Phật vốn không có Phật, đi theo Phật là đi vào chỗ nào? Thân tức là gia, xuất thì xuất ở chỗ nào? Cho nên cái tâm phải luôn luôn trong sáng, xem xét nên thấu triệt; cái trí phải chìm lắng, hành sự nên như thường, như thế thì đến đâu cũng không bị ngáng trở. Cho nên đoạn cuối dẫn chứng lời Phật và sách Nho, là để tỏ rõ lý lẽ ấy.

[Thanh chú 2]

Tăng Hải Hoà nói:

-Đại phạm nói: Vô Lượng Lực Đại bồ tát, Đại Thế Chí bồ tát, đều là dùng lực lớn, thế lớn, để ngự trị thiên hạ, ra ơn cho đương thời, cứu giúp cho muôn đời. Có thể tế độ vô số chúng sinh, có nghĩa là cứu vớt rộng khắp vậy. Coi vô số chúng sinh là nhà, có nghĩa là thiên hạ một nhà vậy. Phóng hào quang rọi vào thế giới, là ở sâu trong cửu trùng⁽⁶⁾ mà giáo hoá lan khắp bốn bề vậy. Có công có đức thì cũng như thế, ấy gọi là Phật. Nếu cho rằng có xuất gia mới thành Phật, thì bồ tát xuất gia sao lại có trăm nghìn vạn ức người quyến thuộc đi theo? Có quyến thuộc trăm nghìn vạn ức người, thế không phải “đức vua làm cha mẹ dân” là gì?

Cho nên đại phàm người làm chủ thiên hạ hay làm chủ một nước, có cái lực để làm hết thảy, cái thế để làm hết thảy, mà lại có cái nhìn bình đẳng, biết trị thất tình,⁽⁷⁾ biết tu thập nghĩa,⁽⁸⁾ khơi lên những điều tiện lợi, trừ khử những điều có hại, ơn huệ bao la, xa mấy cũng đến, không xuống bậc thêm mà giáo hoá bay khắp như thần. Như thế tức là Vô Lượng Lực bồ tát, Đại Thế Chí bồ tát, nào phải xuất gia?

Người ta thấy Điều Ngự đệ nhất tổ, đến ở chùa Hoa Yên, thì bảo là Ngài xuất gia, nào hay Tổ ta lúc bấy giờ biết coi thiên hạ là công. Trong nước vô sự, nhưng ở phía Bắc vẫn có nước láng giềng lớn mạnh, chưa được an tâm. Cái ý ấy là không tiện nói rõ, sợ người ta dao động. Cho nên nhằm được ngọn núi Yên Tử là ngọn núi cao nhất, phía đông nhìn về Yên Quảng, phía bắc liếc sang Nhị Lạng (Lạng Giang và Lạng Sơn), dựng lên ngôi chùa, thời thường dạo chơi, để xem động tĩnh, cốt để ngừa cái mối lo nước ngoài xâm phạm, thật là một vị Vô Lượng Lực Đại Thế Chí bồ tát. Lúc bấy giờ chỉ có Huyền Quang tôn giả biết được ý ấy, bỏ cái cao sang của một vị Trạng nguyên sớm chiều đi theo Ngài để hoàn thành cái ý nguyện của Ngài, thật là một vị Vô Lượng Kiến Thúc Đại bồ tát.

CHÚ THÍCH:

1. Tiêu Thiều: Tên bản nhạc đời Ngu Thuấn.
2. Vô lượng nghĩa: Vô lượng Phật A Di Đà có nghĩa là vô lượng thọ, vô lượng quang, vô lượng cam lộ. Vô lượng nghĩa có lẽ là bao gồm tất cả nghĩa đó.
3. Tam muội: Tiếng Phạn là samana, có nghĩa là chính định, giải thoát.
4. Sách *Luận ngữ*, thiên *Vi Tử*.
5. Nguyên văn: “Tứ hải chi nội giai huynh đệ dã.” Nghĩa là: Bốn bể đều là anh em (*Luận ngữ*, thiên *Nhan Uyên*).
6. Cửu trùng: Từ người xưa dùng để chỉ trời, vua hoặc nơi vua ở.

7. Thất tình: Nhà Nho cho thất tình gồm có: Hỷ, nộ, ai, lạc, ái, ố, dục, nghĩa là mừng, giận, buồn, vui, yêu, ghét, muốn (Lễ ký, thiên *Lễ vận*).

Phật giáo cho thất tình gồm có: Hỷ, nộ, ưu, ái, tăng, dục, nghĩa là: Mừng, giận, lo, sợ, yêu, ghét, muốn.

8. Thập nghĩa: Nghĩa là cha phải từ, con phải hiếu, anh phải nhường nhịn, em phải kính trọng, chồng phải có nghĩa, vợ phải nghe lời chồng, người lớn phải độ lượng, người nhỏ phải phục tùng, vua phải nhân từ, tôi phải trung (Lễ ký, thiên *Lễ vận*).

9. 定聲

[聲引 吳時儻]

釋教不明，勢人妄作毀謗，但就筌蹄，粗跡上看，眾議殽亂，無所折衷。

此章反覆於君子小人之辨，其歸宿處，只在心性上。儒釋作用，只箇道理，雖殊途而同歸，萬殊而一本。“方金”“相金”二字，前古所未發，至哉斯言。雖有作者不可易也。謂之定聲不亦宜乎？

[海量大禪師]

海量大禪師言：

儒有君子儒小人儒，釋有君子釋小人釋。君子儒爲己，小人儒爲人。君子釋爲人，小人釋爲己。

徒弟白師言：

人己有異麼？

師答言：

儒論己之己人之人，是就心性上起見。君子釋舍己以濟人，小人釋怵人以養己。是人己理欲上分判。彼之人己，與此之人己，工夫作用不同，心惟之指歸一耳。是故儒說“正心”說“成性”；佛說“明心”說“見性”，皆所謂“君子之道，費而隱”。

文王後天，退乾於西北隅。佛言：“西北方有聖賢化生，身如黃金，不變不動”。西北乾兌之位，乾兌無用之地，退於無用而

藏諸用焉。佛家相金，儒家方金。藏金於無用，天之道也，惟君子足以知之。

[聲註一]

海鷗和尚曰：

此一章，儒釋皆有君子小人。君子儒爲己，小人儒爲人。君子釋爲人，小人釋爲己。彼之人己，與此之人己，爲文則同，爲義則異。

述聖希賢，躬行心得，儒者爲己之學。

筆硯供談笑，碑鼎媚王侯，文似相如殆類俳，爲人之學也。

以涅槃度眾生，現空花，消業障，而已無意焉，君子釋之爲人也。

寺觀巍業，幻無相而有相，而已居焉。登壇破獄，借玄文作虛文，而已私焉，小人釋之己也。

故儒家爲人，則爲盜儒，釋爲己則爲賊道。作用工夫不同，而理欲判焉，窮究而推之，則指歸本出於一。是故儒說“正心”“成性”。能正心成性，則不爲人矣。不爲人則充之爲無求飽無求安，不求聞不求知。

佛說“明心”“見性”，能明心見性，則不爲己矣。不爲己則充之爲割斷六塵，消麼七業，不詭不欺，能滅能定，極其大而不可知。儒家所謂“君子之道費而隱”，處世而出世，與物而乘物，無用之用也，惟君子足以知之。

文王後天退乾於西北。佛言“聖賢身如黃金，不變不動”。乾得至陽之象，金爲堅利之物，處於西北，不用事之地，以藏有用之體，皆其義也”。

或問：“上節言理不可盡循，欲不可盡斷，與此言理欲頗異，學者或致疑焉”。

曰：“金剛經云應無所住，而生其心”。楞嚴經曰：“住爲主人，不住爲客”。

此之住與彼之住不同。至人造言，如化工造物，各隨其意而爲言，原無印定底。

[聲註二]

海和僧曰：

儒何以有君子有小人？釋何以有君子有小人？蓋氣稟之不齊，而趨向之各異耳。要之義不可失，利不

可專。以義言則爲己爲君子，爲人爲小人。以利言則爲人爲君子，爲己爲小人。外面工夫，作用不同，而公私之判，得失之分，只爭義利二字。欲看得義利分別，又須從自己心性上來。是故儒者要正心要成性，釋者要明心要見性，皆所謂君子之道費而隱也。

道也者非費之爲難，而隱之爲難。乾父萬類，而後天退於西北，無用之地，藏諸隱也。術非隱不精，法非隱不靈。乾隱於秋冬之交，故能爲四維八千十二支之首。

嘗聞玄光尊者也居宅，爲萬斯亭，出家爲大悲寺，一線乾龍八首，並無夾雜，是以香火至今，永爲竹林之祖，非夫無用之爲神歟？

在物亦然，如今西湖東之鎮國寺，經兵亂後，銅鍾鐵器，盡歸烏有。惟銅鑪石磬，時敲於波心樹影間。非夫無用之爲壽歟？佛生於西方，非特稟金之剛，亦以隱於無用而不能壞也。

PHIÊN ÂM:

ĐỊNH THANH

[Thanh dẫn Ngô Thì Hoàng]

*Thích giáo bất minh, thế nhân vọng tác huỷ báng, dẫn từu thuyên
đề, thô tích thượng khan, chúng nghị hào loạn, vô sở chiết trung.*

*Thử chương phản phúc ư quân tử tiểu nhân chi biện, kỳ quy túc
xử, chỉ tại tâm tính thượng. Nho Thích tác dụng, chỉ cá đạo lý, tuy thù đồ
nhi đồng quy, vạn thù nhi nhất bản. “Phương kim” “tướng kim” nhị tự,
tiền cổ sở vị phát, chỉ tại tư ngôn. Tuy hữu tác giả bất khả dịch dã. Vị chi
Định thanh bất diệc nghị hồ?*

[Hải Lượng Đại thiên sư]

Hải Lượng Đại thiên sư ngôn:

*-Nho hữu quân tử Nho tiểu nhân Nho, Thích hữu quân tử
Thích tiểu nhân Thích. Quân tử Nho vị kỷ, tiểu nhân Nho vị
nhân. Quân tử Thích vị nhân, tiểu nhân Thích vị kỷ.*

Đồ đệ bạch sư ngôn:

-Nhân kỷ hữu di ma?

Sư đáp ngôn:

*-Nho luận kỷ chi kỷ nhân chi nhân, thị từu tâm tính
thượng khởi kiến. Quân tử Thích xả kỷ dĩ tế nhân, Thích truật
nhân dĩ dưỡng kỷ. Thị nhân kỷ lý dục thượng phân phán. Bĩ chi
nhân kỷ, dĩ thử chi nhân kỷ, công phu tác dụng bất đồng, tâm
duy chỉ chỉ quy nhất dĩ. Thị cố Nho thuyết “chính tâm” thuyết
“thành tính,” Phật thuyết “minh tâm” thuyết “kiến tính,” giai sở
vị “quân tử chi đạo, phí nhĩ ản.”*

*Văn Vương hậu thiên, thoái Càn ư tây bắc ngung. Phật
ngôn: “Tây bắc phương hữu thánh hiền hoá sinh, thân như*

hoàng kim, bất biến bất động.” Tây bắc Càn đoài chi vị, Càn Đoài vô dụng chi địa, thoái ư vô dụng nhi tàng chư dụng yên. Phật gia tướng kim, nho gia phương kim. Tàng kim ư vô dụng, thiên chi đạo dã, duy quân tử túc dĩ tri chi.

[Thanh chú nhất]

Hải Âu Hòa thượng viết:

-Thử nhất chương, Nho Thích giai hữu quân tử tiểu nhân. Quân tử Nho vị kỷ, tiểu nhân Nho vị nhân. Quân tử Thích vị nhân, tiểu nhân Thích vị kỷ. Bĩ chi nhân kỷ, dữ thử chi nhân kỷ, vi văn tắc đồng, vi nghĩa tắc dị.

Thuật thánh hy hiền, cung hành tâm đắc, Nho giả vị kỷ chi học.

Bút nghiên cung đàm tiếu, bi đỉnh my vương hầu, văn tự Tương Như đãi loại bài, vị nhân chi học dã.

Dĩ Niết Bàn độ chúng sinh, hiện không hoa, tiêu nghiệp chướng, nhi dĩ vô ý yên, quân tử Thích chi vị nhân dã.

Tự quan nguy nghiệp, ảo vô tướng vi hữu tướng, nhi dĩ cư yên. Đẳng đàn phá ngục, tá huyền văn tác hư văn, nhi dĩ tư yên, tiểu nhân Thích chi kỷ dã.

Cố Nho vị nhân tắc vị đạo Nho, Thích vị kỷ tắc vi đạo tắc. Tác dụng công phu bất đồng, nhi lý dục phán yên, cùng cứu nhi suy chi, tắc chỉ quy bản xuất ư nhất. Thị cố Nho thuyết “chính tâm” “thành tính.” Năng chính tâm thành tính, tắc bất vi nhân hỹ. Bất vi nhân tắc sung chi vi vô cầu bảo vô cầu an, bất cầu văn bất cầu tri.

Phật thuyết minh tâm kiến tính, năng minh tâm kiến tính, tắc bất vị kỷ hỹ. Bất vị kỷ tắc sung chi vi cát đoán lục trần, tiêu ma thất nghiệp, bất

quỷ bất khi, năng diệt năng định, cực kỳ đại nhi bất khả tri. Nho gia sở vị: “Quân tử chi đạo phí nhi ẩn,” xử thế nhi xuất thế, dữ vật nhi thừa vật, vô dụng chi dụng dã, duy quân tử túc dĩ tri chi. Văn Vương hậu thiên thoái Càn ư tây bắc. Phật ngôn: “Thánh hiền thân như hoàng kim, bất biến bất động.” Càn đắc chí dương chi tượng, kim vi kiên lợi chi vật, xử ư tây bắc, bất dụng sự chi địa, dĩ tàng hữu dụng chi thể, giai kỳ nghĩa dã.

Hoặc vấn: “Thượng tiết ngôn: Lý bất khả tận tuần, dục bất khả tận đoán, dữ thử ngôn lý dục phá dị, học giả hoặc trí nghi yên.”

Viết: Kim cương kinh vân: “Ứng vô sở trú, nhi sinh kỳ tâm.” Lăng nghiêm kinh viết: Trú vi chư nhân, bất trú vi khách.

Thử chi trú, dữ bỉ chi trú bất đồng. Chí nhân tạo ngôn, như hóa công tạo vật, các tùy kỳ ý vô như ngôn, nguyên vô ẩn định để.

[Thanh chú nhị]

Hải Hòa tăng viết:

-Nho hà dĩ hữu quân tử hữu tiểu nhân? Thích hà dĩ hữu quân tử hữu tiểu nhân? Cái khí bẩm chi bất tề, nhi xu hướng chi các dị nhĩ. Yếu chi nghĩa bất khả thất, lợi bất khả chuyên. Dĩ nghĩa ngôn tắc vị kỷ vi quân tử, vị nhân vi tiểu nhân. Dĩ lợi ngôn tắc vị nhân vi quân tử, vị kỷ vi tiểu nhân. Ngoại diện công phu, tác dụng bất đồng, nhi công tư chi phán, đắc thất chi phân, chỉ tranh nghĩa lợi nhị tự. Dục khán đắc nghĩa lợi phân biệt, hựu tu tông tự kỷ tâm tính thượng lai. Thị cố Nho giả yếu chính tâm yếu thành tính; Thích giả yếu minh tâm yếu kiến tính, giai sở vị quân tử chi đạo phí nhi ẩn dã.

Đạo dã giả phi phi chi vi nan, nhi ẩn chi vi nan. Càn phụ vạn loại, nhi hậu thiên thoái ư tây bắc vô dụng chi địa, tàng chư ẩn dã. Thuật phi ẩn bất tinh, pháp phi ẩn bất linh. Càn ẩn ư thu đông chi giao, cố năng vi tứ duy bát can thập nhị chi chi thủ.

Thường văn Huyền Quang tôn giả đã cư trạch, vì vạn tư đình, xuất gia vì Đại Bi tự, nhất tuyến Càn Long bát thủ, tịnh vô giáp tạp, thị dĩ hương hoả chí kim, vĩnh vi Trúc Lâm chi tổ, phi phù vô dụng chi vi thân dư?

Tại vật diệt nhiên, như kim Tây hồ đông chi Trấn Quốc tự, kinh binh loạn hậu, đồng chung thiết khí, tận quy ô hữu. Duy cương dung thạch khánh, thời xao ư ba tâm thụ ảnh gian. Phi phù vô dụng chi vi thọ dư? Phật sinh u tây phương, phi đặc bảm kim chi cương, diệt dĩ ần ư vô dụng nhi bất năng hoại dã.

DỊCH NGHĨA:

TIẾNG ĐỊNH (ĐỊNH THANH)

[Thanh dẫn Ngô Thì Hoàng]

Giáo lý nhà Phật chưa được sáng rõ, nên làm cho người đời báng bổ xằng bậy, chỉ biết nhìn vào hình thức thô sơ của cái đó [bất cá], cái dò [bất thô], vì vậy mà bàn luận rối mù, không có một chuẩn mực nào cả.

Chương này lật đi lật lại bàn về quân tử và tiểu nhân, cái chỗ đúc kết lại chỉ ở *tâm tính*. Tác dụng của Nho và Phật, chỉ có một lý lẽ, tuy đường đi khác nhau nhưng cùng về một lối, tuy có muôn khía cạnh khác nhau nhưng cùng chung một nguồn. Hai chữ “phương kim” và “tướng kim”⁽¹⁾ từ xưa đến nay chưa có ai nêu bật lên được. Chí lý thay lời nói ấy! Dù người xưa có sống lại, cũng không thể thay đổi được. Gọi là *Định thanh* (Tiếng định) chẳng phải là thích hợp đó sao?

[Hải Lượng Đại thiện sư]

Hải Lượng Đại thiện sư nói:

-Nho thì có Nho quân tử, Nho tiểu nhân; Thích thì có thích quân tử, Thích tiểu nhân. Nho quân tử thì vị kỷ (vì mình), Nho tiểu nhân thì vị nhân (vì người). Thích quân tử thì vị nhân (vì người), Thích tiểu nhân thì vị kỷ (vì mình).

Đồ đệ bạch với Thầy rằng:

-*Nhân* và *kỷ* có khác nhau không?

Thầy trả lời rằng:

-Nhà Nho bàn về chữ “kỷ” và chữ “nhân” là nhìn nhận về mặt *tâm tính*. Thích quân tử xả “kỷ” (quên mình) để cứu vớt người, Thích tiểu nhân dọa người để nuôi mình (kỷ). Đúng về mặt “lý” và “dục” mà phân chia, thì chữ “nhân” và chữ “kỷ” của đảng này (Phật), so với chữ “nhân” và chữ “kỷ” đảng kia (Nho), công phu tác dụng tuy không giống nhau, nhưng qui kết lại về *tâm tính*, thì chỉ là một mà thôi. Vì vậy cho nên nhà Nho nói “chính tâm,” nói “thành tính;” nhà Phật nói “minh tâm,” nói “kiến tính” đều là nói: “Đạo người quân tử rộng khắp mà kín đáo.”⁽²⁾

Văn Vương là hậu thiên, đẩy lui quẻ Càn về góc tây bắc. Phật nói: “Tây bắc có thánh hiền hoá sinh, thân như hoàng kim, bất biến bất động.” Tây bắc là phương vị của Càn và Đoài, Càn và Đoài là cái đất vô dụng, lui về chỗ vô dụng mà chứa cất cái hữu dụng. Phật gia thì “tướng kim” (thân như hoàng kim), Nho gia thì “phương kim” (tây bắc thuộc kim). Cất chứa kim trong cái vô dụng, là cái đạo của trời, chỉ có người quân tử mới biết được.

[Thanh chú 1]

Hoà thượng Hải Âu nói:

-Trong chương này, Nho và Thích đều có quân tử và tiểu nhân. Nho quân tử thì vì mình (vị kỷ), Nho tiểu nhân thì vì người (vị nhân); Thích quân tử thì vì người (vị nhân), Thích tiểu nhân thì vì mình (vị kỷ). Chữ “nhân” và chữ “kỷ” của đảng kia (Nho), chữ “nhân” và chữ “kỷ” của đảng này (Thích), trên mặt chữ thì giống nhau, nhưng về ý nghĩa thì khác.

Noi theo thánh hiền, thu được điều tâm đắc, đó là lối học vì mình (vị kỷ) của nhà Nho.

Dùng bút nghiên để cùng nhau đàm tiếu, khắc bia đá, tạc vào đỉnh vạc, để nịnh hót vương hầu, văn như Tương Như, gần giống với trò hề trong phường chèo; đó là lối học vì người (vị nhân).

Dùng Niết Bàn để cứu vớt chúng sinh, hiện không hoa, tiêu nghiệp chướng, mà tự mình (kỷ) không có tư ý gì, đó là cái vì người (vị nhân) của người Thích quân tử.

Chùa chiến sừng sững, biến cái “vô tướng” thành cái “hữu tướng,” mà mình ở trong ấy; đảng đàn phá ngục, đem cái “huyền văn” làm cái “hư văn,” mà mình lấy làm của riêng, đó là cái vì mình của người Thích tiểu nhân.

Cho nên, Nho mà vì người (vị nhân) thì là Nho kẻ trộm, Thích mà vì mình (vị kỷ) là cái đạo của kẻ cướp. Hai đảng ấy, tác dụng công phu không giống nhau, mà bên “lý” bên “dục” rạch ròi, suy xét cho đến cùng, thì vẫn quy về một gốc. Vì vậy cho nên, nhà Nho nói “chính tâm,” nói “thành tính.” Biết chính tâm (lòng ngay thẳng), biết thành tính (có tính thành thực) thì không phải là vì người (vị nhân) nữa. Đã không vì người

(vị nhân) nữa, thì phát huy đến chỗ “không cầu ăn no,” “không cầu ở yên,” “không cầu thanh danh,” “không cầu tri ngộ.”

Phật nói về “minh tâm,” về “kiến tính,” đã có thể *minh tâm* (lòng sáng rõ), đã có thể *kiến tính* (tính tình thấy rõ), thì không còn vì mình nữa. Đã không vì mình thì phát huy đến chỗ cắt đứt sáu trần,⁽³⁾ tiêu ma bảy nghiệp,⁽⁴⁾ không giả không dối, diệt được định được, cực kỳ lớn lao mà không có thể biết được. Còn cái mà Nho gia gọi là: “Đạo người quân tử rộng khắp mà kín đáo,” là xử thế mà lại xuất thế, theo vật mà lại trị vật, đó là cái “hữu dụng” của “vô dụng,” chỉ có người quân tử mới đủ để biết.

Văn Vương hậu thiên, kéo quẻ Càn về tây bắc. Về việc này, Phật nói: “Thánh hiền thân như hoàng kim, bất biến bất động.” Càn là tượng của chí dương, kim là vật rắn sắc, ở về tây bắc là đất “vô dụng,” để chứa cất cái “thể hữu dụng,” đều có cái nghĩa như thế cả.

Hoặc có người hỏi: “Lời nói trên đây, cái “lý” không thể theo hết được, cái “dục” không thể cắt đứt hết được, vậy thì “lý” và “dục” nói ở đây là khá khác nhau, học giả hoặc có người nghi ngờ chăng?”

Đáp rằng: *Kinh Kim cương* nói: Không nên dựa vào mà sinh lòng. *Kinh Lăng nghiêm* thì nói: Dựa là chủ, không dựa là khách.

Chữ “dựa” (trụ) ở đây (*Kinh Lăng nghiêm*) và chữ “dựa” ở kia (*Kinh Kim cương*) không giống nhau.⁽⁵⁾ Bậc chí nhân tạo ra lời nói, cũng như hoá công tạo ra vạn vật, đều là theo ý mà tạo chữ, vốn không có gì là cố định cả.

[Thanh chú 2]

Tăng Hải Hoà nói:

-Vì sao có Nho quân tử, có Nho tiểu nhân? Vì sao có Thích quân tử lại có Thích tiểu nhân? Có lẽ vì khí bẩm không giống nhau và xu hướng cũng đều khác nhau mà thôi. Tóm lại, xét về “nghĩa” thì không thể để mất, mà xét về “lợi” thì không thể tự giữ được. Với “nghĩa” mà nói, thì vì mình (vị kỷ) là quân tử, mà vì người (vị nhân) lại là tiểu nhân; với “lợi” mà nói, thì vì người (vị nhân) là quân tử mà vì mình (vị kỷ) lại là tiểu nhân. Xét bề ngoài thì thấy công phu và tác dụng không giống nhau, nhưng mà muốn công tư rạch ròi, đặc thất phân minh, thì phải cân nhắc hai chữ “nghĩa” và “lợi.” Muốn phân biệt “nghĩa” và “lợi,” thì lại phải xét đến cái tâm cái tính của mình. Vì vậy cho nên nhà Nho nói phải “chính tâm,” phải “thành tính,” nhà Phật nói phải “minh tâm” phải “kiến tính” đều là cái mà người ta gọi là “Đạo người quân tử rộng khắp mà kín đáo.”

Kể ra thì Đạo không phải khó ở chỗ rộng khắp, mà khó ở chỗ kín đáo. Càn là cha của muôn loài, mà hậu thiên lui về ở tây bắc, là cái đất vô dụng, đó là dấu mình ở chỗ kín vậy. Thuật có ẩn (kín) mới tinh, phép có ẩn mới linh. Càn ẩn ở lúc thu đông tương giao, cho nên nó đứng đầu tứ duy⁽⁶⁾ bát can,⁽⁷⁾ thập nhị chi.⁽⁸⁾

Từng nghe nói, nhà ở của Huyền Quang tôn giả là làng Vạn Ty,⁽⁹⁾ xuất gia thì ở chùa Đại Bi, một giải Càn Long tám đầu, không có chấp vá, vì vậy mà hương hoá cho đến ngày nay, mãi mãi là một vị Tổ của phái Trúc Lâm, như thế vô dụng chẳng phải là thần hay sao?

Ở sự vật thì cũng thế, như hiện nay chùa Trấn Quốc ở phía đông Hồ Tây, trải qua binh loạn, chuông đồng khí sắt, đều mất tám hơi. Chỉ có những mỏ gang, những tấm đá thỉnh thoảng khua vang trong sóng nước, dưới bóng cây. Như thế chẳng phải là cái vô dụng được sống lâu

hay sao? Phật sinh ra ở phương tây không những là vì nắm thụ được cái cứng rắn của hành kim, mà cũng vì dấu mình ở trong cái vô dụng, mà không huỷ hoại được.

CHÚ THÍCH:

1. Phương kim: Ý nói đặt hành kim vào phương tây bắc. Tượng kim: Ý nói mình Phật như vàng đỏ.

2. Nguyên văn: “Quân tử chi đạo phí nhi ần” (Chữ trong *Lễ Ký* và *Trung dung*).

3. Sáu trần (lục trần): Sáu cảnh bên ngoài như: Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Tương ứng với sáu căn của con người và che lấp sáu căn nên gọi là trần (xem *Kinh Viên giác*).

4. Bảy nghiệp (thất nghiệp): Bảy nghiệp chướng do con người gây ra để rồi phải chịu tai hoạ về sau. Đó là: Thân nghiệp gồm có: Sát (giết), đạo (trộm cướp), dâm (dâm dật); khẩu nghiệp gồm có: Vọng ngôn (nói càn), lưỡng thiệt (nói lật lọng), ác khẩu (nói hung dữ), ỷ ngữ (nói thêu dệt).

5. Nguyên văn: “Ứng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm” (Đừng dựa vào cái gì mà sinh tâm) (*Kinh Kim cương*). Ý khuyên không nên để bất cứ hiện tượng khách quan nào quấy nhiễu đến nội tâm.

Kinh Lăng già nói: “Trụ vi chủ bất trụ vi khách,” (Dựa là chủ không dựa là khách), ý khuyên nên làm chủ nội tâm, không lệ thuộc vào hiện tượng khách quan.

6. Tứ duy: Tức bốn hướng đông, nam, tây, bắc, ứng với bốn góc căn, khôn,坎, tổn của hai mươi bốn phương vị la bàn.

7. Bát can: Càn, khảm, cấn, chấn, tốn, ly, khôn, đoài.

8. Thập nhị chi: Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tị, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi.

9. Làng Vạn Ty thuộc huyện Gia Bình, Bắc Ninh.

10.寂然無聲

[聲引吳時儼]

鳳凰不鳴，鳴必驚人。方其不鳴時，便是寂然無聲，而驚人之聲，已自不鳴時蘊蓄得來。

陶淵明素琴無絃，自得於音律之外，蓋音律之意，可由無絃得不可由琴聲得也。凡物感必有應，感而無應，惟寂然爲能。以從擊鍾，鏗鏘然作聲；以從擊空，欲尋聲而不可得。

及其空中發聲，金鈇皆鳴，不待感而應。由夫寂滅之至蓄之鋸故其發之宏也。邵康節之希聲，大禪師之寂然無聲，其見得天地之心乎？

[海量大禪師]

海量大禪師言：

佛說寂滅，非夫寂滅之謂也。寂與喧對，滅與起對，能滅人之性，便能起天之性。大都天性最難起，人性最難滅。滅得

人性，便是萬感俱寂，一真自如。鍾鼓在前，而耳不爲亂。綺羅在前，而目不爲眩。千兵萬馬在前，而心不爲動。夫是之謂寂。

世傳調御覺皇，以宮女試玄光。覺皇能滅，豈疑玄光不能寂？雪花無有蒂，水鏡不安臺。臺與蒂，如何動花鏡得？

[聲註一]

海鷗和尚曰：

玄哉寂滅之義乎！無喧何以有寂，無起何以有滅。喧起人性也。寂滅天性也，與人心道心相似。喜怒榮辱，交戰於胸中，人情之障礙也。能滅人性，則天性全。性全則定，定者寂滅之謂。儒書曰“無我”，道書曰“喪我”，皆其義也。然感而能寂，方是真寂。

耳以司聽，鍾鼓在前，非不聞鍾鼓也，而不亂。

目以司視，綺羅在前，非不見綺羅也，而不眩。死生驚

懼，皆由人心。兵馬在前，非不知也，而不入於胸中，如此謂之真寂。

若無鍾鼓無綺羅無兵馬，則爲耳爲目爲心，原不曾著一箇感。無感時則狗子皆有佛性，而亦曰：不亂不眩不動焉，則非寂也。須見得我真體，不生障礙。外來仍從外去。鳥過清潭，鳥去而潭不留影，雪花冰鏡之喻也。

世傳調御覺皇，以宮女試玄光，覺皇能滅，豈疑玄光不能寂？況著一疑心，便不是覺，恐是造說之訛。

[聲註二]

海和僧曰：

瞑目息心，兀然不動，我僧家入定時。有物亦不見，有聲亦不聞，由情定而性省。又由性省而情定，寂滅之工夫也。寂者動之機，滅者起之兆，欲心滅而天理動；私意滅而真性起。

誠使欲心私意，一切淨盡，我之天真呈露，明得自己心，見得自己性，世間萬事萬物，皆作平等觀。無

所慕於聲，無所戀於色，亦無所怵於威，則鍾鼓綺羅，
千兵萬馬在前，何與於我？惟其寂故能空，惟其空，故
有之而若無也。

昔覺皇以宮女試玄光，非疑玄光之不能寂，將以
信其能寂，而使人之不疑也。

PHIÊN ÂM:

TỊCH NHIÊN VÔ THANH

[Thanh dẫn Ngô Thì Hoàng]

*Phượng hoàng bất minh, minh tất kinh nhân. Phượng kỳ bất
minh thời, tiện thị tịch nhiên vô thanh, nhi kinh nhân chi thanh, dĩ
tự bất minh thời uẩn súc đắc lai.*

*Đào Uyên Minh tố cảm vô huyền, tự đắc ư âm luật chi ngoại, cái
âm luật chi ý, khả do vô huyền đắc, bất khả do cảm thanh đắc dã.
Phàm vật cảm tất hữu ứng, cảm nhi vô ứng, duy tịch nhiên vi năng, dĩ
thung kích chung, khanh khanh nhiên tác thanh; dĩ thung kích không,
dục tâm thanh nhi bất khả đắc.*

*Cập kỳ không trung phát thanh, kim khuyết giai minh, bất dĩ
cảm nhi ứng. Do phù tịch diệt chi chí súc chi cứ cố kỳ phát chi hoành
dã. Thiệu Khang Tiết chi hy thanh, Đại thiên sư chi tịch nhiên vô
thanh, kỳ kiến đắc thiên địa chi tâm hồ?*

[Hải Lượng Đại thiên sư]

Hải Lượng Đại thiên sư ngôn:

-Phật thuyết tịch diệt, phi phù tịch diệt chi vị dã. Tịch dĩ huyên đôi, diệt dĩ khởi đôi, năng diệt nhân chi tính, tiện năng khởi thiên chi tính. Đại đô thiên tính tô nan khởi, nhân tính tô nan diệt. Diệt đắc nhân tính, tiện thị vạn cảm câu tịch, nhất chân tự như. Chung cổ tại tiền, nhi nhĩ bất vi loạn. Ý la tại tiền, nhi mục bất vi huyễn. Thiên binh vạn mã tại tiền, nhi tâm bất vi động. Phù thị chi vị tịch.

Thế truyền Điều Ngự Giác Hoàng, dĩ cung nữ thí Huyền Quang Giác Hoàng năng diệt, khởi nghi Huyền Quang bất năng tịch? Tuyết hoa vô hữu đế, thủy kính bất an đài. Đài dĩ đế, như hà động hoa kính đắc?

[Thanh chú nhất]

Hải Âu Hòa thượng viết:

-Huyền tai tịch diệt chi nghĩa hồ? Vô huyên hà dĩ hữu tịch, vô khởi hà dĩ hữu diệt. Huyền khởi nhân tính dã. Tịch diệt thiên tính dã, dĩ nhân tâm đạo tâm tương tự. Hỷ nộ vinh nhục, giao chiến ư hung trung, nhân tình chi chướng ngại dã. Năng diệt nhân tính, tắc thiên tính toàn. Tính toàn tắc định, định giả tịch diệt chi vị. Nho thư viết “vô ngã,” Đạo thư viết “táng ngã,” giai kỳ nghĩa dã. Nhiên cảm nhi năng tịch, phương thị chân tịch.

Nhi dĩ tư thính, chung cổ tại tiền, phi bất văn chung cổ dã, nhi bất loạn. Mục tư thị, ý la tại tiền, phi bất kiến ý la dã, nhi bất huyễn.

Tử sinh kinh cụ, giai do nhân tâm. Bình mã tại tiền, phi bất tri dã, nhi bất nhập ư hung trung, như thử vị chi chân tịch.

Nhược vô chung cổ vô la ý vô bình mã, tắc vi nhĩ vi mục vi tâm, nguyên bất tăng trước nhất cá cảm. Vô cảm thời tắc cầu tử giai hữu Phật tính, nhi diệc viết: Bất loạn bất huyễn bất động yên, tắc phi tịch dã. Tu kiến đặc ngã chân thể, bất sinh chương ngại. Ngoại lai nhưng tông ngoại khứ. Điều quá thanh đàm, điều khứ nhi đàm bất lưu ảnh, tuyết hoa băng kính chi dụ dã.

Thế truyền Điều Ngự Giác Hoàng, dĩ cung nữ thí Huyền Quang, Giác Hoàng năng diệt, khởi nghi Huyền Quang bất năng tịch? Huống trước nhất nghi tâm, tiện bất thị giác, khủng thị tạo thuyết chi ngoa.

[Thanh chú nhị]

Hải Hoà tăng viết:

-Minh mục tức tâm, uông nhiên bất động, ngã tăng gia nhập định thời. Hữu vật diệc bất kiến, hữu thanh diệc bất văn, do tình định nhi tính tĩnh. Hựu do tính tĩnh nhi tình định, tịch diệt chi công phu dã. Tịch giả động chi cơ, diệt giả khởi chi triệu, dục tâm diệt nhi thiên lý động; tư ý diệt nhi chân tính khởi.

Thành sử đục tâm tư ý, nhất thiết tịnh tận, ngã chi thiên chân trình lộ, minh đặc tự kỷ tâm, kiến đặc tự kỷ tính, thế gian vạn sự vạn vật, giai tác bình đẳng quan. Vô sở mộ ư thanh, vô sở luyến ư sắc, diệc vô sở truat ư uy, tắc chung cổ ý la, thiên bình vạn mã tại tiền, hà dĩ ư ngã? Duy kỳ tịch, cố năng không, duy kỳ không, cố hữu chi nhi nhược vô dã.

Tịch Giác Hoàng dĩ cung nữ thí Huyền Quang, phi nghi Huyền Quang chi năng tịch, tương dĩ tín kỳ bất năng tịch, nhi sử nhân chi bất nghi dã.

DỊCH NGHĨA:

TIẾNG LẶNG LẼ KHÔNG CÓ TIẾNG
(TỊCH NHIÊN VÔ THANH)

[Thanh dẫn Ngô Thì Hoàng]

Chim phượng hoàng không hay kêu, nên hễ kêu lên thì làm cho người ta kinh ngạc. Lúc mà nó không kêu tức là lúc *lặng lẽ không có tiếng* (tịch nhiên vô thanh), mà cái tiếng (thanh) làm cho người ta kinh ngạc, thì đã tự chứa cất ở trong chỗ không kêu.

Đào Uyên Minh⁽¹⁾ vốn có cây đàn không dây, tự tâm đắc ở bên ngoài âm luật, có lẽ cái tinh thần của âm luật, chỉ có thể tìm thấy ở chỗ không dây, mà không thể tìm thấy ở trong tiếng đàn vậy. Đại phạm vật gì, đã cảm nhận được thì tất có sự đáp trả, cảm nhận mà không có sự đáp trả, thì chỉ có cái *lặng lẽ* (tịch nhiên) là làm được. Lấy cái dùi mà đánh chuông, thì tiếng kêu sang sảng, lấy cái dùi đánh vào giữa khoảng không, thì muốn tìm *tiếng* (thanh) cũng chẳng tìm được.

Đến như tiếng phát ra trên không trung, kêu như tiếng sắt tiếng vàng, thì cũng không chờ phải cảm nhận được rồi mới đáp trả. Đó là do tịch diệt đến tột độ, chứa ở bên trong rất lớn, cho nên phát ra bên ngoài rất mạnh. Tiếng thừa thốt của Thiệu Khang Tiết,⁽²⁾ hay tiếng *lặng lẽ không có tiếng* (Tịch nhiên vô thanh) của Đại thiên sư ta, có lẽ đã nắm được cái tâm của trời đất rồi chăng?

[Hải Lượng Đại thiên sư]

Hải Lượng Đại thiên sư nói:

-Phật nói “tịch diệt,” không chỉ để nói về “tịch diệt” vậy. Tịch (lặng lẽ) đối lập với huyên (ồn ào), diệt (dập đi) đối lập với khởi (dậy lên). Nếu biết dập đi tính người, thì có thể khởi dậy được tính trời. Đại phàm tính trời rất khó khởi dậy, tính người rất khó dập đi. Dập được tính người, thì muôn cảm đều lặng, chỉ còn một cái chân như. Chuông trống ở đằng trước mà tai không bị loạn; gắm vóc ở đằng trước mà mắt không bị loá, thiên binh vạn mã ở đằng trước mà tâm không dao động. Được như vậy mới gọi là “tịch” (lặng lẽ).

Tục truyền, Điều Ngự Giác Hoàng sai cung nữ đến thử Huyền Quang. Giác Hoàng có sức để “diệt,” lẽ nào lại nghi Huyền Quang không có sức để “tịch.” Hoa tuyết không có cuống, gương nước không có giá, giá và cuống làm sao động nổi hoa và kính được?

[Thanh chú 1]

Hoà thượng Hải Âu nói:

-Huyền diệu thay cái nghĩa của chữ *lặng lẽ* (tịch diệt)! Không ồn ào thì làm sao có lặng lẽ, không dậy lên thì làm sao có dập đi. Ổn ào và dậy lên là tính người. Lặng lẽ, và dập đi là tính trời, tương tự như lòng người và lòng đạo. Mừng giận vinh nhục xâu xé nhau trong lòng, đó là cái chướng ngại của nhân tình vậy. Dập tắt được tính người thì tính trời được bảo toàn. Tính được bảo toàn, thì là “định,” mà “định” thì gọi là “tịch diệt.” Sách Nho nói “vô ngã,”

sách Đạo nói “táng ngã,” đều theo cái nghĩa ấy cả. Nhưng do cảm nhận mà lặng lẽ, mới lặng lẽ thực sự.

Tai là để mà nghe, chuông trống ở đằng trước, không phải không nghe thấy chuông trống, nhưng nghe mà không loạn. Mắt là để mà thấy, gắm vóc ở đằng trước, không phải không thấy gắm vóc, nhưng thấy mà không lóa. Chết sống sợ hãi, đều bởi lòng người. Bình mã ở đằng trước, không phải là không biết, nhưng biết mà không để trong lòng, như thế mới gọi là “chân tịch” (lặng lẽ thực sự).

Còn như không có chuông trống, không có gắm vóc, không có bình mã, thì tai, mắt và tâm, không hề cảm nhận được; khi đã không cảm nhận được, thì con chó cũng có tính Phật, và cũng có thể nói rằng: Không loạn, không lóa, không dao động, như thế thì không phải là *lặng lẽ* vậy. Cần phải thấy được cái bản thể chân thực của ta, thì mới không sinh ra chướng ngại. Cái ở ngoài vào, vẫn theo cái ở ngoài đi, như chim bay qua đầm nước trong, chim bay đi mà đầm không giữ lại bóng, tỉ dụ như hoa tuyết và gương băng vậy.

Người đời truyền rằng, Đức Điều Ngự Giác Hoàng sai cung nữ đến thử Huyền Quang, Giác Hoàng có sức đập đi (diệt), lẽ nào lại nghi Huyền Quang không có sức lắng xuống (tịch). Huống hồ, đã nảy ra cái lòng nghi ngờ, tức là không phải đã giác ngộ. E rằng đây là một lời bày đặt, sai lầm.

[Thanh chú 2]

Tăng Hải Hoà nói:

-Mắt nhắm, lòng tắt, ngồi ngay không động đậy, đó là lúc nhà sư ta nhập định. Có vật cũng không thấy, có tiếng cũng không nghe, là do cái tình đã được yên định mà cái tính cũng được sáng tỏ. Lại vì cái tính đã được sáng tỏ mà cái tình cũng được yên định, đó là công phu của lạng lẽ dập đi (tịch diệt) vậy. Lạng lẽ là cái cơ của động, dập đi là cái triệu của dậy lên. Lòng dục được dập đi thì lẽ trời khơi động; ý riêng được dập đi thì bản tính chân thực dấy lên.

Quả thật nếu làm cho lòng dục và ý riêng hết thấy sạch lâu, thì cái tính vốn có của ta sẽ lộ ra, ta sẽ tỏ rõ được cái tâm của chính mình, thấy rõ được cái tính của chính mình, muôn sự muôn vật trong thế gian ta sẽ xem là bình đẳng; không ham gì ở thanh, không luyến gì ở sắc, cũng không sợ gì ở uy, như thế thì chuông trống gấm vóc, thiên binh vạn mã ở đằng trước, có can dự gì tới ta đâu! Chính vì biết lạng xuống cho nên có sức hư không; chính vì có sức hư không, cho nên có mà cũng xem như không có vậy.

Xưa Giác Hoàng sai cung nữ đến thử Huyền Quang, đó không phải là Ngài nghi ngờ Huyền Quang không biết lạng mà chính là để làm cho cái khả năng lạng của Huyền Quang càng đáng tin, mà khiến cho người ta không nghi ngờ được.

CHÚ THÍCH:

1.Đào Uyên Minh, tức Đào Tiềm (365 - 427), ẩn sĩ đời Tấn, Trung Quốc. “Đàn không dây” và “luống cùc...” vốn là biểu trưng cho việc ở ẩn của ông.

2.Thiệu Khang Triết, tức Thiệu Ung (1011 - 1077), một triết gia đời Tống, Trung Quốc.

11. 斲聲

[聲引吳時儻]

勢位財色，美宮室好車馬，佞臣僕便奴婢，是極難捨物事。常情到此，惟恐失之，而況捨之乎？勢位財色，畢竟爲無是公，爲烏有先生，顛倒人於一切法，作種種境界，故捨不得。

高明人真造得離有離無第一級，無纖毫不淨想。惑亂雖種種現，視之如幻夢鏡像而已。方其處勢位財色時，若故有之。然而雲中之空雲去而空自露。真脩一回頭，便將勢位財色，作巴人塗鼻之堊，到底又是極易捨物事，是之謂斲聲。

[海量大禪師]

海量大禪師言：

無勢位不能成佛。無財色不能成佛。
無美宮室好車馬，不能成佛。無佞臣僕便奴婢，不能成佛。

塗弟白師言：

弟子願終身行之，以成佛道。

師答言：

桀紂幽厲飛廉惡來禱扚，亦能終身行之，十五種鬼，未爲鬼時，亦能終身行之，貧窮饑餓，困苦無告者，亦能終身行之，而獨爾能行之云乎哉？

調御覺皇，捨萬乘而行單身，茹痛六十拳，而身不知痛，是故有而能捨爲難。大力量菩薩揮金如沙，貧者所願，不過一金，然終轉死溝洫，一金且願不得，沉于勢位財色。

儒言“定命”釋言“前劫”，前劫也者，不可易之定命也。富貴而不自有者制命。高士制命，大士化劫，化劫故能成佛。

[聲註一]

海鷗和尚曰：

儒書言：“不見可欲而心不亂”。是爲中行以下人說也。進於是則“見可欲而不亂”，又從欲而進於道焉。所謂“涅而不淄”，“如如不動也”。故無勢位則安識仕路爲波濤，世途爲荆棘！知之則視勢位自淡泊。無財色則安識積金爲錢虜。紅紛是骷髏。知之則財色爲外來。

舊時鄰巷皆新主，

一車一馬幾人騎？

知此則美宮室好車馬，皆蒲團禪床矣。

金多恭季子，

時乖僕弄師。

知此則佞臣僕使奴婢，皆好師良友矣。

大力量者凡眼前貪戀愛欲苦境，皆所以鎔陶琢磨我，而使進之於道。

濟顛從飲酒食肉悟道。智深從放火殺人悟道。

杰禪師讀西廂，從怎當他秋波那一傳句悟道。皆自

垢泥出紅蓮，火坑生寶座。大禪師此言，蓋千佛經文未言之秘。

桀紂幽厲飛廉惡來禱扈，終身行惡，故爲惡人。十五種鬼，未爲鬼時，終身爲厲，故爲厲鬼，貧窮困苦者，終身不離窮相，故爲窮人。皆帶水拖泥，在十里務中行，終身不自覺。

調御覺皇，棄萬乘如脫屣，受痛打而不知，貪嗔榮辱的念頭，一毫都不著，故能成佛。徒弟白師言：願終身行之以成佛道，而不知所行之謂，行而墮入惡道，固不足論。終身行善，而願行願成，亦還墮有心相，故大禪師以此一段告之。末言定命言前劫，總言命不可易也。高士制命，制之而不亂之謂。大士化劫，神而化之之謂也。能化劫成佛祖。能制命爲大儒。

[聲註二]

海和僧曰：

勢位財色，美恭室好車馬，佞臣僕便奴婢，非必有此，乃能成佛，有而能捨之爲難，非必無此，不能成佛，無而能處之若有爲尤難。

故覺皇享帝王之奉，而單身東遊，不帶一文錢，使六十渡得名。今伽南祖之。

拙公，行腳南來，露居樹下者三月，卓錫超類之雁塔，至使駙馬國公，爲之擁扇前驅。今之伽南祖之。則有之無之，莫非定命，不過爲前劫因緣之報耳。達者不當以有爲泰，且法吾覺皇，充吾淡然之心，至於俯視一切，吾無與焉。則富貴起能爲吾重？亦不以無爲戚，且法吾拙公，養吾浩然之氣。至於反觀一切，吾無歎焉。則貧賤亦豈能爲吾輕？

乃知人之受於天者爲命，高士制命，則能以人勝天。前之輪於後者爲劫，大士化劫，則能以後而反前。覺皇化富貴劫，拙公化貧賤劫，故能成佛。大禪師真言妙諦，能使頑石點頭。

PHIÊN ÂM:

TRÁC THANH

[Thanh dẫn Ngô Thì Hoàng]

Thế vị tài sắc, mỹ cung thất hảo xa mã, nịnh thần bộc tiện nô tỳ, thị cực nan xả vật sự. Thường tình đao thủ, duy khùng thất chí, nhi hướng xả chi hồ? Thế vị tài sắc, tất cánh vi vô thị công, vi ô hữu tiên sinh, điên đảo nhân ư nhất thiết pháp, tác chủng chủng cảnh giới, cố xả bất đắc.

Cao minh nhân chân tạo đắc ly hữu ly vô đệ nhất cấp, vô tiêm hào bất tịnh tưởng. Hoặc loạn tuy chủng chủng hiện, thị chi như ảo mộng kính tượng nhi dĩ. Phương kỳ xử thế vị tài sắc thời, nhược cố hữu chi. Nhiên nhi vân trung chi không vân khứ nhi không tự lộ. Chân tu nhất hồi đầu, tiện tương thế vị tài sắc, tác Ba nhân đồ ty chi yên, đáo để hựu thị cực dị xả vật sự, thị chi vị Trác thanh.

[Hải Lượng Đại thiên sư]

Hải Lượng Đại thiên sư ngôn:

-Vô thế vị bất năng thành Phật. Vô tài sắc bất năng thành Phật. Vô mỹ cung thất hảo xa mã, bất năng thành Phật. Vô nịnh thần bộc tiện nô tỳ, bất năng thành Phật.

Đồ đệ bạch sư ngôn:

-Đệ tử nguyện chung thân hành chi, dĩ thành Phật đạo.

Sư đáp ngôn:

-Kiệt Trụ U Lệ Phi Liêm Ác Lai Đào Ngột, diệc năng chung thân hành chi, thập ngũ chủng quý, vị vi quý thời, diệc năng chung thân hành chi, bản cùng cơ ngạ, khốn khổ vô cáo giả, diệc năng chung thân hành chi, nhi độc nhĩ năng hành chi vân hồ tại?

Điều Ngự Giác Hoàng, xả vạn thặng nhi hành đơn thân, như thống lục thập quyền, nhi thân bất tri thống, thị cố hữu nhi năng xả vi nan. Đại lực lượng bồ tát huy kim như sa, bản giả sở nguyện, bất quá nhất kim, nhiên chung chuyển tử câu hức, nhất kim thả nguyện bất đắc, hướng vu thế vị tài sắc.

Nho ngôn “định mệnh” Thích ngôn “tiền kiếp,” tiền kiếp đã giả, bất khả dĩ chi định mệnh đã. Phú quý nhi bất tự hữu giả chế mệnh. Cao sĩ chế mệnh, đại sĩ hoá kiếp, hoá kiếp cố năng thành Phật.

[Thanh chú nhất]

Hải Âu Hoà thượng viết:

-Nho thư ngôn: Bất kiến khả dục nhi tâm bất loạn. Thị vi trung hành dĩ hạ nhân thuyết dã. Tiến ư thị tắc kiến khả dục nhi bất loạn, hựu tòng dục nhi tiến ô ư đạo yên. Sở vị niết nhi bất truy, như như bất động dã. Cố vô thế vị tắc an thức sĩ lộ vi ba đào thế đồ vi kinh cực! Tri chi, tắc thị thế vị tự đam bạc. Vô tài sắc tắc an thức tích kim vi tiền lỗ. Hồng phân thị cô lâu. Tri chi tắc tài sắc vi ngoại lai.

Cửu thời lân hạng giai tân chủ,

Nhất xa nhất mã kỷ nhân kỳ?

Tri thử tắc mỹ cung thất hảo xa mã, giai bồ đoàn thiên sàng hỹ.

Kim đa cung quý tử,

Thời quai bộc lộng sư.

Tri thử tắc nịnh thần bộc tiện nô tỳ, giai hảo sư lương hữu hỹ.

Đại lực lượng giả phạm nhân tiền tham luyến ái dục khổ cảnh, giai sở dĩ dung đào trác ma ngã, nhi sử tiến chi ư đạo.

Tế Diên tông ẩm tửu thực nhục ngộ đạo. Trí Thâm tông phóng hoả sát nhân ngộ đạo. Mân thiên sư độc tây sương, tông châm đương tha thu ba na nhất chuyển cú ngộ đạo. Giai tự cấu nê xuất hồng liên, hoả khang sinh bảo tọa. Đại thiên sư thử ngôn, cái thiên Phật kinh văn vị ngôn chi mật.

Kiệt Trụ U Lệ Phi Liêm Ác Lai Đào Ngột, chung thân hành ác, cố vi ác nhân. Thập ngũ chủng quý, vị vi quý thời, chung thân vi lệ, cố vi lệ quý, bản cùng khốn khổ giả, chung thân bất ly cùng tướng, cố vi cùng nhân. Giai đái thuỷ đà nê, tại thập lý vụ trung hành, chung thân bất tự giác.

Điều Ngự Giác Hoàng, khí vạn thặng như thoát tử, thụ thống đả nhi bất tri, tham sân vinh nhục đích niệm đầu, nhất hào đô bất trước, cố năng thành Phật.

Đồ đệ bạch sư ngôn:

-Nguyên chung thân hành chi dĩ thành Phật đạo, nhi bất tri sở hành chi vị, hành nhi đoạ nhập ác đạo, cố bất túc luận. Chung thân hành thiện, nhi nguyện hành nguyện thành, diệc hoàn đoạ hữu tâm tướng, cố Đại Thiên sư dĩ thử nhất đoạn cáo chi. Mạt ngôn định mệnh ngôn tiền kiếp, tổng ngôn mệnh bất khả dịch dã. Cao sĩ chế mệnh, chế chi nhi bất loạn chi vị. Đại sĩ hoá kiếp, thần nhi hoá chi chi vị dã. Năng hoá kiếp, thành Phật tổ. Năng chế mệnh vi đại nho.

[Thanh chú nhị]

Hải Hoà tăng viết:

-Thế vị tài sắc, mỹ cung thất hảo xa mã, nịnh thần bộc tiện nô tỳ, phi tất hữu thử, nãi năng thành Phật, hữu nhi năng xả chi vị nan. Phi tất vô thử, bất năng thành Phật, vô nhi năng xử chi nhược hữu vi vưu nan.

Cố Giác Hoàng hưởng đế vương chi phụng, nhi đơn thiên thân đông du, bất đái nhất văn tiền, sử lục thập độ đắc danh. Kim ca nam tổ chi.

Chuyết Công, hành giác nam lai, lộ cư thụ hạ giả tam nguyệt, trác tích Siêu Loại chi Nhạn Tháp, chí sử Phụ mã Quốc công, vì chi ủng phiến tiền khu. Kim chi ca nam tổ chi.

Tắc hữu chi vô chi, mạc phi định mệnh, bất quá vì tiền kiếp nhân duyên chi báo nhĩ. Đạt giả bất đương dĩ hữu vi thái, thả pháp ngô Giác Hoàng, sung ngô đạm nhiên chi tâm, chí ư phủ thị nhất thiết, ngô vô dữ yên. Tắc phú quý khởi năng vi ngô trọng? Diệc bất dĩ vô vi Thích, thả pháp ngô Chuyết Công, dương ngô hạo nhiên chi khí. Chí ư phản quan nhất thiết, ngô vô khiếm yên. Tắc bản tiện diệc khởi năng vi ngô khinh?

Nãi tri nhân chi thụ ư thiên giả vi mệnh, cao sĩ chế mệnh, tắc năng dĩ nhân thắng thiên. Tiền chi luân ư hậu giả vi kiếp, đại sĩ hóa kiếp, tắc năng dĩ hậu nhi phản tiền. Giác Hoàng hóa phú quý kiếp, Chuyết Công hóa bản tiện kiếp, cố năng thành Phật. Đại thiên sư chân ngôn diệu đế, năng sử ngoan thạch điểm đầu.

DỊCH NGHĨA:

TIẾNG ĐÈO (TRÁC THANH)

[Thanh dẫn Ngô Thì Hoàng]

Thế lực, địa vị, tiền tài, nữ sắc, cung thất đẹp, xe ngựa tốt, bề tôi giỏi, nô tỳ hay, là những thứ rất khó bỏ. Thường tình người ta đứng trước cảnh ấy chỉ sợ mất đi, hướng hồ lại đang tay mà bỏ đi hay sao? Thế lực, địa vị, tiền tài, nữ sắc, cuối cùng chỉ là những thứ vô vị, làm cho người ta mờ mắt, làm cho quay cuồng đủ mọi cách, tạo nên đủ loại hoàn cảnh, cho nên bỏ không được.

Bậc cao minh chân chính tạo ra được cái “ly hữu ly vô” (gạt bỏ cái có, gạt bỏ cả cái không có) ở bậc cao nhất, không mảy may có ý không trong sạch. Sự nghi hoặc hỗn loạn tuy hiện ra đủ loại, nhưng đều xem

chúng như giấc chiêm bao hão huyền, như cái bóng trong gương. Dương trong lúc có thể lực, địa vị, tiền tài, nữ sắc, thì hình như coi cái đó là có thật. Thế nhưng, nó chỉ như khoảng không trong đám mây, mây bay đi thì khoảng không lộ ra. Một khi đã chân tu, thì coi thể lực, địa vị, tiền tài, nữ sắc như lớp phấn mỏng trôi lên mũi của người đất Ba⁽¹⁾ hoá ra lại là một việc rất dễ bỏ, như thế gọi là *Tiếng đẽo* (Trác thanh).

[Hải Lượng Đại thiên sư]

Hải Lượng Đại thiên sư nói:

-Không có thể lực địa vị thì không thành Phật được; không có tiền tài nữ sắc thì không thành Phật được; không có cung thất đẹp, xe ngựa tốt thì không thành Phật được; không có bề tôi giỏi giang, nô tỳ lanh lợi thì không thành Phật được.

Đồ đệ bạch với thầy rằng:

-Như thế thì đệ tử nguyện suốt đời xin làm theo để thành Phật đạo.

Thầy trả lời rằng:

-Kiệt và Trụ, U và Lệ, Phi Liêm, Ác Lai, Đào Ngột⁽²⁾ cũng suốt đời làm theo. Mười lăm giống quỷ, lúc chưa thành quỷ cũng suốt đời làm theo được; những kẻ bần cùng đói rét, khốn khổ không biết dựa vào đâu, cũng suốt đời làm theo được, đâu phải chỉ có một mình người làm theo được hay sao?

Điều Ngự Giác Hoàng bỏ ngôi vua mà đi bộ một mình, bị sáu mươi cái đâm mà thân không biết đau. Cho nên có [của] mà bỏ được mới thực là khó. Đại Lực Lượng bồ tát ném vàng

như cát, còn người nghèo chỉ ước ao được một đồng vàng, nhưng rồi cũng bỏ thân nơi ngòi rãnh. Một đồng vàng còn ước ao không được, huống hồ thế lực, địa vị, tiền tài, nữ sắc?

Nhà Nho nói “định mệnh,” nhà Thích nói “tiền kiếp,” “tiền kiếp” cũng chẳng qua là cái “định mệnh” không đổi dời được. Kẻ nào phú quý mà không bo bo với danh lợi thì kẻ đó là người đã không chế được “định mệnh.” Cao sĩ chế tác “định mệnh,” Đại sĩ biến hoá được “tiền kiếp.” Biến hoá được “tiền kiếp” cho nên thành Phật.

[Thanh chú 1]

Hòa thượng Hải Âu nói:

-Sách Nho nói: “Không thấy cái *khả dục*, (mong muốn) thì lòng không rối loạn.” Đó là nói cho những người từ bậc trung trở xuống. Tiến lên bậc cao hơn thì “thấy cái *khả dục* mà lòng không rối loạn,” như thế lại từ *dục* tiến lên *đạo* rồi. Vì vậy mới có cái gọi là “nhuộm mà không đen,” “lắng lặng chẳng động tĩnh.” Cho nên, nếu không có thế lực thì làm sao mà biết “hoạn đồ sóng gió,” “đường đời chông gai.” Khi đã biết rồi thì sẽ xem thế lực, địa vị nhặt nhèo biết nhường nào! Không có tiền tài, nữ sắc thì làm sao biết được việc tích của cải là nô lệ cho đồng tiền, má phấn là cái thân ma. Khi đã biết rồi thì tiền tài nữ sắc chỉ là thứ ngoại lai.

Xóm ngô thời xưa đều chủ mới,

Một xe một ngựa mấy người đi.

Biết như thế thì cung thất đẹp, xe ngựa tốt đều như cái đệm bằng cói cái chông bằng tre của nhà sư mà thôi.

Nhiều vàng kính con út,

Vận bí tử trên thầy.

Biết như thế, thì bề tôi giỏi giang, nô tỳ linh lợi đều là thầy tốt, bạn lành cả thôi.

Đối với bậc đại lực lượng, thì phạm là những cảnh khổ trước mắt như tham lam, luyến ái, dục vọng, đều là cái hun đúc mài dũa cho ta, để ta tiến lên Đạo.

Tế Điền⁽³⁾ từ chỗ uống rượu ăn thịt mà ngộ đạo. Trí Thâm⁽⁴⁾ từ chỗ phóng hỏa giết người mà ngộ đạo. Luyện thiên sư đọc *Tây sương ký* đến câu: “Làm sao đương nổi ngọn sóng hồ thu xoay hướng này” mà ngộ đạo. Những người ấy đều là bông sen hồng mọc lên từ chỗ bùn tanh, những bảo tọa dựng lên từ những cái hố lửa. Lời nói của Đại thiên sư gợi ra cái bí mật mà hàng nghìn kinh văn của nhà Phật chưa từng nói.

Kiệt, Trụ, U, Lệ, Phi Liêm, Ác Lai, Đào Ngột suốt đời làm điều ác cho nên là người ác. Mười lăm giống quỷ, lúc chưa làm quỷ, suốt đời làm dữ, cho nên là quỷ dữ. Những kẻ bần cùng khốn khổ, suốt đời không ra khỏi cảnh bần cùng, cho nên là cùng nhân. Những kẻ này dầm nước vấy bùn, đi trong đám sương mù mờ dậm, suốt đời không hề giác ngộ.

Điều Ngự Giác Hoàng bỏ ngôi vua như vứt dép, bị đánh đau mà không biết, những ý niệm tham, sân, vinh, nhục không mảy may gắn bám, cho nên thành Phật. Đồ đệ bạch với Thầy rằng: Nguyên suốt đời làm theo để thành Phật đạo mà không biết rằng làm theo là nghĩa thế nào. Làm theo mà rơi vào ác đạo thì khỏi phải nói làm gì, nhưng suốt đời làm theo thiện đạo mà còn có ý nguyện hành đạo, ý nguyện thành Phật, cũng là đang còn rơi vào cái tướng “hữu tâm,” cho nên Đại thiên sư nói đoạn này mà dạy cho.

Cuối cùng nói “định mệnh,” nói “tiên kiếp,” là nói chung rằng mệnh là không thay đổi được. “Cao sĩ chế tác định mệnh” có nghĩa là chế tác mà

không trái loạn, “Đại sĩ biến hoá tiền kiếp” có nghĩa là nhập thân mà hoá đó vậy. Hoá được kiếp thì thành Phật Tổ, không chế được mệnh thì thành Đại Nho.

[Thanh chú 2]

Tăng Hải Hoà nói:

-Thế lực, địa vị, tiền tài, nữ sắc, cung thất đẹp, xe ngựa tốt, bề tôi giỏi, nô tỳ linh lợi, không có nghĩa là phải có những cái đó mới thành Phật, có nó mà bỏ nó được mới là khó. Cũng không có nghĩa là nếu không có những cái đó thì không thành Phật được, không có mà xem như là có, lại càng khó hơn nữa.

Cho nên Giác Hoàng được hưởng cảnh phú quý của bậc đế vương mà vò vó một mình đi sang đông, không đem theo lấy một đồng tiền, khiến sáu mươi bốn đò nức tiếng. Nay ở chùa còn thờ làm Tổ.

Chuyết Công⁽⁵⁾ đi bộ đến phương Nam, ở lộ thiên dưới gốc cây ba tháng trời mới đến trụ trì tại chùa Nhạn Tháp ở Siêu Loại,⁽⁶⁾ sau đó Phò mã Quốc công⁽⁷⁾ phải cò quạt đến đón rước. Nay ở chùa còn thờ làm Tổ.

Như thế thì cái có hay không có, không phải không do định mệnh, và chẳng qua là sự báo ứng nhân duyên kiếp trước mà thôi. Đạt nhân không nên vì có mà mừng, hãy nên bắt chước đức Giác Hoàng ta, bổ sung cho tấm lòng thanh thản của ta, đến như tất cả những việc phải cúi mình cầu cạnh, thì ta không làm. Như thế thì phú quý nào có giá trị gì đối với ta? Mà cũng không nên vì không có mà buồn, hãy nên bắt chước Chuyết Công ta, nuôi cái khí hạo nhiên của ta. Đến như tất cả những việc xem xét lại mình, thì ta không để thiếu. Như thế thì nghèo hèn cũng lẽ nào không có giá trị gì đối với ta?

Nhưng biết được cái mà người ta nhận được ở trời là mệnh, mà cao sĩ lại chế tác được mệnh, thì người đã thắng được trời. Cái mà đời trước chuyển cho đời sau gọi là kiếp, mà đại sĩ lại hoá được kiếp, thì cái sau phản lại cái trước. Giác Hoàng bỏ cái giàu sang phú quý, Chuyết Công bỏ cái nghèo hèn bần tiện, cho nên thành Phật. Sự thẩm xét huyền diệu qua lời chân thật của Đại thiên sư ta, đã khiến cho hòn đá cứng cũng phải gặt đầu.

CHÚ THÍCH:

1. Thiên Tử vô quý trong sách *Trang Tử* có câu: “Người đất Ba bôi phấn trắng mỏng như cánh chuồn lên đầu mũi, bảo Tượng Thạch đeo bỏ đi. Tượng Thạch múa rìu thành gió, nhân đó mà đeo bỏ đi, phấn trắng rơi hết mà mũi không hề bị thương.”

2. Kiệt là vua nhà Hạ, Trụ là vua nhà Thương, U và Lệ là vua nhà Chu. Phi Liêm và Ác Lai, hai cha con đều là tôi vua Trụ. Đào Ngột là tên riêng của Cỗn, làm tôi Đế Thuấn. Tương truyền những người này đều là những nhân vật bạo ngược của Trung Quốc cổ đại.

3. Tế Điền tên là Lý Đạo Tế, người đời Tống, ở vùng đất Thiên Thai, tu ở chùa Tịnh Từ.

4. Trí Thâm: Tức Lỗ Trí Thâm, một nhân vật trong tiểu thuyết *Thủy hử* của Thi Nại Am.

5. Chuyết Công: Theo *Truyền đăng lục* và *Tang thương ngẫu lục* là Lý Thiên Tộ, nhà sư người Trung Quốc đến nước ta vào đầu đời Lê. Nay ở chùa Bút Tháp (Thuận Thành, Bắc Ninh) có tượng Chuyết Công.

6. Chùa Nhạn Tháp ở huyện Siêu Loại, Bắc Ninh.

7. Phò mã Quốc công: Chưa rõ tên.

12.一 聲

[聲引吳時儼]

一者精一不雜，合天下萬事而一之。其義所該甚廣。太極一陰陽，陰陽一五行。渾淪底道理，何往而非一。儒言：“理無二是”，無二者一也。戚言：“不二法門”，不二者亦一也。儒有一箇理，釋有一切法，一之與一皆一也。是故爲皇帝爲王霸，一儒也。爲聖神爲魔鬼，一釋也。爲儒爲釋，一道也。道在天地間，散之則有萬殊，統之則無二致。

此章把儒釋一途透會，此大禪師心得一貫之旨，發爲二十四聲之一，大段文章，大段議論，豈可以管窺蠡測之哉？吾夫子曰：“知我者其春秋乎，罪我者其春秋乎”？大禪師亦嘗言：“千載之下，必有以混儒釋議我者”。然而知者即不議，議者即不知。知而不議，不議一無窮也。不知而議，議亦一無窮也。天得一以清，地得一以寧，聖人得一而天下和平。議歟？不議歟？總在吾禪師之一聲中。

[海量大禪師]

海量大禪師言：

儒說皇帝王霸，佛說聖賢魔鬼，其致一爾。三大菩薩言其道，過去大菩薩，現在大菩薩，未來大菩薩，一切聖眾，專指有力量者言，有意而無像，三皇脩夫意是也；梵王帝釋，四大天神，專指有作用者言，有言而無形，五帝脩夫言是也。

十二魔王，專指有運動者言，魔王與諸大菩薩，諸天神王，異用而同體，有象而無法，三王脩夫象是也；十五種鬼，專指有變化者言，有命濁見濁蔭濁，大都解脫去，有數而無理，五霸脩夫數是也。

釋伽牟尼佛，統宗三大菩薩，運用梵王帝釋，四大天神，制御十二魔王，役使

十五種鬼。孔子祖三皇崇五帝，子三王孫五伯是也。是故不具精粗，不可以言佛，不明体用，不可以言法，不知本末，不可以言僧。

大哉佛乎，聲音色相云乎。調御覺皇云：“以聲音求我，以色相求我，是人行邪道，不能見如來”。

[聲註一]

海鷗和尚曰：

此一節言：儒說皇帝王伯，佛說聖神魔鬼，爲道各有差等。釋伽佛具聖神魔鬼之精粗，孔子具皇帝王霸之体用。大哉佛乎，大之爲義，如天之不可名，無聲音色相可求。猶儒書所謂：“無形氣方体可求也”。覺皇云：“以聲音求我，以色相求我，不能見如來”。至道之言也。

[聲註二]

海和僧曰：

釋家脩而成佛，猶儒家學而爲聖。生民以來，未有如孔子，而天上天下無如佛。皇帝王伯，孔子一以貫之。聖神魔鬼，釋伽六智以通之。儒說顯於有跡，故皇帝王霸，以世變言。佛說隱於無形，故聖神魔鬼，以明道言。統宗三大菩薩，貫乎今古者也，運用梵王帝釋，該乎穹壤也。

制御十二魔王，則四時五行不能外；役使十五種鬼，則有命有見，總不能違。其小不容針，而其大包羅乎世界。其卑可入地，而其高迥出於太虛。是豈可以聲音色相求之哉？

PHIÊN ÂM:

NHẤT THANH

[Thanh dẫn Ngô Thì Hoàng]

Nhất giả tinh nhất bất tạp, hợp thiên hạ vạn sự nhi nhất chi. Kỳ nghĩa sở cai thậm quảng. Thái cực nhất âm dương, âm dương nhất ngũ hành. Hồn luân để đạo lý, hà vãng nhi phi nhất, Nho ngôn “lý vô nhi thị,” vô nhị giả nhất dã. Thích ngôn “bất nhị pháp môn,” nhị giả diệc nhất dã.

Nho hữu nhất cá lý, Thích hữu nhất thiết pháp, nhất chi dữ nhất giai nhất dã. Thị cố vi Hoàng Đế vi Vương Bá, nhất Nho dã. Vi thánh thần vi ma quỷ, nhất Thích dã. Vi Nho vi Thích, nhất đạo dã. Đạo tại thiên địa gian, tán chi tắc hữu vạn thù, thống chi tắc vô nhị trí.

Thử chương bả Nho Thích nhất đồ thấu hội, thử Đại thiên sư tâm đắc nhất quán chi chỉ, phát vi nhị thập tứ thanh chi nhất, đại đoạn văn chương, đại đoạn nghị luận, khởi dĩ quản khuy lai trắc chi tại? Ngô Phu tử viết: “Tri ngã giả kỳ Xuân Thu hồ, tội ngã giả kỳ Xuân Thu hồ”? Đại thiên sư diệc thường ngôn: “Thiên tải chi hạ, tất hữu dĩ hỗn Nho Thích nghị ngã giả,” nhiên nhi tri giả tức bất nghị, nghị giả tức bất tri. Tri nhi bất nghị, bất nghị nhất vô cùng dã, bất tri nhi nghị, nghị diệc nhất vô cùng dã. Thiên đắc nhất dĩ thanh, địa đắc nhất dĩ ninh, thánh nhân đắc nhất nhi thiên hạ hoà bình. Nghị dư? Bất nghị dư? Tổng tại ngô Thiên sư chi Nhất thanh trung.

[Hải Lượng Đại thiên sư]

Hải Lượng Đại thiên sư ngôn:

-Nho thuyết Hoàng Đế, Vương Bá, Phật thuyết thánh hiền ma quỷ, kỳ trí nhất nhĩ.

Tam Đại bồ tát ngôn kỳ đạo, Quá Khứ Đại bồ tát, Hiện Tại Đại bồ tát, Vị Lai Đại bồ tát, nhất thiết thánh chúng, chuyên chỉ hữu lực lượng giả ngôn, hữu ý nhi vô tượng, Tam Hoàng tu phù ý thị dã; Phạn Vương Đế Thích, tứ Đại Thiên thần, chuyên chỉ hữu tác dụng giả ngôn, hữu ngôn nhi vô hình, Ngũ Đế tu phu ngôn thị dã.

Thập nhị Ma Vương, chuyên chỉ hữu vận động giả ngôn, Ma Vương dữ chư Đại bồ tát, chư Thiên thần Vương, dị dụng nhi đồng thể, hữu tượng nhi vô pháp, Tam Vương tu phù tượng thị dã; Thập ngũ chủng quý, chuyên chỉ hữu biến hoá giả ngôn, hữu mệnh trọc kiến trọc ám trọc, đại đô giải thoát bất khứ, hữu số nhi vô lý, Ngũ Bá tu phù số thị dã.

Thích Ca Mâu Ni Phật, thông tông tam Đại bồ tát, vận dụng Phạm Vương Đế Thích, tứ Đại Thiên thần, chế ngự thập nhị Ma Vương, dịch sử thập ngũ chủng quý. Khổng Tử tổ Tam Hoàng tông Ngũ Đế, tử Tam Vương tôn Ngũ Bá thị dã. Thị cố bất cụ tinh thô, bất khả dĩ ngôn Phật, bất minh thể dụng, bất khả dĩ ngôn pháp, bất tri bản mạt, bất khả dĩ ngôn tăng.

Đại tai Phật hồ, thanh âm sắc tướng vân hồ. Điều Ngự Giác Hoàng vân: “Dĩ thanh âm cầu ngã, dĩ sắc tướng cầu ngã, thị nhân hành tà đạo, bất năng kiến Như Lai.”

[Thanh chú nhất]

Hải Âu Hoà thượng viết:

-Thử nhất tiết ngôn: Nho thuyết Hoàng Đế Vương Bá, Phật thuyết thánh thần ma quỷ, vi đạo các hữu sai đẳng, Thích Ca Phật cụ thánh thần ma quỷ chi tinh thô, Khổng Tử cụ Hoàng Đế Vương Bá chi thể dụng. Đại tai Phật hồ, đại chi vi nghĩa, như thiên chi bất khả danh, vô thanh âm sắc tướng khả cầu. Do Nho thư sở vị: “Vô hình khí phương thể khả cầu dã.” Giác Hoàng vân: “Dĩ thanh âm cầu ngã, dĩ sắc tướng cầu ngã, bất năng kiến Như Lai.” Chí đạo chi ngôn dã.

[Thanh chú nhị]

Hải Hoà tặng viết:

-Thích gia tu nhi thành Phật, do Nho gia học nhi vi thánh. Sinh dân dĩ lai, vị hữu như Không Tử, nhi thiên thượng thiên hạ vô như Phật. Hoàng Đế Vương Bá, Không Tử nhất dĩ quán chi. Thánh thần ma quỷ, Thích Ca lục trí dĩ thông chi. Nho thuyết hiển ư hữu tích, cố Hoàng Đế Vương Bá, dĩ thế biến ngôn. Phật thuyết ẩn ư vô hình, cố thánh thần ma quỷ, dĩ minh đạo ngôn. Thống tông tam Đại bồ tát, quán hồ kim cổ giả dã, vận dụng Phạn Vương Đế Thích, cai hồ khung hoại dã.

Chế ngự thập nhị Ma Vương, tắc tứ thời ngũ hành bất năng ngoại; dịch sử thập ngũ chủng quỷ, tắc hữu mệnh hữu kiên, tổng bất năng vi. Kỳ tiểu bất dung châm, nhi kỳ đại bao la hồ thế giới. Kỳ ty khả nhập địa, nhi kỳ cao quýnh xuất ư thái hư. Thị khởi khả dĩ thanh âm sắc tướng cầu chi tại!

DỊCH NGHĨA:

TIẾNG NHẤT (NHẤT THANH)

[Thanh dẫn Ngô Thì Hoàng]

Nhất là tinh nhất, không tạp, là hợp tất cả muôn việc trong thiên hạ lại làm một. Ý nghĩa ấy bao hàm rất rộng. Thái cực tóm âm dương lại làm một, âm dương tóm ngũ hành lại làm một. Đạo lý vẫn xoay, đi đâu mà chẳng phải là một (nhất). Nhà Nho nói: “Lý không có hai bên đều phải,” không có hai phải, tức là một (nhất) vậy. Thích nói: “Không có hai pháp môn,” không có hai cũng là một (nhất) vậy. Nho có cái gọi là “nhất

cá lý,” Thích có cái gọi là “nhất thiết pháp”⁽¹⁾ nhất nọ với nhất kia cũng đều là nhất cả. Vì vậy cho nên làm Hoàng Đế, làm Vương Bá, cũng là một Nho ấy; làm thánh thần, làm ma quỷ, cũng là một Thích ấy. Làm Nho hay làm Thích cũng là một Đạo ấy. Đạo ở trong khoảng trời đất, tản ra thì có hàng vạn khía cạnh khác nhau, nhưng thu tóm lại thì không có hai khía.

Chương này đem Nho và Thích đúc lại làm một, đó là chỗ tâm đắc và nhất quán của Đại thiên sư, phát huy nó ra làm một trong 24 thanh, là một áng văn chương cao cả, một pho nghị luận lớn lao, nào phải lấy ống hóp mà nhìn, lấy vỏ hén và đong đực? Phu tử ta nói rằng: “Người đời biết đến ta do sách *Xuân Thu* chẳng, mà buộc tội ta cũng do sách *Xuân Thu* chẳng?”⁽²⁾ Đại thiên sư cũng từng nói: “Nghìn năm sau hẳn có kẻ hỗn Thích với Nho lại làm một mà chê bai ta.” Nhưng người nào biết thì không chê bai, người nào chê bai tức là không biết. Biết mà không chê bai, vậy không chê bai là một cái “vô cùng;” không biết mà chê bai, vậy chê bai cũng lại là một cái “vô cùng” nữa.

Trời được cái “nhất” cho nên trong, đất được cái “nhất” cho nên yên, thánh nhân được cái “nhất” thì thiên hạ hoà bình. Chê bai chẳng? Không chê bai chẳng? Có chê bai hay không chê bai, tóm lại đều ở trong *Tiếng nhất* (Nhất thanh) của Thiên sư ta cả.

[Hải Lượng Đại thiên sư]

Hải Lượng Đại thiên sư nói rằng:

-Nho nói “Hoàng Đế” “Vương Bá;” Phật nói “Thánh Hiền” “ma quỷ,” cũng đều là nhất trí cả thôi!

Nói về cái “đạo” của ba vị Đại bồ tát: Quá Khứ Đại bồ tát, Hiện Tại Đại bồ tát, Vị Lai Đại bồ tát, là chuyên nói về tất cả các thánh chúng là những bậc có lực lượng, có ý nhưng không có tượng, Tam Hoàng tự tu về ý cũng như vậy; nói về bốn vị Đại thiên thần của Phạm Vương, Đế Thích, là chuyên nói về những bậc có tác dụng, có lời mà không có hình, Ngũ Đế tự tu về lời cũng như vậy.

Nói về mười hai Ma Vương, là chuyên nói về những bậc có vận động, Ma Vương cùng các Đại bồ tát, các thiên thần, Phạm Vương, khác nhau về “dụng” mà giống nhau về “thể,” có tượng mà không có phép, Tam Vương tự tu về tượng cũng như vậy; nói về mười lăm loài quỷ, là chuyên nói về những loài có biến hoá, có mệnh trọc, có kiến trọc, có ám trọc⁽³⁾ đều là giải thoát không nổi, có số mà không có lý, Ngũ Bá tự tu về số cũng như vậy.

Phật Thích Ca Mâu Ni thấu tóm cả ba Đại bồ tát, vận dụng bốn Đại thiên thần của Phạm Vương, Đế Thích, chế ngự mười hai Ma Vương, sai khiến mười lăm loài quỷ. Khổng Tử lấy Tam Hoàng là tổ, Ngũ Đế là tông, coi Tam Vương là con, Ngũ Bá là cháu, cũng là như thế. Vì vậy cho nên, nếu không đủ cả tinh lẫn thô, thì không có thể nói đến *Phật* được; không hiểu rõ cả “thể” và “dụng,” thì không thể nói đến *pháp* được; không biết tường tận từ gốc đến ngọn, thì không thể nói đến *tăng* được.

Lớn lao thay đức Phật, đâu phải chỉ nói về thanh âm và sắc tướng? Điều Ngự Giác Hoàng nói rằng: “Người nào tìm ta bằng thanh âm, tìm ta bằng sắc tướng, thì người ấy theo tà đạo, không thể thấy được Như Lai.”

[Thanh chú 1]

Hoà thượng Hải Âm nói:

-Trong tiết này nói rõ: Nho nói “Hoàng Đế, Vương Bá,” Phật nói “Thánh thần, ma quỷ,” đều là nói đến cái thứ bậc có khác nhau. Phật Thích Ca có đủ cái *ting*, cái *thô* của Thánh thần ma quỷ; Khổng Tử có đủ cái *thể* và cái *dụng* của Hoàng Đế, Vương Bá. “Lớn thay đức Phật!” “Lớn” có nghĩa là to lớn như trời, không thể đặt tên, không có một “thanh âm,” hay một “sắc tướng” nào có thể tìm đến được. Cũng như sách Nho nói rằng: Không có “hình khí” hay “phương thể” nào cho người ta có thể tìm đến được. Giác Hoàng nói: “Người nào tìm ta bằng thanh âm, hay tìm ta bằng sắc tướng, thì người đó không thể thấy Như Lai được.” Đó là lời nói dẫn đường vậy.

[Thanh chú 2]

Tăng Hải Hoà nói:

-Thích gia tu hành thành Phật, cũng như Nho gia học mà làm Thánh. Từ khi trời sinh ra người cho đến nay, chưa có ai bằng Khổng Tử, mà trên trời, dưới trời không có ai bằng Phật. “Hoàng Đế, Vương Bá thì Khổng Tử xâu lại làm một chuỗi. Thánh thần, ma quỷ thì Thích Ca thông suốt bằng lục trí.”⁽⁴⁾ Thuyết lý của đạo Nho có vết tích rõ ràng, cho nên nói “Hoàng Đế, Vương Bá” là nói đến sự biến đổi của thời thế.

Thuyết lý của đạo Phật dấu kín trong cái vô hình, cho nên nói “Thánh thần, ma quỷ” là nói cho rõ con đường đi. Như thế là thấu tóm được tam đại bồ tát, tức là sâu suốt từ cổ chí kim; vận dụng Phạm Vương, Đế Thích, tức là đầy khắp trong trời đất.

Chế ngự được mười hai Ma Vương, thì tứ thời và ngũ hành không ở ngoài được; sai khiến mười lăm loài quỷ, thì những loài có mệnh, có hiểu biết, không thể làm trái. Nhỏ thì không lọt mũi kim, to thì bao trùm thế giới. Thấp thì thấp hơn mặt đất, cao thì cao hơn thái hư.⁽⁵⁾ Như thế đâu có thể tìm được thanh âm sắc tướng?

CHÚ THÍCH:

1. Nhất thiết pháp: Từ nhà Phật, chỉ chung hết thấy sự vật sự lý. Sách *Trí độ luận* nói: “Nhất thiết pháp lược thuyết hữu tam chủng, nhất giả hữu vi pháp, nhị giả vô vi pháp, tam giả bất khả thuyết pháp” nghĩa là, hết thấy sự vật sự lý tóm lại có ba loại, một là hữu vi, hai là vô vi, ba là không thể nói được.

2. Nguyên văn: “Hậu thế tri Khâu giả dĩ Xuân Thu, tội Khâu giả diệc dĩ Xuân Thu.” (*Sử ký, Thiên Khổng Tử thế gia*).

Sánh *Mạnh Tử*, thiên *Đề vãn công hạ*: Thị cố Khổng Tử viết: Tri ngã giả kỳ duy Xuân Thu hồ! Tội ngã giả kỳ duy Xuân Thu hồ!

Hai câu tuy dùng từ có khác nhưng ý giống nhau.

3. Phật giáo có ngũ trọc (5 điều không trong sạch) là chính sinh trọc, kiến trọc, phiền não trọc, mệnh trọc và kiếp trọc. ám trọc, chỉ những loài bị vô minh che lấp.

4. Lục trí: Sáu sự hiểu rõ, cũng tức là Lục thông: Thân tức không, thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông, tha tâm thông, túc mệnh thông, lậu tận thông (xem *Câu xá luận*).

5. Thái hư, ở đây có nghĩa là trời.

13. 樞聲

[聲引吳時儼]

心爲萬事之樞紐，能開闢，能收放，故謂之樞。樞者心也。人各有心。聖人有聖人心，衆人有衆人心。聖人之心，同乎人而無我，故能兼善天下。衆人之心，梏於所聞見，故獨善其身。

如老子之“知白守黑，知雄守雌”，則爲沖退自守，私其樞也。莊子之“齊死生，一禍福”，則爲絕聖棄智，壞其樞也。

此豈足以語夫禪之義乎？禪者惟聖人爲能。堯舜存心天下，百姓以堯舜之心爲心。觀世音菩薩，鄰憫眾生，而功德及於一切。是皆公天下之心，公故能禪。堯舜以禪之百王者此心也。觀世音菩薩以禪之諸佛，亦此心也。

心之德至盛，心之量至廣，夫是之謂聖人。

大禪師發明禪字，謂之樞聲，上應十二聲，下接十一聲，而樞居中。夫子曰：“北辰居其所，而眾星拱之”。其斯之謂歟？

[海量大禪師]

海量大禪師言：

梵音甚玄，譯出華音，已不能悉其義。後來門品繁多，僧家各持一說，只一禪字，大都不解。惟堯舜能禪，觀世音菩薩能禪。

堯舜以心德禪百王。觀世音菩薩以心量禪諸佛。諸家各以其心爲心，所言不經者多，經者少。故得其禪門而入者，鳩摩羅什一人。

[聲註一]

海鷗和尚曰：

此一節，後世釋經多不悉經義。既不能悉經義，又安能識佛心？故所言多不經，惟鳩摩羅什，譯維摩詰所能說經，其言皆出於正。故以得門而入與之。

[聲註二]

海和僧曰：

帝者之世，天下爲公，不自私其子孫，而必傳諸賢聖，是以有禪之說。禪也者，遞相傳授之謂也。今後師繼前祖師，曰“禪床”，曰“禪坐”。以床與坐相禪，亦猶帝者之以位相禪耳。豈知禪不以位而以心。觀世音菩薩惟以心量之廣大禪諸佛，諸佛各以其心爲心。偈云：

千江有水千江月，

萬里無雲萬里天。

這方謂之能禪。若徒禪之以位，而無星一之心法以禪之，亦奚取於堯舜？況區區床坐，能不愧人之尊信也哉？

今我一切僧眾，但見靜坐息心，謂之禪定，便訓禪定爲安定，大失禪字之義。自大禪師發明之後，方知禪定者，以心之靜定相傳。近見覽山大悲寺旁，有授受庵，列諸代祖師像。雖不知授受之心爲何如，然所以相授受者，其禪之謂歟？

PHIÊN ÂM:

XU THANH

[Thanh dẫn Ngô Thì Hoàng]

Tâm vi vạn sự chi xu nữu, năng khai hạp, năng thu phóng, cố vị chi xu. Xu giả tâm dã. Nhân các hữu tâm. Thánh nhân hữu thánh nhân tâm, chúng nhân hữu chúng nhân tâm. Thánh nhân chi tâm, đồng hồ nhân nhi vô ngã, cố năng kiêm thiện thiên hạ. Chúng nhân chi tâm, cố ư sở văn kiến, cố độc thiện kỳ thân.

Như Lão Tử chi “tri bạch thủ hắc, tri hùng thủ thụ,” tắc vi trùng thoái tự thủ, tư kỳ xu dã. Trang Tử chi “tề tử sinh, nhất họa phúc,” tắc vi tuyệt thánh khí trí, hoại kỳ xu dã.

Thử khởi túc dĩ ngữ phu thiên chi nghĩa hồ? Thiên giả duy thánh nhân vi năng. Nghiêu Thuấn tôn tâm thiên hạ, bách tính dĩ Nghiêu Thuấn chi tâm vi tâm. Quan Thế Âm bồ tát, lân mẫn chúng sinh, nhi công đức cập ư nhất thiết. Thị giai công thiên hạ chi tâm, công cố năng thiên. Nghiêu Thuấn dĩ thiên chi bách vương giả, thử tâm dã. Quan thế Âm Bồ Tát dĩ thiên chi chư Phật, diệt thử tâm dã.

Tâm chi đức chí thịnh. tâm chi lượng chí quảng, chí thành chí quảng, phu thị chi vị thánh nhân.

Đại thiên sư phát minh thiên tự, vị chi xu thanh, thượng ứng thập nhị thanh, hạ tiếp thập nhất thanh, nhi xu cư trung. Phu tử viết: “Bắc thần cư kỳ sở, nhi chúng tinh cùng chi.” Kỳ tư chi vị dư?

[Hải Lượng Đại thiên sư]

Hải Lượng Đại thiên sư ngôn:

-Phạn âm thậm huyền, dịch xuất Hoa âm, dĩ bất năng tất kỳ nghĩa. Hậu lai môn phẩm phân đa, tăng gia các trì nhất thuyết, chỉ nhất thiên tự, đại đồ bất giải. Duy Nghiêu Thuấn năng thiên, Quan Thế Âm bồ tát năng thiên.

Nghiêu Thuấn dĩ tâm đức thiên Bách Vương. Quan Thế Âm bồ tát dĩ tâm lượng thiên chư Phật. Chư gia các dĩ kỳ tâm vi tâm, sở ngôn bất kinh giả đa, kinh giả thiểu. Cố đắc kỳ thiên môn nhi nhập giả, Cửu ma la thập nhất nhân.

[Thanh chú nhất]

Hải Âu Hoà thượng viết:

-Thử nhất tiết hậu thế Thích kinh đa bất tất kinh nghĩa. Kỳ bất năng tất kinh nghĩa, hựu an năng thức Phật tâm? Cố sở ngôn đa bất kinh, duy Cửu ma la thập, dịch Duy ma cật sở năng thuyết kinh, kỳ ngôn giai xuất ư chính. Cố dĩ đắc môn nhi nhập dữ chi.

[Thanh chú nhị]

Hải Hoà tăng viết:

-Đế giả chi thế, thiên hạ vi công, bất tự tư kỳ tử tôn, nhi tất truyền chư hiền thánh, thị dĩ hữu thiên chi thuyết. Thiên dã giả, đệ tương truyền thụ chi vị dã. Kim hậu sư kế tiền tổ sư, viết “thiên sàng,” viết “thiên tọa.” Dĩ sàng dữ tọa tương thiên, diệc do đế giả chi dĩ vị tương thiên nhĩ. Khởi tri thiên bất dĩ vị nhi dĩ tâm. Quan Thế Âm bồ tát duy dĩ tâm lượng chi quảng đại thiên chư Phật, chư Phật các dĩ kỳ tâm vi tâm. Kệ vân:

Thiên giang hữu thủy thiên giang nguyệt,

Vạn lý vô vân vạn lý thiên.

Giá phương vị chi năng thiền. Nhược tử thiền chi dĩ vị, nhi vô tình nhất chi tâm pháp dĩ thiền chi, diệc hề thủ ư Nghiêu Thuấn? Huống khu khu sàng tọa, năng bất quý nhân chi tôn tín dã tai?

Kim ngã nhất thiết tăng chúng, dân kiến tinh tọa tức tâm, vị chi thiền định, tiện huấn thiền định, vi an định, đại thất thiền tự chi nghĩa. Tự Đại thiền sư phát minh chi hậu, phương tri thiền định giả, dĩ tâm chi tinh định tương truyền. Cận kiến Lâm Sơn Đại Bi tự bang, hữu Thụ thụ am, liệt chư đại tổ sư tượng. Tuy bất tri thụ thụ chi tâm vi hà như, nhiên sở dĩ tương thụ thụ giả, kỳ thiền chi vị dư?

DỊCH NGHĨA:

TIẾNG CHỐT (XU THANH)

[Thanh dẫn Ngô Thì Hoàng]

Tâm là then chốt của muôn sự, có khép có mở, có thu lại, có buông ra, cho nên gọi là cái “chốt” (xu). Vậy thì “chốt” tức là tâm vậy. Mà người ta ai cũng đều có tâm: Thánh nhân có tâm của thánh nhân, chúng nhân có tâm của chúng nhân. Cái tâm của thánh nhân cũng giống như cái tâm của mọi người, nhưng là cái tâm “vô ngã” (không cho riêng mình), cho nên có thể làm điều thiện cho thiên hạ (kiêm thiện thiên hạ). Còn cái tâm của chúng nhân, gò bó trong điều tai nghe mắt thấy, cho nên chỉ làm điều thiện riêng một mình (độc thiện kỳ thân).

Như lời “Phải biết cái trắng, để giữ cái đen; phải biết con trống, để giữ con mái”⁽¹⁾ của Lão Tử, tức thì phải thoái lui tự giữ gìn, biến cái “chốt” thành của riêng. Như lời “Tử sinh như nhau, hoạ phúc là một”⁽²⁾ của Trang Tử, tức thì phải đoạn tuyệt cái thánh trí,⁽³⁾ huỷ bỏ cái “chốt” vậy.

Như thế sao đủ để nói lên ý nghĩa của chữ “thiện” 禪 được? Thiện, thì chỉ có thánh nhân mới làm được. Nghiêu Thuấn có lòng với thiên hạ,

thì trăm họ coi tấm lòng của Nghiêu Thuấn là tấm lòng của mình. Quan Thế Âm bồ tát thương xót chúng sinh, công đức đến với tất cả. Đó là chung một tấm lòng với thiên hạ, vì chung một tấm lòng cho nên có thể “thiện” được. Cái mà Nghiêu Thuấn “thiện” cho bách vương, là cái tâm (tấm lòng) ấy. Cái mà Quan Thế Âm bồ tát “thiện”⁽⁴⁾ cho chư Phật, cũng là cái tâm ấy.

Cái đức của tâm là rất thịnh, cái lượng của tâm là rất rộng, rất thịnh rất rộng, mới gọi được là thánh nhân.

Đại thiên sư phát minh chữ “thiện” gọi là “Tiếng chốt” (Xu thanh), trên thì ứng với mười hai thanh, dưới thì tiếp với mười một mà thành cái chốt ở giữa. Phu Tử nói rằng: “Sao Bắc Thần cứ ở tại chỗ của mình, mà các sao đều châu về.”⁽⁵⁾ Phải chăng là nói về điều này?

[Hải Lượng Đại thiên sư]

Hải Lượng Đại thiên sư nói:

-Tiếng Phạn rất huyền diệu, khi dịch ra tiếng Hán thì không thể nói hết nghĩa được. Về sau chia tách ra rất là nhiều môn phái phiền phức, mỗi nhóm tăng đồ có một chủ trương riêng, nhưng chỉ một chữ 禪 (thiền) đều không lý giải được. Duy chỉ có Nghiêu Thuấn mới 禪 (thiện) được, Quan Thế Âm bồ tát mới 禪 (thiền) được.

Nghiêu Thuấn 禪 (thiện) cho Bách vương bằng tâm đức, Quan Thế Âm 禪 (thiền) cho chư Phật bằng tâm lượng. Các nhà ai nấy đều coi cái tâm của mình mới chính là tâm, những điều họ nói ra không đúng thì nhiều, đúng thì ít. Cho nên đi vào đúng của Thiền, chỉ có một mình Cưu ma la thập.⁽⁶⁾

[Thanh chú 1]

Hoà thượng Hải Âu nói:

-Tiết này, nói về việc người đời sau **giải thích Kinh Phật** phần nhiều không rõ hết ý nghĩa của *Kinh*. Đã không rõ hết ý nghĩa của *Kinh*, thì làm sao biết được cái tâm của Phật? Cho nên nói ra nhiều chỗ không đúng, chỉ có Cưu ma la thập dịch *Kinh Duy ma cật* là nói cái gì cũng đúng. Vì vậy, Đại thiện sư cho là “đi vào đúng của Thiên.”

[Thanh chú 2]

Tăng Hải Hoà nói:

Vào thời Nghiêu, Thuấn, ngôi vua là của chung, không tự giành riêng cho con cháu của mình, tất truyền cho bậc thánh hiền, vì vậy cho nên mới có cái thuyết về chữ 禪 “thiện.” Chữ “thiện,” có nghĩa là lần lượt truyền cho nhau. Về sau, vị sư nổi nghiệp tổ sư thì gọi là “thiện sàng” “thiện toạ.” Lấy sàng (giường) và toạ (chỗ ngồi) mà truyền cho nhau, thì có khác nào Nghiêu Thuấn lấy ngôi vua mà truyền cho nhau đấy thôi! Có biết đâu (thiền, truyền thụ) không phải là truyền lại cái ngôi vua, mà là truyền lại cái tâm. Quan Thế Âm bồ tát chỉ truyền cho chư Phật bằng cái tâm lượng quảng đại, chư Phật đều coi cái tâm đó mới chính là cái tâm. Kệ rằng:

Ngàn sông có nước, ngàn sông trắng dải,

Muôn dặm không mây, muôn dặm trời quang.⁽⁷⁾

Như thế mới có thể gọi là truyền thụ. Nếu chỉ lấy ngôi để truyền mà không có tâm pháp tinh tường để truyền cho nhau, thì sao thấy được cái tâm của Nghiêu Thuấn? Huống chi, cứ khư khư với cái giường và chỗ ngồi, thì không đáng hổ thẹn với sự tôn kính của người đời hay sao?

Ngày nay, tất cả chúng tăng của ta, hễ thấy “tĩnh toạ” (ngôi yên), “túc tâm” (tâm yên định), thì bảo là “thiền định,” rồi truyền dạy cho nhau

rằng “thiền định” là “an định,” như thế là làm mất hẳn cái ý nghĩa của chữ “thiền.” Chỉ từ sau khi Đại thiên sư phát minh ra, mới biết “thiền định” là truyền thụ cho nhau cái tâm tĩnh định. Gần đây, tôi thấy ở bên chùa Đại Bi trên núi Lãm Sơn có cái am “Thụ thụ” (trao nhận) bày tượng các đời tổ sư. Như thế, tuy chưa biết cái tâm thụ thụ là thế nào, nhưng cái mà họ thụ thụ (trao nhận) với nhau, có lẽ gọi là cái “thiền” đó chăng?

CHÚ THÍCH:

1. Biết cái trắng, giữ cái đen; biết con trống giữ con mái: Nguyên văn “Tri kỳ hùng thủ kỳ thư... tri kỳ bạch, thủ kỳ hắc” không phải lời của Lão Tử mà của người sau thêm vào *Đạo đức kinh* của ông, chương 28.

2. Tử sinh như nhau, họa phúc là một: Nguyên văn trong bài: “Tê tử sinh, nhất họa phúc” (*Trang tử*, thiên *Tê vật luận*).

3. Thánh trí: Nguyên văn trong bài “Tuyệt thánh khí trí” (*Lão Tử*, *Đạo đức kinh*, chương 19).

4. Chữ “Thiền” và chữ “Thiên” cùng một dạng chữ (禪), nhưng chữ Thiền (nghĩa là truyền ngôi) là chữ Hán, còn chữ Thiên là dịch âm chữ Phạn Dhyana (nghĩa là tập trung tư tưởng).

5. Nguyên văn: “Tử viết: Vi chính dĩ đức, thí như Bắc Thần sư kỳ sở nhi chúng tình cũng chí” (*Luận ngữ*, thiên *Vi chính*).

6. Cưu ma la thập: (Kumarajiva) cao tăng đời Tấn ở Trung Quốc, nguyên người Ấn Độ. Đã từng dịch hơn ba trăm quyển kinh như *Kinh Kim cương*, *Kinh Pháp hoa*, *Kinh Duy ma*...

7. Câu này trích trong *Chu Hy toàn thư*, Q. I. Ý muốn dùng hình ảnh mặt trăng và trời để chứng minh cho quan niệm “một tức là nhiều và nhiều tức là một” (nhất đa tương dung).

14.表裏聲

[聲引吳時儼]

鼓鍾于宮，聲聞于外。“鶴鳴在陰，其子和之”，
表裏聲也。

聲有表裏，其實則一。故儒有是教，釋亦有是
教。二者並行而不相悖。

學者須表裏洞達，以之學儒，就格致實正，
從事而不局於詞章。以之學釋，由定慧解脫入玄，
而不偏於齋醮。如是則去道不遠。語不云乎：“吾
道一以貫之”。

[海量大禪師]

海量大禪師言：

佛演楞伽，易之玄虛也。道理要約
在楞伽。楞伽說性甚分曉。大抵佛家好
用音影文字，非曉了人，便曉不得，纔
曉得便是曉了。

又言：

儒家詞章之學，釋家齋醮之學，是攻乎異端也。佛聖道理之端，何曾有異。然詞章齋醮，儒釋之粗。非始於粗，則道理之精，無自而入。

古者人稟純粹，學儒學釋，皆先理而後事，後世但先事而後理。詞章齋醮者，事也，學者捨理而從事，則其害不可勝言。

[聲註一]

海鷗和尚曰：

此一節，以佛家立教，與儒家六經相表裏。佛教之要約在楞伽，儒教之精微在易。

易象多寓言，佛經多暗影文字，非曉人便曉不得。然其中一箇至道，可以意會，不可以言傳。玄而甚

明，微而甚著。纔曉得便是曉了。故曰：“南海觀音，只在眼前，放下屠刀，立地成佛”。

[聲註二]

海和僧曰：

我佛爲教，但貴自得於己，不要人知。故所用文字，多從玄虛說過，須高明者自悟。非是欲人難知，實不欲使人知也。

古人之學，但從心性上理會，惟是意必達於文，道必形於事。儒之有詞章，釋之有齋醮，皆理之粗者也。學者由粗而入精，因詞章而求其義，做到精熟，方可與語格致實正之功。因齋醮而存其誠，漸見光明，方可與入超覺頓悟之境。若局於詞章齋醮而已焉，斯害道。

PHIÊN ÂM:

BIỂU LÝ THANH

[Thanh dân Ngô Thì Hoàng]

Cổ chung vu cung, thanh văn vu ngoại. “Hạc minh tại âm, kỳ tử họa chi,” biểu lý thanh dã.

Thanh hữu biểu lý, kỳ thực tắc nhất. Cố Nho hữu thị giáo, Thích diệc hữu thị giáo. Nhị giả tịnh hành nhi bất tương bội.

Học giả tu biểu lý động đạt, dĩ chi học nho, tựu cách trí thực, chính tông sự nhi bất cục ư từ chương. Dĩ chi học Thích, do định tuệ giải thoát nhập huyền, nhi bất thiên ư trai tiểu, như thị tắc khứ đạo bất viễn, ngã bất vân hồ: “Ngô đạo nhất dĩ quán chi.”

[Hải Lượng Đại thiên sư]

Hải Lượng Đại thiên sư ngôn:

-Phật diễn Lăng già, dị chi huyền hư dã. Đạo lý yếu ước tại Lăng già. Lăng già thuyết tính thậm phân hiệu, đại để Phật gia hảo dụng ám ảnh văn tư, phi hiệu liễu nhân, tiện hiệu bất đắc, tài hiệu đắc tiện thị hiệu liễu.

Hựu ngôn:

-Nho gia từ chương chi học, Thích gia trai tiêu chi học, thị công hồ dị đoan dã. Phật thánh đạo lý chi đoan, hà tăng hữu dị. Nhiên từ chương trai tiểu, Nho Thích chi thô. Phi thủy ư thô, tắc đạo lý chi tịnh, vô tự nhi nhập.

Cổ giả nhân bảm thuần túy, học Nho học Thích, giai tiên lý nhi hậu sự, hậu thế dĩ tiên sự nhi hậu lý. Từ chương trai tiểu giả sự dã, học giả xả lý nhi tông sự, tắc kỳ hại bất khả thắng ngôn.

[Thanh chú nhất]

Hải Âu Hòa thượng viết:

-Thử nhất tiết, dĩ Phật gia lập giáo, dĩ Nho gia lục kinh tương biểu lý. Phật giáo chi yếu ước tại Lăng già, Nho giáo chi tinh vi tại Dịch.

Dịch tượng đa ngụ ngôn, Phật kinh đa ám ảnh văn tự, phi hiểu nhân tiện hiểu bất đắc. Nhiên kỳ trung nhất cá chí đạo, khả dĩ ý hội, bất khả dĩ ngôn truyền. Huyền nhi thậm minh, vi nhi thậm trứ. Tài hiểu đắc tiện thị hiểu liễu. Cố viết: Nam Hải Quan Âm, chỉ tại nhân tiên, phóng hạ đồ đao, lập địa thành Phật.

[Thanh chú nhị]

Hải Hoà tăng viết:

-Ngã Phật vi giáo, dẫn quý tự đắc ư kỷ, bất yếu nhân tri. Cố sở dụng văn tự, đa tòng huyền hư thuyết quá, tu cao minh giả tự ngộ. Phi thị dục nhân nan tri, thực bất dục sử nhân tri dã.

Cổ nhân chi học, dẫn tòng tâm tính thượng lý hội. Duy thị ý tất đạt ư văn, đạo tất hình ư sự. Nho chi hữu từ chương, Thích chi hữu trai tiểu, giai lý chi thô giả dã. Học giả do thô nhi nhập tinh. Nhận từ chương nhi cầu kỳ nghĩa, tổ đạo tinh thực, phương khả dĩ ngã cách trí thực chính chi công. Nhân trai tiểu nhi tôn kỳ thành, tiệm kiến quang minh, phương khả dĩ nhập siêu giác đón ngộ chi cảnh. Nhược cục ư từ chương trai tiểu nhi dĩ yên, tư hại đạo.

DỊCH NGHĨA:

TIẾNG NGOÀI TRONG (BIỂU LÝ THANH)

[Thanh dẫn Ngô Thì Hoàng]

“Chuông đánh trong cung, tiếng vang ra ngoài,” “Hạc kêu trong bóng đêm, con nó hoạ lại,” đó là “Tiếng ngoài trong” (Biểu lý thanh) vậy.

Tiếng có ngoài có trong, thực ra chỉ là một. Cho nên Nho có cái giáo ý ấy, Thích cũng có cái giáo lý ấy. Hai cái đó đi đôi với nhau mà không trái ngược nhau.

Học giả phải thấu suốt từ *ngoài* (biểu) vào *trong* (lý), để mà học Nho thì phải theo đuổi việc “Cách trí thực chính,”⁽¹⁾ không câu nệ vào từ chương; để mà học Phật thì phải từ “Định tuệ giải thoát” mà vào nơi huyền diệu, không thiên về chay cúng. Nếu được như thế thì cách đạo không xa. Sách *Luận ngữ* chẳng đã nói: “Đạo ta xâu lại làm một chuỗi”⁽²⁾ là gì?

[Hải Lượng Đại thiên sư]

Hải Lượng Đại thiên sư nói:

-Phật diễn giải *Kinh Lăng già*, cũng tức là cái sâu kín hư ảo của *Kinh Dịch* vậy. Lý lẽ được thấu tóm lại ở *Kinh Lăng già*. *Lăng già* thuyết lý về “tính” rất rõ ràng. Đại để Phật gia thích dùng chữ nghĩa có âm thanh và hình ảnh, khiến cho người không hiểu lại càng không hiểu được, mà đã hiểu được thì hiểu thấu đáo hơn.

Lại nói: Nho gia học theo lối từ chương, Thích gia học theo kiểu chay cúng, đó là chạy theo lối dị đoan vậy. Cái “đoan” (hệ thống) trong lý lẽ của Phật Thánh, nào có “dị” (khác) với nhau bao giờ đâu. Nhưng từ chương hay chay cúng đều là cái “thô” của Nho và Thích. Nếu không bắt đầu từ cái “thô” thì lý lẽ về cái “tinh” người ta không tự thâm nhập được.

Đời xưa, người ta bầm sinh thuần túy, vô luận học Nho, học Phật đều là lý trước mà sự sau; đời sau thì lại sự trước mà lý sau. Từ chương, chạy cúng là thuộc về sự, học giả bỏ lý mà chạy theo sự thì cái hại không kể xiết.

[Thanh chú 1]

Hoà thượng Hải Âu nói:

-Tiết này, dùng giáo huấn đã lập của Phật gia, cùng với Lục kinh⁽⁴⁾ của Nho gia làm “trong ngoài” cho nhau. Cái cốt lõi của Phật giáo là ở *Kinh Lăng già*, cái tinh vi của Nho giáo là ở *Kinh Dịch*.

Trong lời tượng của *Kinh Dịch* phần nhiều là ngụ ngôn, còn chữ nghĩa trong *Kinh Phật* phần lớn dùng hình ảnh ám chỉ, khiến cho người không hiểu càng không hiểu được. Nhưng trong đó có cái “chí đạo” có thể hiểu được ý, không cần phải truyền lại bằng lời. Sâu kín nhưng rất rõ ràng, nhỏ bé nhưng lộ ra rất rõ, hiểu được là hiểu ngay. Cho nên nói: “Quan Âm Nam Hải chỉ ở ngay trước mắt, vút dao đồ tể xuống là thành Phật.”⁽⁵⁾

[Thanh chú 2]

Tăng Hải Hoà nói:

-Đức Phật ta dạy người, quý ở chỗ chỉ một mình tâm đắc, không cần người khác biết đến. Cho nên chữ nghĩa mà Phật gia dùng, phần nhiều có ý sâu kín huyền ảo, cần người có kiến thức cao minh mới hiểu được. Như thế không phải là muốn làm cho người ta khó hiểu, mà thật ra là không muốn cho người ta hiểu.

Cái học của người đời xưa chỉ cốt lý giải được chữ “tâm” và chữ “tính.” Chỉ là ý phải truyền đạt ra bằng lời văn, đạo phải hình dung ra bằng sự vật. Cái từ chương của Nho, cái chạy cúng của Phật, đều là cái

“thô” của “lý” vậy. Học giả đi từ cái “thô” vào cái “tinh,” nhân từ chương mà tìm nghĩa lý của nó, cứ thế mà làm cho đến chỗ tinh thực, mới có thể cùng nói đến cái công dụng “cách trí thực chính” được. Nhân chay cúng mà gìn giữ lòng thành, dần dần được ánh sáng, mới có thể cùng nói đến việc đi vào cảnh “siêu giác đốn ngộ.” Nếu bó hẹp trong từ chương chay cúng mà thôi, tức là làm hại Đạo vậy!

CHÚ THÍCH:

1.Cách trí thực chính: Phương pháp tu thân học đạo từ thấp đến cao của Nho giáo, gồm cách vật, trí tri, thành ý, chính tâm, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ (xem *Đại học*).

2.Đạo ta xâu lại làm một: Nguyên văn “Ngô đạo nhất dĩ quán chi” (*Luận ngữ*, thiên *Lý nhân*).

3.Lục kinh: Gồm có *Thi, Thư, Lễ, Nhạc, Dịch, Xuân Thu*. Đời Tống có người còn cho Lục kinh là *Dịch, Thi, Thư, Xuân Thu, Lễ, Chu Lễ* (Xem *Lục kinh thiên văn biên* của Vương Ứng Lâm).

4.Một quan niệm của Phật giáo Thiên tông cho rằng ai cũng có thể thành Phật ngay trước mắt.

15.行聲

[聲引 吳時儻]

行者行其道也。主宰三才，維持萬化。誰能出而不由戶者。聖人之道，蘊之爲道德，行之爲事業。其

隱如重山疊障，望之而不得見。其顯如一條大路，人皆得而由之。

小智慧者，得其顯而運行，是治國者也。大力量者，見其隱而主張，是持國者也。佛說隱顯如一，故通謂之行聲。

[海量大禪師]

海量大禪師言：

佛貴持國，不貴治國。大抵國能持，便不須治而自治。然非大力量如釋伽牟尼佛，卻持不得，還須把治治去。

故孔子以堯、舜、禹、湯、文、武爲首功，至其要處，乃曰：“四時行焉，百物生焉，天何言哉”。曰：“老者安之，少者懷之”，釋氏云：“無所從來，亦無所去，故名如來”，此之謂也。

[聲註一]

海鷗和尚曰：

漸民以仁，摩民以義，使民遷善而不自知，所謂持國也。道之以政，齊之以刑，使民畏法而不敢犯，所謂治國也。治者治其外，不治則亂，伯世之政也。持者得其把柄，使民自然向善，不見其從違，帝者之功也。故曰：“佛教貴持國，不貴治國”。

所謂能持國者，不言而信，不化而動，無爲而成。故不見其作爲之跡，而自有無數運量開闢，存於不信不化無爲之中。自非大力量如釋伽牟尼佛，都了不得此。無大力量而效其爲，則差之毫釐，謬之千里，流蕩廢弛之弊，有不可勝言者，不若把治治去。

大禪師此言，使近者易知，卑者易見，常行之道也。孔子以堯、舜、禹、湯、文、武爲首功，至其要處，乃曰：“四時行焉，百物生焉，天何言哉”。曰：“老者安之，少者懷之”，天無言而四時自行百物自生，此所以爲天道也。人情莫不欲安，老者安少者懷，順而已矣。此帝王之道也。

釋氏曰：“無所從來，亦無所去，故名如來”，言如來不見其去來之所。

書曰：“爲治無跡”，擊壤歌曰：“不識不知，順帝之則，即是此意，皆持國之效”。

[聲註二]

海和僧曰：

孔子曰：“四時行焉，百物生焉，天何言哉”。釋是云：“無所從來，亦無所去，故名如來”。與老氏所謂：“清淨而民自定”三教一源。

其持國之要，總已無爲無本。已無爲爲之，國何須治？三皇之持中國，貉龍君之持我國，皆是道也。自堯舜以下，不免把治治去。三教之祖，同時而生，皆欲挽回葛天無懷之風。惟釋迦行於四方，卒使淨飯成佛國。

孔子老君，立言著論，但爲天下後世之持國者作指南。無奈慕之者多，而知之者少，悟知者尤少，而行之者絕無。三皇之民，終不復見。是豈南瞻部州，與天竺國之風會異，故淳澆質喪，欲持之而不能歟？

PHIÊN ÂM:

HÀNH THANH

[Thanh dẫn Ngô Thì Hoàng]

Hành giả hành kỳ đạo dã. Chủ tế tam tài, duy trì vạn hóa. Thùy năng xuất nhi bất do hộ giả. Thánh nhân chi đạo, uẩn chi vi đạo đức, hành chi vi sự nghiệp. Kỳ ẩn như trùng sơn điệp chương, vọng chi nhi bất đắc kiến. Kỳ hiển như nhất điều đại lộ, nhân giai đắc nhi do chi.

Tiểu trí tuệ giả, đắc kỳ hiển nhi vận hành, thị trì quốc giả dã. Đại lực lượng giả, kiên kỳ ẩn nhi chủ trương, thị trì quốc giả dã. Phật thuyết ẩn hiển như nhất, cố thông vị chi Hành thanh.

[Hải Lượng Đại thiên sư]

Hải Lượng Đại thiên sư ngôn:

-Phật quý trì quốc, bất quý trị quốc, đại để quốc năng trì, tiện bất tu trị nhi tự trị. Nhiên phi đại lực lượng như Thích Ca Mâu Ni Phật khuốc trì bất đắc, hoàn tu bả trị trị khứ.

Cố Không Tử dĩ Nghiêu Thuấn Vũ Thang Văn Vũ vi thủ công, chí kỳ yếu xứ, nãi viết: “Tứ thời hành yên, bách vật sinh yên, thiên hà ngôn tai.” Viết: “Lão giả an chi, thiếu giả hoài chi,” Thích thị vân: “Vô sở tòng lai, diệc vô sở khứ, cố danh Như Lai.” thử chi vị dã.

[Thanh chú nhất]

Hải Âu Hòa thượng viết:

-Tiệm dân dĩ nhân, ma dân dĩ nghĩa, sử dân thiên thiện nhi bất tự tri, sở vị tri quốc dã. Đạo chi dĩ chính, tề chi dĩ hình, sử dân uý pháp nhi bất cảm phạm, sở vị tri quốc dã. Trị giả trị kỳ ngoại, bất trị tắc loạn, bá thế chi chính dã. Trị giả đắc kỳ bả bính, sử dân tự nhiên hưởng thiện, bất kiến kỳ tòng vi, để giả chi công dã. Cố viết: “Phật giáo quý tri quốc, bất quý trị quốc.”

Sở vị năng tri quốc giả, bất ngôn nhi tín, bất hoá nhi động, vô vi nhi thành. Cố bất kiến kỳ tác vi chi tích, nhi tự hữu vô số vận lượng khai hạp, tồn ư bất tín bất hoá vô vi chi trung. Tự phi đại lực lượng như Thích Ca Mâu Ni Phật, đồ liễu bất đắc thủ. Vô đại lực lượng nhi hiệu kỳ vi, tắc sai chi hào ly, mâu chi thiên lý, lưu đăng phế tri chi tề, hữu bất khả thắng ngôn giả, bất nhược bả trị trị khứ.

Đại thiên sư thử ngôn, sử cận giả dị tri, ti giả dị kiến, thường hành chi đạo dã. Khổng Tử dĩ Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Văn, Vũ vi thủ công, chí kỳ yếu xứ, nãi viết: “Tứ thời hành yên, bách vật sinh yên, thiên hà ngôn tai.” Viết: “Lão giả an chi, thiếu giả hoài chi,” thiên vô ngôn nhi tứ thời tự hành bách vật tự sinh, thử sở dĩ vi thiên đạo dã. Nhân tình mạc bất dục an, lão giả an thiếu giả hoài, thuận nhi dĩ hỹ, thử để vương chi đạo dã.

Thích thị viết: “Vô sở tòng lai, diệt vô sở khứ, cố danh Như Lai,” ngôn Như Lai bất kiến kỳ khứ lai chi sở.

Thư viết: “Vi trị vô tích,” kích nhượng ca viết: “Bất thức bất tri, thuận để chi tắc, tức thị thử ý, giai tri quốc chi hiệu.”

[Thanh chú nhị]

Hải Hoà tặng viết:

-Khổng Tử viết: “Tứ thời hành yên, bách vật sinh yên, thiên hà ngôn tai.” Thích thị vân: “Vô sở tòng lai, diệc vô sở khứ, cố danh Như Lai.” Dữ Lão thị sở vị: “Thanh tịnh nhi dân tự định.” Tam giáo nhất nguyên.

Kỳ trì quốc chi yếu, tổng dĩ vô vi vi bản. Dĩ vô vi vi chi, quốc hà tu trị? Tam Hoàng chi trì Trung Quốc, Lạc Long Quân chi trì ngã quốc, giai thị đạo dã. Tự Nghiêu Thuấn dĩ hạ, bất miễn bả trị trị khứ. Tam giáo chi tổ, đồng thời nhi sinh, giai dục văn hồi Cát Thiên Vô Hoài chi phong, duy Thích Ca hành ư tứ phương, tốt sử Tịnh phạn thành Phật quốc.

Khổng Tử Lão Quân, lập ngôn trước luận, dẫn vi thiên hạ hậu thế chi trì quốc giả tác chỉ nam. Vô nại mộ chi giả đa, nhi tri chi giả thiếu, ngộ chi giả vưu thiếu, nhi hành chi giả tuyệt vô. Tam Hoàng chi dân, chung bất phục kiến. Thị khởi Nam Thiệm Bộ Châu, dữ Thiên Trúc quốc chi phong hội dị, cố thuần kiều chất tang, dục trì chi nhi bất năng dư?

DỊCH NGHĨA:

TIẾNG HÀNH (HÀNH THANH)

[Thanh dẫn Ngô Thì Hoàng]

Hành có nghĩa là hành đạo. Đạo là chủ thể của tam tài,⁽¹⁾ duy trì được vạn hoá.⁽²⁾ Ai đi ra mà không phải qua cửa. Đạo của thánh nhân, cất chứa là đạo đức, thi hành là sự nghiệp. Khi nó ẩn thì như núi non trùng điệp, trông vào mà không thấy được. Khi nó hiện, thì như một con đường rộng lớn, người ta ai cũng đi được.

Người có trí tuệ nhỏ, nắm được cái “hiển” mà vận hành, đó là việc điều hành đất nước (trị quốc) vậy. Người có đại lực lượng, thấy cái “ẩn” mà

chủ trương, đó việc nắm giữ đất nước (trì quốc) vậy.⁽²⁾ Phật nói “ẩn” và “hiển” ấy chỉ là một, cho nên gọi chung là “Tiếng hành” (Hành thanh).

[Hải Lượng Đại thiên sư]

Hải Lượng Đại thiên sư nói rằng:

-Phật quý trọng việc nắm giữ (trì quốc) đất nước, chứ không quý trọng việc điều hành (trị quốc) đất nước. Đại để, nếu biết nắm giữ đất nước, thì không cần phải điều hành mà tự nó khắc điều hành. Nhưng nếu không phải là đại lực lượng như Phật Thích Ca Mâu Ni thì không nắm giữ nổi nước, mà cần phải điều hành thì nước mới được bình trị.

Vì vậy cho nên, Không Tử mới cho Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Văn, Vũ⁽⁴⁾ lập công đầu, đến chỗ thiết yếu nhất bèn nói: “Bốn mùa vận hành, bách vật sinh sôi, trời có nói gì đâu.”⁽⁵⁾ Lại nói: “Người già được yên, trẻ thơ được bế ẵm.”⁽⁶⁾ Còn họ Thích thì nói: “Không biết từ đâu đến, cũng không biết đi về đâu,⁽⁷⁾ cho nên gọi là Như Lai,” là nói về việc ấy.

[Thanh chú 1]

Hoà thượng Hải Âu nói:

-Làm cho dân dần đến với điều nhân, cọ sát với điều nghĩa, khiến dân trở thành lương thiện mà không tự biết, như thế gọi là “nắm giữ đất nước” (trì quốc). Dạy bảo bằng chính sự, nhất tề bằng hình phạt, khiến dân sợ luật pháp mà không dám phạm, như thế gọi là “điều hành đất nước” (trị quốc). Điều hành (trị) chỉ là điều hành cái bên ngoài,

không điều hành thì loạn, đó là cái điều hành của bậc bá đạo. Nắm giữ (trì) đất nước là nắm giữ cái cán, làm cho dân tự nhiên hướng thiện, không làm điều gì trái phép, đó là cái công lao của bậc đế giả. Cho nên bảo rằng Phật giáo quý việc “nắm đất giữ nước” chứ không quý việc “điều hành đất nước.”

Cái gọi là “nắm giữ đất nước” là không cần nói mà tin, không cần giáo hoá mà tác động, không cần làm mà thành công. Cho nên, không thấy dấu vết của nó ở đâu, mà tự nó có vô số vận lượng khép mở, đọng lại trong “không nói” “không giáo hoá” “không làm.” Nếu mình không có đại lực lượng như Phật Thích Ca Mâu Ni thì không đạt được điều đó. Không có đại lực lượng mà lại muốn làm theo, thì sai một ly đi ngàn dặm, đưa đến tình trạng bừa bãi, bỏ dở, không thể nói hết được. Như thế chẳng bằng điều hành đất nước để nước được bình trị.

Lời dạy này của Đại thiên sư khiến cho người thiện cận dễ biết, người thấp kém dễ thấy, đó là cái đạo thường được thi hành vậy. Không Tử cho Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Văn, Vũ lập công đầu, đến chỗ thiết yếu nhất, bèn nói: “Bốn mùa vận hành, trăm loài sinh trưởng, trời có nói gì đâu.” Lại nói: “Người già được yên, trẻ thơ được bế ẵm.” Có nghĩa là: Trời không nói mà bốn mùa vẫn tự vận hành, trăm loài vẫn tự sinh sôi, đó chính là đạo trời vậy. Tình người không có ai là không muốn yên ổn, như người già được yên, trẻ con được bế ẵm, đều là thuận chiều cả. Đó là cái đạo của đế vương vậy.

Họ Thích nói: “Không biết từ đâu đến, cũng không biết đi về đâu, cho nên gọi là Như Lai,” là nói người ta không thấy chỗ đi, chỗ đến của Như Lai.

Kinh Thư nói: “Trị dân không có dấu vết.”⁽⁸⁾ Còn bài ca *Kích nhượng*⁽⁹⁾ thì nói: “Chẳng biết chẳng hay, thuận theo phép trời” đều là một ý ấy và đều là cái kết quả của việc “điều hành đất nước” vậy.

[Thanh chú 2]

Tăng Hải Hoà nói:

-Khổng Tử dạy: “Bốn mùa theo nhau, trăm loài sinh trưởng, trời có nói gì đâu.” Họ Thích nói: “Không biết từ đâu đến, cũng không biết đi về đâu, cho nên gọi là Như Lai.” Cùng với lời của Lão Tử: “Thanh tịnh mà dân tự nhiên yên”⁽¹⁰⁾ là sự thể hiện Tam giáo một nguồn vậy.

Điều cốt yếu của việc “nắm giữ nước” là lấy vô vi làm gốc. Lấy vô vi làm gốc, thì nước cần gì phải trị? Tam Hoàng nắm giữ Trung Quốc, Lạc Long Quân nắm giữ nước ta, đều do con đường ấy. Từ Nghiêu, Thuấn trở xuống, không tránh khỏi con đường “điều hành đất nước.” Các vị tổ sáng lập của Tam giáo, sinh ra đồng thời, đều muốn kéo trở lại cái phong khí của họ Cát Thiên và họ Vô Hoài,⁽¹¹⁾ chỉ có Thích Ca hành đạo ở Tây phương, cuối cùng đã làm cho nước Tĩnh Phạn trở thành Phật quốc.

Còn như Khổng Tử, Lão Tử thì lập ngôn trước luận, chỉ để làm kim chỉ nam cho việc “nắm giữ nước” ở đời sau. Khốn một nỗi là người hâm mộ thì nhiều mà người biết thì ít, người giác ngộ lại càng ít hơn, còn người thực hành thì tuyệt nhiên không có. Cuối cùng, dân đời Tam Hoàng⁽¹²⁾ không thấy lại nữa. Như thế phải chăng là vì Nam Thiệm Bộ Châu⁽¹³⁾ khác nhau với phong hội Thiên Trúc,⁽¹⁴⁾ cho nên cái chất thuần phác mất đi, muốn nắm giữ mà không được đó sao?

CHÚ THÍCH:

1. Tam tài: Nhà Nho quan niệm trong thiên hạ có ba thứ cao quý là *trời, đất, người* gọi là tam tài.

2. Vạn hoá: Là những phương pháp thi hành giáo hoá của bậc đế vương.

3. Theo quan niệm của tác giả, *trị quốc* là dùng hình phạt pháp luật làm cho dân sợ mà theo. *Trì quốc* thì ngược lại, nghĩa là không dùng pháp luật hình phạt mà chỉ dùng giáo hoá khiến cho dân theo.

4. Sử sách cho những nhân vật này đều là những người hiền ở thời cổ đại Trung Quốc.

5. Nguyên văn: “Thiên hà ngôn tai, bách vật sinh yên, tứ thời hành yên, thiên hà ngôn tai?” (*Luận ngữ*, thiên *Dương Hoá*).

6. Nguyên văn: “Tử viết: Lão giả an chi, bằng hữu tín chi, thiếu giả hoà chi” (*Luận ngữ*, thiên *Công dã tràng*).

7. Nguyên văn: “Vô sở tòng lai diệc vô sở khứ” (*Kinh Kim cương*).

8. Nguyên văn: “Vi trị vô tích,” trong *Kinh Thư* không thấy 4 chữ này.

9. *Kích nhượng, Khang cù* đều là tên những ca dao, thời vua Nghiêu, được coi là thời thái bình của Trung Quốc cổ đại. Câu trích trên thực ra xuất xứ từ bài *Khang cù*, chứ không phải từ bài *Kích nhượng*.

10. Nguyên văn trong *Đạo đức kinh*, chương 45, của Lão Tử: “Thanh tịnh dĩ vi thiên hạ chính.”

11. Cát Thiên, Vô Hoài đều là những vị vua đời thượng cổ chỉ dùng giáo hoá dạy dân mà dân tin yêu.

12. Tam Hoàng là Thiên Hoàng, Địa Hoàng, Nhân Hoàng. Có thuyết nói là Phục Hy, Thần Nông, Hoàng Đế. Sử sách cho đó đều là những ông vua nhân từ Trung Quốc cổ đại.

13. Nam Thiệm Bộ Châu: Tiếng Phạn là Jambudvipa, châu về phía nam núi Tu Di.

14. Thiên Trúc: Tức Ấn Độ ngày xưa.

16. 洞聲

[聲引吳時儻]

空明無障蔽之謂洞。死生大事，惟達者爲能知之。假我以聰明，賦我以形質。造物原不輕許人以生，故聖人亦不輕許人以死。

曰“俊偉”曰“從容”，此之謂能致命。匹夫匹婦，自輕於溝瀆，是死得狼狽。侯生之送信陵，荊卿之歌易水，是死得輕率，皆不能致命。禪家小乘，自赴火壇，是不能涅槃。

大禪師此章，蓋示人以達理知命之旨，是之謂洞聲。

[海量大禪師]

海量大禪師言：

易六十四卦，只許一困卦致命。陵伽八識，只許一意識涅槃。儒不輕許人以死，釋亦不輕許人以死，意識與困象一般。

困水漏澤下，水離乎澤。意識如海鼓風，鼓出無數波浪來，困非致命不得，意識非涅槃不得。是故儒者貴“精仁熟”，釋者貴“智明意高”。仁義不精熟，智意不高明，不達得生死關，安能制人生死命？

孔子性命之主，釋伽牟尼佛性命之賓。此一對主賓，天地開闢以來。

[聲註一]

海鷗和尚曰：

大哉死乎！儒書曰：“死得其所”，佛書曰：“生死事大”，皆不輕許人以死也。

易六十四卦，只許一困卦致命。楞伽八識，只許一意識涅槃。蓋困卦有水離乎澤之象，意識有無數波浪之境，非致命涅槃不得。

孔子、釋迦性命之主賓，所以示人之道，皆出於一。自非“義精仁熟”，“智明意高”，達得生死關，

安能及此？故儒而輕死，則爲傷勇，釋而輕死，則爲戕生。

古來大忠烈，莫如宋文信國公，非燕京柴市之變，亦有黃冠故鄉之願，蓋亦不輕以死自許者。

[聲註二]

海和僧曰：

死生事大，惟達者能無害仁，亦無傷勇。蓋天地之性人爲貴，生死有命焉。

貪生畏死，誰無是心，但問其可生可死，如何爲能以義而合命耳！故儒釋皆不輕許人以死。未至如水離澤海鼓風之時，不肯致命涅槃。到得此時，亦不得不致命涅槃，當於義而以矣。

苟仁義不精熟，智意不高明，不達生死關，如子路死於孔悝，與今之俗僧，無故自燒者，此皆性命之賊也。

PHIÊN ÂM:

ĐÔNG THANH

[Thanh dẫn Ngô Thì Hoàng]

Không minh vô chương tế chi vị đồng. Tử sinh sự đại, duy đạt giả vi năng tri chi. Giả ngã dĩ thông minh, phú ngã dĩ hình chất. Tạo vật nguyên bất khinh hứa nhân dĩ sinh, cố thánh nhân diệc bất khinh hứa nhân dĩ tử.

Viết “tuần vũ” viết “thung dung,” thử chi vị năng trí mệnh. Thất phu thất phụ, tự kinh câu độc, thị tử đắc lang bôi. Hầu Sinh chi tống Tín Lăng, Kinh Khanh chi ca Dịch thủy, thị tử đắc khinh suất, giai bất năng trí mệnh. Thiên gia Tiểu thừa, tự phó hoả đàn, thị bất năng niết bàn.

Đại thiên sư thử chương, cái thị nhân dĩ đạt lý trí mệnh chi chỉ, thị chi vị Đồng thanh.

[Hải Lượng Đại thiên sư]

Hải Lượng Đại thiên sư ngôn:

-Dịch lục thập tứ quái, chỉ hứa nhất Khốn quái mệnh. Lăng già bát thức, chỉ hứa nhất ý thức Niết Bàn. Nho bất khinh hứa nhân dĩ tử, Thích diệc bất khinh hứa nhân dĩ tử, ý thức dữ khốn tượng nhất ban.

Khốn thủy lậu trạch hạ, thủy ly hồ trạch. Ý thức như hải cổ phong, cổ xuất vô số ba lăng lai, Khốn phi trí mệnh bất đắc, ý thức phi Niết Bàn bất đắc. Thị cố Nho giả quý “nghĩa tình nhân thực,” Thích giả “quý trí minh ý cao.” Nhân nghĩa bất tình thực, trí ý bất cao minh, bất đạt đắc sinh tử quan, an năng chế nhân sinh tử mệnh?

Khổng Tử tính mệnh chi chủ, Thích Ca Mâu Ni Phật tính mệnh chi tân. Thử nhất đối chủ tân, thiên địa khai tịch dĩ lai.

[Thanh chú nhất]

Hải Âu Hoà thượng viết:

-Đại tai tử hô! Nho thư viết: “Tử đắc kỳ sở,” Phật thư viết: “Sinh tử sự đại,” giai bất khinh hứa nhân dĩ tử dã.

Dịch lục thập tứ quái, chỉ hứa nhất khôn quái trí mệnh. Lãng già bát thức, chỉ hứa nhất ý thức Niết Bàn. Cái khôn quái hữu thủy ly hồ trạch chi tượng, ý thức hữu vô số ba lãng chi cảnh, phi trí mệnh Niết Bàn bất đắc.

Khổng Tử Thích Ca tính mệnh chi chủ tân, sở dĩ thị nhân chi đạo giai xuất ư nhất. Tự phi nghĩa tình nhân thực, trí minh ý cao, đạt đắc sinh tử quan, an năng cập thử? Cố Nho nhi khinh tử, tắc vi thương dũng, Thích nhi khinh tử, tắc vi thương sinh.

Cổ lai đại trung liệt, mạc như Tống Văn Tín quốc công, phi Yên Kinh Sài Thị chi biến, diệc hữu hoàng quan cố hương chi nguyện, cái diệc bất khinh dĩ tử tự hứa giả.

[Thanh chú nhị]

Hải Hoà tăng viết:

-Tử sinh sự đại, duy đạt giả năng vô hại nhân, diệc vô thương dũng. Cái thiên địa chi tính nhân vi quý, sinh tử hữu mệnh yên. Tham sinh úy tử, thủy vô thị tâm, dẫn vấn kỳ khả sinh khả tử, như hà vi năng dĩ nghĩa nhi hợp mệnh nhĩ!

Cố Nho Thích giai bất khinh hứa nhân dĩ tử. Vị chi như thủy ly trạch hải cổ phong chi thời, bất khăng trí mệnh Niết Bàn. Đáo đắc thử thời, diệc bất đắc bất trí mệnh Niết Bàn, đương ư nghĩa nhi dĩ hỹ.

Cầu nhân nghĩa bất tinh thực, trí ý bất cao minh, bất đạt sinh tử quan, như Tử Lộ tử ư Khổng Khôi, dữ kim chi tục tăng, vô cố tự thiêu giả, thử giai tính mệnh chi tặc giả.

DỊCH NGHĨA:

TIẾNG TRONG SUỐT (ĐỒNG THANH)

[Thanh dẫn Ngô Thì Hoàng]

Vàng vạc sáng trong, không bị chướng ngại gì che lấp, như thế gọi là “trong suốt” (đồng). Sống chết là một việc lớn, chỉ có đạt nhân mới biết được. Trời ban cho ta cái chí thông minh, phú dữ cho ta cái hình chất. Tạo hóa vốn không cho phép người ta coi nhẹ cuộc sống, cho nên thánh nhân cũng không cho phép người ta coi nhẹ cái chết.

Nói “tuần vĩ,” nói “thung dung” đó là nói đến chỗ cùng tột của mệnh (trí mệnh). Những kẻ thất phu, thất phụ, bỏ mình nơi ngòi rãnh, ấy là chết một cách bừa bãi. Hầu Sinh⁽¹⁾ tiễn đưa Tín Lăng, Kinh Khanh⁽²⁾ hát trên sông Dịch, ấy là chết một cách khinh suất, đều không thể đến chỗ tột cùng của mệnh. Những người tu Tiểu thừa trong đạo Phật tự thiêu trên đàn lửa, như vậy là không thể đến được Niết Bàn.⁽³⁾

Trong chương này, Đại thiên sư có lẽ muốn mách bảo cho người ta cái tôn chỉ “đạt lý trí mệnh,” thì đó gọi là “Tiếng trong suốt” (Đồng thanh).

[Hải Lượng Đại thiên sư]

Hải Lượng Đại thiên sư nói:

-Kinh Dịch có sáu mươi tư quẻ⁽⁴⁾ nhưng chỉ có quẻ Khôn là đến được với “Trí mệnh” (cùng tột của mệnh). *Kinh Lăng già* có tám thức⁽⁵⁾ nhưng chỉ có “ý thức” đến được với

“Niết Bàn. Nho không cho phép người ta coi nhẹ cái chết, Thích cũng không cho phép người ta coi nhẹ cái chết, như vậy “ý thức” và cái tượng của quả Khốn giống nhau.

Cái tượng của quả Khốn là nước nhỏ giọt xuống đầm, rồi nước chảy ra khỏi đầm. Ý thức như bể nổi gió, cuộn lên vô số đợt sóng, khiến cho quả Khốn không đến với “Trí mệnh” không được, ý thức không đến với “Niết Bàn” không được. Vì vậy cho nên Nho giả quý “Nghĩa tình nhân thực,” Thích giả quý “Trí minh ý cao.” Nếu nhân nghĩa không tinh thực, trí ý không cao minh, không qua được cửa ải sinh tử, thì làm sao chế định được cái mệnh sinh tử của con người?

Khổng Tử là chủ của tính mệnh, Phật Thích Ca Mâu Ni là khách của tính mệnh. Một đôi chủ khách ấy, có từ khi trời đất mới mở ra.

[Thanh chú 1]

Hoà thượng Hải Âu nói:

-Lớn lao thay cái chết! Sách Nho nói: “Chết cho đúng chỗ.” Sách Phật nói: “Sống chết là việc lớn,” đều là không cho người ta xem nhẹ cái chết vậy.

Kinh Dịch có sáu mươi tư quả, chỉ có một quả Khốn đến được với “Trí mệnh.” *Kinh Lăng già* có tám thức, chỉ cho “Ý thức” đến được với Niết Bàn. Có lẽ vì quả Khốn có cái tượng của nước chảy ra khỏi đầm, “Ý thức” có cái cảnh vô vãn ngọn sóng, nên không đến với “Trí mệnh,” không đến với “Niết Bàn” không được.

Khổng Tử, Thích Ca là chủ và khách của tính mệnh, cho nên cái đạo dạy người đều nhất trí với nhau. Nếu tự mình không “Nghĩa tình nhân thực,” không “Trí minh ý cao” để vượt qua cái cửa ải sinh tử, thì làm sao có thể đạt được như thế! Cho nên, nếu Nho mà coi nhẹ cái chết, thì tổn thương đến cái sống; nếu Thích mà coi nhẹ cái chết, thì tàn hại tới cái sống.

Xưa nay, những bậc đại trung liệt, không ai bằng Văn Tín quốc công⁽⁶⁾ đời nhà Tống. Nếu không có sự biến Sài Thị ở Yên Kinh, thì Văn Tín đã thoả được cái sở nguyện đời “mũ vàng ở cổ hương,” vậy có lẽ Văn Tín cũng là kẻ không cho phép mình xem nhẹ cái chết vậy.

[Thanh chú 2]

Tăng Hải Hoà nói:

-Sống chết là một việc lớn, chỉ có đạt nhân mới biết giữ gìn để không làm hại đến chữ Nhân, cũng không làm tổn thương đến chữ Dũng. Có lẽ, bản tính của trời đất, coi con người là quý, sống hay chết, đều có mệnh cả.

Tham sống sợ chết, tấm lòng ấy ai mà chẳng có. Chỉ xin hỏi rằng, phải sống, hoặc phải chết như thế nào để hợp với nghĩa và mệnh mà thôi. Cho nên cả Nho và Thích đều không cho phép người ta coi nhẹ cái chết. Chưa đến lúc như nước chảy ra khỏi đầm, bể nổi sóng gió, thì không chịu đến với “Trí mệnh,” không chịu đến với “Niết Bàn.” Nhưng khi đã đến, thì cũng không thể không đến với “Trí mệnh,” không thể không đến với “Niết Bàn,” cốt sao hợp với “Nghĩa” mà thôi.

Nếu nhân nghĩa không tinh thực, trí ý không cao minh, không vượt qua cửa ải sinh tử, như Tử Lộ chết vì Khổng Khôi⁽⁷⁾ và những tục tăng ngày nay, vô cố mà tự thiêu, đó đều là kẻ thù của tính mệnh vậy.

CHÚ THÍCH:

1.Hầu Sinh: Tên là Hầu Doanh, ẩn sĩ nước Ngụy thời Chiến Quốc, được Tín Lăng Quân Vô Kỵ mời làm môn khách. Tần đánh Triệu, Bình Nguyên Quân cầu cứu Ngụy, được Hầu Sinh hiến kế, Tín Lăng Quân ăn cắp hổ phù của vua đem quân cứu Triệu. Khi tiễn Tín Lăng Quân đi cứu Triệu, Hầu Sinh nói: “Tôi tuổi già không đi xa được, xin lấy hồn tiễn công tử.” Nói xong tự đâm cổ chết trước xe.

2.Kinh Khanh: Tên là Kha người nước Vệ, thời Chiến Quốc, môn khách của Thái tử Đan nước Yên. Thái tử Đan muốn giết vua Tần, giải vây cho Yên, Kinh Kha nhận đem bản đồ nước Yên và đầu Phàn Ư Kỳ dâng Tần, để giết vua Tần, việc không thành, bị Tần giết chết.

3.Niết Bàn: Nghĩa là thoát hết mọi phiền não, đi vào chỗ bất sinh bất diệt (nirvana), cũng có nghĩa như tịch diệt. Ý chỉ cái đích mà con người phải tới. Cũng có nghĩa chỉ cái chết.

4.Sáu mươi tư quẻ: Tương truyền Phục Hy làm *Kinh Dịch* chỉ có 8 quẻ là càn, khảm, cấn, chấn, tốn, ly, khôn, đoài. Về sau Văn Vương phát triển rộng ra thành 64 quẻ.

5.Tám thức (Tám điều nhận biết): Gồm nhãn thức, nhĩ thức, tỉ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức, mạt ma thức, a lại da thức. Trong bài này nói tới “ý thức,” tức là cái tri giác hay tâm ý, tình ý.

6.Văn Tín quốc công: Văn Thiên Tường tự là Tống Thuy, hiệu là Văn Sơn, sinh ở Cát Thủy đời Tống, đỗ Tiến sĩ, làm quan đến chức Phủ sứ tỉnh Sơn Tây. Khi quân Nguyên vào, ông ứng chiếu Cần vương đi sứ Nguyên, bị bắt, ông trốn về, được phong là Hữu thừa tướng Tín quốc công. Ông mộ quân khởi nghĩa khôi phục nước Tống. Sau thua trận bị bắt, ông không khuất phục, chịu chết ở Sài Thị.

7. Tử Lộ là gia thân Khổng Khôi nước Vệ, mẹ Khổng Khôi muốn đưa Khoái Quý về làm vua, ép Khôi phải thờ trên đàn, Tử Lộ vào cứu Khôi, gặp Tử Cao chạy ra bảo rằng không kịp nữa, Tử Lộ nói: “Ăn lộc người, chẳng nên từ lánh hoạn nạn.” Nói xong, xông vào và bị đánh chết.

17. 明 聲

[聲引吳時儻]

衣服數制，外之文也，道德仁義，內之體也。君子當明於內，而不須求於外。“澤麋蒙虎皮”，有於外而不足於中也。“良玉藏於璞”，有於中而不足於外也。

明者不以冠裳氎毳分華夷，不以青衿緇屨認儒釋。濟顛和尚之酒肉，寒山、拾得之垢污，夫孰謂非禪哉？故真聖不服周冕，真儒不必著儒冠，真禪不必衣袈裟。

[海量大禪師]

海量大禪師言：

衣服數制，非天意之所存，行如幽厲，服周之冕，何如夷狄之有君。韓侂冑賈似

道，亦嘗儒冠儒服，天下豈以真儒呼之？
天意之所存者，以其能濟渡眾生。

爲人君而不仁，爲人父而不慈，違天意也。違天意者，儒謂之賊，釋謂之阿鼻獄。北狄之毳衣，東夷之馬褂，南蠻之卉服，不與中國並，其中豈無豪傑聖賢？釋氏袈裟，大抵從其俗耳，亦非佛意之所在。

[青註一]

海鷗和尚曰：

有天地便有疆域，爲華爲夷，其居各別，而皆際蟠之內。於是人之賢聖者，起而爲人之君長，爲衣服數制以辨上下之等差。中國夷狄，各自有其國之數制。此則人自爲之，非天意之所存也。居萬物之上，而生物，此天意也。聖賢居民物之上，而有以和物，即天理也。得其理斯得其意矣。

雖上古穴居野處，義農並耕而食，謂之繼天立極，開物成務之君，可野也。優孟學孫叔敖，楚王以爲真叔敖，是豈可使之爲叔敖之事？戲子登場，裝唐明皇，曲終不肯與同輩坐，此則見其外而忘其內，務於衣服數制之末者也。幽厲之周冕，韓侂胄賈似道之儒冠，亦此類也。

夫子無位，而其道爲百世師。釋袈佛捨千乘之國，而其教傳於天下。有其德者不必有其位也。知道者豈以衣服數制爲等級，中國夷狄爲岐別哉？

北狄、南蠻、東夷，所居之地，與中國異耳。其中豈無聖賢？毳衣馬褂卉服，即中國之儒冠周冕也。釋氏袈裟，乃淨飯國之制，蓋其國有釋號者，便著袈裟披瓔珞，譬則紳珮之類也。故曰：“佛意之所在”。

[聲註二]

海和僧曰：

三綱五常，天意之所存也。衣服數制，則從其土俗，而皆出於人爲。故仁義禮智，同此降衷。東夷西

戎，南蠻北狄，本與中國無異，其能全是衷者，則爲聖賢豪傑，皆能主持其國，君長其民。

孔子所謂：“夷狄之有君，不如諸夏之忘也”。毳衣馬褂卉服，與夫褒衣博帶，陋不陋何與焉。釋氏袈裟衣，亦天竺國之服耳。凡爲釋氏之徒，與其服，曷若遵其教，其教云何？曰“在其心”。

PHIÊN ÂM:

MINH THANH

[Thanh dân Ngô Thì Hoàng]

Y phục sở chế, ngoại chi văn dã. Đạo đức nhân nghĩa, nội chi thể dã. Quân tử minh ư nội, nhi bất tu cầu ư ngoại, “trạch mê mông hồ bỉ” hữu ư ngoại nhi bất túc ư trung dã. “Lương ngọc tàng ư phác,” hữu trung nhi bất túc ư ngoại dã.

Minh giả bất dĩ quan thường chiên thuế phân Hoa Di, bất dĩ thanh khâm tri bất nhận Nho Thích. Tế Diên hòa thượng chi tửu nhục, Hàn Sơn Thập Đắc chi cấu ô, phù thực vị phi Thiên tai? Cố chân thánh bất phục Chu miện, chân Nho bất tất trước Nho quan, chân thiên bất tất y cà sa.

[Hải Lượng Đại thiên sư]

Hải Lượng Đại thiên sư ngôn:

-Y phục sổ chế, phi thiên ý chi sở tôn, hành như U Lê, phục Chu chi miện, hà như di địch chi hữu quân, Hàn Thác Trụ Giả Tự Đạo, diệc thường Nho quan Nho phục, thiên hạ khởi dĩ chân Nho hô chi? Thiên ý chi sở tôn giả, dĩ kỳ năng tế độ chúng sinh.

Vi nhân quân nhi bất nhân, vi nhân phụ nhi bất từ, vi thiên ý dã. Vi thiên ý giả, Nho vị chi tặc, Thích vị chi A ty ngục. Bắc Địch chi thuế y, Đông Di chi mã quái, Nam Man chi huỷ phục, bất dữ Trung Quốc tịnh, kỳ trung khởi vô hào kiệt thánh hiền? Thích thị cà sa, đại để tông kỳ tục nhĩ, diệc phi Phật ý chi sở tại.

[Thanh chú nhất]

Hải Âu Hoà thượng viết:

-Hữu thiên địa tiện hữu cương vực, vi Hoa vi Di, kỳ cư các biệt, nhi giai tại tế bàn chi nội. Ư thị nhân chi hiền thánh giả, khởi nhi vi nhân chi quân trưởng. Vi y phục sổ chế, dĩ biện thượng hạ chi đẳng sai. Trung Quốc Di Địch, các tự hữu kỳ quốc chi sổ chế. Thử tắc nhân tự vi chi, phi thiên ý chi sở tôn dã. Cư vạn vật chi thượng, nhi sinh vật, thử thiên ý dã. Thánh hiền cư dân vật chi thượng, nhi hữu dĩ hoà vật, tức thiên lý dã. Đắc kỳ lý tư đắc kỳ ý hỹ.

Tuy thượng cổ huyết cư dã xứ, Hy Nông tịnh canh nhi thực, vị chi kế thiên lập cực, khai vật thành vụ chi quân, khả dã. Ưu Mạnh học Tôn Thúc Ngao, Sở Vương dĩ vi chân Thúc Ngao, thị khởi khả sử chi vi Thúc Ngao chi sự? Hý tử đẳng trường, trang Đường Minh Hoàng, khúc chung

bất kháng dữ đồng bối tọa, thử tắc kiến kỳ ngoại nhi vong kỳ nội, vụ ư y phục sở chế chi mạt giả dã. U Lệ chi Chu miện, Hàn Thác Trụ Giả Tự Đạo chi Nho quan, diệc thử loại dã.

Phu Tử vô vị, nhi kỳ đạo vi bách thế sự, Thích Ca Phật xả thiên thặng chi quốc, nhi kỳ giáo truyền ư thiên hạ. Hữu kỳ đức giả bất tất hữu kỳ vị dã. Tri đạo giả khởi dĩ y phục sở chế vi đẳng cấp, Trung Quốc Di Địch vi kỳ biệt tại?

Bắc Địch Nam Man Đông Di, sở cư chi địa, dữ Trung Quốc dị nhĩ. Kỳ trung khởi vô thánh hiền? Thuế y mã quái huỷ phục, tức Trung Quốc chi Nho quan Chu miện dã. Thích thị cà sa, nãi Tịnh Phạn quốc chi chế, cái kỳ quốc hữu Thích hiệu giả, tiện trước cà sa phi anh lạc, thí tắc thân bội chi loại dã. Cố viết: “Phi Phật ý chi sở tại.”

[Thanh chú nhị]

Hải Hoà tăng viết:

-Tam cương ngũ thường, thiên ý chi sở tồn dã. Y phục sở chế, tắc tòng kỳ thổ tục, nhi giai xuất ư nhân vi. Cố nhân nghĩa lễ trí, đồng thử giáng trung. Đông Di Tây Nhung, Nam Man Bắc Địch, bản dữ Trung Quốc vô dị. Kỳ năng toàn thị trung giả, tắc vi thánh hiền hào kiệt, giai năng chủ trì kỳ quốc, quân trưởng kỳ dân.

Khổng Tử sở vị Di Địch chi hữu quân, bất như chư Hạ chi vong dã. Thuế y mã quái, huỷ phục, dữ phù bảo y bác đới, lâu bất lâu hà dữ yên. Thích thị cà sa y, diệc Thiên Trúc quốc chi phục nhĩ. Phàm vi Thích thị chi đồ, dữ kỳ phục, hạt nhược tuân kỳ giáo, kỳ giáo vân hà, viết “tại kỳ tâm.”

DỊCH NGHĨA:

TIẾNG SÁNG (MINH THANH)

[Thanh dẫn Ngô Thì Hoàng]

Áo quần kiểu cách, chỉ là cái trang sức bề ngoài, đạo đức nhân nghĩa mới là cái bản chất bên trong. Người quân tử nên làm cho cái bên trong trong sáng, không nên tìm kiếm cái gì ở bên ngoài. Như câu: “Con nai ở chằm đột lột hổ,” là chỉ thấy bề ngoài, không đủ để biết bên trong vậy. Hay câu: “Ngọc lành ẩn trong vỏ đá,” là chỉ biết ở bên trong, không đủ biết ở bên ngoài vậy.

Người sáng suốt không phân biệt Hoa Di bằng xiêm mũ hay nệm lông, không nhìn nhận Nho Thích bằng áo xanh hay cái bát đen.⁽¹⁾ Tể Điền hoà thượng⁽²⁾ ăn thịt uống rượu, Hàn Sơn, Thập Đắc⁽³⁾ ở trần mặc nhơ, mà có ai bảo không phải là Thiên đầu! Cho nên bậc thánh chân chính không cần phải đội mũ nhà Chu, nhà Nho chân chính không cần phải đội mũ nhà Nho, Thiên gia chân chính không cần phải mặc áo cà sa.

[Hải Lượng Đại thiên sư]

Hải Lượng Đại thiên sư nói:

-Áo quần kiểu cách, không phải là cái còn lưu lại của ý trời, đội mũ miện nhà Chu như U Lệ đã đội, đâu được như việc nước Di Địch có vua của mình. Hàn Thác Trụ,⁽⁴⁾ Giả Tự Đạo⁽⁵⁾ cũng từng đội mũ nhà Nho, mặc áo nhà Nho, nhưng thiên hạ đâu có gọi là chân Nho? Cái mà ý trời muốn lưu giữ lại là cứu vớt chúng sinh.

Làm vua mà không có lòng nhân ái, làm cha mà không có đức từ thân, là trái với ý trời. Trái với ý trời thì Nho gọi là giặc, Thích gọi là A ty ngục.⁽⁶⁾ Người Bắc狄 mặc áo lông, người Đông Di mặc cái bố quàng lưng ngựa, người Nam Man mặc áo cỏ, không giống với người Trung Quốc, nhưng trong đó há lại không có đáng hào kiệt thánh hiền nào ư? Họ Thích mặc cà sa, đại để là theo cái tục của họ, chứ không phải là cái còn giữ lại được của ý Phật.

[Thanh chú 1]

Hòa thượng Hải Âu nói:

-Có trời đất là có cương vực, là Hoa hay là Di, chỗ ở tuy khác nhau, nhưng đều trong vòng trời che đất chở. Thế là, những bậc thánh, người hiền trong nhân loại, đứng lên mà làm trù làm vua, đặt ra áo quần kiểu cách, để phân biệt thứ bậc trên dưới. Trung Quốc hay Di Dịch đều chế ra y phục riêng cho nước mình. Đó là do tự họ làm ra, chứ không phải là cái mà ý trời còn lưu lại. Ở trên vạn vật mà sinh ra vật, ấy là ý trời. Thánh hiền ở trên dân và vật mà hoà hợp với dân vật, ấy là lẽ trời. Nắm được lẽ trời tức là đã nắm được ý trời rồi.

Tuy rằng đời thượng cổ ở hang, nằm nội, Phục Hy, Thần Nông⁽⁷⁾ đều cày ruộng mới có cái ăn, bảo rằng các vị đó là những ông vua nổi trời dựng nghiệp, mở mang quy cách, cũng được. Ưu Mạnh đóng vai Tôn Thúc Ngao,⁽⁸⁾ Sở Vương cho là Thúc Ngao thật, nhưng nào phải Ưu Mạnh cũng làm việc như Tôn Thúc Ngao được? Kép hát lên sân khấu, đóng vai Đường Minh Hoàng, xong vở tuồng, không chịu ngồi chung với đồng bọn, đó là thấy cái bên ngoài mà quên cái bên trong,

bo bo ở nơi áo quần kiểu cách vậy. U, Lệ đội mũ miện nhà Chu, Hân Thác Trụ, Giả Tự Đạo đội mũ nhà Nho, cũng như thế cả.

Phu Tử không có địa vị là ngôi vua, nhưng cái Đạo của Ngài làm thầy trăm đời. Phật Thích Ca bỏ ngôi vua một nước nghìn cỗ xe mà giáo hoá truyền khắp thiên hạ. Như thế, người có đức bất tất phải có địa vị. Người biết đạo há phải phân biệt đẳng cấp bằng áo quần kiểu cách, chia rẽ giữa Trung Quốc với Di Địch làm gì?

Bắc Địch, Nam Man, Đông Di, chỗ ở tuy khác với Trung Quốc, nhưng trong đó há không có những bậc thánh hiền hay sao? Cái áo lông, cái bố choàng ngựa, cái áo bằng cỏ, cũng tức là cái miện nhà Chu, cái mũ nhà Nho vậy. Áo cà sa của Thích thị, là do nước Tịnh Phạn chế ra, vì rằng ở nước ấy, người tu hành đạo Phật thì mặc cà sa, đeo anh lạc⁽⁹⁾ cũng như thân bội⁽¹⁰⁾ của nhà Nho vậy. Vì vậy cho nên bảo rằng, cái còn lưu lại đó không phải ý Phật.

[Thanh chú 2]

Tăng Hải Hoà nói:

-Tam cương ngũ thường⁽¹¹⁾ là cái còn lưu lại được của ý trời. Còn như áo quần kiểu cách thì theo thế tục, đều do con người làm ra. Cho nên, nhân nghĩa lễ trí, do trời phú cho tấm lòng đều như nhau. Đông Di, Tây Nhung, Nam Man, Bắc Địch, vốn không khác gì Trung Quốc, nhưng ai giữ trọn được cái lòng ấy, thì là thánh hiền, là hào kiệt, đều biết chủ trì nước mình, làm quân trưởng cho dân mình.

Khổng Tử nói: “Di Địch có vua, không như chư Hạ không có vua.”⁽¹²⁾ Áo lông, bố choàng ngựa, áo bằng cỏ, so với bầu đai rộng, không thể nói bên nào là khó coi, bên nào là dễ coi được! Áo cà sa của Thích thị cũng chỉ là y phục của nước Thiên Trúc thôi! Phàm những

người làm đồ đệ của Thích Ca thì thân theo giáo huấn của Phật là quan trọng hơn mặc theo y phục của Phật. Giáo huấn của Phật là gì? Xin nói rằng nó ở trong chữ Tâm.

CHÚ THÍCH:

1. Bát đen: Cái bát làm bằng gỗ mà nhà sư dùng để khát thực.
2. Tế Điền: Xem chú thích số 3, mục *Trác thanh*.
3. Hàn Sơn Văn Thù và Thập Đắc Phổ Hiền là hai cao tăng đời Đường.
4. Hàn Thác Trụ: Người đời Tống, cháu Hàn Kỳ, làm quan đến chức Thái sư, tự phụ có tài, hãm hại nhiều người, về sau bị giết.
5. Giả Tự Đạo: Người đời Tống, làm quan Tả thừa tướng, đã cắt đất xin hoà với giặc Nguyên. Đến đời Độ Tông, được phong là Ngụy quốc công. Khi quân Nguyên đến xâm chiếm, quân Tống thua to, ông bị biếm và bị chết dọc đường.
6. A ty Ngục: Cảnh địa ngục thấp nhất trong tám địa ngục.
7. Phục Hy, Thần Nông: Tương truyền là hai vua đời cổ sơ, có công dạy dân chăn nuôi, cày cấy.
8. Ưu Mạnh: Là Mạnh Thù Nho, người nước Sở, làm nghề nhạc công. Ông bắt chước Tôn Thúc Ngao, Tướng quốc nước Sở, rất giống, làm cho vua nước Sở tưởng là Thúc Ngao thật.
9. Anh lạc: Chỉ tràng hạt của các nhà sư.
10. Thân bội: Thân là cái đai, bội là dây đeo, đều là những vật trang sức trên y phục của nhà Nho.
11. Tam cương ngũ thường: Tam cương là ba giềng mối quan trọng trong chế độ phong kiến, đó là vua tôi (quân thần), cha con (phụ tử), chồng vợ (phụ phụ) (Xem *Bách hổ thông*, *Tam cương lục ký*).

Ngũ thường: Ở đây chỉ năm đạo lý cơ bản của luân lý Nho giáo là: Nhân nghĩa, lễ, tri, tín.

12. Nguyên văn: “Di Địch chi hữu quân bất như chư Hạ chi vong dã” (Luận ngữ, thiên Bát dật). Chư Hạ: Chỉ các nước có văn hiến.

18. 判聲

[聲引吳時儻]

何以謂之判聲？判之爲言斷也。斷然以釋爲可慕，斷然以釋爲可惡，世有人焉。

但問其所以慕所以惡之何如耳？鳳凰鳴矣，于彼高崗，豈求人之喜聞者哉？人喜其瑞世而願聞之。然而非其道也，則鳳凰翔于千仞兮，故自引而遠去。若夫蟬噪蛙鳴，假借于鳳聲之近似假，實人之惡之，而欲逐之也。求儒釋之道當如是看。

此章諷惡慕之得其正，亦以戒學道之士，無求人慕，以媒人之惡也。此義也非直截斷不了，故曰判聲。

[海量大禪師]

海量大禪師言：

秦始皇惡儒，唐武宗惡佛，大抵有可惡之道，然後人惡之。大儒大佛，何人惡得？

又曰：

知佛者不慕佛，慕佛者不知佛。佛不願眾生慕，眾生要成佛，來敬慕佛。韓昌黎曰：“人其人火其書廬其居”。不敬慕佛，是解脫見濁，入無餘涅槃。

徒弟白師言：

昌黎已到浮屠第一級麼？

師答言：

還到第三四級下來。昌黎也有意必，卻不如無意必是好。

[聲註一]

海鷗和尚曰：

筌蹄以求魚兔，得魚兔而忘筌蹄。舟筏以濟不通，達岸則忘舟筏矣。

釋氏之道，虛無寂滅，明心見性，知佛則已得其道，人已都忘。恩仇平等，我且不知，便有何慕？不知佛者，談經說偈，強猜其不可知。淨土蓮臺，認其於無何有。著一慕字，便不知佛。故禪家曰“絕學”，玄門曰“絕聖”，皆不慕佛之義也。佛不自慕，豈要眾生慕？眾生要成佛，故來慕佛。慕佛者即非佛。昌黎曰：“人其人火其書廬其居”，是不敬慕佛。此之行走淄昆，坐破禪床等輩，是解脫見濁。

然佛無人，亦無書，亦無所住，曰人曰火曰廬，還多一重理障。慕佛固不知佛，排佛亦安能知佛？故曰韓昌黎還到第三四級下來”。或問“如何是浮屠第一級”？偈云：

觀音是觀音，

和尚是和尚。

你我總空空，

都無人我相。

宋張丞相夫人，其夫著“無佛辨”。夫人曰：“佛本無何須辨”，是浮屠第一級。

若夫儒名墨行之儒，頭禿心毒之釋，是爲儒之蠹，釋之賊，亦儒門釋門所不齒。秦始皇坑儒，唐武宗殺僧，蓋因其有可惡而惡之。然惡而至於坑殺，則已甚矣。二君失之過也。大儒造道而不可議，大佛出世而不可知。不得其可愛，又安見其可惡哉？

[聲註二]

海和僧曰：

人說秦始皇惡儒，唐武宗惡僧非也。始皇稱皇帝，是真知皇帝之爲美。唐武宗憐憫眾生，不使沉淪苦海，削浮屠之法，懲遊惰之民，最得如來妙意。二君者好儒好佛之至者也。

但儒有一種，好自是好是非人。佛亦有一種，好自是，好爲大言以欺人，教人不惡他不得。故知佛而誠好之者，不必粧寶相奉金容，亟念亟拜，而佛自在其心矣。達摩禪師云：“心即佛佛即心，不可將心亂

佛，不可將佛亂心”，又何用敬慕他。大抵我佛本無，無生無滅，無色無相，亦無禍福報應之事。

僧尼者非佛人，經典者非佛書，寺院者非佛居。人非佛徒，久自還俗，不還由他，何必人其人。

書非佛言，久自煨爛，不爛由他，何必火其書。

居非佛住，久自頹壞，不壞由他，何必廬其居。

佛本無而昌黎有之，又從而欲無之，還多事了。能入無餘涅槃，未到得無意無必三昧。

PHIÊN ÂM:

PHÁN THANH

[Thanh dẫn Ngô Thì Hoàng]

Hà dĩ vị chi phán thanh? Phán chi vị ngôn đoán dã. Đoán nhiên dĩ Thích vị khả mộ, đoán nhiên dĩ Thích vị khả ố, thế hữu nhân yên.

Đã vấn kỳ sở dĩ mộ sở dĩ ố chi hà như nhĩ? Phượng hoàng minh hỹ, vu bỉ cao cương, khởi cầu nhân chi hỹ văn giả tai? Nhân hỹ kỳ thuy thế nhi nguyên văn chi. Nhiên nhi phi kỳ đạo dã, tắc phượng hoàng tường vu thiên nhận hê, cố tự dẫn nhi viễn khứ. Nhược phù thiên thao oa minh, giả tá vu phượng thanh chi cận tự giả, thực nhân chi ố chi, nhi dục trực chi dã. Cầu Nho Thích chi đạo đương như thị khán.

Thử chương phúng ố mộ chi đắc kỳ chính, diệc dĩ giới học đạo chi sĩ, vô cầu nhân mộ, dĩ môi chi ố dã. Thử nghĩa dã, phi trực tiệt phán oán bất liễu, cố viết Phán thanh.

[Hải Lượng Đại thiên sư]

Hải Lượng Đại thiên sư ngôn:

-Tân Thủy Hoàng ố Nho, Đường Vũ Tông ố Phật, đại đế hữu khả ố chi đạo, nhiên hậu nhân ố chi. Đại Nho Đại Phật, hà nhân ố đắc?

Hựu viết:

-Tri Phật giả bất mộ Phật, mộ Phật giả bất tri Phật. Phật bất nguyện chúng sinh mộ, chúng sinh yếu thành Phật, lai kính mộ Phật. Hàn Xương Lê viết: “Nhân kỳ nhân, hoả kỳ thư lư kỳ cư.” Bất kính mộ Phật, thị giải thoát kiến trọc, nhập vô dư Niết Bàn.

Đồ đệ bạch sư ngôn:

-Xương Lê dĩ đao phù đồ đệ nhất cấp ma?

Sư đáp ngôn:

-Hoàn đao đệ tam tứ cấp hạ lai. Xương Lê dã hữu ý tất, khước bất như vô ý tất thị hảo.

[Thanh chú nhất]

Hải Âu Hoà thượng viết:

-Thuyền đề dĩ câu ngư thố, đắc ngư thố nhi vong thuyền đề. Chu phiệt dĩ tế bất thông, đạt ngạn tắc vong chu phiệt hỹ.

Thích thị chi đạo, hư vô tịch diệt, minh tâm kiến tính, tri Phật tắc dĩ đắc kỳ đạo, nhân dĩ đồ vong. Ân cứu bình đẳng, ngã thả bất tri, tiện hữu hà mộ? Bất tri Phật giả, đàm kinh thuyết kệ, cường sai kỳ bất khả tri. Tịnh Thổ liên đài, nhận chân ư vô hà hữu. Trước nhất mộ tự, tiện bất tri Phật. Cố Thiên gia viết “Tuyệt học,” Huyền môn viết “Tuyệt thánh,” giai bất mộ Phật chi nghĩa dã. Phật bất tự mộ, khởi yếu chúng sinh mộ? Chúng sinh yếu thành Phật, cố lai mộ Phật. Mộ Phật giả tức phi Phật. Xương Lê viết: “Nhân kỳ nhân hoả kỳ thư lư kỳ cư,” thị bất kính mộ Phật. Thử chi hành tẩu truy côn, toạ phá thiên sàng đẳng bô, thị giải thoát kiến trọc.

Nhiên Phật vô nhân, diệc vô thư, diệc vô sở trú, viết nhân viết hoả viết lư, hoàn đa nhất trọng lý chương. Mộ Phật cố bất tri Phật, bài Phật diệc an năng tri Phật? Cố viết Hàn Xương Lê hoàn đảo đệ tam tứ cấp hạ lai. Hoặc vân: “Như hà thị phù đồ đệ nhất cấp?” Kệ vân:

Quan Âm thị Quan Âm,

Hoà thượng thì hoà thượng.

Nhĩ ngã tổng không không.

Đô vô nhân ngã tướng.

Tống Trương Thừa tướng phu nhân, kỳ phu trước “Vô Phật biện.” Phu nhân viết: “Phật bản vô hà tu biện.” Thị Phù Đồ đệ nhất cấp.

Nhược phù Nho danh Mặc hành chi Nho, đầu thốc tâm độc chi Thích, thị vi Nho chi đồ, Thích chi tắc, diệc Nho môn Thích môn sở bất xỉ. Tân Thuỷ Hoàng khanh nho, Đường Vũ Tông sát tăng, cái nhân kỳ hữu khả ố nhi ố chi. Nhiên ố nhi chí ư khanh sát, tắc dĩ thậm hỹ. Nhị quân thất chi quá dã. Đại Nho tạo đạo nhi bất khả nghị, Đại Phật xuất thế nhi bất khả tri. Bất đắc kỳ khả ái, hựu an kiến kỳ khả ố tai!

[Thanh chú nhị]

Hải Hoà tăng viết:

-Nhân thuyết Tần Thuỷ Hoàng ố nho, Đường Vũ Tông ố tăng phi dã. Thuỷ Hoàng xưng Hoàng đế, thị chân tri Hoàng đế chi vi mỹ. Đường Vũ Tông lân mẫn chúng sinh, bất sử trăm luân khổ hải, tước Phù Đồ chi pháp, trừng du đọa chi dân, tối đắc Như Lai diệu ý. Nhị quân giả hiếu Nho hiếu Phật chi chí giả dã.

Đãn Nho hữu nhất chủng, hiếu tự thị hiếu thị phi nhân. Phật diệt hữu nhất chủng, hảo tự thị, hiếu vi đại ngôn dĩ khi nhân. Giáo nhân bất ố tha bất đắc. Cố tri Phật nhi thành hiếu chi giả, bất tất trang bảo tướng phụng kim dung, cực niệm cực bái, nhi Phật tự tại kỳ tâm hỷ.

Đạt Ma thiền sư vân: Tâm tức Phật Phật tức tâm, bất khả tương tâm loạn Phật, bất khả tương Phật loạn tâm, hữu hà dụng kính mộ tha. Đại để ngã Phật bản vô, vô sinh vô diệt, vô sắc vô tướng, diệt vô họa phúc báo ứng chi sự.

Tăng ni giả phi Phật nhân, kinh điển giả phi Phật thư, tự viện giả phi Phật cư. Nhân phi Phật đồ, cửu tự hoàn tục, bất hoàn do tha, hà tất nhân kỳ nhân.

Thư phi Phật ngôn, cửu tự uỷ lạn, bất lạn do tha, hà tất hoả kỳ thư. Cư phi Phật trú, cửu tự đồi hoại, bất hoại do tha, hà tất lư kỳ cư. Phật bản vô nhi Xương Lê hữu chi, hữu tông nhi dục vô chi, hoàn đa sự liễu. Năng nhập vô dư Niết Bàn, vị đáo đắc vô ý vô tất tam muội.

DỊCH NGHĨA:

TIẾNG QUYẾT ĐOÁN (PHÁN THANH)

[Thanh dẫn Ngô Thì Hoàng]

Tại sao lại gọi là “Tiếng quyết đoán”? Vì “quyết đoán” có nghĩa là dứt khoát vậy. Dứt khoát với đạo Thích đáng được ái mộ, dứt khoát với đạo Thích đáng ghét bỏ, vì ở đời cũng có những người như vậy.

Nhưng xin hỏi, điều đáng hâm mộ, và cái đáng ghét bỏ là như thế nào? Chim phượng hoàng kêu ở gò cao kia, phải đâu mong người thích nghe? Người ta thích điềm lành từ tiếng kêu của nó phát ra mà tình nguyện nghe thôi. Nhưng nếu không phải đạo thì phượng hoàng bay vút nghìn tầm, rồi tự tránh đi cho xa. Còn như tiếng ve tiếng ếch, muốn bắt chước tiếng phượng hoàng, thì chỉ làm cho người ta ghét mà muốn đuổi đi. Những ai muốn tìm hiểu đạo Nho, đạo Phật, cũng phải có cái nhìn như thế.

Chương này, nhắc khéo người ta yêu ghét phải đúng mực, cũng là để răn bảo người học đạo, chớ vì cầu người ta hâm mộ, để dẫn đến chỗ người ta ghét. Ý nghĩa của việc đó, không thẳng thắn quyết đoán không được, cho nên gọi là “Tiếng quyết đoán” (Phán thanh).

[Hải Lượng Đại thiên sư]

Hải Lượng Đại thiên sư nói:

-Tân Thuỷ Hoàng ghét Nho, Đường Vũ Tông ghét Phật, đại để có điều gì đáng ghét, thì người ta mới ghét. Đại Nho, Đại Phật ai mà ghét được?

Lại nói:

-Kẻ nào biết Phật thì không mộ Phật, kẻ nào mộ Phật thì không biết Phật. Phật không muốn được chúng sinh kính mộ, chúng sinh muốn thành Phật, mới kính mộ Phật.

Hàn Xương Lê⁽¹⁾ nói rằng: “Bắt tăng nhân trở lại làm dân, gieo sách Phật vào đồng lửa, biến chùa chiền thành nhà tranh.”⁽²⁾ Không kính mộ Phật là giải thoát Kiến trọc, được vào Vô dư Niết Bàn.⁽³⁾

Đồ đệ bạch với Thầy rằng:

-Xương Lê đã đến bậc nhất Phù Đồ chưa?

Thầy đáp rằng:

-Mới đến bậc ba, bậc bốn thôi. Xương Lê cũng có ý cố chấp, nhưng không có ý cố chấp⁽⁴⁾ thì vẫn tốt hơn.

[Thanh chú 1]

Hoà thượng Hải Âu nói:

-Cái nơm cái đó dùng để bắt con cá con thỏ, đã bắt được con cá con thỏ rồi thì hãy quên cái nơm cái đó ấy đi. Cái thuyền cái mảng dùng để qua sông, đã qua sông đến bờ rồi thì hãy quên cái thuyền cái mảng đó.

Cái Đạo của Phật là “hư vô tịch diệt,” là “minh tâm kiến tính.” Biết được Phật thì mình đã đạt đến cái Đạo ấy, đạt đến rồi thì quên người quên ta. Ân oán thù hận là bình đẳng, đến ta còn không biết thì hâm mộ ở chỗ nào? Kẻ đã không biết Phật, dù có đàm kinh thuyết kệ, gắng sức kiếm tìm cũng không thể biết được. Tịnh Thổ, Liên Đài,⁽⁵⁾ chỉ là chăm chỉ ở chỗ không có gì, chép một chữ “mộ” không thôi, thì càng tỏ ra không biết Phật. Cho nên Thiền gia nói “tuyệt học,” Huyền môn nói “tuyệt thánh,” đều có cái nghĩa không mộ Phật vậy. Phật không tự mộ, há cầu chúng sinh mộ? Chúng sinh muốn thành Phật, cho nên

phải mộ Phật. Kẽ nào mộ Phật tức không phải là Phật. Xương Lê nói: “Bắt tăng nhân trở lại làm dân, gieo sách Phật vào đồng lửa, biến chùa chiền thành nhà tranh,” đó là sự thể hiện không kính mộ Phật. So với bọn tăng ni chạy trên đàn, hay ngồi lì thiền định thì Xương Lê lại giải thoát được “Kiến trọc.”

Nhưng Phật không có người, không có sách, cũng không có chỗ trú, vậy thì nói “người của Phật, sách của Phật, nhà của Phật” là còn mang nặng một tầng chướng ngại. Thế thì mộ Phật cố nhiên là không biết Phật, còn bài Phật cũng sao có thể biết được Phật? Cho nên Thầy bảo Hàn Xương Lê còn ở dưới bậc ba, bậc bốn. Hoặc có người hỏi: Thế nào gọi là Phù đồ bậc nhất? Xin có bài kệ rằng:

*Quan Âm là Quan Âm,
Hoà thượng là hoà thượng.
Ta, người đều dừng dừng,
Đều không người biết ta.*

Có bà phu nhân của Trương Thừa tướng đời Tống, chồng bà làm bài *Vô Phật biện* (Biện bác không có Phật). Phu nhân nói: “Phật vốn không, cần gì phải biện bác.” Đó là Phù Đồ bậc nhất.

Còn như Nho hành động mờ tối, Thích khẩu Phật tâm xà, thì đó chỉ là những con mọt của đạo Nho, những kẻ thù của đạo Phật, đều không được đạo Nho và đạo Phật kể đến. Tần Thuỷ Hoàng chôn nhà Nho, Đường Vũ Tông giết sư sãi, hẳn là [hai vua kia] có bực tức gì đó mà ghét. Nhưng ghét mà đến nỗi phải chôn phải giết, thì thật thậm tệ. Hai vua kia thật là phạm lỗi quá mức. Đại Nho thấu đạo, không thể nghị luận được, Đại Phật xuất thế không thể biết được. Đã không thấy được chỗ khả ái, thì làm sao thấy được chỗ khả ố?

[Thanh chú 2]

Tăng Hải Hoà nói:

-Có người nói Tần Thuỷ Hoàng ghét Nho, Đường Vũ Tông ghét tăng, không phải thế! Tần Thuỷ Hoàng xưng Hoàng Đế, tức là biết được cái đẹp của Hoàng Đế. Đường Vũ Tông thương xót chúng sinh, không để cho chúng sinh phải trầm luân bể khổ, cho nên bỏ cái phép Phù Đồ, răn dân lười biếng, như thế là biết được cái diệu ý của Như Lai. Hai vua kia yêu Nho yêu Phật tốt bậc vậy.

Nhưng Nho thì có loại thích tự cho mình là phải, thích bàn việc đúng sai của người. Phật cũng có loại thích cho mình là phải, thích nói khoác để dối người, khiến người ta không ghét không được. Vì vậy cho nên kẻ nào biết Phật mà thành tâm thích Phật, thì không cần phải trang hoàng bảo tượng, phụng sự kim dung, không cần phải luôn luôn tụng niệm, luôn luôn lễ bái, mà tự đứng có Phật ở trong lòng vậy.

Đạt Ma thiên sư⁽⁶⁾ nói: “Tâm là Phật, Phật là tâm, không nên đem tâm mà rời Phật, không nên đem Phật mà rời tâm.” Như thế thì cần gì phải kính mộ Phật? Đại để, đức Phật ta vốn là vô sinh, vô diệt, vô sắc, vô tướng, và cũng không có họa phúc, báo ứng.

Tăng ni chẳng phải là người của Phật, kinh điển chẳng phải là sách của Phật, chùa chiền chẳng phải là nhà của Phật. Tăng ni không phải là người của Phật, lâu ngày ắt hoàn tục, không hoàn tục là bởi nó, cần gì phải bắt tăng ni về làm dân?

Kinh điển không phải là sách của Phật, lâu ngày sẽ tự mục nát, không mục nát là bởi nó, cần gì phải gieo kinh điển vào lửa?

Chùa chiền không phải là nhà của Phật, lâu ngày sẽ tự sụp đổ, không sụp đổ là bởi nó, cần gì phải biến chùa chiền thành nhà tranh?

Phật vốn hư vô, mà Xương Lê lại cho là thực hữu, rồi sau đó lại muốn cho là không có, thật là đa sự. Xương Lê chỉ được vào Vô Du Niết Bàn chứ chưa đến được cái “tam muội” vô ý, vô tất.

CHÚ THÍCH:

1. Hàn Xương Lê: Túc Hàn Dũ (768 - 824) người đời Đường, có chủ trương bài đạo Phật.

2. Đó là bài *Nguyên đạo* của Hàn Dũ.

3. Vô dư Niết Bàn: Phật giáo quan niệm có nhiều loại Niết Bàn: Hữu dư Niết Bàn, vô dư Niết Bàn... Hữu dư Niết Bàn còn có sự sinh diệt, Vô dư Niết Bàn không có sự sinh diệt.

4. Nguyên văn: “Tứ nguyện tứ: Vô ý, vô tất, vô cố, vô ngã,” nghĩa là: Không chủ quan, không thành kiến, không cố chấp, không thiên lệch (*Luận ngữ thiên Tử Hãn*).

5. Tịnh Thổ: Nơi các vị bồ tát ở. Liên Đài: Nơi Phật ở.

6. Đạt Ma thiền sư: Túc Bồ Đề Đạt Ma (Bodhidharma), người Ấn Độ, đến Trung Quốc vào năm 520, chết năm 529. Được người Trung Quốc tôn là Tổ thứ nhất của Thiền Tông.

19. 宿聲

[聲引吳時儻]

宿聲歸宿之聲也。歸宿何以有聲？佛言：“法聲非法聲”。非法聲者歸宿於莊嚴之地也。法則事事物

物都有聲，非法則事事物物都無聲。卷舒園闢，止在精神之運，非法而有法，無聲而有聲。君子以嚮晦晏即，以定晏陰之所成，晏息晏陰，必以莊嚴爲宿，是之謂宿聲。

[海量大禪師]

海量大禪師言：

“釋藏舍利，儒言精氣爲物是也。釋放相光，儒言“神氣風霆”是也。精屬水屬血，神屬火屬氣。釋氏戒色，儒者遠色，所以保重精神。其沒也爲之陵塔寺廟，亦以萃聚精神。生守之莊，死守之嚴。精神藏於身，身與天地同體，不敢不守之也”。

[聲註一]

海鷗和尚曰：

精屬水屬血，於類爲陰，故宜藏。神屬火屬氣，於類爲陽，故宜放。收之而不見其所存，放之而不

見其所亡，此所以爲精神。精神不散，然後能存自己之真相。

爲儒爲釋，其名雖異，而精微處未嘗不同。故其存也，釋氏戒色，儒者遠色，所以保重精神；其沒也，儒爲陵廟，釋爲寺塔，所以萃聚精神。蓋精神藏於身，身與天地同體。故其生守之莊，死守之嚴，不敢不守之，亦守其精神也。

俗儒以陰陽風水，爲求富求貴之地，固似是而實非。莊老鷹鷂螻蟻之說，則又曠誕不倫，非適於道。古來禪教，以圓寂爲超脫，以捨身爲真修。其中自有一箇深意，識之者鮮。

俗僧學之而流，遂有燒身割體之事，甚失守身之義，故大禪師以此說正之。

[聲註二]

海和僧曰：

精者人之所以生也；神者人之所以靈也。

精氣充盈而耳目手足皆具，所謂“精氣爲物”也，佛藏舍利，藏其精氣也；神氣周流，而施生作用不窮，所謂“神氣風霆”也，佛放相光，顯其風霆也。

能守其精則生，能守其神則靈。

戒色遠色，生守其精而使之不壞；陵塔寺廟，死守其神而使之不散。誠以此身與天地同體，有精神而後有此身。能莊嚴以守之，可與天地相爲場久也。

PHIÊN ÂM:

TÚC THANH

[Thanh dẫn Ngô Thì Hoàng]

Túc thanh quy túc chi thanh dã. Quy túc hà dĩ hữu thanh? Phật ngôn: “Pháp thanh phi pháp thanh.” Phi pháp giả quy túc ư trang nghiêm chi địa dã. Pháp tắc sự sự vật vật đồ hữu thanh, phi pháp tắc sự sự vật vật đồ vô thanh. Quyển thư hạp tịch, chỉ tại tinh thần chi vận, phi pháp nhi hữu pháp, vô thanh nhi hữu thanh. Quân tử dĩ hưởng hồi án túc, dĩ định án âm chi sở thành, án túc án âm, tất dĩ trang nghiêm vi túc, thị chi vị Túc thanh.

[Hải Lượng Đại thiên sư]

Hải Lượng Đại hiền sư ngôn:

-Thích tàng xá ly, nho tín tinh khí vi vật thị dã. Thích phóng tương quang, nho ngôn “Thần khí phong đình” thị dã. Tinh thuộc thủy thuộc huyết, thần thuộc hỏa thuộc khí. Thích thị giới sắc, nho giả viễn sắc, sở dĩ bảo trọng tinh thần. Kỳ một dã vi chi lăng tháp tự miếu, diệt dĩ tụy tụy tinh thần. Sinh thủ chi trang, tử thủ chi

nghiêm. Tinh thần tàng ư thân, thân dữ thiên địa đồng thể, bất cảm bất thủ chi dã.

[Thanh chú nhất]

Hải Âu Hoà thượng viết:

-Tinh thuộc thủy thuộc huyết, ư loại vi âm, cố nghi tàng. Thần thuộc hỏa thuộc khí, ư loại vi dương, cố nghi phóng. Thu chi nhi bất kiến kỳ sở tồn, phóng chi nhi bất kiến kỳ sở vong, thủ sở dĩ vi tinh thần. Tinh thần bất tán, nhiên hậu năng tồn tự kỷ chi chân tướng.

Vi Nho vi Thích, kỳ danh tuy dị, nhi tinh vi xử vị thường bất đồng. Cố kỳ tồn dã, Thích thị giới sắc, Nho giả viễn sắc, sở dĩ bảo trọng tinh thần. Kỳ một dã, Nho vi lăng miếu, Thích vi tự tháp, sở dĩ tuy tụ tinh thần. Cái tinh thần tàng ư thân, thân dữ thiên địa đồng thể. Cố kỳ sinh thủ chi trang, tử thủ chi nghiêm, bất cảm bất thủ chi, diệc thủ kỳ tinh thần dã.

Tục Nho dĩ âm dương phong thủy, vi cầu phú cầu quý chi địa, cố tự thị nhi thực phi. Trang Lão ưng chiêm lâu nghị chi thuyết, tắc hựu khoáng đản bất luân, phi thích ư đạo. Cổ lai thiên giáo, dĩ viên tịch vi siêu thoát, dĩ xả thân vi chân tu. Kỳ trung tự hữu nhất cá thâm ý, thức chi giả tiến.

Tục tăng học chi nhi lưu, toại hữu thiêu thân cát thể chi sự, thậm thất thủ thân chi nghĩa, cố Đại thiên sư dĩ thủ thuyết chính chi.

[Thanh chú nhị]

Hải Hoà tăng viết:

-Tinh giả nhân chi sở dĩ sinh dã; thần giả nhân chi sở dĩ linh dã.

Tinh khí sung doanh nhi nhĩ mục thủ túc giai cụ, sở vị “Tinh khí vi vật” dã, Phật tàng xá lý, tàng kỳ tinh khí dã; thần khí chu lưu, nhi thi sinh tác dụng bất cùng, sở vị “Thần khí phong đình” dã, Phật phóng tương quang, hiển kỳ phong đình dã.

Năng thủ kỳ tinh tắc sinh, năng thủ kỳ thần tắc linh.

Giới sắc viễn sắc, sinh thủ kỳ tinh nhi sử chi bất hoại; lãng tháp tự miếu, tử thủ kỳ thần nhi sử chi bất tán. Thành dĩ thủ thân dữ thiên địa đồng thể, hữu tinh thần nhi hậu hữu thủ thân. Năng trang nghiêm dĩ thủ chi, khả khắc dữ thiên địa tương tương vi trường cửu dã.

DỊCH NGHĨA:

TIẾNG ĐỘNG (TÚC THANH)

[Thanh dẫn Ngô Thì Hoàng]

Tiếng “Động” là cái tiếng được quy tụ lại. Quy tụ lại tại sao lại có tiếng? Phật nói: “Có pháp thanh, có phi pháp thanh.” “Phi pháp thanh” là tiếng quy tụ ở chỗ trang nghiêm vậy. “Pháp” tức là mọi sự mọi vật đều có thanh; “phi pháp” tức là mọi sự mọi vật đều không có thanh. Cuốn, trái, đóng, mở, chỉ là sự vận động của tinh thần, như thế thì không có phép tắc mà giống như có phép tắc, không có tiếng mà giống như có tiếng. Người quân tử tìm về chỗ tối để nghỉ ngơi, để định được chỗ râm mát, nghỉ ngơi ở chỗ râm mát, ắt phải quy tụ lại một cách trang nghiêm, như vậy gọi là “Tiếng động” (Túc thanh).

[Hải Lượng Đại thiên sư]

Hải Lượng Đại thiên sư nói:

-Phật cất giấu xá lợi (xương cốt người chết), Nho nói: “tinh khí tạo ra vật” cũng là thế. Phật “phóng hào quang,” Nho nói “thần khí sấm gió” cũng là thế. Tinh thuộc thủy thuộc huyết, thần thuộc hỏa thuộc khí. Thích giới sắc, Nho viễn sắc, đều là để bảo trọng tinh thần. Khi chết thì làm lăng, tháp, chùa, miếu, cũng là để tụ lại tinh thần. Sống thì giữ cho trang trọng, chết thì giữ cho tôn nghiêm. Tinh thần cất giấu ở trong thân, thân là cùng một thể với trời đất, nên không dám không giữ gìn nó vậy.

[Thanh chú 1]

Hoà thượng Hải Âu nói:

-Tinh thuộc thủy, thuộc huyết, về loại thì thuộc âm, cho nên thích hợp với sự cất giấu. Thần thuộc hỏa, thuộc khí, về loại thì thuộc dương, cho nên thích hợp với việc buông ra. Thu vào mà không thấy còn, buông ra mà không thấy mất, cái đó là tinh thần. Tinh thần không tan, sau đó mới có thể giữ được cái chân tướng của mình.

Nào Nho, nào Thích, tên gọi tuy khác nhau, nhưng chỗ tinh vi của chúng thì chưa từng không giống nhau bao giờ. Cho nên, khi còn tồn tại thì Thích giới sắc, Nho viễn sắc, sở dĩ như vậy là để bảo trọng tinh thần. Khi mất, thì Nho làm lăng miếu, Thích làm chùa tháp, sở dĩ như vậy là để tụ lại tinh thần. Có lẽ vì tinh thần chứa cất ở trong thân, thân là cùng một thể với trời đất. Cho nên khi sống thì giữ cho trang trọng, khi chết thì giữ cho tôn nghiêm, không dám không giữ nó, đó cũng là giữ cái tinh thần vậy.

Tục Nho dùng âm dương phong thủy làm chỗ để cầu phú cầu quý, cố nhiên là “giống như đúng mà thực sự là sai.” Trang Lão có thuyết “điều

qua kiến bộ”⁽¹⁾ thì lại là bữa bãi quái gỡ, không hợp với đạo. Từ xưa đến nay, Thiền gia vẫn lấy *Viên tịch*⁽²⁾ làm siêu thoát, lấy *Xả thân*⁽³⁾ làm chân tu. Trong đó, tự toát ra một ý sâu xa, ít người biết đến.

Tục tăng cũng học Thiền mà lạc hướng, bèn có những việc thiêu thân, cát thể⁽⁴⁾ làm mất hẳn cái nghĩa thủ thân, cho nên Đại thiền sư làm thuyết này để sửa chữa cho.

[Thanh chú 2]

Tăng Hải Hoà nói:

-Tinh là cái mà người ta sinh ra; thần là cái mà người ta anh linh. Tinh khí tràn đầy thì tai mắt tay chân đều đủ, như thế gọi là “tinh khí tạo ra vật,” Phật cát xá lợi là cát tinh khí vậy; thần khí chảy quanh mà tác dụng sinh hoá không cùng, như thế gọi là “thần khí sấm gió,” Phật phóng hào quang, là phát ra sấm gió vậy.

Biết giữ cái tinh thì sống, biết giữ cái thần thì linh.

Phải giới sắc, viễn sắc, là để khi sống, phải giữ cho được cái “tinh” ấy, để không bị huỷ hoại; xây lăng tháp chùa miếu, là để khi chết, giữ cho được cái “thần” ấy, để không bị tan đi. Quả thực thân này là cùng một thể với trời đất. Nếu biết giữ gìn trang nghiêm thì được lâu dài mãi với trời đất.

CHÚ THÍCH:

1. Ý nói: Người chết thì đừng chôn, cứ để cho điều qua kiến bộ ăn (Trang Tử, *Nam hoa kinh*, thiên *Liệt ngự khấu*).

2. Viên tịch: Niết Bàn, hư vô tịch diệt.

3. Xả thân: Phép bố thí của Phật giáo gồm có tài thí, pháp thí, vô úy thí.

Vô úy thí: Nghĩa là bố thí không tiếc gì cả đến tính mệnh.

4. Cát thể: Đốt mình, róc thịt.

20.不果聲

[聲引吳時儻]

不果聲，蓋取易巽卦不果風之義也。風行乎四方，發於四時，可卜其果然，亦有不果存焉。風有不果風，東南多水，西北多山，隨處有受風之分。觀四方之風者，知十方之運。

此章喫緊意字，天意非意，人意意之，聞不果聲者，又當修夫不果意。

[海量大禪師]

海量大禪師言：

“天意不必，人意必，意能生見。

聖賢何地不生？清華之秀，天之所珍。幽深之秀，天之所藏。堯、舜、禹、湯、文、武、周公、孔子，得其清華之秀而生。諸佛菩薩，起於極西，遼金元之祖，起於極東，極

北，亦皆爲繼天立極之君，乃幽深之秀之所生也。

是故道莫大乎意，意莫大乎運。天有天之運，聖賢有聖賢之運。運行十方，則大樸者當之。

虫魚文字，侏儻言語，天之大樸存焉，不可忽也。華嚴偈云：

以是莊嚴故，

其目甚清淨。

父母所生眼，

悉見三千界。

其中諸眾生，

一切皆悉見。

雖未得天眼，

肉眼力如此。

[聲註一]

海鷗和尚曰：

天意不必，受之者大而無所局限也。人意必，所見者小，習於所常見，而愣於所不常見也。天人之意不同。意能生見，意不同則見亦異。

天無所不覆幬，無所不包含。語其大則不得而名狀。然就近言之，亦猶一巨人身耳。風雨雷霆，人之吐息也，百川四海，人之毛竅也，四大部州，人之四體也，百靈萬物，人之虫虱也。人之血脈，耳目手足，無所不至，則天之意運，豈以華夏夷狄爲岐別哉？

清華之秀，天之所珍，有時而毓焉。幽深之秀，天之所藏，有時而發焉。堯、舜、禹、湯、文、武、周公、孔子，或以政治天下，或以道化天下，皆得清華之秀也。諸佛、遼、金、元，或以言覺天下，或以才智取天下，皆得幽深之秀也，均之爲乘運而出之聖人。蓋天意無乎不在，意之所至，氣亦至焉。運行十

方所在，則有應運者生焉。聲名文物之地，深山窮谷之中，坤輿化外之國，強從此中分別內外，非天意也。

古者大樸未敢，天之運在中國，則堯、舜、禹、湯、文、武、周公、孔子當之。制度禮樂既極其文，而虫魚文字，侏儻言語，乃獨存天之大樸焉。運之所在，會逢其適，而有菩薩、遼、金、元起焉。故曰：“天有天之運，聖賢有聖賢之運”。“道莫大乎意”，天意然也。

世人往往以堯、舜、禹、湯、文、武爲正統，而以遼、金、元爲亂華，宗夫子爲正傳，而以諸爲異教。其尊之者固是，而深排之者亦非，何異齒牙之虫，笑指節爲夷狄？局於人意而非天意也。華嚴經云：“悉見三千界，悉見諸眾生，雖未得天眼，肉眼力如是”。局於人意者，未造此地。

[聲註二]

海和僧曰：

中國與四裔，皆在天覆幬之中。自天視之，體無彼此，豈必此爲華而貴，彼爲夷而賤！雖其習尚之不同，言語之有異，然各稟其川之秀，而爲聖賢者，何地無之？

但地之發也有時，故秀氣之所鍾有先後。秀氣之發爲清華，其始在中國。清華太露，當有已時，於是幽深之秀，起而承之，幽深者其秀之未露也。然則窮陬僻壤之處，虫魚文字，侏儻言語，又其秀之未發者，亦當以時而發。所謂“百世可知”者如此。

PHIÊN ÂM:

BẤT QUẢ THANH

[Thanh dân Ngô Thì Hoàng]

Bất quả thanh, cái thủ Dịch Tốn quái Bất quả phong chi nghĩa dã. Phong hành hồ tứ phương, phát ư tứ thời, khả bốc kỳ quả nhiên, diệc hữu bất quả tồn yên. Phong hữu bất quả phong, đông nam đa thủy, tây bắc đa sơn, tùy xứ hữu thụ phong chi phận. Quan tứ phương chi phong giả, tri thập phương chi vận.

Thủ chương khiết khản ý tự, thiên ý phi ý, nhân ý ý chi, văn bất quả thanh giả, hựu đương tu phù bất quả ý.

[Hải Lượng Đại thiên sư]

Hải Lượng Đại thiên sư ngôn:

-Thiên ý bất tất, nhân ý tất, ý năng sinh kiến.

Thánh hiền hà địa bất sinh? Thanh hoa chi tú, thiên chi sở trân. U thâm chi tú, thiên chi sở tàng. Nghiêu Thuấn Vũ Thang Văn Vũ Chu Công Khổng Tử đắc kỳ thanh hoa chi tú nhi sinh. Chư Phật Bồ Tát, khởi ư Cực Tây, Liâu Kim Nguyên chi tổ khởi ư Cực Đông, Cực Bắc, diệc giai vì kế thiên lập cực chi quân, nãi u thâm chi tú chi sở sinh dã.

Thị cố đạo mạc đại hồ ý, ý mạc đại hồ vận. Thiên hữu thiên chi vận, thánh hiền hữu thánh hiền chi vận. Vận hành thập phương, tắc Đại Phác giả đương chi.

Trùng ngư văn tự, thù ly ngôn ngữ, thiên chi Đại Phác tồn yên, bất khắc hốt dã. Hoa nghiêm kệ vân:

Dĩ thị trang nghiêm cố,

Kỳ mục thậm thanh tịnh.

Phụ mẫu sở sinh nhĩn,

Tất kiến Tam thiên giới.

Kỳ trung chư chúng sinh,

Nhất thiết giai tất kiến.

Tuy vị đắc thiên nhĩn,

Nhục nhĩn lực như thử.

[Thanh chú nhất]

Hải Âu Hòa thượng viết:

-Thiên ý bất tất, thụ chi giả đại, nhi vô sở cục hạn dã. Nhân ý tất, sở kiến giả tiểu, tập ư sở thường kiến, nhi ngạc ư sở bất thường kiến dã. Thiên nhân chi ý bất đồng. Ý năng sinh kiến, ý bất đồng tắc kiến diệc dị.

Thiên vô sở bất phúc trù, vô sở bất bao hàm. Ngũ kỳ đại tắc bất đắc nhi danh trạng. Nhiên tựu cận ngôn chi, diệc do nhất cự nhân thân nhĩ. Phong vũ lôi đình, nhân chi khiếp tức dã, bách xuyên tứ hải, nhân chi mao khiếu dã, Tứ Đại Bộ Châu, nhân chi tứ thể dã, bách linh vạn vật, nhân chi trùng sắt dã. Nhân chi huyết mạch, nhĩ mục thủ túc, vô sở bất chí, tắc thiên chi ý vận, khởi dĩ Hoa Hạ Di Địch vi kỳ biệt tại?

Thanh hoa chi tú, thiên chi sở trân, hữu thời nhi dục yên. U thâm chi tú, thiên chi sở tàng, hữu thời nhi phát yên. Nghiêu Thuấn Vũ Thang Văn Vũ Chu Công Khổng Tử, hoặc dĩ chính trị thiên hạ, hoặc dĩ đạo hoá thiên hạ, giai đắc thanh hoa chi tú dã. Chư Phật Liêu Kim Nguyên, hoặc dĩ ngôn giác thiên hạ, hoặc dĩ tài trí thủ thiên hạ, giai đắc u thâm chi tú dã, quân chi vi thừa vận nhi xuất chi thánh nhân. Cái thiên ý vô hồ bất tại, ý chi sở chí, khí diệc chí yên. Vận hành thập phương, sở tại tắc hữu ứng vận giả sinh yên. Thanh danh văn vật chi địa, thâm sơn cùng cốc chi trung, khôn dư hoá ngoại chi quốc, cường tông thủ trung phân biệt nội ngoại, phi thiên ý dã.

Cổ giả đại phác vị tán, thiên chi vận tại Trung Quốc, tắc Nghiêu Thuấn Vũ Thang Văn Vũ Chu Công Khổng Tử đương chi. Chế độ lễ nhạc ký cực kỳ văn, nhi trùng ngư văn tự, thù ly ngôn ngữ, nãi độc tôn thiên chi đại phác yên. Vận chi sở tại, hội phùng kỳ thích, nhi hữu Bồ Tát Liêu Kim Nguyên khởi yên. Cố viết: “Thiên hữu thiên chi vận, thánh hiền hữu thánh hiền chi vận.” “Đạo mạc đại hồ ý,” thiên ý nhiên dã.

Thế nhân vãng vãng dĩ Nghiêu Thuấn Vũ Thang Văn Vũ vi chính thống, nhi dĩ Liêu Kim Nguyên vi loạn hoa, tông Phu tử vi chính truyền, nhi dĩ chư Phật vi dị giáo. Kỳ tôn chi giả cố thị, nhi thâm bài chi giả diệc phi, hà dị xỉ nha chi trùng, tiểu chỉ tiết vi Di Dịch? Cự ư nhân ý nhi phi thiên ý dã. Hoa nghiêm kinh vân: "Tất kiến tam thiên giới, tất kiến chư chúng sinh, tuy vị đắc thiên nhân, nhục nhân lực như thị. Cự ư nhân ý giả, vị tạo thủ địa.

[Thanh chú nhị]

Hải Hoà tăng viết:

-Trung Quốc dữ tứ duệ, giai tại thiên phúc trù chi trung. Tự thiên thị chi, bản vô bỉ thử, khởi tất thử vi hoa nhi quý, bỉ vi di nhi tiện! Tuy kỳ tập thượng chi bất đồng, ngôn ngữ chi hữu dị, nhiên các bả kỳ sơn xuyên chi tú, nhi vi thánh hiền giả, hà địa vô chi?

Đã địa chi phát dã hữu thời, cố tú khí chi sở chung hữu tiên hậu. Tú khí chi phát vi thanh hoa, kỳ thủy tại Trung Quốc. Thanh hoa thái lộ, đương hữu dĩ thời, ư thị u thâm chi tú, khởi nhi thừa chi, u thâm giả kỳ tú chi vị lộ dã. Nhiên tắc cùng tưu tịch hoại chi xứ, trùng ngư văn tự, thù lý ngôn ngữ, hựu kỳ tú chi vị phát giả, diệc đương dĩ thời nhi phát. Sở vị "bách thế khả tri" giả như thử.

DỊCH NGHĨA:

TIẾNG KHÔNG THÀNH (BẮT QUẢ THANH)

[Thanh dẫn Ngô Thì Hoàng]

Bắt quả thanh (Tiếng không thành), có lẽ là lấy nghĩa ở *Bắt quả phong* (gió chẳng thành) của quẻ Tốn trong *Chu Dịch*. Gió đi khắp bốn

phương, phát ra ở bốn mùa, thế nào cũng *thành* (quả), cũng có thể *không thành* (bất quả). Gió có cái gió chẳng thành (bất quả phong). Như ở đông nam thì nhiều nước, ở tây bắc thì nhiều núi, tùy theo nơi nhận được sự phân chia của gió. Người nào thấy được gió của bốn phương thì biết được sự vận hành khắp mười phương của gió.

Chương này, nghiên ngẫm cho thật chắc về ý nghĩa của chữ “ý,” cho rằng, ý trời không phải thật sự là ý, ý người mới thực sự là ý, người nào nghe được “Bất quả thành” (tiếng không thành), lại càng nên tu dưỡng về cái “ý không thành” (bất quả ý).

[Hải Lượng Đại thiên sư]

Hải Lượng Đại thiên sư nói:

Ý trời không chắc, ý người mới thật là chắc! Ý có thể nảy sinh ra “kiến” (thấy).

Các bậc thánh hiền thì nơi nào mà chẳng có. Cái đẹp sáng trong là vật báu của trời, cái đẹp sâu kín là cái ẩn giấu của trời. Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Văn, Vũ, Chu Công, Khổng Tử tiếp được cái đẹp sáng trong mà sinh ra; chư Phật bồ tát đứng lên ở cực tây, các vị tổ của Liêu, Kim, Nguyên đứng lên ở cực đông, cực bắc, đều là những vị vua nối theo ý trời để dựng nghiệp, cũng là do cái đẹp sâu kín sinh ra vậy.

Vì vậy cho nên, *đạo* không lớn bằng *ý*, *ý* không lớn hơn *vận*. Trời có vận của Trời, Thánh hiền có vận của Thánh hiền. Còn như vận hành mười phương, thì chỉ có các bậc “đại chất phác” mới làm nổi.

Lối chữ viết như con sâu, con cá, lời nói ra thì lú lo, đó là sự tồn tại đại chất phác của trời, không phải hốt nhiên mà có. *Kinh Hoa nghiêm* có bài kệ rằng:

Vì cái có trang nghiêm,
Mà mắt ta trong lắng.
Mắt do cha mẹ sinh,
Thấy ba ngàn thế giới.
Trong đó thấy chúng sinh,
Tất cả đều nhìn thấy.
Tuy chưa phải mắt trời,
Mắt thường còn được vậy.

[Thanh chú 1]

Hòa thượng Hải Âu nói:

-Ý trời không chắc, cái nó mà nhận được là to lớn, không có hạn định nào cả. Ý người là chắc, cái mà nó nhận được là nhỏ bé, quen với những điều thường thấy, mà ngạc nhiên với những điều không thường thấy. Vậy thì, ý trời và ý người là không giống nhau. Từ “ý” có thể sinh ra “kiến” (thấy), “ý” đã không giống nhau thì “kiến” cũng khác nhau.

Trời không gì là không che chở được, không gì là không bao hàm được. Nói về độ lớn của nó, thì không thể hình dung nổi. Nhưng nói một cách gần gũi, thì cũng như thân thể của một người to lớn mà thôi. Mưa gió, sấm sét, thì cũng như hơi thở của người ta. Trăm sông bốn biển, thì cũng như lỗ chân lông của người ta. Tứ Đại Bộ Châu, thì cũng như tứ thể của người ta. Bách linh vạn vật, thì cũng như loài sâu bọ của người ta vậy.

Huyết mạch của con người, thì từ tai, mắt, tay, chân, không chỗ nào là không chạy đến, thế thì cái ý vận hành của trời há vì Hoa Hạ, hay Di Địch mà phân biệt hay sao?

Cái đẹp sáng trong là vật báu của trời, tùy lúc mà phát ra. Cái đẹp sâu kín, là cái ẩn giấu của trời, tùy lúc mà sinh ra. Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Văn, Vũ, Chu Công, Khổng Tử, hoặc cai trị thiên hạ bằng chính sự, hoặc giáo hóa thiên hạ bằng đạo đức, đều là cái đẹp sáng trong vậy. Chư Phật và Liêu, Kim, Nguyên thì hoặc dùng lời nói để thức tỉnh thiên hạ, hoặc dùng tài trí để giành thiên hạ, đều là tiếp thu được cái đẹp sâu kín, đều là những bậc thánh nhân theo vận mà sinh ra vậy. Có lẽ, ý trời không có chỗ nào là không có, nơi nào ý tới thì *khí* cũng tới. Có sự vận hành mười phương, thì sinh ra sự vận hành tương ứng. Nơi có thanh danh văn vật, trong thâm sơn cùng cốc, hay ở nước “khôn dư hoá ngoại”⁽¹⁾ mà cứ cố theo đó để phân biệt trong ngoài,⁽²⁾ thì không phải là ý trời vậy.

Xưa kia, lúc mà cái đại chất phác chưa tan, vận trời ở tại Trung Quốc, thì Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Văn, Vũ, Chu Công, Khổng Tử đứng ra mà đón lấy cái vận ấy. Khi mà chế độ lễ nhạc đã đến chỗ văn hoa cùng tột, thì văn tự như sâu như cá, những tiếng nói lú lờng, lại riêng giữ được cái đại chất phác của trời. Vận hành ở chỗ nào, thì gặp gỡ ở chỗ đó, mà có bồ tát, Liêu, Kim, Nguyên. Cho nên nói rằng: “Trời có cái vận của trời, thánh hiền có cái vận của thánh hiền.” Đạo không có gì lớn bằng ý, ý trời là như thế.

Người đời thường thường cho Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Văn, Vũ là chính thống, mà cho Liêu, Kim, Nguyên là loạn Hoa, tôn Khổng Tử làm chính truyền mà cho chư Phật là dị giáo. Tôn trọng Khổng Tử thì đúng, nhưng bài chư Phật thì không đúng, như thế khác nào con sâu răng cười

đốt ngón tay là Di Địch, bó hẹp trong ý người, mà không đúng với ý trời vậy. *Kinh Hoa nghiêm* nói: “Thấy hết thấy ba nghìn thế giới, thấy hết thấy chúng sinh, tuy chưa có thiên nhãn, mà sức nhục nhãn đã được như thế.” Bó hẹp trong ý người, thì chưa đến được chỗ đó.

[Thanh chú 2]

Tăng Hải Hoà nói:

-Trung Quốc và Tứ Di, đều ở trong vòng trời che. Trời tự trông coi việc đó, vốn không phân biệt này nọ, nào phải này là Trung Hoa thì quý, nọ là Di Địch thì coi rẻ đâu! Tuy rằng tập tục bất đồng, ngôn ngữ khác nhau, nhưng những người bầm thụ được cái khí tốt đẹp của núi sông mà làm thánh hiền, thì chỗ nào mà chẳng có?

Nhưng đất phát có thời, cho nên khí đẹp chung đúc cũng có trước có sau. Khí tốt phát ra sáng trong khởi đầu ở Trung Quốc. Sáng trong phát ra quá lộ, thì phải có lúc hết, do đó cái đẹp sâu kín mới dấy lên mà kế tiếp. Sâu kín là cái chưa phát lộ. Vậy thì những chỗ xa vời hẻo lánh, với văn tự con sâu con cá, tiếng nói líu lờ, lại là cái đẹp chưa phát lộ, cũng sẽ đến thời thì phát lộ. Ý nghĩa của câu “Bách thế khả tri”⁽³⁾ (Trăm đời có thể biết) là như thế.

CHÚ THÍCH:

1. Khôn dư hoá ngoại: Chỉ đất Man Di ngoài Trung Quốc.
2. Trong ngoài: Chỉ nước trong Hoa Hạ (Trung Quốc) và những nước ngoài Hoa Hạ (ngoài Trung Quốc).
3. Nguyên văn: “Tử Trang vấn: Thập thế khả tri dã? Tử viết: Ân nhân vu Hạ lễ, sở tổn ích khả tri dã. Chu nhân vu ân lễ, sở tổn ích khả tri dã. Kỳ hoặc kế Chu giả, tuy bách thế khả tri dã.”

Nghĩa là: Tử Trang hỏi: Có thể biết được mười đời không? Khổng Tử trả lời: Nhà Ân dựa vào lễ của nhà Hạ, những điều thêm bớt có thể biết được. Nhà Chu dựa vào lễ nhà Ân, những điều thêm bớt có thể biết được. Vậy nên, những đời kế tiếp nhà Chu, tuy trăm đời về sau cũng có thể biết được (*Luận ngữ*, thiên *Vi chính*).

21. 藏聲

[聲引吳時儼]

天地之道，藏於“何言”，聖人之道，藏於無爲。故飛潛動植，無一物不安其所，而神功若無。飲食作息，無一民不遂其生，而帝力何有？夫！是之謂藏，藏也者不見其跡，莫知其然也。

大禪師闡明用陰之義：陰者藏也，其歸宿處，乃曰：“貴有陰德”，“貴使人陰受其賜”。藏其用而澤及於人，大道之至也。易六十四卦有畜卦，圓覺二十四聲有藏聲，言雖殊而理則一。

[海量大禪師]

海量大禪師言：

天地善用陰，神佛聖神善用陰。陽者性而陰者情，知情而後成性。

百花瓣開於黎，萬樹甲折於昏，天地之善用陰也。悟道傳燈，知道嚮晦，神佛聖賢之善用陰也。

是故天地之道，貴幽、貴微、貴隱、貴祕。乾道成男坤道成女，至明存於至幽，至顯藏於至隱。

萬物不幽隱，靈性不如人。鬼怪能興妖，不如神佛。姦邪能弄巧，不及聖賢。

不善用陰者，終囿於陰，火外明而內暗。善用陰者，陰反生陽，水外暗而內明。

學道君子，貴有陰德，貴使人陰受其賜。大勝普通如來，無相無靈，其斯所謂歟？

[聲註一]

海鷗和尚曰：

太極動而生陽，靜而生陰，一陰一陽之謂道。然陽者顯而易知，陰者幽而難見。雲行雨施，人所共知也，而品物流形之妙不可窮；春生秋殺，人所共知也，而生消升降之機不可測。

蓋其道則相爲體用，然自微而著，自隱而顯，可以見天地之用處焉。辯開於黎，甲折於昏，天地之造化見於物。悟道傳燈，知道嚮晦，神佛之功用見於人。

廣成子曰：“至道之精，窈窈冥冥，至道之極，昏昏默默”。此天地聖賢神佛用陰之義也。惟其善用陰，故昏折黎開，終於明白，而傳燈嚮晦者，愈見其光明。蓋陰之爲道，幽微隱祕，而有至明至顯存焉。

舉乾道坤道言之，以見其明之必由於幽，顯之必由於隱也。能幽能隱，是善用陰也。善用陰故聖賢神佛之道，與天地參。

若鬼怪興妖以惑人，姦邪弄巧以欺人，然赫赫者終有自滅時，營營者終有見拙處，不若神佛聖賢之道，愈久恒貞，在人而人不知者也。故曰：“君子之道闇然而日章”。水外闇而內明，此其喻也。

大禪師揭出此章，開市學者，而圍終之曰：“貴有陰德，貴使人陰受其賜”，以明修己治人之要道。曰：“大勝普通如來無相無靈”，以明佛之靈相，不可得見其有。非深於道者，孰能識之？

[聲註二]

海和僧曰：

陽者剛健，陰者含弘。剛健其體，而含弘其用，非含弘無以蘊畜包藏，而為施生之用也。故陰之為道，幽微隱祕，而至明至顯存焉。惟其不昭昭以露，不暴暴以陳，淵奧宏深，方有受用處。天地網緼，萬物化醇，乾道成男，坤道成女，孰知其所以然。神佛之佑物康民，其功歛於無跡。聖賢之正心誠意，其道貴於自修，皆善用陰者也。

火根於陰，而用之以陽，故外明而內暗。如人有一善事，便求知於人，責報於天，有陽德者必有陰譴，不善用陰者也。

水根於陽，而用之以陰，故外暗而內明。如人終身行善，不求知於人，不責報於天，有陰德者必有陽報，善用陰者也。然則陰也者，其德之基而功之本歟？

PHIÊN ÂM:

TÀNG THANH

[Thanh dẫn Ngô Thì Hoàng]

Thiên địa chi đạo, tàng ư “hà ngôn,” thánh nhân chi đạo, tàng ư vô vi. Cố phi tiềm động thực, vô nhất vật bất an kỳ sở, nhi thần công nhược vô. Âm thực tác tức, vô nhất dân bất toại kỳ sinh, nhi đế lực hà hữu? Phù! Thị chi vị tàng, tàng dã giả bất kiến kỳ tích, mạc tri kỳ nhiên dã.

Đại thiên sư xiển minh dụng âm chi nghĩa: Âm giả tàng dã, kỳ quy túc xử. Nãi viết: “Quý hữu âm đức,” “quý sử nhân âm thụ kỳ tử.” Tàng kỳ dụng nhi trạch cập ư nhân, đại đạo chi chí dã. Dịch lục thập tứ quái hữu Súc quái, Viên Giác nhị thập tứ thanh hữu tàng thanh, ngôn tuy thù nhi lý tắc nhất.

[Hải Lượng Đại thiên sư]

Hải Lượng Đại thiên sư ngôn:

-Thiên địa thiện dụng âm, Thần Phật Thánh hiền thiện dụng âm. Dương giả tính nhi âm giả tình, tri tình nhi hậu thành tính.

Bách hoa biện khai ư lê, vạn thụ giáp chiết ư hôn, thiên địa chi thiện dụng âm dã. Ngộ đạo truyền đăng, tri đạo hưởng hoi, Thần Phật Thánh hiền chi thiện dụng âm dã.

Thị cố thiên địa chi đạo, quý u, quý vi, quý ẩn, quý bí. Kiền đạo thành nam Khôn đạo thành nữ, chí minh tồn ư chí u, chí hiển tàng ư chí ẩn.

Vạn vật bất u ẩn, linh tính bất như nhân. Quỷ quái năng hưng yêu, bất như Thần Phật. Gian tà năng lộng xảo, bất cập thánh hiền.

Bất thiện dụng âm giả, chung hữu ư âm, hoá ngoại minh nhi nội ám. Thiện dụng âm giả, âm phản sinh dương, thuỷ ngoại ám nhi nội minh.

Học đạo quân tử, quý hữu âm đức, quý sử nhân âm thụ kỳ tứ. Đại Thắng Phổ Thông Như Lai, vô tướng vô linh, kỳ tư chi vị dư?

[Thanh chú nhất]

Hải Âu hoà thượng viết:

-Thái cực động nhi sinh dương, tĩnh nhi sinh âm, nhất âm nhất dương chi vị đạo. Nhiên dương giả hiển nhi dị tri, âm giả u nhi nan

kiến. Vân hành vũ thí, nhân sở cộng tri dã, nhi phẩm vật lưu hình chi diệu bất khả cùng; xuân sinh thu sát, nhân sở cộng tri dã, nhi sinh tiêu thăng giáng chi cơ bất khả trắc.

Cái kỳ đạo tắc tương vi thể dụng, nhiên tự vi nhi trước, tự ẩn nhi hiển, khả dĩ kiến thiên địa chi dụng xứ yên. Biện khai ư lê, giáp chiết ư hôn, thiên địa chi tạo hoá kiến ư vật. Ngô đạo truyền đăng, tri đạo hưởng hồi, Thần Phật chi công dụng kiến ư nhân.

Quảng Thành Tử viết: “Chí đạo chi tinh, yếu yếu minh minh, chí đạo chi cực, hôn hôn mặc mặc.” Thử thiên địa Thánh hiền Thần Phật dụng âm chi nghĩa dã. Duy kỳ thiện dụng âm, cố hôn chiết lê khai, chung ư minh bạch, nhi truyền đăng hưởng hồi giả, dĩ kiến kỳ quang minh. Cái âm chi vi đạo, u vi ẩn bí, nhi hữu chí minh chí hiển tồn yên.

Cử Càn đạo Khôn đạo ngôn chi, dĩ kiến kỳ minh chi tất do ư u, hiển chi tất do ư ẩn dã. Năng u năng ẩn, thị thiện dụng âm dã. Thiện dụng âm cố Thánh hiền Thần Phật chi đạo, dĩ thiên địa tham.

Nhược quý quái hưng yêu dĩ hoặc nhân, gian tà lộng xảo dĩ khi nhân, nhiên hách hách giả chung hữu tự diệt thời, doanh doanh giả chung hữu kiến chuyết xứ, bất nhược thân Phật Thánh hiền chí đạo, dĩ cứu hăng trình, tại nhân nhi nhân bất tri giả dã. Cố viết: “Quân tử chí đạo ám nhiên nhi nhật chương.” Thủy ngoại ám nhi nội minh, thử kỳ dụ dã.

Đại thiên sư yết xuất thử chương, khai thị học giả, nhi hữu chung chi viết: “Quý hữu âm đức, quý sử nhân âm thụ kỳ tử” dĩ minh tu dĩ trị nhân chi yếu đạo. Viết: “Đại thắng phổ thông Như Lai vô

tương vô linh,” dĩ minh Phật chi linh tương, bất khả đắc kiến kỳ hữu, phi thâm ư đạo giả, thực năng thức chi?

[Thanh chú nhị]

Hải Hoà tăng viết:

-Dương giả cương kiện, âm giả hàm hoẵng. Cương kiện kỳ thể, nhi hàm hoẵng kỳ dụng, phi hàm hoẵng vô dĩ uẩn súc bao tàng, nhi vi thi sinh chi dụng dã. Cố âm chi vi đạo, u vi ẩn bí, nhi chí minh chí hiển tồn yên. Duy kỳ bất chiêu chiêu dĩ lộ, bất bạo bạo dĩ trần, uyên áo hoành thâm, phương hữu thụ dụng xứ. Thiên địa nhân uẩn, vạn vật hoá thuần, Kiên đạo thành nam, Khôn đạo thành nữ, thực tri kỳ sở dĩ nhiên. Thần Phật chi hữu vật khang dân, kỳ công liễm ư vô tích. Thánh hiền chi chính tâm thành ý, kỳ đạo quý ư tự tu, giai thiện dụng âm giả dã.

Hoả căn ư âm, nhi dụng chi dĩ dương, cố ngoại minh nhi nội ám. Như nhân hữu nhất thiện sự, tiện cầu tri ư nhân, trách báo ư thiên, hữu dương đức giả, tất hữu âm khiên, bất thiện dụng âm giả dã.

Thủy căn ư dương, nhi dụng chi dĩ âm, cố ngoại ám nhi nội minh. Như nhân chung thân hành thiện, bất cầu tri ư nhân, bất trách báo ư thiên, hữu âm đức giả tất hữu dương báo, thiện dụng âm giả dã. Nhiên tắc âm dã giả, kỳ đức chi cơ nhi công chi bản dư?

DỊCH NGHĨA:

TIẾNG ẨN GIẤU (TÀNG THANH)

[Thanh dẫn Ngô Thì Hoàng]

Đạo của trời đất giấu kín ở chỗ “có nói gì đâu.”⁽¹⁾ Đạo của Thánh nhân giấu kín trong chữ “Vô vi.”⁽²⁾ Cho nên chim bay cá lội, động vật, thực vật, mọi vật đều được yên chỗ, nhưng công lao của thần, dường như không có. Khi ăn khi uống, lúc làm lúc nghỉ, mọi người đều được sống thoải, nhưng sức lực của trời sao không có? Ôi! Như thế gọi là ẩn giấu, ẩn giấu nghĩa là không nhìn thấy dấu vết, không biết có việc ấy vậy.

Đại thiên sư gọi mở ra một cách sáng rõ về ý nghĩa của việc *dụng âm*: Âm có nghĩa là *giấu kín*, đến chỗ quy tụ lại, thì nói: “Quý ở chỗ có âm đức,” “Quý ở chỗ khiến người ta kín đáo chịu ơn.” Như vậy, giấu kín cái dụng của nó nhưng ân trạch thì kịp đến với người, đến với đạo lớn vậy. Sáu mươi tư quẻ của *Kinh Dịch* trong đó có quẻ “Súc,” hai mươi bốn thanh của kinh *Viên giác* trong đó có “Tàng thanh,” lời dẫu khác nhưng lẽ thì vẫn là một.

[Hải Lượng Đại thiên sư]

Hải Lượng Đại thiên sư nói:

-Trời đất khéo dụng âm, Thần, Phật, Thánh hiền khéo dụng âm. Dương là *tính*, còn âm là *tình*, biết đến tình sau đó sẽ thành tính.

Trăm hoa nở cánh khi tảng sáng, muôn cây nứt màng lúc chiều hôm, đó là cái khéo dụng âm của trời đất vậy. Ngô đạo truyền đăng, biết đạo trong bóng tối, đó là cái khéo dụng âm của Thần Phật, Thánh hiền vậy.

Vì vậy cho nên, đạo của trời đất quý cái tối, cái nhỏ, cái kín và cái bí ẩn. Đạo của *Càn* thì thành nam, đạo của *Khôn* thì thành nữ, như vậy, *rất sáng ở trong rất tối, rất rõ ràng ở trong rất kín*.

Vạn vật không giấu kín, cho nên cái tính linh lợi không như người. Quỷ quái hay làm ra yêu thuật, cho nên không như Thần, Phật. Kẻ gian tà hay tráo trở lật lọng, cho nên không kịp Thánh hiền.

Người nào không khéo dụng âm, thì cuối cùng bị vây chặt trong âm, như lửa thì sáng ngoài mà tối trong. Người nào khéo dụng âm, thì âm trở lại sinh dương, như nước thì tối ngoài mà sáng trong.

Người quân tử học đạo, quý ở chỗ có âm đức, và cũng quý ở chỗ khiến người ta kín đáo chịu ơn. Đại Thánh Phổ Thông Như Lai, vô tướng vô linh là nói về điều đó chăng?

[Thanh chú 1]

Hoà Thượng Hải Âu nói:

Thái cực động thì sinh dương, tĩnh thì sinh âm. Một âm một dương gọi là Đạo.⁽³⁾ Nhưng dương thì rõ nên dễ biết, còn âm thì tối nên khó thấy. Mưa xối mây trôi, mọi người đều biết, nhưng sự diệu kỳ khi phẩm vật chuyển hình thì thật khôn cùng; xuân sinh thu diệt, mọi người đều biết, nhưng cái cơ sinh diệt thăng giáng thì thật khó lường.

Có lẽ, Đạo thì cùng nhau thể dụng, nhưng từ nhỏ xú đến rõ rệt, từ u tối đến sáng rõ, có thể thấy chỗ thể dụng của trời đất. Cánh hoa nở ra khi tảng sáng, màng cây nứt ra lúc chiều hôm, là thấy ở vật cái tạo hoá của trời đất. Ngộ đạo truyền đăng, biết đạo trong bóng tối, là thấy rõ ở người cái công dụng của Thần Phật.

Quảng Thành Tử nói: “Cái *tinh* của chí đạo, mờ mờ mịt mịt; cái *cùng cực* của chí đạo, tối tăm lạng lẽ.”⁽⁴⁾ Đó là ý nghĩa dụng âm của trời

đất, Thần, Phật, Thánh hiển vậy. Chính vì khéo dụng âm cho nên chiếu hôm mở màng, tăng sáng nở cánh, rồi cuối cùng được rõ ràng, mà việc truyền đăng trong bóng tối, lại càng được sáng tỏ. Có lẽ, cái đạo của âm là tối, nhỏ, kín và bí ẩn, nên còn giữ lại được cái rất sáng, rất rõ vậy.

Nêu đạo *Càn*, đạo *Khôn* ra bàn bạc, là để thấy rằng, cái sáng ắt phải do cái tối, cái rõ ràng ắt phải do cái dấu kín vậy. Biết cái tối, biết cái dấu kín, tức là khéo dụng âm vậy. Khéo dụng âm cho nên đạo của Thánh hiền, Thần Phật được xen vào với trời đất.

Còn như quỷ quái làm ra phép yêu ma dọa người, gian tà tráo trở lật lọng lừa người, cho dù có rực rỡ đến mấy, rồi có lúc phải tự hủy diệt, cho dù có vang dội đến mấy, cuối cùng cũng sẽ tới chỗ vụng về, không được như cái đạo của Thần Phật, Thánh hiền, càng lâu càng bền, ở trong người ta mà người ta không biết. Cho nên nói rằng: “Cái đạo người quân tử mờ mờ mà ngày càng rạng tỏ.” Nước thì tối ở ngoài mà sáng ở trong, đó là ví dụ vậy.

Đại thiên sư nêu lên chương này để chỉ thị cho học giả, rồi khuôn lại, nói rằng: “Quý có âm đức, quý làm cho người ta thâm kín chịu ơn” để tỏ rõ cái đạo sửa mình trị người. Lại nói thêm rằng: “Đại Thắng Phổ Thông Như Lai vô tướng vô linh,” để cho người ta thấy rõ, cái hình tướng của Phật vốn không thể thấy được. Nếu không phải người có sở đắc rất sâu về Đạo, thì làm sao biết được điều ấy?

[Thanh chú 2]

Tăng Hải Hòa nói:

-Dương thì chắc khoẻ, âm thì hàm chứa. Phải chắc khoẻ cái *thể*, hàm chứa cái *dụng*, không hàm chứa thì không đùm bọc ấp ủ để có tác dụng hoá sinh được. Cho nên đạo của âm là tối, nhỏ, kín và bí ẩn, nhưng vẫn giữ lại

được cái rất sáng, rất rõ. Chính vì nó không lộ hẳn ra, không bày hẳn ra, mà cứ sâu kín yên áo, cho nên mới có tác dụng. “Trời đất ấp ủ vạn vật sinh sôi.” “Đạo Càn thành nam, đạo Khôn thành nữ,” ai biết được tại sao lại như thế. Thần Phật giúp vật an dân, công lao ấy thu lại không dấu vết; Thánh hiền chính tâm thành ý, cái đạo ấy quý ở chỗ tự tu, đều là cách khéo léo dụng âm vậy.

Cái gốc của lửa là âm, mà tác dụng ở dương, cho nên ngoài sáng mà trong tối. Cũng như người kia làm được một việc thiện, thì muốn được người biết đến, muốn được trời báo trả, như thế gọi là có dương đức, mà “có dương đức thì tất có âm phạt” như thế gọi là không khéo dụng âm vậy.

Cái gốc của nước là dương, mà tác dụng ở âm, cho nên ngoài thì tối mà trong thì sáng. Cũng như người kia suốt đời làm việc thiện, không cần người ta biết, không muốn được trời báo trả, như thế gọi là có âm đức, mà “có âm đức thì tất có dương báo,” như thế gọi là khéo dụng âm vậy. Như thế thì, *âm* là nền tảng của *đức*, là gốc rễ của công sức chẳng?

CHÚ THÍCH:

1. Nguyên văn: “Tử viết: Thiên hà ngôn tai? Tứ thời hành yên, bách vật sinh yên, thiên hà ngôn tai?” Nghĩa là: Khổng Tử nói: Trời có nói gì đâu? Bốn mùa vận chuyển, trăm vật nảy nở, trời có nói gì đâu? (*Luận ngữ*, thiên *Dương Hoá*).

2. Nguyên văn: “Vô vi nhi trị giả, kỳ Thuấn dã dư.” Nghĩa là: Chỉ có Thuấn mới dùng chính sách vô vi để cai trị mà thôi (*Luận ngữ*, thiên *Vệ Linh Công*).

Lão Tử, *Đạo đức kinh*: “Vi vô vi tắc vô bất trị” (chương 3) “Vô vi nhi vô bất vi” (chương 48). Nghĩa là: “Thi hành vô vi thì không có chỗ nào là không trị yên được.” “Vô vi nhưng không chỗ nào không làm.”

Hoa nghiêm kinh: “Vô tính chân lý danh viết vô vi.” Nghĩa là: “Chân lý vô tính gọi là vô vi.”

Ở đây có lẽ chỉ vô vi của Khổng Giáo.

3. Chu Đôn Di trong *Thái cực đồ thuyết* nói: “Thái cực động nhi sinh dương, động cực nhi tĩnh, tĩnh nhi sinh âm.” Nghĩa là: “Thái cực động mà sinh dương, động đến cùng cực thì lại tĩnh, tĩnh mà sinh âm.”

Kinh Dịch, Hệ từ thượng: “Nhất âm nhất dương chi vị đạo.” Nghĩa là: “Một âm một dương gọi là đạo.”

4. Quảng Thành Tử trong thiên *Tại hựu sách Trang Tử* nói: “Chí đạo chi tinh, yếu yếu minh minh, chí đạo chi cực, hôn hôn mặc mặc.”

22. 響聲

[聲引吳時儻]

有聲必有響，理之常也。鍾之聲金響，鐸之聲爲木響。響者聲之末，而聲者響之本也。聲作於一時，而響及於後世。故君子必先正其本。

木綿震跡，柴山谷頂腳痕，皆法術之響聲也。一時行怪，可使語怪者響應之，有不應則其響息矣。三祖以慈悲爲體，廣大爲用，與天地同德，與日月合其明，其聲甚正，故其響甚長，無賢愚聖凡，聞斯響者，莫不興起。是以謂之響聲。

[海量大禪師]

海量大禪師言：

安南高僧甚多，名儒亦甚多。然高僧好行險作怪，空路、大顛、道行、萬行之徒，法術最著，今所傳木綿震跡，柴山谷頂腳痕，是皆僧自爲之。恰似鬼門關柳昇倒石一般，乃前朝象武功所作。

普明鼎、報天塔、瓊林佛、普賴鍾，大都如是，真修者不爲也。真修如竹林三祖，何嘗有怪誕傳來。是故修法不如修道，修身不如修心。修道修心，儒家謂之藏修。

[聲註一]

海鷗和尚曰：

經云：“良賈深藏若虛，君子盛德，容貌若無”。有德者猶不見於貌，況見於事耶？金剛經云：“非法非非法”，法猶曰非，何事之有？

我國高僧空路、大顛、道行、萬行之徒，法術最削。然木綿震跡，柴山石痕，顯神怪以駭人。

普明鼎、報天塔、瓊林佛、普賴鍾，留色相以貽後，此所以爲法術。

術爲之義，操術之謂也。有操術便有意必。謂之高僧則可，謂之上佛則不可。

上佛者修如竹林三祖，覺世指在言語道理上，非惟不見於事，求其言亦宏遠闊大，曠然不見其廉隅，宜學禪者祖之。故曰：“修法不如修道，修身不如修心”，蓋修法者得其粗，不如修道之得其精。修身者務其外，不如修心之務其內。寓至顯於至微，隱有用於無用，聽之而不可聞，望之而不可見。

儒書曰：“放之則彌六合，卷之則退藏於密”，是之謂藏修。

[聲註二]

海何僧曰：

釋迦神通，無生無滅，而七日一粒，自覺羸瘦，服行乞食，不肯過爲詭異，以開怪誕之端。故

我國高僧甚多，而獨推竹林三祖者，以其無怪誕之傳也。

他如木綿震跡，惟萬行能解其義，安知非萬行之所爲？柴山谷頂腳痕，俗傳道行托生，安知非後人之所鑿？大都行險作怪，以神其說奇其事。

且如空路杖頭一囊銅，鑄爲安南四器。今普明鼎遺跡，陷下深田十餘畝。報天塔俗傳高數百丈。瓊林佛則塗山猶望見其頂。普賴鍾則天朝大黃帝聞其聲。設使果有其事，不知何處下落？

竹林三祖，卻無此等事。蓋其以心修道，以道明心，自然成佛，法之怪誕何與焉？

PHIÊN ÂM:

HƯỜNG THANH

[Thanh dẫn Ngô Thì Hoàng]

Hữu thanh tất hữu hưởng, lý chi thường dã. Chung chi thanh vi kim hưởng, đạc chi thanh vi mộc hưởng. Hưởng giả thanh chi mạt, nhi thanh giả hưởng chi bản dã. Thanh tác ư nhất thời, nhi hưởng cập ư hậu thế. Cố quân tử tất tiên chính kỳ bản.

Mộc miên chán tích, Sài Sơn cốc đỉnh cước ngân, giai pháp thuật chi hưởng thanh dã. Nhất thời hành quái, khả sử ngũ quái giả hưởng ứng chi, hữu bất ứng tắc kỳ hưởng tức hỹ.

Tam tổ dĩ từ bi vi thể, quảng đại vi dụng, dữ thiên địa đồng kỳ đức, dữ nhật nguyệt hợp kỳ minh, kỳ thanh thâm chính, cố kỳ hương thâm trường, vô Hiền Ngu Thánh Phạm, văn tư hưởng giả, mạc bất hưởng khởi. Thị dĩ vị chi hưởng thanh.

[Hải Lượng Đại thiên sư]

Hải Lượng Đại thiên sư ngôn:

-An Nam cao tăng thậm đa, danh nho diệt thậm đa. Nhiên cao tăng hiếu hành hiểm tác quái, Không Lộ Đại Diên Đạo Hạnh Vạn Hạnh chi đồ, pháp thuật tối trứ, kim sở truyền mộc miên chán tích, Sài Sơn cốc đỉnh cước ngân, thị giai tăng tự vi chi. Cấp tự Quỷ Môn quan Liễu Thăng đảo thạch nhất ban, nãi tiền triều tượng vũ công sở tác.

Phổ Minh đỉnh, Báo Thiên tháp, Quỳnh Lâm Phật, Phổ Lại chung, đại đô như thị, chân tu giả bất vi dã. Chân tu như Trúc Lâm Tam tổ, hà thường hữu quái đản truyền lai. Thị cố tu pháp bất như tu đạo, tu thân bất như tu tâm. Tu đạo tu tâm, nho gia vị chi tàng tu.

[Thanh chú nhất]

Hải Âu Hoà thượng viết:

-Kinh vân: “Lương giả thâm tàng nhược hư, quân tử thịnh đức, dung mạo nhược vô.” Hữu đức giả do bất kiến ư mạo, hướng kiến ư sự

đa? Kim cương kinh vân: “Phi pháp phi phi pháp” pháp do viết phi, hà sự chi hữu?

Ngã quốc cao tăng Không Lộ, Đại Diên, Đạo Hạnh, Vạn Hạnh chi đồ pháp thuật tối trứ. Nhiên một miên chán tích, Sài Sơn thạch ngân, hiển thân quái dĩ hải nhân.

Phổ Minh đỉnh, Báo Thiên tháp, Quỳnh Lâm Phật, Phổ Lại chung, lưu sắc tướng dĩ di hậu, thử sở dĩ vi pháp thuật.

Thuật chi vi nghĩa, thao thuật chi vị dã. Hữu thao thuật tiện hữu ý tất. Vị chi cao tăng tắc khả, vị chi Thượng Phật tắc bất khả.

Thượng Phật giả tu như Trúc Lâm Tam tổ, giác thế chỉ tại ngôn ngữ đạo lý thượng, phi duy bất kiến ư sự, cầu kỳ ngôn diệt hoành viễn khoát đại, khoáng nhiên bất kiến kỳ liên ngưng, nghi học Thiền giả tổ chi. Cổ viết: “Tu pháp bất như tu đạo, tu thân bất như tu tâm,” cái tu pháp giả, đắc kỳ thô, bất như tu đạo chi đắc kỳ tinh. Tu thân giả vụ kỳ ngoại, bất như tu tâm chi vụ kỳ nội. Ngụ chí hiển ư chí vi, ẩn hữu dụng ư vô dụng, thánh chi nhi bất khả văn, vọng chi nhi bất khả kiến.

Nho thư viết: “Phóng chi tắc dĩ lục hợp, quyền chi tắc thoái tàng ư mật,” thị chi vị tàng tu.

[Thanh chú nhị]

Hải Hoà tăng viết:

-Thích Ca thân thông, vô sinh vô diệt, nhi thất nhật nhất lập, tự giác doanh sáu, phục hành khát thực, bất khăng quá vi quý dĩ, dĩ khai quái dẫn chi đoan. Cố ngã quốc cao tăng thậm đa, nhi độc suy Trúc Lâm Tam tổ giả, dĩ kỳ vô quái dẫn chi truyền dã.

Tha như một miên chán tích, duy Vạn Hạnh năng giải kỳ nghĩa, an tri phi Vạn Hạnh chi sở vi? Sài Sơn cốc đỉnh cước ngân, tục truyền Đạo

Hạnh thác sinh, an tri phi hậu nhân chi sở tác? Đại đô hành hiểm tác quái, dĩ thân kỳ thuyết kỳ kỳ sự.

Thả như Không Lộ tượng đầu nhất nang đồng, chú vi An Nam tứ khí. Kim Phổ Minh đỉnh di tích, hãm hạ thâm điền thập dư mẫu. Báo Thiên tháp tục truyền cao số bách tượng. Quỳnh Lâm Phật tắc Đồ Sơn do vọng kiến kỳ đỉnh. Phổ Lại chung tắc Thiên Triều Đại Hoàng đế văn kỳ thanh. Thiết sử quả hữu kỳ sự, bất tri hà xứ hạ lạc?

Trúc Lâm Tam tổ, khước vô thủ đẳng sự. Cái kỳ dĩ tâm tu đạo, dĩ đạo minh tâm, tự nhiên thành Phật, pháp chi quái đản hà dữ yên.

DỊCH NGHĨA:

TIẾNG VANG (HƯỜNG THANH)

[Thanh dẫn Ngô Thì Hoàng]

Có tiếng ắt có vang, đó là lẽ thường vậy. Tiếng của chuông có tiếng vang của chất kim, tiếng của mõ có tiếng vang của chất mộc. Vang là ngọn của tiếng, mà tiếng lại là gốc của vang. Tiếng chỉ dấy lên một lúc, nhưng vang thì còn lại mãi về sau. Cho nên người quân tử trước tiên phải làm cho cái gốc được ngay thẳng.

Vết sét đánh cây gạo,⁽¹⁾ dấu chân ở đỉnh hang Sài Sơn⁽²⁾ đều là *Tiếng vang* của phép thuật. Nhất thời bày trò quái gỡ, có thể làm cho người thích nói chuyện quái gỡ hưởng ứng, nhưng nếu không ứng, thì cái *hưởng* cũng tắt.

Tam Tổ dùng từ bi làm *thế*, dùng quảng đại làm *dụng*, cùng đức với trời đất, cùng hợp sáng với nhật nguyệt, có cái *tiếng* rất chính, cho nên có cái *vang* rất dài. Bất cứ người hiền, kẻ ngu, bậc thánh hay phàm trần hễ nghe được cái vang ấy, không ai là không hứng khởi. Vì vậy cho nên gọi là Hưởng thanh (Tiếng vang).

[Hải Lượng Đại thiên sư]

Hải Lượng Đại thiên sư nói rằng:

-Nước Nam cao tăng rất nhiều, danh Nho cũng rất nhiều. Nhưng các cao tăng thường thích làm những việc quái dị, bí hiểm, như bọn Không Lộ, Đại Diên, Đạo Hạnh, Vạn Hạnh, pháp thuật rất cao, nay còn truyền lại những việc như vết sét đánh ở cây gạo, dấu chân in ở đỉnh hang Sài Sơn, đều do các sư tự làm ra. Việc đó giống hệt với việc tượng đá Liễu Thăng dựng ngược ở Quỷ Môn Quan⁽³⁾ là do Tiền triều muốn dựng tượng vũ công mà làm ra.

Cái vạc Phổ Minh, cái tháp Báo Thiên, tượng Phật Quỳnh Lâm, cái chuông Phả Lại,⁽⁴⁾ đều là như thế cả. Những việc như thế, các bậc chân tu không làm. Chân tu như Trúc Lâm Tam tổ chưa hề làm điều gì quái gở truyền lại đời sau. Cho nên tu pháp không bằng tu đạo, tu thân không bằng tu tâm. Tu đạo tu tâm, nhà Nho gọi là “Tàng tu” (Tu giấu kín).

[Thanh chú 1]

Hoà thượng Hải Âu nói:

-Kinh sách có nói: “Người khéo buôn thì tích trữ sâu kín, như không có gì; người quân tử có thịnh đức, thì trên sắc mặt như không có gì.”⁽⁵⁾ Người có đức đã không muốn tỏ ra ngoài mặt, lại còn muốn tỏ ra ở việc làm hay sao? *Kinh Kim cương* nói: “Không có pháp, không phải không có pháp.” Pháp mà còn bảo là không có, thì “việc” còn có vào đâu?

Các cao tăng ở nước ta như Không Lộ, Đại Điền, Đạo Hạnh, Vạn Hạnh, pháp thuật rất cao, vết sét đánh cây gạo, vết đá Sài Sơn, biểu hiện sự quái dị để kinh hãi người ta.

Vạc Phổ Minh, tháp Báo Thiên, tượng Phật Quỳnh Lâm, chuông Phả Lại, lưu lại sắc tướng, để lại đời sau, đó gọi là phép thuật.

Nghĩa của chữ “thuật” là “thao thuật” vậy.⁽⁶⁾ Đã có “thao thuật” thì có ngay ở ý tất.⁽⁷⁾ Cho nên, gọi là cao tăng thì được mà gọi là Thượng Phật thì không được.

Thượng Phật thì phải như Trúc Lâm Tam tổ, chỉ dùng ngôn ngữ đạo lý để giác ngộ người đời, chẳng những không lộ liễu ở hành sự mà có nói năng thì cũng cao xa rộng lớn, quạnh thoáng không thấy được cạnh góc, đáng được nhà Thiền học suy tôn làm Tổ. Cho nên nói rằng: “Tu pháp không bằng tu đạo, tu thân không bằng tu tâm.” Có lẽ, tu pháp thì chỉ nắm được cái *thô*, không như tu đạo nắm được cái *tinh*; tu thân cốt ở bên ngoài, không như tu tâm cốt ở bên trong. Gửi cái chí hiển trong cái chí vi, giấu cái hữu dụng trong cái vô dụng. Lắng tai mà không thể nghe, ngóng nhìn mà không thể thấy.

Sách Nho nói: “Buông ra thì khắp lục hợp,⁽⁸⁾ cuộn lại thì lui giấu ở chỗ kín,” như thế gọi là “Tàng tu” (Tu giấu kín).

[Thanh chú 2]

Tăng Hải Hoà nói:

-Thích Ca thân thông, vô sinh vô diệt, mà bảy ngày chỉ có một hạt gạo; tự biết gãy nhom, lại đi xin ăn, mà không chịu làm phép lạ, vì sợ mở đường cho điều quái gở. Cho nên nước ta rất nhiều cao tăng mà chỉ suy tôn Trúc Lâm Tam tổ, ấy là vì không lưu truyền việc quái đản vậy.

Còn như những việc khác như vết sét đánh cây gạo, thì chỉ có Vạn Hạnh mới giải nghĩa được, biết đâu chẳng phải tự Vạn Hạnh làm ra? Dấu chân trên đỉnh hang Sài Sơn, tục truyền Đạo Hạnh thác sinh, biết đâu chẳng phải người đời sau đục ra? Những việc ấy đều là việc quái dị bí hiểm, để cho truyền thuyết thần bí, câu chuyện lạ kỳ.

Lại như Không Lộ quảy một nải đồng bên đầu gậy, đúc thành An Nam tứ khí. Nay cái vạc Phổ Minh in dấu trùng xuống thành hơn mười mẫu ruộng sâu; cái tháp Báo Thiên, tục truyền cao mấy trăm trượng; tượng Phật Quỳnh Lâm thì ở Đồ Sơn cũng thấy được cái trán; chuông Phả Lại thì Thiên triều Đại hoàng đế⁽⁹⁾ cũng nghe được tiếng. Giả sử có những việc như vậy thì cắt nghĩa ra làm sao?

Trúc Lâm Tam tổ không có những việc như thế, vì lấy tâm mà tu đạo, lấy đạo mà làm cho tâm sáng tỏ, thì tự nhiên thành Phật, nào phải có phép quái gỡ can dự vào?

CHÚ THÍCH:

1. Tương truyền đời Tiền Lê, sét đánh cây gạo ở chùa Cổ Pháp làng Diên Uẩn (Bắc Ninh), cây gạo bị toác ra thành vết hằn có bài thơ:

Thụ căn yếu yếu,

Mộc biểu thanh thanh.

Hoà đao mộc lạc,

Thập bát tử thành...

Nhà sư Vạn Hạnh đoán là Lê suy thì Lý lên thay. Có lẽ đó là do nhà sư Vạn Hạnh sắp đặt để nhằm đưa Lý Công Uẩn lên ngôi nhà Lý.

2. Tương truyền chùa Thầy (Sài Sơn) là nơi Từ Đạo Hạnh thoát xác, có dấu chân nhà sư in vào đá.

3. Tương truyền ở Quỷ Môn Quan (Lạng Sơn) có tượng đá hình Liễu Thăng bị chém dựng ngược.

4. Vạc Phổ Minh, tháp Báo Thiên, tượng Phật Quỳnh Lâm, chuông Phả Lại: Gọi là An Nam tứ khí, nghĩa là “Bốn vật báu của nước Nam.”

5. Nguyên văn: “Lương cổ thâm tàng nhược hư, quân tử thịnh đức dung mạo nhược ngu” (*Sử ký, thiên Lão Tử liệt truyện*).

6. Thao thuật: Vận dụng những xảo năng của pháp thuật để tạo ra những sự quái lạ.

7. Ý tất: Ở đây có nghĩa là những việc làm có chủ ý nhất định.

8. Lục hợp: Trời đất và bốn phương đông tây nam bắc. Đây là lời của Chu Hy dẫn ở đầu sách *Trung dung chương cú*.

9. Chỉ hoàng đế ở Trung Quốc.

23. 流動聲

[聲引吳時儼]

流動也者，如泉之流風之動，沛沛乎無所壅淤，洋洋乎無所停滯。記曰：“流而不息”，傳曰：“動之斯和”，是之謂流動。無所不流行，無所不運動。能流行運動，其道在圓。圓其體也，流動其用也。

[海量大禪師]

一沙彌向海量大禪師問輪迴。

師答言：

年有一年之輪迴，月有一月之輪迴，日有一日之輪迴。輪故能迴，如儒循環一般，環乃可循，不環便環不上。佛家說輪，儒家說環。輪環天道也。

天以圓爲體。日、月、五星皆圓，乃能周流運行。釋迦牟尼佛，轉無礙輪，孔子環轍諸侯，轍環輪迴也。有道者輪迴，無道者不輪迴。

沙彌垂頭而睡。大禪師又言：

儒說變通感通會通。佛說神通，其義一也。

徒弟白師言：

佛說神通變化時如何？

師答言：

四時不變，歲功不成，萬物不化，品彙不生。知道者通，不知道者不通。通者生，不通者死。是故生屬神死屬形。

釋迦牟尼佛滅度，孔子寢疾，七日而沒，道不與焉。西牛賀洲有無量壽佛，南瞻部洲五百年有王者興，是之謂神通。

[聲註一]

海鷗和尚曰：

春夏秋冬，盈、虛、晦、朔、旦、晡、昏、暮，終而服始，進退相代，此一年一月一日之輪迴也。佛說輪儒曰環，輪環圓也，爲用則一。日月五星以圓爲體，故能周流運行。

釋迦牟尼佛之上佛，轉無礙輪，用其圓也。故百千萬億眾生，皆能令入無餘涅槃，而懺度之。

至聖環轍，用其圓也，故陳蔡陽虎南子之事，皆不動聲色，以圓行也。故曰：“有道者輪迴，無道者不

輪迴”，非圓行不著也。此與僧家說傳生輪迴義異，宜沙彌不悟。

又曰：“變通者，關變而通之也。感通者此感彼應，感而必通也。會通觀其會之所適，而通之也。神通者神而化之，無所不通”。

儒適皆然，其義則一。然曰變、曰感、曰會，隨其有事、有情、有時而通之。神則極至於不可聞不可知，無乎不通，通至於神，斯能變矣。

稽之天道人事，何莫不然？陰陽寒暑迭運，而歲功成。動植飛潛，隨時變化，神通變化之義也。

兼天地萬物爲我，隨處圓融，了無凝滯，知道者也。

見而猶以爲未是，聞而猶以爲未真蔽錮膠滯，擺脫不去，不知道者也。

知道者通，通則洞，洞故故生。不知道者不通，不通則障，障故死。

神性也，性不得而滅，故曰：“生屬神”，形質也。質則生而有滅，故曰“死屬形”。

釋迦佛滅度，孔子寢疾而沒，滅沒其形也。而明心見性、盡心知性，聖人尊者之真傳，常在天地間，亙千萬古而不泯。故曰：“道不與焉”。西牛賀州，有無量壽佛，南瞻有王者興，有是道便有是人，不得而滅，亦此義也。

[聲註二]

海和僧曰：

物之圓者能行，方者能止。止者住著而不可移動。行者始而有終，終而復始，周流運轉，而無一息之停。輪以圓故能迴，環以圓故能循。圓者也智無不通，而行無所礙也。

劫有生化，其始托胎而生，生而長，長而老，老而死，死後精神不滅，復受形於生。人有貧賤，貧賤乃勤儉，勤儉乃富貴，富貴乃驕奢，驕奢復貧賤。

有道者生而爲人，諸惡莫作，眾善奉行，死後不墜魔障，往劫爲人，來劫爲人。富貴而常勤儉，能保其無貧賤，今日富貴，明日又富貴，乃能輪迴。

無道者曩劫爲人，化劫爲畜，何能輪迴？今日富貴，明日貧賤，何能輪迴？我師輪迴之說，真是釋迦以來所未發。

又曰：“人在天地間，魄者滯神者通。常人七分來是魄，三分來是魂。魂而得其靈者爲神。常人不靈故但喚做“三魂”，惟至人知覺，靈於常人，喚做“三神”。神無不通無不知，故謂之神通。滯者死，通者不死。常人魂不靈，與魄俱化。聖人神靈，不與魄俱死。何言乎不死？道常在天地間也。先知覺後知，先覺覺後覺，道之所在。故牟尼佛滅度，西牛賀洲，又有無量壽佛，是牟尼佛之道不死。

孔子沒而南瞻部洲，五百年又有王者興，是孔子之道不死。不死而能變化，道無終窮，非神通歟？然則人之生也，不能立一言述一事以求至於神通，使魄死而魂隨之，豈不能痛之甚哉！

PHIÊN ÂM:

LƯU ĐỘNG THANH

[Thanh dẫn Ngô Thì Hoàng]

Lưu động dã giả, như tuyên chi chi động, báí báí hồ vô sở ứng ử, dương dương hồ vô sở đình trệ. Ký viết: “Lưu nhi bất tức,” Truyện viết: “Động chi tư hòa,” thị chi vị lưu động. Vô sở lưu hành, vô sở bất vận động. Năng lưu hành vận động, kỳ đạo tại viên. Viên kỳ thể dã, lưu động kỳ dụng dã.

[Hải Lượng Đại thiên sư]

Nhất sa di hướng Hải Lượng Đại thiên sư vấn luân hồi.

Sư đáp ngôn:

-Niên hữu nhất niên chi luân hồi, nguyệt hữu nhất nguyệt chi luân hồi, nhật hữu nhất nhật chi luân hồi. Luân cố năng hồi, như nho tuần hoàn nhất ban. Hoàn nãi khả nho gia thuyết hoàn. Luân hoàn thiên đạo dã.

Thiên dĩ viên vi thể. Nhật nguyệt ngũ tinh giai viên, nãi năng du lưu vận hành. Thích Ca Mâu Ni Phật, chuyển vô ngại luân, Không Tử hoàn triệt chư hầu, triệt hoàn luân hồi dã. Hữu đạo giả luân hồi, vô đạo giả bất luân hồi.

Sa di thùy đầu nhi thùy. Đại thiên sư hựu ngôn:

-Nho thuyết biến thông cảm thông hội thông. Phật thuyết thần thông, kỳ nghĩa nhất dã.

Đồ đệ bạch sư ngôn:

-Phật thuyết thần thông biến hóa thời như hà?

Sư đáp ngôn:

-Tứ thời bất biến, tuế công bất thành, vạn vật bất hoá, phẩm vừng bất sinh, tri đạo giả thông, bất tri đạo giả bất thông.

Thông giả sinh, bất thông giả tử. Thị cố sinh thuộc thần tử thuộc hình.

Thích Ca Mâu Ni Phật diệt độ, Không Tử tâm tậ, thất nhật nhi một, đạo bất dữ yên. Tây Ngưu Hạ Châu hữu Vô Lượng Thọ Phật, Nam Thiệm Bộ Châu ngũ bách niên hữu vương giả hưng, thị chi vị thần thông.

[Thanh chú nhất]

Hải Âu Hoà thượng viết:

Xuân hạ thu đông, doanh, hư, hồi, sóc, đán, bồ, hôn, mộ, chung nhi phục thủy, tiến thoái tương đại, thử nhất niên nhất nguyệt nhất nhật chi luân hồi dã. Phật thuyết luân Nho viết hoàn, luân hoàn viên dã, vi dụng tắc nhất. Nhật nguyệt ngũ tinh dĩ viên vi thể, cố năng chu lưu vận hành.

Thích Ca Mâu Ni Phật chi Thượng Phật, chuyển vô ngại luân, dụng kỳ viên dã. Cố bách thiên vạn ức chúng sinh, giai năng lệnh nhập vô dư Niết Bàn, nhi sám độ chi.

Chí thánh hoàn triệt, dụng kỳ viên dã, cố Trần Sái Dương Hồ Nam Tử chi sự, giai bất động thanh sắc, dĩ viên hành dã. Cố viết: “Hữu đạo giả luân hồi, vô đạo giả bất luân hồi,” phi viên hành bất trước dã. Thử dữ tăng gia thuyết chuyển sinh luân hồi nghĩa dĩ, nghi Sa Di bất ngộ.

Hựu viết: “Biến thông giả, quan biến nhi thông chi dã. Cảm thông giả thử cảm bị ứng, cảm nhi tất thông dã. Hội thông quan kỳ hội chi sở thích, nhi thông chi dã. Thần thông giả thần nhi hoá chi, vô sở bất thông.”

Nho Thích giai nhiên, kỳ nghĩa tắc nhất nhiên viết biến, viết cảm, viết hội. Tuy kỳ hữu sự hữu tình hữu thời nhi thông chi. Thần tắc cực chí ư bất khả văn, bất khả tri, vô hồ bất thông, thông chí ư thần, tư năng biến hỷ.

Kê chi thiên đạo nhân sự, hà mạc bất nhiên? Âm dương hàn thử diệt vận, nhi tuế công thành. Động thực phi tiềm, tùy thời biến hoá, thần thông biến hoá chi nghĩa dã.

Kiểm thiên địa vận vật vi ngã, tùy xứ viên dung, liễu vô ngưng trệ, tri đạo giả dã.

Kiến nhi do dĩ vi vị thị, văn nhi do dĩ vi vị chân, tế cố gia trệ, bãi thoát bất khứ, bất tri đạo giả dã.

Tri đạo giả thông, thông tắc động, động cố sinh, bất tri đạo giả bất thông, bất thông tắc chướng, chướng cố tử.

Thần tính dã, tính bất đắc nhi diệt, cố viết: “Sinh thuộc thân,” hình chất dã. Chất tắc sinh nhi hữu diệt, cố viết: “Tử thuộc hình.”

Thích Ca Phật diệt độ, Không Tử tâm tậ nhi một, diệt một kỳ hình dã. Nhi minh tâm kiến tính, tậ tâm tri tính, Thánh nhân tôn giả chi chân truyền, thường tại thiên địa gian, cắng thiên vận cố nhi bất dẫn. Cố viết: “Đạo bất dữ yên.” Tây Ngưu Hạ Châu, hữu Vô Lượng Thọ Phật. Nam Thiệm hữu vương giả hưng, hữu thị đạo tiện hữu thị nhân, bất đắc nhi diệt, diệt thử nghĩa dã.

[Thanh chú nhị]

Hải Hoà tăng viết:

-Vật chi viên giả năng hành, phương giả năng chỉ. Chỉ giả trú trước nhi bất khả di động. Hành giả thủy nhi hữu chung, chung nhi phục thủy, chu lưu vận chuyển, nhi vô nhất tức chi đình. Luân dĩ viên cố năng hồi, hoàn dĩ viên cố năng tuần. Viên giả dã trí vô bất thông, nhi hành vô sở ngại dã.

Kiếp hữu sinh hoá, kỳ thủy thác thai nhi sinh, sinh nhi trưởng, trưởng nhi lão, lão nhi tử, tử hậu tinh thần bất diệt, phục thụ hình ư sinh.

Nhân hữu bản tiện, bản tiện nãi cần kiệm, cần kiệm nãi phú quý, phú quý nãi kiều sa, kiều sa phục bản tiện.

Hữu đạo giả sinh nhi vi nhân, chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành, tử hậu bất truy ma chướng, vãng kiếp vi nhân, lai kiếp vi nhân. Phú quý nhi thường cần kiệm, năng bảo kỳ vô bản tiện, kim nhật phú quý, minh nhật hựu phú quý, nãi năng luân hồi.

Vô đạo giả năng kiếp vi nhân, hoá kiếp vi súc, hà năng luân hồi? Kim nhật phú quý, minh nhật bản tiện, hà năng luân hồi? Ngã sư luân hồi chi thuyết, chân thị Thích Ca dĩ lai sở vị phát.

Hựu viết: Nhân tại thiên địa gian, phách giả trệ thần giả thông. Thường nhân thất phân lai thị phách, tam phân lai thị hồn. Hồn nhi đắc kỳ linh giả vi thần. Thường nhân bất linh cố dẫn hoán tố “tam hồn.” Duy chí nhân tri giác, linh ư thường nhân, hoán tố “tam thần.” Thần vô bất thông vô bất tri, cố vị chi thần thông. Trệ giả tử, thông giả bất tử. Thường nhân hồn bất linh, dữ phách câu hoá. Thánh nhân thần linh, bất dữ phách câu tử. Hà ngôn hồ bất tử? Đạo thường tại thiên địa gian dã. Tiên tri giác hậu tri, tiên giác giác hậu giác, Đạo chi sở tại. Cố Mâu Ni Phật diệt độ, Tây Ngưu Hạ Châu, hựu hữu Vô Lượng Thọ Phật, thị Mâu Ni Phật chi đạo bất tử.

Khổng Tử một nhi Nam Thiêm Bộ Châu, ngũ bách niên hựu hữu vương giả hưng, thị Khổng Tử chi đạo bất tử. Bất tử nhi năng biến hoá, đạo vô chung cùng, phi thần thông dư? Nhiên tắc nhân chi sinh dã, bất năng lập nhất ngôn thuật nhất sự dĩ câu chí ư thần thông, sử phách tử nhi hồn tùy chi, khởi bất năng thông chi thậm tại?

DỊCH NGHĨA:

TIẾNG LƯU ĐỘNG (LƯU ĐỘNG THANH)

[Thanh dẫn Ngô Thị Hoàng]

Lưu động, là như suối chảy, như gió lay, cuộn cuộn không có chỗ nào bị úng tắc, dạt dào không chỗ nào bị ngăn trở. Ký nói: “Chảy mà không ngừng.”⁽¹⁾ *Truyện* nói: “Động mà hoà hợp.”⁽²⁾ Như thế gọi là “lưu động” (lưu thông, trôi chảy). Mọi sự trên đời không có cái gì là không lưu hành, không có cái gì là không vận động. Lưu hành và vận động, bắt nguồn ở cái tròn. Tròn là *thể*, Lưu động là *dụng*.

[Hải Lượng Đại thiên sư]

Có sa di⁽³⁾ hỏi Đại thiên sư về cái thuyết luân hồi (xoay vòng).

Thầy đáp :

-Một năm có cái xoay vòng của một năm, một tháng có cái xoay vòng của một tháng, một ngày có cái xoay vòng của một ngày. Vì có cái bánh xe (luân), cho nên mới vòng (hồi), ví như sự quay vòng của nhà Nho, vì là cái vòng (hoàn) nên mới có thể ven theo vòng (tuần), không có cái vòng thì không thể ven theo vòng được. Nhà Phật nói cái bánh xe, nhà Nho nói cái vòng tròn. Cái bánh xe và cái vòng tròn là đạo trời vậy.

Trời dùng vòng tròn làm cái thể: Nhật, nguyệt, ngũ tinh đều tròn, vì tròn cho nên có thể vận hành vòng quanh được. Phật Thích Ca Mâu Ni chuyển cái bánh xe không vương, Không Tử đi xe vòng quanh các nước, đi xe vòng quanh cũng tức là xoay vòng vậy. Người có đạo thì xoay vòng, người không có đạo thì không xoay vòng.

Sa di gục đầu mà ngủ. Đại thiên sư lại nói:

-Nhà Nho nói: “biến thông,” “cảm thông,” “hội thông,” nhà Phật nói: “thần thông,” cũng cùng một nghĩa như nhau cả.

Đồ đệ bạch với thầy rằng:

-Phật nói “thần thông biến hóa” là như thế nào?

Thầy đáp rằng:

-Bốn mùa không đổi, thì công dụng của năm không thành, vạn vật không biến hóa, thì phẩm loại không sinh sôi. Người biết đạo thì thông, người không biết đạo thì không thông. Kẻ nào thông thì sống, không thông thì chết. Vì vậy cho nên sống thuộc về thần, còn chết thì thuộc về hình.

Phật Thích Ca Mâu Ni diệt độ (mất), Khổng Tử ngộ bệnh bảy ngày thì mất. Đạo không can dự vào đấy. Tây Ngưu Hạ Châu có Phật Vô Lượng Thọ,⁽⁴⁾ Nam Thiệm Bộ Châu⁽⁵⁾ cứ năm trăm năm lại có vương giả ra đời, như thế gọi là “thần thông.”

[Thanh chú 1]

Hòa thượng Hải Âu nói:

-Xuân, hạ, thu, đông, trăng tròn, trăng khuyết, cuối tháng, đầu tháng, sớm, trưa, chiều, tối, hết rồi quay lại, lui tới thay nhau, đó là sự xoay vòng của một năm, của một tháng, của một ngày vậy. Phật nói cái bánh xe, Nho nói cái vòng tròn, cái bánh xe hay cái vòng, đều là tròn cả, cho nên tác dụng vẫn là một. Cái thể của mặt trời, mặt trăng, trăm sao là tròn, cho nên chúng có thể vận hành xoay quanh.

Phật Thích Ca Mâu Ni là Thượng Phật, chuyển cái bánh xe không vương, là sử dụng sự tròn của nó vậy. Cho nên khiến trăm nghìn vạn ức chúng sinh đều vào được cõi “Vô Dư Niết Bàn” mà được sấm độ.

Đức Chí Thánh (Khổng Tử) ta đi xe vòng quanh chư hầu, là sử dụng sự tròn của nó, cho nên gặp những việc ở nước Trần, nước Sái, những việc Dương Hồ, Nam Tử mà không động thanh sắc,⁽⁶⁾ đều dùng cái tròn để làm vậy. Cho nên Thầy nói: “Người có đạo thì xoay vòng, còn người không có đạo thì không xoay vòng,” vì không tròn thì không xoay được. Điều này khác với thuyết “chuyển sinh luân hồi” của các nhà sư, nên sa di không hiểu được mới hỏi lại.

Thầy lại nói “biến thông,” tức là thấy cái biến mà làm cho thông đi. “Cảm thông” tức là bên này có “cảm,” thì bên kia mới “ứng,” đã “cảm” thì ắt phải “thông” vậy. “Hội thông,” tức là xem chỗ nó tụ hội về hướng nào, thì làm cho thông đi. “Thần thông” tức là làm cho thuần hóa, không có chỗ nào là không thông.

Nho, Thích đều như vậy, cùng chung một nghĩa. Nhưng gọi là *biến*, là *cảm*, là *hội* tùy lúc có sự, có tình, có thời mà cho thông đi. Thần thì cùng tột, đến nỗi không nghe được, không biết được, không có gì là không thông, mà thông đến với thần, thì có thể biến được vậy.

Xét về đạo trời và việc người, cái gì là chẳng thế. Âm dương, hàn thử luân thay nhau vận hành mà công dụng của năm được thành tựu. Động vật, thực vật, chim bay cá lặn, tùy thời biến hóa, đó là cái nghĩa của thần thông biến hóa vậy.

Ta bao gồm cả trời đất và muôn vật, phải tùy nơi tùy lúc mà xử trí cho tròn trịa, không để cho phải ngưng trệ, đó là người biết đạo vậy.

Việc gì nhìn thấy mà vẫn chưa cho là đúng, nghe mà còn chưa cho là thật, bị che lấp ứ đọng, vùng vằng chống chọi mà không thoát ra được, đó là người không biết đạo vậy.

Người biết đạo thì thông, thông thì soi suốt, soi suốt được thì sống. Người không biết đạo thì không thông, không thông thì bị chướng ngại, bị chướng ngại thì chết.

Thần là tính, tính thì không diệt được, cho nên nói “sống là thuộc về thần.” Hình là chất, chất thì có sinh có diệt, cho nên nói “chết là thuộc về hình.”

Phật Thích Ca thì diệt độ,⁽⁷⁾ Khổng Tử thì ngoạ bệnh mà mất. Diệt và mất chỉ là cái hình thôi, còn như “*minh tâm kiến tính*” và “*tận tâm tri tính*”⁽⁸⁾ là hai cái chân truyền của đức Phật và đức Thánh thì vẫn còn mãi mãi ở trong khoảng trời đất, ngàn muôn đời không bao giờ tắt, cho nên Thầy nói rằng: “Đạo không can dự vào đấy.” Tây Ngưu Hạ Châu có Phật Vô Lượng Thọ, Nam Thiệm có đấng vương giả dấy lên. Có cái đạo ấy, tức có con người ấy, không sao mà diệt được, cũng là ý nghĩa ấy.

[Thanh chú 2]

Tăng Hải Hoà nói:

-Vật gì tròn thì lăn chạy, vật gì vuông thì dừng. Dừng thì đứng yên một chỗ mà không thể di động. Lăn chạy thì có chỗ bắt đầu và có chỗ kết thúc, kết thúc rồi lại bắt đầu, xoay quanh vận chuyển, không ngừng một giây một phút nào. Cái bánh xe, vì tròn, cho nên xoay được; cái vòng cũng vì tròn, cho nên ven theo được. Tròn, thì “trí” không gì là không thông, còn “hành” thì không gì bị ngăn trở.

Kiếp người có sinh có hoá, lúc đầu thì thác vào thai mà sinh ra, sinh ra rồi lớn lên, lớn lên thì già đi, già đi rồi chết, chết rồi nhưng tình

thần không mất, lại thụ hình mà sinh ra. Người ta có nghèo khó, nghèo khó thì phải cần kiệm, cần kiệm thì trở nên phú quý, phú quý thì sinh ra kiêu sa, kiêu sa thì trở lại nghèo khó.

Người hữu đạo, sinh ra làm người, không làm điều gì ác, chăm làm mọi điều thiện, khi chết không rơi vào ma chướng, kiếp trước làm người, kiếp sau cũng làm người; phú quý mà vẫn cần kiệm, giữ khỏi cảnh nghèo, ngày nay phú quý, ngày mai lại phú quý, [người hữu đạo] được xoay vòng như thế.

Người nào vô đạo thì kiếp trước làm người, kiếp sau làm súc sinh, xoay vòng sao được? Cái thuyết xoay vòng của thầy ta, thật là từ Thích Ca lại đây chưa từng có ai phát hiện ra.

Thầy lại nói: Người ta ở trong khoảng trời đất, phách thì đình trệ, mà thần thì lưu thông. Người thường thì bảy phần là phách, ba phần là hồn. Hồn mà có linh thì là thần. Hồn người thường không linh, cho nên chỉ gọi là *Tam hồn*. Chỉ có bậc “thánh nhân tri giác,” linh hơn người bình thường, mới gọi là *Tam thần*. Thần thì không gì là không thông, không gì là không biết, cho nên gọi là *Thần thông*. Cái gì trệ thì chết, cái gì thông thì không chết. Người thường thì hồn không linh, cùng với phách mà biến mất. Thánh nhân thì thần linh, không chết cùng với phách. Tại sao lại nói là không chết? Vì Đạo luôn luôn tồn tại trong khoảng trời đất. Kẻ biết trước bảo cho kẻ biết sau, kẻ giác ngộ trước bảo cho kẻ giác ngộ sau, Đạo vì thế mà tồn tại được. Cho nên Phật Mẫu Ni diệt độ, nhưng ở Tây Ngưu Hạ Châu lại có Phật Vô Lượng Thọ, như thế là cái Đạo của Phật Mẫu Ni không chết.

Khổng Tử mất, nhưng ở Nam Thiệm Bộ châu cứ năm trăm năm lại có đấng Vương giả ra đời, như thế là cái Đạo của Khổng Tử không chết. Không chết mà có năng lực biến hoá, ấy là Đạo không bao giờ hết, như thế chẳng phải là *Thần thông* hay sao? Nhưng, người ta sinh ra không biết lập

ngôn, không biết thuật việc, để tìm đến *Thần thông*, khiến cho phách phải chết rồi hồn cũng đi theo luôn, như thế há chẳng rất đau thương lắm sao?

CHÚ THÍCH:

1,2.Chưa rõ xuất xứ.

3.Sa di (Sramanera): Sa là tắt điều ác, di là làm điều lành. Sa di là người mới xuất gia đi tu, bắt đầu chịu mười điều răn (thập giới).

4.Phật Vô Lượng Thọ (Amitavus) có nghĩa là sống lâu không giới hạn.

5.Nam Thiệm Bộ Châu: Xem chú thích số 13, mục Hành Thanh.

6.Những việc ở nước Sái, nước Trần cũng như sự kiện Dương Hổ, Nam Tử... đều là những việc trắc trở trên con đường du thuyết của Khổng Tử khi đến các nước chư hầu.

7.Diệt độ: Diệt là trừ bỏ mọi phiền não, độ là giác ngộ giải thoát. Diệt độ ở đây có nghĩa là chết.

8.Minh tâm kiến tính: Danh từ nhà Phật, có nghĩa là nhìn được triệt để bản tính tự tâm.

Tận tâm tri tính: Sách Mạnh Tử, thiên Tận tâm thượng: “Tận kỳ tâm giả, tri kỳ tính dã, tri kỳ tính tắc tri thiên hỹ.” Nghĩa là: Tận lượng tìm hiểu tự tâm thì sẽ biết được tính, biết được tính thì sẽ biết được lẽ trời.

24. 餘聲

[聲引吳時僂]

形器皆有餘聲。要之聞其疾而不聞其舒。舒之所餘，如山容之響，鼓之爲雷霆是也。

易曰：“君子居其室，出其言善，千里之外應之”。

非夫善聲之餘乎？

又曰：“顯諸仁藏諸用，鼓萬物而不與聖人同憂”。非夫仁聲之乎？是故至人德參造化，謙謙自卑，有福而不盡亨，有功而不盡居，有果而不盡食。有不盡然後有有餘。

大禪師提出因果二字，發明指趣，以有餘不盡之聲，淑諸人而傳諸後。佛說“聲聞聲，非聲聞聲”。聞得非聞聲者，可以聞餘聲矣。

[海量大禪師]

沙彌尋醒，又向海量大禪師而白師言：

“佛說因果，儒說碩果時如何”？

師答言：

“此乃果之果，如儒說必之必。儒說積善之家必有餘慶，積不善之家必有餘殃。果有是該有是，便是果。碩果就是功果福果一

般。是故福不可盡亨，功不可盡居，果亦不可盡食。

釋伽牟尼佛，遊於淨居人天，腹餓而有善女人供果，釋伽牟尼佛乃就城中乞食，而有童子與之塊土。儒家說：碩果不食你道食是好麼，不食是好麼”？

沙彌自旦至晡，飽聽師言，耳鳴而去。

[聲註一]

海鷗和尚曰：

因來因也，果果然也。感應之機，該如此也。天恢恢無物也，佛亦空空無物也。善善惡惡，未必印定，如此因必如此果，如人間法律印券一般。然急趨無善跡，觸柱少和聲，稻梁之田，不長莓菜。鸛鵒之巢，不伏鸞鳳。所謂“以此感以此應”，所謂“投種於地，待時而發”，皆因果之義也。知此可以語天道矣。

天道惡盈，福過災生，利兮害伏。悟此則知福不可盡亨。得生於失，寵生於辱，悟此則知功不可盡居。

儒書曰“滿招損”，曰“履盛滿”，曰“留有餘不盡之功，以還造化，留有餘不盡之福，以還子孫”。

道書曰：“爲鵠爲谷，凡事皆當留著一地頭”。大禪師曰：“功不可盡居，福不可盡亨，譬之果不可盡食”。大哉言乎！釋伽牟尼佛不食女人供果，而往城中乞食，以見事度眾生也。

大禪師一篇說，以文覺眾生也，真長夜之明燈，迷津之巨筏。古來知此義者，在越陶朱公，在漢張子防，在唐李鄴侯，數人而已。

[聲註二]

海和僧曰：

因行此事，果有此報，後果前因，毫發不爽。

因果當平看，福果功果，方可作碩果。

師說至矣盡矣。福者禍之對，福盡亨則禍生。功者過之對，功盡居則過生。故釋伽文佛，擲象淨飯城中，調御覺皇，南渡破元，有天下而已不與。

次焉者如法螺禪師，該受清閒之福，而加持戒行，不盡享其福，有明道教之功，而特留餘地，不盡居其功，道高德盛，皆未易及。

易曰：“碩果不食，君子得與”，或者當在今日，竹林興起，亦是果然必然之理。

PHIÊN ÂM:

DƯ THANH

[Thanh dẫn Ngô Thì Hoàng]

Hình khí giai hữu dư thanh. Yếu chi văn kỳ tât nhi bất văn kỳ thư. Thư chi sở dư, như sơn dung chi hưởng, cổ chi vi lời đình thị dã.

Dịch viết: “Quân tử cư kỳ thất, xuất kỳ ngôn thiện, thiên lý chi ngoại ứng chi.” Phi phù thiện thanh chi dư hồ?

Hữu viết: “Hiển chư nhân tàng chư dụng, cổ vạn vật nhi bất dữ thánh nhân đồng ư.” Phi phù nhân thanh chi dư hồ? Thị cố chí nhân đức tham tạo hóa, khiêm khiêm tự ty, hữu phúc nhi bất tận hưởng, hữu công nhi bất tận cư, hữu quả nhi bất tận thực. Hữu bất tận nhiên hậu hữu hữu dư.

Đại thiên sư đề xuất nhân quả nhị tự, phát minh chỉ thú, dĩ hữu dư bất tận chi thanh, thực chư nhân nhi truyền chư hậu. Phật thuyết “Thanh văn thanh, phi thanh văn thanh.” Văn đắc phi văn thanh giả, khả dĩ văn dư thanh hỹ.

[Hải Lượng Đại thiên sư]

*Sa di tâm tỉnh, hữu hướng Hải Lượng Đại thiên sư nhi
bach Sư ngôn:*

-Phật thuyết nhân quả, Nho thuyết thạc quả thời như hà?

Sư đáp ngôn:

*-Thử nãi quả chi quả, như Nho thuyết tất chi tất. Nho
thuyết “Tích thiện chi gia tất hữu dư khánh, tích bất thiện chi
gia tất hữu dư ương.” Quả hữu thị cai hữu thị, tiện thị quả.
Thạc quả tựu thị công quả phúc quả nhất ban. Thị cố phúc bất
khả tận hưởng, công bất khả tận cư, quả diệc bất khả tận thực,
Thích Ca Mâu Ni Phật, du ư tịnh cư nhân thiên, phúc ngạ nhi
hữu thiện nữ nhân cúng quả, Thích Ca Mâu Ni Phật nãi tựu
thành trung khát thực, nhi hữu đồng tử dữ khôi thổ. Nho gia
thuyết “Thạc quả bất thực” nhĩ đạo thực thị hảo ma, bất thực
thị hảo ma?*

*Sa di tự đán chí bô, bảo thánh sư ngôn, nhĩ minh
nhi khứ.*

[Thanh chú nhất]

Hải Âu Hòa thượng viết:

*-Nhân lai nhân dã, quả quả nhiên dã. Cảm ứng chi cơ, cai như
thử dã. Thiên khôi khôi vô vật dã, Phật diệc không không vô vật dã.
Thiện thiện ác ác, vị tất ấn định, như thử nhân tất như thử quả, như
nhân gian pháp luật ấn khoán nhất ban. Nhiên cấp xu vô thiện tích,
xúc trụ thiếu hòa thanh, đạo lương chi điền, bất trưởng mỗi lai. Liêu*

hào chi sào, bất phục loan phương. Sở vị “Đĩ thử cảm dĩ thử ứng,” sở vị “Đầu chúng ư địa, đĩ thời nhi phát,” giai nhân quả chi nghĩa dã. Tri thử khả dĩ ngữ thiên đạo hỹ.

Thiên đạo ố doanh, phúc quá tai sinh, lợi hệ hại phục. Ngộ thử tắc tri phúc bất khả tận hưởng. Đắc sinh ư thất, sủng sinh ư nhục, ngộ thử tắc tri công bất khả tận cư.

Nho thư viết: “Mãn chiêu tổn,” viết “Lý thịnh mãn,” viết “Lưu hữu dư bất tận chi công, dĩ hoàn tạo hóa, lưu hữu dư bất tận chi phúc, dĩ hoàn tử tôn.”

Đạo thư viết: “Vi dục vi cốc, phạm sự giai đương lưu trước nhất địa đầu.” Đại Thiên sư viết: “Công bất khả tận cư, phúc bất khả tận hưởng, thí chi quả bất khả tận thực.” Đại tai ngôn hô! Thích Ca Mâu Ni Phật bất thực nữ nhân cúng quả, nhi vãng thành trung khát thực, dĩ kiến sự độ chúng sinh dã.

Đại thiên sư nhất thiên thuyết, dĩ văn giác chúng sinh dã, chân trường dạ chi minh đăng mê tân chi cự phiệt. Cổ lai tri thử nghĩa giả, tại Việt Đào Chu Công, tại Hán Trương Tử Phòng, tại Đường Lý Nghiệp Hầu, sở nhân nhi dĩ.

[Thanh chú nhị]

Hải Hòa tăng viết:

-Nhân hành thử sự, quả hữu thử báo, hậu quả tiền nhân, hào phát bất sảng. Nhân quả đương bình khán, phúc quả công quả, phương khả tác thạc quả.

Sư thuyết chí hỹ tận hỹ. Phúc dã họa chi đối, phúc tận hưởng tắc họa sinh. Công giả quá chi đối, công tận cư tắc quá sinh. Cổ Thích Ca Văn

Phật, trích tượng Tịnh Phạn thành trung, Điều Ngự Giác Hoàng, nam độ phá Nguyên, hữu thiên hạ nhi dĩ bất dữ.

Thử yên giả như Pháp Loa thiền sư, cai thụ thanh nhàn chi phúc, nhi gia trì giới hạnh, bất tận hưởng kỳ phúc, hữu minh đạo giáo chi công, nhi đặc lưu dư địa, bất tận cư kỳ công, đạo cao đức thịnh, giai vị dị cập.

Dịch viết: “Thạc quả bất thực, quân tử đắc dư,” hoặc giả đương tại kim nhật, Trúc Lâm hưng khởi, diệc thị quả nhiên tất nhiên chi lý.

DỊCH NGHĨA:

TIẾNG THỪA (DƯ THANH)

[Thanh dẫn Ngô Thì Hoàng]

Hình và khí⁽¹⁾ đều có *Tiếng thừa* (Dư thanh). Nói chung chỉ nghe tiếng lướt mau mà không nghe tiếng trải ra. Cái thừa của tiếng trải ra như là tiếng vang của hang núi, nếu khua lên thì như sấm như sét vậy.

Kinh Dịch nói: “Người quân tử ở trong nhà, nói ra một lời nói phải, ngoài ngàn dặm vẫn hưởng ứng theo.”⁽²⁾ Thế chẳng phải là cái *thừa* của tiếng lành hay sao?

Kinh lại nói: “Tỏ rõ ở điều nhân, cất giấu ở trong cái *dụng*, khua động vạn vật nhưng không lo cùng thánh nhân.”⁽³⁾ Thế chẳng phải là cái *thừa* của tiếng nhân hay sao? Vì vậy cho nên, bậc chí nhân góp đức với tạo hóa, khiêm nhường đặt mình ở dưới thấp, có phúc mà không hưởng hết, có công mà không nhận hết, có quả mà không ăn hết. Có cái không hết rồi mới có cái có *thừa* ra.

Đại thiên sư nêu lên hai chữ “*nhân, quả*” phát minh chỉ đường, lấy cái tiếng có thừa và bất tận, học ở người rồi truyền lại đời sau.

Phật nói: “Tiếng, có cái tiếng nghe được, cũng có cái tiếng không nghe được.” Người nào nghe được cái tiếng “không nghe được,” người ấy có thể nghe được *Tiếng thừa* (Dư thanh).

[Hải Lượng Đại thiên sư]

Sa di tỉnh dần lại, quay về Hải Lượng Đại thiên sư mà bạch rằng:

-Phật nói nhân quả, Nho nói thạc quả (quả lớn), là như thế nào?

Thầy trả lời rằng:

-Đây là chữ *quả* trong *quả nhiên*, cũng như nhà Nho nói chữ *tất* trong *tất nhiên*. Ví như nhà Nho nói “Nhà nào tích trữ điều thiện, *tất* nhà ấy có thừa phúc; nhà nào tích trữ điều bất thiện, *tất* nhà ấy có thừa tai ương.”⁽⁴⁾ *Quả* có cái ấy, thì được cái ấy, đó tức là *quả*. Còn *thạc quả* (quả lớn) tức là *công quả, phúc quả* nói chung. Vì vậy cho nên, phúc không nên hưởng hết, công không nên kể hết, quả không nên ăn hết.

Phật Thích Ca Mâu Ni, du hành trong cõi tịnh cư nhân thiên⁽⁵⁾ bụng đói có người thiện nữ dâng quả, nhưng Phật Thích Ca Mâu Ni lại vào trong thành xin ăn, lại có một đồng tử cho một cục đất. Nhà Nho nói: “Quả to (thạc quả) không ăn,” vậy người nói ăn là tốt, hay không ăn là tốt?

Sa đi từ sớm đến trưa đã nghe no lời của Thầy, ù tai mà đi.

[Thanh chú 1]

Hoà thượng Hải Âu nói:

-Nhân tức là nguyên nhân, quả là kết quả vậy. Cái cơ cảm ứng nên như thế. Trời lồng lộng không có vật, Phật cũng không không, không có vật. Nào thiện thiện nào ác ác, vị tất phải ấn định trước, có cái nhân như thế ắt thu được cái kết quả như thế, ví như pháp luật và ấn khoán ở nhân gian nói chung. Nhưng nếu vội vã đi thì sẽ không để lại dấu chân, đục vào cây cột thì thiếu hoà thanh. Ruộng lúa tám thơm, cỏ gà không mọc; tổ chim rẻ quạt, loan phượng không ấp. Cái gọi là “Có cái cảm ấy thì nhận được cái ứng ấy,” gọi là “Reo giống xuống đất, đợi lúc nảy mầm,” đều là ý nghĩa của nhân quả. Biết được điều đó thì có thể nói đến đạo trời rồi.

Đạo trời ghét sự tràn đầy, phúc hưởng quá thì sinh tai ương, lợi quá thì cái hại phục sẵn. Hiểu được điều đó thì biết được phúc không nên hưởng hết. Cái được sinh ra từ cái mất, cái sung sinh ra từ cái nhục,⁽⁶⁾ hiểu được điều đó thì biết được công không nên nhận hết.

Sách Nho nói: “Đầy thì gây ra tổn thất,” rằng: “Giảm lên thịnh mãn thì tràn ra,” lại nói: “Để lại cái công còn thừa không hết, trả lại cho tạo hoá. Lưu lại cái phúc còn thừa không hết, trả lại cho cháu con.”⁽⁷⁾

Sách Đạo nói: “Làm khe, làm hang, mọi việc đều để lại một chỗ làm lề.”⁽⁸⁾ Đại thiện sư nói: “Công không nên nhận hết, phúc không nên hưởng hết, ví như quả không nên ăn hết.” Lời nói lớn lao thay! Phật Thích Ca Mâu Ni không ăn quả của người con gái dâng

lên, mà lại vào trong thành xin ăn, đó là cách cứu vớt chúng sinh bằng sự việc nhìn thấy.

Lời của Đại thiên sư trong thiên này, là giác ngộ chúng sinh bằng lời văn, đúng là một ngọn đèn sáng trong đêm dài, một cái bè cực lớn trong bến mê. Từ xưa đến nay người hiểu được nghĩa này, thì chỉ có Đào Chu Công nước Việt,⁽⁹⁾ Trương Tử Phòng đời Hán,⁽¹⁰⁾ Lý Nghiệp Hầu đời Đường,⁽¹¹⁾ mấy người đó mà thôi.

[Thanh chú 2]

Tăng Hải Hoà nói:

-Nhân làm việc đó, quả có báo đáp việc đó, quả sau nhân trước, chẳng sai chút nào. Nhân quả nên xem ngang hàng với phúc quả công quả, mới có thể tạo thành thực quả (quả lớn).

Lời nói của Thầy ta thật chí lý cùng tột. Cái phúc đối lập với cái họa, phúc hưởng hết thì họa sinh. Công đối lập với quá (lỗi), công kể hết thì quá (lỗi) sinh. Cho nên Thích Ca Văn Phật ném voi trong thành Tịnh Phạn. Điều Ngự Giác Hoàng sang sông đánh tan quân Nguyên, làm vua một nước mà không đoái hoài quyền vị.

Dưới một bậc thì có Pháp Loa thiên sư, đáng được hưởng phúc thanh nhàn, thế mà chăm việc giới hạnh, không tận hưởng phúc thanh nhàn. Các bậc ấy đều có công làm sáng tỏ giáo lý mà vẫn để chỗ thừa, không kể hết công mình, đạo cao đức thịnh, đều chưa dễ ai kịp được.

Kinh Dịch nói: “Quả lớn không ăn, người quân tử được xe,”⁽¹²⁾ hoặc giả đương là việc ngày nay, nên Trúc Lâm hưng khởi, cũng là cái lý tất nhiên, cái lẽ quả nhiên.

CHÚ THÍCH:

1. Nguyên văn: “Hình nhi thượng giả vị chi đạo, hình nhi hạ giả vị chi khí.” Nghĩa là: Cái bên trên, cái vô hình, gọi là đạo, cái bên dưới, cái cụ thể của đạo, gọi là khí (*Kinh Dịch, Hệ từ thượng*).

Chu Hy: “Hình nhi thượng giả, vô hình, vô ảnh thị thử lý, hình nhi hạ giả, hữu tình hữu trạng thị thử khí.” Nghĩa là: Cái bên trên vô hình, vô ảnh gọi là lý; cái bên dưới có hình trạng gọi là khí (*Ngũ trình tử chi thư. Q. 95*).

2. Nguyên văn: “Quân tử cư kỳ thất, xuất kỳ ngôn thiện, thiên lý chi ngoại ứng chi” (*Kinh Dịch, Hệ từ thượng*).

3. Nguyên văn: “Hiển chư nhân, tàng chư dụng, cổ vạn vật nhi bất dữ thánh nhân đồng ưu, thịnh đức đại nghiệp chí hỹ tai?” (*Kinh Dịch, Hệ từ thượng*).

4. Nguyên văn: “Tích thiện chi gia tất hữu dư khương, tích bất thiện chi gia tất hữu dư ương” (*Kinh Dịch, quẻ Khôn*).

5. Tịnh cư nhân thiên: Cảnh trong sạch ở trên trời. Còn gọi là Tịnh phạm địa hay Ngũ tịnh cư thiên (Năm cảnh tiên cao nhất trong cõi sắc giới): 1-Vô tưởng thiên (Avrha); 2-Vô phiền thiên (Atapa); 3-Vô nhiệt thiên (Sudrsa); 4-Thiện kiến thiên (Sudarsana); 5-Sắc cứu cánh thiên (Akanistha).

6. Nguyên văn: “Hoạ hê phúc chi sở ỷ, phúc hê, hoạ chi sở phục” (*Đạo đức kinh* chương 58).

7. Chưa rõ xuất xứ.

8. Chưa rõ xuất xứ.

9. Đào Chu Công: Túc Phạm Lãi, người đã giúp Việt vương Câu Tiễn dựng nghiệp, về sau bỏ đi ở ẩn.

10. Trương Tử Phòng: Túc Trương Lương đời Hán.

11. Lý Nghiệp Hầu: Túc Lý Mật, một cao sĩ đời Đường.

12. Nguyên văn: *Kinh Dịch* quẻ *Bác* ghi: “Thạc quả bất thực, quân tử đắc dư.” Có nghĩa là: “Quả lớn không ăn, người quân tử được xe.” Chữ “dư” ở đây, có ý kiến cho là mượn âm chữ () còn gọi là (), có nghĩa là một loại củ như củ mài (*Dioscores japonica*). Vậy câu trên nên dịch là: “Quả lớn (trên cây) người quân tử không ăn được nên dành ăn củ (dưới đất).” Trên cây và dưới đất là tượng trưng cho âm.

* * *

大真圓覺聲小叩

白足海顛阮俛子敬和南叩

第一空聲

一陰一陽之謂道，此理所以有順逆也。以大易考之，橫圖順排，所以辨生成之序。圓圖逆數，所以見升降之機。順逆相因，自然之理也。

古人蓋有行之者，虞舜不告而娶，大禹忘親事誓，湯武放弑其君，周公誅兄及弟，何逆之非順也。

擊舟水中，鳥聞之高飛，魚聞之而深入。所趨各異，而皆得所便。理者有名而無形也，心者有形而不測也。周子曰：“太極而無極”，詩曰：“上天之載，無聲無臭”，至矣哉。

PHIÊN ÂM:

ĐẠI CHÂN VIÊN GIÁC THANH TIỂU KHẤU

BẠCH TÚC HẢI ĐIỀN NGUYỄN ĐÀM TỬ KÍNH HOÀ NAM KHẤU

ĐỆ NHẤT KHÔNG THANH

*Nhất âm nhất dương chi vị đạo, thử lý sở dĩ hữu thuận nghịch dã.
Dĩ Đại Dịch khảo chi, hoành đồ thuận bài, sở dĩ biến sinh thành chi tư.
Viên đồ nghịch số, sở dĩ kiến Thăng Long chi cơ. Thuận nghịch tương
nhân, tự nhiên chi lý dã.*

*Cổ nhân cái hữu hành chi giả, Ngu Thuấn bất cáo nhi thú, Đại
Vũ vong thân sự thế, Thang Vũ phóng thí kỳ quân, Chu Công tru huynh
cập đệ, hà nghịch chi phi thuận dã.*

*Kích chu thủy trung, điều văn chi cao phi, ngư văn chi nhi thâm
nhập. Sở xu các dị, nhi giai đắc sở tiện. Lý giả hữu danh nhi vô hình dã,
tâm giả hữu hình nhi bất trắc dã. Chu Tử viết: “Thái cực nhi Vô cực” Thi
viết: “Thượng thiên chi tải, vô thanh vô xú,” chí hỹ tai.*

DỊCH NGHĨA:

ĐẠI CHÂN VIÊN GIÁC THANH TIỂU KHẤU

KẺ CHÂN TRẮNG⁽¹⁾ HẢI ĐIỀN, TÊN NGUYỄN ĐÀM, TỰ

TỬ KÍNH, HIỆU HOÀ NAM, GỖ (VIẾT)

Thứ nhất: TIẾNG KHÔNG

Một âm một dương gọi là Đạo, lý lẽ đó có mặt thuận có mặt
nghịch. Xét về mặt Đại Dịch, thì biểu đồ nằm ngang là bày theo chiều

thuận, số dĩ như vậy là để sắp đặt theo trật tự sinh thành; biểu đồ hình tròn là theo số đếm ngược, số dĩ như vậy là để thấy được cái cơ thăng giáng. Thuận và nghịch thay nhau làm nguyên nhân, đó là cái lẽ tự nhiên vậy.

Cổ nhân cũng đã có người là như thế: Ngu Thuấn không cáo (cha mẹ) mà lấy vợ, Đại Vũ quên cha mà thờ kẻ thù, Thang và Vũ đuổi vua, giết vua. Chu Công giết anh và em, những điều ấy một mặt là rất nghịch mà một mặt lại là rất thuận.

Gỗ thuyền trong dòng nước, chim nghe mà bay cao, cá nghe mà lặn sâu, các hướng đi của chúng tuy khác nhau, nhưng kết cục đều đạt được mục đích. Xét về mặt lý thì hữu danh mà vô hình, về tâm thì hữu hình mà bất trắc vậy. Chu Tử nói: “Vô cực mà Thái cực.”⁽²⁾ *Kinh Thi* nói: “Sự việc trên trời, không tiếng, không mùi,”⁽³⁾ thật là chí lý!

CHÚ THÍCH:

1. Sách *Khê trích tập*: Thích Đàm Thuỷ chân trắng hơn mặt, ông lộ bùn không bị lấm ướt nên gọi là Bạch túc Hoà thượng (Hoà thượng chân trắng). Về sau từ “chân trắng” (bạch túc) dùng để chỉ chung cho tăng đồ.

2. *Thái cực đồ thuyết* của Chu Đôn Di (đời Tống, Trung Quốc).

3. Xem chú thích số 1, mục *Không thanh*.

第二 寤聲

火陽根陰，水陰根陽。故有理必有欲，欲所以乘載此理也。凡欲適於理則吉，違於理則凶。老子

言：“不見可欲，使心不亂”，只可爲小乘說法。惟見可欲而心不亂者，方爲真也。若夫與俱化，吾又安知其所極至哉！

PHIÊN ÂM:

ĐỀ NHỊ NGÔ THANH

Hoả dương căn âm, thủy âm căn dương, cố hữu lý tất hữu dục, dục sở dĩ thừa tái thử lý dã. Phàm dục thích ư lý tắc cát, vi ư lý tắc hung. Lão Tử ngôn: “Bất kiến khả dục, sử tâm bất loạn” chỉ khả vi tiểu thừa thuyết pháp. Duy kiến khả dục nhi tâm bất loạn giả, phương vi chân dã. Nhược phù ử câu hoá, ngô hựu an tri kỳ sở cực chí tai!

DỊCH NGHĨA:

Thứ hai: TIẾNG THỨC

Hoả thuộc dương, nhưng gốc của nó là từ âm, thủy thuộc âm, nhưng gốc của nó là từ dương. Cho nên có “lý” ắt phải có “dục,” “dục” là để chuyển tải cái “lý” vậy. Đại phàm “dục” gặp được “lý” thì tốt lành, trái với “lý” thì xấu. Lão Tử nói: “Không thấy cái “dục” (ham muốn), thì tâm không loạn.”⁽¹⁾ Nói như thế, chỉ là cái cách nói của tiểu thừa. Trái lại, chỉ có thấy cái ham muốn mà tâm không loạn, kẻ ấy mới thật là biết. Còn như cùng hoá với “lý” và “dục” thì làm sao ta biết được chỗ cùng cực của điều đó!

CHÚ THÍCH:

1. Lão Tử, *Đạo đức kinh*, chương 3.

第三般聲

動靜無端，陰陽無始，非知道者孰能識之
(程子說)。

PHIÊN ÂM:

ĐỀ TAM ÂN THANH

*Động tĩnh vô đoan, âm dương vô thủy, phi tri đạo giả thực năng
thức chi (Trình Tử thuyết).*

DỊCH NGHĨA:

Thứ ba: TIẾNG ÂM

Động tĩnh không có mối manh, âm dương không có chỗ bắt đầu,
không phải là người biết đạo, thì ai mà biết được điều đó (Lời Trình Tử).

第四發想聲

南廓子綦仰天而噓，大禪師當食而噎，同是一
般妙想。

邵子云：“思慮未起，鬼神莫知，不由乎我，竟
由乎誰”？夫既有所由，便是已發。曰我曰誰，曷若
誰我之兩忘。

PHIÊN ÂM:

ĐỆ TỬ PHÁT TƯỚNG THANH

*Nam Khoách Tử Ky ngưỡng thiên nhi hự, Đại thiên sư đương thực
nhi ế, đồng thị nhất ban diêu tướng,*

*Thiệu Tử vân: “Tư lự vị khởi, quỷ thần mạc tri, bất do hồ ngã, cánh
do hồ thù?” Phù ký hữu sở do, tiện thị dĩ phát. Viết ngã viết thù, hạt
nhược thù ngã chi lương vong.*

DỊCH NGHĨA:

Thứ tư: TIẾNG PHÁT TƯỚNG

Nam Khoách Tử Ky⁽¹⁾ ngựa mặt lên trời mà thốt ra, Đại thiên sư ta đang ăn thì ghen, đều là do có sự suy nghĩ thần diêu như nhau nói chung.

Thiệu Tử⁽²⁾ nói: “Khi tư lự chưa khởi dậy, chẳng quỷ thần nào biết được. Thế thì không do ta, thì do ai đây?” Đã có cái mà ta có, tức là đã phát. Nói rằng do ta hay do ai, sao bằng ta và ai cả hai đều quên đi.

CHÚ THÍCH:

1. Nam Khoách Tử Ky: Một nhân vật trong *Nam hoa kinh* của Trang Tử.
2. Thiệu Tử: Tức Thiệu Ung, người đời Tống, Trung Quốc.

第五見聲

氣至而葭灰歛，何見非聲也？

此章當與太極圖五段參看無極之真云云。

PHIÊN ÂM:

ĐỆ THẬP NGŨ KIẾN THANH

Khí chí nhi hà hôi liễm, hà kiến phi thanh dã?

Thử chương dữ thái cực đồ ngũ đoạn tham khán vô cực chi chân vân vân.

DỊCH NGHĨA:

Thứ năm: TIẾNG THẤY

Khí [đông chí] đến thì tro trong đầu ống sậy⁽¹⁾ thu lại, vậy có cái gì thấy được mà không phải là thanh?⁽²⁾

Chương này nên xen vào đoạn thứ năm của thái cực đồ mà xem xét cái chân thực của vô cực, v.v...

CHÚ THÍCH:

1.Ống sậy dựng tro: Một thứ dụng cụ dùng để đo thời tiết. Người ta quan sát tro trong ống sậy, thấy bay lên hay tụ lại mà biết các tiết thay đổi...

2.Có nghĩa là: Cái thấy được cùng ở trong cái nghe được.

第六喚聲

齊桓公感於委蛇而病。黎丘丈人，感於似子者而殺其子，甚矣！

夫世人真見者最少，不真見者常多。大禪師一聲，喚醒夢中之夢。

(桓公事見南華經，黎丘事見呂氏春秋)。

PHIÊN ÂM:

ĐỀ LỤC HOÁN THANH

*Tề Hoàn Công cảm ư uỷ xà nhi bệnh. Lê Khưu trượng nhân, cảm
ư tự tử giả nhi sát kỳ tử, thậm hỹ!*

*Phù thế nhân chân kiến giả tối thiểu, bất chân kiến giả thường
đa. Đại thiên sư nhất thanh, hoán tỉnh mộng trung chi mộng.*

*(Hoàn Công sư kiến Nam hoa kinh, Lê Khưu sư kiến Lã Thị
Xuân Thu).*

DỊCH NGHĨA:

Thứ sáu: TIẾNG GỌI

Tề Hoàn Công gặp phải con quỷ uỷ xà mà nhuộm bệnh, ông già
Lê Khưu nhầm kẻ giống con mà giết con, thật quá lắm thay! Người đời
kẻ thấy được cái thật ít, kẻ không thấy được cái thật thì nhiều. Đại
Thiên sư gọi (hoán) lên một tiếng để thức tỉnh người chiêm bao trong
giấc chiêm bao. (Việc Hoàn Công xuất xứ ở *Nam hoa kinh*, việc Lê Khưu
xuất xứ ở *Lã Thị Xuân Thu*).

第七說聲

破獄之說，最爲不經。大禪師一段闡明，便覺
舒暢。易曰：“天地解而雷雨作，雷雨作而百果草木
皆甲坼”。斯吾大禪師之說聲乎！

PHIÊN ÂM:

ĐỆ THẤT THOÁT THANH

Phá ngục chi thuyết, tối vi bất kinh. Đại thiên sư nhất đoạn xiển minh, tiện giác thư xướng. Dịch viết: “Thiên địa giải nhi lôi vũ tác, lôi vũ tác nhi bách quả thảo mộc giai giáp kỳ.” Tư ngô Đại thiên sư chi thuyết thanh hồ?

DỊCH NGHĨA:

Thứ bảy: THOÁT THANH

Cái thuyết Phá ngục, tối ư quái gỡ. Đại thiên sư một khi phanh phui soi sáng, [người ta] liền thấy thư thái thoả thích. *Dịch* nói rằng: “Trời đất cở mở thì sấm mưa nổi lên, sấm mưa nổi lên thì trăm quả cỏ cây đều nứt màng.”⁽¹⁾ Đó là *Thoát thanh* (Tiếng thoát) của Đại thiên sư chăng?

CHÚ THÍCH:

1. *Kinh Dịch, Thoán từ*, quẻ *Giải*: “Thiên địa giải nhi lôi vũ tác, lôi vũ tác nhi bách quả thảo mộc giai giáp tính, giải chi thời đại hỷ tai.” (Trời đất cở mở thì sấm mưa nổi lên, sấm mưa nổi lên thì trăm quả cỏ cây đều nứt màng, cái thời cở mở lớn lao lắm thay).

第八收聲

仲尼曰：“自其異者視之，肝膽楚越也；自其同者視之，萬物皆一也。有所出者必有所入，無所入亦無所出，是之謂大通。

PHIÊN ÂM:

ĐỆ BÁT THỦ THANH

Trọng Ni viết: “Tư kỳ dị giả thị chi, can đảm Sở Việt dã.” Tư kỳ đồng giả thị chi, vạn vật giai nhất dã. Hữu sở xuất giả tất hữu sở nhập, vô sở nhập diệc vô sở xuất, thị chi vị đại thông.

DỊCH NGHĨA:

Thứ tám: TIẾNG THU

Trọng Ni nói: “Nhìn từ góc độ khác nhau, thì là gan với mật như nước Sở với nước Việt vậy”⁽¹⁾ Nhìn từ góc độ giống nhau, thì vạn vật đều là một. Cái gì ra từ ở chỗ nào thì cũng đi vào ở chỗ đó, không từ chỗ nào ra mà cũng không đi vào chỗ nào, thế gọi là *đại thông* (hết sức thông suốt).

CHÚ THÍCH:

1. Tư kỳ dị giả thị chi, can đảm Sở, Việt dã: Câu này ở thiên *Đức sung phù*, sách *Trang Tử*, chứ không phải của Trọng Ni.

第九定聲

此章言儒釋作用，殊途而同歸。方金相金二字獨發千古之祕。蓋金於五事爲言，而佛主讚歡；八音莫尚乎金，而佛主聲音。大禪師二十四聲所金聲而玉振之者耶！

PHIÊN ÂM:

ĐỀ CỬU ĐỊNH THANH

*Thử chương ngôn Nho Thích tác dụng, thù đồ nhi đồng quy.
 Phương kim Tướng kim nhị tự, độc phát thiên cổ chi bí. Cái kim ư
 ngũ sự vi ngôn, nhi Phật chủ tán hoan; Bát âm mạc thượng hồ kim,
 nhi Phật chủ thanh âm. Đại thiên sư nhị thập tứ thanh sở kim thanh
 nhi ngọc chấn chi giả da!*

DỊCH NGHĨA:

Thứ chín: TIẾNG ĐỊNH

Chương này nói về tác dụng của Nho và Thích, tuy khác đường, nhưng cùng về một chỗ. Hai chữ “Phương kim” và “Tướng kim” thật là phát minh được cái bí mật ngàn xưa. Vì rằng *kim* ở trong “ngũ sự” là ngôn⁽¹⁾ (lời nói), mà Phật chủ trương tán thành; bát âm không có gì cao hơn *kim* mà Phật chú trọng thanh âm. “*Nhị thập tứ thanh*” của Đại thiên sư há chẳng phải là tiếng vàng mà có tiếng ngọc làm nổi lên đấy sao?⁽²⁾

CHÚ THÍCH:

1. Ngũ sự phối với ngũ hành thì Mạo thuộc Thủy, Ngôn thuộc Hỏa, Thị thuộc Mộc, Tính thuộc Kim, Tư thuộc Thổ. Ở đây nói: “Kim ở trong ngũ sự là Ngôn” e là nhầm.

2. Chữ trong *Mạnh Tử*: Kim thanh nhi ngọc chấn chi.

第十寂然無聲

先儒曰：“生之謂性”。人生而靜，以上不容說。才說性時，便已不是性也。

大禪師能言：“滅人之性，便能起天之性”，大旨略同。

PHIÊN ÂM:

ĐỆ THẬP TỊCH NHIÊN VÔ THANH

Tiên Nho viết: “Sinh chi vị tính.” Nhân sinh nhi tĩnh, dĩ thượng bất dung thuyết. Tài thuyết tính thời, tiện dĩ bất thị tính dã.

Đại thiên sư năng ngôn: “Diệt nhân chi tính, tiện năng khởi thiên chi tính,” đại chỉ lược đồng.

DỊCH NGHĨA:

Thứ mười: TIẾNG LẶNG LẼ KHÔNG CÓ TIẾNG

Tiên Nho nói: “Cái mà trời sinh ra thì gọi là tính.”⁽¹⁾ Người ta sinh ra thì tĩnh, cái đó không cần phải nói. Nhưng khi đã nói ra thì không phải là *tính* nữa rồi.

Đại thiên sư nói: “Diệt được *tính* người thì gây được *tính* trời,” đại ý cũng tương đồng.

CHÚ THÍCH:

1.Lời của Cáo Tử trong sách *Mạnh Tử*, thiên *Cáo Tử thượng*.

第十一 斷聲

凡人須於世味閱過，方見此種種不能動人。明道語伊川曰：“昨日筵中有妓我心無妓；今日齋中無妓汝心有妓”。是之謂斷聲。

PHIÊN ÂM:

ĐỀ THẬP NHẤT TRÁC THANH

Phàm nhân tu ư thế vị duyệt quá, phương kiến thử chủng chủng bất năng động nhân. Minh Đạo ngữ Y Xuyên viết: “Tạc nhật diên trung hữu kỹ ngã tâm vô kỹ; kim nhật trai trung vô kỹ nhữ tâm hữu kỹ.” Thị chi vị Trác thanh.

DỊCH NGHĨA:

Thứ mười một: TIẾNG ĐEO

Phàm là người, cần phải nếm đủ mùi đời, mới thấy được muôn việc không rung động lòng người. Minh Đạo nói với Y Xuyên rằng: “Hôm qua, trong tiệc có kỹ nữ mà lòng ta không có kỹ nữ; hôm nay, trong phòng sách không có kỹ nữ mà lòng người có kỹ nữ!” Như thế gọi là *Trác thanh* (Tiếng deo).

第十二壹聲

一生二，二生四。此章意言象數，猶易之有四象也。從此以往，無非此四者。

然其所以爲此四者則一而已矣。傳不云乎“吾道一以貫之”。

PHIÊN ÂM:

ĐỀ THẬP NHỊ NHẤT THANH

Nhất sinh nhị, nhị sinh tứ. Thử chương ý ngôn tượng số, do Dịch chi hữu tứ tượng dã. Tòng thử dĩ vãng, vô phi thử tứ giả.

Nhiên kỳ sở dĩ vi thử tứ giả tắc nhất nhị dĩ hỹ. Truyện bất vân hồ “Ngô đạo nhất dĩ quán chi.”

DỊCH NGHĨA:

Thứ mười hai: TIẾNG NHẤT

Một sinh hai, hai sinh bốn. Chương này ý nói về tượng số, cũng như Dịch có tứ tượng vậy. Từ đó trở đi, không có gì là không phải bốn cái ấy.

Thế nhưng cái mà làm ra bốn cái ấy thì chỉ là một (nhất) mà thôi. Truyện chẳng nói: “Đạo ta xâu lại làm một” là gì.

第十三樞聲

此章發明“禪”字，精義入神，其要歸只在箇心上。夫乘舟迷其東西，見斗樞則寤矣。心者人之斗樞也，故謂之樞聲。

(北斗第一星謂之天樞)。

PHIÊN ÂM:

ĐỆ THẬP TAM XU THANH

Thử chương phát minh “Thiền” tự, tinh nghĩa nhập thần, kỳ yếu quy chỉ tại cá tâm thượng. Phù thừa chu mê kỳ đông tây, kiến Đẩu xu tắc

ngụ hỹ. Tâm giả nhân chi Đẩu xu dã, cố vị chi Xu thanh (Bắc Đẩu đệ nhất tinh vị chi thiên xu).

DỊCH NGHĨA:

Thứ mười ba: TIẾNG CHỐT

Chương này phát minh chữ “Thiên,” nghĩa lý tinh tế đến mức nhập thân, cái chỗ mấu chốt của nó là ở chữ *Tâm*. Ôi! Đi thuyền mà lạc hướng đông tây, nếu thấy Đẩu xu⁽¹⁾ thì như người mê tỉnh dậy ngay. *Tâm* là cái Đẩu xu của con người, cho nên gọi là *Xu thanh*. (Bắc Đẩu là sao đứng đầu, gọi là cái chốt của trời).

CHÚ THÍCH:

1. Đẩu xu: Xu là cái chốt, Đẩu xu là sao Bắc Đẩu được coi như là cái chốt.

第十四表裏聲

此章言儒釋合處，体用一源，本末該舉。學者宜盡心焉。

PHIÊN ÂM:

ĐỆ THẬP TỬ BIỂU LÝ THANH

Thử chương ngôn Nho Thích hợp xứ, thể dụng nhất nguyên, bản末 cai cử. Học giả nghị tận tâm yên.

DỊCH NGHĨA:

Thứ mười bốn: TIẾNG NGOÀI TRONG

Chương này nói lên chỗ mà Nho và Thích ăn khớp với nhau. Thể và dụng cùng một nguồn, gốc và ngọn đều nói đủ. Học giả nên tận tâm.

第十五行聲

君子之道“費而隱”，莊生之論，無爲而已矣，
起足以知此聲之妙哉？

PHIÊN ÂM:

ĐỆ THẬP NGŨ HÀNH THANH

*Quân tử chi đạo “Phí nhi ẩn,” Trang Sinh chi luận, vô vi nhi dĩ
hỹ, khởi túc dĩ tri thử thanh chi diệu tai?*

DỊCH NGHĨA:

Thứ mười lăm: TIẾNG HÀNH

Đạo của người quân tử, “bao la mà lại kín đáo.” Luận thuyết của Trang Sinh chỉ có chữ “Vô vi” mà thôi, làm sao nói lên được cái thần diệu của thanh này.

第十六洞聲

孔子曰：“未知生，安知死”，死生大事，惟達
德（仁智勇）者爲知之。

PHIÊN ÂM:

ĐỆ THẬP LỤC ĐỒNG THANH

Khổng Tử viết: “Vị tri sinh, an tri tử,” tử sinh đại sự, duy đạt đức (nhân trí dũng) giả vi tri chi.

DỊCH NGHĨA:

Thứ mười sáu: TIẾNG TRONG SUỐT

Khổng Tử nói rằng: “Chưa biết lẽ sống, làm sao biết được lẽ chết.”⁽¹⁾ Chết và sống là việc lớn, chỉ có người đạt đức (nhân, trí, dũng) mới biết được.

CHÚ THÍCH:

1. Sách *Luận ngữ*, thiên *Tiên tiến*.

第十七明聲

上古未有衣服，取禽獸之皮，以自揜蔽。當時聖賢接踵，風俗淳尨，豈必褒衣博帶襟委章甫哉？就想我初落地時，淨躲躲，赤灑灑，何曾有許多衣服數制？

聞吾師此聲，務修者當体天而任人，鑑別者當在內而忘外。

PHIÊN ÂM:

ĐỀ THẬP THẤT MINH THANH

Thượng cổ vị hữu y phục, thủ cầm thú chi bì, dĩ tự hấp tể. Đương thời thánh hiền tiếp chủng, phong tục thuần mang, khởi tất bao y bác đới khâm ủy chương phủ tai? Tựu tưởng ngã sơ lạc địa thời, tịch đoá đoá, xích lệ lệ, hà tăng hữu hứa đa y phục sở chế?

Văn ngô sư thủ thanh, vụ tu giả đương thể thiên nhi nhậm nhân, giám biệt giả đương tại nội nhi vong ngoại.

DỊCH NGHĨA:

Thứ mười bảy: TIẾNG SÁNG

Đời thượng cổ chưa có y phục, lấy da cầm thú để che mình. Lúc bấy giờ thánh hiền nối gót nhau, phong tục thuần hậu, nào có cần đến áo dài, đai rộng, vạt tràng, mũ dải đầu! Thủ nghĩ lúc ta mới oa oa ra đời, thì trần trùng trọc, đỏ hây hây, đâu đã có bao nhiêu y phục kiểu cách!

Nghe được thanh này của Thầy ta thì người tu hành nên thể theo ý trời, và chiều theo bản tính của con người mà minh biện (biết phân biệt rạch ròi) thì phải trọng bên trong mà quên bên ngoài.

第十八判聲

甚矣夫世人惡慕之各生於其心，而不根諸理也。夫慕此則惡彼，慕甲則惡乙，心之私也。如停

雲所在居東則謂之西，居西則謂之東，雖大辨者不能定其處。若夫可慕之慕，必無可惡。可惡之惡，必無可慕。是理之極至也。譬猶日月行天，南北不能移其方，千里不能易其咎也。

聞大禪師之此聲者，其亦超然於惡慕之正哉。

PHIÊN ÂM:

ĐỆ THẬP BÁT PHÁN THANH

Thậm hỹ phù thế nhân ố mộ chi các sinh ư kỳ tâm, nhi bất căn chư lý dã. Phù! Mộ thử tắc ố bỉ, mộ giáp tắc ố ất, tâm chi tư dã. Như đình vân sở tại cư đông tắc vị chi tây, cư tây tắc vị chi đông, tuy đại biện giả bất năng định kỳ xứ. Nhược phù khả mộ chi mộ, tất vô khả ố. Khả ố chi ố, tất vô khả mộ. Thị lý chi cực chí dã. Thí do nhật nguyệt hành thiên, nam bắc bất năng di kỳ phương, thiên lý bất năng dịch kỳ cữu dã.

Văn Đại thiên sư chi thử thanh giả, kỳ diệc siêu nhiên ư ố mộ chi chính tại.

DỊCH NGHĨA:

Thứ mười tám: TIẾNG QUYẾT ĐOÁN

Quá lắm thay, người đời yêu này ghét nọ, đều xuất phát từ lòng mình, mà không căn cứ vào lý lẽ. Đại để, yêu cái này thì ghét cái kia, hâm mộ giáp thì chán ghét ất, đó là lòng riêng tư vậy. Như mây

dừng ở đông thì nói dừng ở tây, dừng ở tây thì nói dừng ở đông, dù có biện bạch ra trò cũng không định nổi chỗ mây dừng. Nếu như yêu cái đáng yêu, ắt sẽ không thể ghét; ghét cái đáng ghét, ắt không thể yêu. Đó là chỗ cùng cực của lý lẽ vậy. Cũng như nhật, nguyệt đi trên trời, thì nam, bắc không đổi được phương hướng, nghìn dặm không đổi được độ dài của bóng.

Nghe thanh này của Đại thiên sư, có lẽ cũng sẽ vượt đến chỗ đúng đắn của sự yêu ghét thôi!

第十九宿聲

西銘首稱乾父坤母，而終之曰：“存吾順事，沒吾寧也”。其只豈不深遠乎？

易圖戶之謂坤，斯大禪師之宿聲也。非知幽明之故，悉鬼神之情狀，其孰能與於此。

PHIÊN ÂM:

ĐỆ THẬP CỬU TÚC THANH

*Tây minh thủ xứng Kiên phụ Khôn mẫu, nhi chung chi viết:
“Tôn ngô thuận sự, một ngô ninh dã.” Kỳ chỉ khởi bất thâm viễn hồ?*

Dịch hạp hộ chi vị Khôn, tư Đại thiên sư chi Túc thanh dã. Phi tri u minh chi cô, tất quĩ thần chi tình trạng, kỳ thực năng dữ ư thử?

DỊCH NGHĨA:

Thứ mười chín: TIẾNG ĐỘNG

Bài *Tây minh*⁽¹⁾ đầu thì nói: “Cha Càn mẹ Khôn,” cuối thì nói: “Khi còn thì ta thuận thờ trời, khi chết thì ta an phận.” Cái ý chỉ này há chẳng sâu xa lắm sao?

Dịch nói: Đóng cửa thì gọi là *Khôn* (đất),⁽²⁾ đó là cái mà Đại thiên sư gọi là *Túc thanh* vậy. Nếu chẳng biết rõ nguồn gốc của u minh, thấy hết tình trạng của quỷ thần, thì sao có thể dự vào điều đó?

CHÚ THÍCH:

1. *Tây minh*: Tên tác phẩm của Trương Tải, đời Tống Trung Quốc.

2. *Kinh Dịch, hệ từ thượng*: Đóng cửa (Hạp), có nghĩa là yên tĩnh.

第二十不果聲

不疾而速，不行而至，惟神爲然。康節聞鶡鳴而知南人作相可謂神乎？大禪師發揚此聲，此之天賴一鳴，萬物皆肅，非尋常揣度所及也。

愚有一說焉。天地之運，皆起于西北，而底于東南。南方火，其卦屬離，爲文明之極。自宋以來，黃河背北抱南，而我粵風氣應之。聲名文物之盛，蓋將有一大機會也。愚何幸親身見之。

PHIÊN ÂM:

ĐỀ NHỊ THẬP BÁT QUẢ THANH

*Bất tật nhi tức, bất hành nhi chí, duy thần vi nhiên. Khang Tiết
văn quyền minh nhi tri nam nhân tác tương khả vị thần hồ? Đại thiên sư
phát dương thử thanh, thử chi thiên lại nhất minh, vạn vật giai tức, phi
tâm thường sửu đặc sở cập dã.*

*Ngu hữu nhất thuyết yên. Thiên địa chi vận, giai khởi vu tây bắc,
nhi để vu đông nam. Nam phương hoả, kỳ quái thuộc ly, vi văn minh chi
cực. Tự Tống dĩ lai, Hoàng Hà bồi bắc bao nam, nhi ngã Việt phong khí
ứng chi. Thanh danh văn vật chi thịnh, cái tương hữu nhất đại cơ hội dã.
Ngu hà hạnh thân thân kiến chi.*

DỊCH NGHĨA:

Thứ hai mươi: TIẾNG KHÔNG THÀNH

“Không vội mà mau, không đi mà đến,”⁽¹⁾ chỉ có thần mới được như thế. Khang Tiết nghe chim đỗ quyên kêu mà biết người phương nam sắp làm Tể tướng,⁽²⁾ có thể nói là thần diệu chăng? Đại thiên sư nêu cao thanh này, ví như sáo trời thổi lên một tiếng, muôn vật đều nghiêm túc chỉnh tề, không phải cái ức đoán tâm thường có thể với đến được.

Kẻ ngu như tôi cũng xin có một thuyết: Trời đất xoay vần đều bắt đầu từ phía tây bắc, rồi đến tận đông nam. Phương nam là hoả, thuộc về quẻ Ly, tức là văn minh cực độ. Từ đời nhà Tống cho đến nay, sông Hoàng Hà quay lưng về phía bắc ôm lấy phương nam, mà phong khí của nước Việt ta lại ứng với điều đó, thanh danh văn vật rất là thịnh vượng, chắc là

sắp có một cơ hội lớn. Kẻ ngu như tôi mong sao may mắn chính mắt thấy được điều đó!

CHÚ THÍCH:

1. *Kinh Dịch, Hệ từ thượng.*

2. Thiệu Ung, người đời Tống thường cưỡi xe đi chơi ở Lạc Dương. Một hôm đến cầu Thiên Tân, nghe tiếng chim đỗ quyên, cho rằng khí đất lưu động thiên hạ sắp loạn, và sẽ có người phương nam làm Tể tướng đảo lộn chế độ của triều đình và gây nên cảnh lâm than.

第二十一藏聲

清明之氣存于夜，生發之機動于冬。洪範曰：“惟天陰隙下民”，陰之者所以發之也。謂之藏不亦深乎？

PHIÊN ÂM:

ĐỀ NHỊ THẬP NHẤT TÀNG THANH

Thanh minh chi khí tồn vu dạ, sinh phát chi cơ động vu đông. Hồng phạm viết: “Duy thiên âm khích hạ dân,” âm chi giả sở dĩ phát chi dã. Vị chi tàng bất diệc thâm hồ?

DỊCH NGHĨA:

Thứ hai mươi một: TIẾNG ẨN GIẤU

Cái khí trong sáng lưu lại ở trong đêm; cái cơ sinh trưởng dậy lên vào mùa đông. Thiên *Hồng phạm* (*Kinh Thư*) nói: “Trời thâm lặng giám sát dân hạ giới.” Thâm lặng là để phát ra vậy. Gọi là Tàng (giấu kín) chẳng cũng sâu sắc lắm sao!

第二十二響聲

……者，心固疑……而不化嗟乎，此日鏗谿（谷中聲）而今也宿然，豈不悲哉？天之蒼蒼其正色耶？其遠而無所極至耶？風雨雷霆，終古不息，夫是之謂響。

PHIÊN ÂM:

ĐỆ NHỊ THẬP NHỊ HƯỞNG THANH

Ta hồ, thử nhật khanh cốc (cốc trung thanh) nhi kim dã túc nhiên, khởi bất bi tai? Thiên chi thương thương kỳ chính sắc da? Kỳ viễn nhi vô sở cực chí da? Phong vũ lôi đình, chung cổ bất tức, phù thị chi vị hưởng.

DỊCH NGHĨA:

Thứ hai mươi hai: TIẾNG VANG

... Than ôi, ngày ấy thì oang oang mà nay thì lặng lẽ, há không đáng buồn lắm hay sao? Trời kia xanh xanh, đó là chính sắc chẳng? Hay là xa tít không cùng mà như thế chẳng? Gió mưa sấm sét, không bao giờ dứt, chính vì thế mới gọi là *hường* (vang).

第二十三流動聲

天体至圓，故能運而不窮。易曰：“天行健，君子以自彊不息”。小人安能知此。

PHIÊN ÂM:

ĐỆ NHỊ THẬP TAM LƯU ĐỘNG THANH

Thiên thể chí viên, cố năng vận nhi bất cùng. Dịch viết: “Thiên hành kiện, quân tử dĩ tự cường bất tức.” Tiểu nhân an năng tri thử.

DỊCH NGHĨA:

Thứ hai mươi ba: TIẾNG LƯU ĐỘNG

Bầu trời rất tròn, cho nên có thể vận xoay không cùng. *Kinh Dịch* nói rằng: “Trời đi khoẻ, do đó người quân tử phải tự cường, không bao giờ nghỉ.”⁽¹⁾ Tiểu nhân sao biết được điều đó?

CHÚ THÍCH:

1. “Thiên hành kiện, quân tử dĩ tự cường bất tức”: *Kinh Dịch*, quẻ Kiền. Riêng câu “Quân tử dĩ tự cường bất tức” xuất xứ *Luận Ngữ*.

第二十四餘聲

第一空聲，猶易有太極也。

曰理曰欲者，兩儀之間品類參錯，所以見四象變化，萬物生生……結以因果……以有餘不……之聲傳……此大真員覺……然夜半一聲雷，萬戶千門次第。嗚呼！斯大禪師之餘聲乎！
總讚一首：

杏壇木鐸息

異論兢喧厯

儒釋之是非

譏譏無取裁

吾師洞一貫

奧義闡三才

迦陵頻伽聲

妙哉復妙哉

譬如伏蟄時

殷殷一聲雷

又如天風簫

山林之曲隈

日旦發在今

餘響震將來

奉 寫

-侍內密事左中允藥忠伯阮有藥，青池仁睦。

-侍內祕書署正字錫忠伯陶金錫，嘉林晴光。

-侍內祕書署檢討俊中子阮有俊，池仁睦。

奉 刊

-太常監太祝儒義男范達儒，嘉祿紅蓼。

PHIÊN ÂM:

ĐỀ NHỊ THẬP TỬ DƯ THANH

Đệ nhất không thanh, do Dịch hữu thái cực dã.

Viết lý viết dục giả lưỡng nghi chi gian phẩm loại sâm thác, sở dĩ kiến tứ tượng biến hoá, vạn vật sinh sinh.....kết dĩ nhân quả.....dĩ hữu dư bất...chi thanh truyền.....Thử Đại chân viên giác thanh..., nhiên dạ bán nhất thanh lô, vạn hộ thiên môn thứ đệ. Ô hô! Tư Đại thiên sư chi dư thanh hồ. Tổng tán nhất thủ:

Hạnh đàn một đặc tức,

*Dị luận cạnh huyền hời.
Nho Thích chi thị phi,
Nao nao vô thủ tài.
Ngô sư động nhất quán,
Áo nghĩa xiển tam tài.
Ca lãng tần ca thanh,
Diệu tai phục diệu tai!
Thí như phục chấp thời,
Ân ân nhất thanh lời.
Hựu như thiên phong thược,
Sơn lâm chi khúc ôi.
Nhật đán phát tại kim,
Dư hưởng chấn tương lai.*

Phụng tả

*Thị nội mật sự Tả trung doãn Dực Trung bá Nguyễn Hữu
Dực, Thanh Trì Nhân Mục.*

*Thị nội bí thư Thự chính tự Tích Trung bá Đào Kim Tích, Gia
Lâm Tình Quang.*

*Thị nội bí thư Thự kiểm thảo Tuấn Trung tử Nguyễn Hữu
Tuấn, Thanh Trì Nhân Mục.*

Phụng san

*Thái thường giám Thái chúc Nho Nghĩa nam Phạm Đạt Nho,
Gia Lộc Hồng Liễu.*

DỊCH NGHĨA:

Thứ hai mươi bốn: TIẾNG THỪA

Thứ nhất là “Thanh không,” cũng giống như *Kinh Dịch* có về “Thái cực” vậy.

Nói là “lý” là “dục,” là vì các phẩm các loài đan xen vào khoảng giữa lưỡng nghi, do đó có sự biến hoá của tứ tượng, cho nên vạn vật sinh sôi nảy nở mãi.....kết thành nhân quả.....lấy cái có thừa.....Đó là *Đại chân viên giác thanh*.....Nhưng như một tiếng sấm lúc nửa đêm, lần lượt vang đến nghìn vạn hộ. Ô hô! Đó là *Tiếng thừa* (Dư thanh) của Đại thiên sư ta chăng?

Tóm lại bằng một bài tán rằng:

Đàn hạnh, mõ lặng tiếng,
Nhao nhao, chuyện lạ bàn.
Đúng sai của Nho Thích,
Rối rít không đặt bày.
Thầy ta xâu làm một,
Nghĩa kín mở “tam tài.”
“Ca lăng tần ca thanh,”
Diệu thay, kỳ diệu thay!
Ví như đom đóm ngủ,
Tiếng sấm dội âm âm.
Lại như sáo trước gió,
Khắp suốt cùng sơn lâm.

Ngày nay một tiếng phát,

Dư âm vọng tương lai.

Người viết chữ

Quan Thị nội mật sự Tả trung doãn, tước Dực Trung bá,
Nguyễn Hữu Dực, người xã Nhân Mục, huyện Thanh Trì.

Quan Thị nội bí thư Thự chính tự, tước Tích Trung bá, Đào Kim
Tích, người xã Tình Quang, huyện Gia Lâm.

Quan Thị nội bí thư Thự kiểm thảo, tước Tuấn Trung tử,
Nguyễn Hữu Tuấn, người xã Nhân Mục, huyện Thanh Trì.

Người khắc

Ông Thái thường giám Thái chúc, tước Nho Nghĩa nam, Phạm
Đạt Nho, người xã Hồng Liễu, huyện Gia Lộc./.

HẢI ĐÔNG CHÍ LƯỢC

海東誌略

LỜI GIỚI THIỆU

Năm Mậu Tý niên hiệu Cảnh Hưng thứ 29 (1768), Ngô Thì Nhậm thi Hương đỗ Giải nguyên, năm đó 23 tuổi. Năm sau ông lại đậu khoa Sĩ vọng và được bổ làm chức Hiến sát phó sứ Hải Dương (hàm Chánh thất phẩm). Cuối năm Cảnh Hưng thứ 32 (1771), cha là Ngô Thì Sĩ giữ chức Tham chính Nghệ An, vì có người tố cáo ăn hối lộ ở trường thi, bị cách tuột, nhân Ngô Thì Nhậm cũng cáo quan xin trở về. Năm Cảnh Hưng thứ 33 (1772), Ngô Thì Nhậm dự khảo khoá ở Quốc Tử Giám, đỗ hạng ưu, nhưng cáo bệnh không ra làm quan, cuối năm ấy ông hoàn thành tập *Hải Dương chí lược* (tức *Hải Đông chí lược*),^(*) chép về núi sông, nhân vật, số dân, thuế lệ của xứ Hải Dương, như lời Phan Huy Chú trong *Lịch triều hiến chương loại chí*: “Chép khá rõ ràng đầy đủ.”

Hiện nay, tại Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm, có một tập ghi là *Hải Đông chí lược*, ký hiệu Thư viện: A.103, không ghi tên soạn giả, chỉ ghi “Ngô gia tàng bản” (Bản cất giữ tại nhà họ Ngô). Sách do Trường Viễn Đông Bác Cổ (Pháp) chép lại hồi trước Cách mạng Tháng Tám, có khổ 29x15 cm, gồm 44 tờ, tờ 12 dòng, dòng 20 chữ, chép chân phương. Trong đó mới chỉ chép đến mục *Nhân vật chí*, gồm:

-Tướng tướng liệt truyện: Phạm Công Trứ, Vũ Duy Chí, Đinh Văn Tả, Vũ Văn Uyên, Trần Cảnh, Phạm Đình Trọng.

-Nho học liệt truyện: Trần Đăng Nguyên, Hàn Thuyên, Trần Ích Nguyên, Nguyễn Bình Khiêm, Nguyễn Đức Trinh, Nguyễn Toàn An. Truyện Nguyễn Toàn An còn đương dở dang.

Ngoài ra, ở *Phượng Sơn từ chí lược*, có chép tập *Hải Đông chí lược*. Đây là một tập hợp những tác phẩm về địa phương chí của tỉnh Hải Dương, gồm các tác phẩm: *Phượng Sơn từ chí lược*, *Giáp Sơn phong thổ ký*, *Hải*

Dương phong vật ký... Do Nguyễn Bảo biên tập năm Thiệu Trị nguyên niên (1841). *Phượng Sơn từ chí lược*, hiện có 2 bản khắc ván in, 1 bản chép tay: Bản A.195 (in), khổ lớn 31,5 x 32,5 cm; bản VHv.1287 (in), khổ nhỏ hơn 18 x 12 cm; bản VHv.1740 (chép tay), khổ 28 x 16 cm.

Bản VHv.1287, có ghi năm khắc in Thiệu Trị thứ 2 (1842), có thể khắc xong vào sau năm Thiệu Trị thứ 3 (1843), vì đầu sách ngoài việc khắc tên người biên tập Nguyễn Bảo như đã nói trên ra, còn có bài tựa của Nguyễn Văn Lý đề năm Thiệu Trị thứ 2 (1842), 2 bài bạt, 1 của Phan Huy Vịnh, 1 của Hoàng Đình Tá, đều viết năm Thiệu Trị thứ 3 (1843).

Bản A.195, không ghi năm khắc in, nhưng có thể đoán nó được khắc khoảng sau năm Thành Thái thứ 16 (1904) vì, ngoài những điều mục đã nêu ở bản VHv.1287 như người biên tập, người viết lời tựa, người viết lời bạt ra, còn có thêm một bài bạt nữa của Nguyễn Thượng Hiền đề năm Thành Thái 16 (1904). Và cũng không thể nói đây là bản khắc nổi của bản VHv.1287, vì 2 bản có khuôn khắc khác nhau, bản A.195 khổ lớn hơn bản VHv.1287 như đã trình bày trên. Phần *Hải Đông chí lược* được chép từ tờ 31 đến tờ 55. Sau khi đối chiếu so sánh thấy phần *Hải Đông chí lược* ở 2 bản in này không chỗ nào khác biệt.

Bản VHv.1740, chép tay, sai nhiều chỗ đã được ai đó sửa lại bằng cỡ chữ nhỏ hơn. Ở bản này không có những điều mục như người biên tập, người viết lời tựa, viết lời bạt như 2 bản trên. Phần *Hải Đông chí lược* được chép từ tờ 26 đến tờ 50. Sau khi so sánh thấy đây là bản chép lại từ bản khắc in, từ thứ tự các nhân vật đến mục cuối cùng chép về Nguyễn Toàn An cũng bỏ dỏ dang như nhau.

Lại đem so sánh *Hải Đông chí lược* A.103 với 3 bản *Hải Đông chí lược* trong *Phượng Sơn từ chí lược*, thì nội dung như nhau, mỗi chỉ có phần *Nhân vật chí*, chép đến truyện Nguyễn Toàn An chưa hoàn chỉnh như đã trình bày, thiếu nhiều so với lời Phan Huy Chú đã nói. Phan Huy Chú biên

soạn *Lịch triều hiến chương loại chí* hoàn thành vào năm Minh Mệnh thứ 2 (1821), chắc hẳn lúc đó ông được đọc *Hải Dương chí lược* ở một bản hoàn chỉnh do Ngô Thì Nhậm viết. Hai mươi năm sau, tức năm Thiệu Trị nguyên niên (1841), khắc in *Phượng Sơn từ chí lược*, trong đó có *Hải Đông chí lược*, cũng tức *Hải Dương chí lược*, thì Nguyễn Bảo đã không có bản *Hải Dương chí lược*, như bản Phan Huy Chú đã từng sử dụng. Cũng rất có thể Phan Huy Chú căn cứ vào một tư liệu nào đó để nêu ra. Nếu như thế thì *Hải Đông chí lược* đã thất lạc từ lâu, chỉ còn lại một phần như ta đã thấy. Có lẽ chính vì tác phẩm chỉ còn lại một phần, nên soạn giả *Ngô gia văn phái* không đưa *Hải Đông chí lược* vào từng thư của dòng họ mình.

Hải Đông chí lược không ghi tên soạn giả, chỉ ghi là một bản tàng trữ tại nhà họ Ngô (*Ngô gia tàng bản*), có phải do Ngô Thì Nhậm biên soạn hay không? Như đã biết dòng họ Ngô Thì ở Tả Thanh Oai là một dòng họ lớn, có rất nhiều soạn giả nổi tiếng, như Ngô Thì Sĩ, Ngô Thì Đạo v.v..., thế hệ sau là Ngô Thì Nhậm, Ngô Thì Chí, Ngô Thì Hương, Ngô Thì Du v.v... Ngô Thì Du, từng làm Đốc học Hải Dương cũng có điều kiện soạn *Hải Đông chí lược*? Ngô Thì Du, tự Trưng Phủ, sinh năm Cảnh Hưng thứ 33 (1772), mất năm Minh Mệnh thứ 21 - 1840 (*Ngô gia thế phả*). Năm sau, Thiệu Trị nguyên niên (1841), khắc in *Hải Đông chí lược*, thì nguyên bản đã không còn. Chắc Ngô Thì Du không soạn *Hải Đông chí lược*. Và *Lịch triều hiến chương loại chí* Phan Huy Chú biên soạn xong năm 1821, khi Ngô Thì Du còn sống, không nói Ngô Thì Du là soạn giả.

Như trên đã nói, Ngô Thì Nhậm hoàn thành *Hải Dương chí lược* năm Cảnh Hưng thứ 33 (1772), năm đó 27 tuổi. Xét các truyện văn thân võ tướng chép trong *Hải Đông chí lược* hiện có, trong đó truyện Trần Cảnh có những sự kiện xảy ra muộn nhất vào năm Cảnh Hưng thứ 9 (1748), năm đó Ngô Thì Nhậm mới 3 tuổi. Nêu ra điều này là để chứng tỏ

bản *Hải Đông chí lược* hiện có, không có truyện nào, hay tình tiết nào xảy ra sau khi Ngô Thì Nhậm qua đời. Do đó có thể khẳng định tập *Hải Đông chí lược* hiện có do Ngô Thì Nhậm biên soạn.

Hải Đông chí lược hiện có, mặc dù không còn đầy đủ, nhưng những gì ghi được ở đây đã phản ánh một phần hiện thực đương thời. Mà chủ yếu là vào buổi đầu nhà Lê trung hưng, đến những năm đầu niên hiệu Cảnh Hưng. Những tình tiết trong các truyện, phần lớn được sưu tầm trong dân gian, có giá trị nhất định để đánh giá lịch sử của một địa phương cũng như của cả nước thời Lê trung hưng, thời mà vua Lê chỉ là bù nhìn, mọi quyền bính nằm trong tay chúa Trịnh, thời mà các cuộc nông dân khởi nghĩa nổ ra khắp nơi. Ở đây miêu tả nhiều tình tiết thú vị mà trong chính sử không thể ghi.

Những truyện về Nho thần, tuy chưa đầy đủ và ghi chép chưa được kỹ lưỡng, nhưng cũng đã cho thấy Hải Dương là một vùng đất có nền văn hiến khá lâu đời. Như trong phần mở đầu của mục *Nhân vật chí* từng ghi: “Các đáng danh công cự khanh, các bậc trung thần nghĩa phụ, từ đời Lý đến nay, chẳng khi nào thiếu. Những điều tai nghe mắt thấy như các dòng họ nổi tiếng ở Liêu Xá, Mộ Trạch, Phù Ủng, Hàm Giang, Kinh Giao, Điền Trì, khanh tướng công hầu đời nào cũng có. Các bậc văn quan võ tướng ấy đủ để giúp nước, nên phong hoá văn hiến ấy, đủ để trị đời...”

Vậy thì, *Hải Đông chí lược* cũng góp một tiếng nói quan trọng cho việc tìm hiểu lịch sử vùng đất phía đông nước nhà.

CHÚ THÍCH:

* Trong *Lịch triều hiến chương loại chí* của Phan Huy Chú và *Ngô gia thế phả* của Ngô Giáp Đậu chép là *Hải Dương chí lược*. Trong *Phượng Sơn từ chí lược* và bản hiện có (A.103) đều chép là *Hải Đông chí lược*.

海東志略

吳家藏板

人物志

蜀人多俊偉，以岷巴之山水鬱蔥，楚人多奇，以吳會之山川宏富。地靈人傑，必然之理也。

海陽郡，乃震輿之名區。群山到海，如萬象排牙；眾水歸江，如千蛇吐沫。登安子之山，望白藤之流，奇偉清密，不一而足。是故名公鉅卿，忠臣義婦，自有李迄今，恒不乏焉。其見聞之所及者，如遼舍慕澤、扶擁邯江、輕徭滇池諸世族，將相公侯，代有作者。文武足以憲邦，風猷足以持世，誠自古難得之才。

至如武聚之清介，陳瑋之風裁，韓詮壽春之文章，挺之少穎之節操，平浪進士之唾賊，唐豪寡婦之殉夫，此又其表表然，卓卓然，所謂景星慶雲，天下快睹。蓋英淑之所鍾，間世而僅見者也。若夫艮峰掛天，而陳朝興三祖之教，震官出日，而莫氏應七世之鈴。水

撓金波，而上洪、南策之間，多出女貴，其齊曜軒星，騰芳桂掖，思齋之美，亦無愧焉。

嗟夫！文獻無徵，而千古之事多埋沒，用是旁採群書事記，著爲列傳，以待博洽君子，補史文之闕云爾。

PHIÊN ÂM:

NHÂN VẬT CHÍ

Thục nhân đa tuấn vĩ, dĩ Dân Ba chi sơn thủy uất thông, Sở nhân đa kỳ, dĩ Ngô Hội chi sơn xuyên hoảng phú, địa linh nhân kiệt, tất nhiên chi lý dã.

Hải Dương quận, nãi áo chi danh khu, quân sơn đảo hải, như vạn tượng bài nha, chúng thủy quy giang, như thiên xà thổ mật. Đãng Yên Tử sơn, vọng Bạch Đằng chi lưu, kỳ vĩ thanh mật, bất nhất nhi túc. Thị cố danh công cự khanh, trung thần nghĩa phụ, tự hữu Lý hất kim, hàng bát pháp yên. Kỳ kiến văn chi sở cập giả, như Liêu Xá Mộ Trạch, Phù Ủng Hàm Giang, Khinh Dao Điền Trì chư thế tộc, tướng tướng công hầu, đại hữu tác giả. Văn vũ túc dĩ hiển bang, phong du túc dĩ trì thế, thành tự cố nan đắc chi tài.

Chí như Vũ Tụ chi thanh giới, Trần Vĩ chi phong tài, Hàn Thuyên Thọ Xuân chi văn chương, Đinh Chi Thiếu Dĩnh chi tiết tháo, Bình Lãng Tiến sỹ chi thoá tặc, Đường Hào quả phụ chi tuấn phu, thử hựu kỳ biểu biểu nhiên, trác trác nhiên, sở vị cảnh tình khánh vân, thiên hạ khoái đồ. Cái anh thục chi sở chung, gian thế nhi cần kiến giả dã. Nhược phù Cán phong quả thiên, nhi Trần triều hưng Tam Tổ chi giáo, chấn quan xuất nhật, nhi Mạc thị ứng thất thế chi kiem. Thủy nhiều kim ba, nhi Thượng

Hồng Nam Sách chi gian, đa xuất nữ quý, kỳ tề diêu hiên tinh, đẳng phương quế dịch, tư trai chi mỹ, diệc vô quý yên.

Ta phù! Văn hiến vô trướng, nhi cổ chi sự đa mai một, dụng thị bàng thái quần thư sự ký, trước vi liệt truyện, dĩ đãi bác hiệp quân tử, bổ sử văn chi khuyết vân nhĩ.

DỊCH NGHĨA:

NHÂN VẬT

Nước Thục nhiều người tài giỏi, vì sông núi đất Dân Ba⁽¹⁾ tươi tốt; nước Sở lắm bậc kỳ tài, bởi non nước đất Ngô Hội⁽²⁾ rộng và giàu. Đất thiêng sinh người giỏi, đó là lẽ đương nhiên.

Quận Hải Dương là một vùng nổi tiếng xứ Đông. Muôn núi đâm ra biển, giống như ngàn voi bày ngà; bao dòng đổ về sông, khác nào trăm rắn phun bọt. Trèo lên núi Yên Tử, trông xuống sông Bạch Đằng, hùng vĩ thanh tao, muôn hình muôn vẻ nhưng đủ đầy. Cho nên các danh công cự khanh, các bậc trung thần nghĩa phụ từ đời Lý đến nay, chẳng khi nào thiếu. Những điều tai nghe mắt thấy như các dòng họ nổi tiếng ở: Liêu Xá, Mô Trạch, Phù Ủng, Hàm Giang, Kinh Dao và Điền Trì, khanh tướng công hầu, đời nào cũng có. Các bậc quan văn quan võ ấy đủ để giúp nước, nên phong hoá văn hiến ấy đủ để trị đời, nhân tài quả thực từ xưa hiếm có.

Đến như sự thanh liêm của Vũ Tụ;⁽³⁾ phong độ của Trần Vĩ,⁽⁴⁾ văn chương của Hàn Thuyên,⁽⁵⁾ Thọ Xuân; tiết tháo của Đinh Chi,⁽⁶⁾ Thiệu Dĩnh;⁽⁷⁾ hay việc Tiến sỹ Bình Lãng⁽⁸⁾ nhổ vào mặt giặc; quả phụ Đường Hào⁽⁹⁾ tuần tiết theo chồng, những việc đó rõ mồn một, cao vời vợi, coi như sao sáng mây lành, thiên hạ ai cũng muốn trông. Những cái đó có lẽ do khí thiêng sông núi chung đúc nên thế gian hiếm khi có được. Kìa như: Trời treo ngược ngọn Cấn, nên triều nhà Trần dấy lên đạo Tam tổ;⁽¹⁰⁾ mặt trời mọc ở phương Chấn, nên nhà Mạc ứng với lời Kiềm bảy đời.⁽¹¹⁾ Nước soi

sóng vàng nên vùng Thượng Hồng Nam Sách nhiều gái quý hiển sinh ra. Những người ấy sánh ngang vẻ sáng sao Hiên, không thẹn với tiếng thơm ở cung Quế, với vẻ hiền thực trong thiên tư trai.⁽¹²⁾

Than ôi! Văn hiến không có để chứng minh, dẫn đến sự việc nghìn xưa phần lớn bị mai một. Bởi vậy, rộng tìm những việc ghi chép trong các sách, viết thành liệt truyện, chờ mong các bậc quân tử học rộng biết nhiều, bổ sung thêm chỗ thiếu sót, trong văn sử.

CHÚ THÍCH:

1. Dân Ba: Thuộc Tứ Xuyên, xưa là đất Thục.

2. Ngô Hội: Thuộc vùng Giang Tô, Triết Giang ngày nay, xưa thuộc nước Sở.

3. Vũ Tự: Người xã Hoạch Trạch, Hoàng giáp khoa Quý Sửu niên hiệu Hồng Đức (1493), tính liêm khiết thẳng thắn, thời ấy các quan có thói ăn hối lộ, nhà vua bắt chước chuyện Đường Minh Hoàng, sai người đem cửa đến đút lót để thử họ, các quan đều nhận, riêng ông cự tuyệt không nhận. Người đó cố nài nói rằng: " Nay thói thường đều như vậy. Những vật nhỏ mọn này may mà được ngài nhận cũng không thương tổn gì đến tính thanh liêm của ngài." Ông đáp: "Người đời đều đục, riêng mình ta trong, lẽ nào vì lời ngon ngọt của người mà đốt mất tiết tháo ư?" Thế rồi kiên quyết từ chối. Vua nghe vậy khen là người có tiết tháo liêm khiết. Rồi tặng hai chữ "Liêm khiết," khi vào châu đính vào áo để biểu dương. Ông làm quan đến Tả Thị lang bộ Hình, được xưng là công thần.

4. Trần Vi: Người xã Hoạch Trạch, Hải Dương, đỗ Tiến sỹ khoa Giáp Thìn niên hiệu Hoàng Định 6 (1604), lúc đầu làm Hiến sát sứ Nghệ An, lúc đó Quốc cữu hoành hành dân chúng rất khổ, đơn kiện tụng chất đầy đóng, ông đến nhậm chức, mật sai người bắt về tra xét, rồi giết đi. Ngay hôm đó, ông cưỡi thuyền đi miết lên Kinh, vào thẳng cửa khuyết tạ rằng: "Thần làm Hiến tư vì triều đình giữ phép tắc,

nay Quốc cữu coi thường luật pháp làm càn, thân trong lúc phẫn kích chẳng may quá tay đánh chết, vậy xin chịu tội”. Chúa Trịnh vốn biết mọi chuyện, liền nói: “Chức Hiến tư là để trấn áp, trừ hại cho dân đáng lẽ phải khen, làm gì có tội.” Ông bái tạ rồi trở về nhiệm sở. Từ đó, bọn cường hào khiếp sợ, trong tỉnh được yên. Sau ông phụng mệnh đi sứ. Ông làm quan đến Thị lang bộ Lại, Đông các đại học sĩ, tước Hương quận công, được tặng Thiệu bảo Thượng thư.

5. Hàn Thuyên: Người làng Tam Tổng, huyện Thanh Lâm. Có sách nói ông là người làng Vụ Cầu, huyện Hạ Hoà, tỉnh Vĩnh Phúc.

Thọ Xuân: Tức Nguyễn Minh Triết, người làng Lạc Sơn, huyện Chí Linh, là cháu Hiến sát sứ Nguyễn Minh Thiện, Tiến sỹ khoa Tân Sửu niên hiệu Sùng Khang 12 (1577) nhà Mạc. Lúc nhỏ nổi danh thần đồng. Ngạn ngữ có câu: “Thần đồng chung đúc ở Lạc Sơn.” Một hôm ông mộng thấy thần nhân đến bảo rằng: “Đến già cũng được thành danh.” Vốn có tài văn học, muốn nối nghiệp ông cha, nên ông càng cố sức học hành. Đến già quả nhiên đỗ Thám hoa khoa Tân Mùi niên hiệu Đức Long 3 (1631), năm đó ông 51 tuổi. Niên hiệu Vĩnh Thọ, ông được sách phong là Vương phủ tỳ thân, vì tuổi già được trọng vọng phụng sung “kim sách.” Năm 80 tuổi về hưu với chức Công bộ Thượng thư, tước Cẩm quận công thọ 95 tuổi.

6. Mạc Đĩnh Chi: Người làng Lũng Động, huyện Chí Linh (có sách chép làng Lan Khê, huyện Thanh Hà), tên tự Tiết Phu, là dòng dõi Mạc Hiến Tích, Trạng nguyên đời nhà Lý, và là ông tổ bảy đời Mạc Đăng Dung. Đậu Trạng nguyên niên hiệu Long Hưng 12 (1304) đời Trần Anh Tông. Đĩnh Chi thông minh nhưng dáng người xấu xí, nhà vua định không cho đỗ, ông bèn làm bài phú “Ngọc tỉnh liên”. Niên hiệu Long Hưng 16 (1308) ông phụng mệnh đi sứ Trung Hoa, làm nhiều câu đối, đối đáp thông minh, được vua nhà Nguyên khen là “Lưỡng quốc Trạng nguyên.” Làm quan đến chức Tả bộ xạ.

7. Thiệu Dĩnh: Tức Lê Thiệu Dĩnh, tự Tử Kỳ, hiệu Tất Trai, người làng Mộ Trạch, huyện Đường An. Nguyên trước đây tổ tiên ở làng Lão Bạt huyện Thuận

Lộc, tỉnh Thanh Hoá di cư ra Hải Dương. Ông là con Lê Cảnh Tuân (đời Trần). Đời Lê Thái Tổ (1428 - 1433) làm Tri thẩm hình viện sự, rất thanh liêm thẳng thắn, sang sứ nhà Minh, có khí tiết.

8. Tiến sỹ Bình Lãng: Túc Nguyễn Thái Bạt, người xã Bình Lãng, đồ Hoàng giáp khoa Canh Thìn niên hiệu Quang Thiệu 5 (1520), vào làm ở viện Hàn lâm. Mạc Đăng Dung cướp ngôi, ông ném bằng vàng xuống sông Túc Mặc, giả vờ mất xin lại gần để nói chuyện nhân đó chửi thẳng vào mặt Mạc Đăng Dung rồi chết vì nghĩa. Nhà Lê trung hưng biểu dương ông là người tiết nghĩa, nhiều đời khen thưởng mọi người kính phục.

9. Quả phụ Đường Hào: Túc bà họ Phạm, là người thông minh lại có nhan sắc. Khi giặc phương Bắc đến xâm lược, ít người giữ được toàn vẹn. Có người vì đói rét mà sa ngã, có người bị cường bạo làm ô nhục. Phạm thị ở goá nuôi con nhỏ, tự thề không tái giá, tự huỷ hoại nhan sắc để không bị quân giặc làm nhục. Khi đã yên hàng, có một kẻ cường hào cậy quyền thế muốn lấy bà làm vợ, bà quyết từ chối, khí tiết lắm liệt không ai dám lấn át. Niên hiệu Thái Hoà (1443 - 1453), có chiếu tìm người trinh liệt, quan Hữu ty nghe danh liền ban cho biển đề “Tiết phụ môn đồ.” Con cháu nhiều đời làm quan, trở thành một vọng tộc trong thôn.

10. Tam tổ: Túc ba vị tổ lập ra phái Trúc Lâm ở Yên Tử, gồm Trần Nhân Tông (1258 - 1308) là Trúc Lâm đệ nhất tổ, Pháp Loa tôn giả (1284-1330), là Trúc Lâm đệ nhị tổ, Huyền Quang tôn giả (1254 - 1334) là Trúc Lâm đệ tam tổ.

11. Theo nguyên chú: Yên Tử ở vào phương Cấn (Đông bắc), Nghi Dương (quê hương nhà Mạc) ở vào phương Chấn (hướng chính đông).

Bài Kiêm bảy đời: Một lời dự đoán như sấm ký, nhưng chuyên nói về phong thủy. Bảy đời ở đây ý nói Mạc Đăng Dung cướp ngôi nhà Lê lập ra nhà Mạc tính ngược về trước đến Mạc Đĩnh Chi là bảy đời.

12. Tư trai: Tên một thiên trong Đại nhã, *Kinh Thi* nói về mẹ Văn Vương là người mẫu mực. Về sau thường dùng “Tư trai” để chỉ sự kính trọng đối với đàn bà.

相將列傳

1. 范公著

范公著唐豪遼川人，永祚（神宗年號）戊辰科進士，累遷太常寺卿。陽和八年，贊理山南鎮務，時弘祖陽王以西郡公出鎮。公著每事籌畫，一一稱旨，以此受知益深。

九年，王與瓊岩公，奉命征順化，公著統大兵扈隨，擒獲賊將甚多，進兵直逼日麗海口。會有旨班師，乃全軍而還。弘祖開謙定府，時扶、華二郡公作亂，京城震動，命公著討之，盡獲其黨，二逆伏誅。慶德四年，弘祖登正府，公著以隨邸舊臣，累陞工部尚書，參從宰相，甚見尊禮，在朝遇事敢言，不憚觸諱。

時有官劍化爲銅，因啓王，其略曰：今天下習尚文飭，兵士饑渴而不知恤，徒以金銀飾於軍器，專務奢靡，以致化爲銅色，意者天心示警，使之速改，以爲實事也。請因此改之，削去銀飾，以備軍糧，務爲銅漆，以實軍器，亦可以應是祥而奮武衛也。

又上言曰：理國之術，曰文與武，致治之道，信賞必罰。武將當折衝禦侮，以衛國家。如能嚴明約束，以成事功，則隨功次等第論賞。其逗遛恆怯，行師失律，則論以軍憲。文臣當致君澤民，以飾治平。如能恪守廉勤，以稱職司，則隨政績獎賞。其枉法受賂，咱受請托，以致蠹政害民，輕者以貶罷論，重者依軍憲論。

是時法制始立，人情未固。公著所言，皆深切時弊，王皆從之。永壽二年，命監守國學。先是，學堂規制卑陋，公著始大加修葺，以月之朔望，大會諸生肄習，由是人才多所成就。景治二年，加吏部尚書燕郡公。尋以年老乞謝事。王勉留之，陳請益力，遂以少保致仕，陞國老太保，參預朝政。陽德初，起復掌六部事，參贊機務。王以老臣優禮之。年七十六卒，贈太宰諡忠勤。

公著爲人深沈簡重，行有操術，當國日久，法度多所建明。弘祖以奉侍潛邸日久，深倚用之。嘗因早朝押班，久未奉御，即直入御寢叩門，啓曰：主上一日萬幾，天明未出宮，奈天下事何？王爲慰諭

之。朝廷莫不敬憚，然其爲政，頗傷嚴察。中興初，戶口耗少，徭役繁重。公著執政，无所降宥。天下爲之謠曰：

天心祚尚書遼，

二人一褲如貓繫繩。

歷事三朝，勢傾天下，人或以招權議之。子公方，永治庚申科進士，官止工科給事中。

PHIÊN ÂM:

TƯỚNG TƯỚNG LIỆT TRUYỀN

PHẠM CÔNG TRÚ

Phạm Công Trứ Đường Hào Liêu Xuyên nhân, Vĩnh Tộ (Thần Tông niên hiệu) Mậu Thìn khoa Tiến sỹ, lữ thiên Thái thường tự khanh. Dương Hoà bát niên, Tán lý Sơn Nam trấn vụ, thời Hoàng Tổ Dương Vương dĩ Tây quận công xuất trấn. Công Trứ mỗi sự trù hoạch, nhất nhất xứng chỉ dĩ thử thụ chi tích thân.

Cửu niên, Vương dĩ Quỳnh Nham Công, phụng mệnh chinh Thuận Hoá, Công Trứ thống đại binh ủng tuyền, cầm hoạch tặc tướng thậm đa, tiến binh trực bức Nhật Lệ hải khẩu. Hội hữu chỉ ban sư, nãi toàn quân nghi hoàn. Hoàng Tổ khai Khiêm Định phủ, thời Phù Hoa nhị quận công tác loạn, kinh thành chấn động, mệnh Công Trứ thảo chỉ, tậ hoạch kỳ đảng, nhị nghịch phục tru. Khánh Đức tứ niên, Hoàng Tổ đẳng chinh phủ,

Công Trứ dĩ tùy để cữu thân, lữ thăng Công bộ Thượng thư, Tham tụng Tế tướng, thậm kiến tôn lễ, tại triều mộ sự cảm ngôn, bất dạn súc huý.

Thời hữu quan kiểm hoá vi đồng, nhân khải vương, kỳ lược viết: Kim thiên hạ tập thượng văn sức, binh sĩ cơ khát nhi bất tri tuất, đồ dĩ kim ngân sức ư quân khí, chuyên vụ sa my, dĩ chí hoá vi đồng sắc, ý giả thiên tâm thị cảnh, sử chi tốc cải, dĩ vi thực sự dã. Thỉnh nhân thử cải chi, tước khứ ngân sức, dĩ bị quân lương, vụ vi đồng tất, dĩ thực quân khí, diệc khả dĩ ứng thị tường nhi phần vũ vệ dã.

Hựu thượng ngôn viết: Lý quốc chi thuật, viết văn dữ vũ, chí trị chi đạo, tín thưởng tất phạt. Vũ tướng đương chiết xung ngự vụ, dĩ vệ quốc gia. như năng nghiêm minh ước thúc, dĩ thành sự công, tắc tùy công thứ đẳng đệ luận thưởng. Kỳ đậu lưu không khiếp, hành sự thất luật, tắc luận dĩ quân hiến. Văn thân đương trí quân trạch dân, dĩ sức trị bình. Như năng khác thử liêm cần, dĩ xứng chức ty, tắc tùy chính tục thưởng. Kỳ không pháp thụ lộ, cha thụ thỉnh thác, dĩ trí đổ chính hại dân, khinh giả dĩ biếm bãi luận, trọng giả y quân hiến luận.

Thị thời pháp chế thủy lập, nhân tình vị cố. Công Trứ sở ngôn, giai thâm thiết thời tề, Vương giai tòng chi. Vĩnh Thọ nhị niên, mệnh Giám thủ Quốc học. Tiên thị, học đường quy chế ti lậu, Công Trứ thủy đại gia tu tập, dĩ nguyệt chi sóc vọng, đại hội chư sinh dĩ tập, do thị nhân tài đa sở thành tựu. Cảnh Trị nhị niên, gia Lại bộ Thượng thư Yến quận công. Tâm dĩ niên lão khát tạ sự. Vương miễn lưu chi, trần thỉnh ích lực, toại dĩ Thiếu bảo trí sĩ, thăng Quốc lão thái bảo, tham dự triều chính. Dương Đức sơ, khởi phục Chương lục bộ sự, Tham tán cơ vụ. Vương dĩ lão thân ưu lễ chi. Niên thất thập lục tốt, tặng thái tử thụy Trung Cần.

Công Trứ vi nhân thâm trầm giản trọng, hành hữu thao thuật, đương quốc nhật cửu, pháp độ đa sở kiến minh. Hoàng Tổ dĩ phụng thị tiêm để nhật cửu, thâm ý dụng chi. Thường nhân tảo triều áp ban, cửu vị phụng ngự, tức trực nhập ngự tẩm khấu môn, khải viết: Chúa thượng nhất nhật vạn cơ, thiên minh vị xuất cung, nại thiên hạ sự hà? Vương vi uỷ dụ chi. Triều đình mạc bất kính đạ, nhiên kỳ vi chính, phả thương nghiêm sát. Trung hưng sơ, hộ khẩu hao thiếu, dao dịch phồn trọng. Công Trứ chấp chính, vô sở giáng hựu. Thiên hạ vi chi dao viết:

Thiên tâm tộ Thượng thư Liêu,

Nhị nhân nhất khố như miêu hệ thăng.

Lịch sự tam triều, thế khuynh thiên hạ, nhân hoặc dĩ chiêu quyền nghị chi. Từ Công Phương, Vĩnh Trị Canh Thân khoa Tiến sĩ, quan chỉ Công khoa cấp sự trung.

DỊCH NGHĨA:

1. PHẠM CÔNG TRỨ

Phạm Công Trứ (1599 – 1675), người Liêu Xuyên, huyện Đường Hào, Tiến sĩ khoa Mậu Thìn (1628), niên hiệu Vĩnh Tộ (niên hiệu Lê Thần Tông), dần dần thăng lên tới chức Thái thường tự khanh. Năm Dương Hoà thứ 8 (1642), giữ chức Tán lý trấn vụ Sơn Nam, lúc đó Hoàng Tổ Dương Vương (Trịnh Tạc) mới là Tây quân công ra trấn trị. Mỗi việc trù hoạch của Công Trứ đều xứng với ý Chúa, bởi vậy càng được Chúa biết đến.

Năm [Dương Hoà] thứ 9 (1643), Chúa cùng Quỳnh Nham Công phụng mệnh đi đánh Thuận Hoá, Công Trứ thống lĩnh đại binh đi theo hộ giá, bắt được rất nhiều tướng giặc. Tiến quân thẳng áp sát cửa biển Nhật Lệ. Đến khi có chiếu chỉ rút quân, đã đem toàn quân trở về. Hoàng Tổ mở

phủ Khiêm Định, khi ấy Phù quận công và Hoa quận công nổi loạn chấn động cả kinh thành, Chúa sai Công Trứ đi dẹp, bắt hết được đảng ấy, hai kẻ phản nghịch bị giết. Năm Khánh Đức thứ 4 (1654), Hoàng Tổ lên ngôi ở phủ liêu, Công Trứ là cựu thần từ khi Chúa còn ở nhà riêng, lần lượt thăng đến Công bộ Thượng thư, Tham tụng Tể tướng, rất được tôn trọng. Ở triều đình gặp việc giám nói, không sợ xúc phạm kiêng kỵ.

Thời đó có thanh kiếm “hoá ra đồng.” Nhân đó mà tâu với Chúa đại ý rằng: Ngày nay thiên hạ quen chuộng văn sức, binh sĩ đói khát mà chẳng biết thương, cứ lấy vàng bạc dát vào vũ khí, chỉ thích xa xỉ, đến nổi kiếm hoá thành mâu đồng, ý chừng lòng trời răn bảo bắt phải nhanh chóng sửa đổi, nên coi là sự thực. Xin nhân đây mà sửa đổi đi, tước bỏ lớp vỏ dát bạc, để dành tiền bạc dự trữ đầy đủ lương thực cho quân lính, chỉ lấy đồng sơn bao chắc quân khí, cũng có thể ứng vào điềm tốt ấy mà chấn hưng võ bị.

Lại tâu rằng: Thuật trị nước là phép dùng văn và võ, đạo chí trị là thưởng đúng mức và phạt nghiêm minh. Tướng võ phải xông pha chống giặc để bảo vệ quốc gia, ví như biết nghiêm minh trong việc ước thúc để nên công việc, thì tùy theo cao thấp mà luận thưởng. Kẻ khiếp nhược lừng chừng, làm việc quân mất kỷ luật, thì theo quân pháp mà luận tội. Quan văn phải hết lòng thờ vua và gia ân cho dân, để làm đẹp việc trị bình. Ai biết kính giữ liêm cần, xứng với chức trách, thì tùy theo thành tích chính sự mà khen thưởng. Ai làm sai pháp luật, ăn hối lộ, nhận nhờ vả, dẫn tới làm mục ruỗng chính sự, làm hại dân sinh, nhẹ thì giáng chức bãi quan, nặng thì luận tội theo quân pháp.

Thời đó pháp chế mới lập ra, nhân tình chưa vững vàng. Những lời của Công Trứ đều rất thiết thực với tể lậu khi ấy, nên Chúa đều nghe theo. Năm Vinh Thọ thứ 2 (1659), Công Trứ được sai Giám thủ Quốc học. Trước

đó qui mô học đường thấp bé chật hẹp, Công Trứ sửa sang mở rộng, lấy ngày sóc, ngày vọng hàng tháng, tập hợp đông đảo các học trò lại giảng tập, vì vậy mà nhiều người thành tài. Năm Cảnh Trị thứ 2 (1664), được thăng Lại bộ Thượng thư, tước Yến quận công. Sau đó vin cơ tuổi cao, xin nghỉ việc. Chúa muốn giữ lại, thì Công Trứ càng cố xin về, bèn trao cho chức Thiếu bảo chí sĩ, thăng Quốc lão Thái bảo, Tham dự triều chính. Niên hiệu Dương Đức năm đầu (1672), lại ra làm việc, với chức Chương lục bộ sự, Tham tán cơ vụ. Chúa coi là bậc lão thần nên rất trọng. Ông mất năm 76 tuổi, được tặng Thái tử, thụy Trung Cần.

Công Trứ là người thâm trầm, giản dị, thận trọng, làm việc có phương pháp, coi việc nước lâu ngày, pháp độ dựng lên phần nhiều sáng suốt. Vì là người theo hầu ở nhà riêng lâu ngày, nên Hoàng Tổ rất tin dùng. Nhiều khi vào buổi trực chầu sớm, lâu không thấy Chúa ra triều, lập tức đi thẳng vào ngự tẩm, gõ cửa, tâu rằng: “Chúa thượng một ngày muôn việc, trời sáng chưa ra khỏi cung, thì việc thiên hạ ra sao đây?” Chúa lại phải yên ủi phủ dụ. Triều đình không ai là không kính nể. Nhưng vì ông lo việc chính sự hơi nghiêm khắc, nên đôi khi cũng bị tổn thương danh dự. Năm đầu trung hưng, hộ khẩu hao tổn, phu dịch nặng nề. Công Trứ ra chấp chính không tha không giảm một ai. Thiên hạ có câu chê rằng:

Thiên tâm tộ Thượng thư Liêu,

Nhị nhân nhất khổ như miêu hệ thằng.

(Trời còn cho phúc Thượng thư Liêu,

Hai người một khổ như mèo buộc dây).

Từng thờ ba triều, thế lực nghiêng thiên hạ, người đời bàn tán cho là ông tự chuốc lấy quyền. Con là Công Phương, Tiến sỹ khoa Canh Thân, làm quan chỉ đến chức Công khoa cấp sự trung.

2. 武惟志

武惟志唐安慕澤人，祖武渾，福建白馬縣人。唐會昌中，代韓約爲交州刺史，精堪輿，始卜居其地，因以唐安名縣，可慕名社（中間改爲慕澤）。其後子孫，世爲南人。至陳朝武納，博通釋典，始有官于本國。明尊時，納二子堯佐、漢碑，並以文學登第，官至入內行遣。

國朝盛德永壽間，武氏多列貴顯，世世登科。高駢七世孫^u南來時，稱其邑爲進士巢。及惟志始由吏道進用，父國士舉鄉薦。爲人樸古有學行，嘗夢所居宅前，五色雲見，親自抱之。既而惟志生。有異相，天庭地閣高廣。幼從父母與兄拔萃來京，路徑安仁，有北國相者見之，矍然曰：何物老嫗，膝下兩卿相，國士心始奇之。

惟志天性孝友，年幼已知禮度自守，家苦貧，父以授徒仰給。端午有門人，獻瓜半^u，母讓之食，惟志固辭，良久，母憐之，亦不食。鄰家莫不起敬。及長，不事文學，專習楷法，應筆精妙。與兄自快，侍弘祖於潛

郎。永祚間，中書算首名，充省合，陞寺丞，預侍內選。遇國忌，王詣宮廟行禮，御衣帶忽斷，左右相顧，惟志跪旁，以袖中針線縫之。禮訖，王大加稱獎，以爲處事周密，又有應變才，始決意大用。

大駕征南時，駕海運糧，軍餉未嘗乏絕。後督戰高平討賊莫，所向克捷。以功陞清華參議子爵。朝臣或以不由保舉爲言。王震怒，即擢參政，累遷工部右侍郎，奉敕進朝。永壽二年，陞左侍郎坐堂。景治七年，加禮部尚書，參從宰相。百官多言吏道寡聞，不應備位台鼎。王聞之，即敘蕭曹房趙事業，作解疑論，以示群臣焉。

惟志在朝，遇事敢言。正旦節，王命百官仍朝殿冠服，詣府堂拜賀。惟志啓諫，略曰：主上從來一念尊扶，今日之禮，不宜遽用朝衣，駭人耳目。王從之，事爲中止。年七十請謝事，以國老太傅致士，加芳郡公，賜彩旗云：

一代宗臣蕭相國，

兩朝元老趙韓王。

既歸，家無餘財，親故問曰：公居首輔，不置田園，爲子孫立產業，何也？答曰：我當途用事，欲營造貲產，諒亦不難，但以清白遺子孫，使之不墜家聲，則富於財產多矣。卒年七十五，贈太傅，諡偉度。

子惟諧，永壽己亥科進士。前科諧文宜中式，攷官以朱卷舛一字，不查墨卷，指爲白字黜落。惟志欲以聞，諧前來請曰：科名自有定數，茲科已揭榜，使攷官得罪，於我何益？惟志爲中止。聞者嘆服。登第後，累遷提刑監察御史。德元二年，加東閣大學士，尋陞兵部右侍郎。

時故明將鄧耀，駕海舟百餘艘，來犯安廣之譚洪。王命諧勘水師拒戰，至萬寧，遍覓妓，放下賊艘調戲，暗令各持紅巾一幅，以水浸之，乘夜滴入賊銃。賊因貪歡不備，天明，妓從小舟回去。次日我師陳船交射，賊以銃應之，射不發，揚帆遁走，官軍追擊大捷。陞吏部左侍郎，卒贈禮部尚書。

長兄自快，少有大志，年十七，遊京師。時扶、華二郡有逆心，邀譽于國中，人情屬望，惟弘祖深自韜

晦。每朝侍日，自快輒就府門竊視之，見扶、華舉止疏慢，知其非令器。及見弘祖，驚異曰：此聖才也，即入居幕府。及扶、華作亂，王命帥師拒戰於復古坊，賊徒披靡，京師平。後大駕南征，監御營軍，紀律肅然，諸軍皆畏威股慄。凱還，陞乂安參議，累遷工部右侍郎忠郡公，卒贈禮部左侍郎。

次兄拔萃，德隆甲戌科正進士，官至吏科給事中，入侍陪從，卒贈寺卿董澤伯。拔萃子惟斷，景治甲辰科進士，幼極蒙暗，讀書終日不記一行，十七歲未識字，夜夢神爲之剖心去濁，既省，腹猶覺痛。拔萃再爲開心講諭。自此學業大進，領鄉解，以文名郡國。

初昭祖未開理國府，惟斷在時隨邸之列。後大軍征南，得侍帷幄。事無大小，王悉咨之，當時謂之內相，登第後，愈加眷寵，五遷至工部尚書。爲人剛直慷慨，遇事敢言，嘗慕九齡之爲人，上國音金監錄。大要在正心惇俗，知人去讒，語甚切至。王悉嘉納，每以直臣許之。時宮中有鬥雞之戲，中官索良雞以進。惟斷入朝見之，立折雞喉，應手而斃。中官入以聞，王爲罷

戲。清使來冊封，惟斷爲伴接官，至禮部堂設宴，使者當筵索酒，因應口吟曰：

飽吾箇德真佳味，

何必江亭問一盃。

使者大慚，遂成禮而去。永壽間，清人來還莫俘。時惟斷爲副都御史，宦者申公才，見任諒山鎮守。王命惟斷往南關接領，署名在公才下，未卒事而還。未幾惟斷陞尚書，再有旨同差，王欲依前咨文名次。惟斷不肯，忤旨罷歸田里。歸後，作范蠡遊五湖賦以自況，及澤村風景，農家考績等作行于世。卒贈左侍郎唐川子。子匡，景治庚戌科進士，官止禮科給事中。

方大，惟志次弟，善書判，中書算首名，充中書監華文學生。永壽間，隨征南有功，陞寺卿，累遷工部右侍郎香郡公，卒贈刑部尚書。子方岳進朝，仕至憲使。孫方提，永祐丙辰科進士，仕至參政。

求誨惟志季弟，永壽己亥科進士，與惟諧同榜。求誨未第時，以年老不欲應試。其妻夢見一寶蓋，從

天落下，抱之而入，勉之投牒，果登第，仕至參政，以賊罷。

惟志兄弟子姪，凡十人並列貴顯，世未有焉。

PHIÊN ÂM:

VŨ DUY CHÍ

Vũ Duy Chí Đường An Mộ Trạch nhân, tổ Vũ Hôn, Phúc Kiến Bạch Mã huyện nhân. Đường Hội Xương trung, đại Hàn Ước vì Giao Châu Thứ sử, tinh kham dư, thủy bốc cư kỳ địa, nhân dĩ Đường An danh huyện, Khả Mộ danh xã (trung gian cải vì Mộ Trạch). Kỳ hậu tử tôn, thế vì nam nhân. Chí Trần triều Vũ Nạp, bác thông Thích điển, thủy hữu quan vu bản quốc. Minh Tôn thời, Nạp nhị tử Nghiêu Tá, Hán Bi, tinh dĩ văn học đăng đệ, quan chí Nhập nội hành khiển.

Quốc triều Thịnh Đức Vĩnh Thọ gian, Vũ thị đa liệt quý hiển, thế thế đăng khoa. Cao Biên thất thế tôn Quỳnh Nam lai thời, xưng kỳ ấp vì Tiến sĩ sào. Cặp Duy Chí thủy do lại đạo tiến dụng. Phụ quốc sĩ cử Hương tiến, vì nhân phác cổ hữu học hạnh, thường mộng sở cư trạch tiền, ngũ sắc vân kiến, thân tự bảo chi. Ký nhi Duy Chí sinh. Hữu di tướng, thiên đình địa các cao quảng. Ấu tòng phụ mẫu dĩ huynh Bạt Tuy lai kinh. Lộ kính An Nhân, hữu Bắc quốc tướng giả kiến chi, cù nhiên viết: Hà vật lão ấu, tất hạ lương khanh tướng, Quốc Sĩ tâm thủy kỳ chi.

Duy Chí thiên tính hiếu hữu, niên ấu dĩ tri lễ độ tự thủ, gia khổ bản, phụ dĩ thụ đồ ngưỡng cấp. Đoan Ngọ hữu môn nhân, hiển qua bán quả, mẫu nhượng chi thực, Duy Chí cố từ, lương cửu, mẫu lân chi, diệc bất thực. Lân gia mạc bất khởi kính. Cặp trưởng, bất sự văn học, chuyên tập khai

pháp, ứng bút tinh diệu. Dữ huynh Tự Khoái, thị Hoàng Tổ ư tiềm đế. Vinh Tô gian, trúng Thư toán thủ danh, sung Tỉnh hợp, thăng Tự thừa, dự Thị nội tuyển. Ngô quốc ky, Vương nghệ cung miếu hành lễ, ngự y đài hốt đoạn, tả hữu tương cố, Duy Chí quy bàng, dĩ tự trung châm tuyển phùng chi. Lễ hát, Vương đại gia xừng tường, dĩ vi xử sự chu mật, hữu hữu ứng biến tài, thủy quyết ý đại dụng.

Đại giá chinh nam thời, giá hải vận lương, quân hưởng vị thường pháp tuyệt. Hậu đốc chiến Cao Bình thảo tặc Mạc, sở hưởng khắc tiếp. Dĩ công thăng Thanh Hoa Tham nghị tử tước. Triều thần hoặc dĩ bất do bảo cử vi ngôn. Vương chán nộ, tức trạc Tham chính, lũy thiên Công bộ Hữu thị lang, phụng ban tiến triều. Vinh Thọ nhị niên, thăng Tả thị lang toạ đường. Cảnh Trị thất niên, gia Lễ bộ Thượng thư, Tham tụng tể tướng. Bách quan đa ngôn lại đạo quả văn, bất ứng bị vị đài đỉnh. Vương văn chi, tức tự tiêu tào phòng triều sự nghiệp, tác giải nghị luận, dĩ thị quần thần yên.

Duy Chí tại triều, ngộ sự cảm ngôn. Chính đán tiết, Vương mệnh bách quan nhưng triều điện quan phục, nghệ phủ đường bái hạ. Duy Chí khải gián, lược viết: Chúa thượng tông lai nhất niệm tôn phù, kim nhật chi lễ, bất nghi cự dụng triều y, hải nhân nhĩ mục. Vương tông chi, sự vi trung chỉ. Niên thất thập thỉnh tạ sự, dĩ Quốc lão thái truyền trí sĩ, gia Phương quận công, tứ thái kỳ vân:

Nhất đại tông thân tiêu tướng quốc,

Lưỡng triều nguyên lão Triều Hàn vương.

Ký quy, gia vô dư tài, thân cố vấn viết: Công cư thủ phụ, bất trí điền viên, vi tử tôn lập sản nghiệp, hà dã? Đáp viết: Ngã đương đồ dụng sự, dục doanh tạo tư sản, lượng diệc bất nan, dân dĩ thanh bạch di tử tôn, sử chi bất truy gia thanh, tác phú ư tài sản đa hỹ. Tốt niên thất thập ngũ, tặng Thái truyền, thụy Vĩ Độ.

Tử Duy Hải, Vinh Thọ Kỷ Hời khoa Tiến sĩ. Tiền khoa Hải văn nghị trúng thức, khảo quan dĩ châu quyền suyễn nhất tự, bất tra mặc quyền, chỉ vi bạch tự truất lạc. Duy Chí dục dĩ văn, Hải tiền lai thỉnh viết: Khoa danh tự hữu định số, tư khoa dĩ yết bảng, sử khảo quan đắc tội, ư ngã hà ích? Duy Chí vi trung chỉ. Văn giả thán phục. Đăng đệ hậu, luỹ thiên Đề hình giám sát ngự sử. Đức Nguyên nhị niên, gia Đông các đại học sĩ, tằm thăng Binh bộ Hữu thị lang.

Thời cố Minh tướng Đặng Diệu, giá hải chu bách dư sừ, lai phạm An Quảng chi Đàm Hồng. Vương mệnh Hải khám thủy sư cự chiến, chỉ Vạn Ninh phố, biến mịch phố kỹ, phóng hạ tặc sừ điều hý, ám lệnh các tri hồng cân nhất bức, dĩ thủy tằm thừa dạ trích nhập tặc sủng. Tặc nhân tham hoan bất bị, thiên minh, kỹ tòng tiểu chu hồi khứ. Thử nhật ngã sừ trần thuyền giao xạ, tặc dĩ sủng ứng chi, xạ bất phát, dương phạm độn tẩu, quan quân truy kích đại tiếp. Thăng Lại bộ Tả thị lang, tốt tặng Lễ bộ Thượng thư.

Trưởng huynh Tự Khoái, thiếu hữu đại chí, niên thập thất, du kinh sư. Thời Phù, Hoa nhị quận hữu nghịch tâm, yêu dự vu quốc trung, nhân tình thuộc vọng, duy Hoằng Tổ thâm tự thao hối. Mỗi triều thị nhật, Tự Khoái triếp tựu phủ môn thiết thị chi, kiến Phù, Hoa cử chỉ sơ mạn, tri kỳ phi lệnh khí. Cập kiến Hoằng Tổ, kinh dị viết: Thử thánh tài dã, tức nhập cư mạc phủ. Cập Phù, hoa tác loạn, Vương mệnh suý sư cự chiến ư Phục Cổ phường, tặc đồ phi mỹ, kinh sư bình. Hậu đại giá Nam chinh, giám Ngự doanh quân, kỷ luật túc nhiên, chư quân giai ụy uy cổ lật. Khải hoàn, thăng Nghệ An Tham nghị, luỹ thiên Công bộ Hữu thị lang Trung quận công, tốt tặng Lễ bộ Tả thị lang.

Thử huynh Bạt Tuy, Đức Long Giáp Tuất khoa chính Tiến sĩ, quan chí Lại khoa Cấp sự trung, Nhập thị bồi tụng, tốt tặng Tự khanh

Đồng Trạch bá. Bạt Tuy tử Duy Đoán, Cảnh Trị Giáp Thìn khoa Tiến sĩ, ấu cực mông ám, độc thư chung nhật bất ký nhất hành, thập thất tuế vị thức tự, dạ mộng thần vi chi phẩu tâm khứ trọc, ký tỉnh, phúc do giác thống. Bạt Tuy tái vi khai tâm giảng dụ. Tự thử học nghiệp đại tiến, lãnh Hương giải, dĩ văn danh quận quốc.

Sơ Chiêu Tổ vi khai lý quốc phủ, Duy Đoán tại thời tuy để chi liệt. Hậu đại quân chinh Nam, đắc thị duy ác. Sự vô đại tiểu, vương tất tư chi, đương thời vi chi nội tướng, đẳng đệ hậu, dũ gia quyển sủng, ngũ thiên chí Công bộ Thượng thư. Vi nhân cường trực khảng khái, ngộ sự cảm ngôn, thường mộ cứu linh chi vi nhân, thượng quốc âm Kim giám lục. Đại yếu tại chính tâm đồn tục, tri nhân khứ sàm, ngữ thậm thiết chí. Vương tất gia nạp, mỗi dĩ trực thần hứa chi. Thời cung trung hữu đấu kê chi hý, trung quan sách lương kê dĩ tiến. Duy Đoán nhập triều kiến chi, lập chiết kê hầu, ứng thủ nhi tậ. Trung quan nhập dĩ văn, Vương vi bãi hý. Thanh sứ lai sách phong, Duy Đoán vi bạn tiếp quan, chí Lễ bộ đường thiết yến, sứ giả đương diên sách tửu, nhân ứng khẩu ngâm viết:

Bảo ngô cá đức chân giai vị,

Hà tất giang đình vấn nhất bôi.

Sứ giả đại tàm, toại thành lễ nhi khứ. Vĩnh Thọ gian, Thanh nhân lai hoàn Mạc phu. Thời Duy Đoán vi Phó đô ngự sử, hoạn giả Thân Công Tài, kiến nhậm Lạng Sơn Trấn thủ. Vương mệnh Duy Đoán vãng Nam Quan tiếp lãnh, thụ danh tại Công Tài hạ, vị tốt sự nhi hoàn. Vị cơ Duy Đoán thăng Thượng thư, tái hữu chỉ đồng sai, Vương dục y tiền tư văn danh thứ. Duy Đoán bất khảng, ngõ chỉ bãi quy điền lý. Quy hậu, tác Phạm Lãi du Ngũ Hồ phú dĩ tự hướng, cập trạch thôn phong cảnh, nông gia khảo tích đẳng tác hàng hành vu thế. Tốt tặng Tả thị lang Đường Xuyên tử. Tử Khuông, Cảnh Trị Canh Tuất khoa Tiến sĩ, quan chỉ Lễ khoa cấp sự trung.

Phương Đại, Duy Chí thứ đệ, thiện thư pháp, trúng Thư toán thủ danh, sung Trung thư giám hoa văn học sinh. Vinh Thọ gian, tuyền chinh Nam hữu công, thăng Tự khanh, lữ thiên Công bộ hữu thị lang Hương quận công, tốt tằng Hình bộ Thượng thư. Tử Phương Nhạc tiến triều, sĩ chí Hiến sứ. Tôn Phương Đề, Vinh Hựu Bính Thìn khoa Tiến sĩ, sĩ chí Tham chính.

Cầu Hối Duy Chí quý đệ, Vinh Thọ Kỷ Hợi khoa Tiến sĩ, dữ Duy Hải đồng bảng. Cầu Hối vị đệ thời, dĩ niên lão bất dục ứng thí. Kỳ thê mộng kiến nhất bảo cái, tòng thiên lạc hạ, bảo chi nhi nhập, miễn chi đầu điệp, quả đăng đệ, sĩ chí Tham chính, dĩ tang bãi.

Duy Chí huynh đệ tử diệt, phạm thập nhân tịnh liệt quý hiển, thế vị hữu yên.

DỊCH NGHĨA:

2.VŨ DUY CHÍ

Vũ Duy Chí người Mộ Trạch, huyện Đường Hào. Tổ tiên là Vũ Hôn, người huyện Bạch Mã, Phúc Kiến, trong khoảng năm Hội Xương đời Đường, được thay Hàn Ước làm Thứ sử Giao Châu, giỏi môn địa lý nên bói chuyển đến đất này, nhân đặt tên huyện là Đường An, tên xã Khả Mộ (về sau đổi Mộ Trạch). Con cháu đời sau, trở thành người Nam. Đến triều nhà Trần, có Vũ Nạp giỏi về Phật giáo, mới bắt đầu ra làm quan ở nước ta. Đời Trần Minh Tông, hai con của Vũ Nạp là Nghiêu Tá và Mạc Bi, đều đỗ đạt về văn học, làm quan đến Nhập nội hành khiển.

Đến khoảng năm Thịnh Đức, Vinh Thọ (1658 - 1661) triều ta, họ Vũ nhiều người liệt vào hàng quý hiển, đời đời đỗ đạt. Khi Cao Quýnh cháu bảy đời Cao Biền đến nước Nam, gọi ấp này là tổ tiến sĩ. Đến đời Duy Chí, bắt đầu do chân lại dịch được tiến cử trọng dụng. Cha là Quốc Sĩ đỗ hương tiến, người chất phác, có học hạnh, thường nằm mộng thấy trước nhà ở, hiện mây 5 sắc, tự ra ôm lấy, thế rồi sinh ra Duy Chí. [Chí] có tướng lạ,

trán rộng, cằm vuông, lúc nhỏ theo cha mẹ và anh là Bạt Tuy đến kinh. Trên đường qua An Nhân, có nhà tướng số người Tàu, dăm dăm nhìn và sững sốt nói rằng: “Bà già nào đây lại có hai con nhỏ là khanh, tướng?” Trong lòng Quốc Sĩ mới đầu cho là lạ.

Duy Chí thiên tính hiếu thảo, nhịn nhường, từ nhỏ đã biết giữ lễ độ. Nhà nghèo, cha lấy nghề dạy học để nuôi nấng. Tiết Đoan ngo có người học trò đem biếu nửa quả dưa, mẹ nhường Duy Chí ăn, Duy Chí nhất mực từ chối, hồi lâu, mẹ thương Chí cũng không ăn, xóm riềng ai ai cũng kính nể. Khi lớn khôn, không theo đòi văn học, chuyên luyện tập phép viết chữ, ứng bút tài giỏi. Cùng anh là Tự Khoái hầu ở nhà riêng của Hoàng Tổ. Khoảng niên hiệu Vĩnh Tộ (1619 - 1628) đỗ đầu khoa thư toán,⁽¹⁾ sung vào tỉnh hợp, rồi thăng lên Tự thừa, dự tuyển vào thị nội. Gặp ngày quốc kỵ, chúa tới cung miếu hành lễ, đại ngự y bỗng đứt hai bên quan tả hữu nhìn nhau, Duy Chí quỳ bên cạnh, lấy kim chỉ trong tay áo khâu lại. Lễ tan, chúa rất khen, cho là xử sự chu đáo, lại có tài ứng biến, từ đấy quyết ý trọng dụng.

Khi đại giá đi đánh dẹp phương Nam, [ông] vượt biển vận chuyển quân lương chưa từng bị thiếu hụt, gián đoạn. Sau lại đi đốc chiến ở Cao Bằng đánh tàn quân nhà Mạc, đánh đâu thắng đấy. Vì có công nên được thăng Tham nghị Thanh Hoa, tước tử. Triều thần có kẻ nói rằng, ông không do con đường bảo cử mà được cất nhắc. Chúa cả giận liền lại cất nhắc lên chức Tham chính, rồi lần lượt thăng lên Công bộ Hữu thị lang, phụng ban tiến triều. Năm Vĩnh Thọ thứ 2 (1659), thăng lên Tả thị lang. Năm Cảnh Trị thứ 7 (1669), thăng lên Lễ bộ Thượng thư, Tham tụng Tế tướng. Trăm quan xì xào con đường làm quan của ông, không nên dự ngôi khanh tướng. Chúa nghe chuyện đó liền nói về sự nghiệp của Tiêu Hà, Tào Tham, Phòng Huyền Linh, Triệu Phả⁽²⁾ để giải mối nghi ngờ bàn tán, mà dạy bảo cho quần thần.

Duy Chí làm việc trong triều, gặp việc dám nói thẳng. Tiết chính đán chúa sai trăm quan vẫn dùng quan phục triều diện đến phủ đường bái chúc. Duy Chí dâng tờ khải can ngăn, đại lược nói rằng: Chúa thượng từ trước tới nay nhất mực tôn phù, việc lễ hôm nay, không nên vội dùng y phục triều nghi, làm kinh sợ tai mất mọi người.

Chúa nghe theo, việc đó được ngừng lại. Năm 70 tuổi, xin nghỉ việc, với chúc Quốc lão Thái phó trí sĩ, thăng tước Phương quận công, ban tặng cờ thêu hai câu rằng:

Nhất đại tôn thân Tiêu Tướng quốc,

Lưỡng triều nguyên lão Triệu Hàn vương.

(Một đời tôn thân, như họ Tiêu chúc Tướng quốc,

Nguyên lão hai triều, tựa họ Triệu tước Hàn vương).

Khi đã trở về, nhà không có chút của cải dư thừa nào, người quen biết thân thuộc đến hỏi ông rằng: “Ngài ở chức quan cao, không tậu ruộng vườn, lập sản nghiệp cho con cháu là vì sao?” Ông đáp rằng: “Ta gánh vác việc nước, muốn lập tài sản riêng việc đó không khó gì, nhưng để cái thanh bạch lại cho con cháu, làm cho chúng không mất thanh danh của nhà, thì còn giàu hơn tài sản nhiều.” Mất năm 75 tuổi, tặng chúc Thái phó, thụy là Vĩ Độ.

Con trai là Duy Hải, Tiến sĩ khoa Kỷ Hợi niên hiệu Vĩnh Thọ (1659). Khoa trước văn chương của Hải đáng trúng cách, khảo quan vì thấy quyển son sai một chữ, không tra cứu quyển mực, phê là bạch tự mà đánh trượt. Duy Chí muốn thưa chuyện này lên vua nghe, Hải đến trước mặt xin mà thưa rằng: “Khoa danh vốn đã có số trời định sẵn, khoa này đã yết bảng, nay làm cho khảo quan bị tội, có lợi gì cho mình?” Duy Chí vì thế mà thôi. Những người nghe được rất thán phục. Sau khi thi đỗ, thăng dần đến

chức Đề hình Giám sát ngự sử. Năm Đức Nguyên thứ 2 (1675), thăng thêm chức Đông các đại học sĩ, sau đó lại thăng lên Binh bộ Hữu thị lang.

Khi ấy, tướng cũ nhà Minh là Đặng Diêu, đưa hơn trăm hải thuyền vào xâm phạm Đàm Hồng thuộc An Quảng. Chúa mệnh Hải mang thủy quân ra chống giữ, tới phố Vạn Ninh tìm hết kỹ nữ trong phố, thả xuống thuyền giặc cho đùa bỡn, ngầm sai bọn họ mỗi người cầm một tấm khăn hồng, đúng nước ướn, nhân đêm tối vắt nước vào nòng súng giặc. Bọn giặc quá ham vui, không phòng bị, trời sáng, đám kỹ nữ rời thuyền giặc ra về. Hôm sau quân ta bày thuyền trận bắn nhau với giặc, giặc dùng súng bắn lại, súng không nổ, phải căng buồm chạy trốn, quan quân ta truy kích, thắng lớn. Thăng lên chức Lại bộ Tả thị lang, khi mất, tặng Lễ bộ Thượng thư.

Anh cả là Tự Khoái, lúc còn nhỏ đã có chí lớn, năm 17 tuổi, đi chơi kinh sư. Khi ấy, quận Phù và quận Hoa có lòng phản nghịch, muốn gây thanh thế trong nước, nhân tình ngóng trông, chỉ có Hoàng Tổ giữ gìn kín đáo. Thường những ngày triều thị, Tự Khoái tới cửa phủ xem trộm, thấy cử chỉ quận Phù và quận Hoa sơ xuất khinh mạn, biết chúng không phải là người tốt. Kịp khi gặp Hoàng Tổ, thì Hoàng Tổ kinh ngạc mà nói rằng: “Người này thật tài thánh,” bèn cho vào ở trong mạc phủ⁽³⁾. Đến khi quận Phù và quận Hoa nổi loạn, chúa sai đem quân đến chống lại ở phường Phục Cổ, bọn giặc tan rã, kinh sư bình yên. Sau lại theo đại giá đi đánh ở phương Nam, giám sát quân Ngự doanh, kỷ luật nghiêm túc, chư quân đều né oai run sợ. Chiến thắng trở về, thăng chức Tham nghị Nghệ An, lần lượt thăng tới chức Công bộ Hữu thị lang, tước Trung quận công, khi mất tặng Lễ bộ Tả thị lang.

Anh thứ hai là Bạt Tuy, Tiến sĩ khoa Giáp Tuất niên hiệu Đức Long (1634), làm quan đến Lại khoa cấp sự trung, nhập thị bồi tụng, khi

mất được tặng Tự khanh, tước Đồng Trạch bá. Con Bạt Tuy là Duy Đoán, Tiến sĩ khoa Giáp Thìn niên hiệu Cảnh Trị (1664), khi nhỏ rất dốt, đọc suốt ngày không nhớ được một hàng, năm 17 tuổi chưa biết chữ, đêm nằm mộng thấy thần mổ bụng tẩy rửa cái bẩn thấy bụng còn đau. Bạt Tuy lại giảng cho cách khai tâm, từ đó sự học hành tiến rất nhanh, đoạt giải thi hương, văn hay nổi tiếng khắp trong quận.

Trước kia Chiêu Tổ chưa mở phủ chúa cai trị, lúc ấy Duy Đoán vẫn là người hầu ở nhà riêng. Sau đó đại quân đi đánh phương Nam, được hầu cận nơi màn trướng, không kể việc lớn nhỏ chúa nhất nhất hỏi ông. Dương thời bảo ông là nội tướng. Sau khi thi đỗ, càng được yêu quý, năm lần thăng tới chức Công bộ Thượng thư. Ông là người cương trực khảng khái, gặp việc dám nói, thường hăm mộ cách sống của Cửu Linh⁽⁴⁾ dâng sách “Quốc âm kim giám lục.” Chủ yếu để chính tâm đôn phong tục, hiểu rõ người, bỏ quân sàm nịnh, lời lẽ thiết tha. Chúa nhất nhất khen ngợi tiếp thu, thường khen là bấy tôi thẳng thắn. Khi đó ở trong cung có trò chơi chơi gà, quan trong nội phủ đòi tiền dâng gà tốt. Duy Đoán vào châu trông thấy bẻ ngay hầu gà, gà chết ngay. Quan nội phủ tâu việc đó tới chúa, chúa vì thế mà bỏ trò chơi ấy. Sứ nhà Thanh đến sách phong, Duy Đoán làm quan bồi tiếp đến Lễ bộ đường thết yến, sứ giả đương trong bữa tiệc đòi rượu, ông liền ứng khẩu ngâm rằng:

Bão ngô cá đúc chân giai vị,

Hà tất giang đình vấn nhất bôi?

(Làm no ta là vị ngon của đạo đức,

Hà tất đòi một chén quán rượu bên sông?)

Sứ giả đó cả thẹn, bèn làm xong lễ sách phong rồi chuồn thẳng. Vào khoảng niên hiệu Vĩnh Thọ (1658 - 1661), người Thanh sang giao lại tù

binh nhà Mạc cho ta. Lúc đó Duy Đoán làm Phó đô ngự sử, hoạn quan là Thân Công Tài hiện làm Trấn thủ Lạng Sơn. Chúa sai Duy Đoán lên Nam quan tiếp lãnh, tên ghi sau Công Tài, việc chưa xong, đã bỏ về. ít lâu, Duy Đoán được thăng Thượng thư, lại có chiếu chỉ cùng sai cử hai người, chúa muốn ghi tên theo thứ tự như tờ tư lần trước. Duy Đoán không chịu, chống lại chiếu chỉ, bị bãi về quê quán. Sau khi về làm bài phú Phạm Lãi⁽⁶⁾ đi chơi Ngũ hồ để tự ví, cùng các tác phẩm về phong cảnh thôn Mộ Trạch, các bài khảo cứu về nhà nông, được lưu truyền ở đời. Khi mất được tặng chức Tả thị lang, tước Đường Xuyên tử. Con là Khuông, Tiến sĩ khoa Canh Tuất niên hiệu Cảnh Trị (1670), làm quan chỉ đến Lễ khoa cấp sự trung.

Phương Trọng là em thứ Duy Chí, giỏi về viết lách, đỗ đầu thư toán, sung vào trung thư viết sách, coi học sinh hoa văn. Khoảng niên hiệu Vĩnh Thọ (1658 - 1661), theo chúa đi dẹp phương Nam có công, thăng Tự khanh, dần thăng Công bộ Hữu thị lang, tước Hương quận công, khi mất được tặng Hình bộ Thượng thư. Con là Phương Nhạc, được tiến triều, làm quan đến chức Hiến sứ. Cháu là Phương Đề, Tiến sĩ khoa Bính Thìn niên hiệu Vĩnh Hựu (1736), làm quan đến Tham chính.

Cầu Hối là em út của Duy Chí, Tiến sĩ khoa Kỷ Hợi niên hiệu Vĩnh Thọ (1659), đỗ cùng khoa với Duy Hải. Khi Cầu Hối chưa đậu tự cho là tuổi già không muốn ra thi. Vợ Hối nằm mộng thấy một cái lọng báu, từ trên trời rơi xuống, ôm lấy đem vào, rồi khuyên chồng đầu đơn thi. Quả nhiên Cầu Hối thi đậu, làm quan đến Tham chính, rồi vì ăn hối lộ nên bị bãi. Anh em con cháu Duy Chí gồm mười người đều liệt vào hàng quý hiển, đời chưa từng có.

CHÚ THÍCH:

1. Thư toán: Khoa thi để chọn nhân tài về tính toán và viết chữ đẹp.

2.Tiêu Hà: Người đời Hán, phò tá Cao Tổ định thiên hạ, làm quan tới chức Thừa tướng. Luật lệnh nhà Hán đa phần do Tiêu Hà đặt ra - Được phong tới Tản hầu.

-Tào Tham: Người đời Hán, cùng Tiêu Hà phò tá Cao Tổ định thiên hạ. Phong Bình Dương hầu. Sau khi Tiêu Hà chết thay làm Tể tướng.

-Phòng Huyền Linh: Người đời Đường, giúp Thái Tông trị nước, có nhiều mưu lược hay, có công lớn, thường ví với Tiêu Hà. Làm quan đến Thượng thư tả bộc xạ, phong Lương quốc công.

-Triệu Phả: Người đời Tống, ban đầu giúp Thái Tổ. Khi Thái Tông lên ngôi, phong làm Thái sư, làm Tể tướng hai triều, điều đình việc nước rất giỏi. Chết tặng Thượng thư, phong Hàn vương.

3.Mạc phủ: Nơi làm việc của chúa Trịnh.

4.Cửu Linh: Người đất Khúc Giang đời Đường, tự Tử Thọ là Tiến sĩ, làm quan đến Tả thập di, nhân ngày sinh của Huyền Tông, ông dâng sách Thiên thu kim giám lục, sau làm Tể tướng, có nhiều công tích, nhưng do bị gièm pha bị bãi quan về quê.

5.Phạm Lãi: Người nước Sở thời Xuân Thu, làm quan ở nước Việt, cùng Việt vương Câu Tiễn diệt Ngô, lại vượt biển sang Tề, đổi họ tên là Suỷ Di Tử Bì, tài sản tới ngàn vàng, bị phân tán, ở đất Đào nên hiệu gọi là Đào Châu Công.

3. 丁文左

丁文左 錦江邨江人，丁先皇之後。少時落魄不縻，有勇力，善騎射。三次名在劫案，根尋不獲。盛德

初，弘祖大舉征南，招募四方勇士，文左應募，請以功贖罪。至賊境，九戰九捷，得洗雪爲民。

賊於江岸對壘，嚴設警備。壘中有大鉦，聞數十里。王問諸將，誰能取此鉦者。文左請行，率其手下五十人，從至河岸，遍按從者胸息，其攝慄浮動者，悉放還。惟三人不亂，文左與之涉河而南，夜深潛入賊壘，負鉦而去。至河中，大叩一聲，賊壘中驚覺，追之不及，次日悉眾劫寨。文左當先抵敵，縱橫如飛，所至賊徒披靡，大獲全勝，凱旋，以軍功出身管兵。時殘莫康估據高平，王命帥眾討之，獲其黨以歸，陞都同知，尋加海陽鎮守。

會阮福灝寇乂安，大駕南征，充左行軍先鋒，與賊相持於登江，乘夜進攻，獲其將與海船甚眾。驩民慕左有威惠，啓乞留鎮，王從之，加乂安督率。左歷覽山川形勢，潛立壘于青濮，誘南兵深入掩擊之，賊眾大潰。先是左鎮屬將茂郡公范必全，以布政州降福灝，福灝用爲軍帥，謀大舉入寇。左探知消息，乃使人反間，宣言於境上曰：茂郡公詐降，今擁兵登江，待北

兵掩至，必爲內應。福灝果疑，茂郡公卒戕之。事聞，王璽書獎之曰：“略如太公，謀超陳平”，擢都督同知，賜郡公爵。

尋以大兵討高平，徵左還督戰，殘莫竄入內地。左督將士追攝，擒其黨甚眾，官軍大捷。王命留鎮七泉。二年啓請差官監牧修繕城隍，慰撫居民而還。

戊子，王駕再征南，左將選鋒兵，直抵洞海，與賊對壘。賊壘多樹尖棘。左立土山開之玄路誘敵，伏兵掩擊。左右山上，用火鷄箭，射入賊營，尖棘廬舍悉焚之。賊敗走，死者枕藉。王以左有奇謀，優旨獎勞，賜金錢均給手下，使各效力，以圖後舉。永治二年丁巳，莫元清再入高平。王命左督諸軍，兼領太原、諒山、宣光等處兵馬，合力進勦。元清走龍州，左俘其黨，及馬足器械甚眾。留鄧公瓚鎮撫，選揀丁壯布置壕壘。即其地立高皇帝廟，諭以平吳威德，土酋州民，無不感悅，自是無復叛者。累遷太子少保，東軍府左都督。卒贈太傅。昭祖始親政，追封中等福神。

子偉，有阿保功，累陞太子少保顯郡公。慈德太妃武氏，少時爲過房子，既入侍，生毅祖及瓊英公主，遂希復進見。會僖祖幸偉宅，設宴酒酣，因問所欲，對曰：“上不以老臣不才，寵遇至此，優渥之極，更復何求”。今椒寢正繁，願漆賜武妃龍產，其爲賞老臣多矣。王笑許之，太妃再幸，挺生毅祖，以是眷寵愈加。

孫貢、淳、佳，並列貴顯。貢官至總兵同知郡公爵。淳官至總兵使侯爵。佳侍毅祖有翊戴功，封推忠翊運功臣，累陞少傅。景興庚申初，東北兵亂，加焜郡公，統領東道討賊。時諸將中，惟佳將家子有重名，尤長於用兵，所向克捷，王深奇重之。賊阮求最黠，累爲所陷，勢益窮蹙，暗使人陳情于佳，求緩兵，且曰：“求旦夕死，將軍豈能長握兵哉。佳感之，又自以爲諸將莫己敵，因縱賊剽掠，按兵不動，以虛聲嚇朝廷，張大賊勢，以自取重。王疑佳無鬥心，謀擇將以分其權。佳時駐兵酣江，與求兵相持。求爲人狡黠，揣知朝廷有疑佳意。夜深以戰船十艘，笙蕭悉備，自上流而下，至

賊營泊岸，使人揚言曰：焜郡公來訪寧東王，船在此。求使人迎之，至則儀伏騎從甚盛，入帳中，漏下一鼓始出，復泝流而上。

旦日，賊中傳言焜郡公夜投大王營中，謀內應。是夜官軍駐岸左，有見之者，益信之。蓋賊反間計也。佳聞之大驚，亦無以自辨，王以是愈不信佳，命抽兵西討，而以曄郡公黃五福代之。是後寵遇日衰。

會皇子維^úB奔清華作亂，竊殿中金章以去，章缺一角。其妹玉禎公主，與佳母相識，往來其宅，爲^úB招佳。佳始不之信。公主報^úB用缺角印憑示之。佳猶豫持二心，有爲王言者，王不忍即誅，復徵佳兵北討，加上將軍，觀其意向，佳與求兵遇于如鐵戰大敗，亡其一子。王疑稍釋，竟奪職爲民。佳憂悸卒。其母累啓陳情求復職，王憫前勳許之。今其族世典兵稱東江巨族。

PHIÊN ÂM:

DINH VĂN TẢ

Dinh Văn Tả Cẩm Giang Hàm Giang nhân, Đinh Tiên Hoàng chi hậu. Thiếu thời lạc phách bát mi, hữu dũng lực, thiện kỵ xạ. Tam thứ danh

tại kiếp án, căn tâm bất hoạch. Thịnh Đức sơ, Hoàng Tổ đại cử chinh nam, chiêu mộ tứ phương dũng sĩ, Văn Tả ứng mộ, thỉnh dĩ công thực tội. Chí tắc cảnh, cửu chiến cửu tiếp, đắc tẩy tuyết vi dân.

Tặc ư giang ngạn đối lũy, nghiêm thiết cảnh bị. Lũy trung hữu đại chinh, văn sở thập lý. Vương vấn chư tướng, thủy năng thủ thủ chinh giả. Văn Tả thỉnh hành, suất kỳ thủ hạ ngũ thập nhân, tòng chí hà ngạn, biến án tòng giả hung tức, kỳ nhiếp lật phù động giả, tất phóng hoàn. Duy tam nhân bất loạn, Văn Tả dữ chi thiệp hà nhi nam, dạ thâm tiềm nhập tặc lũy, phục chinh nhi khứ. Chí hà trung, đại khẩu nhất thanh, tặc lũy trung kinh giác, truy chi bất cập, thứ nhật tất chúng kiếp trại. Văn Tả đương tiên để địch, tưng hoành như phi, sở chí tặc đồ phi my, đại hoạch toàn thắng, khái tuyên, dĩ quân công xuất thân quân binh. Thời tàn Mạc khang cố cứ Cao Bình, vương mệnh suất chúng thảo chi, hoạch kỳ đảng dĩ quy, thăng Đô đồng tri, tằm gia Hải Dương Trấn thủ.

Hội Nguyễn Phúc Hạo khẩu Nghệ An, đại giá nam chinh, sung Tả hành quân tiên phong, dữ tặc tương trì ư Đãng Giang, thừa dạ tiến công, hoạch kỳ tướng dữ hải thuyền thậm chúng. Hoan dân mộ Tả hữu uy huệ, khái khát lưu trấn, vương tòng chi, gia Nghệ An đốc suất. Tả lịch lâm sơn xuyên hình thế, tiềm lập lũy vu thanh bặc, dụ nam binh thâm nhập yểm kích chi, tặc chúng đại hội. Tiên thị Tả trấn thuộc tướng Mậu quận công Phạm Tất Toàn, dĩ Bố Chính châu hàng Phúc Hạo, Phúc hạo dụng vi quân suất, mưu đại cử nhập khẩu. Tả thám tri tiêu tức, nãi sử nhân phản gián, tuyên ngôn ư cảnh thượng viết: Mậu quận công trá hàng, kim ủng binh đãng giang, đãi bắc binh yểm chí, tất vi nội ứng. Phúc Hạo quả nghi, Mậu quận công tốt tường chi. Sự văn, vương tỳ thư

tướng chỉ viết: “Lược như Thái Công, mưu siêu Trần Bình,” trạc Đô đốc đồng tri, tứ quận công tước.

Tâm dĩ đại binh thảo Cao Bình, trưng Tả hoàn đốc chiến, tàn Mạc thoán nhập nội địa. Tả đốc tướng sĩ truy nhiếp, cầm kỳ đảng thậm chúng, quan quân đại tiếp. Vương mệnh lưu trấn Thất Tuyên. Nhị niên khai thỉnh sai quan giám mục tu thiện thành hoàng, uỷ phủ cư dân nhi hoàn.

Mậu Tý, vương giá tái chinh nam, Tả tướng tuyển phong binh, trực để Động Hải, dữ tặc đối lữ. Tặc lữ đa thụ tiêm cứu. Tả lập thổ sơn khai chi huyền lộ dụ địch, phục binh yểm kích. Tả hữu sơn thượng, dụng hoả diêu tiễn, xạ nhập tặc doanh, tiêm cứu lư xá tất phân chi. Tặc bại tẩu, tử giả chảm tịch. Vương dĩ Tả hữu kỳ mưu, ưu chỉ tướng lao, tứ kim tiền quân cấp thủ hạ, sử các hiệu lực, dĩ đồ hậu cử. Vĩnh Trị nhị niên Đinh Tỵ, Mạc Nguyên Thanh tái nhập Cao Bình. Vương mệnh Tả đốc chư quân, kiêm lãnh Thái Nguyên, Lạng Sơn, Tuyên Quang đẳng xứ binh mã, hợp lực tiến tiêu. Nguyên Thanh tẩu Long Châu, Tả phu kỳ đảng, cập mã sắt khí giới thậm chúng. Lưu Đặng Công Tán trấn phủ, tuyển đình tráng bố trí hào lữ. Tức kỳ địa lập Cao Hoàng Đế miếu, dụ dĩ binh Ngô uy đức, thổ tù châu dân, vô bất cảm duyệt, tự thị vô phục bạn giả. Lữ thiên Thái tử thiếu bảo, Đông quân phủ Tả đô đốc. Tốt tặng Thái phó. Chiêu Tổ thuỷ thân chính, truy phong Trung đẳng phúc thân.

Tử Vĩ, hữu a bảo công, lữ thăng Thái tử thiếu bảo Hiến quận công. Tử Đức thái phi Vũ thị, thiếu thời vì quá phòng tử, ký nhập thị, sinh Nghị Tổ cập Quỳnh Anh công chủ, toại hy phục tiến kiến. Hội Hy Tổ hạnh vĩ trạch, thiết yến tửu hàm, nhân vấn sở dục, đối viết: Vương Thượng bát dĩ lão thần bất tài, sủng ngộ chí thử, ưu ác chi cực, cánh phục hà cầu. Kim tiêu tẩm chính phân, nguyện tất tử Vũ phi long sản, kỳ vi thường lão thần

đa hỹ. Vương tiếu hứa chi, Thái phi tái hạnh, đình sinh Nghị Tổ, dĩ thị quyền sủng dã gia.

Tôn Cống, Thuần, Giai, tịnh liệt quý hiển. Cống quan chí Tổng binh Đồng tri quận công tước. Thuần quan chí Tổng binh sứ hầu tước. Giai thị Nghị Tổ hữu dục đại công, phong suy Trung dục vận công thần, lữ thăng Thiếu truyền. Cảnh Hưng Canh Thân sơ, đông bắc binh loạn, gia Côn quận công, thống lĩnh Đông đạo thảo tặc. Thời chư tướng trung, duy Giai tướng gia tử hữu trọng danh, vũ trường ư dụng binh, sở hướng khắc tiếp, vương thâm ý trọng chi. Tặc Nguyễn Cầu tối hiệt, lữ vi sở hãm, thế ích cùng thích, ám sử nhân trần tình vu Giai, cầu hoãn binh, thả viết: Cầu án tịch tử, tướng quân khởi năng trường ác binh tại. Giai cảm chi, hựu tự dĩ vi chư tướng mạc kỷ địch, nhân tưng tặc phiếu lược, án binh bất động, dĩ hư thanh hách triều đình, trương đại tặc thế, dĩ tự thủ trọng. Vương nghị Giai vô đấu tâm, mưu trạch tướng dĩ phân kỳ quyền. Giai thời trú binh Hàm Giang, dĩ Cầu binh tương trì. Cầu vi nhân giáo hiệt, sử tri triều đình hữu nghị Giai ý. Dã thâm dĩ chiến thuyền thập sừ, sanh tiêu tất bị, tự thượng lưu nhi hạ, chí tặc doanh bạc ngàn, sử nhân dương ngôn viết: Côn quận công lai phỏng Ninh Đông vương, thuyền tại thử. Cầu sử nhân nghênh chi, chí tặc nghị phục sô tông thậm thịnh, nhập trường trung, lậu hạ nhất cố thủy xuất, phục tố lưu nhi thượng.

Đán nhật, tặc trung truyền ngôn: Côn quận công dạ đầu Đại Vương doanh trung, mưu nội ứng. Thị dạ quan quân trú ngàn tả, hữu kiến chi giả, ích tín chi. Cái tặc phản gián kế dã. Giai văn chi đại kinh, diệc vô dĩ tự biện, vương dĩ thị dã bất tín Giai, mệnh trù binh tây thảo, nhi dĩ Việp quận công Hoàng Ngũ Phúc đại chi. Thị hậu sủng ngô nhật suy.

Hội hoàng tử Duy Mật bốn Thanh Hoa tác loạn, thiết điện trung kim chương dĩ khứ, chương khuyết nhất giác. Kỳ muội Ngọc Trinh công chủ, dữ Giai mẫu tương thức, vãng lai kỳ trách, vi Mật chiêu Giai. Giai thủy bất chi tín. Công chủ báo Mật dụng khuyết giác ấn bằng thị chi. Giai do dự trì nhị tâm, hữu vi vương ngôn giả, vương bất nhẫn tức tru, phục trưng Giai binh bắc thảo, gia Thượng tướng quân, quan kỳ ý hướng, Giai dữ Cầu binh ngô vu Như Thiết chiến đại bại, vong kỳ nhất tử. Vương nghi sảo thích, cánh đoạt chức vi dân. Giai ưu quý tốt. Kỳ mẫu lũy khai trần tình cầu phục chức, Vương miễn tiền huân hứa chi. Kim kỳ tộc thế diễn binh xưng Đông Giang cự tộc.

DỊCH NGHĨA:

3. ĐINH VĂN TẢ

Đinh Văn Tả, người xã Hàm Giang huyện Cẩm Giàng, là dòng dõi Đinh Tiên Hoàng. Lúc nhỏ phiêu bạt đi lang thang, có sức khỏe, giỏi cưỡi ngựa, bắn tên. Ba lần có tên trong án cướp, truy nã không bắt được. Đầu niên hiệu Thịnh Đức (1653), Hoàng Tổ đại cử binh đi đánh phương Nam, chiêu mộ dũng sĩ bốn phương, Văn Tả ứng mộ, xin lấy công chuộc tội. Đến ranh giới giặc, chín lần đánh chín lần thắng, được rửa tội làm dân.

Giặc đắp lũy đối diện nhau bên bờ sông, phòng bị nghiêm mật. Trong lũy có tiếng chiêng lớn, tiếng kêu xa hàng vài chục dặm. Chúa hỏi các tướng ai lấy được chiêng ấy. Văn Tả xin đi, đem theo năm mươi thủ hạ, đến bên bờ sông, ấn tay vào ngực những người đi theo, kẻ nào lo sợ trống ngực đập mạnh đều cho trở lại. Chỉ có ba người trống ngực không đập mạnh, Văn Tả cùng họ lội sông bơi về phía nam, đêm khuya lặn vào lũy giặc vác chiêng mà ra. Ra đến giữa sông, gõ một tiếng lớn, trong lũy bọn giặc giật mình tỉnh dậy, đuổi mà không kịp, hôm sau đưa hết quân

đến cướp trại. Văn Tả xông trước đối địch, tung hoành như bay, đến đâu giặc tan rã đến đó, thu được toàn thắng, khải hoàn trở về. Nhờ quân công ấy ông được làm Quận binh. Lúc đó bọn tàn Mạc là Khang Hồ chiếm cứ Cao Bằng, chúa sai Tả đem quân đánh dẹp, bắt được đảng ấy rồi trở về, thăng chức Đô đồng tri, dần thăng chức Trấn thủ Hải Dương.

Gặp bọn Nguyễn Phúc Hạo quấy rối Nghệ An, chúa đại giá đi dẹp phương Nam, Tả được sung đội quân tiên phong, dăng với giặc ở Đàng Giang, lợi dụng đêm tối tấn công, bắt được tướng và nhiều hải thuyền giặc. Dân châu Hoan mến mộ Tả có ân, có uy, làm tờ khải tâu xin giữ lại trấn, chúa nghe theo, phong cho làm Đốc suất Nghệ An. Tả xem khắp hình thế núi sông, ngầm dựng lũy ở Thanh Bộc, nhử quân phương Nam vào sâu rồi đánh úp, lũ giặc thua to.

Trước đây một thuộc tướng ở trong trấn của ông là Phạm Tất Toàn tước Mậu quận công, đã đem châu Bố Chánh hàng Phúc Hạo (chúa Nguyễn), Phúc Hạo dùng làm tướng, bàn mưu, cất đại quân vào quấy rối. Tả nghe biết tin ấy, bèn cử người phản gián phao tin trên biên giới rằng: Mậu quận công giả hàng, hôm nay ém quân ở Đàng Giang, chờ quân Bắc ập tới nơi, ắt sẽ làm nội ứng. Quả nhiên Phúc Hạo nghi ngờ Mậu quận công, cuối cùng đem giết đi. Chúa biết việc này bèn ban tể thư khen rằng: Kế hoạch như Thái Công⁽¹⁾ mưu mô hơn Trần Bình,⁽²⁾ rồi thăng lên chức Đô đốc đồng tri, tặng tước Quận công.

Ít lâu sau, chúa đem đại binh dẹp Cao Bằng, vời Tả về đốc chiến. Bọn tàn Mạc chạy trốn sang Nội địa. Tả đốc tướng sĩ đuổi theo, bắt được bọn chúng rất đông. Quan quân thắng lớn. Chúa lệnh cho Tả ở lại trấn giữ Thất Tuyên. Được hai năm, Tả làm tờ khải dâng lên xin sai quan trông coi tu sửa thành trì, vỗ về dân chúng, rồi trở về.

Năm Mậu Tý, xe chúa lại đi dẹp phương Nam, Tả chỉ huy quân tinh nhuệ, thẳng tới Động Hải, đối lũy với giặc. Lũy giặc trồng nhiều cây gai nhọn. Tả đắp núi đất, mở đường chữ chi rồi ra dụ giặc, phục quân đánh úp hai bên. ở trên núi, dùng mũi tên lửa bắn vào doanh trại giặc, gai góc doanh trại giặc tất thấy cháy trụi. Giặc thua chạy, xác chết chồng chất lên nhau. Chúa cho rằng Tả có mưu hay, ra chiếu chỉ khen thưởng rất hậu, tiền vàng được ban cấp đều cho thủ hạ, khiến mọi người cố gắng, để mưu việc sau này.

Năm Đinh Tỵ niên hiệu Vĩnh Trị thứ 2 (1677), Mạc Nguyên Thanh lại vào Cao Bằng. Chúa sai Tả đốc thúc chư quân kiêm lãnh binh mã các xứ Thái Nguyên, Lạng Sơn, Tuyên Quang chung sức tấn công. Nguyên Thanh phải chạy sang Long Châu. Tả bắt được đảng ấy và rất nhiều xe ngựa, khí giới. Để Đặng Công Toàn ở lại trấn giữ, an dân, tuyển chọn trai tráng khoẻ mạnh bố trí hào lũy. Ngay trên đất đó lập miếu thờ Cao Hoàng Đế, dụ cho họ biết uy đức dẹp giặc Ngô. Thổ tù, trong châu dân ai nấy đều vui mừng, từ đó không ai phản lại nữa. Tả lần lượt được thăng Thái tử thiếu bảo, Đông quân phủ Tả đô đốc. Khi mất được tặng Thái phó. Khi Chiêu Tổ mới lên chấp chính, truy phong trung đẳng phúc thần.

Con là Vĩ có công trông nom dạy bảo Thái tử dần được thăng lên chức Thái tử thiếu bảo, tước Hiến quận công. Bà Từ Đức thái phi họ Vũ lúc nhỏ là con quá phòng,⁽³⁾ sau khi vào hầu trong cung, sinh ra Nghị Tổ (Trịnh Giang) và công chúa Quỳnh Anh vẫn mong được lại gặp chúa. Gặp khi Hy Tổ (Trịnh Cương) đến nhà Vĩ chơi, bày tiệc rượu yến ẩm, khi rượu đã say, chúa nhân đó hỏi muốn gì, Vĩ tâu rằng: Chúa thượng không coi lão thần bất tài quý mến mà đến chơi như thế này, ơn mưa móc tột cùng, còn đòi gì nữa. Nay ở tiêu phòng tẩm⁽⁴⁾ có nhiều việc, mong xin thêm cho cung phi họ Vũ được có long sản,⁽⁵⁾ đó là phần thưởng lớn lao cho lão thần vậy.

Chúa cười đồng ý, vì thế Vũ thái phi lại được yêu, rồi sinh ra Nghị Tổ (Trịnh Giang), vì thế ân sủng càng thêm lên.

Cháu là Cống, Thuần, Giai đều được liệt vào hàng quý hiển. Cống làm quan đến Tổng binh đồng tri, tước Quận công. Thuần làm quan đến tổng Binh sứ, tước hầu. Giai hầu Nghị Tổ, có công tôn phò, được phong Thôi trung dục vận công thần, dần thăng đến Thiếu phó. Năm Canh Thân niên hiệu Cảnh Hưng năm đầu (1740), ở đông bắc có loạn, lại thăng tước Côn quận công, thống lãnh đạo phía đông dẹp giặc.

Khi đó trong các tướng lĩnh, duy chỉ có Giai là con nhà tướng có tiếng tăm, rất giỏi dụng binh, đánh đâu thắng đấy, được chúa tin dùng. Giặc Nguyễn Cầu rất hung dữ, nhiều lần bị Giai vây hãm, thế ngày càng cùng quẫn, ngầm sai người đến trần tình với Giai, xin hoãn binh và nói: “Cầu này sớm chiều sẽ chết, tướng quân há giữ được binh quyền mãi hay sao.” Giai cảm kích, lại cho rằng các tướng lĩnh không ai địch nổi mình, bèn án binh bất động, để cho giặc tự do cướp bóc, lấy hư danh dọa triều đình, thổi phồng thanh thế giặc, để tự đề cao. Chúa ngờ Giai không có tinh thần chiến đấu, mưu chọn tướng để chia bớt quyền.

Giai khi đó đóng quân ở Hàm Giang giằng co với giặc Cầu. Cầu là kẻ hung dữ xảo quyệt, suy đoán được ý triều đình nghi ngờ Giai. Đêm khuya dùng 10 chiếc thuyền chiến, sênh sáo đầy đủ, bơi từ thượng lưu xuống, tới dinh giặc, thì ghé vào bờ, sai người phao tin rằng: Côn quận công đêm đến thăm Đông Vương, thuyền đã ở đây. Cầu sai người đến tiếp đón, tới thì, nghi trọng lính tráng thật đầy đủ, vào trong trướng, độ một trống canh mới ra, rồi ngược dòng bơi lên.

Sớm mai, trong đám giặc truyền nhau rằng: Côn quận công đêm tới doanh trại của Đại Vương mưu làm nội ứng. Đêm ấy quan quân ta đóng ở bên bờ tả có người nhìn thấy, càng tin hơn. Đó là kế phản gián của giặc.

Giai biết được việc đó, trong lòng rất kinh sợ, cũng không biết tự biện bạch thế nào, làm cho chúa càng không tin Giai, bèn sai rút quân về đánh dẹp phía Tây, mà cho Việp quận công Hoàng Ngũ Phúc thay vào. Từ đấy về sau, sự ưu đãi ngày càng giảm sút.

Gặp khi Hoàng tử Duy Mật chạy vào Thanh Hoa làm loạn, lấy trộm ấn vàng trong nội điện đem đi, ẩn khuyết một góc. Em Duy Mật là công chúa Ngọc Trinh quen biết mẹ Giai, qua lại nhà Giai, vờ Giai cho Mật. Lúc đầu Giai không tin, công chúa bảo Mật dùng ấn khuyết góc, làm bằng cứ cho Giai biết. Giai do dự giữ hai lòng. Có người nói chuyện ấy với chúa, chúa không nỡ giết ngay, lại cho Giai đem quân đi dẹp phương Bắc, phong là Thượng tướng quân để xem ý hướng. Quân của Giai và Cầu đánh nhau ở Như Thiết, quân của Cầu đại bại, chết mất một con trai. Sự nghi ngờ của chúa phần nào được cởi mở, nhưng rốt cục vẫn bãi tước chức cho về làm dân thường. Giai lo buồn mà chết. Mẹ Giai nhiều lần làm tờ khai bày tỏ tình thực xin phục chức. Chúa thương công lao trước mà hứa cho. Ngày nay họ đó đời đời nắm giữ binh quyền, xứng đáng là một họ lớn ở Đông Giang.

CHÚ THÍCH:

1.Thái Công: Tức Thái Công Vọng, hiền thần đời Chu, câu cá ở bến sông Vị, Văn Vương đi săn gặp ông. Sau làm thầy dạy Vũ Vương, giúp Vũ Vương đánh Ân, có công được phong ở đất Tề. Đời truyền tụng ông có sách binh thư "Lục thao lục quyền" đề là Lã Công Vọng soạn.

2.Trần Bình: Người đất Dương Vũ đời Hán, lúc nhỏ nhà nghèo, ham học. Sau thờ Cao Tổ thường hiến nhiều kế sách đặc biệt, được phong tước Khúc Nghịch hầu, thời Huệ Đế làm Tả thừa tướng.

3. Con quá phòng: Một loại con nuôi, người không có con, nuôi con của anh em mình làm con.

4. Tiêu phòng tẩm: Nơi ngủ trong cung của vua chúa.

5. Long sản: Con vua.

4. 武文淵

武文淵嘉福巴東人，有才勇，以殺人亡命，居山西上流。光紹末，群盜並起，命各鎮勇士緝盜。文淵詣轅門請從征，累立戰功。昭宗拜爲宣光都總兵使司都統兵使，慶陽侯，拊循士卒，威惠大著，部兵至數萬人。所居誼郎城蓮華灘，據上游，擁強兵，保障一方，朝廷倚之。

莫登庸弑昭宗及恭皇，文淵發憤，有復讎討賊之志，蓄糧餉，厲士馬，完境自守，不受莫正朔。莊宗即位馬江，文淵遣使馳效誠，奉元和年號，詔拜太保。莊宗命鄭惟懷如明求封，明廷議未決，命兩廣制閩體勘，迺檄臨安衛指揮光祖移文待報。文淵以書申報曰：

嘉靖十六年，二月十八日，奉見天朝委官趙大官，遞下公文二道，查勘安南國事，仍明示下職以禍福之理，傾誠向化之方，下職不勝喜歡欣幸之至。

蓋惟天朝皇帝爺爺陛下，尊居九五，正臨萬邦，體乎天地之心，正此綱常之道，將與勸善懲惡，故使趙大官有是行也。職雖鄙俚，敢不悉心以陳答乎？然職等慮夫，本國緣被登庸僭奪位號，寢成亂階，遂失事大之禮。彼登庸者，海濱之子，拋網之徒，其祖父並以捕魚而生，前國王黎暘，錄而用之。

國王不幸即世，本國頭目共推立黎氏子孫椅爲主，年號曰光紹，以統國事，脩復藩貢如例，豈意登庸潛謀不軌，別立私黨，放逐光紹奔播在外，既而鳩殺之，國統遂絕。彼又陽立光紹弟黎椿爲主，以安眾心。然權柄制於其手，政令出於其口。立君纔得五年，而又殺之，并及君之母，皆暴之於館外，乃篡其位，號曰明德。

居得三年，兄弟相爭，彼又殺其弟莫概，而僞傳與子莫登瀛，號曰大正，凡八年於茲矣。自退海陽古

齋處，登瀛則居龍編城焉。抑知逆臣父子，篡國奪位，害主虐民，情節如此。是以本國忠義之士，則有頭目閭閻，如鄭惟駿，共推戴光紹之子黎樞，以統國正，據於清化路，鄭嶧、鄭嶢據於太原，阮淦據於義安，阮仁連據於廣南。此數者皆義存故主，志厲報讎，各擁兵眾，割據土宇，以圖濟國難，思殄讎人之惡，免乖天理之常。故安南國二十一年，誠缺藩臣之禮，職此故也。若夫黎諱黎廣者，乃逆臣莫登庸畏其罪狀，詐冒假名，求售奸計，黎氏子孫，無此二者姓名明矣。至於始末，山海道里，一一著在天朝版圖之中，苟下職不具言，則大官亦已知之。竊見，諒山石龍等道，少有平坦，其餘各道，並是崎嶇。今下職慮夫祖父迭荷國恩，兄弟席承家蔭，念國讎安可共戴，誓逆賊難與俱生。

故臣虜之首不低，報主之心忍忽，爲此職等，兄弟等奉本國王命，出領宣光路地方，深有望天朝德義。恭惟皇帝爺爺陛下，德廣亨屯，量弘極濟，奮周后伐罪吊民之舉，嚴人臣弑君篡位之誅，正名分之乖違，救生靈之荼毒，使內寧外撫，遐邇共沐於德威而大畏

小懷，蠻貊同霑於聲教。爲此具狀謹陳，伏蒙照監，委官具以體勘事情轉奏。

明神宗下詔討登庸，命仇鸞與雲南鎮守，分路並進，分兵二哨，約以文淵爲先鋒，會兵東下。登庸大行貨賂於毛伯溫、張岳等，遂議罷兵。文淵知明國不足恃，益訓厲軍士，遣使貢獻馬江行在，願爲向道，舉兵討莫登瀛，屢功不能克。

福海立，親督將士大舉，經略沂、洮江而上，直至文盤、水尾等州，山腰玉腕峒。文淵斂眾避之。軍退，復還鎮所。福海懼終爲患，使其黨率眾數萬，西上攻之。文淵伏兵掩擊，莫兵大敗。自是不敢犯境。

文淵卒，弟文密嗣，封嘉國公。兄弟繼治大同，威惠大著，方民安悅。洮江、瀘江、濡江諸州縣，賴以晏堵。諸路逃亡，來歸者浸眾商旅輳集，士眾繁盛。大同遂爲樂土。

世祖太王出師，會降將黎伯驪等伐莫。文密亦率眾東下，與大軍合，收復京師。世祖還清華，令文密還大同，約爲犄角。卒，子公紀嗣，中宗遣使拜爲太保仁

國公。世宗初，入朝萬賴行在，拜右相。成祖哲王，爲左相，一年復命還鎮大同，以固西藩。莫茂洽使莫玉璉來侵，公紀擊敗之。卒，子德恭嗣。成祖滅莫復京師，德恭先來朝，獻方物，拜太保和郡公，移治誼郎城。卒，子公應嗣，拜太保瑞郡公，卒，子公德嗣。神宗立，拜太保宗郡公，爲部將麻福長所害。王憫之，封其子公俊寬郡公，留京奉朝請。公俊尋叛入內地，稱小郊崗王。廣南府人執送誅之。

自文淵以後，五世專制宣光，朝廷每有行下文書，稱安北營。至公德死後，始差官鎮守。公俊既叛，牛羊、蝴蝶、普園三峒，併降內地。清人隸開化府，改爲東安里。朝廷累年辨請不能得。德恭所居誼郎城亦廢。永祐初，其子公戊，自北歸，聚眾保樂州，朝廷差官經略，奉表請降。

PHIÊN ÂM:

VŨ VĂN UYÊN

Vũ Văn Uyên Gia Phúc Ba Đông nhân, hữu tài dũng, dĩ sát nhân vong mệnh, cư Sơn Tây thượng lưu. Quang Thiệu mạt, quân đạo tỉnh khởi, mệnh các trấn dũng sĩ tập đạo. Văn Uyên nghệ viên môn thỉnh tòng

chinh, lữ lập chiến công. Chiêu Tông bái vì Tuyên Quang Đô tổng binh sứ ty đô thống binh sứ, Khánh Dương hầu, phụ tuần sĩ tốt, uy huệ đại trứ, bộ binh chí số vạn nhân. Sở cư nghị lang thành liên hoa than, cử thượng du, ủng cường binh, bảo chướng nhất phương, triều đình ý chi.

Mạc Đăng Dung thí Chiêu Tông cấp Cung Hoàng, Văn Uyên phát phần, hữu phục thù thảo tặc chi chí, súc lương hướng, lệ sĩ mã, hoàn cảnh tự thủ, bất thụ mạc chính sóc. Trang tông tức vị Mã Giang, Văn Uyên khiển sứ tri hiệu thành, phụng Nguyên Hoà niên hiệu, chiếu bái Thái bảo. Trang Tông mệnh Trịnh Duy Liêu như Minh cầu phong, Minh đình nghị vị quyết, mệnh Lương Quảng chế khố thể khám, nãi hịch Lâm An vệ chỉ huy Quang Tổ di văn đãi báo. Văn Uyên dĩ thư thân báo viết:

Gia Tĩnh thập lục niên, nhị nguyệt thập bát nhật, phụng kiến thiên triều uỷ quan triệu đại quan, đệ hạ công văn nhị đạo, tra khám An Nam quốc sự, nhưng minh thị hạ chúc dĩ hoạ phúc chi lý, khuynh thành hướng hoá chi phương, hạ chúc bất thắng hỷ hoan hân hạnh chi chí.

Cái duy: Thiên triều hoàng đế gia gia bệ hạ, tôn cư cửu ngũ, chính lâm vạn bang, thể hô thiên địa chi tâm, chính thử cương thường chi đạo, tương dữ khuyến thiện trừng ác, cố sử triệu đại quan hữu thị hành dã. Chúc tuy bỉ lý, cảm bất tất tâm dĩ trần đáp hồ? Nhiên chúc đẳng lự phu, bản quốc duyên bị Đăng Dung tiếm đoạt vị hiệu, tẩm thành loạn giai, toại thất sự đại chi lễ. Bĩ đẳng dung giả, hải tân chi tử, phao vông chi đồ, kỳ tổ phụ tịnh dĩ bộ ngư nhi sinh, tiền quốc vương Lê Trù, lục nhi dụng chi.

Quốc vương bất hạnh tức thế, bản quốc đầu mục cộng suy lập Lê thị tử tôn ý vì chủ, niên hào viết Quang Thiệu, dĩ thống quốc sự, tu phục phiên cống như lệ, khởi y Đăng Dung tiếm mưu bất quý, biệt lập tư đảng, phóng trục Quang Thiệu bốn bá tại ngoại, ký nhi cửu sát chi, quốc thống toại tuyệt. Bĩ hựu dương lập Quang Thiệu đệ Lê Xuân vì chủ, dĩ an chúng

tâm. Nhiên quyền binh chế ư kỳ thủ, chính lệnh xuất ư kỳ khẩu. Lập quân tài đắc ngũ niên, nhi hựu sát chi, tình cấp quân chi mẫu, giai bạo chi ư quán ngoại, nãi soán kỳ vị, hào viết Minh Đức.

Cư đắc tam niên, huynh đệ tương tranh, bỉ hựu sát kỳ đệ Mạc Quyết, nhi nguy truyền dữ tử Mạc Đăng Doanh, hào viết Đại Chính, phàm bát niên ư tư hỹ. Tự thoái Hải Dương Cổ Trai xứ, Đăng Doanh tắc cư Long Biên thành yên. Ưc tri nghịch thân phụ tử, soán quốc đoạt vị, hại chủ ngược dân, tình tiết như thử. Thị dĩ bản quốc trung nghĩa chi sĩ, tắc hữu đầu mục phiệt duyệt, như Trịnh Duy Tuấn, cộng suy đài Quang Thiệu chi tử Lê Sanh, dĩ thống quốc chính, cử ư Thanh Hoá lộ, Trịnh Khoả, Trịnh Cạnh cử ư Thái Nguyên, Nguyễn Cam cử ư Nghĩa An, Nguyễn Nhân Liên cử ư Quảng Nam. Thử số giả giai nghĩa tồn cố chủ, chí lệ báo thù, các ủng binh chúng, cát cứ thổ vũ, dĩ đồ tế quốc nạn, tư diễn thù nhân chi ác, miễn quai thiên lý chi thường.

Cố An Nam quốc nhị thập nhất niên, thành khuyết phiên thân chi lễ, chức thử cố dã. Nhược phù Lê Huệ, Lê Quảng giả, nãi nghịch thân Mạc Đăng Dung ụy kỳ tội trạng, trá mạo giả danh, cầu thụ gian kế, Lê thị tử tôn, vô thử nhị giả tính danh mình hỹ. Chí ư thủy mạt, sơn hải đạo lý, nhất nhất trước tại Thiên triều bản đồ chi trung, cầu hạ chức bất cộ ngôn, tắc đại quan diệc dĩ tri chi. Thiết kiến, Lạng Sơn Thạch Long đẳng đạo, thiếu hữu bình thân, kỳ dư các đạo, tình thị khi khu. Kim hạ chức lự phu tổ phụ diệt hà quốc ân, huynh đệ tịch thừa gia ấm, niệm quốc thù an khả cộng đài, thế nghịch tắc nan dữ câu sinh. Cố thân lỗ chi thủ bất đề, báo chủ chi tâm nhẫn hốt, vi thử chức đẳng, huynh đệ đẳng phụng bản quốc vương mệnh, xuất lãnh Tuyên Quang lộ địa phương, thâm hữu vọng Thiên triều đức nghĩa. Cung duy Hoàng đế gia gia bệ hạ, đức quảng hanh truân, lượng hoàng cực tế, phẩn chu hậu phạt tội diếu dân chi cử, nghiêm

nhân thần thí quân oán vị chi tru, chính danh phạt chi quai vi, cứu sinh linh chi trà độc, sử nội ninh ngoại phủ, hà nhĩ cộng mộc ư đức uy nhi đại úy tiểu hoài, man mạch đồng triêm ư thanh giáo. vi thử cụ trạng cần trần, phục mông chiếu giám, uỷ quan cụ dĩ thể khám sự tình chuyên tấu.

Minh Thần Tông hạ chiếu thảo Đãng Dung, mệnh Cừ Loan dữ Vân Nam Trấn thủ, phân lộ tịnh tiến, phân binh nhị tiểu, ước dĩ Văn Uyên vi tiên phong, hội binh đông hạ. Đãng Dung đại hành hoá lộ ư Mao Bá Ôn, Trương Nhạc đẳng, toại nghị bãi binh. Văn Uyên tri Minh quốc bất túc thị, ích huấn lệ quân sĩ, khiến sứ cống hiến Mã Giang hành tại, nguyện vi hướng đạo, cử binh thảo Mạc Đãng Doanh, lữ công bất năng khác.

Phúc Hải lập, thân đốc tướng sĩ đại cử, kinh lược Tố, Thao giang nhi thượng, trực chí Văn Bàn, Thuỷ Vĩ đẳng châu, sơn yêu Ngọc Uyển /động. Văn Uyên liêm chúng tỵ chi. Quân thoái, phục hoàn trấn sở. Phúc Hải cụ chung vi hoạn, sử kỳ đẳng suất chúng sổ vạn, tây thượng công chi. Văn Uyên phục binh yểm kích, Mạc binh đại bại. Tự thị bất cảm phạm cảnh.

Văn Uyên tốt, đệ Văn Mật tự, phong Gia quốc công. Huynh đệ kế trị Đại Đồng, uy huệ đại trứ, phương dân an duyệt. Thao Giang, Lô Giang, Lỗi Giang chư châu huyện, lại dĩ yên ổn. Chư lộ đào vong, lai quy giả tẩm chúng thương lữ thấu tập, sĩ chúng phân thịnh. Đại đồng toại vi lạc thổ.

Thế Tổ Thái vương xuất sư, hội hàng tướng Lê Bá Ly đẳng phạt Mạc. Văn mật diệt suất chúng đông hạ, dữ đại quân hợp, thu phục kinh sư. Thế tổ hoàn Thanh Hoa, lệnh Văn Mật hoàn Đại Đồng, ước vi ỷ giốc. Tốt, tử Công Kỷ tự, Trung Tông khiến sứ bái vi Thái bảo Nhân quốc công. Thế tông sơ, nhập triều Vạn Lại hành tại, bái hữu tướng.

Thành Tổ Triết vương, vi tả tướng, nhất niên phục mệnh hoàn trấn Đại Đồng, dĩ cố tây phiên. Mạc Mậu Hợp sử Mạc Ngọc Liên lai xâm, Công Kỷ kích bại chi. Tốt, tử Đức Cung tự. Thành Tổ diệt Mạc phục kinh sư, Đức Cung tiên lai triều, hiến phương vật, bái Thái bảo Hoà quận công, di trị Nghị Lang thành. Tốt, tử Công Ứng tự, bái Thái bảo Thuy quận công, tốt, tử Công Đức tự. Thần Tông lập, bái Thái bảo Tông quận công, vi bộ tướng Ma Phúc Trường sở hại. Vương mẫn chi, phong kỳ tử Công Tuấn Khoan quận công, lưu kinh phụng triều thỉnh. Công Tuấn tâm bạn nhập nội địa, xưng Tiểu giao Cương vương. Quảng Nam phủ nhân chấp tổng tru chi.

Tự Văn Uyên dĩ hậu, ngũ thế chuyên chế Tuyên Quang, triều đình mỗi hữu hành hạ văn thư, xưng An Bắc doanh. Chí Công Đức tử hậu, thuỷ sai quan trấn thủ. Công Tuấn ký bạn, Ngưu Dương, Hồ Điệp, Phổ Viên tam động, tính hàng nội địa. Thanh nhân lệ Khai Hoá phủ, cải vi Đông An lý. Triều đình luỹ niên biện thỉnh bất năng đắc. Đức Cung sở cư Nghị Lang thành diệc phế. Vĩnh Hựu sơ, kỳ tử Công Mậu, tự bắc quy, tự chúng Bảo Lạc châu, triều đình sai quan kinh lược, phụng biểu thỉnh hàng.

DỊCH NGHĨA:

4. VŨ VĂN UYÊN

Vũ Văn Uyên, người Ba Đông huyện Gia Phúc, có tài trí, dũng cảm nhưng vì tội giết người mà phải bỏ trốn, sống ở miền thượng lưu Sơn Tây. Cuối đời Quang Thiệu (1522), trộm cướp nổi lên khắp nơi, chúa sai các trấn chiêu mộ dũng sĩ đi dẹp. Văn Uyên tới cửa quân doanh xin tòng chinh, nhiều lần lập chiến công. Chiêu Tông cử làm Đô thống binh sứ, Đô tổng binh sứ ty xứ Tuyên Quang, tước Khánh Dương hầu, võ về binh

lính, uy thế vang dội, lính dưới trướng tới vài vạn người, đóng ở thành Nghi Lang bên ghênh Liên Hoa, chiếm cứ vùng thượng du, nắm quân mạnh, chắn giữ một vùng, triều đình tin cậy.

Mạc Đăng Dung giết Chiêu Tông (1546 - 1522) và Cung Hoàng (1522 - 1527), Văn Uyên tức giận, có chí giết giặc phục thù, dự trữ lương thực, chấn chỉnh binh mã, sửa sang biên cảnh tự thủ, không chịu sự cai trị của nhà Mạc. Trang Tông (1533 - 1548) lên ngôi ở sông Mã, Văn Uyên sai sứ giả dâng biểu tỏ lòng thành giúp sức, vâng theo niên hiệu Nguyên Hoà, vua xuống chiếu cử làm Thái bảo. Trang Tông sai Trịnh Duy Liêu sang nhà Minh cầu phong. Triều đình nhà Minh chần chừ mãi chưa quyết định, sai quan Tổng đốc Lương Quảng là Chế Khôn đi khám xét, bèn đưa hịch cho Chỉ huy vệ Lâm An là Quang Tổ chuyển đệ công văn, đợi báo lại. Văn Uyên đưa thư báo lại rằng:

Ngày 18 tháng 2 niên hiệu Gia Tĩnh thứ 16, vâng thấy uỷ quan của Thiên triều là Triệu đại quan chuyển xuống hai đạo công văn, khám xét việc nước An Nam, đã chỉ rõ cho hạ chức biết về cái lễ hoạ, phúc, hết lòng tin tưởng hướng về giáo hoá, hạ chức khôn xiết vui mừng hân hạnh.

Kính nghĩ: Thiên triều Hoàng đế bệ hạ, ở ngôi cao cửu ngũ,⁽¹⁾ cai trị muôn nước, thể theo tấm lòng trời đất, uốn nắn đạo cương thường, để khuyến khích người thiện, răn kẻ ác, nên mới sai quan lớn họ Triệu đi lần này. Hạ chức tuy quê mùa dẫu dám không hết lòng bày tỏ lại. Nhưng hạ chức nghĩ rằng, bởi nước thần bị Đăng Dung tiến đoạt ngôi hiệu, trở thành mối loạn, nên bỏ mất lễ thờ nước lớn. Tên Đăng Dung kia, là con nhà dân bãi biển, là lũ thả lưới quảng chài, ông cha nó chỉ làm nghề đánh cá sinh sống, trước đây Quốc Vương thần Lê Trù đã lầm chọn dùng.

Quốc Vương không may qua đời, đầu mục nước thần cùng tôn lập con cháu họ Lê là Y làm chúa, niên hiệu là Quang Thiệu (1516 - 1522), để coi việc nước, sửa sang khôi phục lại lệ triều cống theo chức phận phiên thần, nào ngờ Đãng Dung ngầm mưu làm loạn, lập mưu riêng đuổi Quang Thiệu lưu lạc ra ngoài, rồi giết bằng thuốc độc, khiến Quốc thống bị đứt đoạn. Y lại vờ lập Lê Xuân em Quang Thiệu làm vua để yên lòng dân chúng. Nhưng quyền bính vẫn trong tay y, chính lệnh ra từ miệng y. Lập vua mới được năm năm, lại giết đi, cùng với mẹ vua, đem phơi xác ngoài quán, thoán đoạt mất ngôi, đặt niên hiệu là Minh Đức (1527 - 1529).

Cướp ngôi được ba năm, anh em tranh giành lẫn nhau, y lại giết em Mạc Quệ, rồi truyền ngôi cho con là Mạc Đăng Doanh, lấy niên hiệu Đại Chính (1530 - 1540), đến nay đã 8 năm, y tự lui về làng Cổ Trai ở Hải Dương, còn Đăng Doanh thì ở thành Long Biên. Có biết đâu cha con bọn nghịch thần, cướp nước soán ngôi, hại chúa ngược dân, tình tiết là như vậy. Thế nên những kẻ sĩ trung nghĩa, là những người đầu mục con nhà dòng dõi, như bọn Trịnh Duy Tuấn cùng nhau suy tôn Lê Thánh là con vua Quang Thiệu lên nối quốc thống, đóng giữ ở lộ Thanh Hoa; Trịnh Khoa, Trịnh Cảnh đóng ở Thái Nguyên; Nguyễn Kim đóng ở Nghĩa An; Nguyễn Nhân Liên đóng ở Quảng Nam. Mấy người ấy đều giữ nghĩa với chủ cũ, lập chí báo thù. Ai nấy đều nắm giữ quân đội, cát cứ đất đai, dựng mưu cứu nạn nước, nghĩ cách diệt trừ kẻ thù gian ác, khỏi trái đạo thường của trời.

Từ hai mươi một năm qua, nước An Nam thiếu hẳn nghi lễ phiên thần, bởi lý do trên. Còn như Lê Huệ, Lê Quảng là do tên nghịch thần Mạc Đăng Dung sợ tội trạng mình mà trá mạo giả danh ra, mong đạt được mưu gian, con cháu họ Lê, không có tên tuổi hai người đó, đã

quá rõ ràng. Đến như đầu cuối đường xá núi sông, nhất nhất đều ghi rõ trong bản đồ của Thiên triều, nếu hạ chức không nói hết, thì đại quan cũng rõ rồi. Trộm thấy các đường đi của vùng Thạch Long, Lạng Sơn, tương đối bằng phẳng, ngoài ra các đường đi khác thì đều đồi núi gồ ghề. Nay hạ chức nghĩ rằng, ông cha nối nhau đội ơn nước, anh em thừa hưởng phúc ấm nhà. Nghĩ tới mỗi quốc thù không đội trời chung, thế không thể sống chung với quân nghịch tặc. Cho nên, đầu bọn giặc chưa rơi xuống, lòng báo thù chưa nguôi được, vì vậy, bọn chức dịch, anh em, cùng phụng mệnh Quốc vương, ra thống lĩnh các nơi ở lộ Tuyên Quang, rất mong mỗi đức nghĩa của thiên triều.

Kính nghĩ Hoàng Đế bệ hạ, đức rộng thông suốt nổi khó khăn, lượng cả bao dung cứu vớt, dấy lên công cuộc điều dân, phạt tội⁽²⁾ của vua nhà Chu, cương quyết giết hết bọn giết vua, cướp ngôi, sửa đổi lại sự trái nghịch của danh phận, cứu vớt sự cay đắng của sinh linh, làm cho trong yên, ngoài ấm, gần xa cùng được gọi uy đức, khiến kẻ lớn phải nể sợ. Kẻ nhỏ được đội ơn, dân Man mạch cùng được tắm nên thanh giáo. Vì vậy, trình bày đầy đủ hiện trạng này, mong được soi xét, cho ngay quan đến khám xét kỹ tình hình, chuyển tấu lên.

Vua Thần Tông nhà Minh xuống chiếu đánh Mạc Đăng Dung, sai Cừu Loan và Trấn thủ Vân Nam chia đường cùng tiến, chia quân làm hai mũi, hẹn với Văn Uyên làm tiên phong, hội binh theo hướng đông tiến xuống. Đăng Dung cố hết sức rút lót bọn Mao Bá Ôn, Trương Nhạc nên bọn ấy bàn cho bãi binh. Văn Uyên biết nhà Minh không dựa được, càng ra sức huấn luyện quân sĩ, sai sứ giả đến tâu bày ở hành tại sông Mã, xin làm kẻ dẫn đường cử binh đánh Mạc Đăng Doanh, đánh nhiều trận mà không thắng nổi.

Mạc Phúc Hải (1541 - 1546) lên nối ngôi, tự chỉ huy tướng sĩ đốc toàn binh lực, đánh lên sông Kỳ sông Thao, tới thắng động Sơn Yêu,

Ngọc Uyển thuộc các châu Văn Bàn, Thuỷ Vĩ. Văn Uyển thu quân lánh ra. Quân Mạc rút đi, lại trở về trấn sở. Phúc Hải sợ thành mối lo về sau, bèn sai bè đảng đem mấy vạn quân, từ phía tây tiến đánh. Văn Uyển phục quân đánh úp, quân Mạc thua to. Từ đó quân Mạc không dám xâm phạm cõi ấy.

Văn Uyển chết, em là Văn Mật nối chức, được phong Gia quốc công. Anh em nối nhau cai trị đất Đại Đồng, uy tín ân đức vang khắp, dân địa phương sống yên ổn, vui vẻ. Các châu huyện ở sông Thao, sông Lô, sông Lôi yên như tường thành. Những người chạy loạn ở các lộ theo về đông dần, buôn bán tấp nập, quân dân đông đúc. Đại Đồng trở thành vùng đất yên vui.

Thế Tổ Thái Vương (Trịnh Kiểm) ra quân, họp bọn hàng tướng Lê Bá Ly đi đánh quân Mạc. Văn Mật cũng đem quân xuống phía đông, hợp sức với đại quân, thu phục lại kinh sư. Thế Tổ trở về Thanh Hoa, sai Văn Mật trở về Đại Đồng, hẹn đóng đồn làm thế yểm trợ. Mật chết, con là Công Kỷ nối thay, vua Trung Tông (1549 - 1556) sai sứ tới phong làm Thái bảo, tước Nhân quốc công. Thế Tông năm đầu (1573), vào châu ở hành tại Vạn Lại, được phong làm Hữu tướng. Đời Thành Tổ Triết Vương phong làm Tả tướng, được một năm lại trở về trấn thủ Đại Đồng, để giữ chắc bờ cõi phía tây. Mạc Mậu Hợp sai Mạc Ngọc Liên đến xâm phạm, Công Kỷ đánh bại. Kỷ mất, con là Đức Cung nối thay.

Thành Tổ (Trịnh Tùng) diệt Mạc, lấy lại kinh sư, Đức Cung đến châu trước, hiến sản vật địa phương, được phong làm Thái bảo, tước Hoà quận công, chuyển về coi thành Nghị Lang. Cung mất, con là Công ứng nối thay, được phong làm Thái bảo, tước Thụy quận công. ứng mất, con là Công Đức nối thay. Thần Tông (1619 - 1693)

lên ngôi, được phong làm Thái bảo, tước Tông quận công, bị bộ tướng Ma Phúc Trường hãm hại.

Chúa thương tiếc, phong cho con là Công Tuấn tước Khoan quận công, ở lại trong kinh giữ việc triều thỉnh. Sau Công Tuấn làm phản, chạy sang Nội địa, xưng là Tiểu Giao Cương Vương. Người phủ Quảng Nam⁽³⁾ bắt đưa trả về giết đi.

Từ Văn Uyên về sau, năm đời chuyên giữ đất Tuyên Quang. Triều đình thường có văn thư xuống khen là doanh trại giữ yên phía Bắc. Sau khi Công Đức chết, bắt đầu sai quan đến trấn thủ. Công Tuấn làm phản, ba động Ngưu Dương, Hồ Diệp, Phổ Viên đều hàng Nội địa. Người Thanh nhập đất đó vào phủ Khai Hoá, đổi làm làng Đông An. Triều đình nhiều năm biện luận xin đòi lại nhưng không được. Thành Nghị Lang nơi Đức Cung đóng trước kia cũng bị bỏ hoang phế. Đầu đời Vĩnh Hựu, con là Công Mậu từ Bắc về tập hợp nhiều người ở châu Bảo Lạc, triều đình sai quan đến đánh, Mậu dâng biểu xin hàng.

CHÚ THÍCH:

- 1.Cửu ngũ: Ngôi vua, điển *Kinh Dịch*: Hào cửu ngũ quẻ càn.
- 2.Điều dân, phạt tội: Vua Kiệt hung ác. Thành Thang là bầy tôi đánh Kiệt. Có người hỏi: “Tôi giết vua thì sao?” Khổng Tử trả lời: “Chu kỳ quân nhi điều kỳ dân” (Giết vua ấy là thương dân).
- 3.Phủ Quảng Nam: Ở đây thuộc một vùng ở tỉnh Vân Nam, Trung Quốc.

5.陳璟

陳璟至靈滇池人，父璫，景治庚戌科進士，累官副都御史，左遷光祿寺卿。景治庚戌科進士，累遷尚

寶寺卿。永祐五年，皇子維祕鼠入清華，廣平藩酋郎歷，挾之作亂。景興初，毅祖命璟，協同詠郡公鄧廷謐，領兵討之，敗賊於薄斂山。郎歷匿林中，留壘中空舍，誘官軍深入。璟令伏兵山側，乃抽大軍出峙，將所居草舍悉焚之。賊見官寨火光燭天，始自林菁中爭出。兩下伏兵齊起，賊軍死者無筭。郎歷遁去，俘其黨以歸。維祕走哀牢。凱旋，陞韓林承旨。

時寧舍賊阮蓮據至靈，擁眾數萬，陷鎮治。鎮守龍郡公棄城走。官軍與賊戰於桂陽敗績，大將軍曉郡公死之。賊薄東都，京城震動。王旨令百官輪次入對，面陳討賊之策。璟入對，以爲臣觀賊勢雖大，不足爲憂，當思以計破之，不可角力。王聞其言，顧謂左右曰：是陳璟否？其人可當一人。即命協同詠郡公出兵桂陽，次珠山。賊使其黨挑戰，詠郡公會諸將，令陳進取機略。璟陳三策：

上策，從黃涇路擣寧舍賊巢，始璟自清華回京，曾以其策言於執政，願假一支水軍，由農河進入，直抵寧舍，賊必解桂陽兵回守巢穴。然後北道官軍，從陸道繼進水陸齊奮，十分必克。執政以爲迂緩不從。會

有降軍，言賊所慮者，水道攻其腹心。故璟首唱其議，以爲完筭。

中策，從月河渡軍襲拋山賊背。

下策，從拋山取路攻賊前面。

諸將莫能決，璟具以其策上聞，有旨命諸將各審所取。時同差碧郡公獨善中策，即令璟嚮道。大軍從月河而進，沿青杲山路，遶出賊後，與戰，輒破之，直逼城下。賊棄壘走，克拋山。捷聞，加管左銳奇，官軍乘勝長驅。賊悉兵來守寧舍，設伏黎舍山正路。璟從別路至平河渡軍，徑搗賊巢。賊不意官軍遽至，城中驚潰，進擊大破之。賊還保杜林。

會大駕幸軍所，召璟詣拋山行在，問以機略。因從容謂輔臣曰：我欲親征西方，以紹先王之跡，所慮者原本耳。璟因請回京，以鎮人心。王從之，仍璟東道參謀。王駕復親征銀笏。阮蓮覘知虛實，悉眾取福隆東湖間路，直抵珥河北岸，將渡江襲京師。詠郡公率四城兵禦之，與賊戰於春耕敗績。賊燒沿河廬舍，煙火蔽天。城中大震，璟與東道諸將謀曰：今兩宮留

京，守衛單弱，我等當各整所部，大舉而西，以爲京城聲援。乃率本部兵，疾趨芙蓂約諸軍，聞鼓響齊發喊。賊不知兵數多少，自相驚潰。及旦且射且行，進抵北岸。京城聞銃聲大發，以爲洪州兵入衛，使騎覘之，始知爲拋山道援兵。王太妃武氏，遣中使齎銀子賞勞之。及王駕回京，至金蘭磁，聞捷，獎謂左右曰：拋山將士，不待璽書，徑趨破賊，可謂懸合事宜。陞工部尚書，固辭不拜，改授吏部左侍郎。

景興二年，加參從。璟建議，以爲今四郊多事，經用不足，宜令士人納通經錢三貫，不問有學無學，並得入場應試。各處入錢以萬計。自是遂爲常例。科舉法壞，寔自璟始。

時阮求聚眾據荆、策下路。有言璟地方人，諳熟山川阨塞，改命協海陽鎮守，將本道兵討之，擒賊黨甚眾，陞耀郡公。王召回，訪賊情地勢，璟對曰：東南地多溪澗，求水寇，慣知水道，若專意陸路，使彼得就長技，非計之得者也，請兼置水陸統領官。王從之，即拜璟爲水道統領，敝平寇大將軍旗，平戎大將軍印，

及金匣劍，千里鏡，呼軍笛。璟出兵遇賊涇勾，相持十餘日，銃聲不絕。阮求以船工百艘，泊酣江剽掠。璟出其不意乘潮漲，以水兵攻之，賊大敗，盡獲其船隻器械。求僅以身免，退保塗山，餘眾復合。璟屬將璵武侯，請乘勝追躡。璟許之，驅水兵薄賊壘。潮退船不得入，賊船繞背後圍之。璟飛書求陸道援兵，陸道諸將，以涇勾之捷欲分其功，璟不許，乃按兵不動。璟軍大潰，屬將按壽伯死之。事聞，貶工部左侍郎。

自是名望稍損。景興九年，陞工部尚書，致仕。起復與黎有喬同執政，未幾免，加兵部尚書，兼荆、策等府勸農使，陞禮部尚書，卒年七十五，贈太保。

璟頗曉戎略，遇邊方多事，以軍功致顯，遂以討賊爲己任。寧舍潰後，督戰頗急，賊怒掘母墓，毀其屍而焚之，璟惋痛而已。晚在政府，頗通餽遺，年邁七十，朝侍跪拜不如禮，目昏腰僂，猶留戀不肯去，時人鄙之。奉命勸農，諸少子憑怙，多所營占。璟毫不覺爲地方之病。子璉，耕興戊辰科進士，累遷清華參政，擢行副都御史，卒年六十二，贈右侍郎。

PHIÊM ÂM:

TRẦN CẢNH

Trần Cảnh Chí Linh Điền Trì nhân, phụ Trù, Cảnh Trị Canh Tuất khoa Tiến sĩ, lữ quan Phó đô ngự sử, tả thiên Quang lộc tự khanh. Cảnh Vinh Thịnh Mậu Tuất khoa Tiến sĩ, lữ thiên Thượng bảo tự khanh. Vinh hựu ngũ niên, hoàng tử Duy Mật thử nhập Thanh Hoa, Quảng Bình phiên tù Lang Lịch, hiệp chi tác loạn. Cảnh Hưng sơ, Nghị Tổ mệnh Cảnh, hiệp đồng Vĩnh quận công Đăng Đình Mật, lãnh binh thảo chi, bại tặc ư Bạc Liễm sơn. Lang Lịch nặc lâm trung, lưu lữ trung không xá, dụ quan quân thâm nhập. Cảnh lệnh phục binh sơn trắc, nãi trùu đại quân xuất trị, tương sở cư thảo xá tất phân chi. Tặc kiến quan trại hoả quang chúc thiên, thủy tự lâm thanh trung tranh xuất. Lương hạ phục binh tề khởi, tặc quân tử giả vô toán. Lang Lịch độn khứ, phu kỳ đảng dĩ quy. Duy Mật tẩu Ai Lao. Khải tuyên, thăng Hàn lâm Thừa chỉ.

Thời Ninh Xá tặc Nguyễn Cừ cứ Chí Linh, ủng chúng số vạn, hãm trấn trị. Trấn thủ Long quận công khí thành tẩu. Quan quân dĩ tặc chiến ư Quế Dương bại tích, đại tướng quân Hiếu quận công tử chi. Tặc bạc Đông Đô, kinh thành chấn động. Vương chỉ lệnh bách quan luân thử nhập đôi, diện trần thảo tặc chi sách. Cảnh nhập đôi, dĩ vi thân quan tặc thế tuy đại, bất túc vi ưu, đương tư dĩ kế phá chi, bất khả giốc lực. Vương văn kỳ ngôn, cố vị tả hữu viết: Thị Trần Cảnh phủ kỳ nhân khả đương nhất nhân. Túc mệnh hiệp đồng Vĩnh quận công xuất binh Quế Dương, thử Châu Sơn. Tặc sử kỳ đảng khiêu chiến, Vĩnh quận công hội chư tướng, lệnh trần tiến thủ cơ lược. Cảnh trần tam sách:

Thượng sách, tòng Hoàng kinh lộ đảo Ninh Xá tặc sào, thủy Cảnh tự Thanh Hoa hồi kinh, tăng dĩ kỳ sách ngôn ư chấp chính, nguyên giả

nhất chi thủy quân, do Nông hà tiến nhập, trực để Ninh Xá, tặc tất giải Quế Dương binh hồi thủ sào huyết. Nhiên hậu bắc đạo quan quân, tông lục đạo kế tiến thủy lục tề phấn, thập phân tất khắc. Chấp chính dĩ vi vu hoãn bất tông. Hội hữu hàng quân, ngôn tặc sở lự giả, thủy đạo công kỳ phúc tâm. Cố Cảnh thủ tướng kỳ nghị, dĩ vi hoàn toán.

Trung sách, tông Nguyệt hà độ quân tập Phao sơn tặc bôi.

Hạ sách, tông Phao sơn thủ lộ công tặc tiền diện.

Chư tướng mạc năng quyết, Cảnh cụ dĩ kỳ sách thượng văn, hữu chỉ mệnh chư tướng các thẩm sở thủ. Thời đồng sai Bích quận công độc thiện trung sách, tức lệnh Cảnh hướng đạo. Đại quân tông Nguyệt hà nhi tiến, diên Thanh Cảo sơn lộ, nhiều xuất tặc hậu, dữ chiến, triếp phá chi, trực bức thành hạ. Tặc khí lữ tẩu, khắc Phao sơn. Tiếp văn, gia quân Tả nhuệ cơ, quan quân thừa thắng trường khu. Tặc tất binh lai thủ Ninh Xá, thiết phục Lê Xá sơn chính lộ. Cảnh tông biệt lộ chí Bình Hà độ quân, kính đảo tặc sào. Tặc bất ý quan quân cự chí, thành trung kinh hội, tiến kích đại phá chi. Tặc hoàn bảo Đỗ Lâm.

Hội đại giá hạnh quân sở, triệu Cảnh nghệ Phao sơn hành tại, vấn dĩ cơ lược. Nhân thung dung vị phụ thần viết: Ngã dục thân chinh tây phương, dĩ thiệu tiên vương chi tích, sở lự giả nguyên bản nhĩ. Cảnh nhân thỉnh hồi kinh, dĩ trấn nhân tâm. Vương tông chi, nhưng Cảnh đông đạo Tham mưu. Vương giá phục thân chinh Ngân Già. Nguyễn Cừ siêm tri hư thực, tất chúng thủ Phúc Long Đông Hồ gian lộ, trực để Nhĩ hà bắc ngạn, tương độ giang tập kinh sư. Vịnh quận công suất tứ thành binh ngự chi, dữ tặc chiến ư Xuân Canh bại tích. Tặc thiêu diên hà lư xá, yên hoá tế thiên. Thành trung đại chấn, Cảnh dữ đông đạo chư tướng mưu viết: Kim lưỡng cung lưu kinh, thủ vệ đơn nhược, ngã đẳng đương các chỉnh sở bộ, đại cử nhi tây, dĩ vi kinh thành thanh viện. Nãi suất bản

bộ binh, tậ xu Phù Lưu ước chư quân, văn cổ hưởng tề phát hàm. Tặc bất tri binh số đa thiếu, tự tương kinh hội. Cập đán thả xạ thả hành, tiến để bắc ngạn. Kinh thành văn sủng thanh đại phát, dĩ vi Hồng Châu binh nhập vệ, sử ký siêm chi, thủy tri vi Phao sơn đạo viện binh. Vương Thái phi Vũ thị, khiển trung sứ tề ngân tử thường lao chi. Cập vương giá hồi kinh, chí Kim Lan từ, văn tiếp, tường vị tả hữu viết: Phao sơn tướng sĩ, bất dĩ tể thư, kính xu phá tặc, khả vi huyền hợp sự nghi. Thăng Công bộ Thượng thư, cố từ bất bá, cải thụ Lại bộ Tả thị lang.

Cảnh Hưng nhị niên, gia tham tụng. Cảnh kiến nghị, dĩ vi kim tử giao đa sự, kinh dụng bất túc, nghị lệnh sĩ nhân nạp thông kinh tiền tam quán, bất vấn hữu học vô học, tịnh đắc nhập trường ứng thí. Các xứ nhập tiền dĩ vạn kế. Tự thị toại vi thường lệ. Khoa cử pháp hoại, thực tự Cảnh thủy.

Thời Nguyễn Cầu tự chúng cứ Kinh, Sách hạ lộ. Hữu ngôn Cảnh địa phương nhân, am thực sơn xuyên ách tắc, cải mệnh hiệp Hải Dương trấn thủ, tương bản đạo binh thảo chi, cầm tặc đảng thậm chúng, thăng Diêu quận công. Vương triệu hồi, phỏng tặc tình địa thế, Cảnh đối viết: Đông nam địa đa khô giản, Cầu thủy khấu, quán tri thủy đạo, nhược chuyên lục lộ, sử bị đắc tự trường kỹ, phi kế chi đắc giả dã, thỉnh kiêm trí thủy lục thống lãnh quan. Vương tòng chi, tức bá Cảnh vi thủy đạo thống lãnh, ban Bình khấu đại tướng quân kỳ, Bình nhung đại tướng quân ấn, cập kim hạp kiếm, thiên lý kính, hô quân đồng.

Cảnh xuất binh ngộ tặc Kinh Cầu, tương trì thập dư nhật, sủng thanh bất tuyệt. Nguyễn Cầu dĩ thuyền công bách sừ, bạc Hàm giang phiêu lược. Cảnh xuất kỳ bất ý thừa triều trưởng, dĩ thủy binh công chi, tặc đại bại, tận hoạch kỳ thuyền chích khí giới. Cầu cận dĩ thân miễn, thoái bảo Đồ Sơn, dư chúng phục hợp. Cảnh thuộc tướng Điện Vũ hầu,

thỉnh thừa thắng truy nhiếp. Cảnh hứa chi, khu thủy binh bạc tặc lữ. Triều thoái thuyền bất đắc nhập, tặc thuyền nhiều bối hậu vì chi. Cảnh phi thư cầu lục đạo viện binh, lục đạo chư tướng, dĩ Kinh Câu chi tiếp dục phân kỳ công, Cảnh bất hứa, nãi án binh bất động. Cảnh quân đại hội, thuộc tướng Ân Thọ bá tử chi. Sự văn, biếm Công bộ Tả thị lang.

Tự thị danh vọng sảo tổn. Cảnh Hưng cứu niên, thăng Công bộ Thượng thư, trí sĩ. Khởi phục dũ Lê Hữu Kiều đồng chấp chính, vì cơ miển, gia Binh bộ Thượng thư, kiêm Kinh, Sách đẳng phủ Khuyển nông sứ, thăng Lễ bộ Thượng thư, tốt niên thất thập ngũ, tặng Thái bảo.

Cảnh phả hiểu nhung lược, ngộ biên phương đa sự, dĩ quân công trí hiển, toại dĩ thảo tặc vì kỷ nhậm. Ninh Xá hội hậu, đốc chiến phả cấp, tặc nộ quật mẩu mộ, huỷ kỳ thi nhi phân chi, Cảnh uyển thống nhi dĩ. Văn tại chính phủ, phả thông quý di, niên mại thất thập, triều thị quy bái bất như lễ, mục hôn yêu lữ, do lưu luyến bất khảng khí, thời nhân bỉ chi. Phụng mệnh Khuyển nông, chư thiếu tử bằng hổ, đa sở doanh chiếm. Cảnh mạo bất giác vì địa phương chi bệnh. Tử Tiến, Cảnh Hưng Mậu Thìn khoa Tiến sĩ, lữ thiên Thanh Hoa Tham chính, trạc hành Phó đô ngự sử, tốt niên lục thập nhị, tặng Hữu thị lang.

DỊCH NGHĨA:

5. TRẦN CẢNH

Trần Cảnh, người làng Diên Trì, huyện Chí Linh, cha là Thọ, Tiến sĩ khoa Canh Tuất niên hiệu Cảnh Trị (1670), làm quan đến Phó đô ngự sử, đổi Quang Lộc tự khanh. Cảnh là Tiến sĩ khoa Mậu Tuất niên hiệu Vĩnh Thịnh (1718), dần thăng đến chức Thượng bảo tự khanh.

Năm Vĩnh Hựu thứ 5 (1739), hoàng tử Duy Mật trốn vào Thanh Hoa, tù trưởng xứ Quảng Bình là Lang Lịch lợi dụng danh nghĩa làm

loạn. Cảnh Hưng năm đầu (1740), Nghị Tổ sai Cảnh cùng với Vĩnh quận công Đặng Đình Mật đem quân đi đánh dẹp, đánh bại quân giặc tại núi Bạc Liễm. Lang Lịch nấp vào trong rừng, để lại nhà trống trong lũy, nhử cho quan quân vào sâu. Cảnh cho phục quân ở hai sườn núi, rồi rút đại quân ra, đốt sạch những nhà cỏ trong trại. Giặc nhìn thấy nhà trại quan quân ta lửa cháy rực trời, mới từ trong rừng rậm tranh nhau chạy ra. Quân phục kích hai bên cùng một lúc xông ra đánh, quân giặc chết nhiều vô kể. Lang Lịch chạy trốn, bắt sống bè lũ chúng đem về. Duy Mật chạy sang Ai Lao. Thắng lợi trở về được thăng viện Hàn lâm thừa chỉ.

Lúc ấy giặc Ninh Xá là Nguyễn Cừ đóng giữ vùng Chí Linh, có tới mấy vạn quân, vây hãm trị sở của trấn. Quan Trấn thủ là Long quận công bỏ thành chạy. Quan quân ta đánh nhau với giặc ở Quế Dương, bị thua, Đại tướng quân là Hiếu quận công chết trận. Giặc tiến sát Đông Đô, kinh thành chấn động. Chúa xuống chiếu cho trăm quan lần lượt vào trực tiếp trình bày sách lược đánh giặc. Cảnh vào tâu rằng: “Thần xem thế giặc tuy mạnh nhưng không đáng lo ngại, phải suy nghĩ tìm cách đánh tan chúng, không thể lấy sức mà đo.” Chúa nghe lời nói đó, quay lại nói với tả hữu rằng: “Đó là Trần Cảnh phải không? Người này mới là người đáng dùng.” Bèn sai Cảnh cùng Vĩnh quận công xuất quân ra Quế Dương, đóng ở núi Châu. Giặc cho bè đảng đến khiêu chiến, Vĩnh quận công hội các tướng bảo mọi người trình bày mưu lược đánh chiếm. Cảnh trình bày ba kế sách:

Thượng sách là đi theo đường Hoàng Kinh, đâm thẳng vào sào huyệt địch ở Ninh Xá. Trước đây Cảnh từ Thanh Hoa về kinh từng đem sách này nói với người cầm quyền, xin mượn một đội thủy quân, từ sông Nông tiến thẳng tới Ninh Xá, giặc ắt phải rút quân Quế Dương về giữ sào huyệt. Sau đó quan quân ở đạo phía bắc theo đường bộ tiếp tục tiến vào,

quân thủy quân bộ cùng đánh, mười phần chắc thắng. Người cầm quyền cho là vu vơ kéo dài, không theo. Khi ấy có tên hàng binh nói rằng, cái điều giặc lo nhất là quân thủy đánh vào giữa bụng (chỉ Ninh Xá). Cho nên Cảnh đầu tiên nêu ra lời bàn này, coi là kế hoạch hoàn chỉnh.

Trung sách là từ sông Nguyệt đưa quân qua đánh úp vào sau lưng giặc ở Phao Sơn.

Hạ sách là từ Phao Sơn lựa đường đánh vào mặt trước quân giặc. Các tướng lĩnh không quyết định được. Cảnh trình bày đầy đủ ba kế sách này với chúa. Chúa hạ chiếu chỉ sai các tướng lĩnh ai nấy xem xét kỹ lựa chọn dùng. Lúc đó quan Đồng sai là Bích quận công chỉ cho trung sách là hay, liền sai Cảnh dẫn đường. Đại quân tiến theo sông Nguyệt, men theo đường núi Thanh Cảo, vòng ra sau lưng giặc, đánh nhau, phá được giặc, tiến thẳng tới thành. Giặc bỏ lũy chạy, lấy được Phao Sơn, chúa hay tin thắng trận, phong thêm cho quan Tả nhuệ cơ, quan quân thừa thắng đuổi giặc chạy thẳng. Giặc đem hết quân về giữ Ninh Xá và dẫn quân phục kích đường chính núi Lê Xá. Cảnh đi đường khác tới sông Bình, cho quân vượt qua sông, đánh tắt ngang vào ổ giặc. Giặc không ngờ quan quân đến quá nhanh, trong thành sợ hãi, tan rã. Quan quân ta tiến đánh, đại phá quân giặc. Giặc rút về giữ Đỗ Lâm.

Không bao lâu, chúa tới quân sở, vời Cảnh đến hành tại Phao Sơn hỏi về mưu lược. Nhân chuyện đó thông thả bảo bọn bề tôi rằng: “Ta muốn tự thân đi đánh dẹp bốn phương, đặt nối tiếp công tích của Tiên vương, điều cần lo nghĩ là ở đó.” Cảnh xin chúa hãy về kinh để củng cố lòng người. Chúa nghe theo, vẫn để cho Cảnh làm Tham mưu đạo quân phía đông. Chúa lại ngự giá thân đi đánh giặc Ngân Già. Nguyễn Cừ dò biết được tình hình hư thực, bèn đem quân theo đường tắt giữa Phúc Long và Đông Hồ đến thẳng bờ bắc sông Nhĩ Hà sắp vượt

sông đánh úp vào kinh sư, Vĩnh quận công đem quân bốn thành đến chống lại, đánh nhau với giặc ở Xuân Canh, bị thua. Giặc đốt nhà của ven sông khói lửa ngợp trời.

Trong thành náo động lớn, Cảnh bàn với các tướng lĩnh đạo phía đông rằng: “Nay hai cung còn ở trong kinh, quân hộ vệ ít mà yếu, bọn ta phải chỉnh đốn quân lính của mình, đánh mạnh về phía tây, để ứng viện cho kinh thành.” Rồi đem quân tiến nhanh về Phù Lưu, hẹn với binh lính hễ nghe tiếng trống thì đồng thanh la hét, giặc không biết số quân ít hay nhiều, tự sợ hãi tan vỡ. Đến sớm mai, vừa bắn, vừa hành quân, tiến sát bờ bắc. Kinh thành nghe tiếng súng nổ lớn, cho là quân Hồng Châu vào hộ vệ, cho kỵ binh đi dò xét, mới biết là quân viện ở đạo Phao Sơn. Thái phi của chúa là Vũ thị sai trung sứ đem bạc ra tặng thưởng, uỷ lạo. Kịp đến khi chúa ngự giá về kinh, đến mỏm đá Kim Lan, nghe tin chiến thắng, khen ngợi, nói với tả hữu rằng: “Quan quân Phao Sơn không chờ chiếu chỉ mà đã đi đường tắt về kinh đánh giặc, có thể nói là chưa hợp pháp, nhưng hợp với thực tế.” Thăng Công bộ Thượng thư, nhưng Cảnh cố từ chối, không nhận, đổi phong Lại bộ Tả thị lang.

Năm Cảnh Hưng thứ 2 (1741), phong Tham tụng. Cảnh kiến nghị: Nay bốn cõi lắm việc, kinh phí không đủ, nên để cho học trò nộp ba quan tiền gọi là tiền thông kinh, chẳng kể có học thức hay không đều được vào trường dự thi. Khắp nơi nạp tiền vào, có tới hàng vạn. Từ đấy trở thành thường lệ. Phép khoa cử bại hoại, đúng bắt đầu từ Cảnh.

Khi đó, Nguyễn Cầu tập trung quân chiếm giữ hạ lộ Kinh Môn, Nam Sách. Có người nói Cảnh là người địa phương am hiểu kỹ những nơi hiểm yếu của núi sông. Chúa lại sai Cảnh cùng trấn thủ Hải Dương đem quân bản đạo đánh giặc, bắt được bè đảng giặc rất nhiều, được thăng tước Diêu quận công. Chúa vời về, hỏi địa thế, tình hình giặc, Cảnh tâu rằng:

“Đất đông nam nhiều khe lăm ngòi. Cầu là giặc dưới nước quen biết đường sông, nếu như chỉ chú ý trên bộ thì khiến cho Cầu càng được thi thố sở trường, không phải là kế sách thắng được, xin lập quan thống lĩnh cả quân thủy lẫn quân bộ.” Chúa nghe theo, bèn cho Cảnh làm Thống lĩnh quân thủy, ban cho cờ Bình khấu Đại tướng quân, ấn Bình nhung Đại tướng quân và kiếm bao vàng, kính thiên lý, loa hô quân.

Cảnh xuất quân gặp giặc ở Kinh Câu, giằng co nhau hơn mười ngày, tiếng súng không ngớt. Nguyễn Cầu dùng hơn trăm thuyền thợ áp vào sông Hàm cướp bóc. Cảnh xuất kỳ bất ý, nhằm lúc nước triều dâng dùng thủy quân đánh chúng, giặc thua to, thu hết được thuyền bè khí giới. Cầu chỉ trốn thoát được một mình, rút về giữ Đồ Sơn, tàn binh giặc cụm lại. Tướng dưới quyền Cảnh là Diển Vũ hầu xin thừa thắng truy kích. Cảnh đồng ý, bèn đưa thủy quân bức sát lũy giặc. Nước triều rút, thuyền không vào được, thuyền giặc vòng phía sau bao vây. Cảnh gửi thư gấp xin viện binh đường bộ. Các tướng chỉ huy đường bộ trước đây muốn chia phần công lao chiến thắng Kinh Câu, nhưng Cảnh không cho, bèn án binh bất động. Quân Cảnh tan vỡ, tướng dưới quyền là Ân Thọ bá chết trận, tin đến tai chúa, bị hạ chức xuống Công bộ Tả thị lang.

Từ đó, danh vọng của Cảnh dần bị hao tổn. Năm Cảnh Hưng thứ 9 (1748), thăng Công bộ Thượng thư, về trí sĩ. Sau lại phục chức, cùng chấp chính với Lê Hữu Kiều, ít lâu lại thôi, phong Bình bộ Thượng thư, Kiêm khuyến nông sứ phủ Kinh Môn, Nam Sách, thăng Lễ bộ Thượng thư, mất năm 75 tuổi, tặng Thái bảo.

Cảnh khá hiểu nhung lược, gặp lúc biên cương nhiều việc, nhờ quân công mà quý hiển, coi việc đánh giặc là nhiệm vụ của mình. Sau lần thua ở Ninh Xá, đốc chiến gấp hơn, giặc tức giận đào mả mẹ Cảnh lên đốt huỷ thi hài. Cảnh chỉ có đau buồn mà thôi. Cuối đời, ở trong chính phủ có

ăn của biếu xén, đến năm 70 tuổi vào châu, quỳ bái không đúng lễ, mất mề, lưng còng, nhưng luyện tiếc không chịu rời bỏ, bị người đời khinh bỉ. Phụng mệnh khuyến nông, con cháu ỷ thế chiếm đoạt rất nhiều ruộng đất làm của riêng. Cảnh già lão không nhận thấy đó là nỗi khổ của dân địa phương. Con là Tiến, Tiến sĩ khoa Mậu Thìn niên hiệu Cảnh Hưng (1748), dần thăng Tham chính Thanh Hoa, rồi thăng lên Phó độ ngự sử. Mất năm 62 tuổi, tặng chức Hữu thị lang.

6. 范廷重

范廷重，峽山掙搖人，永祐己未進士，累遷韓林校討。景興初，奉命防遏東潮道，會阮蘧兵敗，竄臥雲山，獲其黨百餘人，檻送京師，論功陞工部右侍郎。蘧遺黨阮求，勢復猖獗，官軍數爲所敗。

王旨召廷重回，入對十字堂。敷陳戎略，王深嘉之，命入內添差，備顧問。尋命曄郡公黃五福，督水步諸營東伐，以廷重爲行軍參謀，率水軍襲擊阮求于鱗門，大破之，加副都御史。求退保塗山，曄郡公督大兵追之。廷重將機，決戰爭山奪險。賊棄壘走昌江，諒江府騷動。

加廷重贊理軍務，督大兵渡江討之，至昌城，分支掩擊，賊棄壘東走，擒其黨以歸。璽書文武全才賜之，加東北、山南等道協統，領參鎮海陽。

廷重乘勝，語諸將曰：逐寇如追逃，今其時也。統大軍追擊之，至廣洞，賊兵大敗，陞戶部左侍郎。遇賊于廣川，戰失利，左降兵部。時阮求屢挫，憚廷重有將才，潛使人掘其父墳，投之江。廷重深恨之，進討益力，求勢益窮蹙，使其黨看郡詣闕請降。朝廷厭兵，許之，拜求嚮義侯，因命諸將休兵。廷重不得已，移屯永賴，謀以守爲攻，治城壕，繕器械，誓不與賊俱生。

會安廣盜起，劫殺龍門水師糧官。兩廣總督，盤詰萬寧州守，責拿犯人，前後咨移三十套。朝廷方慮內訌，不欲開邊釁，以廷重兼安廣留守，隨宜料理，獲其黨與盜賊，解送內地。璽書獎之曰：燕京譽望壯，予南國有人。遷吏部左侍郎，統領如故。時所在盜梗，賊阮芳據玉珮，陷沒宣、太諸州縣。王自將親征。維祕窺知京邑衛單寡，自天關路進侵青廉、平陸，破真寧官庫，烽火通于望瀛天本，南中大擾。廷重出所步兵，渡

黃江踰南昌抵平陸，出其不意，大破之。王駐蹕行營，馳書諭之曰：憂民爲國之誠，趨事赴功之敏，無以踰卿。祕兵退，即抽兵東下。阮求憚廷重不相容，復稱兵作亂，連陷建昌諸縣。

先是廷重惡東南民易於驅扇，所至縣邑，縱部曲抄掠，不問脅從。民轉相告語曰：寧遇賊兵，不寧遇官軍。至是蜂擁從賊，勢復大振。廷重將兵討之，與賊夾金海門而陣。逆求麾兵渡江奮擊，廷重佯敗，令前鋒合後，乘其半渡衝擊之，賊兵首尾斷截，遂大潰。阮求單騎走，收殘卒航海奔乂安。捷聞，陞兵部尚書，海郡公。

時年三十六，朝廷榮之。尋有旨統領官兵追躡，取間路入清華，浹旬抵驩州城。賊據香攬，不設備，襲擊大敗之，追至白塘，盡獲其銃馬袍帽。求宵遁，廷重使屬將炎郡公范廷仕，追勦于笑瑠獲之。驩州平，策勳，陞兵部尚書太子少保，封揚武宣力功臣，加乂安督率，開寧鎮軍營。既至，葺城治兵，威惠大著。在鎮四年，南陞晏堵。年四十二，卒于官，訃聞，王震

悼，追封福神，歸葬海陽，州人追祭之。城中軍民，聚哭者累日。

廷重不以文章自見，而言論風旨，有持世骨力。初入清華，經安定山隈，見有唐宰相姜公輔古廟，啓言於王，略曰：

臣歷觀唐史，併考外編，備見姜公輔，我國人仕於唐，位宰相，文章德業，當世所推。想由國家河岳之靈，生此人傑，流芳青簡，爲國之光，如此而埋沒其傳，空疏其祀，非所以表名賢昭勸典也。

仰今主上典重推崇，道弘振作，其師聖象賢之盛德表表在人。爲此冒昧瀆陳，恭乞追封姜相公爲上等神，仍傳清華鎮官，即其地建立祠廟，及除免伊村戶分各役，以供祭祀。此誠厲世作人之機括也。

又嘗於未第時，作北門鎖鑰賦，略云：何故不在中書調鼎任商衡之重，卻乃遠臨沙塞，折衝當漢閫之勞。後仕途履歷，如合符契。爲人剛直慷慨。

當阮求效順，朝廷史行人阮茂穎賚敕諭旨，令出兵助討黃公瓚。茂穎至廷重軍，約且按兵不動。廷重語之曰：汝第往數四日有可出兵機會，吾不汝惜也。

茂穎至賊營，具以告，無何廷重果率眾圍之。賊放茂穎歸朝，反志始決。

在政府時練郡公阮世佳，居中用事，深爲毅祖所眷注，陵轢朝士，無所忌憚。會試場，廷重爲監試官，世佳赴試，直入官廬索卷，把門吏不敢抗。廷重正色罵之，世佳大慚沮，是後不復入試。子廷儀，以勳蔭，累遷至海陽鎮守，東岸侯。

PHIÊN ÂM:

PHẠM ĐÌNH TRỌNG

Phạm Đình Trọng, Giáp Sơn Khinh Dao nhân, Vĩnh Hựu Kỷ Vị Tiến sĩ, lữ thiên Hàn lâm hiệu thảo. Cảnh Hưng sơ, phụng mệnh phòng át Đông Triều đạo, hội Nguyễn Cừ binh bại, thoán Ngoại Vân sơn, hoạch kỳ đảng bách dư nhân, hạm tổng kinh sư, luận công thăng Công bộ Hữu thị lang. Cừ di đảng Nguyễn Cầu, thế phục xương quyết, quan quân số vì sở bại.

Vương chỉ triệu Đình Trọng hồi, nhập đối thập tự đường. Phu trần hung lược, vương thâm gia chi, mệnh Nhập nội thêm sai, bị cố vấn. Tầm mệnh Việp quận công Hoàng Ngũ Phúc, đốc thủy bộ chư doanh đông phạt, dĩ Đình Trọng vi hành quân tham mưu, suất thủy quân tập kích Nguyễn Cầu vu Lâm Môn, đại phá chi, gia Phó đô Ngự sử. Cầu thoái bảo Đồ Sơn, Việp quận công đốc đại binh truy chi. Đình Trọng tướng cơ, quyết chiến tranh sơn đoạt hiểm. Tặc khí lữ tẩu Xương Giang, Lạng Giang phủ tao động.

Gia Đình Trọng Tán lý quân vụ, đốc đại binh độ giang thảo chi, chí Xương thành, phân chi yếm kích, tặc khí lũy đông tẩu, cầm kỳ đảng dĩ quy. Tỷ thư văn vũ toàn tài tứ chi, gia Đông Bắc, Sơn Nam đảng đạo hiệp thống, lãnh Tham trấn Hải Dương.

Đình Trọng thừa thắng, ngữ chư tướng viết: Trục khấu như truy đào, kim kỳ thời dã. Thống đại quân truy kích chi, chí Quảng Động, tặc binh đại bại, thắng Hộ bộ Tả thị lang. Ngộ tặc vu Quảng Xuyên, chiến thất lợi, tả giáng Binh bộ. Thời Nguyễn Cầu lữ toạ, đạn Đình Trọng hữu tướng tài, tiềm sử nhân quật kỳ phụ phần, đầu chi giang. Đình Trọng thâm hận chi, tiến thảo ích lực, Cầu thế ích cùng kiến, sử kỳ đảng khán quận nghệ khuyết thỉnh hàng. Triều đình yếm binh, hứa chi, báai cầu Hưởng Nghĩa hầu, nhân mệnh chư tướng hưu binh. Đình Trọng bất đắc dĩ, di đồn Vĩnh Lại, mưu dĩ thủ vi công, trị thành hào, thiện khí giới, thế bất dữ tặc câu sinh.

Hội An Quảng đạo khởi, kiếp sát Long Môn thuỷ sư lương quan. Lương Quảng Tổng đốc, bàn cật Vạn Ninh châu thủ, trách nã phạm nhân, tiên hậu tư di tam thập sáo. Triều đình phương lự nội hồng, bất dục khai biên hán, dĩ Đình Trọng kiêm An Quảng lưu thủ, tuý nghi liệu lý, hoạch kỳ đảng dữ đạo tàng, giải tống nội địa. Tỷ thư tướng chi viết: “Yên Kinh dự vọng tráng, dư Nam quốc hữu nhân.” Thiên Lại bộ Tả thị lang, thống lãnh như cố.

Thời sở tại đạo ngành, tặc Nguyễn Phương cử Ngọc Bội, hãm một Tuyên Thái chư châu huyện. Vương tự tướng thân chinh. Duy Mật khuy tri kinh áp vệ đơn quả, tự thiên quan lộ tiến xâm Thanh Liêm Bình Lục, phá Chân Ninh quan khố, phong hoả thông vu Vọng Doanh Thiên Bản, nam trung đại nhiễu. Đình Trọng xuất sở bộ binh, độ Hoàng Giang du Nam Xương để Bình Lục, xuất kỳ bất ý, đại phá chi. Vương trú tất hành

doanh, trì thư dụ chi viết: Ưu dân vì quốc chi thành, xu sự phó công chi mãn, vô dĩ du khanh. Mật binh thoái, tức trùu binh đông hạ. Nguyễn Cầu đạ Đĩnh Trọng bất tương dung, phục xưng binh tác loạn, liên hãm Kiến Xương chư huyện.

Tiên thị Đĩnh Trọng ố đông nam dân dĩ ư khu phiến, sở chí huyện áp, tủng bộ khúc sao lược, bất vấn hiệp tông. Dân chuyển tương cáo ngữ viết: Ninh ngô tặc binh, bất ninh ngô quan quân. Chí thị phong ủng tông tặc, thế phục đại chấn. Đĩnh Trọng tương binh thảo chi, dữ tặc giáp Kim Hải môn nhi trận. Nghịch Cầu huy binh độ giang phấn kích, Đĩnh Trọng dương bại, lệnh tiền phong hợp hậu, thừa kỳ bán độ xung kích chi, tặc binh thủ vĩ đoạn tiết, toại đại hội. Nguyễn Cầu đơn kỵ tẩu, thu tàn tốt hàng hải bôn Nghệ An. tiếp văn, thắng Binh bộ Thượng thư, Hải quân công.

Thời niên tam thập lục, triều đình vinh chi. Tâm hữu chí thống lãnh quan binh truy nhiếp, thủ gian lộ nhập Thanh Hoa, tiếp tuần để Hoan Châu thành. Tặc cứ Hương Lãm, bất thiết bị, tập kích đại bại chi, truy chí Bạch Đường, tận hoạch kỳ sủng mã bào mạo. Cầu tiêu độn, Đĩnh Trọng sử thuộc tướng Viêm quận công Phạm Đĩnh Sĩ, truy tiểu vu Phù Lưu hoạch chi. Hoan Châu bình, sách huân, thăng Binh bộ Thượng thư Thái tử thiếu bảo, phong Dương vũ tuyên lược công thân, gia Nghệ An đốc suất, Khai Ninh trấn quân doanh. Ký chí, tập thành trị binh, uy huệ đại trứ. Tại trấn tứ niên, nam thủy yển đồ. Niên tứ thập nhị, tốt vu quan, phó văn, vương chấn diệu, truy phong Phúc thân, quy táng Hải Dương, châu nhân truy tế chi. Thành trung quân dân, tụ khóc giả lụy nhật.

Đĩnh Trọng bất dĩ văn chương tự kiến, nhi ngôn luận phong chỉ, hữu trì thế cốt lực. Sơ nhập Thanh Hoa, kinh An Định sơn ôi, kiến

hữu Đường Tể tướng Khương Công Phụ cổ miếu, khái ngôn ư Vương, lược viết:

Thần lịch quan Đường sử, tính khảo ngoại biên, bị kiến Khương Công Phụ, ngã quốc nhân sĩ ư Đường, vị Tể tướng, văn chương đức nghiệp, đương thế sở suy. Tưởng do quốc gia hà nhạc chi linh, sinh thử nhân kiệt, lưu phương thanh giản, vi quốc chi quang, như thử nhi mai một kỳ truyền, không sơ kỳ tự, phi sở dĩ biểu danh hiền chiêu khuyến điển dã. Ngưỡng kim chủ thượng điển trọng suy sùng, đạo hoàng chấn tác, kỳ sư thánh tượng hiền chi thịnh đức biểu biểu tại nhân. Vi thử mạo muội độc trần, cung khát truy phong Khương tướng công vi Thượng đẳng thần, nhưng truyền Thanh Hoa trấn quan, tức kỳ địa kiến lập từ miếu, cập trừ miễn y thôn hộ phân các dịch, dĩ cúng tế tự. Thử thành lệ thế tác nhân chi cơ quát dã.

Hậu thường ư vị chỉ thời, tác Bắc môn toả thuộc phú, lược vân: Hà cố bất tại trung thư điều đình nhậm thương xung chi trọng, khước nãi viễn lâm sa tái, chiết xung đương hán khốn chi lao. Hậu sĩ đồ lý lịch, như hợp phù khế. Vi nhân cương trực kháng khái.

Đương Nguyễn Cầu hiệu thuận, triều đình sử hành nhân Nguyễn Mậu Dĩnh lại sắc dụ chỉ, lệnh xuất binh trợ thảo Hoàng Công Tán. Mậu Dĩnh chỉ Đình Trọng quân, ước thả án binh bất động. Đình Trọng ngữ chỉ viết: Nhữ đệ vãng sở tứ nhật hữu khả xuất binh cơ hội, ngô bất nhữ tích dã. Mậu Dĩnh chỉ tặc doanh, cụ dĩ cáo, vô hà Đình Trọng quả suất chúng vi chi. Tặc phóng Mậu Dĩnh quy triều, phản chỉ thuỷ quyết.

Tại chính phủ thời Luyện quận công Nguyễn Thế Giai, cư trung dụng sự, thâm vi Nghị Tổ sở quyền chú, lãng thức triều sĩ, vô sở kỵ dạn. Hội thí trường, Đình Trọng vi Giám thí quan, Thế Giai phó thí, trực nhập

quan lư sách quyển, bả môn lại bất cảm kháng. Đình Trọng chính sắc mạ chi, Thế Giai đại tâm thứ, thị hậu bất phục nhập thí. Tử Đình Nghi, dĩ huân ẩm, lữ thiên chí Hải Dương Trấn thủ, Đông Ngạn hầu.

DỊCH NGHĨA:

6. PHẠM ĐÌNH TRỌNG

Phạm Đình Trọng, người làng Kinh Dao, huyện Giáp Sơn, Tiến sĩ khoa Kỷ Mùi niên hiệu Vĩnh Hựu (1739), dần thăng lên Hàn lâm Hiệu thảo. Đầu niên hiệu Cảnh Hưng (1740), phụng mệnh phòng giữ đánh dẹp đạo Đông Triều, không bao lâu, quân Nguyễn Cừ thua trận, chạy vào núi Ngọa Vân, bắt được hơn một trăm tên bè đảng của hắn, nhốt cũi đưa về kinh sư, luận công được thăng Công bộ Hữu thị lang. Di đảng của Cừ là Nguyễn Cầu thế lại hung dữ, quân triều đình bị thua nhiều trận.

Chúa ban chỉ triệu Đình Trọng về kinh, cho vào nhà Thập tự để hỏi kế. Trọng trình bày mưu lược việc quân, chúa rất khen, sai giữ chức Nhập nội thiêm sai để hỏi han công việc. Sau đó, sai Việp quận công Hoàng Ngũ Phúc chỉ huy các đạo quân thủy bộ đánh phía đông, lấy Đình Trọng làm tham mưu hành quân, đem quân thủy đánh úp Nguyễn Cầu ở cửa Lân, đại phá giặc, phong Phó đô ngự sử. Cầu rút về giữ Đồ Sơn, Việp quận công chỉ huy đại quân đuổi giặc. Đình Trọng xem xét cơ hội, quyết đánh, tranh giành chỗ hiểm yếu trên núi. Giặc bỏ lũy chạy về sông Xương Giang, phủ Lạng Giang xôn xao.

Chúa phong thêm cho Đình Trọng làm Tán lý quân vụ, đốc xuất đại quân vượt sông đánh giặc, đến thành Xương Giang, chia từng cánh quân đánh úp, giặc bỏ lũy chạy về phía đông, bắt được bè lũ đưa về. Chúa ban thư khen: “Văn võ toàn tài” có dấu ấn ngọc tủy, gia phong Hiệp thống các đạo Đông Bắc, Sơn Nam, lãnh chức Tham trấn Hải Dương.

Đình Trọng thừa thắng nói với các tướng lĩnh rằng: “Đuổi giặc như truy kẻ chạy trốn, là lúc này đây.” Bèn thống suất đại quân truy kích giặc, đến Quảng Động quân giặc thua to, được thắng Hộ bộ Tả thị lang, gặp giặc ở Quảng Xuyên, đánh nhau với giặc bị thua, giáng chức chuyển sang Binh bộ. Lúc đó Nguyễn Cầu nhiều lần thua, sợ Đình Trọng có tài chỉ huy, ngầm sai người đào má cha Trọng đổ xuống sông. Đình Trọng vô cùng căm giận, tiến đánh càng hăng, tình thế Cầu càng nguy khốn, bèn sai quận Khán đến cửa khuyết xin hàng. Triều đình chán việc binh đao, chấp nhận, cho Cầu làm Hương nghĩa hầu, nhân đó lệnh cho các tướng nghỉ việc binh. Đình Trọng bất đắc dĩ chuyển về đóng ở đồn Vĩnh Lại, mưu đồ trấn giữ, củng cố thành hào, sửa sang khí giới, thể quyết không sống chung với giặc.

Không bao lâu, giặc cướp ở An Quảng nổi lên, cướp giết quan giữ lương thuộc thủy quân ở Long Môn. Tổng đốc Lương Quảng cật vấn quan Trấn thủ châu Vạn Ninh, bắt truy nã phạm nhân, trước sau đưa tư văn tới ba mươi đạo. Triều đình đương lo sự tranh chấp bên trong, không muốn gây việc xung đột biên giới, cho Đình Trọng kiêm chức Lưu thủ An Quảng, tùy nghi lo liệu, bắt bọn đảng cướp và tang vật giải đưa sang Nội địa. Triều đình thưởng thư khen có dấu ấn ngọc tỷ ghi: “Danh vọng lớn ở Yên Kinh. Nước Nam ta có người giỏi” thăng Lại bộ Tả thị lang, thống lĩnh các đạo như cũ.

Lúc đó bọn cướp bướng ngạnh ở địa phương là Nguyễn Phương chiếm đóng Ngọc Bội, chiếm mất các châu huyện ở Tuyên, Thái. Chúa tự chỉ huy thân chinh dẹp giặc, Duy Mật dò xét biết quân giữ kinh ấp ít ỏi, bèn từ đường Thiên Quan tiến vào xâm phạm Thanh Liêm, Bình Lục, phá kho công Chân Ninh, ngọn lửa bén đến Vọng Doanh, Thiên Bản, cả vùng

phía nam đại nhiễu loạn. Đình Trọng đem quân bản bộ, vượt sông Hoàng, qua Nam Xương, tới Bình Lục, xuất kỳ bất ý, đại phá giặc. Chúa ở tại hành doanh, gửi gấp thư dụ rằng: “Lòng thành vì nước lo cho dân, tài linh lợi chạy việc lập công, chẳng ai vượt nổi khanh.” Quân của Duy Mật thua chạy, bèn rút quân xuống phía đông. Nguyễn Cầu sợ Đình Trọng không dung tha, lại dấy binh làm loạn, liền chiếm các huyện ở Kiến Xương.

Trước đó, Đình Trọng ghét dân miền đông nam dễ bị kích động theo giặc, nên những huyện ấp mà quân của Trọng đi qua, dung túng bộ hạ cướp bóc, bắt phải theo. Dân thường nói với nhau rằng: “Thà gặp quân giặc còn hơn gặp quân triều đình.” Đến nỗi nhiều người dân theo giặc, thế giặc lại mạnh lên. Đình Trọng đem quân đến đánh, áp sát giặc ở cửa Kim Hải. Nghịch Cầu dẫn quân vượt sông đánh mạnh, Đình Trọng giả vờ thua, lệnh quân đi trước hợp với quân đi sau, thừa lúc giặc ra đến giữa sông mà xông lên đánh, quân giặc bị cắt làm hai khúc, tan vỡ. Nguyễn Cầu một mình một ngựa chạy trốn, thu tàn quân vượt biển chạy vào Nghệ An. Tin thắng trận đến chúa, được thăng Binh bộ Thượng thư, tước Hải quận công.

Lúc ấy Trọng mới 36 tuổi, triều đình coi là vinh dự. Liên sau đó có chiếu chỉ giao cho Trọng thống lĩnh quan quân đuổi giặc, đi đường tắt vào Thanh Hoa, mười ngày tròn thì tới thành Hoan Châu. Giặc chiếm đóng Hương Lãm không phòng bị, Trọng đánh úp, giặc thua to đuổi đến Bạch Đường thì bắt hết được súng, ngựa, áo, mũ. Đem Cầu lên trốn, Đình Trọng sai thuộc tướng là Viêm quận công Phạm Đình Sĩ truy lùng đến Phù Lưu thì bắt được. Châu Hoan bình yên, xét công được thăng Binh bộ Thượng thư, Thái tử thái bảo, phong Dương vũ tuyên lực công thần, kiêm Nghệ An đốc suất, mở quân doanh Ninh Trấn. Khi đến, sửa thành hào, luyện quân đội, uy phong ân huệ vang dội. Ở trấn bốn năm,

biên thủy phía nam yên ổn. Năm 42 tuổi, mất tại chức, tin buồn đến chúa rất thương tiếc, truy phong phúc thần, đem về chôn cất ở Hải Dương, người trong châu truy tế ông. Quân dân trong thành tụ họp nhau than khóc mấy ngày.

Đình Trọng không lấy văn chương thể hiện mình, nhưng phong thái ngôn luận, có cốt cách giúp đời. Khi mới vào Thanh Hoa, qua bờ núi Yên Định, thấy miếu cổ thờ Tể tướng nhà Đường là Khương Công Phụ, dâng tờ khai tâu với Chúa đại lược rằng:

Thần xem sử nhà Đường cùng sự biên chép bên ngoài, thấy đầy đủ về Khương Công Phụ, là người nước ta làm quan cho nhà Đường tới chức Tể tướng, văn chương đức nghiệp được người đương thời suy tôn. Nghĩ rằng do sự linh thiêng của sông núi nước ta, sinh ra người hào kiệt, truyền tiếng thơm trong sử xanh, làm vẻ vang cho đất nước, mà sự tích để cho mai một như thế, cúng tế thì sơ sài không nêu lên được bậc danh hiền, để sáng soi điển lễ. Ngước thấy Chúa Thượng nay coi trọng nêu cao việc thờ tự, đạo rộng chấn tác, đó là đức lớn của đạo thánh hiền, tỏ rõ ở người đời. Vì vậy, mạo muội tâu bày, kính xin truy phong Khương tướng công làm Thượng đẳng thần, truyền cho quan Trấn thủ Thanh Hoa, xây dựng miếu thờ ở ngay đất đó và miễn trừ mọi phu dịch cho dân thôn ấy để cung phụng việc cúng tế. Điều đó thực là then chốt của việc khuyến đời, dựng người vậy.

Lại khi chưa thi đỗ, ông làm bài phú “Bắc môn tản thược” (Then khóa cửa Bắc) đại lược nói rằng: “Tại sao không ở trung thư sảnh điều hoà đỉnh vạc⁽¹⁾ đảm nhiệm trọng trách của ông Hành đời Thương,⁽²⁾ mà lại đi đến nơi biên tái xa xôi, vất vả xông pha, giữ phần khó nhọc của võ tướng nhà Hán.” Về sau đường sĩ hoạn trải qua rất phù hợp với câu phú ngày trẻ. Ông là người cương trực khảng khái.

Khi Nguyễn Cầu quy thuận, triều đình sai quan hành nhân Nguyễn Mậu Dĩnh đem sắc chỉ đến dụ, sai xuất quân góp sức đánh Hoàng Công Toàn. Mậu Dĩnh tới quân doanh Đình Trọng, hẹn phải án binh bất động. Đình Trọng trả lời rằng: “Ngươi cứ đi bộ vài bốn hôm, có dịp thì xuất quân, ta sẽ không tiếc chi ngươi.” Mậu Dĩnh đến doanh trại giấc, nói ra hết thấy, nào ngờ Đình Trọng quả nhiên đem quân đến vây. Giặc thả Mậu Dĩnh về triều, và mới quyết chí làm phản.

Khi ở chính phủ, Luyện quận công Nguyễn Thế Giai chuyên quyền trong nội phủ, Nghị Tổ rất mực yêu quý, lấn át quan trong triều, chẳng kiêng nể gì. Gặp kỳ thi hội, Đình Trọng làm quan coi thi, Thế Giai vào thi, đi thẳng vào nhà quan coi thi đòi quyển, lính gác cửa không dám ngăn cản. Đình Trọng nghiêm sắc mặt mắng, Thế Giai cả thẹn, sau đó không dám thi nữa. Con Trọng là Đình Nghi, nhờ dư ấm công thần, dần dà thăng đến Trấn thủ Hải Dương, tước Đông Ngạn hầu.

CHÚ THÍCH:

- 1.Điều hoà đỉnh vạc: Chỉ nhiệm vụ của Tể tướng.
- 2.Ông Hành đời Thương: Chỉ Y Doãn là Tể tướng đời Thương.

* * *

儒學列傳

1. 陳登元

陳登元，至靈廬陽人，美丰姿，有才藝，三歲好學，七歲善屬文，詞賦記頌，皆揮毫立就，人以神童稱之。及長，三教百家，無不通曉。十二歲，充太學生員，李英宗愛其年少，問之曰：生員姓甚名誰？父母何在？元跪奏曰：

小人本姓陳，

原是至靈人。

登元其賤號，

敢不前奏聞。

帝見其矢口成詩，有敏辨才，因出對云：

東海神童。

應曰：

南山聖壽。

帝大奇之，賜田一頃，以旌其能，元益勵志讀書，遊學京師，文名籍甚。政龍寶應三年，置太學生科，元

第一名，入侍講筵。後奉命參軍禦宋有功，陞尚書公爵，仕至上柱國致仕。

元性豪侈，所居必高堂廣屋，姬妾不離左右，以絲竹自奉，卒贈司空，謚忠獻。子汝聽，幼有至性，忠獻卒時，年始八歲，哀戚滿容，人以好行稱之。及長，不與諸生遊，使專事經籍。同學東岸三山人阮觀光，亦以文學爲行輩所推，聽又醞藉過之。陳太宗建忠丙戌年，大比，取士四十七名，觀光狀元，聽黃甲。聽慚恚，謂人曰：我不才，反在觀光之下，何以仕爲。遂辭歸，天下名士，從學者眾。門下成名者三十餘人。卒後，門人私謚曰：文康先生。

PHIÊN ÂM:

NHO HỌC LIỆT TRUYỀN

TRẦN ĐĂNG NGUYỄN

Trần Đăng Nguyễn, Chí Linh Triều Dương nhân, mỹ phong tư, hữu tài nghệ, tam tuế hiếu học, thất tuế thiện thuộc văn, từ phú ký tụng, giai huy hào lập tịu, nhân dĩ thần đồng xưng chi. Cấp trưởng, tam giáo bách gia, vô bất thông hiểu. Thập nhị tuế, sung Thái học sinh viên, Lý Anh Tông ái kỳ niên thiếu, vấn chi viết: Sinh viên tính thậm danh thụ? Phụ mẫu hà tại? Nguyễn quy tấu viết:

Tiểu nhân bản tính Trần,
 Nguyên thị Chí Linh nhân.

Đặng Nguyên kỳ tiện hiệu,

Cảm bất tiên tấu văn.

Đế kiến kỳ thi khẩu thành thi, hữu mẫn biện tài, nhân xuất đối văn:

Đông hải thần đồng.

Ứng viết:

Nam sơn thánh thọ.

Đế đại kỳ chi, tứ diên nhất khoảnh, dĩ tinh kỳ năng, Nguyên ích lệ chí độc thư, du học kinh sử, văn danh tịch thậm. Chính Long Bảo Ứng tam niên, trí Thái học sinh khoa, Nguyên chỉ nhất danh, nhập thị giảng diên. Hậu phụng mệnh tham quân ngự tống hữu công, thăng Thượng thư công tước, sĩ chí Thượng trụ quốc trí sĩ.

Nguyên tính hào xỉ, sở cư tất cao đường quảng ốc, cơ thiếp bất ly tả hữu, dĩ ti trúc tứ phụng, tốt tặng Tư không, thụy Trung Hiến. Tử Nhữ Thính, ấu hữu chí tính, Trung Hiến tốt thời, niên thuỷ bát tuế, ai thích mẫn dung, nhân dĩ hiếu hạnh xứng chi. Cập trưởng, bất dữ chư sinh du, sử chuyên sự kinh tịch. Đồng học Đông Ngạn Tam Sơn nhân Nguyễn Quan Quang, diệc dĩ văn học vi hành bồi sở suy, Thính hựu uẩn tịch quá chi. Trần Thái Tông Kiến Trung Bính Tuất niên, đại tỹ, thủ sĩ tứ thập thất danh, Quan Quang Trạng nguyên, Thính Hoàng giáp. Thính tầm huệ, vị nhân viết: Ngã bất tài, phản tại Quan Quang chi hạ, hà dĩ sĩ vi. Toại từ quy, thiên hạ danh sĩ, tòng học giả chúng. Môn hạ thành danh giả tam thập dư nhân. Tốt hậu, môn nhân tư thụy viết: Văn Khang tiên sinh.

DỊCH NGHĨA:

LIỆT TRUYỆN CÁC NHO THẦN

1. TRẦN ĐĂNG NGUYỄN

Trần Đăng Nguyên, người làng Triền Dương, huyện Chí Linh, vẻ người đẹp, có tài nghệ, 3 tuổi đã ham học, 7 tuổi đã giỏi các loại văn, từ phú, ký tụng đều vung bút là thành, người đời gọi là thần đồng. Đến khi lớn lên các sách của tam giáo, bách gia không chỗ nào là không hiểu. Năm 12 tuổi, sung vào sinh viên nhà Thái học, Lý Anh Tông (1138 - 1175) yêu vì nhỏ tuổi, hỏi rằng: “Sinh viên họ tên là gì? Cha mẹ ở đâu?” Nguyên quỳ thưa:

Tiểu thần vốn họ Trần,

Là người huyện Chí Linh.

Đăng Nguyên là tên gọi,

Dám đâu không tấu lên.

Vua thấy Đăng Nguyên xuất khẩu thành thơ, lại có tài bàn luận nhanh, liền ra câu đối rằng:

Đông hải thần đồng (Thần đồng ở bể Đông).

Nguyên đối lại:

Nam sơn thánh thọ (Thánh thọ tựa núi Nam).

Vua rất lấy làm lạ, ban cho một khoảnh ruộng để biểu dương tài năng, Nguyên càng dốc chí đọc sách, du học ở kinh sư, tên tuổi văn chương rất nổi. Năm Chính Long Bảo ứng thứ 3 (1165), đặt khoa Thái học sinh, Nguyên đỗ đầu, vào châu hầu ở kinh diên. Sau vâng mệnh làm Tham quân, chống quân nhà Tống, có công, thăng Thượng thư, tước công, làm quan đến Thượng trụ quốc, về trí sĩ.

Đặng Nguyên tính hào phóng xa xỉ, ở phải nhà cao, cửa rộng, hầu thiếp không rời bên mình, lấy đàn sáo mua vui, mất, tặng chức Tư không, thụy Trung Hiến. Con là Nhữ Thính, lúc nhỏ lương thiện, khi Trung Hiến mất Thính mới 8 tuổi, nét buồn đượm trên vẻ mặt, người đời khen là có hiếu. Đến khi khôn lớn, không chơi bởi cùng bọn học trò, mà chuyện dùi mài kinh sử. Bạn cùng lớp là Nguyễn Quan Quang người làng Tam Sơn, huyện Đông Ngạn cũng nhờ văn học mà được bạn bè trang lứa suy tôn, nhưng Thính sôi kinh nấu sử còn hơn. Năm Bính Tuất niên hiệu Kiến Trung đời Trần Thái Tông (1226), mở khoa đại ty chọn được 47 người đỗ, Quan Quang đỗ Trạng nguyên, Thính đỗ Hoàng giáp. Thính tự xấu hổ nói với mọi người rằng: “Tôi bất tài, tên đậu ở dưới Quan Quang thì làm quan làm gì.” Bèn xin về quê các danh sĩ khắp nơi đến học rất đông. Trong đó nổi tên tuổi có tới hơn ba mươi người. Sau khi mất, học trò đặt thụy riêng cho ông là Văn Khang tiên sinh.

2.韓詮

韓詮，青林三總人，原姓阮。陳仁宗紹寶間，有鱷魚至瀘江，帝命爲文驅之，魚即遠竄。帝以事類韓愈，賜姓韓，仕至刑部尚書。詮長於國語詩賦。我國文字多用國語自詮始。

PHIÊN ÂM:

HÀN THUYỀN

Hàn Thuyền, Thanh Lâm Tam Tổng nhân, nguyên tính Nguyễn. Trần Thân Tông Thiệu Bảo gian, hữu ngạc ngư chí Lô giang, đế mệnh vi

văn khu chi, ngư tức viễn thoán. Đế dĩ sự loại Hàn Dũ, tứ tính Hàn, sĩ chí Hình bộ Thượng thư. Thuyên trường ư Quốc ngữ thi phú. Ngã quốc văn học đa dụng Quốc ngữ tự Thuyên thủy.

DỊCH NGHĨA:

2. HÀN THUYỀN

Hàn Thuyên, người làng Tam Tổng, huyện Thanh Lâm, vốn họ Nguyễn. Khoảng niên hiệu Thiệu Bảo đời Trần Nhân Tông (1279 - 1284), có cá xấu đến sông Lô, vua sai làm văn đuổi cá xấu đi, cá xấu liền trốn xa. Vua thấy việc đó giống như Hàn Dũ, bèn ban cho họ Hàn, làm quan đến Hình bộ Thượng thư. Thuyên giỏi về thơ phú quốc ngữ. Văn tự nước ta dùng nhiều chữ quốc ngữ bắt đầu từ Hàn Thuyên.

3. 陳益發

陳益發，至靈廬陽人，幼甚穎悟，年十歲，始入學，十五歲，博極群書，遂以文章名天下，鄉舉解元。太和戊辰、壬申二科，應舉連不第，始退而授徒，以講習爲業，一時名士，皆出其門。

成名者七十餘人。狀元三：武傑、陳崇穎、嚴援。榜眼四：阮德貞、陳璧宏、阮德訓、阮勛。探花六：王克述、黎安樂、阮允迪、申景雲、丁鑒、劉舒彥。黃甲十：阮驥、阮進良、阮俊、吳文景、裴溥、楊直源、陳

能、范玠、阮徐、范承業。同進士五十一。洪德間，其門人太半爲朝士。

初淳皇帝在家邸，素聞其名，及即位，賜與同進士，用除監察御史。光順八年，陞憲察使，洪德六年，遷京北參政，十三年，改授山西，二十二年，改授山南，累陞東閣大學士，致仕，卒年一百歲，及見玄孫。

子如龍，貌甚醜陋，洪德丙辰科中格第二名，庭試，上御金鑾殿，訾其容貌，竟黜下第。

PHIÊN ÂM:

TRẦN ÍCH PHÁT

Trần Ích Phát, Chí Linh Triều Dương nhân, ấu thậm đình ngô, niên thập tuế, thủy nhập học, thập ngũ tuế, bác cực quân thư, toại dĩ văn chương danh thiên hạ, Hương cử Giải nguyên. Thái Hoà Mậu Thìn Nhâm Thân nhị khoa, ứng cử liên bất chỉ, thủy thoái nhi thụ đồ, dĩ giảng tập vi nghiệp, nhất thời danh sĩ, giai xuất kỳ môn.

Thành danh giả thất thập dư nhân. Trạng nguyên tam: Vũ Kiệt, Trần Sùng Dĩnh, Nghiêm Viện. Bảng nhãn tứ: Nguyễn Đức Trinh, Trần Bích Hoành, Nguyễn Đức Huấn, Nguyễn Huân. Thám hoa lục: Vương Khắc Thuật, Lê An Lạc, Nguyễn Doãn Địch, Thân Cảnh Vân, Đinh Lưu, Lưu Thư Ngạn. Hoàng giáp thập: Nguyễn Ký, Nguyễn Tiến Lương, Nguyễn Tuấn, Ngô Văn Cảnh, Bùi Phổ, Dương Trực Nguyên, Trần Năng, Phạm

Giới, Nguyễn Từ, Phạm Thừa Nghiệp. Đồng tiến sĩ ngũ thập nhất. Hồng Đức gian, kỳ môn nhân thái bán vì triều sĩ.

Sơ Thuần Hoàng đế tại gia để, tố văn kỳ danh, cập tức vị, tứ dữ Đồng tiến sĩ, dụng trừ Giám sát ngự sử. Quang Thuận bát niên, thăng Hiến sát sứ, Hồng Đức lục niên, thiên Kinh Bắc Tham chính, thập tam niên, cải thụ Sơn Tây, nhị thập nhị niên, cải thụ Sơn Nam, lũy thăng Đông các đại học sĩ, trí sĩ, tốt niên nhất bách tuế, cập kiến huyền tôn.

Tử Như Long, mạo thậm xú lậu, Hồng Đức Bính Thìn khoa trúng cách chỉ nhị danh, đình thí, thượng ngự Kim Loan điện, tỵ kỳ dung mạo, cánh truất hạ đệ.

DỊCH NGHĨA:

3. TRẦN ÍCH PHÁT

Trần Ích Phát, người Triều Dương, huyện Chí Linh, lúc nhỏ rất đĩnh ngộ, năm 10 tuổi mới đi học, năm 15 tuổi đã hiểu rộng các sách, nhờ văn chương mà nổi tiếng trong thiên hạ, đỗ đầu khoa thi hương. Liền hai khoa Mậu Thìn (1448) và Nhâm Thân (1452) niên hiệu Thái Hòa ứng thí đều không đậu, mới lui về dạy học, lấy giảng tập làm nghề nghiệp. Danh sĩ một thời đều ở đây mà ra.

Thành danh có tới hơn bảy mươi người. Trạng nguyên 3: Vũ Kiệt, Trần Sùng Dĩnh, Nghiêm Viện. Bảng nhãn 4: Nguyễn Đức Trinh, Trần Bích Hoàng, Nguyễn Đức Huấn, Nguyễn Huân. Thám hoa 6: Vương Khắc Thuật, Lê An Lạc, Nguyễn Doãn Địch, Thân Cảnh Vân, Đinh Lưu, Lưu Thư Ngạn. Hoàng giáp 10: Nguyễn Ký, Nguyễn Tiến Lương, Nguyễn Tuấn, Ngô Văn Cảnh, Bùi Phổ, Dương Trực Nguyên,

Trần Năng, Phạm Giới, Nguyễn Từ, Phạm Thừa Nghiệp. Đồng tiến sĩ 51 người. Khoảng niên hiệu Hồng Đức (1470 - 1497), những học trò ở đây quá nửa làm quan trong triều.

Trước đây, Thuần Hoàng đế còn ở nhà riêng vốn nghe tên tuổi, khi lên ngôi, ban cho như Tiến sĩ, bổ làm chức Giám sát ngự sử. Năm thứ 8 niên hiệu Quang Thuận (1467), thăng Hiến sát sứ, năm thứ 6 niên hiệu Hồng Đức (1475), chuyển làm Tham chính Kinh Bắc, năm thứ 13 (1482), đổi làm quan ở Sơn Tây, năm thứ 22 (1492), lại đổi về Sơn Nam, dần thăng lên Đông các đại học sĩ. Về trí sĩ, mất năm 100 tuổi, được thấy người cháu năm đời.

Con là Như Long, nét người rất xấu, khoa Bính Thìn niên hiệu Hồng Đức (1496), thi hội, đậu thứ 2, thi đình vua ngự diện Kim Loan, chê đáng mạo xấu, cuối cùng đánh hỏng.

4.阮秉謙

阮秉謙，永賴中庵人，祖文靖，精地學，得高駢鉗記，始卜居其地。父文定，號矍川先生，有學行，充太學生。秉謙生有異相，未周歲能言。忽一日曰：東方日出。父甚奇之。少時浴江邊，有術者見之曰：王，及細視之曰：恨皮粗，當位極人臣爾。既長，從梁得朋受業，得所傳太乙神經於明朗陵王汝笏之後（得朋使明，學得奇術）遂精於數學。雨暘禍福，無不推算前知。

光紹、統元間，兵亂，隱居不起。莫篡後，親朋勸之仕，年四十四，始就鄉舉，領解元。莫大正六年，乙未科年四十五，試禮部四場，並第一，庭對擢上等，拜東閣校書，遷吏部右侍郎，東閣大學士。在朝八年，疏斬弄臣十八人，婿范瑤者瓊之子，以儉巧得幸。謙知必階禍，恐累連姻。廣和二年（莫福海年號）托病致仕，時年五十二。

既歸休，築白雲庵，中津館，歲時遊憩，碑於館之左銘之，奇略曰：貴則驕至，富與侈期。惟貨視比，如狂如癡。爲善之端，孰擴而推。館名中津，義斯取斯。中即其善，津即其歸。知止有定，造次不離。蓋取全善爲中，知止爲津之義。

所居境內，山海奇僻之處，無不攜觴吟詠。莫以師禮事之，國有大事，輒遣使就訪，時徵至京，議事罷，復回庵。永定初（莫福源年號）封程泉侯，累陞吏部尚書，程國公。

時鄭世祖明康太王，尊扶莊宗裕皇帝，即位於馬江，兵勢稍振。莫狀元阮倩，與其子倦降清華兵守天

長，數出兵攻略。茂洽患之，以問謙。謙與倩有舊，倦曾及其門，因請以壯士百人，先伏天長江岸北，謙獨乘小舟訪倦營，約來舟敘舊，酒酣疾掉而北，伏兵卒起，因諭倦降，攜歸莫。

謙王敬典，攻神符，世祖太王擊敗之，移兵略山南京北，茂洽使人問計於謙，謙曰：兵法虛虛寔寔，請於沿江植旗幟爲疑兵，而以一支奇兵，出其下流，斷西兵之後。茂洽用其計，世祖兵至大黃江，聞有備不進，使偵之，皆虛旗掛樹，乃驅兵前進冷池。莫揔兵潛出渭潢江口，趨六步江，塞西兵歸路。世祖知中計，急抽兵趨神符投海門，取路回清華，莫境稍寧。

延成八年卒，年九十五，學者追稱爲雪江夫子。謙疾革，茂洽使問國事，但曰：他日國有事故，高平雖小，可延數世福，餘無所言。

平生爲文典麗雄渾，於書無所不讀，所著有白雲庵詩集傳于世。

馮克寬、梁有慶、阮嶼、張時舉，皆其門下。中宗武皇帝崩，世祖使克寬密以國事訪謙，謙不答而私謂

其家人曰：今年播穀，宜擇舊植。寬悟，歸告太王，迎英宗峻皇帝立之。端國公阮潢母范氏所居，與謙接壤，使人問以後計。謙默然良久，軒前有假山，群蟻方緣石而行，謙目蟻笑曰：橫山一帶，足以保身。使者具以告，潢始決計入順化。

有裴中行者，謙門人，年七十，猶落魄，謙嘗言晚年當貴，裴心疑之。一日謙使泛舟洪潭，告之曰：遇異嫗者載之歸。乃明廣東總兵官母也。未幾有客移責莫主尋訪。裴以獻，受重賞，後累官至韜國公。術數之精類此。清鄔黑使回，稱我國理學有程泉。說鈴書所記，亦有取焉。

PHIÊN ÂM:

NGUYỄN BÌNH KHIÊM

Nguyễn Bình Khiêm, Vĩnh Lại Trung Am nhân, tổ Văn Tĩnh, tinh địa học, đắc Cao Biên kiêm ký, thủy bốc cư kỳ địa. Phụ Văn Định, hiệu Cù Xuyên tiên sinh, hữu học hạnh, sung Thái học sinh. Bình Khiêm sinh hữu dị tướng, vị chu tuế năng ngôn. Hốt nhất nhật viết: Đông phương nhật xuất. Phụ thậm kỳ chi. Thiếu thời dục giang biên, hữu thuật giả kiến chi viết: Vương, cập tế thị chi viết: Hận bì thô, đương vị cực nhân thân nhĩ. Ký trưởng, tòng Lương Đắc Bằng thụ nghiệp, đắc sở truyền Thái Ất thần kinh ư minh Lãng Lãng Vương Nhữ Hốt chi hậu (Đắc

Bằng sứ Minh, học đặc cơ kỳ thuật) toại tinh ư số học. Vũ dương hoa phúc, vô bất suy toán tiên tri.

Quang Thiệu Thống Nguyên gian, binh loạn, ẩn cư bất khởi. Mạc soán hậu, thân bằng khuyến chi sĩ, niên tứ thập tứ, thuỷ tộ Hương cử, lãnh Giải nguyên. Mạc Đại Chính lục niên, Ất Vị khoa niên tứ thập ngũ, thí Lễ bộ tứ trường, tinh chỉ nhất, đình đối trạc thượng đẳng, báí Đông các Hiệu thư, thiên Lại bộ Hữu thị lang, Đông các đại học sĩ. Tại triều bát niên, sở trăm lộng thân thập bát nhân, tế Phạm Dao giả Quỳnh chi tử, dĩ liêm xảo đắc hạnh. Khiêm tri tất giai hoa, khủng luy liên nhân. Quảng Hoà nhị niên (Mạc Phúc Hải niên hiệu) thác bệnh tri sĩ, thời niên ngũ thập nhị.

Ký quy hữu, trúc Bạch Vân am, Trung Tân quán, tuế thời du khế, bi ư quán chi tả minh chi, kỳ lược viết: Quý tắc kiều chí, phú dữ xỉ kỳ. Duy hoá thị tử, như công như si. Vi thiện chi đoan, thực khuếch nhi suy. Quán danh Trung Tân, nghĩa tứ thủ tư. trung tức kỳ thiện, tân tức kỳ quy. Tri chỉ hữu định, tháo thứ bất ly. Cái thủ toàn thiện vi trung, tri chỉ vi tân chi nghĩa.

Sở cư cảnh nội, sơn hải kỳ tịch chi xứ, vô bất huê thương ngâm vịnh. Mạc dĩ sự lễ sự chi, quốc hữu đại sự, triếp khiển sứ tộ phòng, thời trưng chí kinh, nghị sự bãi, phục hồi am. Vĩnh Định sơ (Mạc Phúc Nguyên niên hiệu) phong Trình Tuyên hầu, lữ thăng Lại bộ Thượng thư, Trình quốc công.

Thời Trịnh Thế Tổ Minh Khang Thái Vương, tôn phù Trang Tông Dụ Hoàng Đế, tức vị ư Mã Giang, binh thế sảo chấn. Mạc Trang nguyên Nguyễn Thiển, dữ kỳ tử Quyện hàng Thanh Hoa binh thủ Thiên Trường, sở xuất binh công lược. Mậu Hợp hoạn chi, dĩ vấn Khiêm. Khiêm dữ thanh hữu cừu, Quyện tặng cấp kỳ môn, nhân thỉnh dĩ tráng sĩ bách

nhân, tiên phục Thiên Trường giang ngàn bắc, Khiêm độc thừa tiểu chu phóng Quyện doanh, ước lai chu tự cứu, tiểu hàm tạt điệu nhi bắc, phục binh tốt khởi, nhân dụ Quyện hàng, huê quy Mạc.

Khiêm vương Kính Diễn, công Thần Phù, Thế Tổ Thái vương kích bại chi, di binh lược Sơn Nam Kinh Bắc, Mậu Hợp sử nhân vấn kế ư Khiêm, Khiêm viết: Binh pháp hư hư thực thực, thỉnh ư diên giang thực kỳ xí vi nghị binh, nhi dĩ nhất chi kỳ binh, xuất kỳ hạ lưu, đoạn tây binh chi hậu. Mậu Hợp dụng kỳ kế, Thế Tổ binh chí Đại Hoàng giang, văn hữu bị bất tiến, sử trình chi, giai hư kỳ quải thụ, nãi khu binh tiền tiến lãnh trì. Mạc khinh binh tiêm xuất Vị Hoàng giang khẩu, xu Lục Bộ giang, tắc tây binh quy lộ. Thế Tổ tri trúng kế, cấp trùu binh xu Thần Phù Đầu hải môn, thủ lộ hồi Thanh Hoa, Mạc cảnh sảo ninh.

Diên Thành bát niên tốt, niên cửu thập ngũ, học giả truy xưng vi Tuyết Giang phu tử. Khiêm tạt cách, Mậu Hợp sử vấn quốc sự, dẫn viết: Tha nhật quốc hữu sự cố, Cao Bình tuy tiểu, khả diên số thế phúc, dư vô sở ngôn.

Bình sinh vi văn điển lệ hùng hồn, ư thư vô sở bất độc, sở trước hữu Bạch Vân am thi tập truyền vu thế.

Phùng Khắc Khoan, Lương Hữu Khánh, Nguyễn Dữ, Trương Thời Cử, giai kỳ môn hạ. Trung Tông Vũ hoàng đế băng, Thế Tổ sử Khắc Khoan mật dĩ quốc sự phỏng Khiêm, Khiêm bất đáp nhi tư vị kỳ gia nhân viết: Kim niên bá cốc, nghị trạch cứu trắc. Khoan ngô, quy cáo Thái vương, nghênh Anh Tông Tuấn hoàng đế lập chi. Đoan quốc công Nguyễn Hoàng mẫu Phạm thị sở cư, dĩ Khiêm tiếp nhượng, sử nhân vấn dĩ hậu kế. Khiêm mặc nhiên lương cửu, hiên tiền hữu giả sơn, quân nghị phương duyên thạch nhi hành, Khiêm mục nghị tiểu viết: Hoành Sơn

nhất đại, túc dĩ bảo thân. Sứ giả cụ dĩ cáo, Hoàng thuỷ quyết kế nhập Thuận Hoá.

Hữu Bùi Trung Hành giả, Khiêm môn nhân, niên thất thập, do lạc phách, Khiêm thường ngôn văn niên đương quý, Bùi tâm nghi chi. Nhất nhật Khiêm sử phiếm chu Hồng đàm, cáo chi viết: Ngộ dị ấu giả tải chi quy. Nãi Minh Quảng Đông Tổng binh quan mẫu dã. Vị cơ hữu khách di trách Mạc chúa tâm phỏng. Bùi dĩ hiến, thụ trọng thưởng, hậu lữ quan chí Thao quốc công. Thuật số chi tinh loại thử. Thanh Ô Hắc sứ hồi, xưng ngã quốc lý học hữu Trình Tuyên. Thuyết Kiêm thư sở ký, diệc hữu thủ yên.

DỊCH NGHĨA:

4. NGUYỄN BÌNH KHIÊM

Nguyễn Bình Khiêm, người Trung Am, huyện Vĩnh Lại, ông nội là Văn Tĩnh, giỏi địa lý, được lời kiếm ký của Cao Biền, nên chọn đến ở nơi này. Cha là Văn Định, hiệu Cù Xuyên tiên sinh, có học hạnh, sung vào Thái học sinh. Bình Khiêm sinh ra đã có tướng lạ, chưa đầy tuổi đã biết nói. Bỗng một hôm nói: “Mặt trời mọc ở đằng đông.” Cha rất lấy làm lạ. Lúc nhỏ tắm ở bên sông, có nhà thuật tướng trông thấy nói: “Ông Vương,” khi nhìn kỹ lại nói: “Tiếc vì nổi da thô nên chỉ làm đến bề tôi cực phẩm thôi.” Lớn lên, theo học cụ Lương Đắc Bằng, được truyền cho khoa *Thái ất thần kinh* của Lãng Lãng Vương là con cháu đời sau của Nhữ Hốt nhà Minh (Đắc Bằng đi sứ nhà Minh, học được thuật này), rồi trở thành người tinh thông môn thuật số. Việc mưa, nắng, may, rủi, không điều gì là không suy tính mà biết trước được.

Khoảng niên hiệu Quang Thiệu (1516 - 1522), Thống Nguyên (1522 - 1527), gặp lúc binh loạn ông ở ẩn không lộ diện. Sau khi Mạc

thoán ngôi bạn bè thân thiết khuyên ông ra làm quan. Năm 44 tuổi, mới ra thi hương, đỗ giải nguyên. Năm Mạc Đại Chính thứ 6 (1535), khoa át Mùi, ông đã 45 tuổi, thi hội bốn trường, đều đứng đầu bảng thi đình đoạt giải nhất, được cử làm Đông các hiệu thư, thăng Lại bộ Hữu thị lang, Đông các đại học sĩ. ở triều 8 năm, dâng sớ xin chém 18 bề tôi lộng hành. Con rể là Phạm Dao, con Phạm Quỳnh, vì nham hiểm khéo léo được vua yêu. Bình Khiêm biết át có mối họa, e rằng liên lụy đến thông gia, nên năm Quảng Hoà thứ 2 (1542) (niên hiệu của Mạc Phúc Hải) vin cớ ốm xin trí sĩ, khi đó mới 52 tuổi.

Sau khi về, ông cho dựng am Bạch Vân, quán Trung Tân để năm tháng nghỉ ngơi. Lại làm bài văn bia khắc bên trái quán, đại lược nói rằng: Quý hiển thì kiêu căng, giàu sang thì xa xỉ. Chỉ ý vào của cải thì như ngây dại điên rồ. Đầu mối của việc thiện, ai biết thì rộng suy. Tên quán là Trung Tân, nghĩa lấy ở đấy. Trung tức là thiện, Tân tức là về. Biết dừng có chủ định, thì dù có kẻ gây sự cũng không xa lìa được. Đại thể, lấy cái toàn thiện làm lẽ “trung,” biết dừng làm nghĩa của bốn dậu.

Nơi ông ở, là những chỗ núi sông kỳ lạ vắng vẻ, chẳng chỗ nào không có bầu rượu, túi thơ. Nhà Mạc lấy đạo thầy đối xử với ông. Nước có đại sự, liền sai người đến hỏi. Có khi mời về kinh, bàn việc xong, lại trở về am. Niên hiệu Vĩnh Định năm đầu (1547) (niên hiệu của Mạc Phúc Nguyên), được phong làm Trình Tuyên hầu, dần dần thăng tới Lại bộ Thượng thư, Trình Quốc công.

Khi ấy Trịnh Thế tổ Minh Khang Thái Vương (Trịnh Kiểm) tôn phò Trang Công Dụ Hoàng đế (1533 - 1548) lên ngôi ở sông Mã, thanh thế quân đội nổi dân. Trạng nguyên nhà Mạc là Nguyễn Thiến cùng với con là Quyện đầu hàng quân Thanh Hoa, đóng quân giữ Thiên Trường,

đã mấy lần đem quân đánh lấn ra. Mậu Hợp lo lắng, đến hỏi Khiêm. Khiêm và Thiến vốn là bạn cũ, Quyện từng học với ông. Nhân xin một trăm lính khoẻ mạnh phục ở bờ bắc sông Thiên Trường, Khiêm một mình ngồi thuyền nhỏ đến thăm doanh trại Quyện, hẹn đến thuyền nói chuyện cũ. Uống say, chèo nhanh thuyền về bờ bắc, quân mai phục vụt xông ra, ông nhân đó dụ Quyện hàng, đưa về Mạc.

Lại khi vua Mạc Kính Điển đánh cửa Thần Phù, bị Thế Tổ Thái Vương đánh bại, rồi chuyển quân đánh lên Sơn Nam, Kinh Bắc, Mậu Hợp sai người đến Khiêm hỏi kế, Khiêm trả lời: Phép dùng binh hư hư, thực thực, xin cấm cò ở bờ sông làm nghi binh, rồi lấy một đội kỳ binh xuống hạ lưu cắt đứt phía sau Tây binh.⁽¹⁾ Mậu Hợp dùng kế đó, quân Thế Tổ tới sông Đại Hoàng, thấy có phòng bị, nên không tiến lên nữa, sai người trinh sát thấy đều là cò giả cắm trên cây, liền thúc quân tiến lên Lãm Trì. Quân tinh nhuệ của Mạc ngấm ra cửa sông Vị Hoàng, nhanh tới sông Lục Bộ chặn đường về của Tây binh. Thế Tổ biết bị trúng kế, vội rút quân mau về Thần Phù ra cửa biển, đi tắt về Thanh Hoa, vùng đất nhà Mạc hơi yên.

Năm Diên Thành thứ 8 (1585), ông mất, thọ 95 tuổi. Học trò truy xưng Tuyết Giang phu tử. Khi Khiêm ốm nặng, Mậu Hợp sai người đến hỏi việc nước, chỉ nói rằng: “Sau này nước nhà có sự biến, Cao Bằng tuy nhỏ, có thể kéo dài hưởng phúc được vài đời.” Ngoài ra không nói gì thêm.

Lúc sống, văn chương diễn lễ mẫu mực hùng hồn, sách vở không quyển nào không đọc. Trước tác, có tập thơ *Bạch Vân am* lưu truyền ở đời. Phùng Khắc Khoan, Lương Hữu Khánh, Nguyễn Dữ, Trương Thời

Cử đều là học trò giỏi của ông. Trung Tông Vũ Hoàng đế (1549 - 1556) mất, Thế Tổ sai Khắc Khoan đem việc nước mật hỏi Khiêm, Khiêm không trả lời mà nói riêng với người nhà rằng: “Năm nay vãi mạ nên chọn giống cũ.” Khoan hiểu ý, về thưa với Thái Vương, Thái Vương đón Anh Tông Tuấn Hoàng đế (1557 - 1573) lập lên ngôi.

Do chỗ ở của bà Phạm thị, mẹ Doan quốc công Nguyễn Hoàng sát kê nhà Khiêm, Hoàng sai người đến hỏi kế sau này. Khiêm làm thỉnh hồi lâu, nhân trước hiên có hòn non bộ, đàn kiến đương men đá mà đi, Khiêm nhìn đàn kiến, cười nói: “Một dải Hoành Sơn, đủ để giữ mình.” Sứ giả về thưa hết chuyện, Hoàng mới quyết kế vào Thuận Hoá.

Có người tên là Bùi Trung Hành, là học trò của Khiêm, đã 70 tuổi vẫn còn long đong. Khiêm từng nói: Cuối đời sẽ quý hiển. Bùi vẫn nghi ngờ trong lòng. Một hôm, Khiêm sai bơi thuyền trên đầm Hồng, dặn rằng, hễ gặp bà già lạ thì đưa họ về. Thì ra là mẹ của quan Tổng binh Quảng Đông nhà Minh. Không bao lâu có giấy tư đòi chúa Mạc tìm giúp. Bùi đưa bà già ấy lên, được nhận trọng thưởng. Sau làm quan đến Thao quốc công. Thuật số của ông tinh thông như vậy đó. Sứ nhà Thanh là Ô Hắc khi đi sứ về khen rằng: Lý số nước ta có Trình Tuyền. Sự ghi chép trong sách *Thuyết kiểm*⁽²⁾ cũng có điều khả thủ.

CHÚ THÍCH:

1. Tây binh: Chỉ quân đội Lê Trịnh, vì lúc này nhà Lê lên ngôi ở Thanh Hoa (Tây đô).

2. Tên một quyển sách do Ưông Uyển nhà Thanh soạn, ghi việc về những danh nhân cùng thời.

5.阮德貞

阮德貞，青林安界人，生而穎悟。爲兒時從母，客有過者，出對曰：

小兒隨父母。

即應曰：

大德配乾坤。

及長，學問該博，從學陳益發之門，與武傑、陳崇穎齊名。光順癸未科榜眼，同榜梁世榮、郭廷寶，皆有時望。賜黃榜日，淳皇帝御製聯云：

狀元梁世榮

榜眼阮德貞

探花郭廷寶

天下共知名

累遷都御使，奉使死國事，贈尚書。

PHIÊN ÂM:

NGUYỄN ĐỨC TRINH

*Nguyễn Đức Trinh, Thanh Lâm An Giới nhân, sinh nhi dĩnh
ngộ. vì nhi thời tòng mẫu, khách hữu quá giả, xuất đôi viết:*

Tiểu nhi tùy phụ mẫu.

Tức ứng viết:

Đại đức phối càn khôn.

Cập trưởng, học vấn cai bác, tông học Trần Ích Phát chi môn, dữ Vũ Kiệt, Trần Sùng Dĩnh tề danh. Quang Thuận Quý Vị khoa Bảng nhãn, đồng bảng Lương Thế Vinh, Quách Đình Bảo, giai hữu thời vọng. Tứ Hoàng bảng nhật, Thuần Hoàng Đế ngự chế liên vân:

Trạng nguyên Lương Thế Vinh,

Bảng nhãn Nguyễn Đức Trinh.

Thám hoa Quách Đình Bảo,

Thiên hạ cộng tri danh.

Luỹ thiên Đô ngự sử, phụng sứ tử quốc sự, tặng Thượng thư.

DỊCH NGHĨA:

5. NGUYỄN ĐỨC TRINH

Nguyễn Đức Trinh, người làng An Giới, huyện Thanh Lâm, sinh ra đã đình ngộ. Lúc còn bé theo mẹ, có người khách đi qua, ra câu đối:

Tiểu nhi tùy phụ mẫu (Con trẻ theo cha mẹ).

Ông liền đối lại:

Đại đức phối càn khôn (Đức lớn sánh đất trời).

Khi lớn khôn, học vấn sâu rộng, theo học Trần Ích Phát, sánh ngang với Vũ Kiệt, Trần Sùng Dĩnh.⁽¹⁾ Đậu bảng nhãn khoa Quý Mùi niên hiệu Quang Thuận (1463), đỗ cùng bảng Lương Thế Vinh, Quách

Đình Bảo, đều có danh vọng thời đó. Ngày ban bảng vàng, Thuần Hoàng để tự tay làm câu đối rằng:

Trạng nguyên Lương Thế Vinh,

Bảng nhãn Nguyễn Đức Trinh.

Thám hoa Quách Đình Bảo,

Thiên hạ đều biết tên.

Dân thăng chức Đô ngự sử. Vâng mệnh di sứ, chết vì việc nước, tặng Thượng thư.

CHÚ THÍCH:

1. Vũ Kiệt, Trần Sùng Dĩnh: Trạng nguyên đời Lê cũng là học trò Trần Ích Phát.

6.阮全安

阮全安至靈時舉人，篤志好學，爲文富麗，尤長於國音。年二十未入庠，洪德間，選壯充軍，名隸兵籍，爲力士，更宿前殿，會中秋夜，百官入朝，月色昏暄，御題中秋無月詩，用國音.....

PHIÊN ÂM:

NGUYỄN TOÀN AN

Nguyễn Toàn An Chí Linh Thời Cử nhân, đốc chí hiếu học, vì văn phú lệ, ưu trưởng ư Quốc âm. Niên nhị thập vị nhập tường,

*Hồng Đức gian, tuyển tráng sung quân, danh lệ binh tịch, vi lực sĩ,
cánh túc tiền điện, hội trung thu dạ, bách quan nhập triều, nguyệt
sắc hôn ế, ngự đề trung thu vô nguyệt thi, dụng Quốc âm*

DỊCH NGHĨA:

6. NGUYỄN TOÀN AN

Nguyễn Toàn An, người làng Thời Cử, huyện Chí Linh, ông luôn dốc chí học hành, văn chương giàu hình ảnh phong phú, ý đẹp lời hay, rất giỏi về quốc âm. Năm 20 tuổi chưa đến trường học, khoảng niên hiệu Hồng Đức (1470 - 1497), tuyển đình tráng sung quân, làm lực sĩ túc trực trước điện, gặp đêm trung thu, trăm quan vào chầu bóng trăng mờ tối, vua làm thơ “Đêm trung thu không có trăng,” ông làm bài thơ bằng quốc âm họa lại.....

PHỤ LỤC
NGÔ GIA THỂ PHẢ

附錄

吳家世譜

LỜI GIỚI THIỆU

Ngô gia thế phả hiện còn một bản duy nhất, ký hiệu Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm VHV.1345, gồm 67 tờ, tờ 18 dòng, dòng 22 chữ, viết theo lối đá thảo, khó xem. Sách do Ngô Giáp Đậu, theo phả hệ, thuộc đời thứ 16, gọi Ngô Thì Nhậm (đời thứ 13) là cụ biên soạn. Ngô Giáp Đậu sinh năm Quý Sửu niên hiệu Tự Đức thứ 6 (1853), đỗ Cử nhân khoa Tân Mão niên hiệu Thành Thái thứ 3 (1891). Sau khi đỗ Cử nhân, Ngô Giáp Đậu được bổ làm Tri huyện huyện An Lạc, và biên soạn *Ngô gia thế phả* trong thời gian này.

Ngô gia thế phả được biên soạn là dựa trên cơ sở của quyển gia phả cũ do Ngô Thì Sĩ soạn vào năm Ất Hợi niên hiệu Cảnh Hưng thứ 16 (1755); vào lời truyền văn về nguồn gốc họ Ngô của Trưng Phủ công, tức Ngô Thì Du (1772 – 1840) giữ chức Học chính Hải Dương, là em con ông chú (Ngô Tường Đạo) Ngô Thì Nhậm; vào từng thư *Ngô gia văn phái* do Ngô Thì Điển biên soạn; vào *An Nam nhất thống chí* (7 hồi) của Ngô Thì Chí; vào Truy Viễn đàn v.v... cùng với những lời truyền tụng của những người trong làng, trong họ về đức hạnh cũng như học hạnh của các bậc tiền bối thuộc dòng họ mình. Chính vì thế *Ngô gia thế phả* được biên soạn với những tình tiết khá sinh động, viết theo lối kể chuyện hấp dẫn.

Ngô gia thế phả không những cho biết khá tường tận về cuộc đời và sự nghiệp của Ngô Thì Nhậm, của người cha Ngô Thì Sĩ, mà hành trạng của những tác giả trong từng thư *Ngô gia văn phái*, thuộc dòng họ Ngô Thì, tức là những anh em thân thích của Ngô Thì Nhậm cũng được ghi chép khá đầy đủ.

Ngô gia thế phả ghi chép được 15 đời, đời nào cũng thấy có người đỗ đạt, làm quan trong triều hay ngoài nội. Nhưng nổi trội nhất là vào đời thứ 12 với Ngô Phong (Ngô Thì Sĩ) và Văn Túc (Ngô Thì Đạo), và đời thứ 13 với Hy Doãn (Ngô Thì Nhậm), Học Tồn (Ngô Thì Chí), Dương Hạo (Ngô Thì Trí), Huyền Trai (Ngô Thì Hoàng), Ước Trai (Ngô Thì Hương), Văn Bác (Ngô Thì Du). Các vị trên đây có vị đỗ đạt làm quan đời Lê, có vị đỗ đạt làm quan đời Nguyễn. Như:

Ngô Phong (Ngô Thì Sĩ) Từ một anh nho sĩ nghèo, do nỗ lực bản thân mà đỗ Hoàng giáp khoa Bính Tuất niên hiệu Cảnh Hưng thứ 27 (1766). Ông được chúa Trịnh Sâm mến phục cho đi làm quan ở ngoài hết Thanh Hoá lại Nghệ An, rồi qua đời khi đang làm Đốc trấn Lạng Sơn... Ngô Thì Sĩ tính tình phóng khoáng, thích ngao du sơn thủy, khi chơi ở núi Dục Thuý (Ninh Bình) thì khắc vào vách đá cao “Vũ trụ dĩ lai” (Từ khi có vũ trụ đã có), khi ở Thanh Hoá thì mở “Quan lan sào” (ổ ngắm sóng), ở Lạng Sơn mở động Nhị Thanh, khắc tượng mình trong đó... Trong *Ngô gia thế phả* ghi hành trạng của ông một cách tóm lược, theo *Hào môn ai lục* của Ngô Thì Nhậm, thì cha mình có ba người vợ. Người vợ cả sinh ra Ngô Thì Nhậm, Ngô Thì Chí rồi qua đời. Người vợ thứ hai sinh ra Ngô Thì Trí, Ngô Thì Hoàng, Ngô Thì Hương rồi cũng qua đời. Người vợ thứ ba sinh được một trai mất sớm, một gái còn nhỏ rồi cũng qua đời. Tất cả việc thuốc thang chạy chữa, lo tang ma của mẹ mình và hai bà mẹ kế đều do Ngô Thì Nhậm lo toan. Vì Những khi sự việc xảy ra, Ngô Thì Sĩ đều làm quan ở nơi xa, hoặc đã mất.

Văn Túc (Ngô Thì Đạo), là em Ngô Thì Sĩ, Ngô Thì Nhậm phải gọi bằng chú ruột, đỗ Giải nguyên khoa Hoàn từ, khoa Đinh Sửu niên hiệu Cảnh Hưng thứ 18 (1757), được bổ Tri huyện huyện Thụy Anh (Thái Bình). Bốn năm sau được bổ chức Đại lý tự thừa, rồi lại được bổ

làm Tri phủ Anh Sơn (Nghệ An). Đến năm Bính Thân ông trúng cách trong kỳ khảo khoa, lẽ ra được thăng chức Hiến sát sứ Sơn Tây, nhưng vì có một số người ghen ghét tìm cách ngăn cản, việc đành xếp bỏ. Đến năm Nhâm Dần (1782), xảy ra loạn kiêu binh, ông được chỉ thăng làm Hiến sát sứ Kinh Bắc, kiêu binh không dám vượt sông sang quấy rối, cả hai mươi huyện trong trấn đều được bình yên. Khi Tây Sơn đánh ra Bắc, ông lẩn trốn ở vùng Kim Bảng, Nam Chân (Hà Nam). Sau ông không ra làm quan cho nhà Tây Sơn, mặc dù Trần Văn Kỷ có ý nài ép.

Học Tốn (Ngô Thì Chí), là em trai thứ 2 Ngô Thì Nhậm, đỗ Á nguyên hương tiến, làm quan đến Thiêm thư bình chương sự, khi Lê Chiêu Thống chạy trốn, ông cùng đi theo đến chí Chí Linh (nay Hải Dương), dâng lên vua bản “Trung hưng sách,” bày tỏ cách thức khôi phục lại nhà Lê, tình nguyện giúp nhà vua để thực thi, nhưng không bao lâu ốm chết.

Dưỡng Hạo (Ngô Thì Trứ), là em trai thứ 3 Ngô Thì Nhậm, giữ chức Hữu thị lang Bộ Hộ, được phong tước hầu (Bính Phong hầu). Gia phả không ghi đỗ đạt, năm sinh năm mất.

Huyền Trai (Ngô Thì Hoàng), là em trai thứ 4 của Ngô Thì Nhậm. Dưới thời Tây Sơn khoa cử bị hạn chế, Huyền Trai phải theo Ngô Thì Nhậm đi ở chùa tại phường Bích Câu, mãi tới khoa Đinh Mão niên hiệu Gia Long thứ 6 (1807) mới được đi thi và đỗ Tú tài. Vì ông có một thời gian đi tu, nên trong làng trong họ, thường gọi là Tú chùa.

Ước Trai (Ngô Thì Hương) (sau đổi tên là Ngô Thì Vị), trong *Ngô gia thế phả* chỉ ghi được bổ chức Tham tri Bộ Lại (tòng nhị phẩm), nhưng theo *Đại Nam thực lục* ông được vua Gia Long bổ chức Thiêm sự Bộ Lại (Chánh ngũ phẩm), lần đầu được cử đi sứ triều cống nhà Thanh, với chức Phó sứ thứ hai. Lần ấy ông có tập thơ đi sứ *Mai dịch tu dư*, trong đó có câu thơ khá nổi tiếng:

Việt Nam sử giả Ngô Thì Vị,

Đấu đàn đề thi ký thử du.

(Sử giả Việt Nam Ngô Thì Vị,

Lớn mật đề thơ ghi chuyến đi này).

Nhưng lần đi sứ thứ hai, với chức Chánh sứ, sang nhà Thanh cầu phong cho Minh Mệnh, vừa mới qua Nam Quan, đến địa giới huyện Vĩnh Thuận, phủ Nam Ninh, tỉnh Quảng Tây thì mất...

Ngô gia thế phả còn cho thấy vào cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, Nho học đang dần dần tàn lụi. Điều này được phản ánh trong gia đình Ngô Giáp Đậu: Con trai cả của ông phải vừa học chữ Nho vừa học chữ Pháp để mưu sinh sau này, còn ông chắt vạt với nghề gõ đầu trẻ ở các làng quê, nhưng vẫn không đủ sống, tất cả đều nhờ vào bàn tay tảo tần của người vợ. Sau khi đỗ Cử nhân, được bổ Tri huyện, cuộc sống đỡ vất vả hơn thì hết con chết lại vợ cũng qua đời, ông rất đau xót thổ lộ tình cảm của mình qua những vần thơ chép trong phần Tục biên của *Thế phả*.

Ngô gia thế phả cho thấy họ Ngô Thì ở Tả Thanh Oai là một danh gia vọng tộc, bước sang triều Nguyễn dòng họ dần dần sa sút, và càng sa sút hơn khi người Pháp bắt đầu đặt ách cai trị ở nước ta./.

吳家世譜

宗統傳聞

曾祖叔海陽學政徵甫公著

我吳之先杞、宋無徵其詳，不可聞也。粵自邑於青威迄今十三世，四百餘年，顯有世次宗圖可考。近有同姓自粵東來，攜其譜示之，譜之引有曰：“吳氏之先寔自姬姓。昔泰伯讓國，亡之荆蠻，後爲勾吳，故以吳爲姓。粵之南有姓吳者，皆其苗裔也。

某竊思之，生民之初，天地父母，一本雙幹，千兒萬孫，得姓立宗始岐之爲兆爲億。然其世本相承，如契之後爲商，稷之後爲周，微子之後爲魯孔氏，確有可據，夫孰曰不然。若陳之溯於姚虞呂之繫乎姜尚。

唐人立老子之廟，郭崇韜拜子儀之墓，堪輿記謂太祖是朱考亭之後，傳聞不的，冒異爲同，以是見哂於人。則不若狄武襄不敢自負於梁公，而卻其遺像之爲是也。

本國之姓吳者，石河之爪牙，東城之理齋，安定之同滂，彰德之芝泥、祝里，南真之沛陽、百姓，東岸之錦章、三山，安豐之望月，唐豪之夫衛，慈廉之羅溪，與同邑之祖市，皆世家望族，代有登大科，爲名臣。其譜某皆得觀，有序、有志、有引、有例、有跋、有贊，宗派之自出，事蹟之廣記，往往傳於博聞諸君子，而皆說不及此。

惟先兄達軒公，使燕時，歸言過潯陽城有吳大人者，亦爲此說。今復見於粵東來客，意者吳粵之人，相傳有是言耶？文獻之國，載籍有明徵耶？如韓信子孫遷南越者，用韓之半爲韋姓，富弼子孫徙閩建者襲封之號爲鄭姓。

本國陳登子孫，轉陳之阜作邑，合與登字爲鄧姓。其事不可得而知也，故姑存之，以俟後之有再使燕者，以事質諸中華大方，求其文籍，有顯證者爲之按。

皇越明命九年戊子春分二月中。

PHIÊN ÂM:

TÔNG THÔNG TRUYỀN VĂN

TÀNG TỔ THỨC HẢI DƯƠNG HỌC CHÍNH TRUNG PHỦ CÔNG TRƯỚC

Ngã Ngô chi tiên Kỷ, Tống vô trưng kỳ tường, bất khả văn dã.

Việt tự áp ư Thanh Uy hất kim thập tam thế, tứ bách dư niên, hiển hữu thế thứ tông đồ khả khảo. Cận hữu đồng tính tự Việt Đông lai, huê kỳ phả kỳ thị chi, phả chi dẫn hữu viết: Ngô thị chi tiên thực tự Cơ tính. Tích Thái Bá nhượng quốc, vong chi Kinh Man, hậu vi Câu Ngô, cố dĩ Ngô vi tính. Việt chi nam hữu tính Ngô giả, giai kỳ miêu duệ dã.

Mỗ thiết tư chi, sinh dân chi sơ, thiên địa phụ mẫu, nhất bản song cán, thiên nhi vạn tôn, đắc tính lập tông thủy kỳ chi vi triệu vi ức. Nhiên kỳ thế bản tương thừa, như Khiết chi hậu vi Thương, Tắc chi hậu vi Chu, Vi Tử chi hậu vi Lỗ Khổng thị, xác hữu khả cứ, phù thực viết bất nhiên. Nhược Trần chi tổ ư Diêu Ngưu Lã chi hệ kích hồ Khương Thương.

Đường nhân lập Lão Tử chi miếu, Quách Sùng Thao bái Tử Nghi chi mộ, Kham dư ký vị Thái Tổ thị Chu Khảo Đình chi hậu, truyền văn bất đích, mạo dị vi đồng, dĩ thị kiến thần ư nhân. Tắc bất nhược Địch Vũ Tương bất cảm tự phụ ư Lương Công, nhi khước kỳ di tượng chi vi thị dã.

Bản quốc chi tính Ngô giả, Thạch Hà chi Trảo Nha, Đông Thành chi Lý Trai, An Định chi Đồng Bàng, Chương Đức chi Chi Nê, Chúc Lý Nam Chân chi Bái Dương Bách Tính, Đông Ngạn chi Cẩm Chương Tam Sơn, An Phong chi Vọng Nguyệt, Đường Hào chi Phù Vệ, Từ Liêm chi La Khê, dĩ đồng áp chi Tổ Thị, giai thế gia vọng tộc, đại hữu đẳng đại khoa, vi danh thần. Kỳ phả mỗ giai đắc quan, hữu tự, hữu chí, hữu dẫn, hữu lệ, hữu bạt, hữu tán, tông phái chi tự xuất, sự tích chi quảng ký, vãng vãng truyền ư bác văn chư quân tử, nhi giai thuyết bất cập thử.

Duy tiên huynh Đạt Hiên công, sử Yên thời, quy ngôn quá Tâm Dương thành hữu Ngô đại nhân giả, diệc vi thử thuyết. Kim phục kiến ư Việt Đông lai khách, ý giả Ngô Việt chi nhân, tương truyền hữu thị ngôn da? Văn hiến chi quốc, tái tịch hữu minh trưng da? Như Hàn Tín

tử tôn thiên Nam Việt giả, dụng Hàn chi bán vi vi tính, Phú Bất tử tôn tử Mân Kiến giả tập phong chi hiệu vi Trịnh tính.

Bản quốc Trần Đăng tử tôn, chuyển Trần chi phụ tác ấp, hợp dữ Đăng tự vi Đặng tính. Kỳ sự bất khả đắc nhi tri dã, cố cô tôn chi, dĩ sĩ hậu chi hữu tái sử Yên giả, dĩ sự chất chư Trung Hoa đại phương, cầu kỳ văn tịch, hữu hiển chứng giả vi chi án.

Hoàng Việt Minh Mệnh cửu niên Mậu Tý xuân phân nhị nguyệt trung.

DỊCH NGHĨA:

GHI LỜI TRUYỀN VĂN VỀ NGUỒN GỐC HỌ NGÔ

TẶNG TỔ THỨC

LĨNH CHÚC HỌC CHÍNH TỈNH HẢI DƯƠNG TRUNG PHÚ CÔNG SOẠN⁽¹⁾

Tổ tiên họ Ngô ta cũng như nước Kỳ², nước Tống⁽²⁾ về sự nổi dôi không ghi chép rõ ràng, nên không hay biết gì.

Họ Ngô ta kể từ khi dựng ấp ở Thanh Oai đến nay đã mười ba đời, trên bốn trăm năm, thế thứ tông đồ rõ ràng có thể khảo cứu được. Gần đây có người cùng họ từ Việt Đông⁽³⁾ đến chơi, cầm quyển gia phả cho xem, trong phả có ghi tổ tiên họ Ngô quả thực là họ Cơ.⁽⁴⁾ Ngày xưa Thái Bá nhường nước,⁽⁵⁾ trốn ra ở đất Kinh Man, sau tự hiệu là Câu Ngô, cho nên lấy Ngô làm họ. Phía nam đất Việt có họ Ngô đều là dòng dôi đó cả.

Tôi trộm nghĩ, loài người khi đầu sinh ra, cha trời mẹ đất, một gốc hai cành, sau này sinh con đẻ cháu có tới hàng ngàn hàng vạn, rồi lập họ đặt tông, lại chia ra đến hàng triệu hàng ức. Nhưng từ cái gốc hàng đời đó kể nối nhau, như dòng dôi ông Khiết⁽⁶⁾ là nhà Thương, dòng dôi ông Tắc⁽⁷⁾ là nhà Chu, hay họ Khổng ở nước Lỗ⁽⁸⁾ là con cháu ông Vi Tử, chúng có rõ ràng, ai bảo là không phải. Còn như họ Trần thì gốc là dòng dôi Diêu Ngu, họ Lã thì có từ ông Khương Thượng.

Đời Đường có người lập miếu thờ Lão Tử, Quách Sùng Thao vái mộ Tử Nghi và sách *Kham dư*⁽⁹⁾ chép Thái Tổ nhà Minh, là dòng dõi của Chu Khảo Đình, những lời truyền văn không đích thực, dám lấy sự khác biệt cho là giống nhau, như thế sẽ bị người đời cười chê. Vậy thì không bằng việc Dịch Vũ Tương không giám tự phụ với Lương Công mà khuốc từ việc nạn tượng để lại, là phải.

Họ Ngô ở nước ta, như làng Trảo Nha ở Thạch Hà, làng Lý Trai ở Đông Thành, làng Đồng Bàng ở Yên Định, làng Chi Nê làng Chúc Lý ở Chương Đức, làng Bái Thượng làng Bách Tính ở Nam Chấn, làng Tam Sơn làng Cẩm Chương ở Đông Ngàn, làng Vọng Nguyệt ở Yên Phong, làng Phù Vệ ở Đường Hào, làng La Khê ở Từ Liêm, cùng với làng Tổ Thị ở cùng ấp, đều là thế gia vọng tộc, đời nào cũng có người đỗ đại khoa, làm quan to. Những gia phả họ Ngô ở các làng đó tôi đều được xem, các gia phả ấy đều có tự, có chí, có lời dẫn, có phàm lệ, có lời bạt, có lời tán, nói rõ tông phái từ đâu, sự tích chép rất kỹ, luôn được các bậc quân tử học rộng lưu truyền, nhưng đều không nói đến mối liên quan giữa các họ Ngô như nêu trên.

Duy có anh ta xưa là Đạt Hiên công⁽¹⁰⁾ khi đi sứ Yên Kinh trở về, nói là khi đi qua thành Tầm Dương⁽¹¹⁾ có bậc đại nhân họ Ngô cũng nói tới thuyết đó. Nay lại nghe lời người khách Việt Đông, ngờ là người Ngô, người Việt truyền cho nhau có lời đó chẳng? Là nước có văn hiến thư tịch ghi chép có chỗ thiếu rõ ràng chẳng? Ví như con cháu Hàn Tín⁽¹²⁾ di cư sang Nam Việt, lấy một nửa chữ Hàn (韓) là chữ Vi (韋) làm họ; con cháu Phú Bật⁽¹³⁾ dời đến ở đất Mân Kiến⁽¹⁴⁾ lấy tước được tập phong⁽¹⁵⁾ gọi là họ Trịnh.

Nước ta con cháu Trần Đăng chuyển bộ Phụ (阜) trong chữ Trần (陳) làm bộ ấp (邑) hợp với chữ Đăng (登) làm thành họ Đặng (鄧). Việc đó không thể biết được, hãy để tồn nghi, đợi khi nào lại có người sang sứ Yên Kinh

đem sự việc ấy hỏi lại các bậc đại nhân Trung Hoa, tìm trong thư tịch, có chứng cứ rõ ràng, để làm chứng nghiệm.

Tháng 2, tiết xuân phân, năm Mậu Tý, niên hiệu Minh Mệnh thứ 9 (1828).

CHÚ THÍCH:

- 1.Trung Phủ Công: Tức Ngô Thì Du, em thứ Ngô Thì Nhậm.
- 2.Nước Kỳ: Là con cháu nhà Hạ, nước Tống là con cháu nhà Ân. Vì văn hoá và hiền tài không có chứng cứ ghi chép lại (*Luận ngữ*).
- 3.Việt Đông: Tức Quảng Đông ngày nay.
- 4.Họ Cơ: Tức họ của nhà Chu.
- 5.Thái Bá: Là con trưởng của Chu Thái Vương, từ chối không nhận ngôi vua mà nhường ngôi cho em là Quý Lịch, rồi trốn ra ở đất Kinh Man, tự hiệu là Câu Ngô. Dân ở đây cho là nghĩa khí, theo về hàng nghìn, rồi tôn làm Ngô Thái Bá.
- 6.Kiệt: Là ông tổ của nhà Thương, còn có tên gọi là Vũ.
- 7.Tắc: Là ông Hậu Tắc, con vua Đế Cốc, là vị tổ sinh ra họ Cơ nhà Chu.
- 8.Lỗ: Tên nước, quê Khổng Tử.
- 9.Sách Kham dư: Tức sách địa lý.
- 10.Đạt Hiên Công: Tên hiệu của Ngô Thì Nhậm.
- 11.Thành Tâm Dương: Thuộc huyện Cửu Giang, tỉnh Giang Tây.
- 12.Hàn Tín: Người Hoài Âm, giúp Cao Tổ dựng nghiệp nhà Hán. Sau bị Lã Hậu giết.
- 13.Phú Bật: Người Nam Tống, có công, được phong ở đất Trịnh.
- 14.Mân Kiến: Tức Phúc Kiến ngày nay.
- 15.Tập phong: Bố được phong tước, đời con đời cháu cũng được phong.

世譜總序

高祖午峰公著

予少年學古文，讀老蘇族譜引，慨然于古人之義庄，與天寧浮屠之敘族者，思得志爲之。既而閱家譜，自美德公爲太祖以前闕如也。

粵有人種以來，幾千百年，而知之及於十世，則夫譜之略也。美德傳弘毅，弘毅傳謹節，並不著旁親。迨福源福全分支，福源始爲本宗少祖。

蘇子所謂：其初兄弟也，支日分，屬日疏而各自宗其爲少祖。日多由夫期而功而總，總而至于祖免，以至于無哀，而喜慶憂卹，不相通，甚而邂逅不相知。於是有一事故爭，爭故鬥，鬥故訟，遂無所不至焉。此哀世風俗之薄也，豈惟風俗之薄哉！勢使之然也。

賢者不制于勢，而常自厚其風。故能九世同居，而無間言。常人日習既薄之風，而輒以勢自解。故尺布斗粟，至有不相容者，則兄弟亦非親矣，而何有於少祖與太祖。又何繫於譜哉。然則譜之所以作何也，重本也。

禮有大宗有小宗，大宗一，小宗四，有繼禰，而兄弟宗之者，有繼祖而同堂宗之者，有繼曾祖而再從宗之者，有繼高祖而三從宗之者。予於族是大宗之派，岐而爲小宗，從高而至于曾，予庶也。宗吾之祖禰則嫡也。宗之法曰：“凡嫡子而後得爲譜”。譜之作，所以重本也。抑古之君子，論譔其先祖之美，而明著之後世，則有鼎以銘焉，有祭器以銘焉。至于一善之可紀，一言之可錄，亦莫不有誌焉。吾吳於國爲望族，科甲縉紳，文物之盛，殆百年于今，而英偉俊爽，以世其美者，且相屬，夫非祖宗積善之餘慶耶。

謹按：自謹節公以後，世事刀筆，時耕時讀，率以善稱鄉里未顯也。間有吏途起家，其跡又微，故希傳。

本支自福延公生卓華先生，首士望。福全支自德富公生芝室先生，第宏詞。吏一變而儒，而吾族之文章，遂相繼名天下，然其簡樸渾雅之風，歷世不變也。至其婦德之卓然，則先慈、莊慈儀，近慈侍皆以青春寡，而貞苦之操，凜然冰霜。若夫莊潔提身，勤儉持家，則累世閭德，又皆歷歷可訟。蓋其基之培之，積

累之所從來者遠矣。傳曰：“先祖有善而不知，不明也，知而不傳，不仁也，君子之所恥也”。可以無譜也哉。

相傳家舊有譜一本甚詳，藏於族長，以廣公之亂失於盜，故自美德公以前，其屬籍不可考。迨卓榮公有廣記之作，亦不能悉也。今次自始祖自美德公至先考雪齋公，某公娶某氏，享年干卒日某，葬某處某山向，與其科途宦路之所抵，及年平之操行志向，生兒女干人，兒某其後爲某支，女略之。大都有德善聲名之可傳者傳之。不可知者闕之。其敘世紀族，略依蘇氏書法。

噫！讀家譜，而得禮治親之義焉。作家譜而得書追遠之道焉。治親則有上下與旁之隆殺，追遠則吾祖所自出者，莫非吾一本而萬殊，萬殊而皆一本。此吾作譜意也。然亦豈止是哉。君子之所謂孝者，國人稱願然曰，幸哉有子如此，修不已之善，而維必福之天，興將大之門，以裕無窮之址，此正予之所自勉者，後予子子孫孫，以引于千萬年，讀之繼而作者亦視此，是敘。

皇越景興十六年乙亥中秋。

PHIÊN ÂM:

THẾ PHẢ TỔNG TỰ

CAO TỔ NGỌ PHONG CÔNG TRƯỚC

Dư thiếu niên học cổ văn, độc Lão Tô tộc phả dẫn, khái nhiên vu cổ nhân chi nghĩa trang, dữ Thiên Ninh Phù Đồ chi tự tộc giả, tư đắc chí vi chi. Kỳ nhi duyệt gia phả, tự Mỹ Đức công vi Thái tổ dĩ tiền khuyết như dã.

Việt hữu nhân chủng dĩ lai, kỷ thiên bách niên, nhi tri chi cập ư thập thế, tắc phù phả chi lược dã. Mỹ Đức truyền Hoàng Nghi, Hoàng Nghi truyền Cẩn Tiết, tịnh bất trước bàng thân. Đãi Phúc Nguyên Phúc Toàn phân chi, Phúc Nguyên thuỷ vi bản tông Thiếu tổ.

Tô Tử sở vị: Kỳ sơ huynh đệ dã, chi nhật phân, thuộc nhật sơ nhi các tự tông kỳ vi Thiếu tổ. Nhật đa do phu kỳ nhi công nhi tư, tư nhi chí vu tổ miễn, dĩ chí vu vô ai, nhi hỷ khánh ưu tuất, bất tương thông, thậm nhi giải cấu bất tương tri. Ứ thị hữu sự cố tranh, tranh cố đấu, đấu cố tụng, toại vô sở bất chí yên. Thử ai thế phong tục chi bạc dã, khởi duy phong tục chi bạc tai! Thế sử chi nhiên dã.

Hiền giả bất chế vu thế, nhi thường tự hậu kỳ phong. Cố năng cứu thế đồng cư, nhi vô gián ngôn. Thường nhân nhật tập ký bạc chi phong, nhi triếp dĩ thế tự giải. Cố xích bố đầu lật, chí hữu bất tương dung giả, tắc huynh đệ diệp phi thân hỷ, nhi hà hữu ư thiếu tổ dữ thái tổ. Hựu hà hệ ư phả tai. Nhiên tắc phả chi sở tác hà dã, trọng bản dã.

Lễ hữu đại tông hữu tiểu tông, đại tông nhất, tiểu tông tứ, hữu kế nhĩ, nhi huynh đệ tông chi giả, hữu kế tổ nhi đồng đường tông chi giả, hữu kế Tằng tổ nhi tái tông tông chi giả, hữu kế Cao tổ nhi tam tông tông chi giả. Dư ư tộc thị đại tông chi phái, kỳ nhi vi tiểu tông, tông cao nhi chí vu tằng, dư thứ dã. Tông ngô chi tổ nhĩ tắc đích dã. Tông chi pháp viết: “Phàm đích tử nhi hậu đắc vi phả.” Phả chi tác, sở dĩ trọng bản dã. Ưc cổ chi quân

tử, luận soạn kỳ tiên tổ chi mỹ, nhi minh trước chi hậu thế, tắc hữu đỉnh dĩ minh yên, hữu tế khí dĩ minh yên. Chí vu nhất thiện chi khả kỷ, nhất ngôn chi khả lục, diệc mạc bất hữu chí yên. Ngô Ngô ư quốc vi vọng tộc, khoa giáp tấn thân, văn vật chi thịnh, đãi bách niên vu kim, nhi anh vĩ tuần sáng, dĩ thế kỳ mỹ giả, thả tương thuộc, phù phi tổ tông tích thiện chi dư khánh da.

Cẩn án: Tự Cẩn Tiết công dĩ hậu, thế sự đao bút, thời canh thời độc, suất dĩ thiện xứng hương lý vị hiển dã. Gian hữu Lại đồ khởi gia, kỳ tích hựu vi, cố hy truyền.

Bản chi tự Phúc Diên công sinh Trác Lao tiên sinh, thủ Sĩ vọng. Phúc Toàn chi tự Đức Phú công sinh Chi Thất tiên sinh, đệ Hoàn từ. Lại nhất biến nhi nho, nhi ngô tộc chi văn chương, toại tương kế danh thiên hạ, nhiên kỳ giản phác hồn nhĩ chi phong, lịch thế bất biến dã. Chí kỳ phụ đức chi trác nhiên, tắc Tiên Từ, Trang Từ Nghi, cận từ thị giai dĩ thanh xuân quả, nhi trình khổ chi thao, lẫm nhiên băng sương. Nhược phù trang khiết đề thân, cần kiệm trì gia, tắc lữ thế khốn đức, hựu giai lịch lịch khả tụng. Cái kỳ cơ chi bồi chi, tích lữ chi sở tông lai giả viễn hỹ. Truyện viết: “Tiên hữu thiện nhi bất tri, bất minh dã, tri nhi bất truyền, bất nhân dã, quân tử chi sở sĩ dã.” Khả dĩ vô phả dã tai.

Tương truyền gia cựu hữu phả nhất bản thậm tường, tàng ư tộc trường, dĩ Quảng Công chi loạn thất ư đạo, cố tự Mỹ Đức công dĩ tiên, kỳ thuộc tịch bất khả khảo. Đãi Trác Lao công hữu quảng ký chi tác, diệc bất năng tất dã. Kim thứ tự thủy tổ tự Mỹ Đức công chí Tiên khảo Tuyết Trai công, mỗ công thú mỗ thị, hưởng niên can tốt nhật mỗ, táng mỗ xứ mỗ sơn hướng, dĩ kỳ khoa đồ hoạn lộ chi sở để, cập niên bình chi thao hàng chí hướng, sinh nhi nữ can nhân, nhi mỗ kỳ hậu vi mỗ chi, nữ lược chi. Đại đô hữu đức thiện thanh danh chi khả truyền giả truyền chi. Bất khả tri giả khuyết chi. Kỳ tự thế kỷ tộc, lược y Tô thị thư pháp.

Y! Độc gia phả, nhi đắc Lễ trị thân chi nghĩa yên. Tác gia phả nhi đắc Thư Truy viễn chi đạo yên. Trị thân tắc hữu thượng hạ dữ bàng chi long sát, Truy viễn tắc ngô tổ sở tự xuất giả, mạc phi ngô nhất bản nhi vạn thù, vạn thù nhi giai nhất bản. Thử ngô tác phả ý dã. Nhiên diệc khởi chỉ thị tai. Quân tử chi sở vị hiếu giả, quốc nhân xưng nguyện nhiên viết, hạnh tai hữu tử như thử, tu bất dĩ chi thiện, nhi duy tất phúc chi thiên, hưng tương đại chi môn, dĩ dụ vô cùng chi chỉ, thử chính dư sở tự miễn giả, hậu dư tử tử tôn tôn, dĩ dẫn vu thiên vạn niên, độc chi kế nhi tác giả diệc thị thử, thị tự.

Hoàng Việt Cảnh Hưng thập lục niên Ất Hợi trung thu.

DỊCH NGHĨA:

BÀI TỰA TỔNG QUÁT VỀ THẾ PHẢ

CAO TỔ NGỌ PHONG CÔNG VIẾT

Ta thuở nhỏ học cổ văn, đọc lời dẫn trong cuốn sách Tộc phả của ông Lão Tô, rất lấy làm cảm phục nghĩa trang trọng của người xưa và bài tự thuật về dòng họ trên tháp Phù Đồ ở Thiên Ninh, ý cũng muốn làm theo như thế. Nhưng rồi xem qua gia phả của nhà mình, từ cụ Mỹ Đức là Thái tổ trở về trước thì thiếu mất cả.

Từ khi có loài người tới nay, đã gần ngàn trăm năm, mà chỉ biết có mười đời, thế thì sự ghi chép sơ sài quá. Từ cụ Mỹ Đức đến cụ Hoàng Nghị, từ cụ Hoàng Nghị đến cụ Cẩn Tiết, đều không ghi bàng thân. Đến các cụ Phúc Nguyên, Phúc Toàn chia các chi ra, thì cụ Phúc Nguyên là Thiếu tổ của dòng họ ta.

Tô Tử nói rằng: Xưa là anh em, rồi chi phái ngày càng chia ra, tông thuộc ngày càng xa, thế rồi các chi chỉ thờ ông Thiếu tổ của mình. Ngày tháng qua đi, từ chỗ để tang một năm, đến chín tháng, đến ba tháng, rồi

đến không phải để tang, đến không khóc thương, và đến vui mừng thương xót không qua lại với nhau, thậm chí gặp nhau cũng không nhận ra nhau nữa. Vì thế có việc tranh nhau, tranh nhau cho nên đánh nhau, đánh nhau cho nên kiện nhau, rồi không còn việc gì phải e dè nữa. Đó thực là thương cho phong tục ở đời suy vi vậy. Há chỉ phong tục suy bại thôi ư? Cái thế khiến cho phải như vậy.

Bậc hiền giả không chịu để cái thế kìm chế mình mà vẫn làm cho phong tục thêm đậm thắm. Cho nên 9 đời cùng ở với nhau mà không có lời ra tiếng vào. Người thường ngày quen thói bạc bẽo, hơi một tý thì lấy thế để giải. Cho nên một tác vãi, một đấu thóc, thậm chí cũng không dung thứ cho nhau, anh em cũng chẳng thân mật gì, còn nói chi đến Thiếu tổ với Thái tổ nữa, lại còn ghi chép vào gia phả làm gì. Thế thì ghi chép gia phả để làm gì? Là để coi trọng gốc nguồn vậy.

Trong *Lễ* có nói họ lớn họ nhỏ. Họ lớn có 1, họ nhỏ có 4, như là kế nối cha, anh em cùng thờ, kế nối ông, cùng với chú bác cùng thờ, kế nối cụ, gồm cả chú bác họ cùng thờ, kế nối kỵ, gồm cả chú bác 4 đời cùng thờ. Ta đối với tộc họ, thuộc dòng họ lớn, rồi chia ra thành họ nhỏ. Từ cụ Cao tổ đến cụ Tằng tổ, thì ta thuộc chi thứ. Thờ ông, ta là chi trưởng. Tông pháp quy định: “Con trưởng mới được chép gia phả.” Gia phả làm ra cốt để kính gốc nguồn. Các bậc quân tử từ xưa ca ngợi cái đẹp của tổ tiên mà làm sáng tỏ cho đời sau thì khắc vào đỉnh, ghi vào các đồ tế khí. Một việc làm thiện, một lời nói hay, không gì là không ghi lại. Họ Ngô ta là dòng họ có danh tiếng trong nước, do khoa bảng ra làm quan văn, võ nổi tiếng từ hơn trăm năm nay, tài ba lỗi lạc, nối đời tốt đẹp, hơn nữa lại gần bó với nhau, thì đó không phải là dư phúc của tổ tiên trước kia làm nhiều việc thiện đó ư!

Kính xét: Từ cụ Cẩn Tiết trở về sau, đời đời giữ việc đạo bút, vừa cây vừa học, đại để cũng chỉ được người làng khen giỏi, chứ chưa hiển đạt.

Thỉnh thoảng có người dựng nghiệp bằng nghề làm Lại, sự tích nhỏ bé ít được lưu truyền.

Chi ta từ cụ Phúc Diên sinh ra Trác Lao tiên sinh, đỗ đầu khoa Sĩ vọng. Chi cụ Phúc Toàn từ Đức Phú công sinh được Chi Thất tiên sinh, đỗ khoa Hoàn từ. Từ nghề làm Lại đổi ngay sang nghiệp Nho, rồi văn chương của họ ta kế tiếp nhau nổi danh thiên hạ kể từ đấy, nhưng phẩm tính hồn nhả chất phác trải bao đời vẫn không thay đổi. Đến cả đức hạnh của các bà dâu trong nhà cũng nổi bật, như bà Từ Trang, bà Từ Nghi, và mẹ ta gần đây, goá bụa từ tuổi thanh xuân, nhưng giữ trọn tiết tháo, trinh khiết lẫm liệt như băng như sương. Còn như cung kính giữ mình, cần kiệm trông nom cửa nhà, thì đức hạnh truyền đời trong chốn buồng the, càng rõ ràng đáng ca ngợi. Có lẽ cái nền đức hạnh được bồi đắp tích lũy từ xa xưa lắm. *Truyện* có câu: “Tiên tổ có điều thiện mà không biết, thì là bất nhân. Đó là điều nhục nhã của bậc quân tử.” Vậy thì không làm gia phả được ư?

Tương truyền rằng, gia đình ta khi xưa có một quyển gia phả ghi chép rất tường tận, để tại nhà riêng ông trưởng họ, sau gặp loạn Quảng Công, bị kẻ trộm lấy mất, cho nên từ cụ Mỹ Đức trở về trước, không thể khảo cứu được nữa. Đến đời cụ Trác Lao có ghi chép rộng nhưng cũng chưa có thể đủ hết được. Nay theo thứ tự từ cụ thủy tổ là cụ Mỹ Đức đến Tiên khảo ta là Tuyết Trai, cụ ông nào lấy cụ bà nào, hưởng thọ bao nhiêu, mất ngày nào, chôn cất ở đâu, hướng núi thế nào, với thi cử làm quan ra sao, cả chí hướng, việc làm lúc bình sinh, con cái bao nhiêu, con nào sau này ở ngành nào, con gái thì lược bỏ đi, đại để người nào có đức hạnh, tài năng nổi tiếng đều ghi chép truyền lại. Người nào không biết rõ thì thôi. Cách trình bày từ đời nọ đến đời kia, phỏng theo bút pháp của ông họ Tô.

Ồi! Đọc gia phả thì biết được phép trị thân⁽¹⁾ trong *Kinh Lễ*. Làm gia phả thì biết được đạo Tuy viễn⁽²⁾ trong *Kinh Thư*. Biết nghĩa trị thân tức là

biết tông thứ cao thấp, trên dưới và anh em họ hàng. Biết đạo Truy viễn tức là biết ông tổ sinh ra ta không phải chỉ có một chi của ta mà có hàng vạn chi khác. Hàng vạn chi khác đều có chung một nguồn. Đó là bản ý của ta khi làm gia phả. Nhưng đâu phải chỉ dừng ở đó. Điều mà người quân tử cho là hiếu, thì đó cũng là điều mà người cả nước khen rằng: “May thay có người con như thế.” Người con có hiếu đó không ngừng tu dưỡng, làm điều thiện, kế nối được phúc trời, làm hưng thịnh nhà cửa, mở rộng nền phúc đến vô cùng. Đó cũng là điều ta nguyện hết sức cố gắng. Con cháu ta sau này và ngàn vạn năm về sau nữa kế tục việc làm này cùng trông vào đây. Vậy làm bài tựa.

Tháng trọng thu, năm Ất Hợi, niên hiệu Cảnh Hưng thứ 16 (1757).

凡 例

一肇祖考福基，肇祖妣慈慶，舊失諡號。甲午年我高祖午峰公協族議，奉追今號推爲肇祖。

一先祖考美德公舊號善德，甲午年我高祖午峰公奉改今號。

一肇祖考福基傳美德，美德傳弘毅，弘毅傳謹節。謹節生四男，除守真敦信二公遭亂，不知下落外，福源爲長支，福全爲次支。福全支後，又各分支，其世次詳在各支家譜。

一奉肇祖考妣列位，傳至安靖公，妣慈光，係甲支之甲。福綿奉祀。福綿之後，傳至廷瑞無繼。

一奉雅實公，妣淑悌慈儀二位，係甲支之乙，忠墩奉祀。忠墩之後，傳至廷棟無繼。

一奉丹岳公慈端徽人，雪齋公節懿徽人，午峰公貞慈夫人，考妣六位。我曾祖達軒公奉爲三祖不遷之廟，號曰崇德慈（廟起於景興丙辰春，午峰公所建。初名世享祠，後改篤慶祠。甲寅年立祠碑，以慶字與高祖爵名同，後改爲崇德祠）。今奉升達軒公慈明夫人配享，係長嗣孫吳价奉祀（价乏繼，弟吳統承之）。

一福基公以後，午峰公以前，墳號我曾祖達軒公所尊。

一曾祖達軒公，祖莊毅公，考青川公三大墳號，甲午年所尊。

一曾少祖妣慈正徽人，是我莊毅公所自出，舊從祀崇德祠，祖考莊毅公，是我達軒公第四子，係本支少祖，由嗣孫吳濡奉祀。濡乏繼，茲奉慈正徽人，與祖考莊毅公，祖妣慈順徽人，先考青川公，先妣慈淑徽人，同祀別祠，謹上祠號曰永孚祠。

一譜內純一阮徽人，與福源公合葬之說，本祖伯考靖齋公續修之譜所書。考諸午峰公所修之譜，前言祖考與祠態合葬，下言又一本祖考與純一合葬，終蔽之以未詳。

甲支之乙家譜，於阮徽人，則曰舊譜記，與祖考合葬，而不顯指妣號。疑於阮氏末，又皆蔽之曰無從稽，曰不可辨。

噫！是有一墳失認歟！世之久近，既各懸殊，時之變遷，能無錯認！我高祖午峰公曰：“百昌皆生於土而反於土”。人生福澤，未有不鍾於地廕，知乎此者，勉慎守焉。暨我曾祖達軒公於家墳，各位石誌，其亦默以我高祖之意，市吾後也。

一譜內祖考妣諸位，有善必記，見餘慶所係，後世子孫，更加積累以培善基。

一譜內歷代墳墓，必詳山向，欲使後人便認。

一譜內祖考妣諸位之下，附錄旁親者教睦親也。

一譜內列妣諸位，必附編其所自出者，見吳家之盛，母家福慶，不爲無助。我曾祖公所以有崇恩之議。

一譜自祖考以前，有封贈恩典，子孫以後，有科第陞擢，生育吉慶，欲改修者聽。

書法補

一譜舊奉先考青川公爲第一代祖，莊毅公爲第二代曾祖，希尹公爲第三代，上至肇祖福基公爲第十五代，是逆推法。今奉肇祖福基公爲初一代，美德公爲第二代，弘毅公爲第三代，下至先考青川爲第十五代，是順數法。

PHIÊN ÂM:

PHẨM LỆ

Nhất Triệu tổ khảo Phúc Cơ, Triệu tổ tỷ Từ Khánh, cật thất thụy hiệu. Giáp Ngọ niên ngã cao tổ Ngọ Phong công hiệp tộc nghị, phụng truy kim hiệu suy vi Triệu tổ.

Nhất Tiên tổ khảo Mỹ Đức công cật hiệu Thiện Đức, Giáp Ngọ niên ngã cao tổ Ngọ Phong công phụng cải kim hiệu.

Nhất Triệu tổ khảo Phúc Cơ truyền Mỹ Đức, Mỹ Đức truyền Hoàng Nghị, Hoàng Nghị truyền Cẩn Tiết. Cẩn Tiết sinh tứ nam, trử Thủ Chân Đôn Tín nhị công tao loạn, bất tri hạ lạc ngoại, Phúc Nguyên vi trưởng chi, Phúc Toàn vi thứ chi. Phúc Toàn chi hậu, hựu các phân chi, kỳ thế thứ tường tại các chi gia phả.

Nhất phụng Triệu tổ khảo tử liệt vị, truyền chí An Tĩnh công, tử Từ Quang, hệ Giáp chi chi Giáp. Phúc Miên phụng tự. Phúc Miên chi hậu, truyền chí Đình Thuy vô kế.

Nhất phụng Nhã Thực công, tử Thực Đễ Từ Nghi nhị vị, hệ Giáp chi chi Ất, Trung Kiểu phụng tự. Trung Kiểu chi hậu, truyền chí Đình Đống vô kế.

Nhất phụng Đan Nhạc công Từ Đoan huy nhân, Tuyết Trai công Tiết Ý huy nhân, Ngô Phong công Trình Từ phu nhân, khảo tử lục vị. Ngã tằng tổ Đạt Hiên công phụng vì tam tổ bất thiên chi miếu, hiệu viết Sùng Đức từ (miếu khởi ư Cảnh Hưng Bính Thìn xuân, Ngô Phong công sở kiến. Sơ danh Thế Hưởng từ, hậu cải Đốc Khánh từ. Giáp Dần niên lập từ bi, dĩ khánh tự dữ Cao tổ tước danh đồng, hậu cải vi Sùng Đức từ). Kim phụng thăng Đạt Hiên công Từ Minh phu nhân phối hưởng, hệ trưởng tự tôn Ngô Giới phụng tự (Giới pháp kế, đệ Ngô Du thừa chi).

Nhất Phúc Cơ công dĩ hậu, Ngô Phong công dĩ tiền, phần hiệu ngã Tằng tổ Đạt Hiên công sở tôn.

Nhất tằng tổ Đạt Hiên công, ố Trang Nghị công, khảo Thanh Xuyên công tam đại phần hiệu, Giáp Ngọ niên sở tôn.

Nhất tằng thiếu tổ tử Từ Chính huy nhân, thị ngã Trang Nghị công sở tự xuất, cữu tòng tự Sùng Đức từ, tổ khảo Trang Nghị công, thị ngã Đạt Hiên công đệ tử tử, hệ bản chi thiếu tổ, do tự tôn Ngô Thu phụng tự. Thu pháp kế, tư phụng Từ Chính huy nhân, dữ tổ khảo Trang Nghị công, tổ tử Từ Thuận huy nhân, tiên khảo Thanh Xuyên công, tiên tử Từ Thực huy nhân, đồng tự biệt từ, căn thượng từ hiệu viết Vinh Phu từ.

Nhất phả nội Thuần Nhất Nguyễn huy nhân, dữ Phúc Nguyên công hợp táng chi thuyết, bản tổ bá khảo Tĩnh Trai công tục tu chi phả sở thư. Khảo chư Ngô Phong công sở tu chi phả, tiền ngôn tổ khảo dữ Từ Thái hợp

táng, hạ ngôn hựu nhất bản tổ khảo dữ Thuần Nhất hợp táng, chung tế chi dĩ vị tường.

Giáp chi chi Ất gia phả, ư Nguyễn huy nhân, tắc viết cật phả ký, dữ tổ khảo hợp táng, nhi bất hiển chỉ tử hiệu. Nghi ư Nguyễn thị mật, hựu giai tế chi viết vô tông kê, viết bất khả biện.

Y! Thị hữu nhất phần thất nhận dư! Thế chi cật cận, ký các huyền thù, thời chi biến thiên, năng vô thác nhận! Ngã cao tổ Ngọ Phong công viết : “Bách xương giai sinh ư thổ nhi phản ư thổ.” Nhân sinh phúc trạch, vị hữu bất chung ư địa ẩm, tri hô thử giả, miễn thận thủ yên. Ký ngã tằng tổ Đạt Hiên công ư gia phân, các vị thạch chí, kỳ diệc mặc dĩ ngã cao tổ chi ý, thị ngô hậu dã.

Nhất phả nội tổ khảo tử chư vị, hữu thiện tất ký, kiến dư khánh sở hệ, hậu thế tử tôn, cánh gia tích lũy dĩ bồi thiện cơ.

Nhất phả nội lịch đại phần mộ, tất tường sơn hướng, dục sử hậu nhân tiện nhận.

Nhất phả nội tổ khảo tử chư vị chi hạ, phụ lục bàng thân giáo mục thân dã.

Nhất phả nội liệt tử chư vị, tất phụ biên kỳ sở tự xuất giả, kiến ngô gia chi thịnh, mẫu gia phúc khánh, bất vi vô trợ. Ngã tằng tổ công sở dĩ hữu sùng ân chi nghị.

Nhất phả tự tổ khảo dĩ tiền, hữu phong tặng ân điển, tử tôn dĩ hậu, hữu khoa đệ thăng trạc, sinh dục cát khánh, dục cải tu giả thánh.

Thư pháp bố

Nhất phả cật phụng tiên khảo Thanh Xuyên công vi đệ nhất đại tổ, Trang Nghị công vi đệ nhị đại tằng tổ, Hy Doãn công vi đệ tam đại, thượng chí Triệu tổ Phúc Cơ công vi đệ thập ngũ đại, thị nghịch suy pháp. Kim

phụng Triệu tổ Phúc Cơ công vi sơ nhất đại, Mỹ Đức công vi đệ nhị đại, Hoàng Nghị công vi đệ tam đại, hạ chí tiên khảo Thanh Xuyên vi đệ thập ngũ đại, thì thuận số pháp.

DỊCH NGHĨA:

PHẠM LỆ

-Cụ Triệu tổ khảo là Phúc Cơ, cụ Triệu tổ tỷ là Từ Khánh, từ lâu không rõ tên hiệu và tên thụy. Năm Giáp Ngọ Cao tổ ta là cụ Ngọ Phong họp họ bàn bạc, kính cần truy đặt tên hiệu, tôn làm Triệu tổ.

-Tiên tổ khảo là cụ Mỹ Đức, trước đây hiệu là Thiện Đức, năm Giáp Ngọ, Cao tổ ta là cụ Ngọ Phong kính đổi thành hiệu ngày nay.

-Cụ Triệu tổ khảo là Phúc Cơ sinh ra Mỹ Đức, Mỹ Đức sinh ra Hoàng Nghị, Hoàng Nghị sinh ra Cẩn Tiết. Cụ Cẩn Tiết sinh hạ 4 người con trai, ngoài 2 cụ Thủ Chân, Đôn Tín, gặp loạn không biết ở đâu, còn cụ Phúc Nguyên là chi trưởng, Phúc Toàn là chi thứ. Con cháu Phúc Toàn sau lại phân chi, muốn biết thế thứ các chi, xem ở gia phả của các chi đó.

-Cụ Triệu tổ khảo và tỷ, truyền đến An Tĩnh và cụ bà là Từ Quang, là con trưởng của chi chính, Phúc Miên thờ cúng. Con cháu Phúc Miên, truyền đến Đình Thụy thì không có con nối dõi nữa.

-Cụ Nhã Thực và 2 cụ bà là Thực Để và Từ Nghi là con thứ trong chi chính, ông Trung Kiểu phụng thờ. Con cháu ông Trung Kiểu truyền đến Đình Đống thì không có con nối dõi nữa.

-Cụ Đan Nhạc và cụ bà là Từ Đoan huy nhân, cụ Tuyết Trai và cụ bà là Tiết Ý huy nhân, cụ Ngọ Phong và cụ bà là Trinh từ phu nhân, cộng tất cả là 4 cụ, Tăng tổ ta là cụ Đạt Hiên phụng thờ làm các vị tổ ở từ đường, trăm đời không thay đổi, gọi là Sùng Đức từ (Nhà thờ do cụ Ngọ Phong dựng vào mùa xuân năm Bính Tuất, niên hiệu Cảnh Hưng. Lúc đầu gọi là

Thế Hưởng từ, sau đổi thành Đốc Khánh từ. Năm Giáp Dần dựng bia. Vì chữ Khánh trùng với tước của Cao tổ, cho nên sau đổi là Sùng Đức từ). Nay phụng rước Đạt Hiên công và Từ Minh phu nhân phối hưởng ở đó, do cháu trưởng là Ngô Giới thờ cúng. Giới không có con nối dõi, nên em là Ngô Du thừa kế phụng thờ.

-Tên các phần mộ từ cụ Phúc Cơ, đến cụ Ngọ Phong, do Tăng tổ ta là cụ Đạt Hiên kính đặt.

-Tên phần mộ của Tăng tổ (tổ 4 đời) là Đạt Hiên, Hiển tổ (tổ 3 đời) là Trang Nghị, Hiển khảo (cha) là Thanh Xuyên, cộng 3 đời, năm Giáp Ngọ do ta kính đặt.

-Cụ Tăng thiếu tổ là cụ bà Từ Chính huy nhân, sinh ra cụ Trang Nghị ta, trước thờ ở Sùng Đức từ, Tổ khảo ta là Trang Nghị là con thứ tư của cụ Đạt Hiên, là thiếu tổ của chị ta, do cháu đích tôn Ngô Thu thờ cúng. Thu không có con nối dõi, nay thờ Từ Chính huy nhân cùng ông ta là Trang Nghị, bà ta là Từ Thuận huy nhân, tại một nhà thờ khác, tên gọi là Vĩnh Phu từ.

-Trong gia phả có ghi cụ Thuần Nhất Nguyễn huy nhân, táng cùng mộ với cụ ông là Phúc Nguyên. Ông bá tổ (ông bác) ta là Tĩnh Trai công, kế tục việc ghi chép gia phả. Xét cuốn gia phả của cụ Ngọ Phong biên chép, thấy lúc đầu nói Tổ khảo hợp táng với cụ bà Từ Thái, sau lại có bản ghi Tổ khảo hợp táng với cụ Thuần Nhất, tự chung vẫn chưa được rõ.

Gia phả ắt phải về chi giáp, ghi về cụ Nguyễn huy nhân rằng: Trong giả phả cũ có ghi hợp táng với Tổ khảo, nhưng không chỉ rõ hiệu của cụ bà nào. Ngờ rằng dưới chữ Nguyễn Thị là không kê cứu được, không phân biện được. Tóm lại không có căn cứ, nên không thể khảo cứu được.

Ôi! Như vậy là không nhận ra ngôi mộ ấy ư? Đời từ xưa đến nay đã xa xôi khác biệt, thời thế bao lần thay đổi, có thể không nhận sai ư? Cụ Cao

tổ Ngọ Phong công nói: “Vạn vật đều từ đất sinh ra, nhưng rồi lại quay trở về đất.” Người sinh ra được hưởng phúc trạch, chưa có ai là không nhờ đất phúc chung đúc nên. Biết như vậy, cần cố gắng giữ gìn cẩn thận. Thế rồi cụ Tằng tổ ta là Đạt Hiên đã dựng bia ghi rõ trên mỗi ngôi mộ, có lẽ cụ đã ngầm lấy ý của cụ Cao tổ ta, mà chỉ bảo cho con cháu đời sau của ta vậy.

-Trong gia phả, tất cả các cụ Tổ khảo và tỷ, có làm việc thiện thì đều ghi lại, để biết phúc ảm để lại, từ đó mà con cháu đời sau tích lũy thêm, để bồi đắp nên thiện.

-Trong gia phả, phần mộ các đời đều ghi rõ gôi và hướng, để con cháu đời sau dễ nhận.

-Trong gia phả, ở dưới các Tổ khảo và tỷ, ghi thêm cả bàng thân, để bảo cho con cháu biết mà hoà thuận với họ hàng.

-Trong gia phả, về phần các cụ bà, tất phải ghi rõ nguồn gốc, để thấy được sự phồn thịnh của họ Ngô là cũng nhờ phúc lành bên họ mẹ. Cụ Tằng tổ ta vì thế mà có lời bàn tôn sùng ân đức.

-Trong gia phả, từ cụ Tổ khảo trở về trước, có được ân điển phong tặng, con cháu đời sau có được đỗ đạt thăng bổ, về sự vui mừng sinh nở, muốn sửa đổi cũng cho phép.

Bổ sung thêm cách ghi chép

-Gia phả cũ kính ghi tiên khảo là Thanh Xuyên công, là đời thứ nhất, ông nội Trang Nghị là đời thứ hai, cụ Hy Doãn là đời thứ ba, ngược đến cụ Triệu tổ Phúc Cơ là đời thứ mười lăm, như vậy là kể ngược cách tính. Nay kính cần sửa lại, cụ Triệu tổ Phúc Cơ là cụ tổ thứ nhất, cụ Mỹ Đức là cụ đời thứ hai, cụ Hoàng Nghị là đời thứ ba, sau đến tiên khảo Thanh Xuyên là đời thứ mười lăm, như vậy là phép kể thuận.

吳家世譜實編

十六代孫辛卯舉人安樂知縣吳甲豆奉輯。

初一代

初一代肇祖考，吳貴公號福基先生，及妣吳貴公正室，號慈慶徽人。

先祖世次諡號，與祖妣姓字，及其生時忌日，並不得詳。甲午十一代孫午峰公協族請尊今號推爲肇祖。墓合葬在本社塢奇處，不詳山向。十二代孫達軒公上墳號，曰德墳。墳有石誌。

PHIÊN ÂM:

NGÔ GIA THẾ PHẢ THỰC BIÊN

Thập lục đại tôn Tân Mão Cử nhân An Lạc Tri huyện Ngô Giáp Đậu phụng tập.

SƠ NHẤT ĐẠI

Sơ nhất đại Triệu tổ khảo, Ngô quý công hiệu Phúc Cơ tiên sinh, cập tử Ngô quý công chính thất, hiệu Từ Khánh huy nhân.

Tiên tổ thế thứ thụy hiệu, dữ tổ tử tính tự, cập kỳ sinh thời kỵ nhật, tịnh bất đắc tường. Giáp Ngọ thập nhất đại tôn Ngọ Phong công hiệp tộc

thỉnh tôn kim hiệu suy vi Triệu tổ. Mộ hợp táng tại bản xã Mả Cả xứ, bất tường sơn hướng. Thập nhị đại tôn Đạt Hiên công thượng phần hiệu, viết Đức Phần. Phần hữu thạch chí.

DỊCH NGHĨA:

THỰC BIÊN GIA PHẢ HỌ NGÔ

CHÁU ĐỜI THỨ MƯỜI SÁU LÀ NGÔ GIÁP ĐẬU, CỬ NHÂN KHOA
TÂN MÃO TRI HUYỆN HUYỆN AN LẠC, KÍNH CẦN BIÊN CHÉP

ĐỜI THỨ NHẤT

Triệu tổ khảo đời thứ nhất, Ngô quý công, hiệu Phúc Cơ tiên sinh, và chính thất của cụ hiệu Từ Khánh huy nhân.

Tiên tổ thế thứ, tên thụy, tên hiệu, và họ, tên tự của Tổ tỷ cùng với ngày sinh ngày mất, đều không rõ. Năm Giáp Ngọ cháu đời thứ mười một là Ngô Phong, hợp họ xin đặt thụy hiệu, tôn làm Triệu tổ. Mộ hai cụ hợp táng tại xứ Mả Cả thuộc xã nhà, gối và hướng không rõ. Cháu đời thứ mười hai là Đạt Hiên kính dâng tên phần mộ, gọi là “Đức phần.” Trên mộ có dựng bia.

第二代

第二代祖考，高山局正掌吳貴公字美德府君，
及妣吳貴公正室號慈樂徽人。

祖考諱某，祖妣姓某不詳，相傳生子女九人。世
代經久，其支派不可考。

第年十一月十二日，祖考忌，九月十九日，祖妣忌，墓合葬在塢數處。

十一代孫達軒公上墳號，曰慶墳。墳有石誌。

PHIÊN ÂM:

ĐỆ NHỊ ĐẠI

Đệ nhị đại tổ khảo, Cao Sơn cục chính trưởng Ngô quý công tự Mỹ Đức phủ quân, cập tử Ngô quý công chính thất hiệu Từ Lạc huy nhân.

Tổ khảo huý mỗ, tổ tử tính mỗ bất tường, tương truyền sinh tử nữ cửu nhân. Thế đại kinh cửu, kỳ chi phái bất khả khảo.

Đệ niên thập nhất nguyệt thập nhị nhật, tổ khảo ky, cửu nguyệt thập cửu nhật, tổ tử ky, mộ hợp táng tại Mả Sở xứ.

Thập nhất đại tôn Đạt Hiên công thượng phần hiệu viết Khánh Phần. Phần hữu thạch chí.

DỊCH NGHĨA:

ĐỜI THỨ HAI

Tổ khảo đời thứ hai là Cao Sơn cục chính trưởng, Ngô quý công, tự Mỹ Đức phủ quân, và chính thất của cụ hiệu Từ Lạc huy nhân.

Tổ khảo tên huý là gì, Tổ tử họ gì, đều không rõ, tương truyền sinh được 9 người con, cả trai lẫn gái. Trải đã lâu đời, những chi phái đó không khảo cứu được.

Hàng năm ngày 12 tháng 11, giỗ Tổ khảo, ngày 19 tháng 9 giỗ Tổ tử, mộ hai cụ hợp táng tại xứ Mả Sở.

Cháu đời thứ mười một Đạt Hiên, kính dâng tên phần mộ, gọi là “Khánh phần.” Trên mộ có dựng bia.

第三代

第三代祖考，明翊將君神武後衛都指揮使司都指揮同知輕車尉威武侯吳貴公，字弘毅府君，及妣依夫職吳貴公正室楊貴氏號明慧徽人。

祖考諱謨，美德公之次男，出身武弁，相傳有翊戴功，奉侍某朝不可考（徵甫公以年代推考，當在黎紹平、太和年間）。

祖妣諱褒，青華人，俗號鉦正社，生男二。長字普世，爲中山丞無子，正月十一日忌。我謹節公其次也。遞年六月初四日祖考忌，五月十五日祖妣忌，墓合葬在瑪奇中處。十代孫達軒公上墳號，曰盛墳。墳有石誌。

PHIÊN ÂM:

ĐỆ TAM ĐẠI

Đệ tam đại tổ khảo, Minh dực tướng quân thần vũ hậu vệ đô chỉ huy sứ ty đô chỉ huy đồng tri khinh xa úy Uy Vũ hầu Ngô quý công, tự Hoàng Nghị phủ quân, cập tỷ y phu chức Ngô quý công chính thất Dương quý thị hiệu Minh Tuệ huy nhân.

Tổ khảo huy Thâm, Mỹ Đức công chi thứ nam, xuất thân vũ biên, tương truyền hữu đức đài công, phụng thị mỗ triều bất khả khảo (Trưng Phủ công dĩ niên đại suy khảo, đương tại Lê Thiệu Bình, Thái Hoà niên gian).

Tổ tỷ huy Bao, Thanh Hoa nhân, tục hiệu Chinh Chính xã, sinh nam nhị. Trưởng tự Phả Thế, vi Trung Sơn thừa vô tử, chính nguyệt thập nhất nhật kỵ. Ngã Cẩn Tiết công kỳ thứ dã. Đệ niên lục nguyệt sơ tứ nhật tổ khảo kỵ, ngũ nguyệt thập ngũ nhật tổ tỷ kỵ, mộ hợp táng tại Mả Cả Trung xứ. Thập đại tôn Đạt Hiên công thượng phân hiệu, viết Thịnh Phần. Phần hữu thạch chí.

DỊCH NGHĨA:

ĐỜI THỨ BA

Tổ khảo đời thứ ba là Minh đức tướng quân Thần vũ hậu vệ Đô chỉ huy xứ ty, Đô chỉ huy đồng tri khinh xa uý, Uy Vũ hầu, Ngô quý công, tự Hoàng Nghị phủ quân, và cụ bà là chính thất gọi theo chức cụ ông, Dương quý thị, hiệu Minh Tuệ huy nhân.

Tổ khảo huy Thâm, con trai thứ cụ Mỹ Đức, xuất thân võ biên, tương truyền có công lớn trong việc tôn phò giúp rập nhà vua, nhưng được hầu hạ triều nào, chưa khảo cứu được (Cụ Trưng Phủ căn cứ vào niên đại, đoán vào khoảng niên hiệu Thiệu Bình hay Thái Hoà triều Lê).

Tổ tỷ huy Bao, người Thanh Hoa, tục gọi xã Chiêng Chính, sinh 2 trai. Trưởng tự Phả Thế, làm Huyện thừa huyện Trung Sơn, không có con, mất ngày 11 tháng Giêng. Cụ Cẩn Tiết của ta là con trai thứ. Hàng năm ngày 4 tháng 6 giỗ Tổ khảo, ngày 15 tháng 5 giỗ Tổ tỷ, mộ hai cụ hợp táng tại xứ Mả Cả Trung. Cháu đời thứ mười Đạt Hiên, kinh dâng tên phần mộ, gọi là “Thịnh phần.” Trên mộ có dựng bia.

第四代

第四代祖考，儒生中式，吳貴公字謹節先生，及妣依夫職吳貴公正室，號德心徽人。

祖考諱某，祖妣姓某，並不得詳，生四男二女，長男我福源公也，次福全公。次二人遭廣公亂，不知下落。後招魂，一字守真，八月十三日忌，一字敦信，七月初五日忌。二女長號慈正，九月二十四日忌，次號美行，亦無子，十二月初七日忌。

遞年九月二十日，祖考忌，四月初九日，祖妣忌，墓舊合葬在本社塢奇下蜂腰處，八代孫午峰屢欲扞之不果。甲寅年九代孫達軒公始擇塢奇中處一局，奉扞合葬，繼上墳號，曰興墳。墳有石誌。

PHIÊN ÂM:

ĐỆ TƯ ĐẠI

Đệ tứ đại tổ khảo, nho sinh trúng thức, Ngô quý công tự Cẩn Tiết tiên sinh, cập tử y phu chức Ngô quý công chính thất, hiệu Đức Tâm huy nhân.

Tổ khảo huy mỗ, tổ tử tính mỗ, tịnh bất đắc tường, sinh tứ nam nhị nữ, trưởng nam ngã Phúc Nguyên công dã, thứ Phúc Toàn công. Thứ nhị

nhân tao Quảng Công loạn, bất tri hạ lạc. Hậu chiêu hôn, nhất tự Thủ Chân, bát nguyệt thập tam nhật ky, nhất tự Đôn Tín, thất nguyệt sơ ngũ nhật ky. Nhị nữ trưởng hiệu Từ Chính, cửu nguyệt nhị thập tứ nhật ky, thứ hiệu Mỹ Hạnh, diệc vô tử, thập nhị nguyệt sơ thất nhật ky.

Đệ niên cửu nguyệt nhị thập nhật, tổ khảo ky, tứ nguyệt sơ cửu nhật, tổ tỷ ky, mộ cửu hợp táng tại bản xã Mả Cả Hạ phong yêu xứ, bát đại tôn Ngọ Phong lữ dục thiên chi bất quả. Giáp Dần niên cửu đại tôn Đạt Hiên công thủy trạch Mả Cả Trung xứ nhất cục, phụng thiên hợp táng, kế thượng phần hiệu, viết Hưng Phần. Phần hữu thạch chí.

DỊCH NGHĨA:

ĐỜI THỨ TƯ

Tổ khảo đời thứ tư, Nho sinh trúng thức, Ngô quý công tự Cẩn Tiết tiên sinh, và cụ bà là chính thất gọi theo chúc cụ ông, hiệu Đức Tâm huy nhân.

Tổ khảo huy là gì, Tổ tỷ họ gì, đều không được rõ, sinh được 4 trai, 2 gái, trưởng là cụ Phúc Nguyên ta, thứ là cụ Phúc Toàn. Còn 2 người con trai nữa, gặp loạn Quảng Công, không biết ở đâu. Sau này gọi hôn, một người tên tự Thủ Chân, giỗ ngày 13 tháng 8, một người tên tự Đôn Tín, giỗ ngày 5 tháng 7. Hai người con gái, cả hiệu Từ Chính, giỗ ngày 24 tháng 9, thứ hiệu Mỹ Hạnh, cùng không có con, mất ngày 7 tháng 12.

Hàng năm ngày 20 tháng 9 giỗ Tổ khảo, ngày 9 tháng 4 giỗ Tổ tỷ, mộ hợp táng tại chỗ thất lưong ong xứ Mả Cả Hạ. Cháu đời thứ tám là Ngọ Phong nhiều lần muốn chuyển mộ đi nơi khác, nhưng chưa làm được. Năm Giáp Dần, cháu đời thứ chín là Đạt Hiên mới chọn được một nơi ở xứ Mả Cả Trung đời mộ về đó, rồi kính dâng tên phần mộ, gọi là “Hưng phần.” Trên mộ có dựng bia.

第五代

第五代祖考，寧山主簿吳貴公號福源先生，及妣依夫職，吳貴公正室阮貴氏號純一徽人。

先祖諱卒，字世榮，廕官員孫，以莫光寶八年，試中書算（甲支之乙家譜公應花文科試預中）充寧山縣主簿。時廣公擾亂南方經十八年，遂避居東岸（慈山府屬縣）之錦章，因聘祖妣（缺諱）其鄉，生男二女一。女名氏爲其後失傳。長男我忠俊公。時用其次男也（時用試中書算，補題吏生男富鉞，富鉞生富有，富有生二男，一爲財洊，一爲德冕乏嗣）。

繼祖妣諱漸，下青威大行人，無子，撫養夫子，不[]已出。祖考嘗以是囑子孫，勿忘其功。

祖考壽八十五，正月二十九日祖考忌，五月初五日祖妣忌，十月二十日繼祖妣忌，墓合葬在瑪奇鉦正處。八代孫達軒公上墳號，曰昌墳。墳有石誌。

恭錄次支

福全公是我福源公之弟，廕官員孫，壽八十一，生二男，長福大，次福衍。

福大之後，傳至題吏吳廷諫，官員子吳廷燕等是其繼。

福衍生四男，長仁忠，次德富，次德智，次德俊。

仁忠福衍長男，官水軍知簿，生福康。福康生福勝。福勝生福重。福重生廷諒、廷宴。

諒字純直，生純義、福達。福達生廷新。廷新生廷立、廷成。

廷立生廷愷、廷恭。

廷宴字純志生廷矯。廷矯生廷歸、德富（富衍第二子，字福進諡心正）戊辰科書算，官光進慎祿大夫大理寺寺丞，贈特進金紫榮祿大夫，禮部右侍郎，加贈御史臺都御史，兼壽侯。生四男，壽七十五，長芝室，次德勝，次俊良，次德裕。

芝室福進長男，字俊茂弘詞科解元（一云士望科）官吏部郎中，封贈特進金紫榮祿大夫，戶部左侍郎，加贈御史臺都御史，世顯侯。生六男，長廷桂，次廷碩次福霑，次廷礎，次廷礪，次廷砬。

廷桂芝室長子，中生徒，贈少卿，傳至廷言是其後。

廷碩戊午年生，芝室第二男，號認齋，庚辰科進士，奉使有聖節詩集，歷仕特進金紫榮祿大夫，參從

戶部尚書，侍經筵，暉郡公，出督諒山徇節，卒于官，贈少保，賜諡敦雅。生二男，長廷磐，次廷礪。

廷磐官朝列大夫，侍衛中尉，封贈簷事壯節將軍，林武侯。生男六，長福舉，次廷管，次福善，次康節，次廷張，次廷魁。

福舉官顯恭大夫，生男二，廷搜、廷真。

搜生男三長廷明，次廷圭，次廷蓮。

廷圭生廷闊，廷闊生造。

福善生廷山、廷珣、廷琬、廷緻，皆廕秀林局。

琬生廷漢、廷紀，紀生廷錦、廷鈞。

緻生男三，廷桂、廷紋、廷騰。

桂生廷礪，礪生廷碑、廷磅、廷硯、廷砌。

碑生硃、斫。

磅生礪。

騰生廷砧。

康節生廷治，治生廷祿。祿生廷雖。

廷張生廷域，域生廷馨。馨生廷謹，謹生廷慶、廷澤、廷寵。

廷魁生廷瑤。

廷礪官弘信大夫，生廷華、廷楚。

華生廷琬、廷鶚、廷礪。

琬生廷玩、廷荏。

玩生廷珣、廷琳、廷壽、廷歲。

鶚生廷西、廷端、廷辰。

礪生廷礪，礪字璞軒，登辛丑科二甲進士，官南策知府，生五男，長廷瑞，次廷璨，次廷瓊，次廷珍、廷康。

璨見知縣，生廷銳。

福霑芝室第三男，官屯田所使，生四男，長達道，次廷礪，次廷玉，次嘉賓。

達道官大理寺寺丞，贈詹事，生五男宗蓮、福將、福格、廷活、廷球。

福將官知事，生男三，廷鑑、德俊、廷銓。

德俊生廷定、廷序。定生廷專。序生廷陸。

廷銓生廷賞、廷何。賞生廷根、廷基。何生廷儼。

福格，字雅齋，官屯田所使，生敦厚，敦厚生時諒，官安山知縣，和峰子，生廷謹、廷龍、廷虎、廷熊。

謹授興安八品，生輝謙，謙生認。

龍生廷謀、廷讓、廷講、廷說、廷詠。

謀生灌、誠。

讓生論。

廷礪生廷礫。

廷玉生廷琦儒生，廷瑋。

嘉賓官金城縣丞，進功庶郎，恒忠子，生純智，
智官永康縣丞，進功庶郎，陞伯爵，生廷科、廷訂、廷
雉，皆廕秀林局。

科生廷橋，橋補吏目，生廷心、廷恭。

心生悌、性等。

恭生慨、訂乏繼。

廷雉生廷振、廷珠、廷芳、廷善、廷永。

振生玉、玩補吏目。

玉生瑞見九品文皆。

珠生玉成、廷瓚、廷琨。

玉成生廷戍、芳善俱乏繼。

永生必達，達生必講。

廷礎芝室公第四男，官禮部郎中。其後屋本縣文
館庄。

廷礪丙寅年生（芝室公第五男），號慎齋，舉辛
丑進士。有翊運功，奉敕功臣，與國同休，歷仕陪從兵

部尚書，芳郡公，贈少保，賜諡端謹。生三男，長敦坦，次宗寶，次廷纘。

敦坦諱輝尊領鄉薦，官朝列大夫，戶部版籍，司郎中番（一說禮番）僉知贈光祿寺卿，生二男，長福實（即廷植），次福著。

福實（又名胤，儒生中式）官顯恭大夫，生三男廷閭、廷萃、廷懋，廕授顯恭大夫。

懋（又名陝）廕茂林郎，生廷續、廷璠。

續生廷礪，礪中三科秀才，生廷慶、廷昌。

福著（又名洵）管銳右隊屬山西鎮公務鉅武伯爵生廷丙。

寶官朝列大夫，山西參議，生男長宗瑞，次廷理，次廷應。

宗瑞領鄉薦，管金吾衛。

廷理官衛尉。

廷應管騎二隊，生廷檜、廷祿。

檜生廷敏、廷壽、廷富。

廷纘領鄉薦，官下洪知府，生廷曉儒生。

廷砮（芝室公第六男）中生徒。其後屋本縣文館庄。

德勝（福進公第二男號忠敏）壬辰科書算，歷官戶部郎中管天雄奇曜堂子。以能詩得幸，贈詹事，生男三，長宗彩，次宗穎，次廷翼。

宗彩字穎直，丙子科鄉薦，知延河縣。生男二宗炎、宗儀。

宗炎號循理，領鄉薦官刑部員外郎，壽九十一，奉準五老。生安義。義生宗燾、宗儀。

宗儀生宗詠、宗普。

宗詠生宗勸，宗勸生宗心、廷銓。

宗心生廷燦、廷卓。

廷銓居安樂縣鳳池社紹祖村，生二男廷正、廷望。

宗普生廷重，重生宗銓。

宗穎乙卯科鄉薦，生宗津（諱啓）。津領庚午科鄉薦。

廷翼字樂素，辛卯科鄉試三場，官進功庶郎中城兵馬郎將司都事勳壽子。生伯琨。琨號清齋，乙卯鄉進，官寺丞。生男三，長輝珮，次維璠，次福燿。

輝珮儒生，金華縣丞，陞謹事郎光祿寺丞。

維璠壬子鄉薦，官鴻臚寺斑，生宗演、宗堅。演生顯，顯生世穎、世籲。籲生廷順。

宗堅生宗榮、廷泰、廷派。

榮生廷僚、廷輝。

廷派爲廷燾嗣，生宗擢、宗揆。

福燊號抑峰，官吏部郎中，生男四，宗得、輝登、輝瀛、輝洲。

宗得生輝正。

輝瀛生輝傳。

俊良（福進公第三男）府生，生端厚。端厚生積善。積善官石室知縣，生廷寬、廷暹。

寬領鄉薦，生男廷棠、廷序，序生廷恕。

暹儒生，生廷晟。

德裕（福進公第四男，號剛直）乙卯書算解元，官安興縣丞。生福重，福重生俊擢。俊擢字溫博號龜川，領鄉薦，官兵部郎中。壽九十二，奉準三老，生九男，輝策、輝榴、輝恭、仲偉、輝柔、高智、貴爽、克知、登揆。

輝策（號是庵），生伯奮、仲榮。

伯奮生必達、必通、伯顯。

達生伯豁。

通生必活。

仲榮生輝添、仲榮、輝川、輝嘏。

輝添官經歷，生輝興，興生學。

仲榮生輝燦，燦別名優，中秀才，官教授，陞諒山
典學。生廷錫。

輝川官經歷，生輝奎、輝珍、輝璧。

奎中秀才生廷練、廷根、廷緣。

輝榴號道瞻，生伯汪，汪生廷述。述生廷伶。

輝恭號蘊雅，生德暄，暄生德良。良生德權、德曦。

仲偉號溫純，生德洽，洽生琨。

輝柔號溫淑，官山圍知縣，生輝辰，辰官經歷，生
輝寧。

高智乏繼。

貴爽號福善，生廷歷，歷生來。

克知字明見，生五男，克照、克紹、克多、克善、
克榜。

照乏繼。

紹生克炤、克烘、克明。

炤補吏目，生廷德、廷徽。

德中嗣德丁卯舉人，官山興宣監察御史。生廷徽、廷從、廷竹。

徽生廷徵、廷植、廷偵。

克明生克定。

克善生克莊，莊生克卯。

克榜生克富（又名輝賦）。

登揆生克洪。

德智（富衍公第三男）舉生徒，傳至縣丞。廷績等是其後。

德俊公（富衍公第四男）號福純，生得賢號休美，官鴻臚寺卿，生男五，長光顯，次明睿，次福詳，次敏通，次福厚。

明睿諱俊異，茂辰科進士，爲本族發甲之始，應制合格，以文章鳴世，仕至翰林院校尉，無繼。

福厚生廷植、廷槐。

植字雅量，生福慎，福慎生廷爲。

PHIÊN ÂM:

ĐỀ NGŨ ĐẠI

Đề ngũ đại tổ khảo, Ninh Sơn chủ bạ Ngô quý công hiệu Phúc Nguyên tiên sinh, cập tử y phu chức, Ngô quý công chính thất Nguyễn quý thị hiệu Thuần Nhất huy nhân.

Tiên tổ huy Tốt, tự Thế Vinh, ấm quan viên tôn, dĩ Mạc Quang Bảo bát niên, thí trúng Thư toán (Giáp chi chi Ất gia phả công ứng Hoa văn khoa thí dự trúng) sung Ninh Sơn huyện Chủ bạc. Thời Quảng Công nhiều loạn nam phương, kinh thập bát niên, toại tỵ cư Đông Ngạn (Từ Sơn phủ thuộc huyện) chi Cẩm Chương, nhân sinh tổ tử (khuyết huy) kỳ hương, sinh nam nhị nữ nhất. Nữ danh Thị Vi kỳ hậu thất truyền. Trưởng nam ngã Trung Tuấn công. Thời Dụng kỳ thứ nam dã (Thời Dụng thí trúng Thư toán, bổ Đề lại sinh nam Phú Việt, Phú Việt sinh Phú Hữu, Phú Hữu sinh nhị nam, nhất vi Tài Tiến, nhất vi Đức Miện pháp tự).

Kế tổ tử huy Tiệm, Hạ Thanh Uy Đại Hành nhân, vô tử, phủ dưỡng phu tử, bất [] dĩ xuất. Tổ khảo thường dĩ thị chúc tử tôn, vật vong kỳ công.

Tổ khảo thọ bát thập ngũ, chính nguyệt nhị thập cửu nhật tổ khảo kỵ, ngũ nguyệt sơ ngũ nhật tổ tử kỵ, thập nguyệt nhị thập nhật kế tổ tử kỵ, mộ hợp táng tại Mả Cả Chiêng Chính xứ. Bát đại tôn Đạt Hiên công thượng phân hiệu, viết Xương Phân. Phần hữu thạch chí.

Cung lục thứ chi

Phúc Toàn công thị ngã Phúc Nguyên công chi đệ, ấm quan viên tôn, thọ bát thập nhất, sinh nhị nam, trưởng Phúc đại, thứ Phúc Diễn. Phúc Đại chi hậu, truyền chí Đề lại Ngô Đình Gián, quan viên tử Ngô Đình Yển đẳng thị kỳ kế.

Phúc Diễn sinh tứ nam, trưởng Nhân Trung, thứ Đức Phú, thứ Đức Trí, thứ Đức Tuấn.

Nhân Trung Phúc Diễn trưởng nam, quan Thủy quân tri bạ, sinh Phúc Khang. Phúc Khang sinh Phúc Thắng. Phúc Thắng sinh Phúc Trọng. Phúc Trọng sinh Đình Lượng, Đình Yên.

Lượng tự Thuần Trực, sinh Thuần Nghĩa, Phúc Đạt. Phúc Đạt sinh Đình Tân. Đình Tân sinh Đình Lập, Đình Thành.

Đình Lập sinh Đình Khải, Đình Cung.

Đình Yên tự Thuần Chí sinh Đình Kiếu. Đình Kiếu sinh Đình Quy.

Đức Phú (Phú Diễn đệ nhị tử, tự Phúc Tiến thụy Tâm Chính), Mậu Thìn khoa Thư toán, quan Quang tiến thân lộc đại phu Đại lý tự tự thừa, tặng Đặc tiến kim tử vinh lộc đại phu, Lễ bộ Hữu thị lang, gia tặng Ngự sử đài đô ngự sử, Kiêm Thọ hầu. Sinh tứ nam, thọ thất thập ngũ, trưởng Chi Thất, thứ Đức Thắng, thứ Tuấn Lương, thứ Đức Dụ.

Chi Thất Phúc Tiến trưởng nam, tự Tuấn Mậu Hoằng từ khoa Giải nguyên (nhất vân Sĩ vọng khoa) quan Lại bộ Lang trung, phong tặng Đặc tiến kim tử vinh lộc đại phu, Hộ bộ Tả thị lang, gia tặng Ngự sử đài đô ngự sử, Thế Hiển hầu. Sinh lục nam, trưởng Đình Quế, thứ Đình Thạc, thứ Phúc Triêm, thứ Đình Sở, thứ Đình Chất, thứ Đình Trụ.

Đình Quế Chi Thất trưởng tử, trúng Sinh đồ, tặng Thiếu khanh, truyền chí Đình Ngôn thị kỳ hậu.

Đình Thạc Mậu Ngọ niên sinh, Chi Thất đệ nhị nam, hiệu Nhận Trai, Canh Thìn khoa Tiến sỹ, phụng sứ hữu Thánh tiết thi tập, lịch sĩ Đặc tiến kim tử vinh lộc đại phu, Tham tụng Hộ bộ Thượng thư, thị kinh diên, Huy quận công, xuất Đốc Lạng Sơn tuần tiết, tốt vu quan, tặng Thiếu bảo, tứ thụy Đôn Nhã. Sinh nhị nam, trưởng Đình Bàn, thứ Đình Anh.

*Đình Bàn quan Triều liệt đại phu, Thị vệ trung úy, phong tể
Thiểm sự tráng tiết tướng quân, Lâm Vũ hầu. Sinh nam lục, trưởng Phúc
Cử, thứ Đình Quân, thứ Phúc Thiện, thứ Khang Tiết, thứ Đình Trường, thứ
Đình Khôi.*

Phúc Cử quan Hiến cung đại phu, sinh nam nhị, Đình Sưu, Đình Chân.

Sưu sinh nam tam, trưởng Đình Minh, thứ Đình Khuê, thứ Đình Liên.

Đình Khuê sinh Đình Khoát, Đình Khoát sinh Tạo.

*Phúc Thiện sinh Đình Sơn, Đình Tuấn, Đình Đình, Đình Trí, giai
ấm Tú lâm cục.*

Đình sinh Đình Hán, Đình Kỷ, Đình Kỷ sinh Đình Cẩm, Đình Câu.

Trí sinh nam tam, Đình Quế, Đình Văn, Đình Đăng.

*Quế sinh Đình Hà. Diên sinh Đình Chuyên, Đình Bàng, Đình
Nghĩễn, Đình Xê.*

Chuyên sinh Chu, Sở.

Bàng sinh Ky.

Đăng sinh Đình Trạm.

Khang Tiết sinh Đình Trị, Trị sinh Đình Lộc. Lộc sinh Đình Tuy.

*Đình Trường sinh Đình Vực, Vực sinh Đình Hình. Hình sinh Đình
Cẩn, Cẩn sinh Đình Khánh, Đình Trạch, Đình Sủng.*

Đình Khôi sinh Đình Vũ.

Đình Anh quan Hoằng tín đại phu, sinh Đình Hoa, Đình Sở.

Hoa sinh Đình Doãn, Đình Ngạc, Đình Tân.

Doãn sinh Đình Ngoạn, Đình Nhậm.

Ngoạn sinh Đình Tuấn, Đình Lâm, Đình Thọ, Đình Tuế.

Ngạc sinh Đình Tây, Đình Đoan, Đình Thìn.

Tân sinh Đình Chân, Chân tự Phác Hiên, đăng Tân Sửu khoa Nhị giáp Tiến sĩ, quan Nam Sách Tri phủ, sinh ngũ nam, trưởng Đình Thuy, thứ Đình Xán, thứ Đình Ái, thứ Đình Trân, Đình Khang.

Xán kiến Tri huyện, sinh Đình Nhuê.

Phúc Triêm Chi Thất đệ tam nam, quan Đồn điền sở sứ, sinh tứ nam, trưởng Đạt Đạo, thứ Đình Lan, thứ Đình Ngọc, thứ Gia Tân.

Đạt Đạo quan Đại lý tự tự thừa, tặng Thiêm sự, sinh ngũ nam Tông Liên, Phúc Tương, Phúc Cách, Đình Hoạt, Đình Cầu.

Phúc Tương quan Tri sự, sinh nam tam, Đình Giám, Đức Tuấn, Đình Thuyên.

Đức Tuấn sinh Đình Định, Đình Tự. Định sinh Đình Chuyên. Tự sinh Đình Lục.

Đình Thuyên sinh Đình Thường, Đình Hà. Thường sinh Đình Căn, Đình Cơ. Hà sinh Đình Nghiêm.

Phúc Cách, tự Nhã Trai, quan Đồn điền sở sứ, sinh Đôn Hậu, Đôn Hậu sinh Thời Lượng, quan An Sơn Tri huyện, Hoà Phong tử, sinh Đình Cẩn, Đình Long, Đình Hổ, Đình Hùng.

Cẩn thụ Hưng An bát phẩm, sinh Huy Khiêm, Khiêm sinh Nhận.

Long sinh Đình Miêu, Đình Nhượng, Đình Giảng, Đình Thuyết, Đình Vĩnh.

Miêu sinh Quán, Thành.

Nhượng sinh Luận.

Đình Lan sinh Đình Tập.

Đình Ngọc sinh Đình Cơ nho sinh, Đình Vĩ.

Gia Tân quan Kim Thành Huyện thừa, Tiến công thứ lang, Hàng Trung tử, sinh Thuần Trí, Thuần Trí quan Vĩnh Khang Huyện thừa, Tiến

công thứ lang, thăng bá tước, sinh Đình Khoa, Đình Đính, Đình Trĩ, giai ẩm Tú lâm cục.

Khoa sinh Đình Kiều, bổ lại mục, sinh Đình Tâm, Đình Cung.

Tâm sinh Đễ, Tĩnh đẳng.

Cung sinh Khái, Đính pháp kế, Đình Trĩ, Trĩ sinh Đình Chấn, Đình Châu, Đình Phương, Đình Thiện, Đình Vĩnh.

Chấn sinh Ngọc, Ngọc bổ lại mục, sinh Thụy kiến cầu phẩm văn giai.

Châu sinh Ngọc Thành, Đình Tấn, Đình Côn.

Ngọc Thành sinh Đình Tuất, Phương, Thiện câu pháp kế.

Vĩnh sinh Tất Đạt, Đạt sinh Tất Giảng.

Đình Sở Chi Thất công đệ tứ nam, quan Lễ bộ lang trung. Kỳ hậu ốc bản huyện Văn Quán trang.

Đình Chất Bính Dân niên sinh (Chi Thất công đệ ngũ nam), hiệu Thận Trai, cử Tân Sửu Tiến sĩ. Hữu dực vận công, phụng ban công thân, dữ quốc đồng hưu, lịch sĩ Bồi tụng Binh bộ Thượng thư, Phương quận công, tặng Thiếu bảo, tử thụy Đoan Cẩn. Sinh nam tam, trưởng Đôn Thản, thứ Tông Bảo, thứ Đình Toàn.

Đôn Thản huý Huy Tôn lãnh Hương tiến, quan Triều liệt đại phu, Hộ bộ bản tịch, ty lang trung phiên (nhất thuyết Lễ phiên) Thiêm tri, tặng Quang lộc tự khanh, sinh nhị nam, trưởng Phúc Thực (tức Đình Thực), thứ Phúc Trử.

Phúc Thực (hựu danh Dân, nho sinh trúng thức) quan Hiển cung đại phu, sinh tam nam Đình Cáp, Đình Tuy, Đình Mậu, ẩm thụ Hiển cung đại phu.

Mậu (hựu danh Hiệp) ẩm Mậu lâm lang, sinh Đình Tục, Đình Nam.

Tục sinh Đình Lịch. Lịch trúng tam khoa Tú tài, sinh Đình Khánh, Đình Xương.

Phúc Trứ (hữu danh Tuân) quản nhuệ hữu đội thuộc Sơn Tây trấn công vụ Cự Vũ bá tước sinh Đình Bính.

Bảo quan Triều liệt đại phu, Sơn Tây Tham nghị, sinh nam trưởng Tông Vĩ, thứ Đình Lý, thứ Đình Ứng.

Tông Thường lãnh Hương tiến, quản Kim Ngô vệ.

Đình Lý quan Vệ uý.

Đình Ứng quản kỵ nhị đội, sinh Đình Cối, Đình Lộc.

Cối sinh Đình Mẫn, Đình Thọ, Đình Phú.

Đình Toàn lãnh Hương tiến, quan Hạ Hồng Tri phủ, sinh Đình Hiếu nho sinh.

Đình Trụ (Chi Thất công đệ lục nam) trúng Sinh đồ. Kỳ hậu óc bản huyện Văn Quán trang.

Đức Thắng (Phúc Tiến công đệ nhị nam, hiệu Trung Mẫn) Nhâm Thìn khoa Thư toán, lịch quan Hộ bộ lang trung, quản Thiên hùng cơ, Diêu Đường tử. Dĩ năng thi đắc hạnh, tặng Thiêm sự, sinh nam tam, trưởng Tông Thái, thứ Tông Dĩnh, thứ Đình Đức.

Tông Thái tự Dĩnh Trục, Bính Tý khoa Hương tiến, Tri Diên Hà huyện. Sinh nam nhị Tông Viêm, Tông Nghi.

Tông Viêm hiệu Tuân Lý, lãnh Hương tiến, quan Hình bộ viên ngoại lang, thọ cửu thập nhất, phụng chuẩn ngũ lão. Sinh An Nghĩa. Nghĩa sinh Tông Đảng, Tông Nghi.

Tông Nghi sinh Tông Vĩnh, Tông Phổ.

Tông Vĩnh sinh Tông Khuyển, Tông Khuyển sinh Tông Tâm, Đình Thuyên.

Tông Tâm sinh Đình Xán, Đình Trác.

Đình Thuyền cư An Lạc huyện Phượng Trì xã Thiệu Tổ thôn, sinh nhị nam Đình Chính, Đình Vọng.

Tông Phổ sinh Đình Trọng, Trọng sinh Tông Thuyên.

Tông Dĩnh Ất Mão khoa Hương tiến, sinh Tông Tân (húy Khải). Tân lãnh Canh Ngọ khoa Hương tiến.

Đình Đức tự Lạc Tổ, Tân Mão khoa hương thí tam trường, quan Tiến công thứ lang trung thành bình mã lang tướng ty đô sự Huân Thọ tử, sinh Bá Côn. Côn hiệu Thanh Trai, Ất Mão hương tiến, quan Tự thừa. Sinh nam tam, trưởng Huy Nhiễm, thứ Duy Phiên, thứ Phúc Trứ.

Huy Nhiễm nho sinh, Kim Hoa huyện thừa, thăng Cần sự lang quang lộc tự thừa.

Duy Phiên Nhâm Tý hương tiến, quan Hồng lô tự ban, sinh Tông Diễn, Tông Kiên. Diễn sinh Hiễn, Hiễn sinh Thế Dĩnh, Thế Dụ. Dụ sinh Đình Thuận.

Tông Kiên sinh sinh Đình Vinh, Đình Thái, Đình Phái.

Vinh sinh Đình Liêu, Đình Huy.

Đình Phái vi Đình Đảng tự, sinh Tông Trạc, Tông Quỳ.

Phúc Trứ, hiệu Ưc Phong, quan Lại bộ lang trung, sinh nam tứ, Tông Đắc, Huy Đăng, Huy Doanh, Huy Châu.

Tông Đắc sinh Huy Chính.

Huy Doanh sinh Huy Truyền.

Tuấn Lương (Phúc Tiến công đệ tam nam) phủ sinh, sinh Đoan Hậu. Đoan Hậu sinh Tích Thiện. Tích Thiện quan Thạch Thất Tri huyện, sinh Đình Khoan, Đình Xiêm.

Khoan lãnh hương tiến, sinh nam Đình Đường, Đình Tự, Tự sinh Đình Thứ.

Xiêm nho sinh, sinh Đình Thạnh.

Đức Dụ (Phúc Tiến công đệ tứ nam, hiệu Cương Trực) Ất Mão Thư toán giải nguyên, quan An Hưng Huyện thừa. Sinh Phúc Trọng, Phúc Trọng sinh Tuấn Trạc. Tuấn Trạc tự Ôn Bác hiệu Quy Xuyên, lãnh hương tiến, quan Binh bộ lang trung. Thọ cửu thập nhị, phụng chuẩn tam lão, sinh cửu nam, Huy Sách, Huy Lưu, Huy Cung, Trọng Vĩ, Huy Nhu, Cao Trí, Quý Sảng, Khắc Tri, Đăng Quĩ.

Huy Sách (hiệu Thị Am), sinh Bá Phấn, Trọng Huỳnh.

Bá Phấn sinh Tất Đạt, Tất Thông, Bá Hiến.

Đạt sinh Bá Khoát.

Thông sinh Tất Hoạt.

Trọng Huỳnh sinh Huy Thiêm, Trọng Vinh, Huy Xuyên, Huy Hổ.

Huy Thiêm quan Kinh lịch, sinh Huy Hưng, Hưng sinh Học.

Trọng Vinh sinh Huy Xán, Xán biệt danh Ái, trúng Tú tài, quan Giáo thụ, thăng Lạng Sơn Điện học. Sinh Đình Tích.

Huy Xuyên quan Kinh lịch, sinh Huy Khuê, Huy Trân, Huy Bích.

Khuê trúng Tú tài sinh Đình Luyện, Đình Căn, Đình Duyên.

Huy Lưu hiệu Đạo Thiêm, sinh Bá Uông, Uông sinh Đình Thuật. Thuật sinh Đình Linh.

Huy Cung hiệu Uẩn Nhã, sinh Đức Huyền, Huyền sinh Đức Lương. Lương sinh Đức Quyên, Đức Hy.

Trọng Vĩ hiệu Ôn Thuần, sinh Đức Hiệp, Hiệp sinh Côn.

Huy Nhu hiệu Ôn Thục, quan Sơn Vi Tri huyện, sinh Huy Thìn, Thìn quan Kinh lịch, sinh Huy Ninh.

Cao Trí phạp kế.

Quý Sảng hiệu Phúc Thiện, sinh Đình Lịch, Lịch sinh Lai.

Khắc Tri tự Minh Kiến, sinh ngũ nam, Khắc Chiêu, Khắc Thiệu, Khắc Đa, Khắc Thiện, Khắc Bảng.

Chiêu phạp kế.

Thiệu sinh Khắc Lửa, Khắc Hồng, Khắc Minh.

Lửa bổ lại mục, sinh Đình Đức, Đình Huy.

Đức trúng Tự Đức Đình Mão Cử nhân, quan Sơn Hưng Tuyên Giám sát ngự sử. Sinh Đình Triệt, Đình Tông, Đình Trúc.

Huy sinh Đình Trực, Đình Trinh.

Khắc Minh sinh Khắc Định.

Khắc Thiện sinh Khắc Trang, Trang sinh Khắc Mão.

Khắc Bảng sinh Khắc Phú (hệu danh Huy Phú).

Đăng Quỹ sinh Khắc Hồng.

Đức Trí (Phú Diễn công đệ tam nam) cử Sinh đồ, truyền chí Huyện thừa. Đình Tích đăng thị kỳ hậu.

Đức Tuấn công (Phú Diễn công đệ tứ nam) hiệu Phúc Thuần, sinh đắc Hiền hiệu Hưu Mỹ, quan Hồng lô tự khanh, sinh nam ngũ, trưởng Quang Hiễn, thứ Minh Duệ, thứ Phúc Tường, thứ Mẫn Thông, thứ Phúc Hậu.

Minh Duệ huy Tuấn Di, Mậu Thìn khoa Tiến sĩ, vì bản tộc phát giáp chí thủy, ứng chế hợp cách, dĩ văn chương minh thế, sĩ chí Hàn lâm viện hiệu ụy, vô kế.

Phúc Hậu sinh Đình Thực, Đình Hoè.

Thực tự Nhã Lượng, sinh Phúc Thận, Phúc Thận sinh Đình Vi.

DỊCH NGHĨA:

ĐỜI THỨ NĂM

Tổ khảo đời thứ năm là Ninh Sơn chủ bạ, Ngô quý công hiệu Phúc Nguyên tiên sinh, và cụ bà là chính thất, gọi theo chức cụ ông, Nguyễn quý thị, hiệu Thuần Nhất huy nhân.

Tiên tổ huy Tốt, tự Thế Vinh, được tập ấm quan viên tôn⁽¹⁾ thi đỗ Thư toán, năm Quang Bảo thứ 8 triều Mạc (1551) (Trong gia phả của con thứ trong chi trưởng, ghi cụ thi đỗ Hoa văn), được bổ chức Chủ bạ huyện Ninh Sơn. Lúc đó Quảng Công quấy nhiễu phương nam đã 18 năm, cụ bèn tránh nạn tại thôn Cẩm Chương, huyện Đông Ngàn thuộc phủ Từ Sơn, nhân kết duyên với Tổ tỷ (khuyết tên huy) là người làng ấy, sinh được 2 trai, 1 gái. Con gái tên Thị Vi về sau không rõ tông tích. Con trai trưởng là cụ Trung Tuấn ta. Cụ Thời Dụng là con thứ (Thời Dụng thi đỗ Thư toán, được bổ Đề lại, sinh được con là Phú Việt. Phú Việt sinh Phú Hữu. Phú Hữu sinh 2 trai, một là Tài Tiến, một là Đức Miện không có con).

Kế Tổ tỷ huy Tiệm, người xã Đại Hành Hạ Thanh Oai, không có con, chăm sóc con chồng coi như con đẻ ra. Tổ khảo thường nhân đó, dặn dò con cháu chớ có quên công.

Tổ khảo mất ngày 29 tháng Giêng, hưởng thọ 85 tuổi, Tổ tỷ mất ngày mùng 5 tháng 5, kế Tổ tỷ mất ngày 20 tháng 10, hợp táng tại xứ Chiêng Chính Mả Cả. Cháu đời thứ tám là Đạt Hiên công kính dâng tên phần mộ, gọi là “Xương phần.” Trên mộ có dựng bia.

Kính chép chi thứ

Cụ Phúc Toàn là con trai cụ Phúc Nguyên ta, được tập ấm quan viên tôn, thọ 81 tuổi, sinh 2 trai, cả Phúc Đại, thứ Phúc Diễn. Con cháu Phúc Đại truyền đến Đề lại Ngô Đình Gián, quan viên tử Ngô Đình Yển là dòng dõi của cụ.

Phúc Diễn sinh 4 trai, cả là Nhân Trung, thứ Đức Phú, thứ nữa Đức Trí, út Đức Tuấn.

Nhân trung là con cả cụ Phúc Diễn, làm quan chức Thuỷ quân tri bạ, sinh Phúc Khang. Phúc Khang sinh Phúc Thắng. Phúc Thắng sinh Phúc Trọng. Phúc Trọng sinh Đình Lương, Đình Yển.

Lượng tên tự Thuần Trực, sinh ra Thuần Nghĩa và Phúc Đạt. Phúc Đạt sinh Đình Tân. Đình Tân sinh Đình Lập và Đình Thành.

Đình Lập sinh Đình Khởi, Đình Thái.

Đình Yển tự Thuần Chí, sinh Đình Kiểu. Đình Kiểu sinh Đình Quy và Đức Phú (Đức Phú là con trai thứ hai cụ Phúc Diễn, tự là Phúc Tiến, thụy Tâm Chính), đỗ Thụ toán khoa Mậu Thìn, làm quan chức Quang tiến thân lộc đại phu, Đại lý tự Tụ thừa, tằng Đặc tiến kim tử vinh lộc đại phu, Lễ bộ Hữu thị lang, lại phong Ngự sử đài Đô ngự sử, Kiêm Thọ hầu. Cụ sinh 4 trai, thọ 75 tuổi. Con trưởng Chi Thất, con thứ Đức Thắng, Tuấn Lương và Đức Dụ.

Chi Thất là con trưởng cụ Phúc Tiến, tự Tuấn Mậu, đỗ Giải nguyên khoa Hoàng tử (có bản ghi khoa Sĩ vọng), quan tới Lại bộ Lang trung, phong tằng Đặc tiến kim tử vinh lộc đại phu, Hộ bộ Tả thị lang, lại được phong thêm chức Ngự sử đài Đô ngự sử, Thế Hiển hầu. Cụ sinh được 6 trai, con cả Đình Quế, thứ đình Thạc, Phúc Triêm, Đình Sở, Đình Chất, Đình Trụ.

Đình Quế là con cụ Chi Thất, đỗ Sinh đồ, tằng Thiếu khanh, Đình Ngôn là dòng dõi của cụ.

Đình Thạc sinh năm Mậu Ngọ, là con trai thứ hai cụ Chi Thất, hiệu Nhận Trai, đỗ Tiến sỹ khoa Canh Thìn, phụng mệnh đi sứ, có tập thơ Thánh tiết thi tập. Trai thăng tới Đặc tiến kim tử vinh lộc đại phu, Tham tụng, Hộ bộ Thượng thư, Thị kinh diên, Huy quận công, ra làm Đốc trấn Lạng Sơn, tuấn tiết vì nghĩa, mất ở nơi làm quan, được thăng Thiếu bảo, cho tên thụy Đôn Nhã. Sinh được 2 trai, cả Đình Bàn, thứ Đình Anh.

Đình Bàn làm tới chức Triều liệt đại phu, Thị vệ trung uý, được phong tặng chức Chiêm sự tráng tiết tướng quân, tước Lâm Vũ hầu. Sinh được 6 trai, cả Phúc Cử, thứ Đình Quán, Phúc Thiện, Phúc Tiết, Đình Tướng, Đình Khôi.

Phúc Cử làm tới chức Hiến cung đại phu, sinh được 2 trai Đình Thạc và Đình Chân.

Đình Sưu sinh được 3 trai, cả Đình Minh, thứ Đình Khuê, út Đình Liên.

Đình Khuê sinh Đình Khoát, Đình Khoát sinh Tạo.

Phúc Thiện (là con thứ của Đình Bàn), sinh Đình Sơn, Đình Tuấn, Đình Điện, Đình Trí, đều tập ấm Tú lâm cục.

Đình Điện sinh Đình Hán, Đình Kỷ. Đình Kỷ sinh Đình Cẩm, Đình Câu.

Đình Trí sinh 3 trai, là Đình Quế, Đình Văn, Đình Đăng.

Đình Quế (con Đình Trí) sinh Đình Đĩnh, Đình Đĩnh sinh Đình Chuyên, Đình Bàng, Đình Nghiên, Đình Thiết.

Đình Chuyên sinh Chu và Sở.

Đình Bàng sinh Cơ.

Đình Đăng (con Đình Trí) sinh Đình Chiêm.

Khang Tiết (con thứ Đình Bàn) sinh Đình Trị. Trị sinh Đình Lộc. Đình Lộc sinh Đình Tuy.

Đình Trương (con thứ Đình Bàn) sinh Đình Vực. Vực sinh Đình Hình. Đình Hình sinh Đình Cản. Đình Cản sinh Đình Khánh, Đình Trạch và Đình Sủng.

Đình Khôi sinh Đình Vũ.

Đình Anh (con thứ 2 Đình Thạc, em Đình Bàn), làm quan tới Hoàng tìn đại phu, sinh được 2 trai là Đình Hoa và Đình Sở.

Đình Hoa sinh Đình Doãn, Đình Ngạc, Đình Tân.

Đình Doãn sinh Đình Ngoạn, Đình Nhậm.

Đình Ngoạn sinh Đình Tuân, Đình Lâm, Đình Thọ, Đình Tuất.

Đình Ngạc (con Đình Hoa) sinh Đình Điền, Đình Điền tự là Phác Hiên, đỗ nhị giáp Tiến sỹ khoa Tân Sửu, bổ Tri phủ Nam Sách, sinh được 5 trai, cả là Đình Thuy, thứ là Đình Sán, Đình Ái, Đình Trân, Đình Khang.

Đình Sán làm quan Tri huyện, sinh Đình Nhuệ.

Phúc Triêm (con trai thứ 3 của Chi Thất), làm quan Đồn điền sở sứ, sinh 4 trai. Con trưởng là Đạt Đạo, thứ Đình Lan, Đình Ngọc và Gia Tân.

Đạt Đạo làm quan tới chức Đại lý tự Tự thừa, được tặng chức Chiêm sự, sinh 5 trai, là Tông Liên, Phúc Tương, Phúc Cách, Đình Hoạt, Đình Cầu.

Phúc Tương làm quan Tri sự, sinh 3 trai, là Đình Giám, Đức Tuấn, Đình Thuyên.

Đức Tuấn (con Phúc Tương) sinh Đình Thường, Đình Hà. Thường sinh Đình Căn, Đình Cơ. Hà sinh Đình Nghiễm.

Phúc Cách (con Đạt Đạo), tự Nhã Trai, làm chức Đồn điền sở sứ, sinh Đôn Hậu. Đôn Hậu sinh Thời Lượng. Thời Lượng làm quan Tri huyện An Sơn, tước Hoè Phong tử, sinh Đình Căn, Đình Long, Đình Hổ, Đình Hùng.

Đình Căn được trao hàm bát phẩm ở Hưng Yên, sinh Huy Khiêm, Khiêm sinh Nhận.

Đình Long (con Thời Lượng) sinh Đình Mưu, Đình Nhượng, Đình Giảng, Đình Thuyết, Đình Vĩnh.

Đình Mưu sinh Quán, Thành.

Đình Nhượng sinh Luận.

Đình Lan (con thứ Phúc Triêm, em Đạt Đạo) sinh Đình Tập.

Đình Ngọc sinh Đình Kỳ là Nho sinh, và Đình Vĩ.

Gia Tân (con trai út Phúc Triêm) làm Huyện thừa huyện Kim Thành, chức Tiến công thứ lang, tước Hoàng Trung tử, sinh Thuần Trí.

Thuần Trí làm Huyện thừa huyện Vĩnh Khang, chức Tiến công thứ lang, thăng tước bá, sinh Đình Khoa, Đình Đính và Đình Trí, đều được tập ấm Tú lâm cục.

Đình Khoa sinh Đình Kiều. Đình Kiều được bổ làm Lại mục, sinh Đình Tâm và Đình Cung.

Đình Tâm sinh Đệ, Tính.

Đình Cung sinh Khái, Đính, không có con.

Đình Trí (con Đình Trí) sinh Đình Chấn, Đình Chân, Đình Phương, Đình Thiện, Đình Vĩnh.

Đình Tuấn sinh Ngọc, Ngoạn bổ Lại mục.

Ngọc sinh Thuy, được phong Cửu phẩm văn giai.

Đình Châu (con Đình Trí) sinh Ngọc Thành, Đình Toàn, Đình Côn.

Ngọc Thành sinh Đình Tuất và Phương Thiện, đều không có con.

Đình Vĩnh (con Đình Trí) sinh Tất Đạt, Đạt sinh Tất Giảng.

Đình Sơ (con trai thứ 4 cụ Chi Thất) làm quan tới Lễ bộ Lang trung. Con cháu sau này ở làng Văn Quán, huyện nhà.

Đình Chất (con trai thứ 5 cụ Chi Thất), sinh năm Bính Dần, hiệu Thuận Trai, Tiến sĩ khoa Tân Sửu, có công phò vua, được phong công thần, vẻ vang cùng với nước. Trai làm quan tới chức Bồi tụng Binh bộ Thượng thư, tước Phương quận công, được thăng Thiếu bảo, ban tên thụy Đoan Cẩn. Sinh được 3 trai, cả là Đôn Thản, thứ là Tông Bảo và Đình Toàn.

Đôn Thản húy Huy Tô n, đỗ Hương tiến, quan tới chức Triều liệt đại phu, Hộ bộ bản tịch, tư lang trung phiên (có bản là Lễ phiên) Thiêm tri,

được tặng hàm Quang lộc tự khanh. Sinh được 2 trai, cả là Phúc Thực (tức Đình Thực), thứ Phúc Trứ.

Phúc Thực (còn có tên là Dận), là Nho sinh trúng thức, quan tới Hiến cung đại phu. Sinh 3 trai: Đình Hợp, Đình Tuy, Đình Mậu, được tập ấm Hiến cung đại phu.

Mậu lại có tên Hiệp, được tập ấm Mậu lâm lang, sinh Đình Tục, Đình Nam.

Đình Tục sinh Đình Lịch. Lịch đỗ Tú tài 3 khoa, sinh Đình Khánh, Đình Xương.

Phúc Trứ (con Đôn Thản), lại có tên là Tuân, quản Nhuệ Hữu đội thuộc Công vụ trấn Sơn Tây, tước Cự Vũ bá, sinh Đình Bính.

Tông Bảo (con trai thứ Đình Chất), quản Triều liệt đại phu, Tham nghị trấn Sơn Tây. Sinh được 3 trai, cả Tông Thường, thứ Đình Lý, út Đình Ứng.

Tông Thường đỗ Hương tiến, Quản vệ Kim ngô.

Đình Lý giữ chức Vệ úy.

Đình Ứng quản 2 đội kỵ mã, sinh Đình Côi và Đình Lộc.

Côi sinh Đình Mẫn, Đình Thọ, Đình Phú.

Đình Toàn đỗ Hương tiến, làm tri huyện phủ Hạ Hồng, sinh Đình Hiếu đỗ Nho sinh.

Đình Trụ (con trai thứ 6 cụ Chi Thát), đỗ Sinh đồ. Con cháu sau làm nhà ở làng Văn Quán, thuộc huyện nhà.

Đức Thắng (con trai thứ 2 cụ Phúc Tiến), hiệu Trung Mẫn, đỗ Thư toán khoa Mậu Thìn, làm quan trải tới Hộ bộ Lang trung, quản cơ Thiên hùng, tước Diệu Đường tử. Vì giỏi thơ, nên được vua yêu mến, tặng cho chức Chiêm sự. Sinh 3 trai, cả Tông Thái, thứ Tông Dĩnh và Đình Dục.

Tông Thái tự Đình Trục, đỗ Hương tiến khoa Bính Tý, quan Tri huyện Diên Hà. Sinh 2 trai Tông Viêm và Tông Nghi.

Tông Viêm hiệu Thuần Lý, đỗ Hương tiến, quan tới Hình bộ Viên ngoại lang, thọ 91 tuổi, được dự hàng ngũ lão. Sinh An Nghĩa, Nghĩa sinh Tông Đảng, Tông Nghi.

Tông Nghi sinh Tông Vĩnh, Tông Phả.

Tông Vĩnh sinh Tông Khuyến. Tông Khuyến sinh Tông Tâm và Đình Thuyên.

Tông Tâm sinh Đình Sán, Đình Trác.

Đình Thuyên cư trú thôn Thiệu Tổ, xã Phượng Trì, huyện An Lạc, sinh 2 trai, Đình Chính và Đình Vọng.

Tông Phả (con Tông Nghi) sinh Đình Trọng, Trọng sinh Tông Thuyên.

Tông Đình đỗ Hương tiến khoa Ất Mão, sinh Tông Tân huý Khải. Tông Tân đỗ Hương tiến năm Canh Ngọ.

Đình Dục (con thứ 3 cụ Đức Thắng), tự Lạc Tổ, thi hương đỗ tam trường khoa Tân Mão, quan tới Tiến công thứ lang, trung thành bình mã lang tướng Tư đô sự, tước Huân Thọ tử. Sinh được Bá Côn, Côn hiệu Thanh Trai, đỗ Hương tiến khoa Ất Mão, quan tới Tự thừa. Sinh 3 trai, cả Huy Nhiễm, thứ Duy Phan, út Phúc Trứ.

Huy Nhiễm đỗ Nho sinh, quan Huyện thừa huyện Kim Hoa, được thăng hàm Cẩn sự lang Quang lộc tự thừa.

Duy Phan đỗ Hương tiến khoa Nhâm Tý, quan tới Hồng lô tự ban. Sinh Tông Diễn, Tông Kiên. Tông Kiên sinh Hiễn, Hiễn sinh Thế Đình, Thế Thước. Thước sinh Đình Thuận.

Tông Kiên sinh Đình Vinh, Đình Thái, Đình Phái.

Đình Vinh sinh Đình Liên, Đình Huy.

Đình Phải làm con kế tự cụ Đình Đăng, sinh Tông Trạc, Tông Quý.

Phúc Trước (con thứ 3 cụ Đình Dục), hiệu Ưc Phong, quan tới chức Lại bộ Lang trung. Sinh 4 trai: Tông Đắc, Huy Đăng, Huy Doanh, Huy Châu.

Tông Đắc sinh Huy Chính.

Huy Doanh sinh Huy Truyền.

Tuấn Lương (con thứ 3 cụ Phúc Tiến) đỗ Phủ sinh, sinh Doan Hậu. Doan Hậu sinh Tích Thiện. Tích Thiện quan Tri huyện huyện Thạch Thất, sinh Đình Khoan, Đình Tiêm.

Đình Khoan đỗ Hương Tiến, sinh 2 trai Đình Đường và Đình Tự. Tự sinh Đình Thứ.

Đình Tiêm, đỗ Nho sinh, sinh Đình Thạch.

Đức Dụ (con trai thứ 4 cụ Phúc Tiến), hiệu Cương Trực, đỗ đầu Thư toán khoa Ất Mão, quan Huyện thừa huyện Yên Hưng. Sinh Phúc Trọng, Trọng sinh Tuấn Trạc. Tuấn Trạc tự Ôn Bác, hiệu Quy Xuyên, đỗ Hương tiến, quan tới Binh bộ lang trung, thọ 92 tuổi, được dự hàng tam lão. sinh 9 trai là Huy Sách, Huy Lự, Huy Cung, Huy Vĩ, Huy Nhu, Cao Trí, Quý Sảng, Khắc Tri, Đăng Quý.

Huy Sách hiệu Thị Am, sinh Bá Phấn, Trọng Huỳnh.

Bá Phấn sinh Tất Đạt, Tất Thông, Bá Hiễn.

Tất Đạt sinh Bá Khoát.

Tất Thông sinh Tất Hoạt.

Trọng Huỳnh sinh Huy Thiêm, Trọng Vinh, Huy Xuyên và Huy Hồ.

Huy Thiêm làm chức Kinh lịch, sinh Huy Hưng, Hưng sinh Học.

Trọng Vinh sinh Huy Xán. Xán còn có tên khác là Ái, đỗ Tú tài, làm quan Giáo thụ, thăng Điển học ở Lạng Sơn, sinh Đình Tích.

Huy Xuyên làm chức Kinh lịch, sinh Huy Khuê, Huy Trân, Huy Bích.

Huy Khuê đỗ Tú tài, sinh Đình Luyện, Đình Căn, Đình Duyên.

Huy Lựu (con thứ 2 cụ Tuấn Trạc), hiệu Đạo Thiệm, sinh Bá Ưông, Ưông sinh Đình Thuật. Thuật sinh Đình Linh.

Huy Cung (con thứ 3 cụ Tuấn Trạc), hiệu Uẩn Nhã, sinh Đức Huyền. Đức Huyền sinh Đức Lương, Lương sinh Đức Quyên, Đức Hy.

Trọng Vĩ (con thứ 4 cụ Tuấn Trạc), hiệu Ôn Thuần, sinh Đức Hợp. Hợp sinh Côn.

Huy Nhu (con thứ 5 cụ Tuấn Trạc), hiệu Ôn Thục, quan Tri huyện huyện Sơn Vi, sinh Huy Thìn. Huy Thìn giữ chức Kinh lịch, sinh Huy Ninh.

Cao Trí (con thứ 6 cụ Tuấn Trạc) không có con.

Quý Sảng (con thứ 7 cụ Tuấn Trạc) hiệu Phúc Thiện, sinh Đình Lịch, Lịch sinh Lai.

Khắc Tri (con thứ 8 cụ Tuấn Trạc) tự Minh Kiến, sinh 5 trai: Khắc Chiêu, Khắc Thiệu, Khắc Đa, Khắc Thiện và Khắc Bảng.

Khắc Chiêu không có con.

Khắc Thiệu sinh Khắc Lửa, Khắc Hồng, Khắc Minh.

Khắc Lửa được bổ làm Lại mục, sinh Đình Đức, Đình Huy.

Đình Đức đỗ Cử nhân khoa Đinh Mão niên hiệu Tự Đức, quan Giám sát ngự sử, coi Sơn, Hưng, Tuyên, sinh Đình Triệt, Đình Tùng và Đình Hành.

Đình Huy (con Khắc Lửa) sinh Đình Trưng, Đình Trục và Đình Trinh.

Khắc Minh (con thứ 3 cụ Khắc Thiệu) sinh Khắc Định.

Khắc Thiện (con thứ 4 cụ Khắc Tri) sinh Khắc Trang, Trang sinh Khắc Mão.

Khắc Bảng (con thứ 5 cụ Khắc Tri) sinh Khắc Phú, lại có tên là Huy Phú.

Đăng Quỹ (con thứ 9 cụ Huy Trạc) sinh Khắc Hồng.

Đức Trí (con thứ 3 cụ Phúc Diễn) đỗ Sinh đồ, quan Huyện thừa. Bọn Đình Tích là dòng dõi của cụ.

Đức Tuấn (con thứ 4 cụ Phúc Diễn) hiệu Phúc Thuần, sinh Đắc Hiên. Hiên hiệu Hư Mỹ, quan tới Hồng lô tự khanh, sinh 5 trai, cả Quang Hiên, thứ Minh Duệ, Phúc Cường, Mẫn Thôn và Phúc Hậu.

Minh Duệ, huý Tuấn Dị, Tiến sỹ khoa Mậu Thìn, là người đầu tiên đỗ giáp khoa của bản tộc, ứng chế hợp cách, nổi tiếng về văn chương, quan tới Hàn lâm viện hiệu uý, không có con.

Phúc Hậu (con trai uý cụ Đức Tuấn) sinh Đình Thực, Đình Hoè.

Thực tự Nhã Lượng, sinh Phúc Thận. Phúc Thận sinh Đình vi.

CHÚ THÍCH:

1. Tập ấm quan viên tôn: Vì ông làm quan to, nên cháu được tập ấm, gọi “ấm tôn,” còn cha được tập ấm thì gọi là “ấm tử.”

第六代

第六代祖考，進功庶郎瓊瑰縣丞，吳貴公，字忠俊，號和溪先生，及妣依夫職吳貴公正室，號慈良徽人。

先祖諱護，字祚，以丁巳年生，試中書筭（甲之乙家譜謂公應花文科試中）補吏部都吏，遷瓊瑰縣縣丞。乙巳年初一日終，壽四十九。

祖妣諱鑾以乙丑年生，福林西甲舍書公之長女（精於縫衽，後世女工祖於此）生男一女三，長女諱綴乃阮得信之祖妣。次女諱貢，乃本社正進士都科吳爲實之祖妣，進士監察吳爲儒之曾祖妣。季女諱廣嫁清池縣盛烈裴尚書之次孫。男即我直誠公也。甲戌年十二月十三日，祖妣終，壽七十。

祖考墓原葬右青威社龜處。六代孫午峰公扞歸本社塢奇處，後再扞就鉦正中處坐乙向亥，在福源公墓左。祖妣墓，相傳葬塢奇中處，中間失認，午峰公與堂兄情派子查得，及開視不依所傳山向，不敢與祖考合藏，因扞本社妙處。甲午九月再扞就鉦正中處，與祖考墓同域異墳（亦坐巳向亥）在福源公墓右。七代孫達軒公上墳號，曰寧墳，墳有石誌。

PHIÊN ÂM:

ĐỆ LỤC ĐẠI

Đệ lục đại tổ khảo, Tiến công thứ lang Quỳnh Côi Huyện thừa, Ngô Quý công tự Trung Tuấn, hiệu Hoà Khê tiên sinh, cập tỷ y phu chức, Ngô quý công chính thất hiệu Từ Lương huy nhân.

Tiên tổ huy Hộ, tự Tộ, dĩ Đình Ty niên sinh, thí trúng Thư toán (Giáp chi Ất, gia phẩm vị công ứng Hoa văn khoa thí trúng) bổ Lại bộ Đô lại

thiên Quỳnh Côi huyện Huyện thừa. Ất Ty niên sơ nhất nhật chung, thọ tứ thập cửu.

Tổ tỷ huy Loan dĩ Ất Sửu niên sinh, Phúc Lâm Tây giáp Xá Thư công chi trưởng nữ (tinh ư phùng nhâm. Hậu thế nữ công tổ ư thử) sinh nam nhất, nữ tam. Trưởng nữ huy Xuyết nãi Nguyễn Đắc Tín chi tổ tỷ. Thứ nữ huy Cống, nãi bản xã chánh Tiến sĩ đồ khoa Ngô Vi Thực chi tổ tỷ, Tiến sĩ Giám sát Ngô vi Nho chi tằng tổ tỷ. Quý nữ huy Quảng giá Thanh Trì huyện Thịnh Liệt Bùi Thượng thư chi thứ tôn. Nam tức ngã Trực Thành công dã. Giáp Tuất niên thập nhị nguyệt, thập tam nhật, tổ tỷ chung, thọ thất thập.

Tổ khảo mộ nguyên táng Hữu Thanh Uy xã Quy xứ. Lục đại tôn Ngô Phong công thiên quy bản xã Mả Cả xứ. Hậu tái thiên tộ Chình Chính Trung xứ, toạ Ất hương Hới, tại Phúc Nguyên công mộ tả. Tổ tỷ mộ tương truyền táng Mả Cả Trung xứ, trung gian thất nhận, Ngô Phong công dĩ đường huynh Tình Phái tử tra đắc, cập khai thị bất y sở truyền sơn hướng, bất cảm dĩ tổ khảo hợp tàng, nhân thiên bản xã Diêu xứ. Giáp Ngọ cửu nguyệt tái thiên tộ Chình Chính Trung xứ, dĩ tổ khảo mộ đồng vực di phần (diệc toạ Ty hương Hới), tại Phúc Nguyên công mộ hữu. Thất đại tôn Đạt Hiền công thượng phần hiệu, viết Ninh Phần. Phần hữu thạch chí.

DỊCH NGHĨA:

ĐỜI THỨ SÁU

Tổ khảo đời thứ sáu là Tiến công thứ lang giữ chức Huyện thừa huyện Quỳnh Côi Ngô quý công, tự Trung tuấn, hiệu Hoà Khê tiên sinh và chính thất là cụ bà gọi theo chức cụ ông, hiệu Từ Lương huy nhân.

Tiên tổ huy Hộ, tự là Tộ, sinh năm Đinh Ty, đỗ Thư toán (gia phả của ngành thứ trong chi trưởng, ghi cụ thi đỗ khoa Hoa văn), bổ làm Lại bộ

đô lại, chuyển làm Huyện thừa huyện Quỳnh Côi. Mất ngày mừng 1 năm Ất Tỵ, thọ 49 tuổi.

Tổ tử huý Loan, sinh năm Ất Sửu, là con gái cả cụ Sá Thư ở Giáp Tây, xã Quỳnh Lâm (cụ giỏi vá may. Nghề nữ công đòi sau bắt nguồn từ đây), sinh 1 trai, 3 gái. Con gái cả huý Xuyết là bà tổ 3 đời của Nguyễn Đắc Vỵ. Con gái thứ, huý Cống, là Tổ tỷ của chính Tiến sỹ đô khoa Ngô Vi Thực, là bà tổ 4 đời của Tiến sỹ giám sát Ngô Vi Nho. Con gái út huý Quảng, lấy cháu thứ hai của Thượng thư họ Bùi ở làng Thịnh Liệt, huyện Thanh Trì. Con trai tức là cụ Trục Thành ta vậy. Tổ tử mất ngày 13 tháng 12 năm Giáp Tuất, thọ 70 tuổi.

Mộ của Tổ khảo vốn táng tại xứ Quy, xã Hữu Thanh Oai. Cháu đời thứ 6 là Ngô Phong dọn về xứ Mả Cả bản xã. Sau lại dời về xứ Chinh Chính Trung. Mộ toạ Ất hướng Hợi (gối về hướng đông, hướng về tây bắc), đặt bên trái mộ cụ Phúc Nguyên. Mộ của Tổ tỷ tương truyền táng tại xứ Mả Cả Trung, sau bị thất lạc, cụ Ngô Phong với người anh họ tước Tình Phái tử tìm thấy, kịp khi mở ra, không đúng như phương hướng đã truyền lại, nên không dám hợp táng với Tổ khảo, nhân đó chuyển về đặt tại xứ Diệu bản xã. Tháng 9 năm Giáp Ngọ lại chuyển mộ về xứ Chinh Chính Trung, cùng khu vực với mộ của Tổ khảo, nhưng táng riêng, cũng toạ Ất hướng Hợi, đặt ở bên phải mộ cụ Phúc Nguyên. Cháu đời thứ 7 là Đạt Hiền kính dâng tên phần mộ, gọi là “Ninh phần.” Trên mộ có dựng bia.

第七代

第七代祖考，主簿吳貴公，號直誠府君，及妣吳公正室，號慈莊徽人。

祖考諱慎以丁亥年生，試中書算（甲支之乙家譜謂公應辛卯科花文試中）補吏，某科不詳。壬戌年五月二十三日終，壽三十六。

祖妣諱錦東中甲，福安公之長女，生三男，我福延公長也。次世蓋公，季熙載公。初祖考早終，祖妣年尚少，惟以貞節自律，教育諸子，皆克成立，人以德婦稱之。丁巳年三月二十二日考終，壽八十四。

祖考墓葬在本社鉦正處，亥龍入首，坐癸向丁，不詳兼某字。其地從光烈降為中支，至墓間，墓通等起少祖，五星歸坦，逐串田平行數折，並草蛇灰線低汙，幾不可辨，復束咽到穴。

PHIÊN ÂM:

ĐỆ THẤT ĐẠI

Đệ thất đại tổ khảo, Chủ bạ Ngô quý công, hiệu Trực Thành phủ quân, cập tử Ngô công chính thất, hiệu Từ Trang huy nhân.

Tổ khảo huy Thận dĩ Đình Hối niên sinh, thí trúng Thư toán (Giáp chi chi Ất, gia phả vị công ứng Tân Mão khoa Hoa văn thí trúng) bỏ lại, mỗ khoa bất tường. Nhâm Tuất niên ngũ nguyệt nhị thập tam nhật chung, thọ tam thập lục.

Tổ tỷ huy Cẩm Đông Rung giáp, Phúc An công chi trưởng nữ, sinh tam nam, ngũ Phúc Diên công trưởng dã. Thứ Thế Cái công, quý Hy Tái

công. Sơ tổ khảo tảo chung, tổ tỷ niên thượng thiếu, duy dĩ trình tiết tự luật, giáo dục chư tử, giai khắc thành lập, nhân dĩ đức phụ xứng chi. Đinh Ty niên tam nguyệt khảo chung, thọ bát thập tứ.

Tổ khảo mộ táng tại bản xã Chinh Chính xứ, Hới long nhập thủ, toạ Quý hướng Đinh, bất tường kiêm mộ tử. Kỳ địa tông Quang Liệt hàng vi trung chi, chí mộ gian, mộ thông đẳng khởi thiếu tổ, ngũ tình quy thân, trực quán điền bình hành sở chiết, tịnh thảo xà hôi tuyền đề mang, cơ bất khả biện, phục thúc yết đáo huyệt.

DỊCH NGHĨA:

ĐỜI THỨ BẢY

Tổ khảo đời thứ bảy là Chủ bà Ngô quý công, hiệu Trục thành phủ quân, và chính thất là cụ bà gọi theo chức cụ ông hiệu Từ Trang huy nhân.

Tổ khảo huy Thận, sinh năm Đinh Hợi, đỗ Thưa toán (Gia phả của ngành thứ trong chi trưởng chép thi đậu Hoa văn khoa khoa Tân Mão), bổ làm Lại ở khoa nào không rõ. Cụ mất ngày 23 tháng 5, năm Nhâm Tuất, thọ 36 tuổi.

Tổ tỷ huy Cẩm, là con gái cả cụ Phúc An ở giáp Trung Đông, sinh 3 trai, Phúc Diên là con trưởng, Thế Cái là con thứ, Hy Tái là con út. Xưa Tổ khảo mất sớm, Tổ tỷ tuổi hầy còn trẻ, nhưng tự giữ gìn trình tiết, nuôi dạy các con khôn lớn trưởng thành, mọi người đều khen là bậc “Đức phụ.” Cụ mất ngày 22 tháng 3 năm Đinh Ty, hưởng thọ 84 tuổi.

Mộ Tổ khảo táng tại xứ Chinh Chính xã nhà, tay long ở phương Hới (tây bắc) châu vào đầu, toạ Quý hướng Đinh (tức mộ gối về bắc hướng về nam), không rõ kiêm chữ gì. Đất ấy từ làng Quang Liệt kéo xuống làm chi giữa đến khoảng để mộ chung, nổi lên gò thiếu tổ, còn ngũ tình chầu vào, xuyên qua ruộng, hướng đi bằng phẳng, có vài đoạn bẻ queo, đều lờ mờ như sợi chỉ ở trong than, như rắn bò trong bụi cỏ, khó có thể phân biệt, sau lại thất vào đến huyệt.

第八代

第八代祖考，國饒學吳貴公字福延號安靖府君，及妣依夫職吳貴公正室，阮貴氏號慈光徽人。

祖考諱禁字萬點，以庚戌年（弘定十一年）生。少時爲國饒學，性敦厚恬樸，鄉人賢之，十一月十一日考終，壽八十三。

祖妣諱耘以乙卯年生，花舍東甲仲廣府君之次女。生三男，四女，長女諱衛，有女孫嫁嘉遠縣丞。次女諱耳，號貞潔乏嗣，六月二十二日忌。次女諱月號貞和乏嗣，五月初三日忌。次女諱鳩配本社吳姓，生女二，其長女吳氏妙配阮族，生男一，女二。男諱魁，其長女諱困，配吾吳雅實公之子忠暇公。長男碩侔，季男碩儒，雅實公其次男也。癸酉年八月初一日考終，壽七十九。

祖考墓葬在慈廉縣羅內社（舊譜言在瑪堆處）乃碩儒自擇葬父之地。

祖妣墓初葬本社正處田，乙亥年午峰公始扞葬廟田處，乘庚氣坐酉向卯，在阮族祖墓田之上，兩臂撐開穴前，垂褥三重，巒宮諸峰，遙遙拱照，亦一吉地。五代孫達軒公上墳號，曰建墳。墳有石誌。

恭錄次支

世蓋公字福憲，是我福延公之弟，生二男，真儒、碩重。

真儒生碩柱（試中書算）。碩柱生二男，長瑾，次瑜，並儒生。瑾無子，瑜有三男。

碩重生碩宏，碩宏生廷詢。詢屋居本縣金牌社，生時憲，憲領鄉貢，授登道知縣。生四男，其季男福簿公，生二男，長福潭，次福慶。

福慶生福達，福達生二男，長時中，次時亮。亮字欽軒，領明命庚子舉人，授水尾知州，今吳裕是其次男。

熙載公字福應，號篤敬先生，是我福延公之次弟，舉甲午科鄉薦，癸卯年五月初四日終，壽五十六。公只生一女，今從祀追遠壇。

PHIÊN ÂM:

ĐỆ BÁT ĐẠI

Đệ bát đại tổ khảo, quốc nhiều học Ngô quý công tự Phúc Diên hiệu An Tĩnh phủ quân, cấp tử y phu chức Ngô quý công chính thất, Nguyễn quý thị hiệu Từ Quang huy nhân.

Tổ khảo huy Cẩm tự Vạn Điểm, dĩ Canh Tuất niên (Hoàng Định thập nhất niên) sinh. Thiếu Thời vi quốc nhiều học, tính đôn hậu điềm phác, hương nhân hiền chi, thập nhất nguyệt thập nhất nhật khảo chung, thọ bát thập tam.

Tổ tỷ huy Sáu dĩ Ất Mão niên sinh, Hoa Xá Đông giáp Trọng Quảng phủ quân chi thứ nữ. Sinh tam nam, tứ nữ, trưởng nữ huy Vệ, hữu nữ Tôn giá Gia Viễn huyện thừa. Thứ nữ huy Nhĩ hiệu Trinh Khiết pháp tự, lục nguyệt nhị thập nhị nhật kỵ. Thứ nữ huy Nguyệt hiệu Trinh Hoà pháp tự, ngũ nguyệt sơ tam nguyệt kỵ. Thứ nữ huy Cửu phối bản xã Ngô tính, sinh nữ nhị, kỳ trưởng nữ Ngô Thị Diệu phối Nguyễn tộc, sinh nam nhất, nữ nhị. Nam huy Khôi, kỳ trưởng nữ huy Khốn, phối ngô Ngô Nhã Thực công chi tử Trung Hạ công. Trưởng nam Thạc Tông, quý nam Thạc Nho, Nhã Thực công kỳ thứ nam dã. Quý Dậu niên bát nguyệt sơ nhất nhật khảo chung, thọ thất thập cửu.

Tổ khảo mộ táng tại Từ Liêm huyện La Nội xã (cựu phủ ngôn tại Mả Đồi xứ) nãi Thạc Nho tự trách táng phụ chi địa.

Tổ tỷ mộ sơ táng bản xã Chính xứ điền, Ất Hợi niên Ngọ Phong công thủy thiên táng Miếu Điền xứ, thừa Canh khí toạ Dậu hướng Mão, tại Nguyễn tộc tổ mộ điền chi thượng, lưỡng ty xanh khai huyết tiền, thủy nhục tam trọng, Huỳnh Cung chư phong, dao dao củng chiếu, diệp nhất cát địa. Ngũ đại tôn Đạt Hiên công thượng phân hiệu, viết Kiến Phần. Phần hữu thạch chí.

Cung lục thứ chi

Thế Cái công tự Phúc Hiến, thị ngã Phúc Diên công chi đệ, sinh nhị nam, Chân Nho, Thạc Trọng.

Chân Nho sinh Thạc Trụ (thí trúng Thư toán). Thạc Trụ sinh nhị nam, trưởng Căn, thứ Du, tính nho sinh. Căn vô tử, Du hữu tam nam.

Thạc Trọng sinh Thạc Hoàng, Thạc Hoàng sinh Đình Tuân. Tuân ốc cư bản huyện Kim Bài xã, sinh thời Hiến, Hiến lãnh Hương cống, thụ Đăng Đạo Tri huyện. Sinh tứ nam, kỳ quý nam Phúc Bạ công, sinh nhị nam, trưởng Phúc Đàm, thứ Phúc Khánh.

Phúc Khánh sinh Phúc Đạt, Phúc Đạt sinh nhị nam, trưởng Thời Trung, thứ Thời Lượng. Lượng tự Khâm Hiên, lãnh Minh Mệnh Canh Tý Cử nhân, thụ Thuỷ Vĩ Tri châu, kim Ngô Du thị kỳ thứ nam.

Gy Tài công tự Phúc Ứng, hiệu Đốc Kính tiên sinh, thị ngã Phúc Diên công chi thứ đệ, cử Giáp Ngọ khoa Hương tiến, Quý Mão niên ngũ nguyệt sơ tứ nhật chung, thọ ngũ thập lục. Công chỉ sinh nhất nữ, kim tông tự Truy Viễn đàn.

DỊCH NGHĨA:

ĐỜI THỨ TÁM

Tổ khảo đời thứ tám là Quốc nhiều học Ngô quý công, tự Phúc Diên, hiệu An Tĩnh phủ quân, và cụ bà là chính thất gọi theo chức cụ ông, Nguyễn quý thị, hiệu Từ Quang huy nhân.

Tổ khảo huy Cấm, tự Vạn Điểm, sinh năm Canh Tuất, niên hiệu Hoàng Định thứ 11 (1610). Thuở nhỏ là Quốc nhiều học, tính tình đôn hậu, điềm đạm, giản dị, người trong làng khen là bậc hiền, mất ngày 11, tháng 11, hưởng thọ 83 tuổi.

Tổ tỷ huy Sáu, sinh năm Ất Mão, con gái thứ cụ Trọng Quảng phủ quân, người giáp Đông, xã Hoa Sá. Sinh 3 trai, 4 gái. Con gái cả huy Vệ, có cháu gái gả cho viên Huyện thừa huyện Gia Viễn. Con gái thứ huy Nhĩ, hiệu Trinh Khiết, không có con, mất ngày 22 tháng 6. Con gái thứ 3 huy Nguyệt, hiệu Trinh Hoà, không có con, mất ngày 3 tháng 5. Con gái út huy Cửu, lấy con trai họ Ngô xã nhà, sinh được 2 gái. Người con gái cả Ngô Thị Diệu lấy con trai họ Nguyễn, sinh được 1 trai và 2 gái. Con trai huy Khôi, con gái cả huy Khốn, lấy Ngô Trưng Hạ là con cụ Ngô Nhã Thực ta. Thạc Tông là trưởng nam, Thạc Nho là út, Nhã Thực là con trai thứ. Tổ tỷ mất ngày mùng 1 tháng 8, năm Quý Dậu, hưởng thọ 79 tuổi.

Mộ của Tổ khảo táng tại xã La Nội, huyện Từ Liêm (Gia phả cũ chép, táng tại xứ Mả Đồi), do cụ Thạc Nho tự chọn lấy để đặt mộ cha.

Mộ của Tổ tỷ khi trước táng tại ruộng xứ Chính, thuộc xã nhà. Năm Ất Hợi, cụ Ngọ Phong mới dời về xứ Miếu Điền. Mộ thu được nước ở phương Canh (phương tây), toạ Dậu hướng Mão (tức mộ gối phương tây bắc, hướng phương tây nam), tại phía trên ruộng mộ tổ họ Nguyễn, như hai tay chống mở trước huyệt, tựa tấm chắn trải rủ 3 tầng, có các ngọn núi Huỳnh Cung từ xa dội tới. Đó là một chỗ phát phúc. Cháu đời thứ 5 là Đạt Hiền kính dâng tên phần mộ, gọi là “Kiến phần.” Trên mộ có dựng bia.

Kinh chép chi thứ

Cụ Thế Cái, tự Phúc Hiến, là em trai cụ Phúc Hiến ta. Sinh được 2 trai là Chân Nho và Thạc Trọng.

Chân Nho sinh Thạc Trụ (thi đỗ Thư toán). Thạc Trụ sinh 2 trai, cả Cản, thứ Du, đều là Nho sinh. Cản không có con, Du 3 trai.

Thạc Trọng sinh Thạc Hoàng, Thạc Hoàng sinh Đình Tuân. Đình Tuân dựng nhà xã Kim Lan thuộc huyện nhà, sinh Thời Hiến. Hiến đỗ Hương cống, bổ Tri huyện huyện Đăng Đạo. Sinh được 4 trai, con trai út là Phúc Bạ, sinh 2 trai, cả Phúc Đàm, thứ Phúc Khánh.

Phúc Khánh sinh Phúc Đạt, Phúc Đạt sinh 2 trai, cả Thời Trung, thứ Thời Lượng. Lượng tự Khâm Hiến, đỗ Cử nhân khoa Canh Tý, niên hiệu Minh Mệnh, bổ Tri châu châu Thủy Vĩ. Nay Ngô Dụ là con trai thứ của cụ.

Cụ Hy Trí, tự Phúc Ứng, hiệu Đốc Kính tiên sinh, là em trai thứ cụ Phúc Diên ta, đỗ Hương tiến khoa Giáp Ngọ, mất ngày mùng 4 tháng 5, năm Quý Mão, thọ 56 tuổi. Cụ chỉ sinh 1 gái, nay được tông tự ở đàn Truy Viễn.

第九代

第九代少祖考，光進慎祿大夫，奉天府治中，盛祿男，吳貴公字通達號雅實府君，及妣依夫職吳公正室，阮氏號淑悌徽人。

祖考諱雲字碩德，以辛巳年四月二十五日生，領辛卯科書算解元，奉選入侍內書寫步兵番，以奉侍日久有功，奉敕首合水師。丙辰年祇受奉天府治中，加敕男爵。己未年奉差宣諭宣光等處，還京病終。時己未年八月二十一日，壽三十九，墓原葬塢數處，經三杆始定于塢奇之鉦正中處。

正祖妣諱粹，生二女，長名養嫁西中甲吳族人。次女名瑩，嫁東前甲吳族人，四月二十七日忌。墓舊在塢數處，庚寅春奉杆合葬祖考墓。

繼祖妣諱芳，西後甲，福賢公之季女，裴尚書之外玄孫，以癸巳年十二月二十五日生，歸我祖考繼生二男，長忠暉，我丹岳公其次也。丙辰年八月初五日終，壽八十四。墓經累遷，甲午年奉與祖考合葬在塢奇鉦正處。四代孫達軒公上墳號，曰豐墳。墳有石誌。

行狀略說

先祖善書，軍法最精。爲諸生時遊學京師，從者數百。片稿隻字，人爭寶之。從事試政，動守廉慎，隱有儒風，嘗自負所蘊。少年失腳吏途，鬱鬱不志，因斫案爲誓，以戒子孫。

繼祖妣慈儀，頗有顏色，能以婉婉睦其家，淑悌徽人與之爲姊妹。

淑悌先祖考卒，迨祖考壽終，慈儀年二十六，二子在抱，正室二女從養，獨以貞苦自守。時祖考執友，有欲謀娶者，慈儀心惡之婉辭曰：“須禮乃可”。其人喜，即送錢千緡。祖妣乃設酒需，遍招祖考故友。其人已先在坐。祖妣從容言曰：“諸君侯知今日之筵，是他欲聘妾之物否，諸君侯必不死，方可與此人爲友，脫有如妾先君子者，妻妾將爲他所買矣”。諸故友譁詆罵之。其人慚愧而退。是後聞風者，不敢有所戲虐。所居先祖慈良所遺鋪土在京中者，曰鼓舞坊，以縫紵爲生。祖考遺下田產頗豐，親自管照。其喪祭服食，一切消費，皆于二子之田貲取用。

二女既長，爲擇本社良家歸之，乃悉籍所分見貨，與見田付歸夫家，令按原數，不虧毫寸，人以是奇之。性最嚴峭，課責子女，辭色兼麗，不少假借，家人皆憚其嚴。

恭錄長次二支

碩侔字福綿，是我雅實公之兄，爲人豪樸，頗以貲產豪於鄉，壽八十，生二男。長挺豪，謹事郎知文朗縣。次廷倫，司農郎，無子。

豪有三男，長廷聰無後，次成名，次玉相，皆儒生。成名無嗣。玉相生二男，長廷佳。佳生三男，長廷仍，仍之嗣廷瑞（靖齋之譜廷甲）。

碩儒諱椿，字卓華，號忠肅先生，是我雅實公之弟。少聰敏有文名，嘗從親叔熙載公遊學，與本社進士吳爲儒相善，十九歲，領鄉薦，舉士望首選，以鴻臚寺班，遷吏部郎中（一遷吏部吳外郎），頗見親幸。正和八年，逆寬扇亂宣光，奉準監護，與碩郡公黎時海、督視鄧進相、阮當湖等，率屬將討之。凱還至家而病。上遣御醫調藥賜之，至彌留猶遣中使訊

問者數次。時丁卯四月二十一日終，壽三十一，贈參議無子。今從祀追遠壇。

PHIÊN ÂM:

ĐỆ CỬU ĐẠI

Đệ cửu đại thiếu tổ khảo, Quang tiến thận lộc đại phu, Phụng Thiên phủ tri trung, Thịnh Lộc nam, Ngô quý công tự Thông Đạt hiệu Nhã Thực phủ quân, cấp tử y phu chúc Ngô công chính thất, Nguyễn thị hiệu Thực Để huy nhân.

Tổ khảo huy Vân tự Thạc Đức, dĩ Tân Ty niên tứ nguyệt nhị thập ngũ nhật sinh, lãnh Tân Mão khoa Thư toán Giải nguyên, phụng tuyển nhập Thị nội thư tả bộ bình phiên, dĩ phụng thị nhật cửu hữu công, phụng ban Thủ hợp thủy sư. Bính Thìn niên kỳ thụ Phụng Thiên phủ tri trung, gia ban nam tước. Kỷ Vị niên phụng sai tuyên dụ Tuyên Quang đẳng xứ, hoàn Kinh bệnh chung. Thời Kỷ Vị niên bát nguyệt nhị thập nhất nhật, thọ tam thập cửu, mộ nguyên táng Mả Sở xứ, kinh tam thiên thủy định vu Mả Cả chi Chỉnh Chính Trung xứ.

Chính tổ tỷ huy Túy, sinh nhị nữ, trưởng danh Dưỡng giá Tây Trung giáp Ngô tộc nhân. Thứ nữ danh Oánh, giá Đông Tiền giáp Ngô tộc nhân, tứ nguyệt nhị thập thất nhật kỵ. Mộ cửu tại Mả Sở xứ, Canh Dần xuân phụng thiên hợp táng tổ khảo mộ.

Kế tổ tỷ huy Phương, Tây Hậu giáp, Phúc Hiền công chi quý nữ, Bùi Thượng thư chi ngoại huyền tôn, dĩ Quý Ty niên thập nhị nguyệt nhị thập ngũ nhật sinh, quy ngã tổ khảo kế sinh nhị nam, trưởng Trung Kiếu, ngã Đan Nhạc công kỳ thứ dĩ. Bính Thìn niên bát nguyệt sơ ngũ nhật chung, thọ bát thập tứ. Mộ kinh lũy thiên, Giáp Ngọ niên phụng dữ tổ khảo hợp

táng tại Mả Cả Chinh Chính xứ. Tứ đại tôn Đạt Hiền công thượng phần hiệu, viết Phong Phần. Phần hữu thạch chí.

Hành trạng lược thuyết

Tiên tổ thiện thư, quân pháp tối tinh. Vi chư sinh thời du học kinh sư, tòng giả số bách. Phiến cáo chích tự, nhân tranh bảo chi. Tòng sự thí chính, động thủ liêm thận, ẩn hữu nho phong, thường tự phụ sở uẩn. Thiếu niên thất cước lại đồ, uất uất bất chí, nhân chước án vi thê, dĩ giới tử tôn.

Kế tổ tử Từ Nghi, phả hữu nhan sắc, năng dĩ uyển miễn mục kỳ gia, Thục Đế huy nhân dữ chi vi tử muội.

Thục Đế tiên tổ khảo tốt, đãi tổ khảo thọ chung, Từ Nghi niên nhị thập lục, nhị tử tại bão, chính thất nhị nữ tòng dưỡng, độc dĩ trình khổ tử thủ. Thời tổ khảo chấp hữu, hữu dục mưu thú giả, Từ Nghi tâm ố chi uyển từ viết: “Tu lễ nãi khả.” Kỳ nhân hỷ, tức tống tiên thiên môn. Tổ tử nãi thiết tửu nhu, biến chiêu tổ khảo cố hữu. Kỳ nhân dĩ tiên tại toạ. Tổ tử thung dung ngôn viết: “Chư quân hầu tri kim nhật chi diên, thị tha dục sinh thiệp chi vật dĩ, chư quân hầu tất bất tử, phương khả dữ thử nhân vi hữu, thoát hữu như thiệp tiên quân tử giả, thê thiệp tương vi tha sở mĩ hỹ.” Chư cố hữu hoa đề mạt chi. Kỳ nhân tầm quý nhi thoái. Thị hậu văn phong giả, bất cảm sở hí ngược. Sở cư tiên tổ từ lương sở di phố thổ tại kinh trung giả, viết Cổ Vũ phường, dĩ phùng nhĩ vi sinh. Tổ khảo di hạ điền sản phả phong, thân tự quản chiếu. Kỳ tang tế phục thực, nhất thiết tiêu phí, giai vu nhị tử chi điền ty thủ dụng.

Nhị nữ ký trưởng, vi trạch bản xã lương gia quy chi, nãi tất tịch sở phân kiến hoá, dữ kiến điền phó quy phu gia, lệnh án nguyên số, bất khuy hào thốn, nhân dĩ thị kỳ chi. Tính tối nghiêm tiêu, khoá trách tử nữ, từ sắc kiêm lệ, bất thiếu giả tá, gia nhân giai đạ kỳ nghiêm.

Cung lục trưởng thứ nhị chi

Thạc Tông tự Phúc Miên, thị nữ Nhã Thực công chi huynh, vì nhân hào phác, phả dĩ tư sản hào ư hương, thọ bát thập, sinh nhị nam. Trưởng Đinh Hào, Cẩn sự lang tri Văn Lãng huyện. Thứ Đình Luân, Tư nông lang, vô tử.

Hào hữu tam nam, trưởng Đình Thông vô hậu, thứ Thành Danh, thứ Ngọc Tương, giai nho sinh. Thành Danh vô tự. Ngọc Tương sinh nhị nam, trưởng Đình Giai. Giai sinh tam nam, trưởng Đình Nhưng, Nhưng chi tự Đình Thụy (Tình Trai chi phả Đình Giáp).

Thạc Nho húy Xuân, tự Trác Lao, hiệu Trung Túc tiên sinh, thị nữ Nhã Thực công chi đệ. Thiếu thông mẫn hữu văn danh, thường tòng thân thúc Hy Tái công du học, dữ bản xã Tiến sĩ Ngô Vi Nho tương thiện, thập cửu tuế, lãnh Hương tiến, cử Sĩ vọng thủ tuyển, dĩ Hồng lô tự ban, thiên Lại bộ lang trung (nhất thiên Lại bộ Ngô ngoại lang), phả kiến thân hạnh. Chính Hoà bát niên, nghịch Khoan phiến loạn Tuyên Quang, phụng chuẩn Giám hộ, dữ Thạc quận công Lê Thời Hải, Đốc thị Đặng Tiến Tương, Nguyễn Đường Hồ đẳng, suất thuộc tương thảo chi. Khải hoàn chí gia nhi bệnh. Thương khiển ngự y điều dược tứ chi, chí di lưu do khiển trung sứ tấn vấn giả số thứ. Thời Đình Mão tứ nguyệt nhị thập nhất nhật chung, thọ tam thập nhất, tặng Tham nghị vô tử. Kim tòng tự Truy Viễn đàn.

DỊCH NGHĨA:**ĐỜI THỨ CHÍN**

Thiếu tổ khảo đời thứ chín, là Quang tiến thận lộc đại phu, Phụng Tiên phủ tri trung, tước Thịnh Lộc nam, Ngô quý công, tự Thông Đạt, hiệu Nhã Thực phủ quân, và Tổ tỷ là chính thất gọi theo chức cụ ông là Nguyễn thị, hiệu Thực Để huy nhân.

Tổ khảo huy Vân, tự Thạc Đức, sinh ngày 25 tháng 4, năm Tân Ty, đỗ đầu Thụ toán khoa Tân Mão, được chọn làm chức Nhập thị nội Thụ tả bộ Binh phiên. Vì hầu hạ lâu ngày có công, nên được ban chức Thủ hợp thủy sư. Năm Bính Thìn được bổ làm Tri trung phủ Phụng Thiên, lại được phong tước nam. Năm Kỷ Mùi, phụng mệnh đi tuyên dụ các xứ Tuyên Quang. Đến khi trở về kinh đô thì ốm, mất vào ngày 21 tháng 8 năm Kỷ Mùi, thọ 39 tuổi. Mộ nguyên táng tại xứ Mả Sở, qua ba lần cải đổi, mới để yên tại xứ Chinh Chính Trung khu Mả Cả.

Chính Tổ tử huy Tuý, sinh 2 gái, cả tên Dưỡng, gả cho người họ Ngô ở giáp Tiên Đông. Chính Tổ tử mất ngày 27 tháng 4. Mộ trước kia táng tại xứ Mả Sở, mùa xuân năm Canh Dần dời về hợp táng với Tổ khảo.

Kế Tổ tử huy Phương, là chất ngoại cụ Thượng thư họ Bùi, con gái út cụ Phúc Hiền ở giáp Tây Hậu, sinh ngày 25 tháng 12 năm Quý Ty. Khi lấy Tổ khảo ta sinh được 2 trai, cả là Trung Kiếu, cụ Đan Nhạc ta là thứ. Kế Tổ tử mất ngày mùng 5 tháng 8 năm Bính Thìn, hưởng thọ 84 tuổi. Mộ của cụ qua nhiều lần di chuyển, đến năm Giáp Ngọ mới chuyển về hạp táng với mộ Tổ khảo tại xứ Chinh Chính, khu Mả Cả. Cháu 4 đời là Đạt Hiền kính dâng tên phần mộ, gọi là “Phong phần.” Trên mộ có dựng bia.

Sơ lược về hành trạng

Tiên tổ chữ viết rất đẹp, bút pháp điêu luyện. Lúc làm học trò du học ở Kinh sư, người theo học đến vài trăm. Một mảnh bản thảo, một chữ cụ viết ra, mọi người cũng đua nhau lấy làm vật báu. Khi làm quan thi hành chính sự, mọi việc đều giữ gìn thận trọng, liêm khiết, luôn có phong thái nhà Nho, nên thường tự phụ về phần tích lũy của mình. Thời còn trẻ lạc bước vào con đường làm Lại, nên thường uất ức bất đắc chí, nhân mới chêm bàn viết tuyên thệ, để răn bảo con cháu.

Kế Tổ tử là Từ Nghi, rất có nhan sắc, tính tình dịu dàng, cửa nhà hoà thuận, đôi dãi với Thục Đế huy nhân như là chị em.

Thục Đế mất trước Tổ khảo, đến khi Tổ khảo mất, cụ Từ Nghi lúc đó mới 26 tuổi, nách 2 con nhỏ, lại kiêm dạy cả 2 con gái của bà cả là Thục Đế, chỉ những khếp mình giữ tiết. Lúc đó có một người bạn của Tổ khảo muốn kết duyên với cụ, cụ rất ghét người đó, đã từ chối khéo, bất đắc dĩ mới nói rằng: “Hãy sắm sửa lễ vật mới được.” Người đó mừng lắm, lập tức đưa hàng nghìn quan tiền đến. Tổ tỷ bèn sửa cỗ, mời tất cả bạn bè của Tổ khảo lại, người đó đã đến ngồi trước. Tổ tỷ thung dung nói rằng: “Thưa chư quân hầu, bữa cỗ hôm nay là lễ vật của người dạm thiếp đấy. Chư quân hầu còn sống, còn bạn bè với người này, nếu có người nào không may như Tiên quân của thiếp, thì thê thiếp sẽ bị người này mua mất.” Cụ nói xong, tất cả bạn bè cố hữu đều xôn xao chửi mắng người đó. Người đó xấu hổ lùi mất. Sau này biết chuyện đó, không ai dám đùa giễu nữa. Nơi ở của cụ là nhà của bố mẹ để lại trong kinh thành, gọi phường Cổ Vũ. Cụ sống bằng nghề vá may. Ruộng vườn tài sản của Tổ khảo để lại rất nhiều, cụ tự cai quản lấy. Còn như việc tang tế phục thực, nhất thiết phải chi phí, cụ đều sử dụng vào ruộng tô của 2 con.

Hai người con gái của cụ Thục Đế đã lớn, cụ chọn gả cho những gia đình tốt trong xã nhà, đồng thời cho mang tất cả những của cải, ruộng nương hiện được chia mang về nhà chồng. Cụ không lấy một thứ gì. Vì vậy mọi người cho là việc kỳ lạ lắm. Tính cụ rất nghiêm, khi dạy dỗ bảo ban con cái, lời nói sắc mặt nghiêm trang, không có sự giả dối, nên trong nhà ai cũng sợ.

Kính chép hai chi trưởng và thứ

Thạc Tông tự Phúc Miên, là anh ruột cụ Nhã Thục ta, là người hào phú mà chân thật, có tiếng giàu có trong làng, hưởng thọ 80 tuổi, sinh hai trai. Con trưởng Đình Hào, chức Cần sự lang, Tri huyện huyện Văn Lãng. Con thứ Đình Luân, giữ chức Tư thân lang, không có con.

Đình Hào sinh 3 trai, trưởng Đình Thông, không có con. Ngọc Tượng sinh 2 trai, trưởng Đình Giai. Giai sinh 3 trai, trưởng Đình Nhưng, Nhưng làm con kế tự cho Đình Thuý (Gia phả của Thỉnh Trai nói là Đình Giáp).

Thạc Nho huý Xuân, tự Trác Lao, hiệu Trung Túc tiên sinh, là em trai cụ Nhã Thực ta. Thuở nhỏ cụ thông minh tháo vát, văn hay nổi tiếng, thường theo chú ruột là Hy Tai đi du học, kết thân với Tiến sỹ Ngô Vi Nho, người xã nhà. Năm 19 tuổi thi đỗ Hương tiến, sau lại đỗ đầu khoa Sỹ vong, giữ chức Hồng lô tự ban, chuyển sang làm Lại bộ Lang trung (Có bản chép chuyển làm Lại bộ Viên ngoại lang), rất được nhà vua yêu mến. Năm Chính Hoà thứ 18 (1687), nghịch Khoan nổi loạn ở Tuyên Quang, cụ được sai làm Giám hộ, cùng với bọn Thạc quận công Lê Thời Hải, Đốc thị Đặng Tiến Tướng, Nguyễn Đương Hồ đem bộ thuộc đi đánh dẹp. Khi chiến thắng khải hoàn, về tới nhà thì cụ lâm bệnh nặng. Nhà vua sai thầy thuốc ở trong cung đến chữa trị, đến khi hôn mê, còn sai Trung sứ mấy lần đến hỏi thăm. Cụ mất ngày 21 tháng 4 năm Đinh Mão, khi ấy mới 31 tuổi, được tặng chức Tham nghị, không có con. Nay tòng tự tại đàn Truy Viễn.

第十代

第十代少祖考，謹事郎大理寺寺丞，奉準耆老兼縣會勾當，吳貴公字謙文，號丹岳先生，及妣依夫職，吳公正室，阮氏號慈端徽人。

祖考諱珍，字謙文，自號丹岳，以永治己未春二月，二十三日亥時生，景興二十一年庚辰冬，十二月，十一日巳時終，壽八十二。

祖妣諱權，西後甲人，快州府佐（達軒公崇恩之議作慈廉主簿）阮公之第二女，我吳族該奇詹事公之外孫也，以壬戌秋八月十四日巳時生，庚申冬十一月二十三日命終，壽五十九，男我醇美公是也。二女，一戊辰命，一癸酉命，皆歸良家，乃祖考之妾，杜氏號慈勸，正月十六忌所生。

祖考墓初葬本社，後經一扞，庚寅春孫午峰公奉改卜于光烈社之文科處。其地沿蘇江至文村寺處截入。一脈土阜起頂，穿田垂下圓乳，兩腋撐開金魚緊夾青龍過宮起案，一行排列共七峰。右砂箇箇環抱。一脈自本社寺守宮處，從丙午逆旅拱穴。赦文水迤邐暗朝，乘艮氣坐癸向丁兼子午，以誥軸爲案。案之外一木休阜爲朝星，左邊尖砂歸巽巳方，長約十丈，望之聳然。後儒鉗記云：水聚巽方，山歸艮位，形如金雞，請穴在腹，主發文魁武閥，與國婿。

祖妣墓，初葬本社，經奉扞於彰德之大安場社。壬寅再扞回塢試處，至丙辰秋，始奉奉與祖考合葬。曾孫達軒公上墳號，曰茂墳。墳有石誌。

行狀略說

祖考生未週歲而孤，與舅福質公居，初入學便堅苦刻勵。長受業于本鄉正進士吳爲實，後復從丹輪探花武賊遊，義理淵博，文章典雅，而尤長於詩。與高朋六人，策名京邑，時有七虎之號。

常設館安豐之內茶，館主女有姿色，心慕之，公不之覺。一日早未起，女徑造書房，欲有所言，即托以他事辭去。年三十六，領甲午鄉薦，五十六補鴻臚寺班，六十四除安山知縣。爲政簡易，民以訟言者，即以事理開曉使各自退。聽稍閒輒講學不輟，事簡祿薄，能以儉處之。日用之外，悉以贍尊族，親故有所求，分三等以應之（一等六百錢，二等三百六十錢，三等一百八十錢）。

調滿而歸，惟侍妾所織絹數疋而已。七十九應宏詞科，以優老陞大理寺寺丞。八十二，奉御駕省方旨所在以耆老德行聞。時縣官以公題舉，奉準耆老。是年考終。將以簣時，有詩云：

八旬恰似始生兒

一片丹心赤子時

健順五常循我性

任他言智與言痴

恬淡樂易，與人無競，平生吟詠，必自負所有藏於天地間，用之無窮。又嘗云：吾子孫當有興，但須以請儉自律。自壯至老，誨人不倦，前後學徒，數四百人，登大科者五，領鄉薦隸郡庠者百餘，門人有逮教三世者。所著有性命道教四箴，及訓蒙集，皆實踐語也。

祖妣故豪富出，姿色工巧，冠絕州里。既歸祖考，遂捐粧奩以事姑。祖考常就館于日南，祖妣與之偕往，風塵萬里，處之恬然。後復居鼓舞坊舊土，仍業縫紉，家素寒約，祖考又晚未宦，百方家政，只仰針線取資，以是用益匱乏。晚年鄉居，日惟灌畦種蔬，能以勤係自贍，未嘗以貧故干人，性好潔，所服衣雖經累澣，皎然如初，治家訓子孫最有規範。

恭錄長支

忠礪公諱睿字徽珪，是我丹岳公之兄（我丹岳公讀書苦貧，公因周給頗多）登戊寅科花文試優項，充工番書寫，授屯田所所使，壽五十二。公以乙卯年九月初六日生，丙午年七月二十一日卒。墓葬在本社鉦正處，坐酉向卯。

初娶阮氏圉，號淑憲徽人，壽三十三，六月十四日忌。其墓葬在本社塢數處，乘丁龍立丙向。生一男，諱規（一作璞），字元福。

又娶阮氏號儀容，壽二十七，二月十七日忌。墓葬在本社艾處田，生二女，長配吳族南昌縣官次子。吳國罈、吳爲合等是其後。次女配吳族黎江知縣長子。吳廷磚、吳氏展等是其後。

又娶儀容之弟儀貞，壽二十一，六月二十七日忌，墓葬在本社塢奇處田，無子。

又娶吳氏萬號慈純徽人，二月十三日忌，墓葬在塢試處，生男女各一。其女配吳族海陽省副憲官長子。吳廷署、吳氏約等是其後。男諱璠（一名柄），壽六十三，九月二十八日忌，生男廷諧（其後乏繼）。

元福公字謹厚，廕秀林局，以庚辰年十一月二十三日生，乙卯年八月十四日卒，壽三十六。墓葬在塢數處田圩外處，俗號蜈蚣，坐庚戌向庚辰。

初娶阮氏號慈端，壽七十五，五月十六日忌。其墓與謹厚公合葬，坐辛酉向辛卯，生男一女二。長女盛，配西中甲正進士吳貴公之嫡孫吳爲信。次女際配

青林縣乙縣范德潤。男諱佐字敦敬號洪度，別號清派中丁卯科生徒，奉侍內殿欽頒行知左番，補附翼縣丞，壽六十三。以戊申年九月初五日生，己酉年五月二十四日卒，墓葬蜈蚣處。

初娶阮氏號慈靖，花舍東甲副知番正言寺卿阮福毅公之次女，壽五十四，四月十二日忌。只生二女（長女好配西上甲阮族左宣官之次子，次女晏配青池金縷社阮郡公之次孫）。

又娶阮氏號淑蘭，壽四十，七月初七日忌，生一男，諱佑字海量（量一作晏）號玄輝，廕秀林局，二月十八日忌。正室阮氏號慈嫻，二月初二日忌。側室阮氏號慈恩，十一月初五日忌，生一男諱棟，字敬甫號剛直先生，四月二十日忌，娶吳氏號淑賢，五月二十五日忌，生二女。長安配本社人，校生充辦寺丞阮文申，生一女氏亥，配我長兄青齋無男支。

PHIÊN ÂM:

ĐỆ THẬP ĐẠI

Đệ thập đại thiếu tổ khảo, Căn sự lang đại lý tự tự thừa, phụng chuẩn kỳ lão kiêm huyện hội câu đương, Ngô quý công tự Khiêm văn, hiệu

Đan Nhạc tiên sinh, cập tử y phu chức, Ngô công chính thất, Nguyễn thị hiệu Từ Đoan huy nhân.

Tổ khảo huy Trân, tự Khiêm Văn, tự hiệu Đan Nhạc, dĩ Vinh Trị Kỷ Vị xuân nhị nguyệt, nhị thập tam nhật Hợi thời sinh, Cảnh Hưng nhị thập nhất niên Canh Thìn đông, thập nhị nguyệt, thập nhất nhật Ty thời chung, thọ bát thập nhị.

Tổ tổ tỷ huy Quyền, Tây Hậu giáp nhân, Khoái Châu phủ tá (Đạt Hiên công sùng ân chi nghị tác Từ Liêm chủ bạ) Nguyễn công chi đệ nhị nữ, ngã Ngô tộc cai cơ chiêm sự công chi ngoại tôn, dĩ Nhâm Tuất thu bát nguyệt thập tứ nhật Ty thời sinh, Canh Thân đông thập nhất nguyệt nhị thập tam nhật mệnh chung, thọ ngũ thập cửu, nam ngã Thuần Mỹ công thị dã. Nhị nữ, nhất Mậu Thìn mệnh, nhất Quý Dậu mệnh, giai quy lương gia, nãi tổ khảo chi thiếp, Đỗ thị hiệu Từ Khuyển, chính nguyệt thập lục kỵ sở sinh.

Tổ khảo mộ sơ táng bản xã, hậu kinh nhất thiên, Canh Dần xuân tôn Ngọ Phong công phụng cải bốc vu Quang Liệt xã chi Văn khoa xứ. Kỳ địa diên Tô giang chí Văn thôn tự xứ tiết nhập. Nhất mạch thổ phụ khởi đỉnh, xuyên diên thủy hạ viên nhũ, lưỡng dịch xanh khai kim ngư khẩn giáp thanh long quá cung khởi án, nhất hàng bài liệt cộng thất phong. Hữu sa cá cá hoàn bảo. Nhất mạch tự bản xã tự Thủ Cung xứ, tòng Bính Ngọ nghịch lỗ củng huyết. Xá văn thủy dĩ úc ám triều, thừa Cấn khí tọa Quý hướng Đinh kiêm Tý Ngọ, dĩ cáo trục vi án. Án chi ngoại nhất mộc thể phụ vi triều tinh, tả biên tiêm sa quy Tốn Ty phương, trường ước thập trượng, vọng chi tủng nhiên. Hậu nho kiêm ký vân : Thủy tự Tốn phương, sơn quy Cấn vị, hình như kim kê, thỉnh huyết tại phúc, chủ phát văn khôi vũ phiệt, dữ quốc tế.

Tổ tỷ mộ, sơ táng bản xã, kinh phụng thiên ư Chương Đức chi Đại An trường xã. Nhâm Dần tái thiên hồi Mả Thĩ xứ, chí Bính Thìn thu, thủy

phụng phụng dữ tổ khảo hợp táng. Tăng tôn Đạt Hiên công thưởng phần hiệu, viết Mậu Phần. Phần hữu thạch chí.

Hành trạng lược thuyết

Tổ khảo sinh vị chu tuế nhi cô, dữ cữu Phúc Chất công cư, sơ nhập học tiện kiên khổ khắc lệ. Trưởng thụ nghiệp vu bản hương chánh Tiến sĩ Ngô Vi Thực, hậu phục tòng Đan Luân Thám hoa Vũ Thanh du, nghĩa lý uyên bác, văn chương điển nhã, nhi vưu trường ư thi. Dữ Cao Bình lục nhân, sách danh kinh ấp, thời hữu thất hổ chi hiệu.

Thường thiết quán An Phong chi Nội Trà, quán chủ nữ hữu tư sắc, tâm mộ chi, công bất chi giác. Nhất nhật tảo vị khởi, nữ kính tạo thư phòng, dục hữu sở ngôn, tức thác dĩ tha sự từ khứ. Niên tam thập lục, lãnh Giáp Ngọ Hương tiến, ngũ thập lục bổ Hồng lô tự ban, lục thập tứ trừ An Sơn Tri huyện. Vi chính giản dị, dân dĩ tụng ngôn giả, tức dĩ sự lý khai hiểu sử các tự thoái. Thính sảo nhàn triếp giảng học bất xuyết, sự giản lộc bạc, năng dĩ kiệm xử chi. Nhật dụng chi ngoại, tất dĩ chiêm tôn tộc, thân cố hữu sở cầu, phân tam đẳng dĩ ứng chi (nhất đẳng lục bách tiền, nhị đẳng tam bách lục thập tiền, tam đẳng nhất bách bát thập tiền).

Điều mãn nhi quy, duy thị thiếp sở chúc quyền sở sát nhi dĩ. Thất thập cửu ứng Hoành từ khoa, dĩ ưu lão thăng Đại lý tự tự thừa. Bát thập nhị, phụng ngự giá tỉnh phương chỉ sở tại dĩ kỳ lão đức hành văn. Thời huyện quan dĩ công đề cử, phụng chuẩn kỳ lão. Thị niên khảo chung. Tương dĩ trách thời, hữu thi vân:

Bát tuần cấp tự thủy sinh nhi,

Nhất phiến đan tâm xích tử thi.

Kiện thuận ngũ thường tuần ngũ tính,

Nhậm tha ngôn trí dữ ngôn si.

Điềm đàm lạc dị, dữ nhân vô cãng, bình sinh ngâm vịnh, tất tự phụ sở hữu tàng ư thiên địa gian, dụng chi vô cùng. Hựu thường vân: Ngô tử tôn đương hữu hưng, dẫn tu dĩ thỉnh kiệm tự luật. Tự tráng chí lão, hồi nhân bất quyện, tiền hậu học đồ, sở tứ bách nhân, đẳng đại khoa giả ngũ, lãnh Hương tiến lệ quận tường giả bách dư, môn nhân hữu đãi sở tam thế giả. Sở trước hữu Tính mệnh đạo giáo tứ châm, cập Huấn mộng tập, giai thực tiến ngữ dã.

Tổ tỷ cố hào phú xuất, tư sắc công xảo, quán tuyết châu lý. Ký quy tổ khảo, toại quyền trang liêm dĩ sự cô. Tổ khảo thường tựu quán vu Nhật Nam, tổ tỷ dữ chi giai vãng, phong trần vạn lý, xử chi điềm nhiên. Hậu phục cư Cổ Vũ phường cật thố, nhưng nghiệp phùng nhĩm, gia tố hàn ước, tổ khảo hựu văn vị hoạn, bách phương gia chính, chỉ ngưỡng châm tuyến thủ tư, dĩ thị dụng ích quĩ pháp. Văn niên hương cư, nhật duy quán huê chủng sơ, năng dĩ cần hệ tự chiêm, vị thường dĩ bản cố can nhân, tính hiếu khiết, sở phục y tuy kinh lữ cán, giáo nhiên như sơ, tri gia huấn tử tôn tối hữu quy phạm.

Cung lục trưởng chi

Trung Kiểu công huyí Duệ tự Huy Khuê, thị ngã Đan Nhạc công chi huynh (ngã Đan Nhạc công độc thư khổ bản, công nhân chu cấp phẩm đa) đẳng Mậu Dân khoa Hoa văn thí ưu hạng, sung Công phiên Thư tả, thụ đồn điền sở sở sứ, thọ ngũ thập nhị. Công dĩ Ất Mão niên cửu nguyệt sơ lục nhật sinh, Bính Ngọ niên thất nguyệt nhị thập nhất nhật tốt. Mộ táng tại bản xã Chính Chính xứ, toạ Dậu hướng Mão.

Sơ thú Nguyễn Thị Khuân, hiệu Thục Hiến huy nhân, thọ tam thập tam, lục nguyệt thập tứ nhật kỵ. Kỳ mộ táng tại bản xã Mả Sở xứ, thừa Đình long lập Bính hướng. Sinh nhất nam, huyí Quy (nhất tác Phác), tự Nguyên Phúc.

Hựu thú Nguyễn thị hiệu Nghi Dung, thọ nhị thập thất, nhị nguyệt thập thất nhật kỵ. Mộ táng tại bản xã Ngải xứ điền, sinh nhị nữ, trưởng phối Ngô tộc Nam Xương huyện quan thứ tử. Ngô Quốc Ngạc, Ngô Vi Hợp đẳng thị kỳ hậu. Thứ nữ phối Ngô tộc Lê Giang Tri huyện trưởng tử. Ngô Đình Chuyên, Ngô Thị Triển đẳng thị kỳ hậu.

Hựu thú Nghi Dung chi đệ Nghi Trinh, thọ nhị thập nhất, lục nguyệt nhị thập thất nhật kỵ, mộ táng tại bản xã Mả Cả xứ điền, vô tử.

Hựu thú Ngô Thị Vạn hiệu Từ Thuần huy nhân, nhị nguyệt thập tam nhật kỵ, mộ táng tại Mả Thí xứ, sinh nam nữ các nhất. Kỳ nữ phối Ngô tộc Hải Dương tỉnh Phó hiến quan trưởng tử. Ngô Đình Thự, Ngô Thị Ước đẳng thị kỳ hậu. Nam huy Phan (nhất danh Bính), thọ lục thập tam, cửu nguyệt nhị thập bát nhật kỵ, sinh nam Đình Hải (kỳ hậu pháp kê).

Nguyên Phúc công tự Cẩn Hậu, ám Tú lâm cục, dĩ Canh Thìn niên thập nhất nguyệt nhị thập tam nhật sinh, Ất Mão niên bát nguyệt thập tứ nhật tốt, thọ tam thập lục. Mộ táng tại Mả Sở xứ điền Ngõ Ngoại xứ, tục hiệu Ngô Công, toạ Canh Tuất hướng Canh Thìn.

Sơ thú Nguyễn thị hiệu Từ Đoan, thọ thất thập ngũ, ngũ nguyệt thập lục nhật kỵ. Kỳ mộ dĩ Cẩn Hậu công hợp táng, toạ Tân Dậu hướng Tân Mão, sinh nam nhất nữ nhị. Trưởng nữ Thịnh, phối Tây Trung giáp chánh Tiến sĩ Ngô quý công chi đích tôn Ngô Vi Tín. Thứ nữ tể phối Thanh Lâm huyện át huyện Phạm Đức Nhuận. Nam huy Tá tự Đôn Kính hiệu Hồng Độ, biệt hiệu Thanh Phái trúng Đinh Mão khoa sinh đồ, phụng thị nội diện khâm tu hành tri tả phiên, bổ Phụ Dực Huyện thừa, thọ lục thập tam. Dĩ Mậu Thân niên cửu nguyệt sơ ngũ nhật sinh, Kỷ Dậu niên ngũ nguyệt nhị thập tứ nhật tốt, mộ táng Ngô Công xứ.

Sơ thú Nguyễn thị hiệu Từ Tĩnh, Hoa Xá Đông giáp Phó tri phiên chính ngôn tự khanh Nguyễn Phúc Nghi công chi thứ nữ, thọ ngũ thập tứ,

tứ nguyệt thập nhị nhật kỵ. Chỉ sinh nhị nữ (trường nữ Hảo phối Tây Thượng giáp Nguyễn tộc Tả tuyên quan chi thứ tử, thứ nữ Yến phối Thanh Trì Kim Lũ xã Nguyễn quận công chi thứ tôn).

Hữu thú Nguyễn thị hiệu Thục Lan, thọ tứ thập, thất nguyệt sơ thất nhật kỵ, sinh nhất nam, huý Hữu tự Hải Lượng (Lượng nhất tác Yến) hiệu Huyền Huy, ám Tú lâm cục, nhị nguyệt thập bát nhật kỵ. Chính thất Nguyễn thị hiệu Từ Nhân, nhị nguyệt sơ nhị nhật kỵ. Trắc thất Nguyễn thị hiệu Từ Ân, thập nhất nguyệt sơ ngũ nhật kỵ, sinh nhất nam huý Đống, tự Kính Phủ hiệu Cương Trực tiên sinh, tứ nguyệt nhị thập nhật kỵ, thú Ngô thị hiệu Thục Hiền, ngũ nguyệt nhị thập ngũ nhật kỵ, sinh nhị nữ. Trưởng An phối bản xã nhân, hiệu sinh sung biện tự thừa Nguyễn Văn Thân, sinh nhất nữ thị Hợi, phối ngã trưởng huynh Thanh Trai vô nam chi.

DỊCH NGHĨA:

ĐỜI THỨ MƯỜI

Thiếu Tổ khảo đời thứ mười là Cẩn sự lang Đại úy tự tự thừa, được ban Kỳ lão kiêm Huyện hội câu đương, Ngô quý công, tự Khiêm Văn, hiệu Đan Nhạc tiên sinh, và cụ bà gọi theo chúc cụ ông Nguyễn quý thị, hiệu Từ Đoan huy nhân.

Tổ khảo huý Trân, tự Khiêm Văn, tự hiệu Đan Nhạc, sinh giờ Hợi, ngày 23, tháng 2, xuân năm Kỷ Mùi, mất giờ Ty, ngày 11 tháng 12 mùa đông năm Canh Thìn, niên hiệu Cảnh Hưng thứ 21, hưởng thọ 82 tuổi.

Tổ tỷ huý Quyên, người giáp Tây Hậu, con gái thứ 2 cụ Nguyễn công là Phủ Tá phủ Khoái Châu (Cuốn phả *Sùng ân* của Đạt Hiền chép làm Chủ bạ huyện Từ Liêm), là cháu ngoại cụ Cai cơ thêm sự họ Ngô ta, sinh giờ Ty ngày 14 tháng 8 mùa thu năm Nhâm Tuất, mất ngày 23 tháng 11 năm Canh Thân, thọ 59 tuổi. Một người con trai là cụ Thuần Mỹ ta và 2 con gái,

một sinh năm Mậu Thìn, một sinh năm Quý Dậu, đều gả cho con nhà lương thiện, do bà vợ lẽ của Tổ khảo là họ Đỗ, hiệu Từ Khuyển, mất ngày 16 tháng Giêng, sinh ra.

Mộ Tổ khảo trước đây táng tại xã nhà, sau một lần cải đổi, mùa xuân năm Canh Dần, cháu là Ngô Phong lại dời đến xứ Văn Khoa xã Quang Liệt. Mạch đất ấy chạy ven theo sông Tô Lịch, đến xứ Chùa thôn Văn thì lẩn vào. Một mạch nổi lên đỉnh gò đất, xuyên qua ruộng, rủ xuống như cái vú tròn, hai nách mở ra tạo thành án như cá vàng khép vây bơi qua cung thanh long, bày ra thành một hàng, cộng 7 gò. Bãi cát bên phải từng bãi từng bãi vây ôm lấy. Một mạch từ xứ Thủ Cung thuộc chùa bản xã, theo phương Bính Ngọ (hướng Nam) ngược lên châu vào huyết. Sông Sá Văn khuất khúc châu về. Mộ thừa Cán khí (khí từ hướng Đông Bắc), toạ Quý hướng Đinh (mộ gối phương Bắc trông hướng Nam), kiêm lấy cồn hình cáo trực làm án. Bên ngoài án là một cái gò hình con mộc châu vào. Bãi nhọn bên trái nằm hướng Tốn Tỵ (Đông Nam) dài khoảng 10 trượng, trông cao vọt lên. Các nhà Nho dời sau ghi vào sách kiểm ký rằng: “Nước tụ phương Tốn, núi ở hướng Cán (Đông Bắc), hình thế như con kim kê (gà vàng), đặt huyết tại bụng, nhất định phát văn thi đỗ đầu, phát võ lập công lớn, làm Phò mã.”

Mộ Tổ tỷ trước đây táng tại xã nhà, sau cải đổi đến xã Đại Yên Trường, huyện Chương Đức. Năm Nhâm Dần lại dời về xứ Mả Thí, đến mùa thu năm Bính Thìn mới đem về hợp táng với Tổ khảo. Cháu tăng tôn Đạt Hiên kính dâng tên phần mộ, gọi là “Mậu phần.” Trên mộ có dựng bia.

Sơ lược về hành trạng

Tổ khảo sinh ra, chưa đầy năm thì mồ côi, phải ở với cậu là Phúc Thất. Thuở nhỏ đi học, chịu đựng gian khổ, hết sức cố gắng. Khi khôn lớn, đến xin học cụ Chính Tiến sỹ Ngô Vi Thực thôn nhà. Sau lại theo học cụ

Thám hoa Vũ Thành người Đan Luân, vì vậy hiểu biết nghĩa lý sâu rộng, văn chương tao nhã, mẫu mực, mà giỏi nhất là nghề thơ. Cụ cùng với 6 người bạn nổi tiếng kinh ấp. Người đời thường gọi là thất hổ (7 con hổ).

Tổ khảo thường trọ học ở xã Nội Trà huyện Yên Phong, người con gái chủ quán rất có nhan sắc, tỏ lòng yêu thương, nhưng không biết. Có một hôm buổi sớm cụ dậy muộn, người con gái đi tắt vào thư phòng muốn bày tỏ nỗi lòng. Cụ lập tức thoái thác bằng có việc khác, từ tạ đi ngay.

Năm Giáp Ngọ cụ 36 tuổi đỗ Hương tiến. Năm 56 tuổi làm Hồng lô tự ban. Năm 64 tuổi làm Tri huyện An Sơn. Cụ chính sự giản dị, dân có kẻ kiện tụng, thì lấy lễ phải để giảng giải cho họ hiểu, để tự rút lui. Những khi có chút rỗi rãi là dạy học, không nghỉ. Công việc đơn giản, bổng lộc thì ít, nên cụ rất tiết kiệm, ngoài việc chi dùng hàng ngày, còn bao nhiêu đem giúp đỡ họ hàng. Bạn bè có yêu cầu, cụ phân ra làm 3 loại để giúp đỡ (Một loại giúp 600 tiền, một loại giúp 360 tiền, một loại giúp 180 tiền).

Hết hạn là quan trở về, duy chỉ có mấy tấm lụa của người thiếp hầu dệt được mà thôi. Năm 79 tuổi, thi khoa Hoàng tử, vì quý trọng người già, mà được thăng Đại lý tự tử thừa. Năm 82 tuổi, nhà vua ngự giá đi xem xét các địa phương, ra chỉ dụ cho các nơi sở tại tiến cử những cụ già trong hương có đức hạnh, Quan huyện tiến cử cụ, nên được ban tặng là “Kỳ lão.” Năm đó cụ qua đời. Khi sắp mất cụ để lại bài rằng:

*Bát tuần cấp tự thuở sinh nhi,
Nhất phiên đan tâm xích tử thì.
Kiện thuận ngũ thương tuần ngũ tính,
Nhậm tha ngôn trí dữ ngôn si.
(Đã tám mươi tuổi rồi mà như đứa trẻ,
Thuở thời con đỏ, một tấm lòng son,*

Thuận theo ngũ thường, tính ta vốn vậy,

Mặc cho người đời nói đại nói khôn).

Tổ khảo tính tình điềm đạm, vui vẻ, không ganh tỵ đua chen với người. Sinh thời, khi ngâm vịnh, thường rất tự hào với vốn kiến thức tích lũy được trong khoảng trời đất sẽ không bao giờ dùng hết. Cụ thường nói: “Con cháu muốn hưng thịnh tất phải khép mình liêm khiết, cần kiệm.” Từ thời còn trẻ đến lúc đã về già, dậy người không biết mệt mỏi. Học trò trước sau có đến hàng 400 người, trong đó 5 người đỗ đại khoa, người đỗ Hương tiến, bổ dạy học ở quận, có tới hàng trăm. Có gia đình cả 3 đời đều là học trò của cụ. Trước tác để lại có: *Tính mệnh Đạo giáo tứ châm* và *Huấn môn tập*, đều nói về thực tiễn.

Tổ tử xuất thân từ gia đình hào phú, nhan sắc đẹp, thủ công khéo, có một không hai trong châu phủ. Khi về với Tổ khảo ta, bèn bán của riêng để phụng dưỡng mẹ chồng. Tổ khảo thường đi dạy học ở Nhật Nam, Tổ tử cũng đi cùng. Đường đi vạn dặm, gian lao vất vả, nhưng Tổ tử vẫn điềm đạm. Sau lại trở về đất cũ ở phường Cổ Vũ, vẫn làm nghề vá may. Trong nhà rất nghèo, Tổ khảo vẫn chưa ra làm quan, mọi chi tiêu trong gia đình chỉ trông vào nghề kim chỉ, cho nên lại càng thiếu thốn. Khi tuổi già, ở thôn quê, hàng ngày chỉ tưới vườn trồng rau, do cần kiệm mà tự đầy đủ, chưa bao giờ vin cố nghèo đói mà cầu xin ở người. Cụ bản tính sạch sẽ, quần áo tuy đã nhiều lần giặt, nhưng vẫn trắng như xưa. Trông nom cửa nhà, dạy bảo con cháu đều rất mẫu mực.

Kính chép chi trường

Cụ Trung kiểu huy Duệ, tự Huy Khuê, là anh trai cụ Đan Nhạc ta (Cụ Đan Nhạc thuở nhỏ đi học nhà rất nghèo, cụ đã chu cấp cho khá nhiều). Cụ thi Hoa văn khoa Mậu Dần đỗ hạng ưu, được bổ làm Công phiên Thư tả, chức Đồn điền sở xứ, thọ 52 tuổi. Cụ sinh ngày mùng 6 tháng 9

năm Ất Mão, mất ngày 21 tháng 7 năm Bính Ngọ, mộ táng tại xứ Chinh Chính xã nhà, toạ Dậu hướng Mão (gối về Tây, trông về Đông).

Lúc đầu cụ lấy cụ bà Nguyễn Thị Khuân, hiệu Thục Hiến huy nhân, thọ 33 tuổi, giỗ ngày 14 tháng 6, mộ cụ táng tại xứ Mả Sở xã nhà, thừa Đình long lập Bính hướng (nhận được mạch nước ở phương Nam), sinh 1 trai, huý Quy (có bản chép là Phác).

Sau cụ lấy cụ bà họ Nguyễn, hiệu Nghi Dung, mất năm 27 tuổi, giỗ ngày 17 tháng 2, mộ táng tại ruộng xứ Ngải xã nhà, sinh 2 gái. Con gái cả lấy con trai thứ quan huyện Nam Xương họ Ngô. Ngô Quốc Ngạc, Ngô Vi Hợp là dòng dõi của cụ. Người con gái thứ lấy con trai trưởng quan Tri huyện huyện Lê Giang, họ Ngô. Ngô Đình Chuyên, Ngô Thị Triển là dòng dõi của cụ.

Sau cụ lại lấy cụ bà Nghi Trinh, là em gái Nghi Dung, mất năm 21 tuổi, giỗ ngày 27 tháng 6, mộ táng tại xứ Mả Cả xã nhà, không có con.

Cụ lại lấy cụ bà Ngô Thị Vạn, hiệu Từ Thuần huy nhân, mất ngày 13 tháng 2, mộ táng tại xứ Mả Thí, sinh được 1 trai, 1 gái. Người con gái lấy con trai trưởng quan Phó hiến tỉnh Hải Dương, họ Ngô. Ngô Đình Thự, Ngô Thị Ước là dòng dõi của cụ. Người con trai huý Phan (có bản ghi là Bính), thọ 63 tuổi, giỗ ngày 28 tháng 9, sinh được 1 trai là Đình Hải. Sau không có người nối dõi.

Cụ Nguyễn Phúc, tự Cấn Hậu, được tập ấm Tú lâm cục, sinh ngày 23 tháng 11 năm Canh Thìn, mất ngày 14 tháng 8 năm Ất Mão, thọ 36 tuổi. Mộ táng tại xứ Ngõ Ngoài, thuộc xứ ruộng Mả Sở, tục gọi cồn Ngô Công, mộ gối phương Canh Tuất, hướng phương Canh Thìn (Tây Bắc Đông Nam).

Lúc đầu cụ lấy bà họ Nguyễn, hiệu Từ Đoan, thọ 57 tuổi, giỗ ngày 16 tháng 5. Mộ cụ bà hợp táng với mộ cụ Cấn Hậu, toạ Tân Dậu hướng Tân

Mão (gối về Tây, quay về Đông), sinh 1 trai và 2 gái. Con gái cả tên Thịnh lấy Ngô Vi Tín là cháu đích tôn của Chính Tiến sỹ Ngô quý công, người giáp Tây Trung. Con gái thứ tên Tế, lấy Phạm Đức Nhuận, là Trợ tá huyện Thanh Lâm. Con trai huý Tá, tự Đôn Kính, hiệu Hồng Độ, lại có biệt hiệu Thanh Phái, đỗ Sinh đồ khoa Đình Mão, được hầu trong Nội điện, ban chức Hành tri tả phiên, bổ làm Huyện thừa huyện Phù Dực, thọ 63 tuổi. Sinh ngày 5 tháng 9 năm Mậu Thân, mất ngày 24 tháng 5 năm Kỷ Dậu, mộ táng tại xứ Ngu Công.

Lúc đầu lấy cụ bà họ Nguyễn, hiệu Từ Tĩnh, là con gái thứ cụ Phó tri phiên Chính ngôn tự khanh Nguyễn Phúc Nghi, người giáp Đông xã Hoa Xá, thọ 54 tuổi, giỗ ngày 12 tháng 4, chỉ sinh được 2 gái (Con gái cả tên Hảo lấy con trai thứ của Tả tuyên quan họ Nguyễn người giáp Tây Thượng. Người con gái thứ tên Yển lấy cháu thứ của Nguyễn quận công, người xã Kim Lũ huyện Thanh Trì.

Sau lại lấy cụ bà họ Nguyễn, hiệu Thục Lan, mất năm 40 tuổi, giỗ ngày 7 tháng 7, sinh được 1 trai, huý Hựu, tự Hải Lượng (Lượng có bản chép Yển), hiệu Huyền Huy, được tập ấm Tú lâm cục, mất ngày 18 tháng 2. Chính thất họ Nguyễn, hiệu Từ Nhân, mất ngày mùng 2 tháng 2. Trắc thất (vợ bé) họ Nguyễn hiệu Từ Ân, mất 15 tháng 11, sinh 1 trai, huý Đống, tự Kính Phủ, hiệu Cương Trực tiên sinh, mất ngày 20 tháng 4, lấy bà họ Ngô, hiệu Thục Hiền, giỗ ngày 25 tháng 5, sinh được 2 gái. Con gái cả tên An lấy người xã nhà tên Nguyễn Văn Thân, đỗ Hiệu sinh, bổ chức Tự thừa, sinh 1 gái tên Thị Hối, lấy anh cả ta là Thanh Trai, không có con trai.

第十一代

第十一代祖考，贈特進金紫榮祿大夫宣光等處，
贊治承政使司參議，豐澤伯，封贈太僕寺卿修慎尹吳

貴公字純美號雪齋先生，及妣依夫職，吳公正室，蔣貴氏，號節懿輝人。

祖考諱億（小名幹）以永盛己丑夏四月二十七日巳時生，永佑二年丙辰冬十月二十日終，壽二十八。

祖妣諱朗，德林西甲，蔣德顯公之第二女。以正和甲申冬，十二月二十四日辰刻生，景興己卯冬十二月初四日戌時終（時我高祖叔文肅公宰瑞英，奉祖妣往就官邸，遂以其年卒于此。我高祖考午峰公奔喪，遂同文肅公奉柩回貫）壽五十六，生男三女二。長女諱璜歸潘姓，生子輝瑤，辛卯科解元。季女諱粘歸孫姓，生子韶兵部右侍郎，我午峰公其長男也。次文肅公，季聰直公（早沒無嗣）。

祖考墓初葬本社。乙亥夏始奉扞于石室縣金蘭社之塢圍原。其地自傘嶺發祖，循珥河轉沿辰乙下經紛叮諸鄉，入香艾順趨岫嶺。一支自午丙逆旅轉辰乙入金蘭，起父山，俗名橋山。復自父山轉艮寅，入首結穴。平岡體中開窩，約三高，枯燥不見生氣。窩上仰掌爲螺鑿穴。據弦上點，乘寅氣坐艮向坤兼寅申分

金。正針辛丑辛未。串縫針之丁丑丁未。左邊一山名崗廚，右邊一山名崗竹，穴對雙峰空處。湄江水自右邊環抱，轉過穴前，屈曲暗拱。四旁砂水，益環灣有情。中針消砂，向井六度，穴乘寅氣爲食神行龍。左山串丁未坤並井度純旺水法。脈從午丙轉辰乙入局爲右旋，乙木龍當配左旋。丙水縫針坤向收。左邊寅生辰冠已臨午旺未衰。水朝堂出酉戌死絕方去。乃是龍逆水順。其竅有以穴地頗低，而窩之前面，勢自隆起爲仰瓦者。此乃地理衍義。天池窩後低前高之圖，前高者所以衛穴回堂氣也。

此係午峰公所澤，又延丹俟黎彥政官覆定。既扞後，午峰公即許伊社與社內南甲錢各有差，令結契斷賣，左右前後各八丈爲私。四圍立石種茅爲界。

祖妣墓初葬本社妙處。甲午秋奉扞于試塢試處。癸酉再奉扞于金蘭與祖考合葬。孫達軒公上墳，曰弘墳。墳有石誌。

行狀略說

祖考天性警敬，讀書過目成誦。少承丹岳公授之，經長從丹輪刑侍武暉經縷寺卿裴士暹遊。爲文典雅，居間泛濫百家。至於琴書醫道，無不精絕。年二十四領鄉薦亞元。癸酉舉進士不第，即絕意舉業。

舊寓京師鼓舞坊，厭其紛囂，遂歸田賦逍遙吟，畫處士圖，題詩其上以見志。所居累石爲山起測海，遍植牡丹花。客至輒具酒焚香，分韻賦詩，惟不談世事。貴臣式郡公聞其名，以重幣迎致之，辭不赴。徜徉自適有遺世之意。平生著述頗多，今存沂詠詩集（祖考沒後，靈跡屢著，凡家中一切未來趨避，皆先見夢，事至歷歷皆驗）。奉贈特進金紫榮祿大夫，宣光等處，贊治承政使司參議，豐澤伯，加贈太僕寺卿。

祖妣爲人莊雅，美鬢髮，性慧敏，遇事立決。自少奇特有丈夫志。家故富華，既歸祖考，復事針線以助讀，事舅姑，奉宗祀，必誠必敬。喪祭輒從厚，不計所費。

丙辰祖考捐堂，祖妣年尚少，一枕五兒，淒酸萬狀，惟躬親勤苦，奉四親育五子。男勉書史，女課縫紉，門庭肅然，如祖考在日。迨兒女婚嫁，各已成立，猶不肯著彩衣，不肯看樂場，不肯輒嘻笑。與子孫未

嘗有疾言厲色，殷勤煦煦，而終不失教。諸子勤令友愛，見其有無相通，深自喜慰。稍覺計較，輒蹙然不樂。其義方類此。

PHIÊN ÂM:

ĐỆ THẬP NHẤT ĐẠI

Đệ thập nhất đại tổ khảo, tặng Đặc tiến kim tử vinh lộc đại phu Tuyên Quang đẳng xứ, Tán trị thừa chánh sứ ty Tham nghị, Phong Trạch bá, phong tặng Thái bộc tự khanh tu thân doãn Ngô quý công tự Thuần Mỹ hiệu Tuyết Trai tiên sinh, cập tử y phu chức, Ngô công chính thất, Tướng quý thị, hiệu Tiết Ý huy nhân.

Tổ khảo huy Úc (tiểu danh Cán) dĩ Vinh Thịnh Kỷ Sửu hạ tứ nguyệt nhị thập thất nhật Ty thời sinh, Vinh Hậu nhị niên Bính Thìn đông thập nguyệt nhị thập nhật chung, thọ nhị thập bát.

Tổ tử huy Lãng, Đức Lâm Tây giáp, Tướng Đức Hiển công chi đệ nhị nữ. Dĩ Chính Hoà Giáp Thân đông, thập nhị nguyệt nhị thập tứ nhật Thìn khắc sinh, Cảnh Hưng Kỷ Mão đông thập nhị nguyệt sơ tứ nhật Tuất Thời chung (thời ngã cao tổ thúc Văn Túc công Tế Thụy Anh, phụng tổ tử vãng tựu quan để, toại dĩ kỳ niên tốt vu thử. Ngã cao tổ khảo Ngọ Phong công bốn tang, toại đông Văn Túc công phụng cữu hồi quán), thọ ngũ thập lục, sinh nam tam nữ nhị. Trưởng nữ huy Hoàng quy Phan tính, sinh tử Huy Dung, Tân Mão khoa Giải nguyên. Quý nữ huy Niêm quy Tôn tính, sinh tử Thiều Bình bộ Hữu thị lang, ngã Ngọ Phong công kỳ trưởng nam dã. Thứ Văn Túc công, quý Thông Trực công (tảo một vô tự).

Tổ khảo mộ sơ táng bản xã. Ất Hợi hạ thủy phụng thiên vu Thạch Thất huyện Kim Lan xã chi Mả Vi nguyên. Kỳ địa tự Tản Lĩnh phát tổ,

tuần Nhĩ Hà chuyển diên Thìn Ất hạ kinh phân đình chư hương, nhập Hương Ngải thuận di cầu lữ. Nhất chỉ tự Ngọ Bính nghịch lữ chuyển Thìn Ất nhập Kim Lan, khởi phụ sơn, tục danh Kiêu sơn. Phục tự Phụ sơn chuyển Cấn Dân, nhập thủ kết huyết. Bình cương thể trung khai oa, ước tam cao, khô táo bất kiến sinh khí. Oa thượng ngưỡng chuông vì loa yếm huyết. Cứ huyền thượng điểm, thừa Dân khí toạ Cấn hương Khôn kiêm Dân Thân phân kim. Chính châm Tân Sửu Tân Vị. Quán phòng châm chi Đình Sửu Đình Vị. Tả biên nhất sơn danh Núi Chùa, hữu biên nhất sơn danh Núi Trúc, huyết đôi song phong không xứ. My Giang thủy tự hữu biên hoàn bão, chuyển quá huyết tiền, khuất khúc ám củng. Tứ bàng sa thủy, ích hoàn loan hữu tình. Trung châm tiêu sa, hướng tỉnh lục độ, huyết thừa Dân khí vì thực thần hành long. Tả sơn quán Đình Vị Khôn tịnh tỉnh độ thuần vượng thủy pháp. Mạch tông Ngọ Bính chuyển Thìn Ất nhập cục vì hữu tuyến, Ất mộc long đường phôi tả tuyến Bính thủy. Phòng châm Khôn hướng thu. Tả biên Dân sinh Thìn quán dĩ lâm Ngọ vượng vị suy. Thủy triều đường xuất Dậu Tuất tử tuyết phương khứ. Nãi thị long nghịch thủy thuận. Kỳ khiêu hữu dĩ huyết địa phá đê, nhi oa chi tiền diện, thế tự long khởi vì ngưỡng ngoã giả. Thử nãi địa lý diễn nghĩa. Thiên trì oa hậu đê tiền cao chi đồ, tiền cao giả sở dĩ vệ huyết hồi đường khí dã.

Thử hệ Ngọ Phong công sở trách, hựu diên Đan sĩ Lê Ngạn chính quan phúc định. Ký thiên hậu, Ngọ Phong công tức hứa y xã dữ xã nội nam giáp tiền các hữu sai, lệnh kết kế đoán mai, tả hữu tiền hậu các bát trượng vì tư. Tứ vì lập thạch chủng nha vì giới.

Tổ tử mộ sơ táng bản xã Diệu xứ. Giáp Ngọ thu phụng thiên vu Mã Thí xứ. Quý Dậu tái phụng thiên vu Kim Lan dữ tổ khảo hợp táng. Tôn Đạt Hiền công thượng phần, viết Hoàng Phần. Phần hữu thạch chí.

Hành trạng lược thuyết

Tổ khảo thiên tính cảnh kính, độc thư quá mục thành tụng. Thiếu thừa Đan Nhạc công thụ chi, kinh trường tông Đan Luận Hình thị Vũ Huy

Kinh Lữ Tự khanh Bùi Sĩ Tiêm du. Vi văn điển nhã, cư gian phiếm lam bách gia. Chí ư cầm thư y đạo, vô bất tinh tuyệt. Niên nhị thập tứ lãnh Hương tiến á nguyên. Quý Dậu cử Tiến sĩ bất đệ, tức tuyệt ý cử nghiệp.

Cựu ngu kinh sư Cổ Vũ phùng, yếm kỳ phân hiêu, toại quy điền phú tiêu dao ngâm, hoạ xử sĩ đồ, đề thi kỳ thượng dĩ kiến chí. Sở cư luy thạch vi sơn khởi trúc hải, biến thực mẫu đơn hoa. Khách chí triếp cụ tửu phân hương, phân vận phú thi, duy bất đàm thế sự. Quý Thân Thúc quận công văn kỳ danh, dĩ trọng tề nghênh chí chí, từ bất phó. Thảng dương tự thích hữu di thế chí ý. Bình sinh trước thuật phả đa, kim tồn Nghi vịnh thi tập (tổ khảo một hậu, linh tích lữ trước, phàm gia trung nhất thiết vị lai xu ti, giai tiên kiến mộng, sự chí lịch lịch giai nghiệm). Phụng tặng Đặc tiến kim tử vinh lộc đại phu, Tuyên Quang đẳng xứ, Tán trị thừa chính sứ ty Tham nghị, Phong Trạch bá, gia tặng Thái bộc tự khanh.

Tổ tử vi nhân trang nhã, mỹ mấn phát, tính tuệ mẫn, ngộ sự lập quyết. Tự thiếu cơ đặc hữu trượng phu chí. Gia cố phú hoa, ký quy tổ khảo, phục sự châm tuyền dĩ trợ độc, sự cứu cô, phụng tông tự, tất thành tất kính. Tang tế triếp tông hậu, bất kế sở phí.

Bính Thìn tổ khảo quỳen đường, tổ tử niên thượng thiếu, nhất chăm ngũ nhi, thê toan vạn trạng, duy cung thân cần khổ, phụng tử thân dục ngũ tử. Nam miễn thư sử, nữ khoá phùng nhĩ, môn đình túc nhiên, như tổ khảo tại nhật. Đãi nhi nữ hôn giá, các dĩ thành lập, do bất khảng trước thái y, bất khảng khán nhạc trường, bất khảng triếp hy tiểu. Dữ tử tôn vị thường hữu tạt ngôn lệ sắc, ân cần hú hu, nhi chung bất thất giáo. Chư tử cần lệnh hữu ái, kiến kỳ hữu vô tương thông, thâm tự hỷ uly. Sảo giác kế giáo, triếp xúc nhiên bất lạc. Kỳ nghĩa phùng loại thử.

DỊCH NGHĨA:

ĐỜI THỨ MUỐI MỘT

Tổ khảo đời thứ mười một, tặng Đặc tiến kim tử vinh lộc đại phu, Tuyên Quang đẳng xứ Tán trị thừa chính sứ ty tham nghị, tước Phong Trạch bá, phong tặng Thái bộc tự khanh, Tu thân doãn, Ngô quý công tự Thuần Mỹ, hiệu Tuyết Trai tiên sinh, và chính thất là cụ bà gọi theo chức cụ ông, Tưởng quý thị, hiệu Tiết Ý huy nhân.

Tổ khảo huý Úc (thuở nhỏ tên Cán), sinh giờ Tỵ ngày 27 tháng 4 năm Kỷ Sửu, niên hiệu Vĩnh Thịnh (1709), mất ngày 20 tháng 10 năm Bính Thìn niên hiệu Vĩnh Hựu thứ 2 (1736), mới 28 tuổi.

Tổ tỷ huý Lãng là con gái thứ 2 cụ Tướng Đức Hiển, người giáp Tây xã Đức Lâm, sinh giờ Thìn ngày 24 tháng 12, năm Giáp Thân niên hiệu Chính Hoà (1704), mất giờ Tuất ngày mùng 4 tháng 12 năm Kỷ Mão niên hiệu Cảnh Hưng (1759), thọ 56 tuổi (Khi ấy em cụ Cao tổ khảo ta là Văn Túc, làm quan ở Thụy Anh, đón Tổ tỷ tới đó, rồi năm ấy mất tại đó. Cao Tổ khảo ta là cụ Ngô Phong cùng với em là Văn Túc theo tang đi dọc đường, đưa linh cữu về quê).

Tổ tỷ sinh 3 trai, 2 gái. Con gái cả huý Hoàng, về làm dâu họ Phan, sinh ra Huy Dung, đỗ Giải nguyên khoa Tân Mão. Con gái út huý Niêm, làm dâu họ Tôn, sinh con trai tên là Thiều, quan Binh bộ Hữu thị lang. Cụ Ngô Phong ta là con trai trưởng. Con thứ là cụ Văn Túc, con út là Thông Trục (mất sớm không có con).

Mộ Tổ khảo lúc đầu táng tại xã nhà. Mùa hạ năm Ất Hợi chuyển về cánh đồng Mả Ngử, xã Kim Lan, huyện Thạch Thất. Đất ấy bắt nguồn từ núi Tản Viên, ven theo sông Nhị hướng Thìn Ất (Đông Nam), xuống qua các làng ở Phân Danh, vào xã Hương Ngải, chạy ven theo núi Cẩm Lũ. Một mạch đất khác từ hướng Ngọ Bính (hướng Nam) ngược lên hướng Thìn Ất, rồi vào xã Kim Lan nổi lên từ núi Phụ Sơn, tục gọi núi Kiều. Lại từ núi Phụ Sơn chuyển lên hướng Cấn Dần (Đông Bắc) vào ngay đầu để kết huyệt. Trên ngọn đồi

bằng phẳng mở ra cái hố lõm ước khoảng 3 sào, khô ráo không thấy sinh khí. Trên hố là cái huyệt như con ốc trên bàn tay lật ngửa, cứ dây điểm ở mặt địa bàn, mộ thừa khí ở phương Dần gối về Cấn, hướng về Khôn, kiêm cả hai hướng Dần Thân mà phân kim. Kim chính chỉ phương Tân Sửu, Tân Mùi (Đông Bắc Tây Nam), kim quán phùng lấy hướng Đinh Sửu, Đinh Mùi.

Bên trái là ngọn núi tên núi Chùa, bên phải là núi Trúc, huyệt nằm giữa khoảng không hai ngọn núi đó. Nước sông My Giang bao quanh bên phải, rồi chảy qua phía trước huyệt, quanh co như ngậm châu vào. Bãi cát dòng nước bốn bên ôm lấy, cảnh rất hữu tình. Kim giữa chỉ Tiêu sa cách giếng 6 độ, huyệt thừa khí ở phương Dần làm hành long thực thần (tức long mạch giúp no đủ). Mạch núi bên trái xuyên qua theo hướng Đinh Mùi Khôn, tới sát giếng đều là thủy vượng cả. Mạch từ hướng Ngọ Bính (hướng Nam), chuyển hướng Thìn Ất (Đông Nam), nhập vào mộ làm Ất mộc long, chạy vòng về phía bên phải phối hợp với Bính thủy chạy vòng bên trái. Kim quán phùng thu lại ở hướng Khôn (Đông Nam).

Bên trái Dần thì sinh, Thìn thì quan, Tỵ thì lâm, Ngọ thì vượng, Mùi thì suy. Thủy triều trước mặt phóng ra, Dậu Tuất là phương tứ tuyệt. Đó là huyệt long ngược thủy thuận. Đất chỗ huyệt thấp, nhưng trước mặt hố lõm thế lại cao vọt lên như viên ngói lật ngửa. Đó là cách diễn giải trong địa lý. Hình thế sau thấp trước cao của cái hố lõm như ao trời. Trước cao là để bảo vệ cho huyệt trở về được cái khí ở trước mặt.

Đó là nơi cụ Ngô Phong chọn, lại được chính quan Lê Ngạn người Đan Sĩ duyệt lại rồi quyết định. Sau khi đã dọn mộ về đấy, cụ Ngô Phong lập tức cấp cho tiền xã đó và giáp Nam trong xã theo thứ bậc hơn kém nhau, và buộc bán đứt số ruộng ở phía trước, phía sau, bên trái, bên phải, cách huyệt 8 trượng ở mỗi phía để làm của riêng. Bốn phía dựng cột đá, trồng gai làm ranh giới.

Mộ Tổ tử lúc đầu táng tại xứ Diệu xã nhà. Mùa thu năm Giáp Ngọ kính chuyển về xứ Mả Thí. Năm Quý Sửu lại kính dời về xã Kim Lan, hợp táng với Tổ khảo. Cháu là Đạt Hiên kính dâng tên phần mộ là “Hoàng phần.” Trên mộ có dựng bia.

Sơ lược về hành trạng

Tổ khảo trời phú cho tính thông minh tháo vát, đọc sách chỉ cần lướt mắt qua là đã thuộc. Lúc nhỏ được cụ Đan Nhạc dạy bảo, lớn lên cùng du học với Hình thị Vũ Huy người Đan Luân và Tự khanh Bùi Sỹ Tiêm người Kinh Lũ. Văn chương của cụ tao nhã mẫu mực, bình thời xem hết các sách bách gia. Còn như gảy đàn, viết chữ, và nghề thuốc, không nghề gì là không tinh tường. Năm 24 tuổi thi đỗ Hương tiến á nguyên, năm Quý Sửu thi Tiến sỹ không đỗ, lập tức không nghĩ tới đường khoa cử nữa.

Trước kia, cụ trọ ở phường Cổ Vũ tại kinh đô, chán ghét với cảnh huyên náo, bèn làm bài phú “Quy điền,” ngâm bài “Tiêu dao,” vẽ tranh các nhà ẩn sỹ, đề thơ lên đó để thể hiện chí mình. Nơi ở, lấy đá xếp thành núi, xây bể cạn, chung quanh trồng hoa mẫu đơn. Khách đến thăm liên bày rượu, đốt hương, làm thơ, làm phú, ngâm vịnh, không đếm xỉa đến sự đời. Quý thân Thúc quận công nghe danh, tự đem rất nhiều tiền bạc đến mời rước, cụ từ chối không đi. Trong cuộc sống, vẫn thường nhàn nhơ, tự vui, có ý thoát ra ngoài cuộc đời. Bình sinh cụ sáng tác rất nhiều, nay chỉ còn lại tập thơ *Nghi vịnh*. (Sau khi Tổ khảo mất, vết tích linh thiêng nhiều lần hiển ứng. Phàm mọi việc sắp xảy ra ở trong nhà, đều thấy trước trong mộng. Khi sự việc xảy đến, nghiệm thấy rõ ràng). Cụ mất, được tặng Đặc tiến kim tử vinh lộc đại phu, Tuyên Quang đẳng xứ, Tán trị thừa chính sứ ti tham nghị, tước Phong Trạch bá, tặng thêm Thái bộc tự khanh.

Tổ tử là người trang nhã, có mái tóc mai đẹp, tính tình nhanh nhẹn, thông minh, gặp việc gì thì tự mình giải quyết ngay. Ngay từ nhỏ, đặc biệt

đã có chí của bậc trượng phu. Gia đình Tổ tỷ vốn giàu có, lịch sự, khi kết duyên với Tổ khảo thì cần cù đường kim sợi chỉ, để giúp chồng đi học, phụng sự bố mẹ chồng, thờ cúng tổ tiên, một lòng thành kính. Việc tang tế nhất thiết phải đầy đủ, không kể đến chi phí hao tổn.

Năm Bính Thìn Tổ khảo mất, Tổ tỷ tuổi hầy còn trẻ, một gôi 5 con, buồn đau chua xót muôn chừng chỉ tự mình cần cù vất vả, phụng dưỡng hai bên bố mẹ, nuôi nấng con cái. Con trai thì khuyến khích học hành, con gái thì dạy bảo vá may, cửa nhà nghiêm túc như hồi Tổ khảo hầy còn sống. Đến khi các con trưởng thành, có vợ có chồng, đều sống tự lập được, Tổ tỷ vẫn không chịu mặc quần áo đẹp, không chịu đi xem ca hát, không cười đùa cợt nhả. Đối với con cháu chưa có khi nào lời nặng tiếng nhẹ, nghiêng răng cau mặt, chỉ ân cần khuyên răn, mà rút cục không bỏ mất phép tắc gia giáo. Cụ thường dạy các con thương yêu đùm bọc lấy nhau, hễ thấy kẻ có giúp kẻ không có, thì trong lòng lấy làm sung sướng, hơi thấy có sự suy bì tị nạnh, thì lập tức sầm nét mặt không vui. Đường lối của cụ đại loại như vậy.

第十二代

第十二代顯祖考，奉準癸未年進朝賜丙戌科正進士，奉差諒山處督鎮，特進金紫榮祿大夫禮部尚書，慶延侯，吳相公字世祿，號午峰先生，褒封上等福神，溫博厚誠文裕匡運扶道昌澤護國保民洪列大王。及妣依夫職大王正室，阮貴氏，號貞慈正夫人。

祖考諱仕，道號二青居士，以保泰七年丙午，九月二十日寅時生，景興四十一年庚子，九月二十五日終，壽五十五。墓初葬本村之德林原，經再扞，癸未冬，扞本社之園答處（山向不詳）。

祖妣諱坦以永慶二年庚戌，四月十八日生，本社僉都御史克忠公之孫，憲察副使廉恪公之女，甲戌進士弘信大夫雙玉公之妹。以景興二十三年壬午，八月二十日命終，生三男二女。我達軒公其長男也。長女諱倣，歸瑞圭進士潘輝益，生三男，長潘輝洞，季潘輝注，仲潘輝湜，官禮部尚書，其孫潘輝泳亦官禮部尚書，曾孫阮官至侍講。

次男諱倬，次女諱倣（號徽恭夫人，苓塘倬嶺正室，有次孫黃廷專第三甲進士，黃廷佐第二甲進士）。

季男諱倣。又次男諱倣、諱儻、諱僊、與次女諱忍（歸南真百姓吳春授，生男女各二）皆庶出也。

按我午峰公次室，封贈順人，阮貴氏號莊正徽人，七月初一日忌。

次次室裴貴氏，號慧簪徽人，四月二十三日忌。

又次次室黃貴氏號妙莊徽人，四月二十七日忌。

祖妣壽三十三，墓初葬中青威茂良村，經一扞遂奉與祖考墓合葬。子達軒公上墳號，曰仁墳。墳有石誌。

行狀略說

高祖考未生之前，高高祖妣嘗夢見德林村寺佛降誕。幼穎異，七歲入學，八歲能爲文，九歲能爲詩。十一歲失怙，從大父丹岳公學，頭角嶄然，迥出流輩。戊午登郡庠，癸亥領鄉解，就業于西姥嚴伯挺，獲澤汝廷瓚二公，皆當世名儒深器之。淵源所漸，日益闔肆，爲文汪洋，演迤新奇，艷麗蔚然，自成一家，甚爲士林所推重。

壬申大比射策以考官失選，擢王府僉知工番。乙亥以選舉第一，充侍內文職，自是聲名藉甚。己卯居母喪，奉恩王特召入內閣，命與文斑諸臣作關夫子賦，甚見嘆獎。自是接北使，陪御畢時，與朝士齒焉。癸未王府以文學夙簡，特準進朝應務，授工科給事中。甲申授山西道監察御史，不數月授太原處督同。丙戌大比，擢會魁，殿試擢黃甲庭元，以進朝登第，特加一級，授翰林院侍制。丁亥陞東閣校書，尋改授清華憲察使。

治有盤阿山，山下有江，景致佳麗，公愛之，即其山爲觀瀾巢。在治數年，以山水自娛，政尚清簡，刁豪屏息，詞訟簡省，士流慕其名，束脩踵門者相接，爲之分課講習，多所成就。尋陞東閣學士，改授乂安參政。

初公侍盛王潛邸，深被眷注，及進朝補外，久離講幄，情分稍隔，又以才名爲當恪者所忌，公自分不過，遂無意於進取。及出乂安常有去官之志，而未果。辛卯鄉試考覈士人，爲刁夥所訟，廷議不待查問，奪其職。

既歸家，以著書講學自娛，蔬食菜羹，敝袍陋屋，怡然也。其豪曠之想，往往托之詩酒。嘗自吟云：“冷想人情世態水東流”。又云：“歸去歸去，悲喜關人甚事”。時有以驕放不悛潛者。王知其植性不之責。

一日見中使送到平南日曆，公奉旨綸錄進覽。是後御製文翰多密奉潤色。丁未準許復翰林校理職，數月擢署僉都御史。丙申命校正國史。丁酉改授諒山處督鎮，遷侍講著術。

初到鎮，見舊城離山就濕，兵家所忌，因移於祿馬山駐節焉。

先是諒山連歲旱饑，居民轉徙太半，公隨方拯救，課農通商，禁奇止擾，民稍蘇息。公事之暇，每寄情于山水。近治有北岩山峒，披闢叢翳，鐫像其中，而名其峒二青。蓋取縣邑，皆有青字，且與山左之三青峒比焉。

每臨峒，裁決鎮務，若有終老此山之志。時我達軒公在京北鎮所，遙上佛號：“二青長壽觀自在福量大海，真如無盡意菩薩”。傍峒之永寨脫朗，是其香火戶兒也。

庚子季秋，有事于南關，回經其山，乃住節入峒，於像前假睡半更許，體欠豫乃還，閉門謝客，不復視事。二十五日少閒，復倚席觀書，賓佐侍陪，談笑自若，夜半就枕而歿，壽五十五。訃至京，盛王深爲軫悼，追授宣光處承政使，贈戶部右侍郎，賜諡：溫博、厚誠、文裕大王。追贈禮部尚書，慶延侯。[光中]五年加封：匡運、扶道、昌澤三字。尋加封：護國、保民、洪烈三字。

公丰表凝遠，性豪逸，自少不拘小節，登山臨水，攜壺索句，隨意所適。每興到，名山大川，無問險

遠，攀沿尋訪，足跡殆遍。晚歲常語諸子云：“我自甲子至己巳，家園山水無定縱，文人豪客無定友，飲酒讀書無定趣。中間頗自點檢，然或半年，或數月往往曠逸之想。又不覺攷之于佛跡、龍珠、南公八景之間。明山秀水，懸崖絕磴，孤村僻境。荒郊廢戍，魚樵之蹊徑，虎豹之窟寅，凡所爲壯觀絕覽奇詭幽邃蕭條快爽之意像，盡與之徘徊。或呼或嘯，或歌或哭，其胸中磔阿磊隤，頓覺明豁，悠然忘言，倦遊而後反。時有狂放之消。實予一生文章精神氣骨，皆此五六年英靈薰秀。空虛點化中來，此予獨心會處”。

愛州之盤阿，諒山之二青，意亦公之晚致歎。處世甚勤，遇事變通無執著，與人喜推誠惡巧機，尤厭案牘吏事。在臺時，詞訟剖判無停滯。初撫諒，轄內以盜劫解者，立即訊決，其案悉焚之。

接下尤和易，有忤未嘗怒罵，有甚不平者，數目之旋即怡然。對初學晚生，忘卻自己品望，其夷曠類此。

居常服用儉約，所性不存。至於葬祭大事，盡志盡物。自己卯至壬午連遭三大喪，皆於未第寒約時，繕理儀文，備極豐腆。每遇親諱前數日，必變告祭之

夕，達旦不寐，盥菜之奉，必躬自檢閱。臨祭哀感滿容，以受恩王知最深，每忌時，輒設卓焚香，仰天慟哭，造次顛沛必如是。正夫人捐幃，不再娶，內政悉委諸婦，姬妾以下，並聽管攝，閨門之內肅然，如正夫人在時。少孤弟與之同居，財產無所計較。既成立家庭，翕孺常如少時。待諸子慈愛天至，惟課學程文最嚴厲。處朋友極厚，於死生緩急處尤見情，能捐人所難拾之財，做人所難爲之事。常有詩嘲人之欺死者曰：

堅危柏節霜嚴見

深淺江心水涸知

但願世人皆不死

喬彭相對孰相欺

邑契前進士阮宗程，公內兄也，視師又安卒于官。公親爲理喪，撫視諸孤，恩意尤厚。同遊者無不高其義。此公忠孝慈悌信義至性之大略也。

少有經濟大志，爲學不專事章句。凡治國體要，如官方吏治，兵制賦法，民政田政，以及山川鎮戍，道里城郭，地產土俗，皆考按古今，輯錄成書，規畫最有法度。至於陰陽風水之術，無不精緻。所著午峰文集、

保障宏漠、鸚言詩集、越史標案、觀瀾十詠、二青峒集，行于世。

高祖妣年十四歸相祖考，以孝敬奉親，勤儉持家。卯辰二年連掛雙孝，壬午又遭外高祖考喪事，四年三服，事無劇易酬應，允當所以助成高祖孝志多矣。我高祖屯於涉歷，頗不能自適，輒慰解之曰：公餐名大重道家所忌，安知造物者不以玉成之。公能布衫芒鞋，絕口不談世利，居易俟命，勿強天以謀，窮山遠剝，妾亦安之。其高卓之類此。

恭錄褒封敕文

其一

敕諒山督鎮，戶部右侍郎，吳令公，號午峰，字二青居士。

文獻其傳，魁科肄業。

持世言行政事，立不朽遺棠芟之思；褪躬禮樂詩書，留有餘裕槐庭之慶。

蘭懷香而自遠，玉在佩而有聲。

襟懷宜魏闕江湖，用舍行藏是道；標致可東坡赤壁，周流磅礴此身。

大家望峻於斗山，名世神歸於箕尾。

廟柏深深古洞，水月凝裘帶之餘輝；驛枚膾膾華原，雲相衣裳之盛會。

有諒山處鎮守題達顯靈，可褒封爲上等福神，溫博、厚誠、文裕大王。

用昭潛德，俾沐寵光。

于以孚肸蠁之馨，尚其右永世崇鴻之祉。

欽哉故敕。

其二

敕諒山督鎮，禮部尚書，慶延侯吳令公，道號二青居士，褒封上等溫博、厚誠、文裕大王。

君子才猷，師儒規範。

茹古含今之醞藉，會三教而得其宗；窮神知化之精微，彌六合而藏於密。

德容晬而麟鳳快睹，道體尊而山斗具瞻。

不可攀之噴瀑懸崖，凡百縉紳推苟岸；無盡藏之清風明月，大千煙景媚精神。

礪礪之事業鏗聞，赫濯之聲靈表見。

使節周旋資默佑，固鄰邦信睦之交；書香奕葉藉餘慶，裕家世崇成之祉。

黼黻丕昭於懿燦，袞華宜賁於彝章。

爲皇家興圖一統，禮有登秩，加封美字三字，可加封諒山督鎮，禮部尚書，慶延侯吳令公，道號二青居士，上等溫博、厚誠、文裕、匡運、扶道、昌澤大王。

尚其光受鴻稱，茂貽燕翼。

常享廟祠之妥侑，永扶社稷之尊安。

欽哉故敕。

恭錄次支

高祖叔文肅公諱燾，號溫毅，是我午峰公之弟。七歲承丹岳公啓蒙，十四歲經史殆遍。癸酉薦鄉薦亞元，就正獲澤汝公瓚。學問該博，文章有矩度，國朝典故尤精熟，與兄午峰公俱以文章策名。丁丑第宏祠解元。戊寅調瑞英縣。壬午再調南真課政上考。丁亥除大理寺丞。戊子遷鄭都知府。到任之始開講學堂，日與諸生講習。民有以訟來者，一聽辨其曲直，即決遣之。數月之間，吏事頓省，及門者彌眾，隨才俯誨，多

所成就。丙申考滿，廷舉陞山西獻臺。當途有不悅者，以事阻格。貴臣垂忠侯遺書勸以就權門調停，無妨進取。公植性剛方，復書“以呈身御史爲恥”。貴臣知其雄不可奪，事遂寢。

會而海水寇蜂起，有信公在南真時熟知情形可招降之，不煩兵力。遂奉旨與垂忠侯同往軍營處置。已而水寇平，即單車回京復命。

時公有退志，因謝病歸鄉，修飭農政，以田園之趣自樂。壬寅驕兵內變，朝廷無復紀綱，執政大臣以公有經濟大略，欲援之共事，遂以名聞，特旨陞京北憲察副使。下車之始，豪右屏息，驕兵不敢北渡，二十縣爲之肅清。丙午亡人阮有整挾西兵犯闕，鄭主端王遇害。西兵翊昭統帝即位，而返。整以乂安兵扶駕當國，詔內外官，各復職守。公未敢力辭，請留京養病。丁未整議做宋朝十科取士，請開制舉進士科。公以廷舉賢良方正，表辭不赴。

是冬昭統帝北行，公以逋臣播越，往來金榜南真間，居無定所，行無定跡。戊申昭統帝以大清兵復國。尋爲西兵所敗奔燕。西相陳文紀素聞公名，欲迫

致之，自矢不事二性，賦言懷詩八十韻以見志。文紀義之不強也。遂得以黃冠歸故里，繫籍村叟，杜門謝客。親故之達者，有所餽送，皆辭不受，壽七十一。以壬子二月十四日生，壬戌十月二十七日終。平生孝學，晚年造詣尤精。所著散逸過半，今存遺草一集。

正妣阮氏，諱滂號貞純，我高祖妣之胞弟，壽四十六，生一男四女（長歸天姥陳姓，次歸同邑阮姓，次次歸鉢場黎姓，季歸大家杜姓）。

繼妣阮貴氏鬻宮人，諱理號慈裕，壽六十八，生一男二女。長女諱福，歸金榜之安樂，錄事撐峰伯，范姓。次女諱烜歸我外祖考，安永秀才阮公爲正配。男即徵甫公是也。

又繼妣阮氏號石蓮，生一女（諱詠歸同邑阮輝琤，今山西布政阮文南是其後）。

徵甫公諱悠，諡端號文博，以舉茂蘊，官歷海陽學政（紀錄三次）。生平爲學精苦，壽六十九，所著有詩文各集，及續編安南一統志七回行世。

正妣阮氏，號敬順宜人，彰德保慈阮進士之女，壽七十九，生男女各二。長女玳歸良才玉關武源。次女礎歸同邑阮瓚。男諱僞，次男諱偉，號純直，乏繼。

僞中甲午科秀才，生男女各一（女歸潘氏），男諱侃字寶三，生男隱，隱生儋。

少妣阮氏，號慈和，壽七十三，生三男二女（長女諱珮，次女諱瑰），男諱但早沒，次諱仙，次次諱炎。

仙生男二儋[]。

炎生男七儋、儋、似、僧、謹、修。

PHIÊN ÂM:

ĐỆ THẬP NHỊ ĐẠI

Đệ thập nhị đại hiển tổ khảo, phụng chuẩn Quý Vị niên tiến triều tứ Bính Tuất khoa chính Tiến sĩ, phụng sai Lạng Sơn xứ Đốc trấn, Đặc tiến kìm tử vinh lộc đại phu Lễ bộ Thượng thư, Khánh Diên hầu, Ngô tướng công tự Thế Lộc, hiệu Ngọ Phong tiên sinh, bao phong Thượng đẳng phúc thân, Ôn bác hậu thành văn dụ khuông vận hù đạo xương trạch hộ quốc bảo dân hồng liệt Đại vương. Cập tử y phu chức Đại vương chính thất, Nguyễn quý thị, hiệu Trinh Từ chính phu nhân.

Tổ khảo huy Sĩ, đạo hiệu Nhị Thanh cư sĩ, dĩ Bảo Thái thất niên Bính Ngọ, cửu nguyệt nhị thập nhật Dần thời sinh, Cảnh Hưng tứ thập nhất niên Canh Tý, cửu nguyệt nhị thập ngũ nhật chung, thọ ngũ thập ngũ. Mộ sơ táng bản thôn chi Đức Lâm nguyên, kinh tái thiên, Quý Vị đông, thiên bản xã chi Viên Đáp xứ (sơn hương bát tường).

Tổ tử huy Thản dĩ Vinh Khánh nhị niên Canh Tuất, tứ nguyệt thập bát nhật sinh, bản xã Thiêm đô ngự sử Khắc Trung công chi tôn, Hiến sát phó sứ liêm khác công chi nữ, Giáp Tuất Tiến sĩ Hoàng tín đại phu Song Ngọc công chi muội. Dĩ Cảnh Hưng nhị thập tam niên Nhâm Ngọ, bát

nguyệt nhị thập nhất mệnh chung, sinh tam nam nhị nữ. Ngã Đạt Hiên công kỳ trưởng nam dã. Trưởng nữ huý Thục, quý Thuy Khuê Tiến sĩ Phan Huy Ích, sinh tam nam, trưởng Phan Huy Quynh, quý Phan Huy Chú, trọng Phan Huy Thục, quan Lễ bộ Thượng thư, kỳ tôn Phan Huy Vĩnh diệc quan Lễ bộ Thượng thư, tăng tôn Nguyễn quan chí Thị giảng.

Thứ nam huý Chí, thứ nữ huý Viêm (hiệu Huy Cung phu nhân, Linh Đường Trác Lĩnh chính thất, hữu thứ tôn Hoàng Đình Chuyên đệ tam giáp Tiến sĩ, Hoàng Đình tá đệ nhị giáp Tiến sĩ).

Quý nam huý Điện. hữu thứ nam huý Trí, huý Hoàng, huý Hương dữ thứ nữ huý Nhẫn (quý Nam Chân Bách Tĩnh Ngô Xuân Thu, sinh nam nữ các nhị) giai thứ xuất dã.

Án ngã Ngô Phong công thứ thất, phong tặng Thuận Nhân, Nguyễn quý thị hiệu Trang Chính huy nhân, thất nguyệt sơ nhất nhật kỵ.

Thứ thứ thất Bùi quý thị, hiệu Tuệ Trâm huy nhân, tứ nguyệt nhị thập tam nhật kỵ.

Hữu thứ thứ thất Hoàng quý thị hiệu Diêu Trang huy nhân, tứ nguyệt nhị thập thất nhật kỵ.

Tổ tỷ thọ tam thập tam, mộ sơ táng Trung Thanh Uy Mậu Lương thôn, kinh nhất thiên toại phụng dữ tổ khảo mộ hợp táng. Tử Đạt Hiên công thượng phân hiệu, viết Nhân Phần. Phần hữu thạch chí.

Hành trạng lược thuyết

Cao tổ khảo vị sinh chi tiền, cao cao tổ tỷ thường mộng kiến Đức Lâm thôn tự Phật giáng đản. Ấu đĩnh di, thất tuế nhập học, bát tuế năng vi văn, cửu tuế năng vi thi. Thập nhất tuế thất hĩ, tông đại phụ Đan Nhạc công học, đầu giác tiệm nhiên, quynh xuất lưu bồi. Mậu Ngọ đăng quận tường, Quý Hợi lãnh Hương giải, tước nghiệp vu Tây Mỗ Nghiêm Bá Đình,

Hoạch Trạch Nhữ Đình Toàn nhị công, giai đương thế danh nho thâm khí chi. Uyên nguyên sở tiệm, nhật ích hoàng tứ, vi văn uông dương, diễn dĩ tân kỳ, diễm lệ ụy nhiên, tự thành nhất gia, thậm vi sĩ lâm sở suy trọng.

Nhâm Thân đại tử tạ sách dĩ khảo quan thất tuyền, trạc Vương phủ Thiêm tri công phiên. Ất Hợi dĩ tuyền cử đệ nhất, sung Thị nội văn chức, tự thị thanh danh tịch thậm. Kỷ Mão cư mẫu tang, phụng Ân vương đặc triệu nhập Nội các, mệnh dữ văn ban chư thần tác Quan phu tử phú, thậm kiến thán tưởng. Tự thị tiếp Bắc sứ, bồi ngự tất thời, dữ triều sĩ xĩ yên. Quý Vị Vương phủ dĩ văn học túc giản, đặc chuẩn Tiến triều ứng vụ, thụ Công khoa cấp sự trung. Giáp Thân thụ Sơn Tây đạo Giám sát Ngự sử, bất số nguyệt thụ Thái Nguyên xứ Đốc đồng. Bính Tuất đại tử, trạc hội khôi, diện thí trạc Hoàng giáp đình nguyên, dĩ tiến trào triều đẳng đệ, đặc gia nhất cấp, thụ Hàn lâm viện Thị chế. Đinh Hợi thăng Đông các hiệu thư, tâm cải thụ Thanh Hoa Hiến sát sứ.

Trị hữu Bàn A sơn, sơn hạ hữu giang, cảnh trí giai lệ, công ái chi, tức kỳ sơn vi quan lan sào. Tại trị sở niên, dĩ sơn thủy tự ngu, chính thượng thanh giản, điều hào bình tức, từ tụng giản tĩnh, sĩ [lưu] mộ kỳ danh, thúc tu chủng môn giả tương tiếp, vi chi phân khoa giảng tập, đa sở thành tựu. Tầm thăng Đông các học sĩ, cải thụ Nghệ An Tham chính.

Sơ công thị Thịnh Vương tiêm đệ, thâm bị quyền chú, cập tiến triều bổ ngoại, cửu ly giảng ác, tình phạm sảo cách, hựu dĩ tài danh vi đương khác giả sở kỵ, công tự phạm bất ngộ, toại vô ý ư tiến thủ. Cập xuất Nghệ An thường hữu khứ quan chi chí, nhi vị quả. Tân Mão hương thí khảo hạch sĩ nhân, vi điều khoả sở tụng, đình nghị bất đãi tra vấn, đoạt kỳ chức.

Ký quy gia, dĩ trước thư giảng học tự ngu, sơ thực thái canh, tề bào lậu ốc, dĩ nhiên dã. Kỳ hào khoáng chi tưởng, vãng vãng thác chi thi từ. Thường tự ngâm vãn: “Lãnh tướng nhân tình thế thái thủy đông lưu.” Hựu

vân: “Quy khứ quy khứ, bi hỷ quan nhân thâm sự.” Thời hữu dĩ kiêu phóng bất thoan tiềm giả. Vương tri kỳ thực tính bất chi trách.

Nhất nhật kiến trung sử tổng đáo Bình Nam nhật lịch, công phụng chỉ luân lục tiến lăm. Thị hậu ngự chế văn hàn đa mật phụng nhuận sắc. Đình Vị chuẩn hứa phục Hàn lâm hiệu lý chức, số nguyệt trạc thư Thiêm đô ngự sử. Bính Thân mệnh hiệu chính Quốc sử. Đình Dậu cải thụ Lạng Sơn xứ Đốc trấn, thiên Thị giảng trước thuật.

Sơ đáo trấn, kiến cự thành ly sơn tụt thấp, binh gia sở kỵ, nhân dĩ ư Lộc Mã sơn trú tiết yên.

Tiên thị Lạng Sơn liên tuế hạn cơ, cư dân chuyển tở thái bán, công tùy phương chứng cứu, khoá nông thông thương, cấm kỳ chỉ nhiễu, dân sảo tô tức. Công sự chi hạ, mỗi ký tình vu sơn thủy. Cận tri hữu Bắc Nham sơn động, phi tịch tùng ế, thuyên tượng kỳ trung, nhi danh kỳ ộng Nhị Thanh. Cái thủ huyện ấp, giai hữu Thanh tự, thả dữ sơn tả chi Tam Thanh động tở yên.

Mỗi lâm động, tài quyết trấn vụ, nhược hữu chung lão thử sơn chi chí. Thời ngã Đạt Hiên công tại Kinh Bắc trấn sở, dao thượng Phật hiệu : “Nhị Thanh trường thọ quan tự tại phúc lượng đại hải, chân như vô tận ý bồ tát.” Bàng động chi Vinh Trại Thoát Lãng, thị kỳ hương hoá hộ nhi dã.

Canh Tý quý thu, hữu sự vu Nam Quan, hồi kinh kỳ sơn, nãi trú tiết nhập động, ư tượng tiền giả thủy bán canh hứa, thể khiếm dự nãi hoàn, bế môn tạ khách, bất phục thị sự. Nhị thập ngũ nhật thiếu nhàn, phục ỷ tịch quan thư, tân tá thị bồi, đàm tiểu tự nhược, dạ bán tụt chẩm nhi một, thọ ngũ thập ngũ. Phó chí kinh, Thịnh Vương thâm vi chẩn diệu, truy thụ Tuyên Quang xứ Thừa chánh sử, tặng Hộ bộ Hữu thị lang, tứ thủy: Ôn bác hậu thành văn dụ Đại vương, truy tặng Lễ bộ Thượng thư, Khánh Diên

hầu. [Quang Trung] ngũ niên gia phong: Khuông vận, phù đạo, xương trạch, tam tự. Tầm gia phong: Hộ quốc, bảo dân, hồng liệt, tam tự.

Công phong biểu ngưng viễn, tính hào dật, tự thiếu bất câu tiểu tiết, đăng sơn lâm thủy, huê hồ sách cú, tùy ý sở thích. Mỗi hứng đáo, danh sơn đại xuyên, vô vấn hiểm viễn, phân diên tâm phỏng, tức tích đãi biến. Văn tuế thường ngũ chư tử vân: “Ngã tự Giáp Tý chí Kỷ Ty, gia viên sơn thủy vô định túng, văn nhân hào khách vô định hữu, ẩm tửu độc thư vô định thú. Trung gian phả tự điểm kiểm, nhiên hoặc bán niên, hoặc sổ nguyệt vãng vãng khoáng dật chi tưởng. Hựu bất giác khảo chi vu Phật Tích, Long Châu, Nam Công bát cảnh chi gian. Minh sơn tú thủy, huyền nhai tuyệt đấng, cô thôn tịch cảnh. Hoang giao phế thú, ngư tiêu chi khê kính, hổ báo chi quật dân, phàm sở vi tráng quan tuyệt lăm kỳ quý u thủy tiêu điều khoái sảng chi ý tượng, tận dữ chi bồi hồi. Hoặc hô hoặc khiếu, hoặc ca hoặc khóc, kỳ hưng trung luy a lỗi ngổ, đốn giác minh khoáng, du nhiên vong ngôn, quỵen du nhi hậu phản. Thời hữu cuồng phóng chi tiêu. Thực dư nhất sinh văn chương tinh thần khí cốt, giai thử ngũ lục niên anh linh huân tú. Không hư điểm hoá trung lai, thử dư độc tâm hội xứ.”

Ái châu chi Bàn A, Lạng Sơn chi Nhị Thanh, ý diệc công chi văn trí dư. Xử thế thậm cân, ngộ sự biến thông vô chấp trước, dữ nhân hỷ suy thành ố xảo cơ, ưuu yếm ư độc lại sự. Tại đài thời, từ tụng phẩu phán vô đình trệ. Sơ phủ Lạng, hạt nội dĩ đạo kiếp giải giả, lập tức tấn quyết, kỳ án tất phân chi.

Tiếp hạ vưu hoà dĩ, hữu ngũ vị thường nộ mạ, hữu thậm bất bình giả, sổ mục chi toàn tức dĩ nhiên. Đối sơ học văn sinh, vong khước tự kỳ phẩm vọng, kỳ dĩ khoáng loại thử.

Cư thường phục dụng kiệm ước, sở tính bất tồn. Chí ư táng tế đại sự, tận chí ư vật. Tự Kỷ Mão chí Nhâm Ngọ liên tao tam đại tang, giai ư vị đệ

hàn ước thời, thiện lý nghi văn, bị cực phong thiên. Mỗi ngộ thân huý tiền số nhật, tất biến cáo tế chi tịch, đạt đán bất my, diêm thái chi phụng, tất cung tự kiểm duyệt. Lâm tế ai thích mãn dung, dĩ thụ ân vương tri tối thâm, mỗi kỳ thời, triếp thiết trác phần hương, ngưỡng thiên đồng khốc, tháo thứ diên bái tất như thị. Chính phu nhân quyên vi, bất tái thú, nội chính tất uỷ chư phụ, cơ thiệp dĩ hạ, tịnh thính quản nhiếp, khuê môn chi nội túc nhiên, như chính phu nhân tại thời. Thiếu cô đệ dữ chi đồng cư, tài sản vô sở kế giáo. Ký thành lập gia đình, hấp nhụ thường như thiếu thời. Đãi chư tử từ ái thiên chí, duy khoa học trình văn tối nghiêm lệ. Xử bằng hữu cực hậu, ư tử sinh hoãn cấp xử vưu kiến tình, năng quyên nhân sở nan thập chi tài, tố nhân sở nan vi chi sự. Thường hữu thi trào nhân chi khi tử giả viết:

Kiên nguy bách tiết sương nghiêm kiến,

Thâm thiên giang tâm thủy hạt tri.

Đãn nguyện thế nhân giai bất tử,

Kiều Bành tương đối thực tương khi.

Ấp khế tiền Tiến sĩ Nguyễn Tông Trình, công nội huynh dã, thị sư Nghệ An tốt vu quan. Công thân vi lý tang, phủ thị chư cô, ân ý vưu hậu. Đồng du giả vô bất cao kỳ nghĩa. Thử công trung hiếu từ để tín nghĩa chí tính chi đại lược dã.

Thiếu hữu kinh tế đại chí, vi học bất chuyên sự chương cú. Phàm trị quốc thể yếu, như quan phương lại trị, binh chế phú pháp, dân chính diên chính, dĩ cập sơn xuyên trấn thú, đạo lý thành quách, địa sản thổ tục, giai khảo án cổ kim, tập lục thành thư, quy hoạch tối hữu pháp độ. Chí ư âm dương phong thủy chi thuật, vô bất tinh trí. Sở trước Ngô Phong văn tập, Bảo chương hoành mô, Anh ngôn thi tập, Việt sử tiêu án, Quan lan thập vịnh, Nhị Thanh động tập, hành vu thế.

Cao tổ tỷ niên thập tứ quy tướng tổ khảo, dĩ hiếu kính phụng thân, cần kiệm trì gia. Mão Thìn nhị niên liên quả song hiếu, Nhâm Ngọ hựu tác ngoại cao cao cao tổ khảo tang sự, tứ niên tam phục, sự vô kịch dị thù ứng doãn đường, sở dĩ trợ thành cao tổ khảo hiếu chí đa hỹ. Ngã cao tổ truân ư thiệp lịch, phả bất năng tự thích, triếp uỷ giải chi viết: Công xan danh đại trọng đạo gia sở ký, an tri tạo vật giả bất dĩ ngọc thành chi. Công năng bố sam mang hài, tuyết khẩu bất đàm thế lợi, cư dĩ sĩ mệnh, vật cường thiên dĩ mưu, cùng sơn viễn sát, thiệp diệc an chi. Kỳ cao trác chi loại thử.

Cung lục bao phong sắc văn

Kỳ nhất

Sắc Lạng Sơn Đốc trấn, Hộ bộ Hữu thị lang, Ngô lệnh công, hiệu Ngô Phong, tự Nhị Thanh cư sĩ.

Văn hiến kỳ truyền, khôi khoa vĩ nghiệp.

Tri thế ngôn hành chính sự, lập bất hủ di đường bạt chi tư; đề cung lễ nhạc thi thư, lưu hữu dư dự hoè đình chi khánh.

Lan hoài hương nhi tự viễn, ngọc tại bội nhi hữu thanh.

Khâm hoài nghi nguy khuyết giang hồ, dụng xả hành tàng thị đạo; tiêu trí khả Đông Pha Xích Bích, chu lưu bàng bạc thử thân.

Đại gia vọng tuấn ư Đẩu sơn, danh thế thân quy ư cơ vĩ.

Miếu bách thâm thâm cổ động, thủy nguyệt ngưng cừu đá chi dư huy; dịch mai hô hô hoa nguyên, vân tương ý thường chi thịnh hội.

Hữu Lạng Sơn xứ Trấn thủ đề đạt hiển linh, khả bao phong vi thượng đẳng phúc thân, Ôn bác, hậu thành, văn dụ Đại vương.

Dụng chiêu tiêm đức, tỷ mộc sủng quang.

Vu dĩ phu hật hưởng chi hình, thượng kỳ hữu vĩnh thế sùng hồng chi chí.

Khâm tai cố sắc.

Kỳ nhị

Sắc Lạng Sơn Đốc trấn, Lễ bộ Thượng thư, Khánh Diên hầu Ngô lệnh công, đạo hiệu Nhị Thanh cư sĩ, bao phong thượng đẳng Ôn bác, hậu thành, văn dụ Đại vương.

Quân tử tài du, sư nho quy phạm.

Như cổ hàm kim chi uẩn tịch, hội tam giáo nhi đắc kỳ tông; cùng thân tri hoá chi tình vi, di lục hợp nhi tàng ư mật.

Đức dung tối nhi lân hoàng khoái đồ, đạo thể tôn nhi sơn đầu cụ chiêm.

Bất khả phân chi phún bạo, huyền nhai, phàm bách tấn thân suy cầu ngạn; vô tận tàng chi thanh phong, minh nguyệt, đại thiên yên cảnh my tinh thân.

Lỗi lang chi sự nghiệp khanh văn, hách trạc chi thanh linh biểu kiến.

Sứ tiết chu toàn tư mặc hựu, cố lân bang tín mục chi giao; thư hương dịch điệp tạ dư khánh, dụ gia thế sùng thành chi chí.

Phủ phát phi chiêu ư ý thước, cốn hoa nghi bí ư di chương.

Vi hoàng gia dư đồ nhất thống, lễ hữu đẳng trật, gia phong mỹ tự tam tự, khả gia phong Lạng Sơn Đốc trấn, Lễ bộ Thượng thư, Khánh Diên hầu Ngô lệnh công, đạo hiệu Nhị Thanh cư sĩ, thượng đẳng Ôn bác, hậu thành, văn dụ, khuông vận, phù đạo, xương trạch Đại vương.

Thượng kỳ : Quang thụ hồng xưng, mậu di yến dực.

Thường hưởng miếu từ ch thoả hựu, vĩnh phù xã tắc chi tôn an.

Khâm tai cố sắc.

Cung lục thứ chi

Cao tổ thúc Văn Túc công huý Đào hiệu Ôn Nghi, thị ngã Ngô Phong công chi đệ. Thất tuế thừa Đan Nhạc công khai mông, thập tứ tuế kinh sử đãi biến. Quý Dậu tiến Hương tiến á nguyên, tộ chính Hoạch Trạch Nhữ Công Toàn. Học vấn cai bác, văn chương hữu củ độ, quốc triều điển cố vưu tình thực, dữ huynh Ngô Phong công câu dĩ văn chương sách danh. Đinh Sửu đệ Hoành từ Giải nguyên. Mậu Dần điều Thụy Anh huyện. Nhâm Ngọ tái điều Nam Chân khoá chính thượng khảo. Đinh Hợi trừ Đại lý tự thừa. Mậu Tý thiên Trịnh Đô Tri phủ. Đáo nhậm chỉ thuỷ khai giảng học đường, nhật dữ chư sinh giảng tập. Dân hữu dĩ tụng lai giả, nhất thính biện kỳ khúc trực, tức quyết khiến chi. Sở nguyệt chi gian, lại sự đồn tỉnh, cập môn giả di chúng, tuy tài phủ hồi, đa sở thành tộ. Bính Thân khảo mãn, đình cử thăng Sơn Tây Hiến đài. Đường đồ hữu bất duyệt giả, dĩ sự trở cách. Quý Thân Thụy Trung hầu di thư khuyến dĩ tộ quyền môn điều đình, vô phương tiến thủ. Công thực tính cương phương, phục thư: “Dĩ trình thân Ngự sử vì sử.” Quý Thân tri kỳ hùng bất khả đoạt, sự toại tâm.

Hội nhi hải thuỷ khấu phong khởi, hữu tín công tại Nam Chân thời thực tri tình hình khả chiêu hàng chi, bất phiên binh lực. Toại phụng chỉ dữ Thụy Trung hầu đồng vãng quân doanh xử trí. Dĩ nhi thuỷ khấu bình, tức đơn thiện xa hồi kinh phục mệnh.

Thời công hữu thoái chí, nhân tạ bệnh quy hương, tu sức nông chính, dĩ điền viên chi thú tự lạc. Nhâm Dần kiêu binh nội biến, triều đình vô phục kỷ cương, chấp chính đại thần dĩ công hữu kinh tế đại lược, dục viện chi cộng sự, toại dĩ danh văn, đặc cử thăng Kinh Bắc Hiến sát phó sứ. Hạ xa chỉ thuỷ, hào hữu bình tức, kiêu binh bất cảm bắc độ, nhị thập huyện vi chi túc thanh. Bính Ngọ vong nhân Nguyễn Hữu Chính hiệp Tây binh phạm khuyết, Trịnh chúa Đoan Vương ngộ hại. Tây binh dục Chiêu Thống

để tức vị, nhi phản. Chinh dĩ Nghệ An bình phù giá đương quốc, chiếu nội ngoại quan, các phục chức thủ. Công vị cảm lực từ, thỉnh lưu kinh dưỡng bệnh. Đình Vị chinh nghị tổ tống triều thập khoa thủ sĩ, thỉnh khai Chế cử Tiến sĩ khoa. Công dĩ đình cử hiền lương phương chính, biểu từ bất phó.

Thị đông Chiêu Thống đế Bắc hạnh, công dĩ bỏ thân bá việt, vãng lai Kim Bảng Nam Chân gian, cư vô định sở, hành vô định tích. Mậu Thân Chiêu Thống đế dĩ Đại Thanh bình phục quốc. Tâm vi Tây binh sở bại bên Yên. Tây tướng Trần Văn Kỷ tổ văn công danh, dục bách trí chi, tự thử bất sự nhị tính, phú ngôn hoài thi bát thập vận dĩ kiến chí. Văn Kỷ nghĩa chi bất cương dã. Toại đắc dĩ hoàng quan quy cố lý, hệ tịch thôn tẩu, đồ môn tạ khách. Thân cố chi đạt giả, hữu sở quý tống, giai từ bất thụ, thọ thất thập nhất. Dĩ Nhâm Tý nhị nguyệt thập tứ nhật sinh, Nhâm Tuất thập nguyệt nhị thập thất nhật chung. Bình sinh hiếu học, văn niên tạo nghệ ưu tình. Sở trước tán dật quá bán, kim tồn di thảo nhất tập.

Chính tử Nguyễn thị, huý Bàng hiệu Trinh Thuần, ngã cao tổ tử chi bào đệ, thọ tứ thập lục, sinh nhất nam tứ nữ trưởng quy Thiên Mỗ Trần tính, thứ quy đồng ấp Nguyễn tính, thứ thứ quy Bát Tràng Lê tính, quý quy Đại gia Đỗ tính.

Kế tử Nguyễn Quý thị Huỳnh Cung nhân, huý Lý hiệu Từ Dụ, thọ lục thập bát, sinh nhất nam nhị nữ. Trưởng nữ huý Phúc, quy Kim Bảng chi An Lạc, lục sự Xanh Phong bá, Phạm tính. Thứ nữ huý Huyền quy ngã ngoại tổ khảo, An Vinh Tú tài Nguyễn công vi chính phối. Nam tức Trương phủ công thị dã.

Hữu kế tử Nguyễn thị hiệu Thạch Liên, sinh nhất nữ (huý Vĩnh quy đồng ấp Nguyễn Huy Đăng, Kim Sơn Tây bố chính Nguyễn Văn Nam thị kỳ hậu).

Trưng Phủ công huy Du, thụy Đoan hiệu Văn Bác, dĩ cử mậu uẩn, quan lịch Hải Dương học chính (kỷ lục tam thứ). Sinh bình vì học tình khổ, thọ lục thập cửu, sở trước hữu Thi văn các tập, cập tục biên An Nam nhất thống chí thất hồi, hành thế.

Chính tỹ Nguyễn thị, hiệu Kính Thuận nghi nhân, Chương Đức Bảo Từ Nguyễn Tiến sĩ chi nữ, thọ thất thập cửu, sinh nam nữ các nhị. Trưởng nữ Đại quy Lương Tài Ngọc Quan Vũ Nguyên. Thứ nữ Sở quy đồng ấp Nguyễn Toàn. Nam huy Xứng, thứ nam huy Vĩ, hiệu Thuần Trực, pháp kế.

Xứng trúng Giáp Ngọ khoa Tú tài, sinh nam nữ các nhất (nữ quy Phan thị), nam huy Khản tự Đậ Tam, sinh nam Ân, Ân sinh Cơ.

Thiếu tỹ Nguyễn thị, hiệu Từ Hoà, thọ thất thập tam, sinh tam nam nhị nữ (trưởng nữ huy Bản, thứ nữ huy Khôi), nam huy Đăn tảo một, thứ huy Do, thứ thứ huy Viêm.

Do sinh nam nhị Thiện [].

Viêm sinh nam thất Cảnh, Tỉnh, Tự, Tăng, Cẩn, Tu.

DỊCH NGHĨA:

ĐỜI THỨ MƯỜI HAI

Hiển cao tổ đời thứ mười hai, phụng chuẩn Quý Mùi niênTiến triều, Tứ Bính Tuất khoa chính Tiến sỹ, phụng sai Lạng Sơn xứ Đốc trấn, Đặc tiến kim tử vinh lộc đại phu, Lễ bộ Thượng thư, tước Khánh Diên hầu, Ngô quý công, tự Thế Lộc, hiệu Ngô Phong tiên sinh, được phong Thượng đẳng phúc thần, ôn bác hậu thành, văn dụ khuông vận, phù đạo xương trạch, hộ quốc bảo dân, hồng liệt Đại vương. Và Tổ tỹ là chính thất gọi theo chức cụ ông, Nguyễn quý thị, hiệu Trinh Từ chính phu nhân.

Tổ khảo huy Sỹ, đạo hiệu Nhị Thanh cư sỹ, sinh giờ Dần ngày 20 tháng 9 năm Bính Ngọ, niên hiệu Bảo Thái thứ 7 (1726), mất ngày 26

tháng 9, năm Canh Tý, niên hiệu Cảnh Hưng thứ 41 (1780), thọ 55 tuổi. Mộ lúc đầu táng tại cánh đồng Đức Lâm, xã nhà, sau vài lần di chuyển, đến mùa đông năm Quý Mùi dời về táng tại xứ Viên Đáp, xã nhà (phương hướng không rõ).

Tổ Tỷ huy Thản, sinh ngày 18 tháng 4 năm Canh Tuất, niên hiệu Vĩnh Khánh thứ 2 (1730), là cháu cụ Thiêm đô ngự sử Khắc Trung, con cụ Hiến sát phó sứ Liêm Khắc, con gái cụ Tiến sỹ khoa Giáp Tuất Hoàng tín đại phu Song Bảo, thôn nhà. Tổ tỷ Mất ngày 20 tháng 8 niên hiệu Cảnh Hưng thứ 23 (1762), sinh được 3 trai 2 gái. Cụ Đạt Hiên ta là con trưởng, con gái cả huy Thục lấy Tiến sỹ Phan Huy Ích, người làng Nhị Khê, sinh được 3 trai, trưởng Phan Huy Quynh, út là Phan Huy Chú, con thứ 2 là Phan Huy Thực, quan tới Lễ bộ Thượng thư, cháu là Phan Huy Vịnh, cũng làm quan tới Lễ bộ Thượng thư, cháu tăng tôn (cháu 4 đời) là Nguyễn quan tới Thị giảng.

Con trai thứ huy Chí, con gái thứ huy Viêm (Hiên Huy cung phu nhân là chính thất của Trác Lĩnh, người làng Linh Đường, có cháu thứ là Hoàng Đình Chuyên, đỗ Tam giáp Tiến sỹ, và Hoàng Đình Tá đỗ Nhị giáp Tiến sỹ).

Con trai út huy Điện. Lại con trai thứ huy Trí, Hoàng, Hương và con gái thứ huy Nhẫn (lấy Ngô Xuân Thụ người làng Bách Tính, huyện Nam Chân, sinh 2 trai, 2 gái) do bà kế thất sinh ra.

Xét thấy có: Thứ thất của cụ Ngô Phong là Nguyễn quý thị, được phong tặng Thuận Nhân, hiệu Trang Chính huy nhân, mất ngày mùng 1 tháng 7.

Thứ thứ thất là Bùi quý thị, hiệu Tuệ Trâm huy nhân, mất ngày 23 tháng 4.

Lại thứ thứ thất nữa là Hoàng quý thị, hiệu Tuệ Trang huy nhân, mất ngày 27 tháng 4 (?)

Tổ tử mất năm 33 tuổi, mộ lúc đầu táng tại thôn Mậu Lương, xã Trung Thanh Oai, sau khi cải đổi, chuyển về hợp táng với mộ của Tổ khảo. Con là Đật Hiên kính dâng tên phần mộ, gọi là “Nhân phần.” Trên mộ có dựng bia.

Sơ lược về hành trạng

Trước khi Tổ khảo chưa sinh ra, cụ Cao cao Tổ tử thường nằm mơ thấy Phật chùa thôn Đức Lâm giáng dẫn. Tuổi thơ ấu Tổ khảo thông minh kỳ lạ. Năm 7 tuổi bắt đầu đi học, 8 tuổi biết làm văn, 9 tuổi biết làm thơ. Năm 11 tuổi thì mồ côi cha, được bác là Đan Nhạc bảo học. Tổ khảo học giỏi có tiếng, sức học hơn hẳn bạn bè cùng thời. Năm Mậu Ngọ thi đậu trường quận, năm Quý Hợi đỗ đầu thi Hương. Sau đó lại đến học Nghiêm Bá Đĩnh, người thôn Tây Mỗ và Nghiêm Đình Toàn, người làng Hoạch Trạch, đều là những nhà Nho nổi tiếng rất được coi trọng lúc bấy giờ. Kiến thức cụ dần dần khơi sâu, và ngày càng mở rộng, lời văn dào dạt, lắt léo mới lạ, sáng sửa rực rỡ, trở thành phong cách của một đại gia, được kẻ sĩ trong làng kính trọng.

Khoa Đại ty năm Nhâm Thân, thi không đậu, nhưng được cất nhắc lên làm Thiêm tri Công phiên trong phủ Chúa. Năm Kỷ Hợi dự kén chọn được đứng hàng thứ nhất, bổ làm Thị nội văn chức, từ đó tiếng tăm vang dội. Năm Kỷ Mão về quê chịu tang mẹ, sau được ơn Chúa cho vào nội các, cùng với các văn thần viết bài “Quan phu tử phú” rất được mọi người khen ngợi. Từ đây tiếp Bắc sứ, hầu xe Chúa, cùng hàng sĩ phu trong triều. Năm Quý Mùi, Vương phủ nhận thấy do văn chương được cất nhắc sớm, bèn chuẩn cho tiến triều, nhận chức Công khoa cấp sự trung. Năm Giáp Thân nhận chức Giám sát Ngự sử Sơn Tây. Chưa được mấy tháng lại được giao

chức Đốc đồng Thái Nguyên. Khoa Đại tỵ năm Bính Tuất (1766) thi đỗ Hội nguyên, vào thi Đình đỗ Hoàng giáp đình nguyên. Vì do tiến triều thi đỗ, nên được thưởng thêm một cấp, nhận chức Hàn lâm viện Thị chế. Năm Đinh Hợi, thăng chức Đông các hiệu thư. Ít lâu sau, đổi sang chức Hiến sát sứ Thanh Hoa.

Nơi làm quan có núi Bàn A, dưới núi có sông, phong cảnh rất đẹp. Cự rất thích cảnh đó, bèn tới ngay núi làm nhà “quan lan.” Ở làm việc được vài năm, vui với cảnh non nước, chính sự ưa giản dị, bọn cường hào phải im hơi, kiện tụng giảm hẳn. Kẻ sỹ hâm mộ danh tiếng, khăn gói lũ lượt theo đến cửa, cự nhân chia ra từng khoá để giảng dạy. Học trò nhiều người đỗ đạt. Ít lâu sau, được thăng chức Đông các học sỹ, rồi chuyển làm Tham chính Nghệ An.

Trước kia cự hầu nơi tiền đề của Thịnh Vương, rất được yêu mến. Khi tiến triều bỏ làm quan ở ngoài các trấn, xa nơi giảng dạy, tình phận hơi cách biệt, hơn nữa lại các quan chấp chính khi đó ghen ghét với tài năng, cự cho mình không gặp thời, nên không có ý muốn tiến thủ nữa. Khi làm Tham chính ở Nghệ An, thường có muốn từ quan, nhưng không được. Năm Tân Mão được cử làm khảo phúc sỹ nhân khoa thi hương, bị bọn xấu phát đơn kiện. Triều đình không đợi tra xét, tước bỏ chức ngay.

Cự trở về nhà vui với việc viết sách, dạy học. Tuy ăn cơm rau, mặc áo rách, ở nhà nát, những vẫn vui. Những tư tưởng hào phóng, vẫn thường gửi gắm vào chén rượu câu thơ. Thường ngâm rằng: “Lãnh tướng nhân tình thế thái, thủy đông lưu” (Thờ ơ với tình người thói đời, như nước chảy về đông). Lại có câu: “Quy khứ, quy khứ, bi hỷ quan nhân thậm sự” (Về đi, về đi, buồn vui có quan hệ gì với người). Khi đó có kẻ dèm pha, cho là cái tính kiêu ngạo, phóng túng không chứa. Nhưng Chúa cũng biết đó là thực tính, nên không quả trách.

Một hôm, thấy Trung sứ đưa đến cuốn nhật lịch bình nam, cụ vâng chỉ biên chép tiến dâng Chúa xem. Rồi từ đó những bài Ngự chế, phần nhiều do cụ nhuận sắc. Năm Đinh Mùi được khôi phục lại chức Hàn lâm viện hiệu lý. Mấy tháng sau, lại được thăng lên Quyền thiêm đô ngự sử. Năm Bính thân được sai làm hiệu chính Quốc sử. Năm Đinh Dậu, đổi chức Đốc trấn Lạng Sơn, thăng chức Thị giảng trước thuật.

Khi mới đến Lạng Sơn, thấy thành cũ xa núi, ở nơi thấp, biết đó là điều tối kỵ của binh gia, nên cụ cho dời đến đóng tại núi Lộc Mã.

Trước đây Lạng Sơn luôn luôn bị hạn hán, đói kém, dân bỏ đi quá nửa. Cụ đã tìm đủ mọi phương cứu giúp, dạy bảo làm ruộng, mở mang buôn bán, tất cả những phiền toái được ngăn cấm, những sự nhùng nhịu được dập tắt, dân dần dần được dễ thở hơn. Khi việc công rồi rảnh, thường gửi tình cảm vào non nước. Gần nơi trị sở có một cái hang đá ở phía bắc, cụ khai phá cỏ cây rậm rạp, rồi sai người khắc hình mình vào đấy, và đặt tên cho động là Nhị Thanh. Bởi vì tên ấp, tên huyện ở quê đều có chữ “Thanh,” và để sánh với động Tam Thanh ở bên trái núi.

Mỗi khi tới động tài quyết công việc trong trấn, và như có chí muốn hưởng hết tuổi già ở núi này. Khi đó cụ Đạt Hiên ta ở trấn sở Kinh Bắc, xa dâng Phật hiệu: “Nhị Thanh trường thọ quán tự tại phúc lượng đại hải chân như vô tận ý bồ tát.” Thoát Lãng Vĩnh Trại ở bên động là dân sở tại hương hoá của động thờ cụ.

Tháng Quý Thu năm Canh Tý, có việc ở Nam Quan, khi trở về qua núi đó, bèn dừng chân đi vào động, tới trước chân tượng ngủ hơn nửa trống canh, thấy người không được khoẻ, mới quay trở về, đóng cửa không tiếp khách, không ra coi việc. Ngày 25 thấy bệnh chứng hơi đỡ, lại ngồi đọc sách, người giúp việc kẻ hầu hạ, nói cười như thường, đến quá nửa đêm thì cụ mất, thọ 55 tuổi.

Tin cáo phó truyền đến kinh đô, Thịnh Vương rất lấy làm thương tiếc, truy phong chức Thừa chính sứ xứ Tuyên Quang, tặng Hộ bộ Hữu thị lang, ban tên thụy là Ôn bác hậu thịnh văn dụ Đại Vương. Lại truy tặng Lễ bộ Thượng thư, tước Khánh Diên hầu. Năm [Quang Trung] thứ 5 phong thêm 3 chữ: “Khuông vận, phù đạo, xương trạch.” Ít lâu sau lại phong thêm 3 chữ: “Hộ quốc, bảo dân, hồng liệt.”

Cụ có phong cách cao cả, tính tình hào phóng. Từ nhỏ đã không câu nệ vào tiểu tiết, trèo non vượt suối, uống rượu làm thơ, tùy theo sở thích. Mỗi khi có hứng, thì những núi sông danh thắng, không kể nguy hiểm xa xôi, trèo leo tìm hởi, dấu chân gần khắp mọi nơi. Khi tuổi về già, thường nói với các con rằng: “Ta từ năm Giáp Tý đến năm Kỷ Ty, khi ở điền viên, lúc chơi sơn thủy, bước chân không nhất định. Khi văn nhân, khi thì hào khách, bạn bè không nhất định. Đến thời trung niên ta tự kiểm điểm, nhưng hoặc nửa năm, hoặc vài tháng, những suy nghĩ phóng túng lại bất giác thể hiện ra nơi Phật Tích, Long Châu, Nam Công, Bát Cảnh, non xanh nước biếc, vách đá cheo leo, đồn thú bỏ hoang hẻo lánh, đường mòn của các ngư, tiêu, hang tổ của loài hùm, báo. Tất cả cảnh đó đã để lại những ấn tượng hùng tráng, đẹp đẽ, vắng vẻ, tiêu điều và thoải mái, vẫn phảng phất mãi, khi gọi khi gào, khi khóc khi hát. Tất cả những điều vương mắc, uất kết trong lòng, bỗng chốc rộng mở sáng sủa, tự nhiên quên cả cười nói, chơi chán rồi sau mới về, khi đó có tin chê ta là cuồng phóng. Thật ra, một đời ta tinh thần khí cốt của văn chương đều do 5,6 năm này nhờ được chốn anh linh chung đúc, hư không điểm hoá mà nên. Tất cả điều đó chỉ có một mình ta lĩnh hội được.”

Núi Bàn A ở Ái Châu, động Nhị Thanh ở Lạng Sơn, có lẽ là thú vui lúc tuổi già của cụ chăng?

Cụ sống ở đời là người cần cù, gặp việc trắc trở, là làm cho thông đạt ngay, không câu nệ, cố chấp, cùng với người chuộng lòng thành thực, ghét bỏ sảo trá, điều cụ ghét nhất là giấy tờ quan lại. Khi còn ở sảnh đường, giải quyết kiện tụng không để chậm trễ. Trước đây làm Đốc trấn Lạng Sơn, trong hạt bắt được trộm cướp giải lên, cụ lập tức xét đoán ngay, xét xong, án đó đốt đi.

Cụ tiếp đãi kẻ dưới rất hoà nhã, dễ dãi, có điều gì trái ý, chưa hề quên giận mắng. Khi có điều gì bất bình, chỉ chớp mắt rồi lại vui ngay. Đối xử với kẻ sinh sau học muộn, tự quên hẳn phẩm vọng của mình. Tính tình thẳng thắn, phóng khoáng đại loại như vậy.

Cụ ngày thường ăn mặc giản dị, tính vẫn không câu nệ tới. Song những việc như tang tế đại sự, thì hết lòng với việc. Từ năm Kỷ Mão đến năm Nhâm Ngọ, liên tiếp gặp 3 cái tang lớn, ở vào lúc nghèo hèn chưa đỗ, nhưng nghi lễ vẫn rất đầy đủ. Mỗi khi gặp giỗ cha mẹ, trước đó vài ngày, tối tối làm lễ tế cáo thâu đêm không ngủ, rau muối tiến dâng, tự tay mình kiểm duyệt lấy. Khi vào tế lễ chính, nỗi thương buồn hiện ra đầy nét mặt. Vì nhờ ơn Chúa rất nhiều, nên mỗi khi đến ngày giỗ, đặt bàn thờ đốt hương, ngửa mặt lên trời khóc gào thảm thiết. Lúc vội vàng cũng vẫn đều như thế. Chính phu nhân mất đi, cụ không lấy vợ nữa. Mọi việc trong nhà đều giao cho các tỳ thiếp trông nom, mà trong khuê phòng vẫn nghiêm túc như khi chính phu nhân còn sống. Thuở nhỏ mồ côi, em trai ở chung một nhà, tài không có tính toán, so đo. Khi đã thành lập gia đình, êm ấm vẫn như thuở nhỏ. Đối xử với các con, hiền từ thân mến, duy chỉ có việc dạy học thì rất rất nghiêm khắc. Đối đãi với bạn bè, thì nhân hậu thể hiện rõ nét, nhất là những lúc nhà bạn có việc sinh, tử, hoặc vui, buồn. Hay quyên giúp cho người tiền của mà người khác không dám bỏ ra, dám làm những việc

mà người khác không dám làm. Thường làm thơ chê người khinh mạn cái chết rằng:

Kiên nguy bách tiết sương nghiêm hiện,

Thâm thiên giang tâm thuỷ hạc tri.

Đã nguyện thế nhân giai bất tử,

Kiều Bành tương đối thực tương khi.

(Tiết cây bách bên dẻo, khi sương nhiều sẽ rõ,

Lòng sông sâu nông, khi cạn mới hay.

Những mong người đời đều không chết,

Sánh với Kiều, Bành, ai dám đối đây).

Trong ấp có người anh vợ là tiên Tiến sỹ Nguyễn Tông Trình, coi quân ở Nghệ An rồi chết tại đó, cụ tự lo liệu việc tang, chăm sóc bọn trẻ mồ côi, ân tình nồng hậu, bạn bè không ai là không đề cao nghĩa khí của cụ. Đại thể đức tính trung hiếu, từ dễ, tín thực của cụ là như thế.

Lúc nhỏ, cụ đã có chí lớn kinh bang tế thế, lúc đi học không chuyên chủ về văn chương. Phàm tất cả những điều cốt yếu, trong việc trị nước như: Quan phương lại trị, binh chế phú pháp, dân chính, điền chính, cho đến đồn thú nơi sơn xuyên, thành quách đường đi, sản vật phong tục, địa phương, đều khảo cứu kỹ lưỡng từ cổ chí kim, rồi biên tập thành sách, quy hoạch rất có pháp độ. Đến như thuật âm dương phong thủy, không gì là không tinh thạo. Tác phẩm của cụ có: *Ngọ Phong văn tập*, *Bảo trưởng hoành mô*, *Anh ngôn thi tập*, *Việt sử tiêu án*, *Quan lan thập vịnh*, *Nhị Thanh động tập*, đều lưu truyền ở đời.

Cao Tổ tỷ 14 tuổi về làm dâu giúp Tổ khảo, hiếu kính phụng dưỡng cha mẹ, cần kiệm trông nom cửa nhà. Hai năm Mão và Thìn nhà gặp 2 cái tang liên. Năm Nhâm Ngọ lại gặp việc tang của cao cao cao Tổ khảo bên

ngoại, bốn năm 3 tang. Sự việc không thể ứng phó dễ dàng, thực đã giúp cho lòng hiếu thảo của cao tổ được hoàn thành nhiều lắm. Cao tổ ta gian truân bươn trải, nhưng không được như ý muốn, Cao tổ tỷ bèn an ủi, giải thích, nói: “Tướng công ăn lộc lớn, hưởng danh cao, là điều Đạo gia kiêng kỵ, nào hay tạo vật không cho được hưởng. Tướng công có thể mặc áo vải, đi giày cỏ, miệng không bàn đến đường đời lợi hại, ăn ở giản dị đợi mệnh, không cưỡng với ý trời, phải lặn lội nơi rừng sâu hẻo lánh, thiếp cũng yên lòng.” Những ý kiến cao rộng đại loại như vậy.

Kính chép sắc văn bao phong

Sắc thứ nhất

Sắc cho Đốc trấn Lạng Sơn, Hữu thị lang bộ Hộ, Ngô lệnh công, hiệu Ngọ Phong, tự Nhị Thanh cư sỹ.

Văn hiển tiếng truyền, khôi nguyên nghiệp tổ.

Đủ khoa ngôn hạnh chính sự, thi ơn Đường Bát⁽¹⁾ dài lâu; vun nên lễ nhạc thi thư, lưu phúc Hoè đình⁽²⁾ tiếp mãi.

Ngọc đeo thì tiếng nổi, lan giắt thì hương nồng.

Trong lòng kiêm nguy khuyết giang hồ⁽³⁾ đạo học tỏ dùng thì làm, bỏ thì xếp; ngoài thú gửi Đông Pha Xích Bích⁽⁴⁾ thân nhân luôn tràn khắp, trôi mà giàn.

Bóng đại gia cao ngóng Đẩu sơn,⁽⁵⁾ hồn danh thế sớm về Cơ Vĩ.⁽⁶⁾

Nơi động đá um tùm miếu bách,⁽⁷⁾ nước trong in dải mũ⁽⁸⁾ bóng lồng; bãi trồng hoa⁽⁹⁾ dềng dặc trạm mai⁽¹⁰⁾ mây khói giúp áo xiêm hội tới.⁽¹¹⁾

Có viên Trấn thủ Lạng Sơn tâm động hiển linh, nên bao phong làm Thượng đẳng phúc thần, Ôn báo, Hậu thành, Văn dụ Đại vương.

Dùng tỏ đức kín, khiến gọi ơn sâu.

Để chia bày phù hợp dấu thơm, được cao rộng kéo dài cỗi phúc.

Kính cần thay, nay sắc.

CHÚ THÍCH:

1.Đường bạt: Nghĩa là lều tranh bên gốc cây bàng. Đồi Chu, Thiệu Công Thích tuần du ở nước phương nam để ban bố chính sách của Văn Vương, nhân làm chiếc lều bên gốc cây cam đường, để hiểu thị và khuyên nhủ dân chúng. Sau khi ông mất, người ta nhớ tiếc nên làm thơ cam đường để kỷ niệm:

“Tế phế cam đường vật tiền, vật phạt, Thiệu Bá sở bạt” (Cây cam đường rườm rà, chỗ chém, chỗ chặt, lều ông Thiệu Bá ở đó). Đây ý nói Ngô Thì Sĩ làm Đốc trấn Lạng Sơn có đức thương dân, nên dân nhớ ơn.

2.Hoè đình: Nghĩa là sân cây hoè. Đồi Tống, Vương Hựu khi về hưu trồng 3 cây hoè trước sân, thường lấy đó để ví với chức Tam công, một chức quan to nhất của triều đình. Nên ông vừa trồng vừa nói: “Đời ta chưa làm, sau con ta tất sẽ làm. Quả nhiên con là Vương Đán thi đỗ Tiến sỹ, quan tới chức Tế tướng. Đây ý nói, sau này con cháu Ngô Thì Sĩ nối đời hiển đạt.

3.Nguy khuyết giang hồ: Nguy khuyết, cũng như cung khuyết, hay lang miếu, là nơi người đương làm quan ở triều. Giang hồ, là nơi cảnh người đã về hưu ở ngoài nơi quan sảnh. Đây ý nói dù đang làm quan hay đã trở về, tấm lòng vẫn lo việc vua, yêu dân yêu nước.

4.Đông Pha Xích Bích: Đồi Tống, Tô Đông Pha thả thuyền chơi trên sông Xích Bích, tiêu dao trăng gió làm vui, hứng tràn khắp vũ trụ.

5.Đẩu sơn: Tức sao Bắc Đẩu và núi Thái Sơn. Hàn Dũ là bậc đại Nho đời nhà Đường, được sĩ phu suy tôn như Thái Sơn, Bắc Đẩu. Đây ý nói Ngô Thì Sĩ cũng được các bậc tài cao đức trọng ngưỡng vọng như vậy.

6.Cơ, Vi: Tức sao Cơ và sao Vi. Đồi Ân, có ông Phò Duyệt, sau khi chết, tinh thần thác vào sao Cơ, sao Vi (*Trang Tử*). Đây có ý khen ngợi Ngô Thì Sĩ là bậc danh thế, tinh thần cũng thác lên sao Cơ, sao Vi bất hủ.

7. Động đá miếu bách: Bên động đá có trồng cây bách. Đây ý chỉ động Nhị Thanh.

8. Dai mũ: Dịch chữ “cừu đới,” tức “khinh cừu hoãn đới” (áo cừu mỏng, đai ấm). Xưa, Dương Hựu trấn thủ ở Lâm Kinh, khi ở trong quân thường mặc áo cừu mỏng, thắt đai, không bao giờ dùng áo giáp. Ý chỉ Ngô Thì Sĩ trong quân đội thường ung dung thư thái.

9. Bãi đồng hoa: Dịch chữ “hoa nguyên,” tức là Bãi đồng Hoàng hoa, nơi người xưa đi sứ thường qua, rút ở câu: “Hoàng hoàng giả hoa, vu bỉ nguyên thấp” (Bông hoa rực rỡ nở ở bãi đồng thấp).

10. Trạm mai (mai dịch): Nghĩa là bên trạm dịch trồng mai, nơi các sứ thần đi sứ nghỉ chân. Đây ý chỉ trạm nghỉ chân của sứ thần nhà Tây Sơn, thuộc địa hạt Ngô Thì Sĩ cai quản, thường hiển linh ngầm giúp.

11. Áo xiêm hội tới (nguyên văn: Y thường thịnh hội), chỉ vận hội thanh bình, chiến tranh đã dứt.

Sắc thứ hai

Sắc phong Đốc trấn Lạng Sơn, Thượng thư bộ Lễ, tước Khánh Diên hầu, Ngô lệnh công, đạo hiệu Nhị Thanh cư sỹ, bao phong Thượng đẳng thần, Ôn bác, Hậu thành, Văn dụ Đại vương.

Tài lược quân tử, khuôn mẫu danh nho.

Dồi dào chứa cất cổ kim, hợp ba đạo⁽¹⁾ mà thu nơi nguồn gốc; tinh tế kỳ cùng biến hoá, khắp sáu phương mà sắp chốn nhiệm màu.

Đức dung đẹp mà lân phượng⁽²⁾ vui nhìn, đạo nghĩa cao mà Đẩu sơn đủ ngược.

Không vin tới như đá treo, thác chảy, khí cực bao thân sỹ suy tôn; vẫn chứa đầy nào gió mát trăng thanh, tinh thần cả đại thiên⁽³⁾ tươi sáng.

Vọng về xa nghe sự nghiệp, rõ ràng biểu hiện thanh danh.

Cờ sứ thần giúp đỡ chu tuyền, tình tín mục⁽⁴⁾ giao thiệp với láng giềng vững chắc; hương thư đòi nường nhờ dư dật, phúc sùng thành⁽⁵⁾ lưu truyền cùng nhà cửa dài lâu.

Phủ phát⁽⁶⁾ những tỏ thêm sắc đẹp quanh mình, ba cồn⁽⁷⁾ nên sáng rực phép thường của nước.

Nay vì nhà vua nhất thống dư đồ, mở lễ đăng trật⁽⁸⁾ phong thêm cho 3 chữ, nên phong thêm cho Đốc trấn Lạng Sơn, Thượng thư bộ Lễ tước Khánh Diên hầu, Ngô lệnh công, đạo hiệu Nhị Thanh cư sỹ, Thượng đẳng thần, Ôn bác, Hậu thành, Văn dụ, Khuông vận phù đạo, xương trạch Đại vương.

Ngô hầu: Nhận phúc sáng tươi, để mưu tốt đẹp.⁽⁹⁾

Hưởng ở chốn từ đường luôn thoả mãn, giúp cho nên xã tắc mãi an toàn.

Kính cần thay, nay sắc.

CHÚ THÍCH:

1.Ba đạo: Tức 3 tông giáo: Nho, Phật, Đạo. Ngô Thì Sĩ mở đền ở Lạng Sơn, thờ chung 3 đạo.

2.Lân phượng: Tức kỳ lân và phượng hoàng, là loài vật thiêng hiếm thấy. Đời Nguyên, Đồng Thù khi từ kinh đô trở về nhà, các bậc thân sỹ chiêm bao thấy ông như sao Cảnh và kỳ lân phượng hoàng.

3.Đại thiên: Là nói cả thế giới. Kinh Phật nói cả thế giới có 3 ngàn Đại thiên thế giới, đây nói một trong 3 ngàn đó.

4.Tín Mục: Tức giảng giải về điều tín nghĩa, giữ gìn hoà mục với các nước láng giềng. Sách gọi là Giảng tín tu mục.

5.Phúc sùng thành: Tức “Phúc lộc lai sùng, phúc lộc lai thành,” (Phúc lộc đưa lại rất cao, cho hoàn thành mọi công việc) (*Đại nhã, Kinh Thi*).

6. **Phủ phát:** Là bức thêu dệt sắc sỡ, dùng để ví với văn chương lỗi lạc, thể hiện ra thân thể rực rỡ.

7. **Ba cốn:** Cũng như hoa cốn, là đồ phẩm phục thêu vẽ của các vị vương công, ví với người được ân sủng vẻ vang.

8. **Đẳng trật:** Là phong tặng cho bách thần.

9. **Để mưu tốt đẹp:** Là mưu kế hay để lại cho con cháu. “Di quyết tôn mưu, di yến dục tử” (Để mưu kế cho con cháu, khiến các con phải kính sợ) (*Tiểu nhã, Kinh Thi*).

Kinh chép chi thứ

Cụ Cao tổ thúc là Văn Túc, huý Đào, hiệu Ôn Nghi, là em trai cụ Ngô Phong ta. Năm 7 tuổi được cụ Đan Nhạc dạy võ lòng, 14 tuổi học gần hết các sách kinh sử. Năm Đinh Dậu đỗ á nguyên Hương tiến, sau đó lại theo học Nhữ Đình Toàn người Hoạch Trạch. Học văn uyên bác, văn chương mẫu mực, các điển cố của Quốc triều đều tinh thực, cùng với anh là Ngô Phong nổi danh về đường văn học. Năm Đinh Sửu thi khoa Hoàng từ, đỗ đầu. Năm Mậu Dần được bổ làm Tri huyện huyện Thụy Anh. Năm Nhâm Ngọ lại được điều làm Thượng khảo khoá chính ở Nam Chân. Năm Đinh Hợi thăng chức Đại lý tự thừa. Năm Mậu Tý thăng chức tri phủ phủ Trịnh Đô. Khi mới đến nhậm sở, cụ đã mở lớp dạy học, hàng ngày cùng với học trò giảng tập. Dân có người đến thưa kiện, nghe xong liền giảng giải phải trái cho họ, rồi lập tức đuổi về. Trong khoảng mấy tháng, việc quan ít hẳn, học trò tìm đến theo học ngày càng đông, theo khả năng mà dạy bảo. Học trò sau nhiều người thành đạt. Năm Bính Thân, nhiệm kỳ đã mãn, triều đình cử làm Hiến đài Sơn Tây, trong bọn quan trường có kẻ không bằng lòng, tìm việc để ngăn cản. Quý thần là Thuý Trung hầu gửi thư khuyên nên đến cửa quyền điều đình, sẽ không hại gì đến đường tiến thủ.

Tính cụ cứng rắn, viết thư trả lời rằng: “Đem thân đến cửa Ngự sử là điều nhục.” Thuý Trung hầu biết không thể đoạt được chí, bèn thôi.

Gặp khi giặc bể nổi lên như ong, có người nói hồi cụ ở Nam Chân hiểu rõ tình hình, có thể chiêu hàng được, không cần phiền đến binh lực. Cụ vâng lệnh chỉ cùng với Thuý Trung hầu đi tới quân doanh để xử trí. Giặc biển dẹp yên, cụ lên đi chiếc xe nhỏ trở về kinh phục mệnh.

Khi đó cụ có chí muốn rút lui, nhân cáo bệnh trở về quê, chăm lo với công việc nhà nông, vui thú với cảnh vườn ruộng. Năm Nhâm Dần bọn kiêu binh trong nội cung gây biến, kỷ cương trong triều rối loạn, những bậc đại thần nắm giữ chính quyền thấy cụ có tài kinh bang tế thế, muốn mời ra cùng cộng sự, bèn tâu lên với triều đình. Cụ được thăng chức Hiến sát phó sứ Kinh Bắc, kiêm chức Úy phủ sứ. Khi mới đến nhậm chức, bọn cường hào bật tiếng im hơi, bọn kiêu binh không dám vượt sông tràn lên phía bắc, dân 20 huyện nhờ vậy được yên ổn. Năm Giáp Ngọ kẻ vong nhân Nguyễn Hữu Chỉnh, dẫn quân Tây Sơn xâm phạm cửa khuyết, Chúa Trịnh Đoan Vương bị giết. Quân Tây Sơn giúp Chiêu Thống lên ngôi, rồi quy trở về. Chỉnh lấy quân Nghệ An giúp vua trị nước, chiếu cho các quan trong triều ngoài trấn, về giữ chức cũ của mình. Cụ không dám cố ý từ chối, xin ở lại kinh để dưỡng bệnh. Năm Đinh Mùi, Chỉnh mở Chế khoa cử Tiến sĩ, làm theo cách đặt 10 khoa chọn kẻ sỹ của nhà Tống. Cụ được triều đình đề cử là bậc hiền lương phương chính, cụ dâng biểu không đi.

Mùa đông năm ấy Chiêu Thống chạy sang nước Thanh, cụ phải lần khuất ở giữa 2 huyện Kim Bảng và Nam Chân, không nhất định ở chỗ nào, đi không dừng bước chân. Năm Mậu Thân, vua Chiêu Thống rước quân Thanh về để khôi phục lại nước, liền bị quân Tây Sơn đánh cho đại bại, phải rút về Yên Kinh. Tướng của Tây Sơn là Trần Văn Kỷ vốn nghe danh muốn bức cụ ra làm quan, nhưng cụ thể không thờ hai họ, tự làm bài thơ

“Ngôn hoài” 80 vắn, để thể hiện chí mình. Văn Kỷ cho là người có nghĩa, không cưỡng ép nữa. Thế rồi được đôi mũ vàng, về lại làng cũ, làm ông lão thôn quê, đóng cửa không tiếp khách. Bạn bè cũ có người hiến đặt, mang đồ vật đến biếu, cụ đều từ chối không nhận. Cụ sinh ngày 14 tháng 2 năm Nhâm Tý, mất ngày 27 tháng 10 năm Nhâm Tuất, thọ 71 tuổi. Sinh thời là người hiếu học, trở về già học vắn rất tinh thông. Tác phẩm bị thất lạc quá nửa, nay còn sót lại một tập.

Chính thất của cụ là Nguyễn quý thị, huý Bàng, hiệu Trinh Thuần, là em một bà cụ Cao tổ ta, mất năm 64 tuổi, sinh được 4 gái (Con gái cả làm dâu họ Trần ở Thiên Mỗ, con gái thứ 2 làm dâu họ Nguyễn cùng ấp, con gái thứ 3 làm dâu họ Lê ở Bát Tràng, con gái út làm dâu họ Đỗ ở Đại Gia).

Kế thất Nguyễn quý thị, người Huỳnh Cung, huý Lý, hiệu Từ Dụ, thọ 68 tuổi, sinh 1 trai, 2 gái. Con gái cả huý Phúc lấy người họ Phạm, tước Sanh Phong bá, chức Lục sự ở Yên Lạc, huyện Kim Bảng. Con gái thứ huý Huyền lấy Tú tài Nguyễn công ở Yên Vĩnh, là con của ngoại Tổ khảo ta. Người con trai tức là cụ Trưng Phủ.

Lại thứ thất Nguyễn thị hiệu Thạch Liên, sinh được 1 gái (huý Vịnh lấy Nguyễn Huy Đăng người cùng ấp. Nay Nguyễn Văn Giáp Bố chính Sơn Tây là dòng dõi của cụ).

Cụ Trưng Phủ ta huý Du, thụy Đoan, hiệu Văn Bác, được tiến cử là người có kiến thức rộng, làm quan tới Học chính Hải Dương (kỷ lục 2 lần). Lúc sinh thời học rất tinh tường mà khắc khổ, thọ 69 tuổi. Tác phẩm gồm có các tập thơ vắn, và tục biên 7 hồi *An Nam nhất thống chí*, lưu truyền ở đời.

Chính thất Nguyễn thị, hiệu Kính Thuận nghi nhân, là con gái Tiến sĩ họ Nguyễn làng Bảo Từ, huyện Chương Đức, thọ 79 tuổi, sinh được 2 trai và 2 gái. Con gái cả tên Đại, lấy Vũ Nguyên người làng Ngọc Quan, huyện

Lương Tài. Con gái thứ tên Sở, lấy Nguyễn Toàn, cùng ấp. Con trai huý Xứng, con trai thứ huý Vỹ, hiệu Thuần Trực, không có con.

Xứng đỗ Tú tài năm Giáp Ngọ, sinh 1 trai, 1 gái. Gái lấy người họ Phan, trai huý Khản, tự Đâu Tam, sinh 1 trai tên Ân, Ân sinh Cơ.

Thứ thất Nguyễn thị, hiệu Từ Hoà, thọ 73 tuổi, sinh 3 trai, 2 gái (con gái cả huý Bản, con gái thứ huý Khôi), con trai huý Đán, mất sớm, con trai thứ 2 huý Do, con trai thứ 3 huý Viêm.

Do sinh 2 trai, một tên Thiện, [].

Viêm sinh 7 trai: Cảnh, Tỉnh, Tự, Tăng, Cản, Tu...

第十三代

第十三代顯曾祖考，賜乙未科進士，翊運功臣，特進金紫大夫，侍中大學士，知國子監欽天監，兼知祕書翰林院，署國史總裁，兵部尚書，晴派侯，吳相公字希尹，號達軒先生。

及妣依夫職，吳相公正室，吳氏號慈明夫人。

及次祖妣依夫職，吳相公側室，黃貴氏，號慈正徽人。

祖考諱任，小名付，以景興七年丙寅，九月十一日酉時生，嘉隆癸亥二年二月十六日亥刻終，壽五十八。

祖妣諱瑛，南真百姓人，以景興十一年庚午生，京北參協洞玄公之孫，通政使聽審公之女。生二男一女，長男諱僎，次男諱儀，嘉隆六年丁卯五月初三日終，壽五十八。

少祖妣諱晏，青威溪桑人，以景興二十一年庚辰，三月初八日未時生，福慶黃令公之女。生三男二女，我莊毅公其次也。長諱價，季諱什，明命元年庚辰，九月十三日戌時終，壽六十一歲。

行狀略說

曾祖考天資俊穎，七歲啓蒙，十一歲從曾祖丹岳公學，十四歲貫讀經、傳、史及性理諸書。十五歲復從午峰公肄習。十六撰二十七史撮要。十七郡縣二考優項。二十與同邑劉熙載（乙酉鄉元）就業於丹仕前清華參政公。二十[一]合訂四家說譜。二十三領戊午鄉元。二十四應己丑士望考，特充海陽憲察副使。爲政清簡，公暇輒親課，士子從遊頗眾。

辛卯奉旨考覈士人。近時海憲率以考事被譴，公知其弊嚴禁舊謁。雖參議阮昫有~~有~~陰祈，亦不之徇。

海陽員目有啓保其用心，公奉清慎者。尋以午峰公去官，遂啓請留家晨昏。

壬子應國子監考優項，因病故辭官。其年海陽志略書成。乙未第三甲進士，授戶部都給事中。丙申陞山南道監察御史。尋充海陽鄉試監考，復陞京北督同，與午峰公督諒之日同拜命。戊戌奉兼太原督同行參政，又協同兼鎮守遵往侯討武崖賊渠，著有公務成書。己亥陞東閣校書，又奉協同宣光等道官，進討黃文桐。調度事宜，有宣光戎務成書。尋命經略送星銀廠。庚子凱還，上銀廠策籍，并增例銀稅，奉賜優獎。

時鄭王長子棕無寵，其少子櫟鄧宣妃所生，王最鍾愛。宣妃與權臣黃素履內外交締，有奪嫡志。會王寢疾，棕恐不自全，與家豎陰繕甲兵，俟宮車不諱，閉諸城門，殺素履，縻宣妃，馳報西北兩鎮，將兵入衛，以定其位。適王疾愈，事頗泄。宣妃使阮輝珣以其狀白王，王召素履命急付治。素履請先召西北鎮臣，縻于府中，然後查擬。公時爲棕日講，其典書何如山公門人也，知其謀以告。公驚曰：世子國之儲貳，國乃其國，何患失位，而爲此謀？王上聽寶，豈欺隱得過。即

密告鎮守遵亟止其事，不得已則發之，而歸罪群小。遵不從。至是遵與西鎮阮侃並被召。遵求見請罪不許，侃因與遵求公爲以山狀修啓陳訴。王得啓益怒，曰：果若人言不誣矣。命公監按其獄，公欲從中救解。會午峰公卒于諒，啓請奔喪。王命黎貴惇覆訊。惇有憾于侃，盡翊其狀。獄成，黜棕而立櫛爲世子。其負犯諸臣並論死。素履素忌公，欲以嫁謗，論發舉功擢陞工部右侍郎。公恨其賣己，欲力辭。弟學遜公請待終制，朝侍委曲辭免。遂托以喪，故不上謝恩啓。

辛丑奉敕撰聖朝鑑書，書成準敕入侍陪從，又敕長安路屯田使，又管山水隊，提舉山水宮。時朝中朋黨勢成，公每思以事去職。

壬寅三府驕兵，擁立棕爲端南王，殺顧命大臣黃素履，連及朝官之在京者。公以查庚子年案負謗，避居于山南之百姓、羅川、隊澤。間在隱晦中，訪聞驕兵脅制君相，知國步機危，常有憂天之意。

丙午西山阮惠既取富春京，從阮有整之謀，舉兵南來，以扶黎滅鄭爲名。端王爲所害。惠率其部屬，朝謁顯宗，翊扶一統，詔書于諸鎮。尋詔負累諸臣，準許

回朝。弟學遜公遂請朝堂印憑，迎公于隊澤之麗澤庵。道中聞顯宗崩，惠翊出帝即位，而獲其喪。徑抵京城哭臨。既而承出帝命，從登第例，授戶部都給事中。尋陞校討兼纂修，因取午峰公所藏續編，自熙宗至懿宗五朝寔錄，再加筆削。

初顯宗山陵禮成，惠潛兵返國，留有整于乂安。出帝視朝，召諸大臣，勸以力扶皇家。

時碩郡黃馮基，連郡丁錫壤，逼帝立鄭槿爲宴都王，槿既立，務裁削帝權。帝密召有整勤王。整募乂安義甬，刻日歸朝，逐鄭王而自輔。尋挑釁于西山，惠命其將武文任來攻。整挾帝奔京北，至三層山，整被擒。帝遁播于保祿山中，遣使如清乞師。乾隆帝命兩廣總督孫士毅，提兵壓境，走西將而封出帝爲安南王。惠聞之，欲親將以禦清兵。遂以戊申十二月，即皇帝位于富春，改元光中，驅兵直抵昇龍。士毅一敗塗地，單騎奔諒山。帝從之如燕。清帝再命福康安調兵南伐。光中慮其糜爛生靈，欲求故黎文臣，善于辭命者，庶以口舌代干戈，而難其選。西將陳文紀素知公，以其名薦。公時移隱石室之金蘭，應召赴謁。光中命授工

部侍郎職，爵晴派侯，仍命豫擬應答內地十條，上進稱旨，遂以交關文書，委公與潘輝益，便宜酬應。著有邦交集。

庚戌好成，陞兵部尚書，辛亥陞侍郎大學士，又準放翊運功臣。壬子兼國史署總裁。景盛癸丑充求封部正使。至燕侯謁，清帝大加褒獎，中朝士大夫素聞其名，莫不願相見者。著有華程家印詩集。

丁巳奉監刊修國史，因以午峰公所著標案刻梓。戊午奉監知北城文廟。時經亂後，雍泮蕭條，公言於鎮將增葺祠宇，修啓聖祠，及左右學堂，太學門樓，成均規制，煥然一新。且以丁未後，試法久廢，四方學士益少。建言復古制，開科取士。當途者率不由科舉，多阻撓之。公委曲言於藩府，及諸執政大臣，權設考法，一年四仲，國學鎮學，炤其考覈。中者稱上下課生，準免其徭。文風始稍復振。庚申文廟香火戶兒明哲甲，推爲后神，乃作劄著號龍編城市大隱士。壬戌國朝龍興，公與潘輝益以通籍潤朝，爲鄧陳常所劾。嘉龍癸亥二月，十六日終，壽五十八。

公天性孝友，少時曾祖丹岳公寢疾，午峰公被召赴京。每晨候召對，暮歸問安，公侍疾月餘，不離左右。丹岳公深悅之。居貞慈正夫人喪，泣血讀書，動遵禮法。及官海憲，午峰公遠刺于驩，庶母莊正順人臥病留京，自省治回視藥。順人沒，董其喪事極精緻。午峰公爲之心慰。午峰公之喪，葬祭大禮，盡志盡物。觀號旻錄見公之肫誠，溢于言表。

居常戒飭弟子侄孫，勸讀書史，以世有文人爲貴，不欲其奔走利途，爲門風累。使燕時，恐或違所教，立家規要約市之。門庭雍穆，人無間言。財貨所需，絕無彼此計較，其友愛甲於州閭。至於經濟，素有大志，以遭時坎阿，身處君臣之變，心每自傷。庚子出亡，有陳情文，以告靖王，其著春秋管見，以忠孝爲立身大根。

出仕西朝，最承知遇，然非心所樂。每燕閒對弟子言，未嘗不咨嗟嘆悼。又以才名爲眾所忌，傍觀一世，無與同心者。於是托佛釋以自娛，於所居碧溝坊，起竹林禪院，述覺黃、法螺、玄光三祖行狀，而奉事之。度牒親弟玄齋爲上足弟子。時以語禪遊者，海

和僧、海鷗和尚，相與推公爲海量大禪師，爲著竹林宗旨書，其說法二十四章，顏曰：太真圓覺聲，以三祖現身起見擬議。所言皆本領義理，要使驅釋入儒，且以寓己意。其寄懷寥廓，則三閭之嘆重華。其自眨自白，則王旦之披緇，許子之題墓，此則公所獨會者。

平生爲學閎博，中間以與世忤，優遊江湖，所得尤邃。其詩文華瞻，而氣骨雄偉不常。凡所著述各草，具編文派部行世。

曾少祖妣早失恃，從黃福嚴公于京。時公侍王府，祖妣出入宮掖，王太妃見其容色，命收養于宮中，及笄而歸。遂配我曾祖，事嫡夫人至謹，禮親党和同列。午峰公在時，每稱獎曰：汝德行後日當享其福。壬寅遇變，依苓塘徽恭夫人之家，夫人嘗試之曰：相君蒙難，未卜回期，粉黛嬌姿，恐難堪此。若待相君出難，些時流離，莫勝其苦，吾欲爲娘改節。吾之命亦相君之命也。祖妣歛容謝曰：夫人憫妾之至，預戴不忘，念妾得事相君，一旦有患，遽此改節，恐非專一之義。妾身有死誓不從二。夫人以此日益愛敬。居凡三年，復就曾祖于羅川。

己酉曾祖已應召命。其年嚴福公考終喪事，我祖妣寔相之。次年邦交事成，曾祖入覲富春京，祖妣陪行。作丈夫而裹馬鞍，代夫人而攝饋政，臨難不辭，見利不動，不挾寵不尚奢，一一英雄婦人也。

鼎革之後，我家多故。祖妣左支右吾，撐持門戶，躬飭耕織，以助我莊毅公書燈之費。宗祠之奉，歲時之需，事係本支者，恭謹行之，毫無彼此。室如懸磬，而外視常豐，亦不見其貧也。

恭錄次支

曾祖叔諱倬，字學遜，號淵密，是我達軒公之弟，領鄉薦亞元，官歷僉書平章省事。西兵之變，與文臣陳名案、武楨等從昭統帝奔至靈，以上中興策（詳安南一統志）。承往諒山招諭藩臣，至鳳眼病發，表請假日醫治。帝覽表爲之改容，蒙賜白金以供藥需，尋卒于嘉平。

案以事聞，帝垂淚曰：亡一良臣。手詔贈裕澤伯爵。著有詩文集，與新曇心鏡，及安南一統志七回行世。

夫人陳氏，號宣慈，生二男一女（女歸先遊扶董鄭姓，生子鄭棠，領舉人，仕巡撫職，今鄭權是其曾孫也）。長男諱侶，次男諱儻。

侶字朋甫（娶寶篆尚書陳輝誠之孫，諱閏爲配），官歷海陽協鎮，應峰侯。所著有梧巢詩集。生一男三女（一女歸瑞圭潘尚書，一女歸寶篆陳少卿）。男諱儻字恂甫，授翰林院御。生三男，長儻（生三男健、偏、便）。次伯（生三男僕、佖、佻）。季仲（生二男合、會）。

儻字希亮，生三男，長仁（生三男振、守、作），次倆（生一男豪），季仆（乏嗣）。

次曾祖叔諱琬，改惟勤，字業廣，又字希喬，是我達軒公之二弟，承文肅公養爲嗣子，舉癸卯科鄉薦。公無所出，從祀演澤祠。

次次曾祖叔諱傲，字養浩，是我達軒之三弟，官戶部右侍郎，丙峰侯。所著有詩文集，生三男。長諱值（生三女），次諱侶，季諱儻。

侶生三男，長僚（生男倪），次欣（生男個），季儻（乏嗣）。

僂號枚岳，能爲文，生二男，長僂（生男僂），次僂（乏嗣）。

次次次曾祖叔諱僂，改僂，號玄齋，是我達軒公之四弟，丁卯科秀才。所著有詩文集行世，生一女。

次次次次曾祖叔諱僂，改位，字成甫，號約齋，是我達軒公之五弟。官歷吏左參知，澧溪侯。明命庚辰，欽差求封部正使如清，道卒。所著有詩文集行世，壽四十七，十二月二十七日忌。

夫人劉氏，號莊潔，生二男。長伍號聰毅，字參甫。次僂生一男僂。伍受通判職，生一男僂今籍乂安省（未詳府縣社待查）。

PHIÊN ÂM:

ĐỆ THẬP TAM ĐẠI

Đệ thập tam đại hiển tằng tổ khảo, tứ Ất Vị khoa Tiến sĩ, Dực vận công thần, Đặc tiến kim tử đại phu, Thị trung đại học sĩ, tri quốc tử giám khâm thiên giám, Kiêm tri bí thư hàn lâm viện, thụ quốc sử tổng tài, Bình bộ Thượng thư, Tình Phái hầu, Ngô tướng công tước Hy Doãn, hiệu Đạt Hiên tiên sinh.

Cập tể y phu chức, Ngô tướng công chính thất, Ngô thị hiệu Từ Minh phu nhân.

Cập thứ tổ tỷ y phu chức, Ngô tướng công trắc thất, Hoàng quý thị, hiệu Từ Chính huy nhân.

Tổ khảo huy Nhâm, tiểu danh Phó, dĩ Cảnh Hưng thất niên Bính Dần, cửu nguyệt thập nhất nhật Dậu thời sinh, Gia Long Quý Hợi nhị niên nhị nguyệt thập lục nhật Hợi khắc chung, thọ ngũ thập bát.

Tổ tỷ huy Anh, Nam Chân Bách Tính nhân, dĩ Cảnh Hưng thập nhất niên Canh Ngọ sinh, Kinh Bắc Tham hiệp Động Huyền công chi tôn, Thông chánh sứ Thông Duệ công chi nữ. Sinh nhị nam nhất nữ, trưởng nam huy Điển, thứ nam huy Nghi, Gia Long lục niên Đinh Mão ngũ nguyệt sơ tam nhật chung, thọ ngũ thập bát.

Thiếu tổ tỷ huy Yén, Thanh Uy Khê Tang nhân, dĩ Cảnh Hưng nhị thập nhất niên Canh Thìn, tam nguyệt sơ bát nhật Vị thời sinh, Phúc Khánh Hoàng lệnh công chi nữ. Sinh tam nam nhị nữ, ngũ Trang Nghi công kỳ thứ dã. Trưởng huy Quán, quý huy Thập, Minh Mệnh nguyên niên Canh Thìn, cửu nguyệt thập tam nhật Tuất thời chung, thọ lục thập nhất tuế.

Hành trạng lược thuyết

Tằng tổ khảo thiên tư tuấn đĩnh, thất tuế khai mông, thập nhất tuế tòng tăng tổ Đan Nhạc công học, thập tứ tuế quán độc kinh truyện sử cập tính lý chư thư. Thập ngũ tuế phục tòng Ngọ Phong công tứ tập. Thập lục soạn Nhị thập thất sử toát yếu. Thập thất quận huyện nhị khảo ưu hạng. Nhị thập dĩ đồng ấp Lưu Hy Tái (Ất Dậu hương nguyên) tựu nghiệp ư Đan Sĩ tiền Thanh Hoa Tham chính công. Nhị thập [nhất] hợp đính Tử gia thuyết phả. Nhị thập tam lãnh Mậu Ngọ hương nguyên. Nhị thập tứ ứng Kỷ Sửu sĩ vọng khảo, đặc sung Hải dương Hiến sát phó sứ. Vì chính thanh giản, công hạ triếp thân khoá, sĩ tử tòng du phả chúng. Tân Mão phụng chỉ khảo hạch sĩ nhân. Cận thời hải hiến suất dĩ khảo sự bị khiển, công tri kỳ tệ

nghiêm cấm cữu yết. Tuy Tham nghị Nguyễn Quân hữu sở âm kỳ, diệc bất chi tuần. Hải Dương viên mục hữu khai bảo kỳ dụng tâm, công phụng thanh thận giả. Tầm dĩ Ngô Phong công khứ quan, toại khai thỉnh lưu gia thân hôn.

Nhâm Tý ứng Quốc tử giám khảo ưu hạng, nhân bệnh cố từ quan. Kỳ niên Hải Dương chỉ lược thư thành. Ất Vị đệ Tam giáp Tiến sĩ, thụ Hộ bộ Đô cấp sự trung. Bính Thân thăng Sơn Nam đạo Giám sát Ngự sử. Tầm sung Hải Dương hương thí Giám khảo, phục thăng Kinh Bắc Đốc đồng, dĩ Ngô Phong công Đốc Lạng chi nhật đồng bái mệnh. Mậu Tuất phụng kiêm Thái Nguyên Đốc đồng hành Tham chính, hựu hiệp đồng kiêm Trấn thủ Tuần Vãng hầu thảo Vũ Nhai tặc Cừ, trước hữu Công vụ thành thư. Kỷ Hợi thăng Đông các hiệu thư, hựu phụng hiệp đồng Tuyên Quang đẳng đạo quan, tiến thảo Hoàng Văn Đồng. Điều độ sự nghi, hữu Tuyên Quang nhung vụ thành thư. Tầm mệnh kinh lược Tổng Tỉnh ngân xưởng. Canh Tý khai hoàn, thượng ngân xưởng sách tịch, tỉnh tăng lệ ngân thuế, phụng tứ ưu tường.

Thời Trịnh vương trưởng tử Tông vô sủng, kỳ thiếu tử Cán Đặng Tuyên phi sở sinh, vương tôi chung ái. Tuyên phi dĩ quyền thần Hoàng Tổ Lý nội ngoại giao đế, hữu đoạt đích chí. Hội vương tảo tật, Tông khủng bất tự toàn, dĩ gia Thụ âm thiện giáp binh, sĩ cung xa bất huy, bế chử thành môn, sát Tổ Lý, mi Tuyên phi, trì báo Tây Bắc lương trấn, tương binh nhập vệ, dĩ định kỳ vị.

Thích Vương tật dĩ, sự phả tiết. Tuyên phi sử Nguyễn Huy Bá dĩ kỳ trạng bạch Vương, Vương triệu Tổ Lý mệnh cấp phó trị. Tổ Lý thỉnh tiên triệu Tây Bắc trấn thần, mi vu phủ trung, nhiên hậu tra nghi. Công thời vi Tông nhật giảng, kỳ diễn thư Hà Như Sơn công môn nhân dã, tri kỳ mưu dĩ cáo. Công kinh viết: Thế tử quốc chi trừ nhị, quốc nãi kỳ quốc, hà hoạn

thất vị, nhi vị thử mưu? Vương thượng thông bảo, khởi khi ẩn đặc quá. Tức mật cáo Trấn thủ Tuân cực chỉ kỳ sự, bất đặc dĩ tác phát chi, nhi quy tội quân tiểu. Tuân bất tòng. Chí thị Tuân dữ Tây trấn Nguyễn Khản tịnh bị triệu. Tuân cầu kiến thỉnh tội bất hứa, Khản nhân dữ Tuân cầu công vi dĩ sơn trạng tu khai trần tố. Vương đặc khai ích nộ, viết: Quả nhược nhân ngôn bất vu hỹ. Mệnh công giám án kỳ ngục, công dục tòng trung cứu giải.

Hội Ngộ Phong công tốt vu Lạng, khai thỉnh bôn tang. Vương mệnh Lê Quý Đôn phúc tấn. Đôn hữu hám vu Khản, tận dục kỳ trạng. Ngục thành, truất Tông nhi lập Cán vi thế tử. Kỳ phụ phạm chư thần tịnh luận tử. Tổ Lý tổ kị công, dục dĩ giá báng, luận phát cử công trạc thăng Công bộ hữu thị lang. Công hận kỳ mại kỷ, dục lực tử. Đế Học Tôn công thỉnh dãi chung chế, triều thị uỷ khúc từ miễn. Toại thác dĩ tang, cố bất thượng tạ ân khai.

Tân Sửu phụng ban soạn Thánh triều giám thư, thư thành chuẩn ban nhập thị bồi tụng, hựu ban Trường An lộ đồn điền sứ, hựu quản Sơn thủy đội, đề cử Sơn thủy cung. Thời triều trung bằng đẳng thế thành, công mỗi tư dĩ sự khứ chức.

Nhâm Dần tam phủ kiêu binh, ủng lập Tông vi Đoan Nam vương, sát cố mệnh đại thần Hoàng Tổ Lý, liên cấp triều quan chi tại kinh giả. Công dĩ tra Canh Tý niên án phụ báng, tỵ cư vu Sơn Nam chi Bách Tĩnh, La Xuyên, Đội Trạch. Gian tại ẩn hối trung, phỏng văn kiêu binh hiếp chế quân tướng, tri quốc bộ cơ nguy, thường hữu ưu thiên chi ý.

Bính Ngọ Tây Sơn Nguyễn Huệ ký thủ Phú Xuân kinh, tòng Nguyễn Hữu Chỉnh chi mưu, cử binh nam lai, dĩ phù Lê diệt Trịnh vi danh. Đoan Vương vi sở hại. Huệ suất kỳ bộ thuộc, triều yết Hiễn Tông, dục phù nhất thống, chiếu thư vu chư trấn. Tầm chiếu phụ luy chư thần, chuẩn hứa hồi

triều. *Đệ Học Tôn công toại thỉnh triều đường ấn bằng, nghênh công vu Đội Trạch chi Lệ Trạch am.*

Đạo trung văn Hiến Tông bằng, Huệ dục Xuất đế tức vị, nhi hoạch kỳ tang. Kính để kinh thành khốc lâm. Ký nhi thừa Xuất đế mệnh, tòng dăng đệ lệ, thụ Hộ bộ đô cấp sự trung. Tâm thăng Hiệu thảo kiêm toàn tu, nhân thủ Ngộ Phong công sở tàng Tục biên, tự Hy Tông chí Ý Tông ngũ triều thực lục, tái gia bút tước.

Sơ Hiến Tông sơn lăng lễ thành, Huệ tiêm binh phản quốc, lưu Hữu Chính vu Nghệ An. Xuất đế thị triều, triệu chư đại thân, khuyến dĩ lực phù hoàng gia.

Thời Thạc quận Hoàng Phùng Cơ, liên quận Đình Tích Nhưỡng, bức đế lập Trịnh Bồng vi Yên Đô Vương, Bồng ký lập, vụ tài tước đế quyền. Đế mật triệu Hữu Chính cần vương. Chính mộ Nghệ An nghĩa dũng, khắc nhật quy triều, trực Trịnh Vương nhi tự phụ. Tâm khiêu hấn vu Tây Sơn, Huệ mệnh kỳ tướng Vũ Văn Nhậm lai công. Chính hiệp đế hôn Kinh Bắc, chí Tam Tăng sơn, Chính bị cầm. Đế bá vu Bảo Lộc sơn trung, khiến sứ như Thanh thất sư.

Kiên Long đế mệnh Lương Quảng Tổng đốc Tôn Sĩ Nghị, đề binh áp cảnh, tấu Tây tướng nhi phong Xuất đế vi An Nam Vương. Huệ văn chi, dục thân tướng dĩ ngự Thanh binh. Toại dĩ Mậu Thân thập nhị nguyệt, tức Hoàng đế vị vu Phú Xuân, cải nguyên Quang Trung, khu binh trực đế Thăng Long. Sĩ Nghị nhất bại đồ địa, đơn thiện kỵ bên Lạng Sơn. Đế tòng chi như Yên. Thanh đế tái mệnh Phúc Khang An điều binh Nam phạt.

Quang Trung lự kỳ mi lạn sinh linh, dục cầu cố Lê văn thân, thiện vu từ mệnh giả, thứ dĩ khẩu thiết đại can qua, nhi nan kỳ tuyển. Tây tướng Trần Văn Kỷ tố tri công, dĩ kỳ danh tiến. Công thời di ẩn Thạch Thất chi Kim Lan, ứng triệu phó yết. Quang Trung mệnh thụ Công bộ Thị lang chức,

tước Tình Phái hầu, nhưng mệnh dự nghĩ ứng đáp nội địa thập điều, thượng tiến xưng chỉ, toại dĩ giao quan văn thư, uỷ công dữ Phan Huy Ích, tiện nghị thù ừng. Trước hữu Bang giao tập.

Canh Tuất hiệu thành, thăng Binh bộ Thượng thư, Tân Hợi thăng Thị lang đại học sĩ, hựu chuẩn ban Dực vận công thần. Nhâm Tý kiêm Quốc sử thư tổng tài. Cảnh Tthịnh Quý Sửu sung cầu phong bộ Chánh sứ. Chí Yên hầu yết, Thanh đế đại gia bao tướng, trung triều sĩ đại phu tố văn kỳ danh, mạc bất nguyện tương kiến giả. Trước hữu Hoa trình gia ấn thi tập.

Đinh Ty phụng giám san tu Quốc sử, nhân dĩ Ngô Phong công sở trước Tiêu án khắc tử. Mậu Ngọ phụng giám tri Bắc Thành văn miếu. Thời kinh loạn hậu, ung phán tiêu điều, công ngôn ư Trấn tướng tăng tập từ vũ, tu khai thánh từ, cập tả hữu học đường, Thái học môn lâu, thành quân quy chế, hoán nhiên nhất tâm. Thả dĩ Đinh Vị hậu, thí pháp cứu phế, tứ phương học sĩ ích thiếu. Kiến ngôn phục cổ chế, khai khoa thủ sĩ. Đường đồ giả suất bất do khoa cử, đa trở nhiễu chi. Công uỷ khúc ngôn ư phiên phủ, cập chư chấp chính đại thần, quyền thiết khảo pháp, nhất niên tứ trọng, quốc học trấn học, chiếu kỳ khảo hạch. Trúng giả xưng thượng hạ khoá sinh, chuẩn miễn kỳ dao. Văn phong thuỷ sảo phục chấn.

Canh Thân Văn miếu hương hoả hộ nhị Minh Triết giáp, suy vi hậu thần, nãi tác tráp trước hiệu Long Biên thành thị đại ẩn sĩ. Nhâm Tuất Quốc triều long hưng, công dữ Phan Huy Ích dĩ thông tịch nhuận triều, vi Đặng Trần Thường sở hặc. Gia Long Quý Hợi nhị nguyệt, thập lục nhật chung, thọ ngũ thập bát.

Công thiên tính hiếu hữu, thiếu thời tăng tổ Đan Nhạc công tắm tât, Ngô Phong công bị triệu phó kinh. Mỗi thân hậu triệu đối, mộ quy vấn an, công thị tât nguyệt dư, bất ly tả hữu. Đan Nhạc công thâm duyệt chi. Cư

Trình Từ chính phu nhân tang, khắp huyết độc thư, động tuân lễ pháp. Cập quan Hải Hiến, Ngô Phong công viễn thứ vu Hoan, thứ mẫu Trang Chính thuận nhân ngoại bệnh lưu kinh, tự tỉnh trị hồi thị được. Thuận nhân một, đồng kỳ tang sự cực tinh trí. Ngô Phong công vi chí tâm uỷ. Ngô Phong công chi tang, táng tế đại lễ, tận chí tận vật. Quan Hào môn lục kiến công chi tuân thành, dật vu ngôn biểu.

Cư thường giới sức đệ tử diệt tôn, cù độc thư sử, dĩ thế hữu văn nhân vi quý, bất dục kỳ bốn tẩu lợi đồ, vi môn phong luy. Sứ Yên thời, khủng hoặc vi sở giáo, lập Gia quy yếu ước thị chi. Môn đình ung mục, nhân vô gian ngôn. Tài hoá sở nhu, tuyệt vô bỉ thử kế giáo, kỳ hữu ái giáp ư châu lư. Chí ư kinh tế, tố hữu đại chí, dĩ tao thời khảm a, thân xử quân thần chi biến, tâm mỗi tự thương. Canh Tý xuất vong, hữu Trần tình văn, dĩ cáo Tĩnh vương, kỳ trước Xuân Thu quản kiến, dĩ trung hiếu vi lập thân đại căn.

Xuất sĩ Tây triều, tối thừa tri ngộ, nhiên phi tâm sở lạc. Mỗi yến nhàn đối đệ tử ngôn, vị thường bất tư ta thán điệu. Hữu dĩ tài danh vi chúng sở ky, bàng quan nhất thế, vô dĩ đồng tâm giả. Ư thị thác Phật thích dĩ tự ngu, ư sở cư Bích Câu phường, khởi Trúc Lâm thiền viện, thuật Giác Hoàng Pháp Loa Huyền Quang tam tổ hành trạng, nhi phụng sự chi. Độ điệp thân đệ Huyền Trai vi thượng túc đệ tử.

Thời dĩ ngữ thiền du giả, Hải Hoà tăng, Hải Âu hoà thượng, tương dĩ suy công vi Hải Lượng đại thiền sư, vi trước Trúc Lâm tông chỉ thư, kỳ thuyết pháp nhị thập tứ chương, nhan viết: Thái chân viên giác thanh, dĩ Tam tổ hiện thân khởi kiến nghĩ nghĩ. Sở ngôn giai bản lãnh nghĩa lý, yếu sử khu Thích nhập Nho, thả dĩ ngu kỷ ý. Kỳ ký hoài liêu quách, tắc Tam Lư chi thán Trùng Hoa. Kỳ tự biếm tự bạch, tắc Vương Đán chi phi truy, Hứa Tử chi đề mộ, thử tắc công sở độc hội giả.

Bình sinh vì học hoằng bác, trung gian dĩ dữ thế ngỗ, ưu du giang hồ, sở đắc vưu thủy. Kỳ thi văn hoa thiêm, nhi khí cốt hùng vĩ bất thường. Phàm sở trước thuật các thảo, cụ biên Văn phái đồ hành thế.

Tằng thiếu tổ tử tảo thất thị, tông Hoàng Phúc Nghiêm công vu kinh. Thời công thị Vương phủ, tổ tử xuất nhập cung dịch, Vương thái phi kiến kỳ dung sắc, mệnh thu dưỡng vu cung trung, cập kê nhi quy. Toại phối ngã tăng tổ, sự đích phu nhân chí cẩn, lễ thân đẳng hoà đồng liệt. Ngô Phong công tại thời, mỗi xứng tường viết: Nhữ đức hạnh hậu nhật đương hưởng kỳ phúc.

Nhâm Dân ngô biến, y Linh Đường Huy Cung phu nhân chi gia. Phu nhân thường thí chi viết: Tướng quân mông nạn, vị bốc hồi kỳ, phán đại kiều tư, khủng nan kham thử. Nhược đãi tướng quân xuất nạn, ta thời lưu ly, mạc thăng kỳ khổ, ngô dục vì nương cải tiết. Ngô chi mệnh diệp tướng quân chi mệnh dã. Tổ tử liêm dung tạ viết: Phu nhân mẫn thiếp chí chí, dự đại bất vong, niệm thiếp đắc sự tướng quân, nhất đán hữu hoạn, cự thử cải tiết, khủng phi chuyên nhất chi nghĩa. Thiếp thân hữu tử thê bất tông nhị. Phu nhân dĩ thử nhật ích ái kính.

Cư phàm tam niên, phục tộ tăng tổ vu La Xuyên. Kỷ Dậu tăng tổ dĩ ứng triệu mệnh. Kỳ niên Nghiêm Phúc Công khảo chung tang sự, ngã tổ tử thực tường chi. Thứ niên bang giao sự thành, tăng tổ nhập cận Phú Xuân kinh, tổ tử bồi hành. Tác trượng phu nhi khoa mã an, đại phu nhân nhi nhiếp quỹ chính, lâm nạn bất từ, kiến lợi bất động, bất hiệp sủng bất thượng xa, nhất nhất anh hùng phụ nhân dã.

Định cách chi hậu, ngã gia đa cố. Tổ tử tả chi hữu ngô, xanh trì môn hộ, cung sức canh chức, dĩ trợ ngã Trang Nghị công thư đăng chi phí. Tông từ chi phụng, tuế thời chi nhu, sự hệ bản chi giả, cung cần hành chi, hào vô

bỉ thử. Thất như huyền khánh, nhi ngoại thị thường phong, diệc bất kiến kỳ bản dã.

Cung lục thứ chi

Tằng tổ thúc huy Chí, tự Học Tốn, hiệu Uyên Mật, thị ngã Đạt Hiên công chi đệ, lãnh Hương tiến á nguyên, quan lịch Thiêm thư bình chương sảnh sự. Tây binh chi biến, dữ văn thần Trần Danh Án Vũ Trinh đẳng tòng Chiêu Thống đế bốn Chí Linh, dĩ thượng trung hưng sách (tường An Nam nhất thống chí). Thừa vãng Lạng Sơn chiêu dụ phiên thần, chí Phụng Nhãn bệnh phát, biểu thỉnh giả nhật y trị. Đế lãm biểu vi chi cải dụng, mông tứ bạch kim dĩ cung dưc nhu, tâm tốt vu Gia Bình. Án dĩ sự văn, đế thủy lệ viết: Vong nhất lương thân. Thử chiếu tặng Dụ Trạch bá tước. Trước hữu thi văn tập, dữ Tân đàm tâm kính, cập An Nam nhất thống chí thất hồi hành thế.

phu nhân Trần thị, hiệu Tuyên Từ, sinh nhị nam nhất nữ (nữ quy Tiên Du Phù Đồng Trịnh tính, sinh tử Trịnh Đường, lãnh Cử nhân, sĩ Tuần phủ chức, kim Trịnh Quyền thị kỳ tăng tôn dã). trưởng nam huy Lữ, thứ nam huy Sủng.

Lữ tự Pằng Phủ (thú Bảo Triện Thượng thư Trần Huy Thành chi tôn, huy Nhuận vi phối), quan lịch Hải Dương Hiệp trấn, Ứng Phong hầu. Sở trước hữu Ngô sào thi tập. Sinh nhất nam tam nữ (nhất nữ quy Thuy Khuê Phan thượng thư, nhất nữ quy Bảo Triện Trần thiếu khanh). Nam huy Giản tự Tuân Phủ, thụ Hàn lâm viện ngự. Sinh tam nam, trưởng Thảng (sinh tam nam Kiện, Phiến, Tiện). Thứ Bá (sinh tam nam Tốn, Tất, Nhut). Quý Trọng (sinh nhị nam Hợp, Hội).

Sủng tự Hy Lượng, sinh tam nam, trưởng Nhân (sinh tam nam Chấn, Thủ, Tác), thứ Lương (sinh nhất nam Hào), quý Phác (pháp tự).

Thứ tăng tổ thúc huy Điện, cải Duy Cần, tự Nghiệp Quảng, hựu tự Hy Kiều, thị nữ Đạt Hiên công chi nhị đệ. Thừa Văn Túc công dưỡng vi tự tử, cử Quý Mão khoa Hương tiến. Công vuô sở xuất, tông tự Diển Trạch từ.

Thứ thứ tăng tổ thúc huy Trí, tự Dưỡng Hạo, thị nữ Đạt Hiên công chi tam đệ, quan Hộ bộ Hữu thị lang, Bính Phong hầu. Sở trước hữu thi văn tập, sinh tam nam. Trưởng huy Trục (sinh tam nữ), thứ huy Thiệu, quý huy Quỳ.

Thiệu sinh tam nam, trưởng Liêu (sinh nam Thiển), thứ Hân (sinh nam Quýnh), quý Ái (pháp tự).

Quỳ hiệu Mai Nhạc, năng vi văn, sinh nhị nam, trưởng Vũ (sinh nam Khiết), thứ Long (pháp tự).

Thứ thứ thứ tăng tổ thúc huy Hoàng, cải Tịnh, hiệu Huyền Trai, thị nữ Đạt Hiên công chi tứ đệ, Đinh Mão khoa Tú tài. Sở trước hữu Thi văn tập hành thế, sinh nhất nữ.

Thứ thứ thứ thứ tăng tổ thúc huy Hương, cải Vị, tự Thành Phủ, hiệu Ước Trai, thị nữ Đạt Hiên công chi ngũ đệ. Quan lịch Lại tả tham tri, Lễ Khê hầu. Minh Mệnh Canh Thìn, khâm sai câu phong bộ chánh sứ như Thanh, đạo tốt. Sở trước hữu Thi văn tập hành thế, thọ tứ thập thất, thập nhị nguyệt nhị thập thất nhật kỵ.

Phu nhân Lưu thị, hiệu Trang Khiết, sinh nhị nam. Trưởng Ngũ hiệu Thông Nghị, tự Tham Phủ. Thứ Nông sinh nhất nam Uyển. Ngũ thụ Thông phán chức, sinh nhất nam Trước, kim tịch Nghệ An tỉnh (vị tương phủ huyện xã đãi tra).

DỊCH NGHĨA:

ĐỜI THƯ MƯỜI BA

Hiển tăng tổ khảo đời thứ mười ba, Tiến sỹ khoa Ất Mùi, Dực vận công thần, Đặc tiến kim tử vinh lộc đại phu, Thị trung đại học sỹ, Tư quốc tử giám kiêm Tri mật thư, Hàn lâm viện Thự quốc sử tổng tài, Binh bộ Thượng thư, tước Tĩnh Phái hầu Ngô tướng công, tự Hy Doãn, hiệu Đạt Hiên tiên sinh.

Chính thất là cụ bà gọi theo chức cụ ông, Ngô thị, hiệu Từ Minh phu nhân.

Thứ thất là cụ bà gọi theo chức cụ ông, Hoàng quý thị, hiệu Từ Chính huy nhân.

Tổ khảo huý Nhậm, lúc nhỏ tên Phó, sinh giờ Dậu ngày 11 tháng 9 năm Quý Hợi niên hiệu Cảnh Hưng thứ 7 (1746), mất giờ Hợi ngày 16 tháng 2 năm Quý Hợi niên hiệu Gia Long thứ 2 (1803), thọ 58 tuổi.

Chính Tổ tỷ huý Anh, người làng Bách Tĩnh, huyện Nam Chân, sinh năm Canh Ngọ niên hiệu Cảnh Hưng thứ 11 (1750), là con gái cụ Thông Duệ, chức Thông chánh sứ, cháu gái cụ Động Huyền, Tham chính Kinh Bắc, sinh 2 trai, 1 gái. Trai trưởng huý Điển, trai thứ huý Nghi. Mất ngày 3 tháng 5 năm Đinh Mão, niên hiệu Gia Long thứ 6 (1807), thọ 58 tuổi.

Thiếu Tổ tỷ huý Yến, người xã Khê Tang, huyện Thanh Oai, sinh giờ Mùi ngày mùng 8 tháng 3, năm Canh Thìn niên hiệu Cảnh Hưng thứ 21 (1760), là con gái cụ Phúc Nghiêm, họ Hoàng, sinh 3 trai, 2 gái, trai trưởng huý Quán, trai út huý Thập. Trang Nghi là con thứ của cụ. Mất giờ Tuất ngày 13 tháng 9 năm Canh Thìn niên hiệu Minh Mệnh nguyên niên (1820), thọ 61 tuổi.

Sơ lược về hành trạng

Tăng Tổ khảo bẩm tính sớm khôn, tinh anh, 7 tuổi bắt đầu đi học, 11 tuổi theo học cụ Đan Nhạc, 14 tuổi đọc thông các loại sách kinh, sử, truyện

và tính lý. 15 tuổi lại được bố là Ngô Phong dạy bảo. 16 tuổi soạn cuốn *Nhị thập thất sử toát yếu*. 17 tuổi sát hạch ở trường huyện 2 lần đều chiếm hạng ưu. 20 tuổi cùng với Lưu Hy Trí người cùng ấp (đỗ đầu thi hương năm Ất Dậu) đến học cụ Đan Sỹ là Tham chính Thanh Hoa cũ. Năm [21] tuổi, hợp đỉnh *Tứ gia thuyết phả*. Năm 23 tuổi, đỗ đầu thi Hương khoa Mậu Tý.

Năm Kỷ Sửu, 24 tuổi, thi khoa Sỹ vọng, được bổ làm Hiến sát phó sứ Hải Dương. Cụ làm quan thanh liêm giản dị. Mỗi khi việc công rồi rãi, liền mở lớp dạy học, học trò theo học rất đông.

Năm Tân Mão, kính vâng sắc chỉ phúc khảo sỹ tử. Thời gian gần đây, quan Hiến sát Hải Dương, đều do việc khảo phúc mà bị trách phạt. Cụ biết tệ ấy, nghiêm cấm yết kiến riêng như cũ, tuy Tham nghị Nguyễn Quân có đến cầu cạnh, nhưng cụ không cho. Viên mục Hải Dương có dâng tờ khai nói cụ dụng tâm giữ phép, công tư đủ cả thanh thận. Gặp phải ngày cụ Ngô Phong từ quan, cụ bèn xin về nhà sớm hôm phụng dưỡng.

Năm Nhâm Tý, thi ở Quốc Tử Giám, đỗ hạng ưu, nhưng cáo ốm, cố ý không ra làm quan, năm ấy viết xong cuốn *Hải Dương chí lược*. Năm Ất Mùi, đỗ Tam giáp Tiến sỹ, bổ làm Hộ bộ Đô cấp sự trung.

Năm Bính Thân, thăng Giám sát ngự sử đạo Sơn Nam, lại bổ làm giám khảo thi Hương ở Hải Dương, liền lại thăng Đốc đồng Kinh Bắc. Đi nhậm chức cùng với cha Ngô Phong nhận chức Đốc trấn Lạng Sơn.

Năm Mậu Tuất, lại kiêm Đốc đồng hành tham chính Thái Nguyên, hiệp đồng với quan kiêm Trấn thủ là Tuân Vãng hầu, đi đánh dẹp bọn giặc ở Vũ Nhai. Tác phẩm có *Công vụ thành thư*.

Năm Kỷ Hợi, thăng Đông các hiệu thư, lại phụng mệnh hiệp đồng với quan các đạo Tuyên, Thái đi đánh dẹp Hoàng Văn Đồng. Điều khiển các việc, đều chép vào cuốn *Tuyên Quang nhung vụ thành thư*.

Ít lâu sau, được sai đi kinh lược xưởng bạc ở mỏ Tống Tinh. Năm Canh Tý trở về, dâng sổ sách xưởng bạc, và xin tăng lệ thuế bạc, được ban thưởng rất hậu.

Khi đó, con trưởng Trịnh Vương là Trịnh Tông không được yêu, con thứ Trịnh Cán do Tuyên phi sinh ra thì Chúa rất yêu. Tuyên phi cùng với quyền thần Hoàng Tổ Lý trong ngoài câu kết, cùng bày mưu đoạt ngôi con đích. Nhân lúc Chúa ốm nặng, Trịnh Tông lo tính mệnh không được bảo toàn, bèn cùng với tể tướng trong nhà sửa soạn khí giới, đợi khi Chúa mất, đóng cửa thành lại, giết Tổ Lý, trói Tuyên phi, cấp tốc báo cho hai trấn Sơn Tây và Kinh Bắc đem quân vào bảo vệ, để được yên ngôi.

Nhưng vừa lúc đó, bệnh của Chúa khỏi, công việc bị bại lộ. Tuyên phi sai Nguyễn Huy Bá tâu việc ấy lên với Chúa. Chúa gọi Tổ Lý phải cấp tốc trình trị. Tổ Lý xin gọi các trấn thần Sơn Tây và Kinh Bắc về trước, trối giam trong phủ, rồi sau tra khảo.

Tằng tổ khảo ta khi đó là nhật giảng cho Trịnh Tông. Tên giữ sổ sách Hà Như Sơn là học trò của cụ biết việc ấy báo cho biết, cụ kinh ngạc nói rằng: “Thế tử là người thay thế Chúa nắm quyền hành. Nước sẽ là nước của Thế tử, lo gì mất ngôi mà làm việc ấy. Chúa thượng ngài thông minh, quan làm sao dấu diếm được tội lỗi.” Lập tức báo cho Trấn thủ Tuân đình ngay việc ấy. Nếu sự việc bất đắc dĩ xảy ra, thì quy tội cho bọn quần tiểu. Tuân không nghe.

Đến đây Tuân và Trấn thủ Sơn Tây Nguyễn Khả đều bị triệu về. Tuân cầu xin được vào yết kiến chịu tội, nhưng Chúa không nghe. Khả cùng với Tuân đến cầu cứu cụ, và làm tờ khai trình bày sự việc. Chúa nhận được tờ khai, lại càng nổi giận, quát: “Đúng như lời người ta nói, không sai.” Bèn giao cho cụ xử trí vụ án này. Cụ định lựa chiều cứu thoát, nhưng không may gặp cha mất ở Lạng Sơn, phải dâng khai về chịu tang.

Vụ án bèn giao cho Lê Quý Đôn tra hỏi lại, Đôn có thù riêng với Khả nên hết sức y như cáo trạng. Bản án lập xong, truất hẳn Trịnh Tông, lập Trịnh Cán làm Thế tử. Còn các quan nào tham gia vụ án này, đều xử tội chết. Tố Lý vốn ghét cụ, muốn nhân chuyện này, đem lời huỷ báng buộc cho. Nền khi xét công phát giác, xin thăng cho cụ chức Công bộ hữu thị lang. Cụ giận lắm, hết sức từ chối. Em trai là Học Tốn khuyên hãy đợi xong tang, còn chức Thị lang của triều đình lựa lời khéo léo từ chối. Cụ bèn nhân có có tang, không dưng khai tạ ơn.

Năm Tân Sửu, phụng soạn bộ *Thánh triều giám thư*. Sách làm xong, dâng lên, được chuẩn ban chức Nhập thị bồi tụng, rồi lại ban chức Đồn điền xứ lộ Trường An, cai quản Sơn thủy đội, đề cử Sơn thủy cung. Khi đó trong triều gây bè kéo cánh, cụ chỉ muốn nhân có việc xin từ chức.

Năm Nhâm Dần, kiêu binh Tam phủ phế Trịnh Cán, lập Trịnh Tông lên làm Đoan Nam Vương, giết cố mệnh đại thần Hoàng Tố Lý rồi đến các quan ở kinh. Cụ vì có tiếng phỉ báng trong vụ án năm Canh Tý phải trốn ở Đội Trạch, La Xuyên, Bách Tính trấn Sơn Nam. Trong thời gian nấu mình, nghe tin bọn kiêu binh hiếp chế cả vua lẫn tướng, biết vận nước nguy lắm, thường tỏ ý lo buồn.

Năm Bính Ngọ, Tây Sơn Nguyễn Huệ đã lấy được kinh đô Phú Xuân, rồi theo mưu của Nguyễn Hữu Chỉnh đem quân từ Nam tới, mượn tiếng phò Lê diệt Trịnh. Đoan Vương Trịnh Tông bị giết. Huệ dẫn bộ thuộc đến triều yết vua Hiến Tông, giúp vua thống nhất sơn hà, ban chiếu thư cho các trấn, tìm vớt các bề tôi liên lụy xưa cho về triều. Em trai Học Tốn xin ấn bằng của triều đình về đón cụ tại am Lệ Trạch, thuộc xã Đội Trạch. Giữa đường nghe tin vua Hiến Tông mất, Nguyễn Huệ giúp Xuất đế lên ngôi, và lo liệu tang lễ, cụ đi đường tắt về kinh khóc viếng, rồi thừa lệnh của Xuất đế, theo lệ khoa cử bổ chức Hộ bộ đô cấp sự trung, liền được thăng

Hiệu thảo kiêm toàn tu. Nhân đem cuốn *Thực lục tục biên* từ đời Hy Tông đến đời Ý Tông cả 5 triều của Ngô Phong công để lại đem ra thêm bớt.

Trước đấy làm lễ sơn lăng của vua Hiến Tông xong, Huệ ngầm rút quân về Nam, để Nguyễn Hữu Chỉnh Trấn thủ Nghệ An, Xuất đế nắm giữ triều chính, triệu các đại thần khuyên gắng sức giúp đỡ Hoàng gia.

Khi ấy, Thạc quận Hoàng Phùng Cơ, Liên quận Đinh Tích Nhưỡng ép vua lập Trịnh Bồng làm Án Đô Vương. Trịnh Bồng đã được lập, lại chuyên quyền lấn át quyền hành của vua. Vua bí mật triệu Nguyễn Hữu Chỉnh ra giúp. Hữu Chỉnh mộ các nghĩa dũng ở Nghệ An, lập tức kéo về châu, đuổi Trịnh Bồng mà tự mình phụ chính, rồi gây hấn với Tây Sơn. Huệ sai tướng Vũ Văn Nhậm ra đánh. Chỉnh đem vua chạy lên Kinh Bắc, đến núi Tam Tầng Chỉnh bị bắt. Vua chạy trốn ở vùng núi Bảo Lộc, rồi sai sứ sang nhà Thanh cầu viện. Vua Càn Long sai Tổng đốc Lương Quảng Tôn Sĩ Nghị đem quân áp sát bờ cõi, đuổi tướng Tây Sơn, phong cho Xuất đế làm An Nam Vương. Huệ nghe tin, muốn tự làm tướng đem quân đánh quân Thanh, bèn lên ngôi vào tháng 12 năm Mậu Thân tại kinh đô Phú Xuân, lấy niên hiệu là Quang Trung. Sau đó kéo quân ra thẳng Thăng Long, đánh cho Sĩ Nghị một trận tan tành, phải một mình một ngựa chạy về Lạng Sơn. Vua Lê cũng chạy theo về Yên Kinh.

Vua Thanh lại sai Phúc Khang An đem quân sang đánh nước Nam. Quang Trung lo dân bị dày xéo, nên muốn tìm văn thần triều Lê cũ, giỏi về từ mệnh, may ra có thể dùng lời nói mà thay cho binh đao. Đang lúc chưa biết chọn ai, thì tướng Tây Sơn là Trần Văn Kỷ, vốn quen biết cụ, nhân tiến cử. Khi đó cụ ẩn tại làng Kim Lan thuộc huyện Thạch Thất. Nhận được lời triệu, cụ đi thẳng đến kinh đô yết kiến. Quang Trung trao cho chức Công bộ thị lang, tước Tình Phái hầu, và giao cho soạn 10 điều ứng đáp với nội địa. Soạn xong dâng lên rất hợp lòng vua. Thế rồi giao cho cùng với Phan Huy

Ích đảm nhiệm việc đối ngoại, tùy nghi ứng đáp, để chấm dứt họa binh đao. Tác phẩm có *Bang giao tập*.

Năm Canh Tuất, đối ngoại thành công, được thăng chức Binh bộ Thượng thư. Năm Tân Hợi, được thăng Thị lang đại học sỹ, lại ban Dực vận công thần. Năm Nhâm Tý, kiêm Quốc sử thư Tổng tài. Năm Quý Sửu, niên hiệu Cảnh Thịnh, sung làm Chánh sứ sang Thanh cầu phong. Đến Yên Kinh vào yết kiến, vua Thanh rất khen ngợi, các bậc sỹ đại phu trong triều vốn nghe tiếng cụ, không ai là không muốn được gặp mặt. Lần này sáng tác được tập thơ *Hoa trình gia ấn*.

Năm Đinh Ty, phụng mệnh trông coi việc san, tu Quốc sử. Nhân đó đem tác phẩm *Việt sử tiêu án* của Ngô Phong ra khắc in. Năm Mậu Ngọ, được giao trông coi Văn Miếu Bắc Thành. Khi đó trải qua sau cuộc loạn lạc, nhà Quốc học tiêu điều. Cụ cùng với Trấn tướng đo đạc, dựng lại từ vũ, sửa sang đền Khải thánh, học đường bên tả, bên hữu, cùng cửa lầu Thái học, quy chế nhà Quốc học hoàn toàn đổi mới. Vả lại, từ sau năm Đinh Mùi, phép thi cử đã bị bỏ từ lâu, học sỹ bốn phương ngày càng ít. Cụ kiến nghị khôi phục chế độ thi cử thời xưa. Mở khoa thi chọn kẻ sỹ. Người nắm quyền hành lúc bấy giờ, đại thể không ở chân khoa cử mà ra, nên gây khó khăn trở ngại nhiều. Cụ khéo léo, mềm dẻo, nói với các phiên phủ và các quan đại thần nắm giữ quyền hành, tạm thời mở khoa thi, một năm 4 tháng trọng, trường Quốc học, trường Trấn học định kỳ khảo phúc. Người nào trúng gọi là thượng hạ Khoá sinh, được miễn mọi phu phen tạp dịch. Văn phong bắt đầu được chấn chỉnh lại.

Năm Canh Thân, hộ nhi đèn nhang trong Văn Miếu thuộc giáp Minh Triết tôn cụ làm Hậu thần, cụ tự cho duệ hiệu “Long Biên thành thị đại ẩn sỹ.” Năm Nhâm Tuất, Quốc triều lên làm vua, cụ và Phan Huy Ích vì giúp Tây Sơn bị Đặng Trần Thường sai đánh đòn. Cụ mất vào ngày 16 tháng 2, năm Gia Long Quý Hợi (1803), thọ 58 tuổi.

Cụ tính rất hiếu kính. Thuở nhỏ Đan Nhạc ốm nặng, Ngọ Phong lại được gọi về kinh, cụ sáng tối hầu hạ bên hàng hơn tháng trời, không rời đi đâu nửa bước. Cụ Đan Nhạc lấy làm mừng lòng. Khi để tang Trinh Từ chính phu nhân, vừa khóc vừa học. Mọi việc làm theo lễ. Khi làm Hiến sát Hải Dương, Ngọ Phong làm quan ở Châu Hoan xa cách, mẹ kế Trang Chính thuận nhân ốm nặng, nằm ở kinh đô. Cụ từ nơi sảnh đường về phục thuốc chăm nom, Thuận nhân mất, lo liệu mọi việc rất chu đáo. Cụ Ngọ Phong rất lấy làm hài lòng. Khi cụ Ngọ Phong mất, tất cả các lễ lớn và việc tang tế, cụ đều hết sức hết của. Xem tập *Hào môn* sẽ thấy lòng thành khấn của cụ thể hiện ra cả ngoài lời nói.

Khi ở nhà, luôn răn bảo con cháu, cần cù đọc sách, đọc sử, cho là đời trọng kẻ văn nhân, không muốn cho con cháu chạy theo đường lợi, mang tiếng đến gia phong. Khi đi sứ Yên Kinh, chỉ lo sai lầm điều dạy bảo, cho nên trước khi đi, viết tập *Gia quy yếu ước* để khuyên bảo. Cửa nhà hoà mục, mọi người không nhân sơ hở mà chê trách. Tiền của chi dùng, tuyệt nhiên không suy bì, tính toán. Lòng hữu ái nổi tiếng, hơn tất cả mọi người trong làng xóm.

Đến như việc kinh bang tế thế, vốn có chí lớn, nhưng gặp phải đường đời trắc trở, ở vào cảnh vua tôi biến loạn, lòng thường nghĩ tới mà thấy đau xót.

Năm Canh Tý, phải trốn tránh, có làm bài văn trần tình cáo lên Tỉnh Vương. Tác phẩm bộ *Xuân Thu quản kiến*, lấy hai chữ “trung hiếu” làm gốc lớn lập thân. Khi làm quan với triều Tây Sơn, rất được tri ngộ, nhưng đó không phải điều vui trong lòng.

Mỗi khi nhàn rồi, đối với con em, không bao giờ không tỏ nỗi ta thán buồn tủi. Bị người ngoài ghen ghét với tài danh, nhìn chung quanh một đời, không cùng ai tâm đầu ý hợp. Bởi thế, mượn cửa Phật làm vui, phùng

Bích Câu nơi cụ ở mở ra Trúc lâm thiền viện, thuật hành trạng Tam tổ: Giác Hoàng, Pháp Loa, Huyền Quang mà thờ cúng. Cấp độ điệp cho em trai Huyền Trai làm Thượng túc đệ tử.

Khi ấy, mượn tiếng cùng chơi cửa Thiền như các ông Hải Hoà tăng, Hải Âu hoà thượng, đều tôn cụ làm Hải Lượng đại thiền sư, viết ra tập *Trúc lâm tông chỉ*, thuyết pháp gồm 24 chương, đầu đề *Thái chân viên giác thanh*. Lấy kiến thức hiện thân của Tam tổ tự nghĩ mà bình luận. Những lời nói ra đều là những nghĩa lý thuộc bản lĩnh. Chủ yếu là làm cho những người theo đạo Phật trở về với đạo Nho, đồng thời cũng ngụ ý mình vào đấy. Nỗi niềm gửi gắm rộng lớn mệnh mông của cụ, thì Tam Lư phải tán thán là Trùng Hoa. Những lời tự khen tự chê của cụ, thì Vương Đán phải tự cỏi áo thâm, Hứa Tử phải đề thơ trên mộ. Đó là những điều chỉ mình cụ lĩnh hội được.

Bình sinh học rộng và sâu, đến tuổi trung niên thì trái ngược hẳn với đời, thích ngao du cảnh giang hồ, sở đắc rất thâm thúy. Văn thơ đẹp đẽ phong phú, cốt cách hùng vĩ khác thường. Tất cả bản thảo đều ghi trong bộ *Văn phái*, lưu truyền ở đời.

Tằng thiếu Tổ tử mồ côi mẹ từ sớm, theo cụ Hoàng Phúc Nghiêm ra kinh đô. Khi đó cụ hầu trong phủ Chúa. Tổ tử ra vào trong cung cấm, Vương Thái phi thấy người có nhan sắc, mới sai nhận nuôi trong cung. Đến tuổi cài chân thì gả cho Tằng tổ ta. Khi về, thờ đích phu nhân rất cẩn thận, lễ phép với xóm họ, hoà thuận với người ngang hàng. Cụ Ngô Phong khi còn sống thường khen rằng: “Đức hạnh của con sau này đáng được hưởng phúc.”

Năm Nhâm Dần, gặp tai biến, cụ nương tựa vào nhà Huy Cung phu nhân ở Linh Đường. Phu nhân thường thử rằng: “Tướng quân gặp nạn, chưa biết ngày nào trở về, vẻ đẹp son phấn lo rằng khó có thể giữ nổi. Nếu

đội tướng quân thoát nạn, thì tình cảnh biệt ly này khổ không kể xiết. Ta muốn cải tiết cho nàng. Lời nói của ta cũng như lời nói của tướng quân vậy.” Tổ tỷ sầm nét mặt, tạ từ rằng: “Phu nhân hết lòng thương thiếp, thiếp đội ơn không bao giờ quên. Nghĩ rằng, thiếp được phụng thờ tướng quân, không ngờ gặp nạn mà vội cái giá, e rằng không hợp với nghĩa chuyên nhất. Thiếp dù có chết thể không bao giờ đi bước nữa.” Phu nhân từ đấy lại càng yêu kính.

Ở đó được tất cả 3 năm, lại trở về với Tằng tổ ta ở La Xuyên. Năm Kỷ Dậu, Tằng tổ nhận được chiếu vời của vua. Thì cũng năm đó, cha là cụ Phúc Nghiêm mất, việc tang tế, do một tay Tổ tỷ ta gánh đỡ. Năm sau công việc bang giao thành công, Tằng tổ vào triều yết kinh Phú Xuân, Tổ tỷ cùng đi, làm người trượng phu ngồi trên yên ngựa, thay phu quân trông coi việc tay hòm chìa khoá. Khi lâm nạn không từ tránh, thấy lợi lộc không siêu lòng, không kiêu căng, không sa xỉ, thực là bậc anh hùng trong giới nữ lưu.

Sau khi cuộc đời thay cũ đổi mới, gia đình ta gặp nhiều biến cố, Tổ tỷ chống bên phải, đỡ bên trái, gìn giữ cửa nhà, thân tự cây cầy, thuê dệt, để giúp thêm tiền phí tổn sách đèn cho Trang Nghị ta. Việc thờ cúng từ đường, lễ vật hàng năm, những công việc có quan hệ tới bản chi, Tổ tỷ đều kính cẩn làm, không hề nghĩ tới kia khác. Trong nhà nghèo túng rỗng không, nhưng ngoài nhìn vào, thì như là rất khá giả, không ai biết được sự túng nghèo của gia đình cả.

Kính chép chi thứ

Tằng tổ huý Chí, tự Học Tồn, hiệu Uyên Mật, là em trai cụ Đạt Hiên ta, đỗ á nguyên Hương tiến, làm quan tới Thiêm thư bình chương sự. Khi gặp loạn Tây Sơn, cùng với văn thần Trần Danh Án, Vũ Trinh, theo vua Chiêu Thống chạy đến huyện Chí Linh, rồi dâng kế hoạch trung hưng (xem *An Nam nhất thống chí*), sau đó, thừa lệnh lên Lạng Sơn chiêu tập các

phiên thân, mới đến huyện Phượng Nhãn thì ốm nặng, phải dâng biểu xin nghỉ để điều dưỡng.

Vua xem biểu xong, nét mặt khác hẳn, ban cho bạch kim để thuốc thang chạy chữa, ít lâu sau, mất ở huyện Gia Bình. Danh Án đem sự việc tâu lên, vua rơi nước mắt, than rằng: “Mất một bề tôi trung thành.” Rồi tự tay viết tờ chiếu tặng tước Dụ Trạch bá. Tác phẩm có *Thi văn tập*, *Tân đàm tâm kính*, và 7 hồi *An Nam nhất thống chí*.

Phu nhân Trần thị, hiệu Từ Tuyên, sinh 2 trai, 1 gái (con gái về làm dâu họ Trịnh ở Phù Đổng, huyện Tiên Du, sinh con trai là Trịnh Đường, đỗ Cử nhân, làm quan Tuần phủ. Nay Trịnh Lệ là chất tăng tôn của cụ). Con trai trưởng huý Lữ, con trai út huý Sùng.

Lữ tự Bằng Phủ (lấy bà Nhuận, cháu gái Thượng thư Trần Huy Thành, người làng Bảo Triện), làm quan tới Hải Dương Hiệp trấn, tước Ứng Phong hầu. Tác phẩm có *Ngô sào thi tập*. Sinh 1 trai, 3 gái (Một người con gái lấy Thượng thư họ Phan ở Thụy Khê, một người con gái lấy Thiếu khanh họ Trần ở Bảo Triện), người con trai huý Gián, tự Tuân Phủ, bổ chức Hàn lâm viện ngự, sinh 3 trai, trưởng Thảng (Thảng sinh 3 trai: Kiện, Phiến, Tiện). Con trai thứ huý Bá, sinh được 3 trai: Tốn, Tật, Như. Con trai út huý Trọng, sinh 2 trai: Hợp, Hội.

Sùng tự Hy Lượng, sinh 3 trai, trưởng Nhân (Nhân sinh 3 trai: Trấn, Ninh, Tác). Con thứ Lượng (Lượng sinh 1 trai Hào). Con trai út Phó, không có con.

Thứ Tăng tổ huý Điện, sau đổi Duy Cần, tự Nghiệp Quảng, lại tự Hy Kiều, là em trai thứ 2 cụ Đạt Hiên ta, được cụ Văn Túc nuôi làm con thừa tự, đỗ Hương tiến khoa Quý Mão, không có con, được tòng tự tại đền Diễn Trạch.

Thứ thứ Tăng tổ huý Trí, tự Dưỡng Hạo, là em trai thứ 3 cụ Đạt Hiên ta, quan Hộ bộ Hữu thị lang, tước Bính Phong hầu. Tác phẩm có Thi văn tập. Sinh 3 trai, trưởng huý Trực (sinh 3 gái), con gái thứ huý Thiệu, con gái út huý Quỳ. Thiệu sinh 3 trai, trưởng Liêu (sinh 1 trai Thiến), trai thứ Hân (sinh 1 trai Quýnh), con trai út huý Ái, không có con.

Quỳ hiệu Mai Nhạc, có tài làm văn, sinh 2 trai, trưởng Vũ (sinh 1 trai Khiết). Con trai thứ Long, không có con.

Thứ thứ thứ Tăng tổ huý Hoàng, đổi Tịnh, hiệu Huyền Trai, là em trai thứ 4 cụ Đạt Hiên ta, đỗ Tú tài khoa Đinh Mão. Tác phẩm có Thơ văn tập, lưu truyền ở đời. Sinh được 1 gái.

Thứ thứ thứ thứ Tăng tổ, huý Hương, đổi Vị, tự Thành Phủ, hiệu Ước Trai, là em trai thứ 5 cụ Đạt Hiên ta, quan tới Lại bộ Tả tham tri, tước Phong Khê hầu. Năm Canh Thìn niên hiệu Minh Mệnh, được sung làm Chánh sứ trong sứ bộ sang nhà Thanh cầu phong, giữa đường thì mất. Tác phẩm có Thi văn tập, lưu truyền ở đời. Thọ 47 tuổi, giỗ ngày 27 tháng 11. Phu nhân họ Lưu, hiệu Trang Khiết, sinh 2 trai. Con trưởng Ngũ, hiệu Thông Nghị, tự Tam Phủ. Con trai thứ Nùng, sinh được 1 trai Uyên.

Ngũ bổ chức Thông phán, sinh 1 trai Trước, nay ở tỉnh Nghệ An (không rõ phủ, huyện, xã, đời tra cứu sau).

第十四代

第十四代顯少祖考，國子監生，吳公字子是，號養軒，諡莊毅先生，及妣依夫職吳公正室，張貴氏諡慈順徽人。

祖考諱傲，別號花林散人，光中四年壬子閏四月，二十二日子時生，明命十一年，九月初八日卯時終，壽三十九。

祖妣諱臻，青泥人，光中壬子生，賜丙戌科進士，特進金子榮祿大夫，王府陪從平章事，工部尚書，建川侯，張相公字文雅先生之第五女。

次室嫺慎孺人，鄭氏所生也。年十五歸我祖考，生三男二女。長男寬甫公，季男威甫公，我先考其仲男也。嗣德元年二月二十八日終，壽五十七。

行狀略說

祖考初從靖齋公啓蒙，繼從剛毅公就學于溪桑。又從靈塘鄉貢阮先生請業，因設館於龍珠。辛未奔張相公喪，因與諸姻兄學詩，時有警句。壬寅與全甫公從玄齋公于石塢肄習。甲戌從玄齋公遊諒。時成甫公官此，祖考因來謁，得見午峰公神峒，有詩二十餘題。其月玄齋公病終，護喪回貫。著有諒行記事。間常求我曾祖公遺麓，得所藏名公諸詩。名曰金玉元音，序之以爲家寶。

乙亥與參甫公見左溪阮夫子。丁丑從成甫公來京，到三疊有寓嘲詩。時在京富，奉色命，成甫公詳閱東華錄兼督謄寫，公命代之。書成呈進稱旨。成甫公以我祖考代行奏知，奉賞龍紗衣一襲，召補令史司首合，啓辭獲允。時每見北人奔兢恥之，有觀漁記，成甫公甚器之。京回遂與全甫公就正瑞圭潘丈公。尋見督學渤上進士黎夫子。庚辰居我曾少祖妣喪，有坤貞錄。壬午詔求遺逸，縣官崔召，辭以喪不應。時族紳諸公繼沒，祖考有過橋之想，設帳于安永阮誰家。

乙酉再就城，與黃復軒同學。丙戌應省舉赴京，承充國子監生。尋奉敕問：係有家藏本國歷代典籍，及諸家文字，準聽呈進。再奉賞銀五十兩，白絹十疋，領給回貫。丁亥撰將書籍申納事青，適有僞名與姓貫相符，刑部參劾，奉諭：該讀書人，豈不識理，而犯刑家之事。降旨優肆。時曹官武侯慰問，因厚饋之。後因病有自述詩。尋與東平黃志友親兄泛舟南海，有南遊詩集。其年北城副鎮官奉旨推問大蠻事跡，具書呈納，復就安永教館。時先侶縣宰武道溪以公事相值，因與

優遊月餘，有夜澤賦記諸作。奉公官吏聞者，皆問津焉。今有詩文集行世。

祖妣以海伴貴盛之家，歸我先祖逮事姑，恭順日至。每見尊長及弟侄，必以禮遇之。先祖時屯于遇，方舟深淺，處之泰然，隱有慈正徽人風度。先祖歸隱後，家計日嗇，香火之奉，服食之需，惟針線取辦。終不以貧約干人。又能勗我先考，及我諸父，學業于成，男室女家，母兼父道。噫！以相門女爲相門婦，我高祖所謂：壺德可誦。於我祖妣見之。

恭錄長次各支

祖伯考諱僊，字敬甫號靖齋，功臣胄國子監上監生，是我莊毅公嫡長兄。所著有詩文。

正室張氏號仁慈，是我慈順徽人之娣，生四男，長諱健字直卿。次諱做（乏嗣），次諱俏，號海定，字似翁（生二女），季諱信，字常卿，號敦敏。

次祖伯考諱儀，字用吉，號文溪，是我莊毅公嫡次兄，以景興三十七年，丙申夏四月十五日生，景盛元年癸丑夏五月初五日卒。嘗顯神于芙蓉（縣名屬快

州府)之安球村，民請祠祀(祠名先根)。我達軒公爲置祀田，以供歲時香火。後蒙封上等福神，奎垣秀發聰穎剛明英毅雄斷文莊大王。墓葬塢試外處(有石誌)，公無所出。初我莊毅公奉主祀事，後族議弟承兄後，昭穆舛序，遂以我叔考威甫公繼之。

次祖伯考諱價，字一之，號剛毅，昭文館國子課生，以景興壬寅，九月十五日生，嘉隆己巳，十月二十五日卒，是我莊毅公同母兄。公三擇配，並無所出。墓與正室阮氏號恬敏，安隴進士阮夫子之女，正月十五日忌。

祖叔考諱什，字全甫，諡明敏，是我莊毅公同母弟，十月二十三日忌。初納溪桑人阮氏未，生一男佰，極聰明。戊申之歲，不知下落。後擇正配，生一女簪。

PHIÊN ÂM:

ĐỆ THẬP TỬ ĐẠI

Đệ thập tử đại hiển thiếu tổ khảo, Quốc tử giám sinh, Ngô công tử Tử Thi, hiệu Dưỡng Hiên, thụy Trang Nghị tiên sinh, cập tử y phu chức Ngô công chính thất, Trương quý thị thụy Từ Thuận huy nhân.

Tổ khảo huy Hiệu, biệt hiệu Hoa Lâm tản nhân, Quang Trung tứ niên Nhâm Tý nhuận tứ nguyệt, nhị thập nhị nhật Tý thời sinh, Minh

Mệnh thập nhất niên, cửu nguyệt sơ bát nhật Mão thời chung, thọ tam thập cửu.

Tổ tỷ huy Nhu Thanh Nê nhân, Quang Trung Nhâm Tý sinh, tứ Bính Tuất khoa Tiến sĩ, Đặc tiến kim tử vinh lộc đại phu, Vương phủ Bồi tụng Bình chương sự, Công bộ Thượng thư, Kiến Xuyên hầu, Trương tướng công tự Văn Nhã tiên sinh chi đệ ngũ nữ.

Thứ thất Nhân Thân nhụ nhân, Trịnh thị sở sinh dã. Niên thập ngũ quy ngã tổ khảo, sinh tam nam nhị nữ. Trưởng nam Khoan Phủ công, quý nam Uy Phủ công, ngã tiên khảo kỳ trọng nam dã. Tự Đức nguyên niên nhị nguyệt nhị thập bát nhật chung, thọ ngũ thập thất.

Hành trạng lược thuyết

Tổ khảo sơ tòng Tỉnh Trai công khai mông, kế tòng Cường Nghị công tụt học vu Khê Tang. Hựu tòng Linh Đường Hương cống Nguyễn tiên sinh thỉnh nghiệp, nhân thiết quán ư Long Châu. Tân Vị bốn Trương tướng công tang, nhân dữ chư nhân huynh học thi, thời hữu cảnh cú. Nhâm Dần dữ Toàn Phủ công tòng Huyền Trai công vu Thạch Ổ dị tập. Giáp Tuất tòng Huyền Trai công du Lạng. Thời Thành Phủ công quan thử, tổ khảo nhân lai yết, đắc kiến Ngô Phong công thân động, hữu thi nhị thập dư đề. Kỳ nguyệt Huyền Trai công bệnh chung, hộ tang hồi quán. Trước hữu Lạng hành ký sự. Gian thường cầu ngã tăng tổ công di lộc, đắc sở tàng danh công chư thi. Danh viết Kim ngọc nguyên âm, tự chi dĩ vi gia bảo.

Ất Hợi dữ Tham Phủ công kiến Tả Khê Nguyễn phu tử. Đinh Sửu tòng Thành Phủ công lai kinh, đáo Tam Điệp hữu ngụ trào thi. Thời tại kinh phú, phụng sắc mệnh, Thành Phủ công tường duyệt đông hoa lục kiêm đốc đảng tả, công mệnh đại chi. Thư thành trình tiến xứng chỉ. Thành Phủ công dĩ ngã tổ khảo đại hành tấu tri, phụng thường long sa y nhất tập, triệu bổ Lệnh sử ty thủ hợp, khai từ hoạch đoãn. Thời mỗi kiến bắc nhân bốn

căng sỉ chi, hữu quan ngư ký, Thành Phủ công thậm khí chi. Kinh hồi toại dữ Toàn Phủ công tịu chính Thuy Khuê Phan Trọng công. Tâm kiến Đốc học Bột Thượng Tiến sĩ Lê phu tử. Canh Thìn cư ngã tăng thiếu tổ tỷ tang, hữu khôn trình lục. Nhâm Ngọ chiếu câu di dật, huyện quan thôi triệu, từ dĩ tang bất ứng. Thời tộc thân chư công kế một, tổ khảo hữu quá kiêu chi tướng, thiết trường vu An Vĩnh Nguyễn Thuý gia.

Ất Dậu tái tịu thành, dữ Hoàng Phục Hiên đồng học. Bính Tuất ứng tỉnh cử phó kinh, thừa sung quốc tử giám sinh. Tâm phụng sắc vấn: Hệ hữu gia tàng bản quốc lịch đại điển tịch, cập chư gia văn tự, chuẩn thánh trình tiến. Tái phụng thưởng ngân ngũ thập lạng, bạch quyền thập sát, lãnh cấp hồi quán. Đinh Hợi soạn tương thư tịch thân nạp sự thanh, thích hữu nguy danh dữ tính quán tương phù, Hình bộ tham hặc, phụng dụ: Cai độc thư nhân, khởi bất thức lý, nhi phạm hình gia chi sự. Giáng chỉ ưu tứ. Thời tào quan Vũ hầu uỷ vấn, nhân hậu quý chi. Hậu nhân bệnh hữu tịu thuật thi. Tâm dữ Đông Bình Hoàng Chí Hữu thân huynh phiếm chu nam hải, hữu Nam du thi tập. Kỳ niên Bắc Thành Phó trấn quan phụng chỉ suy vấn đại man sự tích, cụ thư trình nạp, phục tịu An Vĩnh giáo quán. Thời Tiên Lữ huyện Tế Vũ Đạo Khê dĩ công sự tương tri, nhân dữ ưu du nguyệt dư, hữu Dạ Trạch phú ký chư tác. Phụng công quan lại văn giả, giai vấn tân yên. Kim hữu Thi văn tập hành thế.

Tổ tỷ dĩ Hải Bạt quý thịnh chi gia, quy ngã tiên tổ đãi sự cô, cung thuận nhật chí. Mỗi kiến tôn trưởng cập đệ diệt, tất dĩ lễ ngộ chi. Tiên tổ thời truân vu ngô, phương chu thâm thiên, xử chi thái nhiên, ản hữu Từ Chính huy nhân phong độ. Tiên tổ quy ản hậu, gia kế nhật sắc, hương hoả chi phụng, phục thực chi nhu, duy châm tuyến thủ biện. Chung bất dĩ bản ước can nhân. Hữu năng trợ ngã tiên khảo, cập ngã chư phụ, học nghiệp vu thành, nam thất nữ gia, mẫu kiêm phụ đạo. Y! Dĩ tướng môn nữ vi tướng môn phụ, ngã cao tổ sở vị: Hồ đức khả tụng. Ư ngã tổ tỷ kiến chi.

Cung lục trưởng thứ các chi

Tổ bá khảo huy Điển, tự Kính Phủ hiệu Tĩnh Trai, Công thần trụ quốc tử giám sinh, thị ngã Trang Nghị công đích trưởng huynh. Sở trước hữu thi văn.

Chính thất Trương thị hiệu Nhân Từ, thị ngã Từ Thuận huy nhân chi đệ, sinh tử nam, trưởng huy Kiện tự Trực Khanh. Thứ huy Tố (pháp tự), thứ huy Tiêu, hiệu Hải Định, tự Tự Ông (sinh nhị nữ), quý huy Tín, tự Thường Khanh, hiệu Đôn Mẫn.

Thứ tổ bá khảo huy Nghi, tự Dụng Cát, hiệu Văn Khê, thị ngã Trang Nghị công đích thứ huynh, dĩ Cảnh Hưng tam thập thất niên, Bính Thân hạ tử nguyệt thập ngũ nhật sinh, Cảnh Thịnh nguyên niên Quý Sửu hạ ngũ nguyệt sơ ngũ nhật tốt. Thường hiển thần vu Phù Dung (huyện danh thuộc Khoái Châu phủ) chi An Cầu thôn, dân thỉnh từ tự (từ danh Tiên Căn). Ngã Đạt Hiên công vi trí tự điền, dĩ cung tuế thời hương hoá. Hậu môn phong Thượng đẳng phúc thần, khuê viên tú phát thông dinh cương minh anh nghị hùng đoán văn trang Đại vương. Mộ táng Mả Thị Ngoại xứ (hữu thạch chí), công vô sở xuất. Sơ ngã Trang Nghị công phụng chủ tự sự, hậu tộc nghị đệ thừa huynh hậu, chiêu mục suyễn tự, toại dĩ ngã thúc khảo Uy Phủ công kế chi.

Thứ tổ bá khảo huy Quán, tự Nhất Chi, hiệu Cương Nghị, Chiêu văn quán Quốc tử khoá sinh, dĩ Cảnh Hưng Nhâm Dần, cửu nguyệt thập ngũ nhật sinh, Gia Long Kỷ Ty, thập nguyệt nhị thập ngũ nhật tốt, thị ngã Trang Nghị công đồng mẫu huynh. Công tam trạch phối, tịnh vô sở xuất. Mộ dữ chính thất Nguyễn thị hiệu Diễm Mẫn, An Lũng Tiến sĩ Nguyễn phu tử chi nữ, chính nguyệt thập ngũ nhật kỵ.

Tổ thúc khảo huy Thập, tự Toàn Phủ, thụy Minh Mẫn, thị ngã Trang Nghị công đồng mẫu đệ, thập nguyệt nhị thập tam nhật kỵ. Sơ nạp

Khê Tang nhân Nguyễn Thị Vĩ, sinh nhất nam Bách, cực thông minh. Mậu Thân chi tuế, bất tri hạ lạc. Hậu trạch chính phối, sinh nhất nữ Trâm.

DỊCH NGHĨA:

ĐỜI THỨ MƯỜI BỐN

Hiển thiếu Tổ khảo đời thứ mười bốn là Ngô công, Quốc Tử Giám sinh, tự Tử Thị, hiệu Dưỡng Hiên, thụy Trang Nghị tiên sinh. Và chính thất gọi theo chức cụ ông là Trương quý thị, thụy Từ Thuận huy nhân.

Tổ khảo huy Hiệu, biệt hiệu Hoa Lâm tản nhân, sinh giờ Tý, ngày 22 tháng 4 nhuận năm Nhâm Tý, niên hiệu Quang Trung thứ 4 (1792), mất giờ Mão ngày mùng 4 tháng 9, niên hiệu Minh Mệnh thứ 11 (1830), thọ 39 tuổi.

Tổ tỷ huy Nhu, người làng Chi Nê, sinh năm Nhâm Tý, niên hiệu Quang Trung (1792), con gái thứ 5 cụ Trương tướng công, tự Văn Nhã tiên sinh, Tiến sĩ khoa Bính Tuất, ban Đặc tiến kim tử vinh lộc đại phu, Vương phủ bồi tụng, Bình chương sự, Công bộ Thượng thư, tước Kiến Xuyên hầu.

Thứ thất Nhân Thận nhụ nhân, do cụ bà họ Trịnh sinh ra, năm 15 tuổi kết duyên với Tổ khảo ta, sinh 3 trai 2 gái. Con trai trưởng Khoan Phủ, con trai út Uy Phủ. Cha ta là con trai thứ 2. Mất ngày 28 tháng 2, niên hiệu Tự Đức nguyên niên, thọ 57 tuổi.

Sơ lược về hành trạng

Tổ khảo thuở nhỏ được cụ Tỉnh Trai dạy võ lòng, sau đó theo học cụ Cương Nghị ở Khê Tang. Sau lại theo học Nguyễn tiên sinh, đỗ Hương cống ở Linh Đường, nhân mở trường dạy học ở Long Châu. Năm Tân Mùi, về chịu tang cụ Trương tướng công, nhân cùng với các anh vợ học thơ, thường có những câu rất điêu luyện. Năm Nhâm Thân, cùng với Toàn Phủ công

theo học cụ Huyền Trai ở Thạch Ổ. Năm Giáp Tuất, theo Huyền Trai lên Lạng Sơn. Khi đó Thành Phủ công làm quan ở đó. Tổ khảo nhân vào thăm, được thấy thần động của cụ Ngộ Phong, có thơ hơn 20 bài. Tháng đó cụ Huyền Trai bị bệnh mất, Tổ khảo cùng lo liệu đưa đám về quê, có viết tập *Lạng Sơn ký sự*. Đôi khi tìm tủ sách cũ của Tằng tổ ta, thấy các bài thơ của các danh nhân, đều là “Kim ngọc nguyên âm,” để vào lời tựa để làm vật quý trong nhà.

Năm Ất Hợi, cùng Tham Phủ công đến yết kiến Nguyễn phu tử ở làng Tả Khê. Năm Đinh Sửu, theo Thành Phủ công về kinh. Khi qua núi Tam Điệp có bài thơ trào phúng. Khi ngụ ở kinh đô, phụng sắc sai Thành Phủ công duyệt kỹ cuốn *Đông hoa lục* và kiêm việc viết cho chân phương. Tổ khảo được giao viết thay. Viết xong, dâng lên được vừa ý vua. Thành Phủ công tâu việc làm thay đó lên, được vua ban thưởng 1 bộ áo the thêu rồng, cho bổ chức Lệnh sử tư thủ hợp. Tổ khảo dâng khải từ chối, được chấp thuận. Lúc đó mỗi khi thấy người xứ Bắc đua nhau tranh cạnh, thì ghét lắm. Có viết bài “Quan ngư ký,” Thành Phủ công rất lấy làm khen ngợi.

Từ kinh đô trở về, cùng với Toàn Phủ đến học ông dượng họ Phan ở Thụy Khê. Ít lâu sau, lại đến yết kiến quan Đốc học, Tiến sĩ Lê phu tử ở làng Bột Thượng. Năm Canh Thìn, về chịu tang cụ thiếu Tằng tổ tỷ, có tập *Khôn trình lục*. Năm Nhâm Ngọ, có chiếu chỉ cầu các vị còn ẩn dật, quan huyện cho gọi, những Tổ khảo từ chối vì đang có tang nên không ra. Khi đó các ông thân sỹ trong họ kế tiếp nhau qua đời, Tổ khảo có ý qua cầu thoát nạn, tới mở trường học tại nhà ông Nguyễn Thuý, xã Yên Vĩnh.

Năm Ất Dậu, lại về thành cùng học với Hoàng Phúc Hiên. Năm Bính Tuất, thi ở tỉnh rồi về kinh đô sung vào Quốc tử giám sinh. Nhân vâng sắc truyền rằng: “Nhà nào có công tàng trữ sách vở điển chương của các triều trước ở nước ta và văn chương của các nhà, cho phép dâng lên.” Tổ khảo được ban thưởng 50 lạng bạc và 10 tấm lụa trắng cho mang về quê.

Năm Đinh Hợi, sửa soạn đem sách vở lên nộp, công việc hoàn thành, bỗng gặp trường hợp có tên giả làm trùng họ, trùng tên, quê quán. Bộ Hình tâu hặc lên: “Người đọc sách há không hiểu lý lẽ, mà dám phạm vào công việc của bộ Hình.” Xuống chiếu xử rất nặng. Khi đó Tào quan là Vũ Hân an ủi, nhân đem biếu rất hậu. Sau nhân lúc ốm, có làm bài thơ tự thuật. Ít lâu sau, cùng với người bạn của thân huynh là Hoàng Chí ở Đông Bình chơi thuyền ở bể nam, có tập thơ *Nam du* để lại.

Năm ấy, quan Phó trấn Bắc Thành kính vâng sắc chỉ, xét hỏi sự tích rợ Đại Man, Tổ khảo sau khi viết xong, trình dâng lên, lại tới giáo quán ở Yên Vĩnh. Khi đó, quan huyện Tiên Lữ Vũ Đạo Khê, vì có việc công mà gặp Tổ khảo, nhân 2 người cùng vui chơi hơn tháng trời, có làm phú và bài ký về đầm Dạ Trạch, được các quan nghe xong, đều khen ngợi. Các tập thơ, văn nay còn được lưu truyền ở đời.

Tổ tỷ là con nhà giàu sang phú quý ở Hải Bạt, khi kết duyên với Tổ khảo ta, phụng sự mẹ chồng, kính thuận hết nhẽ, đối đãi với anh em, con cháu rất đúng lễ. Tổ khảo khi ấy gặp cảnh ngộ gian truân, Tổ tỷ lựa chiều xoay giúp, xử sự vẫn vui vẻ, hơi có phong độ của cụ Từ Chính huy nhân. Sau khi Tổ khảo qua đời, cuộc sống trong nhà ngày càng eo hẹp. Việc hương khói cúng thờ, cơm ăn áo mặc, đều trông vào nghề vá may, suốt đời không vì nghèo túng mà cầu cạnh người khác. Hơn nữa còn khuyên dạy cha ta và các cha chú, học hành thành đạt, gầy dựng trai có vợ, gái có chồng. Làm mẹ lại kiêm cả làm cha. Ôi! Con gái nhà quan, làm dâu nhà quan, cụ Cao tổ ta có câu: “Phúc đức trong bụng the, có thể ca tụng,” Tổ tỷ ta đang thể hiện đúng điều đó.

Kính chép các chi trưởng và chi thứ

Tổ bá khảo (ông bác cả), huý Điển, tự Kính Phủ, hiệu Tĩnh Trai, là con cả vị công thần, hàng thượng Giám sinh Quốc Tử Giám, là anh cả ông Trang Nghị ta. Sáng tác có tập Thơ văn.

Chính thất họ Trương, hiệu Từ Nhân, là em Từ Thuận huy nhân ta, sinh 4 trai. Trưởng huý Kiện, tự Trục Khanh, thứ huý Tổ, không có con, thứ 3 huý Tiến, hiệu Hải Định, tự Tự Ông (sinh 2 gái). Con trai út huý Tín, tự Trường Khanh, hiệu Đôn Mẫn.

Thứ Tổ bá (Ông bác thứ), huý Nghi, tự Dụng Cát, hiệu Văn Khê, là anh thứ 2 ông Trang Nghi ta. Sinh ngày 15 tháng 4, mùa hạ năm Bính Tuất, niên hiệu Cảnh Hưng thứ 37 (1776), mất ngày mùng 5 tháng 5, mùa hạ năm Quý Sửu, niên hiệu Cảnh Thịnh nguyên niên. Thường hiển linh ở thôn An Cầu, huyện Phủ Cù, phủ Khoái Châu, nhân dân ở đó xin lập đền thờ (tên đền Tiên Căn). Cụ Đạt Hiên đặt ruộng thờ, để năm tháng đèn nhang. Sau được phong: “Thượng đẳng phúc thần, Khuê viên tú phát, Thông dinh cương ninh, Anh nghị hùng đoán, Văn tráng Đại vương.” Mộ táng ở xứ Mả Thí Ngoại (có dựng bia), không có con. Lúc đầu do ông Trang Nghi ta thờ cúng, sau trong họ bàn để em thờ sau anh, là làm sai thứ tự hàng chiêu hàng mục, bèn để cho chú ta là Uy Phủ kế nối thờ cúng.

Thứ Tổ bá khảo (Ông bác thứ 3), huý Quán, tự Nhất Chi, hiệu Cương Nghi, là Quốc tử giám sinh ở Chiêu văn quán, sinh ngày 15 tháng 9 năm Nhâm Dần, niên hiệu Cảnh Hưng, mất ngày 25 tháng 10 năm Kỷ Ty, niên hiệu Gia Long. Là anh cùng mẹ với ông Trang Nghi ta, 3 lần lấy vợ, nhưng đều không có con. Mộ cùng táng với bà chính thất, họ Nguyễn, hiệu Diễm Mẫn, là con gái của Nguyễn phu tử, đỗ Tiến sĩ, người xã An Long, mất ngày 15 tháng Giêng.

Tổ thúc khảo (ông chú), Huý Thập, tự Toàn Phủ, thụy Minh Mẫn, em cùng mẹ với ông Trang Nghi ta, mất ngày 23 tháng 10. Lúc đầu lấy con gái làng Khê Tang là Nguyễn Thị Mùi, sinh 1 trai, huý Bách, rất thông tuệ, năm Mậu Thân không biết đi đâu mất. Sau lấy bà kế, sinh 1 gái tên Trâm.

第十五代

第十五代顯考，文林居士吳貴公，字強甫號青川先生，及妣依夫職，吳貴公正室，阮貴氏，諡慈叔徽人。

先考諱偕，以嘉隆十七年戊寅，四月二十一日戌時生，嗣德三十四年，辛巳八月初四日辰刻終，壽六十四。

先妣諱稱，俗諱魯，嘉隆十八年己卯生，四安秀才明靜公之次女。

少祖妣慈薰，何氏所生也，配我先考，生三男二女（長女珮，紹治甲辰四月初四日生，歸美良縣隸目黎璉，諡忠靜，生男球、女鏗各一。嗣德庚辰五月二十三日，繼忠靜之訃而卒。我先考以慈和諡之。次女珮，嗣德丁巳，三月二十九日午時生，歸黎璉之弟黎惠，生男女各二）。長男侶，季男翕。我侑是仲男也，侑後改甲豆。嗣德六年癸丑，三月初一日辰刻生。

嗣德三十二年己卯，十一月十二日丑時，先妣捐幃，壽六十一歲。

行狀略說

先考初從堂兄直卿公學于青泥，繼從叔希亮公請業。後承從祖叔徵甫公，提學海陽，命來侯教。淵源之學，多於庭家得之。尋就正笑菑御史思夫黃先生。幾冠縣考甲項，識者以克繼先芬望之。其器識尤爲潘（諱輝詠官尚書）黃（諱廷專第進士）諸眷所雅重，笑菑之內村，快州之紫陽，仙侶之潮陽，是其初時所館也。後因范侍讀德馨公欽充應和府守，請于蒞講徒。尋館于范所居之易使，先嚴時猶屈然無倖意。辛酉秋選不第，欲有所隱焉。已而金牌舉人阮思善尹于美良，遂相訪屬蒞之高安（高部總，安場社）有嚴光寺頗清寂雅致，尹因召其邑之耆龐，令請于寺援徒，先考因隱于禪。每講暇輒與尹爲平章山水之遊，尹亦嘗以公餘來與觴詠其間。先考每思家艱，與自己歷涉之屯，往往以杯酒遣之。故其詩曰：

不才偏占此間區

時遣塵緣酒半壺

客有琴書棲白寺

景兼山水似瀛洲

清修未覺心爲佛

報應難將術惑愚

多少知音如見訝

曾聞三教說來無

諸所知者，時多訪焉。

其尹欽赴鳳翼，因輟講回鄉，集諸卿士之善者，立友善會（月以朔望會文，歲以春秋致濟）。甲子舉人阮週吉（諱文甲後官山西布政使）與焉。丁卯五十壽。道意詩有：鏡中斑艾今丁卯，門左懸弧昔戊寅之句。

邑議十科陳秀才（諱春慶）以家先正俱以寅命顯于朝，而先嚴獨屯，其和詩曰：公侯事業亦生寅。隱有望意，而實惜之。

時長子青齋學已有得，因爲於芳烈講業。庚午改館溪桑。壬申命築第崇德祠之西歸養。丙子春，威甫公卒于榔園之學堂，先考赴焉。館主香懇留代教，歲秒復還。戊寅欽值府貢，本省學政二甲進士武東汾先生舉知，先考時倦於應酬，不果赴。是年冬兒青齋命終。次年己卯先慈捐幃。塵途坎坷，晚年又培其初。庚辰江右鄉薦陶伯愷守國威，復邀於鳳格設帳，無何長

女慈和訃至。爲問滄桑幾下籌。東岸芙蕖阮秀士顯嘗
艱其遇，先嚴之遇寔艱矣。（先嚴窗課嘗和先嚴六十
壽詩有：

得聞甲子初經會，

爲問滄桑幾下籌）。

先嚴爲人清雅，和氣滿容，十三歲而孤，事慈順
徽人，日加謹恪。戊申居憂，動以禮清自守，性至友
愛，遇諸昆弟，善相勸惡相規，終始無間，人無不可與
交。然內存耿介，其所心可者，誠信相孚，不以崖岸自
高，尤於緩急處見情。

平生爲學精緻，其詩文典雅有法，失於散逸。今
存松窗遺韻詩集。

先慈既簪之三歲始歸家君，逮事慈順徽人，恭順
日至，徽人辭堂，始當閫政。家時至貧，葬祭之禮，兒
子學業得成，先考詔之，先慈有力焉。

其事諸尊長必以禮，其遇諸弟侄則以恩。凡所應
接，無溪曲，無爭競，雖事有不平，終不厲聲色。我高
祖所謂壺德可誦，家慈以之。

恭錄長次二支

先伯考寬甫公諱倣號張軒，是我先考青川公之兄。嘉隆丙子五月十四日生，嗣德戊申七月初五日卒。生男諱倣乏嗣，女諱寅。

先叔考威甫公諱仗，諡敦樸，是我先考青川公之弟。明命癸未十月十三日生，娶安求阮道甫之妹爲配。

叔每諱朔，丁酉十一月初五日卯時生，辛酉七月十四日丑時卒，諡溫正。生男儀（生男儻），嗣德丙子春正月初三日終于園上（屬榔園社）學堂。

PHIÊN ÂM:

ĐỆ THẬP NGŨ ĐẠI

Đệ thập ngũ đại hiển khảo, Văn Lâm cư sĩ Ngô quý công, tự Cường Phủ hiệu Thanh Xuyên tiên sinh, cập tử y phu chức, Ngô Quý công chính thất, Nguyễn quý thị, thụy Từ Thúc huy nhân.

Tiên tổ khảo huy Giai, dĩ Gia Long thập thất niên Mậu Dần, tứ nguyệt nhị thập nhất nhật Tuất thời sinh, Tự Đức tam thập tứ niên, Tân Ty bát nguyệt sơ tứ nhật Thìn khắc chung, thọ lục thập tứ.

Tiên tử huy Xứng, tục huy Lúa, Gia Long thập bát niên Kỷ Mão sinh, Tự An Tứ tài Minh Tĩnh công chi thứ nữ.

Thiếu tổ tử Từ Huân, Hà thị sở sinh dã, phối ngũ tiên khảo, sinh tam nam nhị nữ (trưởng nữ Nhiễm Thiệu Trị Giáp Thìn tứ nguyệt sơ tứ nhật sinh, quy Mỹ Lương huyện Lê mục Lê Liễn, thụy Trung Tĩnh, sinh

nam Cầu, nữ Khanh các nhất. Tự Đức Canh Thìn ngũ nguyệt nhị thập tam nhật, kế Trung Tĩnh chi phó nhị tốt. Ngã tiên khảo dĩ Từ Hoà thụy chi. Thứ nữ Nhiễm, Tự Đức Đinh Ty, tam nguyệt nhị thập cửu nhật Ngọ thời sinh, quy Lê Liễn chi đệ Lê Huệ, sinh nam nữ các nhị). trưởng nam Bính, quý nam Ông. ngã Nội thị trọng nam dã, Nội hậu cải Giáp Dậu. Tự Đức lục niên Quý Sửu, tam nguyệt sơ nhất nhật Thìn khắc sinh.

Tự Đức tam thập nhị niên Kỷ Mão, thập nhất nguyệt thập nhị nhật Sửu thời, tiên tỷ quyên vi, thọ lục thập nhất tuế.

Hành trạng lược thuyết

Tiên khảo sơ tòng đường huynh Trực Khanh công học vu Thanh Nê, kế tòng thúc Hy Lượng công thỉnh nghiệp. Hậu thừa tòng tổ thúc Trưng Phủ công, Đề học Hải Dương, mệnh lai hầu giáo. Uyên nguyên chi học, đa ư đình gia đắc chi. Tâm tậu chính Phù Lưu Ngự sử Tư phù Hoàng tiên sinh. Cơ quan huyện khảo giáp hạng, thúc giả dĩ khắc kế tiên phân vọng chi. Kỳ khí thúc vưu vi Phan (huý Huy Vỉnh quan Thượng thư) Hoàng (huý Đình Chuyên đệ Tiến sĩ) chư quyên sở nhĩ trọng. Phù Lưu chi Nội thôn, Khoái Châu chi Tử Dương, Tiên Lữ chi Triều Dương, thị kỳ sơ thời sở quán dã. Hậu nhân Phạm Thị độc Đức Hình công, khâm sung Ứng Hoà phủ thủ, thỉnh vu lý sở giảng đồ. Tâm quán vu Phạm sở cư chi dịch sử. Tiên nghiêm thời do khuất nhiên vô hãnh ý. Tân Dậu thu tuyển bất đệ, dục hữu sở ảm yên. Dĩ nhi Kim Bài Cử nhân Nguyễn Tư Thiện doãn vu Mỹ Lương, toại tương phỏng thuộc lý chi Cao An (Cao Bộ tổng, An Tràng xã) hữu Nghiêm Quang tự phả thanh tịch nhĩ trí, Doãn nhân triệu kỳ ấp chi kỳ bàng, lệnh thỉnh vu tự viện đồ, tiên khảo nhân ảm vu thiền. Mi hạ triếp dữ Doãn bình chương sơn thủy chi du, Doãn diệc thường dĩ công dư lai dữ vịnh kỳ gian. Tiên khảo mỗi tư gia gian, dữ tự kỷ lịch thiệp chi truân, vãng vãng dĩ bồi tửu khiển chi.

Cố kỳ thi viết:

Bất tài thiên chiếm thử nhàn khu,

Thời khiến trần duyên tửu bán hồ.

Khách hữu cầm thư thê bạch tứ;

Cảnh kiêm sơn thủy tự doanh châu.

Thanh tu vị giác tâm vi Phật;

Báo ứng nan tương thuật hoặc ngu.

Đa thiếu tri âm như kiến nhạ,

Tằng văn tam giáo thuyết lai vô.

Chư sở tri giả, thời đa phỏng yên.

Kỳ Doãn khâm phó Phương Dục, nhân xuyết giảng hồi hương, tập chư khanh sĩ chi thiện giả, lập Hữu thiện hội (nguyệt dĩ sóc vọng hội văn, tuế dĩ xuân thu trí tế). Giáp Tý cử nhân Nguyễn Chu Cát (húy Văn Giáp hậu quan Sơn Tây Bố chánh sứ) dữ yên. Đinh Mão ngũ thập thọ. Đạo ý thi hữu:

“Kính trung ban ngãi kim Đinh Mão,

Môn tả huyền hồ tích Mậu Dần” chi cú.

Ấp nghị thập khoa Trần Tú tài (húy Xuân Khánh) dĩ gia tiên chính câu dĩ Dân mệnh hiển vu triều, nhi tiên nghiêm độc truân, kỳ họa thi viết : “Công hầu sự nghiệp diệc sinh dân.” Ân hữu vọng ý, nhi thực tích chi.

Thời trưởng tử Thanh Trai học dĩ hữu đắc, nhân vi ư Phương Liệt giảng nghiệp. Canh Ngọ cải quán Khê Tang. Nhâm Thân mệnh trúc đệ Sùng Đức từ chi tây quy dương. Bính tý xuân, Uy Phủ công tốt vu Lang Viên chi học đường, tiên khảo phó yên. Quán chủ hương khẩn lưu đại giáo,

tuế sao phục hoàn. Mậu Dần khâm trị phủ cống, bốn tỉnh học chính Nhị giáp Tiến sĩ Vũ Đông Phần tiên sinh cử tri, tiên khảo thời quyen ư ứng thù, bất quả phó. Thị niên đông, nhi Thanh Trai mệnh chung. Thứ niên Kỷ Mão tiên từ quyen vi. Trần đồ kha khảm, văn niên hựu bồi kỳ sơ. Canh Thìn Giang Hữu Hương tiến Đào Bá Khải thủ Quốc Uy, phục yêu ư Phụng Cách thiết trưởng, vô hà trưởng nữ Từ Hoà phó chí. Vi vấn thương tang cơ hạ trù. Đông Ngạn Phù Lưu Nguyễn tú Sĩ Hiển Thường gian kỳ ngộ, tiên nghiêm chi ngộ thực gian hỹ (Tiên nghiêm song khoá thường hoá Tiên nghiêm lục thập thọ thi hữu:

Đắc văn Giáp Tý sơ kinh hội,

Vi vấn thương tang kỷ hạ trù).

Tiên nghiêm vi nhân thanh nhã, hoà khí mãn dung, thập tam tuế nhi cô, sự Từ Thuận huy nhân, nhật gia cần khác. Mậu Thân cư ư, động dĩ lễ thanh tự thủ, tính chí hữu ái, ngộ chư côn đệ, thiện tương khuyến ác tương quy, chung thủy vô gian, nhân vô bất khả dĩ giao. Nhiên nội tôn cảnh giới, kỳ sở tâm khả giả, thành tín tương phu, bất dĩ nhai ngạn tự cao, vưu ư hoãn cấp xử kiến tình. Bình sinh vi học tinh trí, kỳ thi văn điển nhã hữu pháp, thất ư tán dật. Kim tôn Tùng song di vận thi tập.

Tiên từ ký trâm chi tam tuế thủy quy gia quân, đãi sự Từ Thuận huy nhân, cung thuận nhật chí, huy nhân từ đường, thủy đương khốn chính. Gia thời chí bản, táng tế chi lễ, nhi tử học nghiệp đắc thành, tiên khảo chiếu chi, tiên từ hữu lộc yên.

Kỳ sự chư tôn trưởng tất dĩ lễ, kỳ ngộ chư đệ diệt tặc dĩ ân. Phàm sở ứng tiếp, vô khê khúc, vô tranh cạnh, tuy sự hữu bất bình, chung bất lệ thanh sắc. Ngã cao tổ sở vị hồ đức khả tụng, gia từ dĩ chi.

Cung lục trưởng thứ nhị chi

Tiên bá khảo Khoan Phủ công huý Cảnh hiệu Trương Hiên, thị ngã tiên khảo Thanh Xuyên công chi huynh. Gia Long Bính Tý ngũ nguyệt thập tứ nhật sinh, Tự Đức Mậu Thân thất nguyệt sơ ngũ nhật tốt. Sinh nam huý Thu pháp tự, nữ huý Dân.

Tiên thúc khảo Uy Phủ công huý Trương, thụy Đôn Phác, thị ngã tiên khảo Thanh Xuyên công chi đệ. Minh Mệnh quý Vị thập nguyệt thập tam nhật sinh, thú An Cầu Nguyễn Đạo Phủ chi muội vi phối.

Thúc dĩ huý Sóc, Đinh Dậu thập nhất nguyệt sơ ngũ nhật Mão thời sinh, Tân Dậu thất nguyệt thập tứ nhật Sửu thời tốt, thụy Ôn Chính. Sinh nam Nhị (sinh nam Nhất), Tự Đức Bính Tý xuân chính nguyệt sơ tam nhật chung vu Linh Thượng (thuộc Lang Viên xã) học đường.

DỊCH NGHĨA:

ĐỜI THỨ MƯỜI LĂM

Hiển khảo đời thứ mười lăm là Văn Lâm cư sỹ, Ngô quý công, tự Cường Phủ, hiệu Thanh Xuyên tiên sinh, và Tiên tỷ Nguyễn quý thị, thụy Từ Thúc huy nhân.

Tiên khảo huý Giai, sinh giờ Tuất ngày mùng 4 tháng 4 năm Mậu Dần niên hiệu Gia Long thứ 17 (1818), mất giờ Thìn ngày mùng 4 tháng 8 năm Tân Ty niên hiệu Tự Đức thứ 34 (1881), thọ 64 tuổi.

Tiên tỷ huý Xứng, tục huý Lúa, sinh năm Kỷ Mão niên hiệu Gia Long thứ 18 (1819), là con gái thứ Tú tài Minh Tĩnh người xã Tứ Yên, do bà họ Hà, hiệu Từ Huân sinh ra.

Cha mẹ ta sinh được 3 trai, 2 gái (Con gái cả Nhiễm, sinh ngày mùng 4 tháng 4 năm Giáp Thìn, niên hiệu Thiệu Trị, lấy người huyện

Lương Tài, tên Lê Liễn, thụy Trung Tĩnh, làm chức Lệ mục, sinh 1 trai, tên Cầu, 1 gái tên Khanh. Ngày 23 tháng 5 năm Canh Thìn, niên hiệu Tự Đức, ngay khi nhận được tin buồn Trung Tĩnh mất thì cũng mất luôn. Cha ta đặt tên thụy Từ Hoà. Con gái thứ cũng tên Nhiễm, sinh giờ Ngọ ngày 29 tháng 3, năm Đinh Ty niên hiệu Tự Đức, lấy em họ Lê Liễn là Lê Huệ, sinh 2 trai, 2 gái). Con trai trưởng Bính, con trai út Ông. Ta tên Nội là con trai thứ, sau đổi Giáp Đậu, sinh giờ Thìn ngày Mùng 1 tháng 3, năm Quý Sửu niên hiệu Tự Đức thứ 6 (1853).

Giờ Sửu ngày 12 tháng 11 năm Kỷ Mão, niên hiệu Tự Đức thứ 32 (1879), mẹ ta mất, thọ 61 tuổi.

Sơ lược về hành trạng

Tiên khảo thuở nhỏ theo người anh họ là Trực Khanh đi học ở làng Thanh Nê, rồi lại theo học người chú họ là Hy Lượng. Sau đó được ông chú họ Trung Phủ làm Đề học ở Hải Dương gọi lên để dạy bảo. Nguồn gốc học hỏi, phần nhiều là tiếp thu được ở sự dạy dỗ của gia đình, sau đó mới theo học quan Ngự sử Tư phu Hoàng tiên sinh người Phù Lưu. Mấy lần thi ở trường huyện đều đứng đầu. Người biết ra, đều hy vọng, cho rằng, có thể nổi được tiếng thơm của tiên tổ. Tài học của Tiên khảo rất được các ông họ ngoại là Phan Huy Vịnh (quan Thượng thư), Hoàng Đình Chuyên (Tiến sĩ) yêu mến và quý trọng. Thôn Nội ở Phù Lưu, Tử Dương ở Khoái Châu, Triều Dương ở Tiên Lữ là những nơi Tiên khảo dạy học. Sau nhân quan Thị độc họ Phạm là Đức Hình được bổ làm Trấn thủ phủ Ứng Hoà, mời tới phủ lý dạy học. Sau lại tới dạy ở làng Dị Sử quê ông Phạm ở. Khi đó cuộc đời của Tiên nghiêm còn éo le, nhưng không có ý cầu cạnh.

Mùa thu năm Tân Dậu, đi thi không đỗ, nên muốn tìm nơi ở ẩn. Thế nhưng ông Cử nhân làng Kim Bài là Nguyễn Tư Thiện bổ làm Tri huyện ở

Mỹ Lương, hỏi thăm được thôn Cao An thuộc huyện lỵ này (Thôn Cao An thuộc xã An Tường, tổng Cao Bộ), có chùa Nghiêm Quang cảnh rất thanh tịnh, bèn triệu tập các ông già trong ấp lại bảo mời Tiên khảo tới chùa dạy học. Tiên khảo nhân đó ở ẩn của Thiên. Mỗi khi giảng sách xong, lại cùng quan huyện ngâm vịnh cảnh nước non. Mỗi khi việc công rồi rãi, quan huyện cũng tới chùa uống rượu ngâm thơ. Tiên khảo mỗi khi nhớ tới cảnh nhà khó khăn và bước đường lận lộn gian truân của mình thì thường lấy chén rượu để tiêu khiển. Cho nên có thơ rằng:

Bất tài thiên chiếm thử nhàn khu,

Thời khiển trần duyên tiêu bán hồ.

Khách hữu cầm thư thê Bạch tự;

Cảnh kiêm sơn thủy tự Doanh Châu.

Thanh tu vị giác tâm vi Phật;

Báo ứng nan tương thuật hoặc ngu.

Đa thiếu tri âm như kiến nhạ,

Tằng văn Tam giáo thuyết lai vô.

(Bất tài, riêng chiếm khu nhàn tản này,

Tiêu khiển duyên trần, bằng nửa bầu rượu.

Khách có sách, đàn, đến ở chùa Bạch,⁽¹⁾

Cảnh kiêm sơn thủy, tựa Doanh Châu.⁽²⁾

Chưa có tâm giác ngộ, tu hành thành Phật;

Khó đem thuật báo ứng, mê hoặc người ngu.

Bao bạn tri âm như còn ngờ vực,

Từng nghe kinh Tam giáo⁽³⁾ nói ra chưa.

Các bậc hiểu biết thời đó, nhiều người tìm đến thăm hỏi.

Quan huyện họ Nguyễn được lệnh đổi đi Phượng Dực, nhân đó Tiên khảo thôi dạy trở về quê, tập hợp các bậc thiện sỹ trong làng lập thành Hội Hữu thiện (Hàng tháng mừng một và ngày rằm, đến hội văn. Hàng năm hai mùa xuân, thu thì tế lễ). Ông Đỗ Thu Cát, Cử nhân khoa Giáp Tý (huý Văn Giáp, sau làm Bố chính tỉnh Sơn Tây) cũng tham dự vào hội này.

Tiên khảo mất năm Đinh Mão, thọ 50 tuổi. Thơ tả ý chí có câu:

Kính trung ban ngải kim Đinh Mão,

Môn tả huyền hồ tích Mậu Dần.

(Trong gương, tóc dóm bạc, nay đã năm Đinh Mão,

Cung treo bên cửa trái, từ năm xưa Mậu Dần).

Bạn cùng thôn, ông họ Trần, Tú tài 10 khoa (huý Xuân Khánh), tự nghĩ Hiên khảo của ông cũng tuổi Dần, làm quan hiển hách trong triều, mà Hiên khảo ta thì gian truân vất vả, ông hoạ thơ có câu: “Công hầu sự nghiệp diệt sinh Dần” (Sự nghiệp công hầu cũng sinh năm Dần), ngầm có ngưỡng vọng mà rất lấy làm tiếc.

Khi ấy con trưởng Thanh Trai học đã thành đạt, dạy học ở làng Phương Liệt. Năm Canh Ngọ chuyển về dạy ở làng Khê Tang. Năm Nhâm Thân, sai làm nhà ở phía tây từ đường Sùng Đức, để về nuôi cha mẹ. Mùa xuân năm Bính Tý, Uy Phủ công mất ở học đường tại làng Lang Viên. Tiên khảo ta tới đó, chủ trọ là Hương Khẩn giữ lại để dạy thay, đến cuối năm mới trở về. Năm Mậu Dần, lấy Phủ cống, được Vũ Đông Phần tiên sinh, đỗ Nhị giáp Tiến sỹ, giữ chức Học chính tỉnh nhà, tiến cử. Tiên khảo khi đó mỗi một về việc thù ứng, chưa tới được. Mùa đông năm đó, con trai cả Thanh Trai mất, năm sau, Kỷ Mão, Tiên từ qua đời. Cuộc đời chật vật, khi về già lại tăng gấp hơn trước. Năm Canh Thìn, Đào Bá Khải người Giang

Hữu, đỗ Hương tiến, làm Tri phủ phủ Quốc Oai lại mời ra dạy học ở làng Phượng Cách. Chẳng bao lâu, có tin người con gái cả Từ Hoà mất. “Hỏi thẻ tang thương hạ mấy trù” là câu do Nguyễn Sỹ Hiền đỗ Tú tài, người làng Phù Lưu, huyện Đông Ngàn thương cho cảnh ngộ Tiên khảo gian nan vất vả (Sỹ Hiền bạn học với Tiên nghiêm, từng hoạ bài “Lục thập thọ,” của Tiên nghiêm, có câu:

Đắc văn Giáp Tý sơ kinh hội,

Vị vấn thương tang kỷ hạ trù.

Được nghe Giáp Tý vừa qua hội,

Hỏi kẻ thương tang hạ mấy trù)⁽⁴⁾

Tiên khảo là người thanh khiết, nhã nhặn, tính tình hiền hoà luôn lộ ra ở vẻ mặt. Năm 13 tuổi mồ côi cha, phụng sự Từ Tuyên phu nhân, ngày càng cung kính cẩn thận. Năm Mậu Thân, mọi việc làm đều giữ theo lễ, vốn lòng hữu ái, đối đãi với anh em, cùng khuyên làm điều thiện, bảo tránh xa điều xấu. Ăn ở vẫn là thuỷ chung, không ai là không kết giao được. Song trong lòng vẫn cứng rắn, người mà có thể chơi được thì hết lòng thành tin nhau, không bao giờ tự cao tự đại, càng thể hiện rõ nhất là lúc cấp bách, hay nhàn tản. Bình sinh học rất tinh tế, thơ văn tao nhã, có khuôn phép, sau bị thất lạc nhiều. Nay chỉ còn tập thơ *Tùng song di vận*.

Tiên từ sau tuổi cài trâm được 3 năm thì kết duyên với Tiên khảo, kịp phụng sự Từ Thuận huy nhân, cung kính hoà thuận rất mực, khi huy nhân mất mới đảm đương công việc gia đình. Khi đó cảnh nhà rất nghèo, tất cả đồ lễ vật khi tang tế, chỉ dùng về ăn mặc, Tiên từ đều lo liệu, tuyệt nhiên không tỏ ý vất vả. Nuôi nấng con cái hết đạo làm mẹ, khuyên chăm chỉ học hành. Con cái học được thành đạt, tuy do Tiên khảo dạy bảo, nhưng nhờ công lao nuôi nấng của Tiên từ.

Tiên từ chỉ những giữ lễ độ mà phụng sự bậc tôn trưởng, đem ơn huệ mà đối đãi với các con, các cháu, không có tranh cạnh. Dù gặp việc không hài lòng, cũng không bao giờ cau mặt cả tiếng. Cụ Cao tổ ta bảo là: “Có thể ca tụng đức ở khuê các,” mẹ ta đương được.

Kính chép chi trưởng và chi thứ

Tiên bá khảo Khoan Phủ, huý Cảnh, hiệu Trương Hiên, là anh Tiên khảo ta. Sinh ngày 14 tháng 5 năm Bính Tý, niên hiệu Gia Long (1816), sinh 1 trai Thu, Thu không có con, 1 con gái huý Dân.

Tiên thúc khảo Uy Phủ, huý Trương, thụy Đôn Phác, là em của Tiên khảo ta. Sinh ngày 30 tháng 10 năm Quý Mùi, niên hiệu Minh Mệnh (1823), lấy con gái Nguyễn Đạo Phủ, người Yên Vĩnh.

Người em thứ 2 của Tiên khảo huý Sóc, sinh giờ Mão ngày mùng 5 tháng 11 năm Đinh Dậu (1837), mất giờ Sửu ngày 14 tháng 7 năm Tân Dậu, thụy Ôn Chính, sinh 1 trai Nhị (Nhị sinh 1 trai Nhất), mất ngày mùng 3 tháng Giêng mùa xuân năm Bính Tý, niên hiệu Tự Đức tại trường học thôn Linh Thượng xã Long Viên.

CHÚ THÍCH:

1.Chùa Bạch (Bach tự): Chùa do triều Đường lập ra để sư Huyền Trang dịch Kinh Phật.

2.Doanh Châu, tương truyền nơi thần tiên ở.

3.Tam giáo: Gồm Nho, Đạo, Thích thờ chung lại, có kinh khuyên đời.

4.Thương tang: Xưa cho rằng, biển xanh 500 năm lại biến thành nương dâu, mỗi lần như thế lại dùng thẻ tre (trù) để đánh dấu. Sau “thương tang” hay “tang thương” dùng để chỉ sự biến đổi.

跋

禮：嫡子而後得爲譜，重宗法也。予次曷譜？

夫！譜所以著宗派序昭穆，道其先祖之善，以詔後世。譜之作重矣，寧以嫡次岐之？

雖然吾家世譜，著述以詳，曷重敘？

夫！我高祖午峰公所著之譜，雪齋公以上詳焉。

我祖伯靖齋公所述之譜，達軒公以上詳焉。

奉我少祖莊毅公，暨我先考強甫公，父子相承，已經易世。其學行之造詣，與平生之涉歷，及其生日忌時，壽年葬所，可或闕耶？

茲奉自肇祖福基公，妣慈慶徽人，至先考強甫公，妣慈淑徽人，歷敘世次，附之旁親，志不忘也。

噫！十五代之祖功宗德，特厚貽謀，千萬世之子孝孫賢，勉思食德。

第十六代孫甲豆拜書。

PHIÊN ÂM:

BAT

Lễ: Đích tử nhi hậu đắc vi phả, trọng tông pháp dã. Dư thứ hạt phả?

Phù! Phả sở dĩ trước tông phái tự chiêu mục, đạo kỳ tiên tổ chi thiện, dĩ chiếu hậu thế. phả chi tác trọng hỹ, ninh dĩ đích thứ kỳ chi?

Tuy nhiên ngô gia thế phả, trước thuật dĩ tường, hạt trùng tự?

Phù! Ngã cao tổ Ngô Phong công sở trước chi phả, Tuyết Trai công dĩ thượng tường yên.

Ngã tổ bá Tĩnh Trai công sở thuật chi phả, Đạt Hiên công dĩ thượng tường yên.

Phụng ngã thiếu tổ Trang Nghị công, ký ngã tiên khảo Cường Phủ công, phụ tử tương thừa, dĩ kinh dịch thế. Kỳ học hạnh chi tạo nghệ, dĩ bình sinh chi thiệp lịch, cập kỳ sinh nhật kỳ thời, thọ niên táng sở, khả hoặc khuyết da?

Tư phụng tự Triệu tổ Phúc Cơ công, tử Từ Khánh huy nhân, chí tiên khảo Cường Phủ công, Từ Thục huy nhân, lịch tự thế thứ, phụ chi bàng thân, chí bất vong dã.

Y! Thập ngũ đại chi tổ công tông đức, đặc hậu di mưu, thiên vạn thế chi tử hiếu tôn hiền, miễn tư thực đức.

Đệ thập lục đại tôn Giáp Dậu bái thư.

DỊCH NGHĨA:

LỜI BẠT

Kinh Lễ có câu: “Con trưởng mới được viết Gia phả.” Đó là sự tôn trọng tông pháp vậy. Thế thì, ta là con thứ mà sao lại viết Gia phả?

Xét thấy xưa nay viết Gia phả là để làm rõ hàng chiêu hàng mục trong tông phái, học điều hay của tổ tiên cha ông, để bảo ban con cháu đời sau. Đó là tác dụng quan trọng của việc viết Gia phả vậy. Vậy thì sao lại phân biệt con trưởng với con thứ làm gì? Tuy nhiên, Gia phả họ Ngô ta, ghi chép đã rõ ràng, chi phải trình bày lại? Kìa như! Quyển Gia phả mà cụ Ngọ Phong ta, ghi chép từ cụ Tuyết Trai trở về trước, đã rất rõ ràng.

Quyển Gia phả mà cụ Tổ bá Tĩnh Trai, ghi chép từ cụ Đạt Hiên trở về trước cũng rất rõ ràng. Cụ Thiếu tổ ta là Trang Nghị, đến cha ta là Cường Phủ, cha con kế tiếp, đã trải qua đổi dời, nào mức học hạnh đến đâu, nào bước bình sinh từng trải, và đến cả ngày sinh, ngày mất, tuổi thọ, nơi mai táng có thể bỏ khuyết được ư? Vì vậy, nay ta kính chép từ cụ Triệu tổ Phúc Cơ và cụ bà Từ Khánh huy nhân, đến cha ta là Cường Phủ, mẹ ta là Từ Thục huy nhân, trình bày theo thứ tự từng đời, lại phụ chép cả anh em để ghi nhớ, không quên.

Ôi! Công đức của tổ tông 15 đời, để lại phúc ấm cao dày, con hiếu cháu hiền, ngàn vạn đời, khuyên nhau hưởng đức.

Ngô Giáp Đậu, cháu đời thứ 16, kính cẩn ghi chép.

續編

1.故妻

故妻辛卯舉人，領安樂縣知縣，吳門正室黎貴氏字子美，號慈敏徽人。

正閭諱好，嗣德八年乙卯，八月初九日亥牌生，苓潭黎居士字迪甫，號純厚先生之第三女，妣慈明阮氏所生。年十八相我儒閨，生男女各二。長孟佇（乙亥二月二十七日亥牌生于崇德祠之西舍）。次叔璋（壬辰三月二十日子牌生于河庸新居）。女氏琰（癸未二月十七日子牌生于扶董鄉之講館，嫁吏部承辦仁睦阮公楊之子，名材）。次氏玳（癸巳十二月三十日子牌生于國威官舍）。成泰甲午五月十五日丑牌終，壽四十歲。

行狀略說

先正閭嗣德二十六年癸酉冬季歸于予。逮事公姑，頗閑婦道。乙亥冬別築居室在正寢之東。丙子春

予隨先考往臨叔父威甫公于榔園學所，因留設講，歲抄始還。正閫克勤于家，先慈頗慰。戊寅予假館仙遊之扶董，與正閫請命雙堂，攜兒佇同赴。是年冬予兄青齋卒終。次年己卯冬丁先妣喪。庚辰夏予娣慈和壽終。次年辛巳秋丁先考喪。

時家運多艱，葬祭儀物，或廢于無。而支度所需，惟正閫寔相之。乙酉冬予謀扞雙堂壽，正閫爲予經營，克藏厥事。戊子季秋，復自扶董（予同正閫居扶董講館凡十年）帶諸子侄回寓河城。己丑原寧太總督阮公玉班延予于行鉅庸設講，正閫因兌優義村舍，開商賣店，數經紀日卜有興。庚寅予爲從弟儀婚事，謀於正閫成之。成泰三年辛卯冬，予赴選河南場領鄉薦，正閫同予回鄉謁廟，塵埃本色，始覺改觀。

冬季子弟青軒病終，正閫爲董其喪。尋買瓦屋于清河新庸遷居。壬辰春予赴會而還，親賓酬應，人有不堪，正閫略無難色。冬季承三宣督部安春男龍岡高公子發大人，以予隨省後補，派充廣威府商佐。赴官所支，正閫並爲料理。癸巳春季，改蒞國威，正閫在河復建瓦屋于優義庸。夏仲循邑例，奉進齋盤于華舍

亭。時予清官，家事重煩，正閫支吾。秋孟接正閫及兒女赴蒞，親眷或邀與遊山寺玩景，輒以事辭，惟日在內廳，董飭閫政。甲午二月朔，正閫以臨禱，後櫻病，調湯禱神，並無見效。予時充度田副會筒員，不時視病。三月予有平川之命，上省懇辭。正閫以望日輒回河寓，予因假限告回。凡祈禳與醫治，所供不靳，而正閫病體增減不常，竟別予去。

正閫丰姿端重，性剛毅，遇事通達無執著。少閑母教，善于持家，予累世清貧，又處變境，正閫不辭勞瘁，勗予肆日劬書，以克有立。近相予于山城（國威府兼理安山縣）淡素如平日，待門屬有恩，嘗勸予爲子孫積福，以蔡將來。病中予以正閫有施未食，天必猶假之年，乃一病而終。將予數蹇，抑正閫賦命之藩，是未可知。喪輒將駕，予有泣聯云：

今日若哭卿之死，不若哭卿之生，以勤勗夫，以慈育子，回頭二十載餘，逆境艱辛，隨我赴官纔隔歲；爲士有如我之窮，未有我之達，得名葬弟，得官失妻，屈指四五月許，病床輾轉，與卿締約尚三生。

既葬，予日懷思，惴正閨臨終所言所不忍言之
意，賦成閨別十二絕句：

其一

妾襄郎壺廿年來
深淺方舟竭妾才
優館仙鄉經幾度
恨無笑口向郎開

其二

郎曾宅恤六年間
故郡他鄉得幾閒
雙孝承當郎自苦
百忙轆轤妾何艱

其三

慇懃郎意友墳簾
曾幾秋前死葬威
賦罷鴛原雙落淚
花樓望處爲懷悲

其四

郎兒及女四猷豚

兩尚嬰孩兩已婚

珍重煩郎勞於養

長成指日繼興門

其五

客歲從郎赴國城

慢將私冗諉官廳

馳驅豈果郎才屈

經紀還勞妾力營

其六

妾病經旬不起床

山城江庸弟調湯

問渠慰體情何摯

醫命其如鬱藥嘗

其七

郎豈無心愛妾身

含愁欲語恐郎嗔

未應散職欺郎過

怎使中年誤妾因

其八

記郎昔日擢賢書

報妾科神夢匪虛

一第三年終破鏡

回頭今已閱居諸

其九

銳江原上是孤邱

玄寢還應勝地球

片石憑君題墓道

一篇爲寫妾心愁

其十

妾家苓邑傍慈村

佛寺弘開不二門

多少愆尤煩懣雪

早憑濟度妥香魂

其十一

妾生無力答劬勞

妾死慙祈念蔚蒿

望岳先祠容鼎建

蒸嘗千古友烹蒿

祈十二

郎數何奇妾命窮

百年恩愛此宵終

臨岐惆悵無私囑

白髮夫妻別劫逢

爰命門弟秀才良福阮春薦顏于座扁，以表予悲悼之至。於是人語予者曰：郎君無乃情癡乎！予笑而不言。

時正閏喪，第五齋旬之吉，拙夫事事齋書于新廂祀堂。

PHIÊN ÂM:

TỤC BIÊN

CỐ THÊ

Cố thê Tân Mão Cử nhân, lãnh An Lạc huyện Tri huyện, Ngô môn chính thất Lê quý thị tự Tử Mỹ, hiệu Từ Mẫn huy nhân.

Chính khố huy Hảo, Tự Đức bát niên Ất Mão, bát nguyệt sơ cửu nhật Hợi bài sinh, Linh Đàm Lê cư sĩ tự Dịch Phủ, hiệu Thuần Hậu tiên sinh chi đệ tam nữ, tử Từ Minh Nguyễn thị sở sinh. Niên thập bát tướng ngã

nhu nhuận, sinh nam nữ các nhi. Trưởng Mạnh Trữ (Ất Hợi nhị nguyệt nhị thập thất nhật Hợi bài sinh vu Sùng Đức từ chi tây xá). Thứ thúc Chương (Nhâm Thìn tam nguyệt nhị thập nhật Tý bài sinh, vu Hà phố tân cư). nữ Thị Diễm (Quý Vị nhị nguyệt thập thất nhật Tý bài sinh vu Phù Đồng hương chi giảng quán, giá Lại bộ Thừa biện Nhân Mục Nguyễn Công Dương chi tử, danh Tài). Thứ Thị Đại (Quý Tỵ thập nhị nguyệt tam thập nhật Tý bài sinh vu Quốc Uy quan xá). Thành Thái Giáp Ngọ ngũ nguyệt thập ngũ nhật Sửu bài chung, thọ tứ thập tuế.

Hành trạng lược thuyết

Tiên chính khốn Tự Đức nhị thập lục niên Quý Dậu đông quý quy vu dư. Đãi sự công cô, phả nhân phụ đạo. Ất Hợi đông biệt trú cư thất tại chính tâm chi đông. Bính Tý xuân dư tùy tiên khảo vãng lâm thúc phụ Uy Phủ công vu Lang Viên học sở, nhân lưu thiết giảng, tuế sao thủy hoàn. Chính khốn khắc cần vu gia, tiên từ phả ụy. Mậu Dần dư giả quán Tiên Du chi Phù Đồng, dĩ chính khốn thỉnh mệnh song đường, huê nhi Trữ đông phó. Thị niên đông dư huynh Thanh Trai tốt chung. Thứ niên Kỷ Mão đông đình tiên tử tang. Canh Thìn hạ dư để Từ Hoà thọ chung. Thứ niên Tân tỵ thu đình tiên khảo tang.

Thời gia vận đa gian, táng tế nghi vật, hoặc phế vu vô. Nhi chi độ sở nhu, duy chính khốn thực tương chi. Ất Dậu đông dư mưu thiên song đường thọ, chính khốn vi dư kinh doanh, khắc tàng quyết sự. Mậu Tý quý thu, phục tự Phù Đồng (dư đông chính khốn cư Phù Đồng giảng quán phàm thập niên) đãi chư tử diệt hồi ngụ Hà Thành. Kỷ Sửu nguyên Ninh Thái Tổng đốc Nguyễn Công Ngọc ban diên dư vu hàng Bạc phố thiết giảng, chính khốn nhân đoái Ưu Nghĩa thôn xá, khai thương mại điểm, sở kinh kỷ nhật bốc hữu hưng. Canh Dần dư vi tông đệ Nhị hôn sự, mưu ư chính khốn thành chi. Thành Thái tam niên Tân Mão đông, dư phó tuyền Hà Nam

trường lãnh Hương tiến, chính khốn đồng dư hồi hương yết miếu, trần ai bản sắc, thủy giác cải quan.

Đông quý dư đệ Thanh Hiên bệnh chung, chính khốn vi đồng kỳ tang. Tâm mãi ngoã ốc vu Thanh Hà Tân phố thiên cư. Nhâm Thìn xuân dư phó hội nhi hoàn, thân tân thù ứng, nhân hữu bất kham, chính khốn lược vô nan sắc. Đông quý thừa Tam tuyên Đốc bộ An Xuân nam Long Cương Cao công tử Phát đại nhân, dĩ dư tùy tỉnh hậu bổ, phái sung Quảng Uy phủ Thương tá. Phó quan sở chỉ, chính khốn tịnh vi liệu lý. Quý Ty xuân quý, cải lý Quốc Uy, chính khốn tại Hà phục kiến ngoã ốc vu Ưu Nghĩa phố. Hạ trọng tuần áp lệ, phụng tiến trai bàn vu Hoa Xá đình. Thời dư thanh quan, gia sự trùng phiên, chính khốn chi ngô. Thu mạnh tiếp chính khốn cập nhi nữ phó lý, thân quyến hoặc yêu dữ du sơn tự ngoạn cảnh, triếp dĩ sự từ, duy nhật tại nội sảnh, đồng sức khốn chính. Giáp Ngọ nhị nguyệt sóc, chính khốn dĩ lâm nhục, hậu anh bệnh, điều thang đảo thần, tịnh vô kiến hiệu. Dư thời sung đặc điền phó hội viên, bất thời thị bệnh. Tam nguyệt dư hữu Bình Xuyên chi mệnh, thượng tỉnh khẩn từ. Chính khốn dĩ vọng nhật vông hồi Hà ngụ, dư nhân giả hạn cáo hồi. Phàm kỳ nhượng dữ y trị, sở cung bất cận, nhi chính khốn bệnh thể tăng giảm bất thường, cánh biệt dư khứ.

Chính khốn phong tư đoan trọng, tính cương nghị, ngộ sự thông đạt vô chấp trước. Thiếu nhân mẫu giáo, thiện vu tri gia, dư luỹ thế thanh bản, hựu xử biến cảnh, chính khốn bất từ lao tuy, trợ dư tứ nhật cù thư, dĩ khắc hữu lập. Cận tương dư vu Sơn Thành (Quốc Uy phủ kiêm lý An Sơn huyện) đàm tố như bình nhật, đãi môn thuộc hữu ân, thường khuyến dư vi tử tôn tích phúc, dĩ thái tương lai. Bệnh trung dư dĩ chính khốn hữu thi vị thực, thiên tất do giả chi niên, nãi nhất bệnh nhi chung. Tương dư sở kiến, ức chính khốn phú mệnh chi phiên, thị vị khả tri. Táng nhi tương giá, dư hữu khắp liên vân:

*Kim nhật nhược khốc khanh chi tử, bất nhược khốc khanh chi sinh,
dĩ cần trợ phu, dĩ từ dục tử, hồi đầu nhị thập tải dư, nghịch cảnh gian tân,
tuỳ ngã phó quan tài cách tuế; vị sĩ hữu như ngã chi cùng, vị hữu ngã chi
đạt, đắc danh táng đệ, đắc hoạn thất thê, khuất chỉ tứ ngũ nguyệt hứa,
bệnh sàng triển chuyển, dĩ khanh đế ước thượng tam sinh.*

*Ký táng, dư nhật hoài tư, suy chính khôn lâm chung sở ngôn sở bất
nhĩn ngôn chi ý, phú thành Khuê biệt thập nhị tuyệt cú:*

Kỳ nhất

*Thiếp tương lang khôn tráp niên lai,
Thâm thiển phương chu kiệt thiếp tài.
Ưu quán tiên hương kinh kỷ độ,
Hận vô tiểu khẩu hương lang khai.*

Kỳ nhị

*Lang tăng trạch tuất lục niên gian,
Cố quận tha hương đắc kỷ nhân.
Song hiếu thừa đường lang tự khổ,
Bách mạng giao cát thiếp hà gian.*

Kỳ tam

*Ân cần lang ý hữu huân trì,
Tằng kỷ thu tiền tử táng uy.
Phú bãi linh nguyên song lạc lệ,
Hoa lâu vọng xứ vi hoài bi.*

Kỳ tứ

*Lang nhi cập nữ tứ ngai đồn,
Lưỡng thượng anh hài lưỡng dĩ hôn.*

*Trân trọng phiên lang lao ư dưỡng,
Trưởng thành chỉ nhật kế hưng môn.*

Kỳ ngũ

*Khách tuế tông lang phó Quốc thành,
Mạn tương tư những uỷ quan thịnh.
Trì khu khởi quả lang tài khuất,
Kinh kỷ hoàn lao thiệp lực doanh.*

Kỳ lục

*Thiếp bệnh kinh tuần bất khởi sàng,
Sơn thành giang phố đệ điều thang.
Vấn cử uỷ thể tình hà chí,
Y mệnh kỳ như uất được thường.*

Kỳ thất

*Lang khởi vô tâm ái thiệp thân,
Hàm sâu dục ngữ khủng lang sân.
Vị ứng tản chức khi lang quá,
Châm sử trung niên ngộ thiệp nhân.*

Kỳ bát

*Ký lang tích nhật trạc hiền thư,
Báo thiệp khoa thần mộng phi hư.
Nhất đệ tam niên chung phá kính,
Hồi đầu kim dĩ duyệt cư chư.*

Kỳ cửu

*Nhuệ giang nguyên thượng thị hồ khâu,
Huyền tâm hoàn ưng thắng địa cầu.*

Phiến thạch bằng quân đề mộ đạo,

Nhất thiên vi tả thiếp tâm sâu.

Kỳ thập

Thiếp gia Linh ấp bạng Từ thôn,

Phật tự hoàng khai bát nhị môn.

Đa thiếu khiên vưu phiến sám tuyết,

Tảo bằng tế độ thoả hương hôn.

Kỳ thập nhất

Thiếp sinh vô lực đáp cù lao,

Thiếp tử ân kỳ niệm uly cao.

Vọng nhạc tiên từ dung đỉnh kiến,

Chứng thường thiên cổ hữu huân cao.

Kỳ thập nhị

Lang số hà cơ thiếp mệnh cùng,

Bách niên ân ái thử tiêu chung.

Lâm kỳ trù trưởng vô tư chúc,

Bạch phát phu thê biệt kiếp phùng.

Viên mệnh môn đệ Tú tài Lương Phúc Nguyễn Xuân Tiến nhan vu toạ biển, dĩ biểu dư bi diệu chi chí. Ư thị nhân ngữ dư giả viết : Lang quân vô nãi tình si hồ! Dư tiểu nhi bất ngôn.

Thời chính khốn tang, đệ ngũ trai tuân chi cát, chuyết phu Sự Sự Trai thư vu Tân phố tự đường.

DỊCH NGHĨA:

PHẦN TỤC BIÊN**NGƯỜI VỢ ĐÃ QUÁ CỐ**

Người vợ cả đã quá cố của Tri huyện huyện Yên Lạc, Cử nhân khoa Tân Mão, Lê quý thị, tự Tử Mỹ, hiệu Từ Mẫn huy nhân.

Chính khốn huy Hảo, sinh giờ Hợi ngày mùng 9 tháng 8, niên hiệu Tự Đức thứ 8 (1855), là con gái thứ 3 của Lê cư sỹ, tự Định Phủ, hiệu Thuần Hậu tiên sinh, người Linh Đàm, do bà Từ Minh Nguyễn thị đẻ ra. Năm 18 tuổi về làm vợ ta, sinh 2 trai, 2 gái. Con trai cả, tên Mạnh Trữ (sinh giờ Hợi, ngày 27 tháng 2, năm Ất Hợi tại ngôi nhà phía tây đền Sùng Đức). Con trai thứ, tên Thúc Chương (sinh giờ Tý ngày 20 tháng 3, năm Nhâm Thìn tại nơi ở mới thành phố Hà Nội). Con gái, tên Thị Viêm (sinh giờ Tý ngày 17 tháng 2, năm Quý Mùi tại giảng quán ở Phù Đồng, lấy Nguyễn Tài, con Nguyễn Dương, người làng Nhân Mục, giữ chức Thừa biện ở Bộ Lại). Con gái thứ, tên Đại (sinh giờ Tý ngày 30 tháng 12 năm Quý Ty ở phủ đường phủ Quốc Oai). Chính khốn mất giờ Sửu ngày 15 tháng 5, năm Giáp Ngọ, niên hiệu Thành Thái, thọ 40 tuổi.

Sơ lược về hành trạng

Cuối mùa đông năm Quý Dậu, niên hiệu Tự Đức thứ 26, thì kết duyên với ta, kịp phụng sự cha mẹ, giữ đạo dâu con. Mùa đông năm Ất Hợi, xin làm nhà ở riêng tại phía đông nhà chính. Mùa xuân năm Bính Tý, ta theo cha đến thăm chú Uy Phủ ở nơi bảo học tại làng Lang Viên, nhân ở lại sảng đường, dạy học ở đó, đến cuối năm mới về. Chính khốn rất cần cù việc nhà, mẹ ta rất hài lòng. Năm Mậu Dần, ta dạy nhờ ở làng Phù Đồng, thuộc huyện Tiên Du, cùng với chính khốn xin phép cha mẹ đem đưa con tên Trữ

cùng đi. Mùa đông năm ấy, anh trai ta là Thanh Trai mất. Năm sau, mùa đông năm Kỷ Mão, mẹ ta qua đời. Mùa hạ năm Canh Thìn, chị gái ta là Từ Hòa cũng mất. Năm sau, mùa thu năm Tân Ty, cha ta cũng qua đời.

Khi đó vận nhà gặp nhiều khó khăn, các lễ vật, nghi thức dùng trong tang tế, có thứ phải bỏ, vì không có. Tất cả chi tiêu đều do chính khốn đảm nhiệm cả. Mùa đông năm Ất Dậu, ta bàn dọn mộ cho cha mẹ, chính khốn lo liệu giúp ta mọi việc và đã làm tốt việc đó. Tháng Quý thu (Tháng 9) năm Mậu Tý, lại đem con cái từ Phù Đồng về ngụ ở Hà Thành (Ta cùng với chính khốn ở trường học Phù Đồng tất cả 10 năm). Năm Kỷ Sửu, nguyên Tổng đốc Ninh, Thái là Nguyễn Ngọc Ban, mời ta về dạy học ở phố Hàng Bạc, nhân đó chính khốn đến mua nhà tại thôn Ưu Nghĩa, mở cửa hàng buôn bán. Qua mấy năm tất tưởi làm ăn, thấy nhà ngày một khá giả. Năm Canh Dần, ta cưới vợ cho em họ là Nhị, bàn với chính khốn tán thành cho. Mùa đông năm Tân Mão, niên hiệu Thành Thái thứ 3 (1891), ta đi thi tại trường Hà Nam, đỗ Hương tiến. Chính khốn cùng ta về quê báai yết từ đường, nét mặt trần ai chợt thấy rạng rỡ.

Tháng Quý đông, em ta Thanh Hiện ốm chết. Chính khốn lo liệu tất cả mọi việc mai táng. Liên sau đó, mua chiếc nhà ngói ở Phố Mới, Thanh Hà, rồi rời nhà về ở đó. Mùa xuân năm Nhâm Thìn, ta đi thi Hội trở về, tiếp đón tân khách, người không đương nổi, nhưng chính khốn không hề thể hiện ra nét mặt. Tháng Quý đông, được quan Tam tuyên đốc bộ, An Xuân nam Long Cương Cao công tử Phát (Xuân Dục) đại nhân, cho ta lên tỉnh dọi bổ, liền được sung làm Thương tá phủ Quảng Oai. Tất cả những đồ dùng khi đi làm quan, chính khốn đều thu xếp cho cả. Cuối mùa xuân năm Quý Ty, ta dời về phủ Quốc Oai, chính khốn lại ở Hà Thành, lại xây nhà ngói ở phố Ưu Nghĩa. Giữa mùa hạ, theo lệ trong ấp, phải làm mâm cỗ chay cúng ở đình Hoa Xá.

Khi đó, ta làm quan thanh bạch, việc nhà nhiều phiền phức, nhưng được chính khốn lo liệu. Tháng Mạnh thu, đón con gái và chính khốn đến ở ly sở. Các bạn thân quyến có lúc mời đi thăm cảnh chùa trên núi, nhưng chính khốn toàn vin việc từ chối, hàng ngày chỉ ở trong nội sảnh chăm lo công việc của người phụ nữ. Ngày mừng 1 tháng 2 năm Giáp Ngọ, chính khốn ở cũ, sau bị ốm nặng, thuốc thang cầu khẩn đều không hiệu quả. Ta khi đó được sung vào làm Phó hội đồng viên hội đặc điền, không có thì giờ chăm sóc. Tháng 3, ta nhận được mệnh của Bình Xuyên, lên tỉnh từ chối. Ngày 15, vâng đưa chính khốn về Hà Thành. Ta khi đó xin nghỉ cáo về. Phàm tất cả các việc thuốc thang, cầu đảo không thiếu cách gì, mà bệnh tình của chính khốn tăng giảm thất thường, rồi từ biệt ta ra đi.

Chính khốn phong tư đoan trang, tính tình cương nghị, gặp việc gì đều làm cho trôi chảy, không câu nệ. Thuở nhỏ, vâng theo lời dạy của mẹ, đảm đang công việc gia đình. Dòng họ ta vốn thanh bần, lại ở vào cảnh ngộ biến động, chính khốn không hề nề hà nhọc mệt, khuyên đỡ ta hàng ngày chăm chỉ đèn sách cho đến khi được kết quả. Gần đây giúp đỡ ta ở nơi Sơn Thành (Phủ Quốc Oai kiêm lý huyện An Sơn), vẫn dạm bạc nhà quê như lúc bình sinh, đem ơn huệ để đối đãi với môn thuộc. Thường xuyên khuyên ta tích đức cho con cháu, để làm tốt cho tương lai. Trong lúc ốm ta thường bảo chính khốn, đã có thi phúc nhưng chưa được hưởng lộc, trời ắt thêm cho tuổi thọ, thế mà một cơn ốm rồi mất. Cái số của ta vất vả, hay cái mệnh của chính khốn bạc bẽo? Cái đó chưa thể biết được. Linh cữu sắp đưa đi, ta có câu đối khóc rằng:

*-Kim nhật nhược khóc khanh chi tử, bất nhược khóc khanh chi sinh,
dĩ cần trợ phu, dĩ từ dục tử, hồi đầu nhị thập tải dư, nghịch cảnh gian tân,
tuỳ ngã phó quan tài cách tuế* (Hôm nay khóc cái chết của nàng, không bằng khóc cuộc sống của nàng, cần cù giúp chồng, hiền từ dạy con, ngoảnh

đầu lại đã hơn hai mươi năm, nghịch cảnh gian nan vất vả, theo ta đi làm quan mới hơn năm đã cách biệt);

-Vi sỹ hữu như ngã chỉ cùng, vi hữu ngã chỉ đạt, đắc danh táng đệ, đắc hoạn táng thê, khuất chỉ tứ ngũ nguyệt hứa, bệnh sàng triển chuyển, dữ khanh để ước thượng tam sinh (Là kẻ sỹ cũng có người nghèo khổ như ta, nhưng chưa người nào hiển lại như ta, lập được công danh thì mất em, được làm quan thì vợ chết, bầm đốt ngón tay chỉ mới bốn, năm tháng, bệnh tình trầm trọng, hẹn sẽ gặp lại nàng kiếp sau).

Khi mai táng xong, ta hàng ngày thương nhớ, ngẫm cái ý của chính khốn trước khi chết muốn nói mà không nỡ nói ra, làm thành 12 bài “khê biệt,” thể tuyệt cú, như sau:

Bài 1:

Thiếp giúp chàng, hơn hai chục năm trời,
Chỗ nông thì lội, sâu đi thuyền, trở hết tài.
Quán hát, làng Tiên, trải mấy độ,
Hận chưa với chàng cất tiếng cười.

Bài 2:

Cùng chàng trong cảnh sáu năm buồn,
Đất khách quê người, mấy khi nhàn.
Phụng dưỡng mẹ cha, chàng tự khổ,
Bộn bề trăm việc, thiếp xá gian nan.

Bài 3:

Ý chàng thấm thiết, tựa tiếng huân trì,
Mấy mùa trước, tử táng đã ra uy.

Phú Linh nguyên⁽¹⁾ làm xong, hai hàng lệ chảy,
Ngóng chốn lầu hoa, lòng những sầu bi.

Bài 4:

Con chàng bốn đứa, gái trai vụng dại,
Hai còn bế ẵm, hai đã thành hôn.
Trân trọng phiên chàng, vất vả nuôi nấng,
Mai ngày khôn lớn, nối nghiệp nhà quan.

Bài 5:

Năm ngoái theo chàng đến Quốc Oai,
Dem những nhiều riêng, tới sảnh đường.
Rong ruổi, đâu phải tài chàng khuất phục,
Lo liệu, đâu phải sức thiếp đảm đương.

Bài 6:

Bệnh thiếp mấy tuần, nằm liệt giường,
Giang thành, Sơn phổ, nhờ em vợ thuốc thang.⁽²⁾
Hỏi ai chườm cứu,⁽³⁾ tình sao khăng khít,
Chữa mệnh này chỉ uống thuốc uất thôi chàng?⁽⁴⁾

Bài 7:

Lẽ nào chàng không có lòng yêu thiếp,
Ngậm sầu muốn nói, sợ chàng giận thôi.
Chưa nên vì tán chúc⁽⁵⁾ dẫu lỗi của chàng,
Sao đến tuổi trung niên, làm lỡ duyên thiếp.

Bài 8:

Nhớ chàng khi xưa đi thi đỗ,
Thần khoa cử báo mộng chẳng sai.
Thi đỗ ba năm, tình duyên ly biệt,
Ngoài đầu, nay đã đã trôi qua⁽⁶⁾

Bài 9:

Trên đồng sông Nhuệ, là gò chôn,
Nơi suối vàng, hơn cả địa cầu.
Nhờ chàng viết chữ trên bia mộ,
Một bài tả lòng thiếp âu sầu⁽⁷⁾

Bài 10:

Nhà thiếp ấp Linh Đường, cạnh Đại Từ,
Cửa chùa rộng mở, không hai lối đi,
Bao nhiêu lầm lỗi, nhờ chàng sám hối,
Mong nhanh tế độ, thoả hương hồn⁽⁸⁾

Bài 11:

Thiếp sống, không đủ sức báo đáp mẹ cha,⁽⁹⁾
Thiếp chết, nhờ chàng nhớ đến cha mẹ cho.
Sửa sang đền thờ cho cha mẹ thiếp,
Quanh năm⁽¹⁰⁾ hương khói mãi ngàn thu⁽¹¹⁾

Bài 12:

Số chàng lẻ loi,⁽¹²⁾ mệnh thiếp ngắn ngủi,
Trăm năm ân ái, đêm nay là hết.

Sắp chia ly, lòng buồn thương, không kịp dặn dò,

Vợ chồng cùng bạc đầu, hẹn kiếp sau sẽ gặp.

Làm xong 12 bài, bèn sai môn đệ là Nguyễn Xuân Tiến, đồ Tú tài, người Lương Phúc, viết vào biển, treo trước chỗ ngồi, để tỏ chí tình buồn thương của ta. Vì thế, có người bảo ta rằng: “Lang quân phải chăng là si tình?” Ta cười mà không nói.

Tang chính khốn, tuần chay thứ 5, Chuyết phu này, hiệu Sự Sự Trai, viết ở nhà thờ Phố Mới.

CHÚ THÍCH:

1.Linh nguyên: Nguyên văn “Tích lịch tại nguyên” trong Kinh Thi, dùng để chỉ anh em.

2.Nguyên chú: Thuốc thang nguyên nhờ em vợ.

3.Nguyên chú: Người xưa vợ bị sốt rét, chồng hun chườm cho. Ta nay không được như thế.

4.Nguyên chú: Thầy lang xem mạch nói, mạch chính khốn bị chứng uất, vì trong khi ốm, chính khốn thường nhân có việc không hài lòng.

5.Tản chúc: Chúc quan nhân tản, tức làm về giáo chức.

6.Nguyên chú: Năm Tân Mão ta thi đỗ Cử nhân, chính khốn mộng thấy ông già bảo rằng: “Đỗ thi đỗ, 3 năm sau chính khốn qua đời.” Nay nhớ trong mộng thấy đúng như thế.

7.Nguyên chú: Khi chính khốn bệnh nguy kịch, ta hỏi nếu như có điều không may, thì nên an táng tại đâu? Chính khốn trả lời: “Con gái sinh ra ở quê cha, chết chôn quê chồng.”

8.Nguyên chú: Khi chính khốn sắp mất có nói với ta, hãy tu sửa đàn Siêu Bạt ở thôn Đại Từ để cúng Phật, mong được phù hộ linh thiêng.

9. *Nguyên chú*: Bố vợ mất sớm khi chính khốn kết duyên với ta, thì năm sau mẹ vợ mất, ta nghèo không có gì để giúp thêm vào mai táng.

10. *Nguyên văn* “chưng thường”: Tức là tế Đông chí và tế cơm mới. Trong bài hiểu theo nghĩa rộng “quanh năm.”

11. *Nguyên chú*: Khi chính khốn sắp mất, nói với ta rằng: “Trải qua bao gian nan vất vả mới có được 2 ngôi nhà ngói, một nhà ở Ưu Nghi thì thờ Tiên nhạc. Một nhà ở Phố Mới thì thờ tổ tiên ta. Ý của ta không như thế, ta muốn xây nhà thờ ở quê quán để thờ Tổ khảo, xây ở Linh Đường để riêng bố mẹ vợ, và để ruộng cúng để cúng tế ngày giỗ chạp. Đợi khi đắc chí ta sẽ làm mới hoàn toàn, để thỏa lòng mong ước của chính khốn.

12. *Nguyên chú*: Có người Khách xem số Tử vi, đoán cho ta rằng, số ta có vợ song phòng cảnh bị gở chiếc lẻ loi.

2. 先長兄

先長兄戊辰科三場吳孟卿，字希仿號青齋府君。兄諱侶，紹治六年丙午十月初九日巳時生，嗣德三十一年戊寅十一月初二日卯時卒，壽三十三（生一女琬嫁下亭秀才阮新之子寶）。

行狀略說

兄少穎悟，讀書多記，弱冠之年，經傳史子殆遍。家嚴授徒慶光時，已有得美良大尹阮思善閱其文

喜曰：大方家傳經之望，當不虛也。後從家嚴館于芳烈，遂就正仁睦進士黎菊軒先生。戊辰鄉選預入三場，家嚴親友，先賀一聯云：

原非天上兒，一舉登科，雙親未老；的是吾家子，十年燈火，兩字功名。

其年不果領解，家嚴再設帳于溪桑，命兄隨教居一年。家嚴樂爲鄉杖之遊，先兄承留傳講，弟子日以眾。壬申奉構正寢，從弟吳不羈贈以聯云：

何以家爲，上有雙親老；雖然室小，中藏萬卷書。

家嚴爲之慰。甲申秋圍不遂志，而返留家，晨昏不復赴講。尋與弟請業省學政武東汾先生，承教：文華質幹，所得不同，破偏爲全，後當有進。日因益醇。

戊寅恩科，自試場回感恙，旬有七日而終。雙堂命以弟所生之子佇承祀，復三年桑。

3. 先親弟

先親弟軍次典籍吳叔卿，字希季，號青軒府軍。弟諱儵，嗣德己未十二月二十二日戌時生。娶文林宮蔣琳

之女氏蘭爲配，生一女璉（癸未年）。外婦阮瓦之女氏枚，生一男璉（癸未年七月二十四日酉牌生）。

成泰辛卯十二月初九日丑時卒，壽三十三歲。

PHIÊN ÂM:

TIÊN TRƯỞNG HUYNH

Tiên trưởng huynh Mậu thìn khoa tam trường Ngô Mạnh Khanh, tự Hy Phảng hào Thanh Trai phủ quân. Huynh huý Bính Thiệu Trị lục niên Bính Ngọ thập nguyệt sơ cửu nhật Tỵ thời sinh, Tự Đức tam thập nhất niên Mậu Dần thập nhất nguyệt sơ nhị nhật Mão thời tốt, thọ tam thập tam (sinh nhất nữ Tuất giá Hạ Đình Tú tài Nguyễn Tân chi tử Bảo).

Hành trạng lược thuyết

Huynh thiếu dĩnh ngô, độc thư đa ký, nhược quán chí niên, kinh truyện sử tử dãi biến. Gia nghiêm thụ đồ Khánh Quang thời, dĩ hữu đắc Mỹ Lương đại doãn Nguyễn Tư Thiện duyệt kỳ văn hỷ viết: Đại phương gia truyền kinh chí vọng, đương bát hư dã. Hậu tông gia nghiêm quán vu Phương Liệt, toại tịu chính Nhân Mục Tiến sĩ Lê Cúc Hiên tiên sinh. Mậu Thìn hương tuyển dự nhập tam trường, gia nghiêm thân hữu, tiên hạ nhất liên vân:

Nguyên phi thiên thượng nhi, nhất cử đăng khoa, song thân vị lão ; đích thị Ngô gia tử, thập niên đăng hoả, lưỡng tự công danh.

Kỳ niên bất quả lãnh giải, gia nghiêm tái thiết trường vu Khê Tang, mệnh huynh tùy giáo cư nhất niên. Gia nghiêm lạc vi hương trưởng chi du, tiên huynh thừa lưu truyền giảng, đệ tử nhật dĩ chúng. Nhâm Thân phụng cấu chính tâm, tông đệ Ngô Bát Kỳ tặng dĩ liên vân:

Hà dĩ gia vi, thượng hữu song thân lão; tuy nhiên thất tiểu, trung tàng vạn quyển thư.

Gia nghiêm vi chi ụy. Giáp Thân thu vi bất toại chí, nhi phản lưu gia, thần hôn bất phục phó giảng. Tầm dữ đệ thỉnh nghiệp tỉnh học chính Vũ Đông Phần tiên sinh, thừa giáo: Văn hoa chất cán, sở đắc bất đồng, phá thiên vi toàn, hậu đương hữu tiến. Nhật nhân ích thuần.

Mậu Dần ân khoa, tự thí trường hồi cảm dạng, tuần hữu thất nhật nhi chung. Song đường mệnh dĩ đệ sở sinh chi tử Trữ thừa tự, phục tam niên tang.

TIÊN THÂN ĐỆ

Tiên thân đệ quân thứ Điển tịch Ngô Thúc Khanh, tự Hy Quý, hiệu Thanh Hiên phủ quân. Đệ huy Ông, Tự Đức Kỷ Vị thập nhị nguyệt nhị thập nhị nhật Tuất thời sinh. Thú Văn Lâm triêm Tường Lâm chi nữ, Thị Lan vi phối, sinh nhất nữ Tiến (Quý Vị niên). Ngoại phụ Nguyễn Ngõa chi nữ Thị Mai, sinh nhất nam Truy (Quý Vị niên thất nguyệt nhị thập tứ nhật Dậu bài sinh.

Thành Thái Tân Mão thập nhị nguyệt sơ cửu nhật Sửu thời tốt, thọ tam thập tam tuế.

DỊCH NGHĨA:

NGƯỜI ANH CẢ ĐÃ MẤT

Anh cả ta Ngô Mạnh Khanh, đỗ tam trường khoa Mậu Thìn, tự Hy Phường, hiệu Thanh Trai phủ quân. Huynh huy Bính, sinh giờ Tỵ ngày mùng 9 tháng 10 năm Bính Ngọ, niên hiệu Thiệu Trị thứ 6 (1846), mất giờ Mão ngày mùng 2 tháng 10 năm Mậu Dần, niên hiệu Tự Đức thứ 31

(1878), thọ 33 tuổi. (Huynh sinh 1 gái tên Tuất, gả cho con Tú tài Nguyễn Tân tên là Bảo, người xã Hạ Đình).

Sơ lược về hành trạng

Anh ta lúc nhỏ hiểu biết rất sớm, đọc sách nhớ nhiều. Khi tuổi trưởng thành, các loại, kinh, truyện, sử, chư tử, đọc gần hết. Cha ta dạy học ở Nghiêm Quang, quen với Tri huyện Nguyễn Tư Thiện, người Mỹ Lương xem văn, mừng mà nói rằng: “Gia đình ông anh nổi tiếng học hành, thật đúng không sai.” Sau theo cha trọ ở làng Phương Liệt, bèn theo học Tiến sỹ Lê Cúc Hiên, người làng Nhân Mục. Năm Mậu Thìn thi Hương đỗ Tam trường. Thân hữu của cha ta mừng đôi câu đối rằng:

Nguyên phi thiên thượng nhi, nhất cử đăng khoa, song thân vị lão
(Vốn không phải đứa trẻ ở trên trời, thi một lần đỗ ngay văn còn bố mẹ);
Đích thị ngô gia tử, thập niên đăng hoả, lưỡng tự công danh (Đúng là con nhà ta đó, mười năm chớm đèn sách, hai chữ công danh).

Năm ấy không đỗ giáp bảng. Cha lại mở trường ở xã Khê Tang, sai anh ta theo dạy ở đó một năm. Gia nghiêm vui với việc chống gậy đi chơi ở làng, anh ta thừa mệnh ở lại giảng dạy, học trò theo học ngày càng đông. Năm Nhâm Thân, dựng nhà chính tẩm, có người em họ là Ngô Bát Cơ, tặng đôi câu đối rằng:

Hà dĩ vi gia, thượng hữu song thân lão (Sao phải nhà riêng, trên còn bố mẹ già cả);
Tuy nhiên thất tiểu, trung tàng vạn quyển thư (Tuy rằng nhà nhỏ, trong vẫn chứa sách muôn pho).

Gia nghiêm vẫn an ủi huynh. Mùa thu năm Giáp Tuất, đi thi không toại nguyện, trở về ở nhà, sớm khuya phụng dưỡng cha mẹ, không đi dạy học nữa. Ít lâu sau, cùng với em đến học quan Tỉnh học Vũ Đông Phần tiên

sinh, được dạy rằng: “Văn thì hoa mỹ, chất thì cứng rắn, sở đắc không giống nhau, phá bỏ mọi lệch lạc, trở thành toàn diện, sau mới có tiến bộ.” Nhân đó ngày thêm thuần túy.

Năm Mậu Dần, gặt ân khoa, từ trường thi trở về bị ốm, có một tuần 7 ngày thì mất. Cha mẹ lập người con của em, tên Trữ thờ cúng, phục tang 3 năm.

NGƯỜI EM RUỘT ĐÃ MẤT

Tiên thân đệ (em ruột đã quá cố) là quân thứ Điển bạ, Ngô Thúc Khanh, tự Hy Quý, hiệu Thanh hiên phủ quân. Đệ huy Ông, sinh giờ Tuất ngày 22 tháng 12, năm Kỷ Mùi, niên hiệu Tự Đức, lấy Tương Thị Lan em gái ông Tương Lâm, người xã Văn Lâm, sinh 1 gái tên Tiến (sinh năm Quý Mùi). Ngoại tình với con gái Nguyễn Ngõ là Thị Mai, sinh được 1 trai, tên Truy (sinh giờ Dậu, ngày 24 tháng 7, năm Quý Mùi).

Thân đệ mất giờ Sửu, ngày mùng 9 tháng 12, năm Tân Mão, niên hiệu Thành Thái, thọ 33 tuổi.

4.故兒

故兒官員子吳孟卿，字立軒，號居敬府君。兒名佇（承族祖，山宣興監察御史，吳公德命名），嗣德二十八年乙亥，二月二十七日，亥刻生。娶下亭阮庠翁之女氏純爲配，始生女氏珎（成泰甲午，九月二十五

日，子刻生）。成泰七年乙未，五月二十三日，申刻終，壽二十一。

行狀略說

歲乙未夏仲，我平川邑宰，吳慈君下車之次年也。慈君在蒞，官事如家事，民事如身事，忝老深所燭諒，公暇嘗與琴樽，因見其二嗣焉。長曰孟佇，嗣德乙亥春仲生，貴夫人黎氏懸弧第一旦也。地脈鍾靈，天資表秀，高堂先太翁志喜詩有云：

近依竹幹先承蔭

預喜桐枝早發元

其注望于令郎何如！年七歲從慈君于仙鄉，一經舊德慈君先爲傳之。既成童，慈君爲擇下亭阮庠翁之女爲之配。十八慈君參政國威，令郎從焉，室調無詩，庭趨有誨，書史旨趣，其涉獵矣。場屋文章，其胚樸矣。尋以事繁，命歸栽于苓塘表眷阮居士。

甲午忙槐償屈，攀桂望賒，令郎更以丁夫人喪，不果赴。今年春令郎二十一，年富力強，正當積學以待。

慈君爲延同派之金牌逸秀退餘翁于蒞所，沒董悵韓晷，盛侍美彰，固將無忝于名家子弟矣。且其法字法音，無不通曉。

當交涉時，而令郎不苟所學，當必不苟于成。天假之年，所就顧可量乎？詎期一陰初姤，二豎交屯，令郎偶抱違和，以刀圭寄諸忝老。月十四日，慈君回河，告夫人小祥禮，護將令郎于新庸華居調養。十八日慈君以公緊赴縣。令郎奄奄嗣日，轉入膏肓，遂以月二十三日申刻壽終。所生女珩始九月。訃聞，慈君字以立軒，號以居敬，馳書歸葬于夫人墓田。欲其元子香魂妥依夫人潛馨也。既而感成聯一：

命哉運哉可痛哉，汝之生二十載餘，歷幾艱勞，課之書授之實，以冀子之成，胡然過客光陰，離我官廳，一決永求相見樂；

窮者達者所恨者，余之遇四五年來，無時閑暇，亡其弟葬其妻，而未傾其否，又此歸臺思望，泣兒孤枕，三更難掃不眠愁。

詩四：

其一

賢閫匆匆去不歸
淒涼孤枕已週期
不忘義在賤居日
難遣情於閨別詩
一官莫淹千里遠
百忙還自寸心持
即今豚嗣忍相決
泉下亡人知未知

其二

簪在人亡事已虛
吾兒何遽覓雲車
傳經正自加冠始
見母偏忙及隧初
幼子孩孫時係念
私情公事日馳書
不堪重閱閨悲傳
半慟渠娘半慟渠

其三

名利無端日糾纏
妻憂子戚一經年
山城豈果分鸞地
川署寧堪投杖天
顏槲有爲終洒淚
莊盆不鼓慢成篇
回頭尚記無官日
團聚堂中笑色妍

其四

歲運逢冲果是耶
靈符無力壓重車
可堪荆室懸昏鏡
況又湖臺積晚霞
宦海雖無波浪急
離情偏繫梓枌賒
冥司若有塵間苦
遇此滄桑也奈何

問上之明墨和淚寫仍辭。忝老撰令郎行狀，忝老惟令郎吳門之良，香火所嗣，衣鉢所傳。於令郎有重托而壽嗇顏短。休違曾養，吁嗟天乎！

隧中命賦，及泉之樂陶陶該上題詩。階上題詩，采菊之心戚戚。舟橫汎柏，再世何緣？鬱主收豐，化兒何擇？忝老所以深達令郎慟，沉在慈君！因略述所聞見以記。

原通化府知府治下德恭村阮光瑩石齋撰。

PHIÊN ÂM:

CỐ NHI

Cố nhi quan viên tử Ngô Mạnh Khanh, tự Lập Hiên, hiệu Cư Kính phủ quân. Nhi danh Trữ (thừa tộc tổ, Sơn Tuyên Hưng Giám sát Ngự sử, Ngô Công Đức mệnh danh), Tự Đức nhị thập bát niên Ất Hợi, nhị nguyệt nhị thập thất nhật, Hợi khắc sinh. Thụ Hạ Đình Nguyễn Tường Ông chi nữ Thị Thuần vi phối, thuy sinh nữ Thị Ngọc (Thành Thái Giáp Ngọ, cửu nguyệt nhị thập ngũ nhật, Tý khắc sinh). Thành Thái thất niên Ất Vĩ, ngũ nguyệt nhị thập tam nhật, Thân khắc chung, thọ nhị thập nhất.

Hành trạng lược thuyết

Tuế Ất Vĩ hạ trọng, ngã Bình Xuyên ấp tế, Ngô từ quân hạ xa chi thứ niên dã. Từ quân tại ly, quan sự như gia sự, dân sự như thân sự, thiêm lão thâm sở chúc lượng, công hạ thường dữ cảm tôn, nhân kiến kỳ nhị tự yên. Trưởng viết Mạnh Trữ, Tự Đức Ất Hợi xuân trọng sinh, quý phu nhân

Lê thị huyền hồ đệ nhất đàn dã. Địa mạch chung linh, thiên tư biểu tú, cao đường tiên thái ông chí hỷ thi hữu vân:

Cận y trúc cán tiên thừa ẩm,

Dự hỷ đồng chi tảo phát nguyên.

Kỳ chú vọng vu lệnh lang hà như! Niên thất tuế tông từ quân vu tiên hương, nhất kinh cửu đức từ quân tiên vi truyền chi. ký thành đồng, từ quân vi trạch Hạ Đình Nguyễn Tường Ông chi nữ vi chi phối. Từ quân tham chính Quốc Uy, lệnh lang tông yên, thất điều vô thi, đình xu hữu hồi, thư sử chỉ thú, kỳ thiệp liệp hỷ. Trường ốc văn chương, kỳ phi phác hỷ. Tâm dĩ sự phồn, mệnh quy tài vu Linh Đường biểu quyên Nguyễn cư sĩ.

Giáp Ngọ mang hoà thường giới, phân quế vọng xa, lệnh lang cánh dĩ đình phu nhân tang, bất quả phó. Kim niên xuân lệnh lang nhị thập nhất, niên phú lực cường, chính đương tích học dĩ dĩ. Từ quân vi diên đồng phái chi kim bài dật tú thoái dư ông vu lý sở, một Đồng trưởng Hàn quỹ, thịnh thị mỹ chương, cố tương vô thiếu vu danh gia tử đệ hỷ. Thả kỳ Pháp tự Pháp âm, vô bất thông hiểu. Đương giao thiệp thời, nhi lệnh lang bất cầu sở học, đương tất bất cầu vu thành.

Thiên giả chi niên, sở tộ cố khả lượng hồ? Cự kỳ nhất âm sơ cấu, nhị thụ giao truân, lệnh lang ngẫu bão vi hoà, dĩ đao khuê ký chư thiếu lão. Nguyệt thập tứ nhật, từ quân hồi Hà, cáo phu nhân tiểu tường lễ, hộ tương lệnh lang vu Tân phố hoa cư điều đương. Thập bát nhật từ quân dĩ công khẩn phó huyện. Lệnh lang yêm yêm tự nhật, chuyển nhập cao manh, toại dĩ nguyệt nhị thập tam nhật Thân khắc thọ chung. Sở sinh nữ Ngô thủy cửu nguyệt. Phó văn, từ quân tự dĩ Lập Hiên, hiệu dĩ Cư Kính, trì thư quy táng vu phu nhân mộ diên. Dục kỳ nguyên tử hương hồn thoả y phu nhân tiềm hình dã. Ký nhi cảm thành liên nhất:

Mệnh tai vận tai khả thống tai, nhữ chi sinh nhị thập tải dư, lịch kỷ gian lao, khoá chi thư thụ chi thực, dĩ ký tử chi thành, hồ nhiên quá khách quang âm, ly ngã quan thính, nhất quyết vĩnh cầu tương kiến lạc;

Cùng giả đạt giả sở hận giả, dư chi ngộ tứ ngũ niên lai, vô thời nhân hạ, vong kỳ đệ táng kỳ thê, nhi vị khuynh kỳ bĩ, hữu thử quy đài tư vọng, khắp nhi cô chấm, tam canh nan tảo bất miên sâu.

Thi tứ:

Kỳ nhất

Hiên khốn thông thông khứ bất quy,

Thê lương cô chấm dĩ chu kỳ.

Bất vong nghĩa tại tiện cư nhật;

Nan khiến tình ư khuê biệt thi.

Nhất hoạn mạc yêm thiên lý viễn;

Bách mang hoàn tự thốn tâm trì.

Tức kim đồn tự nhẩn tương quyết,

Tuyền hạ vong nhân tri vị tri.

Kỳ nhị

Trâm tại nhân vong sự dĩ hư,

Ngô nhi hà cự mệnh vân xa.

Truyền kinh chính tự gia quan thủy;

Kiến mẫu thiên mang cập toại sơ.

Ấu tử hài tôn thời hệ niệm;

Tư tình công sự nhật trì thư.

Bất kham trùng duyệt khuê bi truyện,

Bán đồng cừ nường bán đồng cừ.

Kỳ tam

Danh lợi vô đoan nhật cử triên,

Thê ưu tử thích nhất kinh niên.

Sơn thành khởi quả phân loan địa;

Xuyên thụ ninh kham đầu trượng thiên.

Nhan quách hữu vi chung sái lệ;

Trang bồn bất cố mạn thành thiên.

Hồi đầu thượng ký vô quan nhật;

Đoàn tụ đường trung tiểu sắc nghiên.

Kỳ tứ

Tuế vận phùng xung quả thị da,

Linh phù vô lực áp trùng xa.

Khả kham kinh thất huyền hôn kính;

Huống hựu hồ đài tích văn hà.

Hoạn hải tuy vô ba lãng cấp;

Ly tình thiên hệ tử phần xa.

Minh ty nhược hữu trần gian khổ,

Ngộ thử thương tang dã nại hà.

Vấn thượng chi minh mặc hoà lệ tả nhưng từ. Thiểm lão soạn lệnh lang hành trạng, thiểm lão duy lệnh lang Ngô môn chi lương, hương hoả sở tự, y bát sở truyền. Ứ lệnh lang hữu trọng thác nhi thọ sắc nhan đoản. Thê vi tăng dưỡng, hu ta thiên hồ!

Toại trung mệnh phú, cập tuyển chi lạc đào đào, giai thượng đề thi, thái cục chi tâm thích thích. Chu hoành phàm bách, tái thế hà duyên? Uất chủ thu phong, hoá nhi hà trạch? Thiểm lão sở dĩ thâm vi lệnh lang đồng, hướng tại từ quân! Nhân lược thuật sở văn kiến dĩ ký.

Nguyên Thông Hoá phủ Tri phủ trị hạ Đức Cung thôn Nguyễn Quang Oánh Thạch Trai soạn.

DỊCH NGHĨA:

CON TRAI ĐÃ MẤT

Con trai đã quá cố Ngô Mạnh Khanh, tập ấm quan viên tử, tự Lập Hiên, hiệu Cư Kính phủ quân. Con tên Trữ (do một ông trong họ là Ngô Đức, Giám sát Ngự sử Sơn Hưng Tuyên đặt cho). Sinh giờ Hợi ngày 27 tháng 2 năm Ất Hợi, niên hiệu Tự Đức thứ 28 (1875), lấy Thị Thuần, con gái ông Tú tài họ Nguyễn, người Hạ Đình, mới sinh 1 gái tên Ngọc (sinh giờ Tý ngày 25 tháng 9, năm Giáp Ngọ, niên hiệu Thành Thái). Mất giờ Thân ngày 23 tháng 5, năm Ất Mùi, niên hiệu Thành Thái thứ 7, 21 tuổi.

Sơ lược về hành trạng

Tháng 5 năm Ất Mùi, là năm thứ hai Ngô Từ quân đến làm Tri huyện ở Bình Xuyên. Từ quân ở lý sở, chăm chỉ, coi việc quan như việc nhà, coi việc của dân như việc của bản thân mình. Thiểm lão này rất biết rõ. Khi việc công rỗi rãi, thường cùng ngồi gảy đàn uống rượu, nhân đó mà biết hai cậu con, con cả Mạnh Trữ, sinh tháng 2, năm Ất Hợi, niên hiệu Tự Đức, là con đầu do phu nhân họ Lê sinh ra. Mạch đất chung đức khí thiêng, thiên tư bẩm thụ tuần tú. Ông Cao đường Tiên thái ông (ông tổ 3 đời), làm thơ mừng có câu:

Cận y trúc cán tiên thừa ẩm,

Dự hỷ đồng chi tảo phát nguyên.

(Dựa gần cành trúc, trước nhờ phúc ẩm,

Mừng thấy ngô đồng sớm phát khôi nguyên).

Cao đường trông mong vào đứa cháu biết chừng nào.

Năm 7 tuổi, Trữ theo Từ quân đến Tiên Hương, đức cũ kinh sách, Từ quân truyền dạy cho. Đến khi trưởng thành, Từ quân hỏi con gái ông Tú tài họ Nguyễn ở làng Hạ Đình, cưới cho làm vợ. Năm 18 tuổi, Từ quân làm Tri phủ Quốc Oai, lệnh lang cũng đi theo. Gia đình vợ chồng hoà thuận, lại được bố dạy bảo. Những ý thú từ sử sách, đều xem qua hết. Lối văn chương thi cử cũng đã vỡ vạc. Sau đó vì Từ quân công việc bận rộn, nên mới cho về theo học người họ ngoại là Nguyễn cư sỹ ở Linh Đường.

Năm Giáp Ngọ, kỳ thi hương bận rộn đã đến, mong sao vin được cành quế. Nhưng lệnh lang lại gặp tang bà, nên không đi thi được. Năm đó lệnh lang 21 tuổi, là tuổi giàu sức mạnh, chính nên miệt mài nghề học để đợi tương lai. Từ quân đã mời ông Thoái Dư, người cùng họ ở làng Dật Tú, huyện Kim Bài, đến lý sở dạy học, buông màn họ Đồng, tiếc tác bóng như họ Hàn, truyền bá đức hạnh, rõ nét tiếng hay, xứng đáng là con em của bậc danh gia. Hơn nữa, chữ Pháp, tiếng Pháp, không gì là không hiểu. Khi đang thời buổi giao thiệp mà việc học của lệnh lang không thiên về một mặt, thì tất bước thành đạt sẽ không cản trở. Trời mà giành cho năm tháng, thì sự tiến tới có thể đạt được chẳng! Ngờ đâu bắt đầu từ tháng 5, chứng bệnh phát ra, lệnh lang từ đó không khoẻ, việc thuốc thang nhờ ở thím lão tôi cả.

Ngày 14 tháng đó, Từ quân về Hà Thành làm giỗ đầu phu nhân, và mang lệnh lang về phố Khách mới để chạy chữa. Ngày 16, Từ quân vì việc

công khẩn cấp, phải về huyện. Lệnh lang bệnh ngày càng trầm trọng, gan ruột hư hỏng, rồi mất vào giờ Thân ngày 23 tháng đó, để lại 1 con gái tên Ngọ, mới 9 tháng tuổi. Tin buồn đưa đến, Từ quân đặt cho tên tự Lập Hiên, hiệu Cư Kính, cấp tốc viết thư về, sai đem táng ở ruộng cùng mộ với phu nhân, là muốn hương hồn của đứa con cả được nương nhờ vào tiếng thơm của mẹ nó. Thế rồi xúc động làm đôi câu đối rằng:

-Mệnh tai, vận tai, khả thống tai, nữ chi sinh nhị thập tải dư, lịch kỷ gian lao, khoá chi thư, thụ chi thất, dĩ ký tử chi thành, hồ nhiên quá khích quang âm, ly ngũ quan thịnh, nhất quyết vĩnh cầu tương kiến lạc
(Cũng do cái số, cũng do cái mệnh, đau xót thay cuộc sống của con, mới hơn hai mươi tuổi, đã trải gian lao, dạy con học, lấy vợ cho con, để mong con thành đạt, thời gian như khách qua đường, rồi lìa quan sảnh của ta, bỏ hẳn đi ngay, để tìm thú vui gặp mẹ);

-Cùng giả, đạt giả, sở hận giả, dư chi ngộ ngũ tứ niên lai, vô thời nhàn hạ, vong kỳ đệ, táng kỳ thê, nhi vị khuynh kỳ bĩ, hựu thử quy dài tư vọng, khắp nhi cô chấm, tam canh nan tảo bất miên sâu (Khi thì nghèo bán, khi thì hiển vinh, điều đáng hận cảnh ngộ của ta, bốn năm năm nay, không lúc nào nhàn hạ, em mất, vợ chết, mà vẫn chưa hết tai ương, lại lần này về nơi dài sảnh, nằm một mình cô đơn khóc con, suốt ba canh mất ngủ, khó quên được nỗi sầu).

Lại làm 4 bài thơ:

Bài 1

Vợ hiền vội vàng đi đâu không trở lại,

Gối đơn lạnh lẽo đã tròn một năm.

Không quên ân nghĩa thuở còn nghèo khó;

Nỗi buồn khó át được bằng thơ từ biệt nàng.
 Một chúc quan, chẳng kể nơi xa ngàn dặm;
 Trăm công ngàn việc bộn bề, tự giữ trong lòng.
 Đến nay đưa con dần độn, nữ bỏ đi mất,
 Nàng ở tuổi vàng có biết hay không.

Bài 2

Vật còn người mất, việc đã trôi qua,
 Sao vội tìm đến xe mây,⁽¹⁾ hỏi con ta.
 Được học kinh truyện, từ ngày mới lớn;⁽²⁾
 Thấy mẹ riêng buồn, kịp nhớ tới tuổi thơ.
 Con thơ cháu dại, thường khi tưởng nhớ;
 Tình riêng việc công, ngày những gửi thư.
 Không thể lại xem truyện buồn trong khuê các,
 Một nửa thương mẹ con, một nửa thương con.

Bài 3

Danh lợi từ đâu hàng ngày quẩn chặt,
 Buồn cho vợ, thương cho con, đã hơn năm trời.
 Sơn Thành đâu phải nơi chia loan rẽ phượng;
 Xuyên Thụ há là chốn con phải xa rời.
 Quách họ Nhan làn xong,⁽³⁾ những chỉ rơi hàng lệ;
 Bồn họ Trang không gõ,⁽⁴⁾ ca thành một thiên chơi.
 Nhớ lại ngày xưa chưa làm quan chức,
 Gia đình đoàn tụ, tiếng cười, nét mặt vẫn vui.

Bài 4

Nay gặp vận xung,⁽⁵⁾ hản thế này chẳng?
Bùa thiêng không đủ sức yểm trùng tang.⁽⁶⁾
Thương thay, phu nhân nay đã ly biệt;
Hướng cảnh ráng chiều sa xuống hồ dài.⁽⁷⁾
Bể hoạn dẫu không gặp sóng bão gập;
Tình ly biệt còn buộc lại chốn quê hương.
Ông Minh ty⁽⁸⁾ nếu có nỗi khổ trần thế,
Gặp cảnh tang thương này, nghĩ sao đây.

Thực là mực hoà nước mắt, viết thành mấy bài thơ này.

Già này soạn hành trạng của lệnh lang, già vẫn cứ nghĩ lệnh lang là con hiền của dòng họ Ngô, là người được truyền y bát,⁽⁹⁾ là người được nối dõi hương hoả. Với lệnh lang có cái trách nhiệm nặng nề, thế mà tuổi thọ ngắn ngủi, như Nhan Hồi không phụng dưỡng được mẹ cha, khác hẳn ông Tăng Tử. Than ôi, tại trời đó chẳng!

Trong đường hăm độc phú,⁽¹⁰⁾ thú vui hợp với tuổi vàng lời lời. Trên thêm trái đề thơ,⁽¹¹⁾ tẩm lòng hái rau lan rừng rắc. Thuyền gỗ bách buông ngang, duyên kiếp sau sẽ như thế nào? Người chủ chén rượu thờ cúng, tạo hoá sẽ chọn vào ai đây? Già này vì thương xót cho lệnh lang, hướng chi là Từ quân! Nhân đây thuật lại những điều tai nghe mắt thấy.

Người dưới hạt cai trị, nguyên Tri phủ phủ Thông Hoá Nguyễn Quang Oánh, hiệu Thạch Trai, quê thôn Đức Cung soạn.

CHÚ THÍCH:

1.Xe mây (vân xa): Cưỡi xe mây về cõi Tiên, là chỉ cõi chết.

2.Mới lớn: Dịch thoát từ chữ “gia quan,” đến tuổi trưởng thành, 20 tuổi trở lên thì làm lễ đội mũ.

3.Nhan Hồi khi chết, nhà nghèo không có quách, phải xin xe của Khổng Tử mà chôn. Trong bài dùng để chỉ Giáp Đậu khi con trai chết nhà còn rất nghèo.

4.Bồn họ Trang: Trang Chu vợ chết, ông ta không thương tiếc, đem cái bồn ra vừa gõ vừa hát chơi.

5.Vận xung: Chỉ vận hạn, năm xung tháng hạn.

6.Trùng tang: Theo quan điểm của người xưa, người chết phạm vào giờ xấu, chưa hết tang đã có cùng gia đình chết theo.

7.Hồ Đài: Là nơi nói về con chết.

8.Minh ty: Cũng như âm ty, nơi Diêm Vương ở.

9.Y bát: Áo và bát, dụng cụ của nhà sư. Người nào tu đắc đạo được truyền y bát. Sau từ này được dùng để chỉ sự truyền nối nói chung.

10.Trong đường hầm đọc phú: Trịnh Vũ Công gặp mẹ ở đường hầm, mừng quá đọc bài phú, rồi rước mẹ về phụng dưỡng. Đây nói lệnh lang gặp mẹ dưới suối vàng.

11.Trên thêm chái đề thơ: Xuất xứ *Kinh Thi*, thơ Nam lai, nói về người con hiếu lên thêm chái hái rau lan, để sớm tối phụng dưỡng mẹ.

崇恩廣記

禮因人情而爲之節，故君子以義率祖，敬合愛同，
必由乎內，以及乎外，方盡報本之誠。

我吳文獻世家爲國望族，其所從來遠矣。維我肇
祖妣慈慶，十四代祖妣慈樂，十三代祖妣明慧，十二代

祖妣德心，十一代祖妣純一列尊徽人，係某公某妣，所生不得而知也。

奉我十代祖妣慈良，是福林西甲，吳舍公之女。

九代祖妣慈莊，是東中甲，吳福安公之女。

八代祖妣慈光，是花舍東甲，阮仲廣公之女。

維知所生之公而所生之妣，不得而詳也。

奉我七代祖妣慈儀，是西後甲，阮福賢公之女。公諡號無傳。我達軒公崇恩之，議追號京湖漁父，諡安樂府君，後追妣號毓德徽人，而其忌日亦俱缺也。

噫！歷代祖妣之德之厚，所以資我家福蔭者至矣。欲求其世次之所自出，而年紀遼遠，譜係無徵，感念其朔茫乎渺焉。我達軒公實深致慨於斯也。

恭惟：

我六代祖妣慈端徽人，乃我外七祖考，慈廉縣主簿，阮貴公號純樸府君（十二月十八日忌）及妣吳貴氏，號慧容徽人（八月初五日忌）所生也。

我五代祖妣節懿徽人，乃我外六代祖考，辛卯科書算，充山南督撫主簿，兼文會勾當，蔣貴公字福兼，

號德顯府君(四月二十四日忌)及妣阮貴氏，號慈恭徽人(六月十一日忌)所生也。

我高祖妣貞慈夫人，乃我外五代祖考，茂林郎興化等處，清刑憲察使，司憲察副使，阮貴公字輝瑱，諡廉恪先生(正月初七日忌)，及妣吳貴氏，號貞順徽人(九月十一日忌)所生也。

我正曾祖妣慈明夫人，乃我外高祖考，百姓通政使，吳貴公號聰睿先生(五月十三日忌)，及妣阮貴氏，號純德徽人(九月二十九日忌)所生也。

我少曾祖妣慈正徽人，乃我外高祖考溪桑黃貴公，字福嚴府君(六月十二日忌)，及妣范貴氏，號妙繼孺人(四月三十日忌)所生也。

我祖妣慈順徽人，乃我外曾祖考青泥賜丙戌科進士，特進金紫榮祿大夫，王府陪從，平章省平章事，工部尚書，建川侯張相公，字文雅先生(二月十六日忌)，及少妣鄭貴氏，號嫺慎徽人(十月二十二日忌)所生也。

暨我先妣慈淑徽人，乃我外祖考安永丁卯科秀才阮居士，字敬甫號明靜先生（十月初一日忌），及少妣何貴氏，號慈董孺人（六月初四日忌）所生也。

我承祖宗之庥，以無墜厥詩書之澤，固陰隙所遺，然仁厚肇培，歷代祖妣，暨我先慈實多相之，可不思以隆其報？茲奉諸外家祖考妣列尊諡號，具編于右，而其忌日分註，所以体我達軒公之意也。後世子孫續而修之者聽。

PHIÊN ÂM:

SÙNG ÂN QUẢNG KÝ

Lễ nhân nhân tình nhi vi chi tiết, cố quân tử dĩ nghĩa suất tổ, kính hợp ái đồng, tất do hồ nội, dĩ cập hồ ngoại, phương tận báo bản chi thành.

Ngã Ngô văn hiến thế gia vi quốc vọng tộc, kỳ sở tông lai viễn hỹ. Triệu tổ tỷ Từ Khánh, thập tứ đại tổ tỷ Từ Lạc, thập tam đại tổ tỷ Minh Tuệ, thập nhị đại tổ tỷ Đức Tâm, thập nhất đại tổ tỷ Thuần Nhất liệt tôn huy nhân, hệ mẫu công mẫu tỷ, sở sinh bất đắc nhi tri dã.

Phụng ngã thập đại tổ tỷ Từ Lương, thị Phúc lâm Tây giáp, Ngô Xá công chi nữ.

Cửu đại tổ tỷ Từ Trang, thị Đông Trung giáp, Ngô Phúc An công chi nữ.

Bát đại tổ tỷ Từ Quang, thị Hoa Xá Đông giáp, Nguyễn Trọng Quảng công chi nữ.

Duy tri sở sinh chi công nhi sở sinh chi tử, bất đắc nhi tường dã.

Phụng ngã thất đại tổ tử Từ Nghi, thị Tây Hậu giáp, Nguyễn Phúc Hiền công chi nữ. Công thụy hiệu vô truyền. Ngã Đạt Hiền công sùng ân chi, nghị truy hiệu Kinh Hồ ngư phụ, thụy An Lạc phủ quân, hậu truy tử hiệu Dục Đức huy nhân, nhi kỳ ký nhật diệc cụ khuyết dã.

Y! Lịch đại tổ tử chi đức chi hậu, sở dĩ tư ngũ gia phúc ấm giả chí hỹ. Dục câu kỳ thế thứ chi sở tự xuất, nhi niên kỷ liêu viễn, phả hệ vô trùng, cảm niệm kỳ sóc mang hồ diệu yên. Ngã Đạt Hiền công thực thâm trí khái ư tư dã.

Cung duy:

Ngã lục đại tổ tử Từ Đoan huy nhân, nãi ngã ngoại thất tổ khảo, Từ Liêm huyện chủ bạ, Nguyễn quý công hiệu Thuần Phác phủ quân (thập nhị nguyệt thập bát nhật ky) cập tử Ngô quý thị, hiệu Tuệ Dung huy nhân (bát nguyệt sơ ngũ nhật ky) sở sinh dã.

Ngã ngũ đại tổ tử Tiết Ý huy nhân, nãi ngã ngoại lục đại tổ khảo, Tân Mão khoa Thư toán, sung Sơn Nam Đốc phủ chủ bạ, kiêm văn hội câu đương, tằng quý công tự Phúc Kiêm, hiệu Đức Hiến phủ quân (tứ nguyệt nhị thập tứ nhật ky) cập tử Nguyễn quý thị, hiệu Từ Cung huy nhân (lục nguyệt thập nhất nhật ky) sở sinh dã.

Ngã cao tổ tử Trình Từ phu nhân, nãi ngã ngoại ngũ đại tổ khảo, Mậu lâm lang Hưng Hoá đẳng xứ, Thanh hình hiến sát sứ, ty hiến sát sứ, Nguyễn quý công tự Huy Chân, thụy Liêm Khác tiên sinh (chính nguyệt sơ thất nhật ky), cập tử Ngô quý thị, hiệu Trình Thuận huy nhân (cửu nguyệt thập nhất nhật ky) sở sinh dã.

Ngã chính tằng tổ tử Từ Minh phu nhân, nãi ngã ngoại cao tổ khảo, Bách Tính Thông chánh sứ, Ngô quý công hiệu Thông Duệ tiên sinh (ngũ

nguyệt thập tam nhật ky), cấp tử Nguyễn quý thị, hiệu Thuần Đức huy nhân (cửu nguyệt nhị thập cửu nhật ky) sở sinh dã.

Ngã thiếu tăng tổ tử Từ Chính huy nhân, nãi ngã ngoại cao tổ khảo Khê Tang Hoàng quý công, tự Phúc Khánh phủ quân (lục nguyệt thập nhị nhật ky), cấp tử Phạm quý thị, hiệu Diệu Kế nhự nhân (tứ nguyệt tam thập nhật ky) sở sinh dã.

Ngã tổ tử Từ Thuận huy nhân, nãi ngã ngoại tăng tổ khảo Thanh Nê tứ Bính Tuất khoa Tiến sĩ, Đặc tiến kim tử vinh lộc đại phu, Vương phủ bồi tụng, Bình chương sảnh bình chương sự, Công bộ Thượng thư, Kiến Xuyên hầu Trương tướng công, tự Văn Nhã tiên sinh (nhị nguyệt thập lục nhật ky), cấp thiếu tử Trịnh quý thị, hiệu Nhân Thận huy nhân (thập nguyệt nhị thập nhị nhật ky) sở sinh dã.

Ký ngã tiên tử Từ Thục huy nhân, nãi ngã ngoại tổ khảo An Vinh Đinh Mão khoa Tú tài Nguyễn cư sĩ, tự Kính phủ hiệu Minh Tĩnh tiên sinh (thập nguyệt sơ nhất nhật ky), cấp thiếu tử Hà quý thị, hiệu Từ Đồng nhự nhân (lục nguyệt sơ tứ nhật ky) sở sinh dã.

Ngã thừa tổ tông chi hưu, dĩ vô truy quyết thi thư chi trạch, cố âm khích sở di, nhiên nhân hậu triệu bồi, lịch đại tổ tử ký ngã tiên từ thực đa tương chi, khả bất tư dĩ long kỳ báo? Tư phụng chư ngoại gia tổ khảo tử liệt tôn thụy hiệu, cụ biên vu hữu, nhị kỳ ky nhật phân chú, sở dĩ thể ngã Đạt Hiên công chi ý dã. Hậu thế tử tôn tục nhi tu chi giả thính.

DỊCH NGHĨA:

RỘNG GHI NÊU CAO ÂN ĐỨC

Theo lòng người mà bày ra tiết năm, cho nên người quân tử lấy nghĩa mà rồi đến tổ, hợp kính cùng yêu, hết thầy từ trong ra đến ngoài, mới hết được lòng chân thành báo đáp được nguồn gốc.

Họ Ngô ta là một dòng họ văn hiến, nổi tiếng trong nước tới nay đã lâu. Từ cụ Triệu tổ tỷ của ta là Từ Khánh, đến cụ Tổ tỷ đời thứ 14 là Từ Lạc, Tổ tỷ thứ 13 Minh Tuệ, Tổ tỷ thứ 12 Đức Tâm, Tổ tỷ đời thứ 11 Thuần Nhất, do cụ ông nào sinh ra, đều không thể biết.

Tổ tỷ đời thứ 10 là Từ Lượng, con gái cụ Ngô Xá Thư, người giáp tây thôn Phú Lâm.

Tổ tỷ đời thứ 9 là Từ Trang, con gái cụ Ngô Phúc An, người giáp Trung Đông.

Tổ tỷ đời thứ 8 là Từ Quang, con gái cụ Nguyễn Trọng Quảng, người giáp Đông thôn Hoa Xá.

Các vị Tổ tỷ kể trên, chỉ biết tên các cụ ông sinh ra, còn tên các cụ bà thì không được rõ.

Tổ tỷ đời thứ 7 là Từ Nghi, con gái cụ Nguyễn Phúc Hiên, người giáp Tây Hậu, tên hiệu và tên thụy của cụ ông không truyền lại. Cụ Đạt Hiên ta, theo lời bàn sùng ân, truy đặt tên hiệu Kinh Hồ Ngư Phủ, thụy An Lạc phủ quân. Lại truy đặt tên hiệu cho cụ bà là Dục Đức huy nhân. Còn các ngày giỗ đều phải để trống.

Ôi! Đạo đức trung hậu của các Tổ tỷ, trải qua các đời, đã giúp cho phúc ấm của dòng họ ta nhiều lắm. Muốn tìm nguồn gốc của dòng họ từ đầu, nhưng năm tháng xa vời, trong phả hệ lại không có chứng cứ, cảm động nhớ nhung thời buổi đầu đó, thật là mệnh mông xa vời. Cụ Đạt Hiên ta rất cảm khái về điều đó.

Kính nghĩ:

Tổ tỷ đời thứ 6 Từ Đoan huy nhân, do tổ ngoại đời thứ 7 Nguyễn quý công, Chủ bạ huyện Từ Liêm, hiệu Thuần Phác phủ quân (giỗ ngày 18

tháng 12), và cụ bà Ngô quý thị, hiệu Tuệ Dung huy nhân (giỗ ngày mùng 5 tháng 8) sinh ra.

Tổ tỷ đời thứ 5 Tiết Ý huy nhân, do tổ ngoại đời thứ 6 Tường quý công, đỗ Thụ toán khoa Tân Mão, bổ chức Chủ bạ đốc phủ Sơn Nam, kiêm Văn hội câu dương, tự Phúc Kiêm, hiệu Đức Hiên phủ quân (giỗ ngày 24 tháng 4), và cụ bà Nguyễn quý thị, hiệu Từ Cung huy nhân (giỗ ngày 11 tháng 6) sinh ra.

Cao tổ tỷ ta là cụ Trinh Từ phu nhân, do tổ ngoại đời thứ 5 Nguyễn quý công, tập ấm Mậu lâm lang, chức Thanh hình Hiến sát sứ sứ ty, Hiến sát phó sứ các xứ Hưng Hoá, tự Huy Chân, thụy Liêm Khắc tiên sinh (giỗ ngày mùng 7 tháng Giêng), và cụ bà Ngô quý thị, hiệu Trinh Thuận huy nhân (giỗ ngày 11 tháng 6) sinh ra.

Chính tằng tổ tỷ Từ Minh phu nhân, do ngoại cao tổ Ngô quý công, hiệu Thông Duệ tiên sinh, chức Thông chánh sứ, người làng Bách Tính (giỗ ngày 13 tháng 5), và cụ bà Nguyễn quý thị, hiệu Thuần Đức huy nhân (giỗ ngày 29 tháng 9) sinh ra.

Thiếu tằng tổ ta, Từ Chính huy nhân, do ngoại cao tổ Hoàng quý công, tự Phúc Nghiêm phủ quân, người Khê Tang (giỗ ngày 11 tháng 6), và cụ bà Phạm quý thị, hiệu Diệu Kế nhụ nhân (giỗ ngày 13 tháng 4) sinh ra.

Tổ tỷ Từ Thuận huy nhân ta, do ngoại tằng tổ, Trương tướng công, tự Văn Nhã tiên sinh, người Thanh Nê, Tiến sỹ khoa Bính Tuất, Đặc tiến kim tử vinh lộc đại phu, Vương phủ bồi tụng, Bình chương sảnh Bình chương sự, Công bộ Thượng thư, tước Kiến Xuyên hầu (giỗ ngày 16 tháng 2), và cụ bà Trịnh quý thị, hiệu Nhân Thận huy nhân (giỗ ngày 22 tháng 10) sinh ra.

Đến mẹ ta là Từ Thục huy nhân, do ông ngoại Nguyễn Cư, tự Kính Phủ, hiệu Minh Tinh tiên sinh, người An Vinh, Tú tài khoa Đinh Mão (giỗ ngày mùng 1 tháng 10), và bà ngoại Hà quý thị, hiệu Từ Huân nhụ nhân (giỗ ngày mùng 4 tháng 6) sinh ra.

Ta kế thừa phúc ảm của tổ tiên, không làm mất đi cái ân trạch của thi thư, cố nhiên là nhờ ở âm đức để lại. Song nền nhân hậu được bồi đắp, thì trải các đời Tổ tỹ cho đến mẹ ta, thực đã đóng góp vào khá nhiều, lẽ nào lại không nghĩ tới, để báo đáp long trọng hay sao? Nay kính phụng tên thụy, tên hiệu của các vị bên họ ngoại, biên chép đầy đủ sau đây, và ghi chú ngày mất, là để thể hiện cái ý của cụ Đạt Hiên ta vậy. Đồng thời cũng cho phép con cháu đời sau kế tục việc biên chép và sửa sang thêm.

附 編

1. 五代祖妣節懿徽人蔣貴氏家譜

蔣族籍於本社。始祖德光府君，妣吳氏號保生（以前無徵，故推爲始祖）。

德光生德進，妣阮氏號延長。

德進生德愚，妣號不記。

德愚生德正，妣號慈淑，氏不記。

德正生福溪，妣莫氏號慈愛。

福溪生德溪，妣吳氏號慈信。

德溪生修道，官光進大將軍，妣孫氏號慈性。

修道生福山，官武勳將軍，右點檢，妣范氏號慈福。

福山生德智，官進功郎，妣劉氏號德成。

德智生道高，妣阮氏號德廣。

道高生德泰，妣阮氏號慈延。

德泰生德顯府君（官爵見崇恩廣記），妣阮氏號慈恭（無男）。我節懿徽人，乃其女也（承我五代祖命，我高祖叔文肅公奉主德顯公記事）。

PHIÊN ÂM:

PHỤ BIÊN

Ngũ đại tổ tỷ Tiết Ý huy nhân Tường quý thị gia phả

Tường tộc tịch ư bản xã. thủy tổ Đức Quang phủ quân, tỷ Ngô thị hiệu Bảo sinh (dĩ tiên vô trưng, cố suy vi thủy tổ).

Đức Quang sinh Đức Tiến, tỷ Nguyễn Thị hiệu Diên Trường.

Đức Tiến sinh Đức Ngu, tỷ hhiệu bất ký.

Đức Ngu sinh Đức Chính, tỷ hiệu Từ Thục, thị bất ký.

Đức Chính sinh Phúc Khê, tỷ Mạc thị hiệu Từ Ái.

Phúc Khê sinh Đức Khê, tỷ Ngô thị hiệu Từ Tấn.

Đức Khê sinh Tu Đạo, quan Quang tiến đại tướng quân, tỷ Tôn thị hiệu Từ Tĩnh.

Tu Đạo sinh Phúc sơn, quan Vũ huân tướng quân, hữu điểm kiểm, tử Phạm thị hiệu Từ Phúc.

Phúc sơn sinh Đức Trí, quan Tiến công lang, tử Lưu thị hiệu Đức Thành.

Đức Trí sinh Đạo Cao, tử Nguyễn Thị hiệu Đức Quảng.

Đạo Cao sinh Đức Thái, tử Nguyễn Thị hiệu Từ Diên.

Đức Thái sinh Đức Hiển phủ quân (quan tước kiến Sùng ân quảng ký), tử Nguyễn Thị hiệu Từ Cung (vô nam). Ngã Tiết Ý huy nhân, nữ kỳ nữ dã (thừa ngã ngũ đại tổ mệnh, ngã cao tổ thúc Văn Túc công phụng chủ Đức Hiển công ký sự).

DỊCH NGHĨA:

PHỤ CHÉP

Gia phả cụ bà 5 đời Tiết Ý huy nhân, họ Tưởng

Họ Tưởng quê quán xã nhà. Thủy tổ là Đức Quang phủ quân, và cụ bà họ Ngô, hiệu Bảo Sinh (trở về trước không rõ nguồn gốc, nên bắt đầu từ cụ Đức Quang là thủy tổ). Đức Quang sinh Đức Tiến, cụ bà họ Nguyễn, hiệu Diên Trường.

Đức Tiến sinh Đức Ngu, cụ bà không rõ họ, tên hiệu.

Đức Ngu sinh Đức Chính, cụ bà hiệu Từ Thực, họ không rõ.

Đức Chính sinh Phúc Khê, cụ bà họ Mạc, hiệu Từ Ái.

Phúc Khê sinh Đức Khê, cụ bà họ Ngô, hiệu Từ Tín.

Đức Khê sinh Tu Đạo, làm quan Quang tiến đại tướng quân, cụ bà họ Tôn, hiệu Từ Tĩnh.

Tu Đạo sinh Phúc Sơn, quan Vũ huân tướng quân, hữu điểm kiểm, cụ bà họ Phạm, hiệu Từ Phúc.

Phúc Sơn sinh Đức Trí, quan Tiến công lang, cụ bà họ Lưu, hiệu Đức Thành.

Đức Trí sinh Đạo Cao, cụ bà họ Nguyễn, hiệu Đức Quảng.

Đạo Cao sinh Đức Thái, cụ bà họ Nguyễn, hiệu Từ Diên.

Đức Thái sinh Đức Hiển phủ quân (Quan tước xem ở mục Sùng ân quảng ký), cụ bà họ Nguyễn, hiệu Từ Cung (không có con trai). Tiết Ý huy nhân ta là con gái của cụ (thừa mệnh cụ tổ đời thứ 5, cao tổ thúc ta là Văn Túc công, chủ việc thờ cúng cụ Đức Hiển).

2.四代祖妣貞慈夫人阮貴氏家譜

阮族顯恭大夫福永先生，青威潮曲人也，妣號潛德，生學文館儒生陽溪先生。

妣號慈勝，陽溪生府。府生魚隱先生。

妣號慈德，乃自潮曲遷左青威。魚隱生養浩先生，官特進金紫榮祿大夫，又安處贊治承政使司承政使，裕恩侯柱國。

妣號慈懿，養浩生青溪先生，官茂林郎，長安府知府。

妣號慈達，青溪生敏亮先生，廕秀林局。

妣吳氏號慈恭，敏亮生華溪先生，廕秀林局。

妣武氏號慈春，華溪生素問，字真靜先生，襲廢職。

妣吳氏號貞純，素問生演溪先生，官壯節衛武尉真祿伯。

妣劉氏號淑哲，演溪生敦信，字樸仲先生，官吳子。

妣吳氏號慈憲，敦信生志道，字克寬先生，官謹事佐郎，安朗縣知縣。

妣陶氏號慈毅，志道生方正，字克忠先生，官顯恭大夫東閣學士致仕，堅義伯，贈特進金紫榮祿大夫御史柱國。

妣吳氏號端勤，方正生廉恪，字輝璵先生，官茂林郎興化等處，清刑憲察使司副使。

妣吳氏號貞順，生二男三女。長子甲戌科進士雙玉公。長女我貞慈正夫人，次女我高祖叔母是。

PHIÊN ÂM:

Tứ đại tổ tỷ Trinh từ phu nhân Nguyễn quý thị gia phả

Nguyễn tộc Hiển cung đại phu Phúc Vĩnh tiên sinh, Thanh Uy Triều Khúc nhân dã, tỷ hiệu Tiềm Đức, sinh học văn quán nho sinh Dương Khê tiên sinh.

Tỷ hiệu Từ Thắng, Dương Khê sinh Phủ. Phủ sinh Ngự Ân tiên sinh.

Tỷ hiệu Từ Đức, nãi tự Triều Khúc thiên Tả Thanh Uy. Ngự Ân sinh Dương Hạo tiên sinh, quan Đặc tiến kim tử vinh lộc đại phu, Nghệ An xứ tán trị thừa chính sử ty thừa chính sử, Dụ Ân hầu trụ quốc.

Tỷ hiệu Từ Ý, Dương Hạo sinh Thanh Khê tiên sinh, quan Mậu lâm lang, Trường An phủ Tri phủ.

Tỷ hiệu Từ Đạt, Thanh Khê sinh Mẫn Lượng tiên sinh, ấm Tú lâm cục.

Tỷ Ngô thị hiệu Từ cung, Mẫn Lượng sinh Hoa Khê tiên sinh, ấm Tú lâm cục.

Tỷ Vũ thị hiệu Từ Xuân, Hoa Khê sinh Tố Ván, tự Chân Tĩnh tiên sinh, tập ấm chức.

Tỷ Ngô thị hiệu Trinh Thuần, Tố Ván sinh Diễn Khê tiên sinh, quan Tráng Tiết vệ vũ úy Chân Lộc bá.

Tỷ Lưu thị hiệu Thục Triết, Diễn Khê sinh Đôn Tín, tự Phác Trọng tiên sinh, quan ngô tử.

Tỷ Ngô thị hiệu Từ Hiến, Đôn Tín sinh Chí Đạo, tự Khắc Khoan tiên sinh, quan Cẩn sự tá lang, An Lăng huyện Tri huyện.

Tỷ Đào thị hiệu Từ Nghị, Chí Đạo sinh Phương Chính, tự Khắc Trung tiên sinh, quan Hiến cung đại phu Đông các học sĩ trí sĩ, Kiên Nghĩa bá, tặng Đặc tiến kim tử vinh lộc đại phu Ngự sử trụ quốc.

Tỷ Ngô thị hiệu Đoan Cần, Phương Chính sinh Liêm Khác, tự Huy Chân tiên sinh, quan Mậu lâm lang Hưng Hoá đẳng xứ, Thanh hình hiến sát sử ty phó sử.

Tỷ Ngô thị hiệu Trinh Thuần, sinh nhị nam tam nữ. Trưởng tử Giáp Tuất khoa Tiến sĩ Song Ngọc công. Trưởng nữ ngã Trinh Từ chính phu nhân, thứ nữ ngã cao tổ thúc mẫu thị.

DỊCH NGHĨA:

Gia phả cụ bà 4 đời, Trinh Từ phu nhân, họ Nguyễn

Hiển cung đại phu họ Nguyễn, hiệu Phúc Vĩnh tiên sinh, người Triều Khúc, huyện Thanh Oai, và cụ bà hiệu Tiềm Đức, sinh Học văn quán Nho sinh, hiệu Dương Khê tiên sinh.

Dương Khê tiên sinh, và cụ bà hiệu Từ Thắng, sinh Phủ. Phủ sinh Ngư Ẩn tiên sinh.

Ngư Ẩn tiên sinh, và cụ bà hiệu Đức Từ, từ Triều Khúc dời nhà về ở Tả Thanh Oai, sinh Dưỡng Hạo tiên sinh.

Dưỡng Hạo tiên sinh, quan Đặc tiến kim tử vinh lộc đại phu, Tán trị Nhệ An xứ, Thừa chính sứ ty thừa chính sứ, tước Dự Ân hầu trụ quốc, và cụ bà hiệu Từ Ý, sinh Thanh Khê tiên sinh.

Thanh Khê làm quan Mậu lâm lang, Tri phủ phủ Trường An, và cụ bà hiệu Từ Đạt sinh Mẫn Lượng tiên sinh.

Mẫn Lượng được tập ấm Tú lâm cục, và cụ bà hiệu Từ Cung, sinh Hoa Khê tiên sinh.

Hoa Khê tiên sinh được tập ấm Tú lâm cục, và cụ bà họ Vũ, hiệu Từ Xuân, sinh Tố Hà.

Tố Hà tự Chân Tĩnh tiên sinh, được tập ấm chức, và cụ bà họ Ngô, hiệu Trinh Thuần, sinh Diễn Khê tiên sinh.

Diễn Khê tiên sinh, quan Tráng tiết vệ vũ úy, tước Chân Lộc bá, và cụ bà họ Lưu, hiệu Thục Triết, sinh Đôn Tín.

Đôn Tín tự Phác Trọng tiên sinh, là quan viên tử, và cụ bà họ Ngô, hiệu Từ Hiến, sinh Chí Đạo.

Chí Đạo, tự Khắc Khoan tiên sinh, quan Cẩn sự tá lang, Tri huyện huyện An Lãng, và cụ bà họ Đào, hiệu Từ Nghi, sinh Phương Chính.

Phương Chính tự Khắc Trung tiên sinh, quan Hiển cung đại phu Đông các học sĩ, trí sĩ, tước Kiên Nghị bá, phong tằng Đặc tiến kim tử

vinh lộc đại phu, Ngự sử trụ quốc, và cụ bà họ Ngô, hiệu Đoan Cẩn, sinh Liêm Khác.

Liêm Khác tự Huy Chân tiên sinh, quan Mậu lâm lang, Hưng Hoá đẳng xứ, Thanh hình Hiến sát sứ ty phó sứ, và cụ bà họ Ngô, hiệu Trinh Thuận, sinh 2 trai, 3 gái. Con trai cả tên Song Ngọc, Tiến sỹ khoa Giáp Tuất. Con gái cả là Trinh Từ chính phu nhân ta, con gái thứ là mẹ của Cao tổ thúc ta.

3. 正曾祖妣慈明夫人吳貴氏家譜

吳族貫百姓者(屬南定省, 天長府, 南真縣)。其先自清華之洞滂(紹天府安定縣)來也。始祖吳公信以黎朝太尉清國公之季子來居其地(妣氏號不詳), 生太保西郡公(公諡號及妣氏號並不傳), 生吳公禮, 官特進輔國上將軍, 錦衣衛都指揮使忠祿侯, 字道溪。

妣阮氏號慈裕(按西郡公之次男, 又移其縣之揆提社, 太保真郡公, 後改姓范), 道溪生吳公勇, 官特進輔國上將軍武勝侯, 字福勝。

妣武氏號慈德(按道溪公季男吳公良, 討賊有功, 特進輔國左軍奇兼知水師左都督雲郡公), 福勝生吳公正, 號直性。

妣段氏號妙顏，直性生吳公軍，字福道。

妣謝氏號慈信，福道生吳彥，官特進輔國崇毅將軍全義侯，蒙給祀事田八十畝，諡真智。

妣阮氏號玉珍，真智生吳公謙，官都指揮使，羌武侯。

妣陳氏號慈裕，吳公謙生吳公耀，諡洞玄先生，辛酉討賊有功，陞京北處右參協子蘿復討逆璜有功，陞一次。

妣楊氏號慈廉，洞玄先生，生吳公捷（按洞玄次男吳公植，第庚辰科進士，官僉都御史）。初以軍功，祇受通政使，討賊有功，奉敕協同南道，事平，辭官陞擢，一無所受，卒諡通慧府君。

妣阮氏號純德，生三男，長鎮、仲擇、季樹，三女，長琨、次璿，我曾祖妣則其季也。

PHIÊN ÂM:

Chính tăng tổ tỷ Từ Minh phu nhân Ngô quý thị gia phả

Ngô tộc quán Bách Tĩnh giả (thuộc Nam Định tỉnh, Thiên Trường phủ, Nam Chân huyện). Kỳ tiên tự Thanh Hoa chi Động Bàng (Thiệu Thiên phủ An Định huyện) lai dã. Thủy tổ Ngô công Tín dĩ Lê triều Thái úy Thanh quốc công chi quý tử lai cư kỳ địa (tỷ thị hiệu bát tường), sinh Thái bảo Tây quận công (công thủy hiệu cập tỷ thị hiệu tịnh bát truyền), sinh

Ngô Công Lễ, quan Đặc tiến phụ quốc thượng tướng quân, cảm y vệ đô chỉ huy sứ Trung Lộc hầu, tự Đạo Khê.

Tỷ Nguyễn thị hiệu Từ Dụ (án Tây quận công chi thứ nam, hựu di kỳ huyện chi Quỹ Đề xã, Thái bảo Chân quận công, hậu cải tính Phạm), Đạo Khê sinh Ngô Công Dũng, quan Đặc tiến phụ quốc thượng tướng quân Vũ Thắng hầu, tự Phúc Thắng.

Tỷ Vũ thị hiệu Từ Đức (án Đạo Khê công quý nam Ngô Công Lương, thảo tặc hữu công, Đặc tiến phụ quốc tả quân cơ kiêm tri thủy sư tả đô đốc Vân quận công), Phúc Thắng sinh Ngô Công Chính, hiệu Trực Tính.

Tỷ Đoàn thị hiệu Diệu Nhan, Trực Tính sinh Ngô Công Quân, tự phúc đạo.

Tỷ Tạ thị hiệu Từ tín, Phúc Đạo Sinh Ngô Ngạn, quan Đặc tiến phụ quốc sùng nghị tướng quân Toàn Nghĩa hầu, mông cấp tự sự điền bát thập mẫu, thụy Chân Trí.

Tỷ Nguyễn thị hiệu Ngọc Trân, Chân Trí sinh Ngô Công Khiêm, quan đô chỉ huy sứ, Khương Vũ hầu.

Tỷ Trần thị hiệu Từ Dụ, Ngô Công Khiêm sinh Ngô Công Diệu, thụy Động Huyền tiên sinh, Tân Dậu thảo tặc hữu công, thăng Kinh Bắc xứ hữu tham hiệp tử La phục thảo nghịch Hoàng hữu công, thăng nhất thứ.

Tỷ Dương thị hiệu Từ Liêm, Động Huyền tiên sinh, sinh Ngô Công Tiệp (án Động Huyền thứ nam Ngô Công Thực, đệ Canh Thìn khoa Tiến sĩ, quan Thiêm đô ngự sử). Sơ dĩ quân công, kỳ thụ Thông chánh sứ, thảo tặc hữu công, phụng ban hiệp đồng nam đạo, sự bình, từ quan thăng trạc, nhất vô sở thụ, tốt thụy Thông Tuệ phủ quân.

Tỷ Nguyễn thị hiệu Thuần Đức, sinh tam nam, trưởng Trấn, trọng Trạch, quý Thụ, tam nữ, trưởng Côn, thứ Thanh, ngã tăng tổ tỷ tấc kỳ quý dã.

DỊCH NHĨA:***Gia phả Chính tằng tổ Từ Minh phu nhân họ Ngô***

Họ Ngô quê Bách Tĩnh, huyện Nam Chân, phủ Thiên Trường tỉnh Nam Định. Tổ tiên ở Động Bàng, Thanh Hoa (huyện Yên Định, phủ Thiệu Thiên). Thủy tổ là Ngô Tín, con út Thanh quốc công Thái úy triều Lê, đến ở đất này (cụ bà không rõ họ và tên hiệu), sinh được Thái bảo Tây quận công (Thụy, hiệu cụ ông và họ cụ bà, đều không rõ), sinh Ngô Lễ.

Ngô Lễ quan Đặc tiến phụ quốc Thượng tướng quân, Cẩm y vệ, Đô chỉ huy sứ, tước Trung Lộc hầu, tự Đạo Khê, và cụ bà họ Nguyễn, hiệu Từ Dụ (Theo con trai thứ của Tây quận công, lại dời về xã Quý Đề, huyện đó, làm quan Thái bảo Trấn quốc công, sau đổi ra họ Phạm), sinh Ngô Dũng.

Ngô Dũng quan Đặc tiến phụ quốc Thượng tướng quân, tước Vũ Thắng hầu, tự Phúc Thắng, và cụ bà họ Vũ, hiệu Từ Đức (Theo con trai út của Đạo Khê là Ngô Lương, có công dẹp giặc, quan Đặc tiến phụ quốc Tả quân cơ Kiêm tri thủy sư Tả đô đốc, tước Vân quận công), sinh Ngô Chính.

Ngô Chính hiệu Trực Tĩnh, và cụ bà họ Đoàn, hiệu Diệu Nhan, sinh Ngô Bút.

Ngô Bút tự Phúc Đạo, và cụ bà họ Tạ hiệu Từ Tín, sinh Ngô Ngạn.

Ngô Ngạn, quan Đặc tiến phụ quốc, Sùng nghị tướng quân, tước Kim Nghĩa hầu, được cấp ruộng phụng thờ 80 mẫu, thụy Trân Trí, và cụ bà họ Nguyễn, hiệu Ngọc Trân, sinh Ngô Khiêm.

Ngô Khiêm, quan Đô chỉ huy sứ tước Khương Vũ hầu, và cụ bà họ Trần, hiệu Từ Dụ, sinh Ngô Diệu.

Ngô Diệu thụy Động Huyền tiên sinh, năm Tân Mão dẹp giặc có công, được thăng Hữu tham xứ Kinh Bắc, tước Hiệp tử. Lại có công dẹp giặc Hoàng, được thăng thêm một bậc, và cụ bà họ Dương, hiệu Từ Liêm, sinh

Ngô Tiệp (con trai thứ của Động Huyền là Ngô Thực, Tiến sỹ khoa Canh Thìn, quan Thiêm đô sự).

Ngô Tiệp trước đây lập được nhiều quân công, được nhận chức Thông chánh sứ. Sau có công dẹp giặc, được phong làm Hiệp đồng Nam đạo. Khi việc đã yên ổn, cù xin từ quan, những thăng thưởng cất nhắc, đều không nhận gì. Khi mất, cho tên thụy Thông Tuệ phủ quân. Cù bà họ Nguyễn, hiệu Thuần Đức, sinh 3 trai: Trưởng Trán, thứ Trạch, út Thụ; 3 gái: Cả Côn, thứ Thanh, Tăng tổ tỷ ta là con gái út.

4. 少曾祖妣慈正徽人黃貴氏家譜

黃族邑於溪桑者，始祖福衍公始居其地，妣阮氏號慈德，福衍生純義公。

妣鄭氏號慈懿，純義生福德。

妣武氏號慈心，福德生福來。

妣阮氏號慈忠，福來生福嚮。

妣鄭詩號慈質，福嚮生法謹。

妣阮氏號慈容，法謹生福慶。

妣范氏號妙繼，生男女各一。男登述公，女則我少曾祖妣是。

PHIÊN ÂM:

Thiếu tăng tổ tỷ Từ chính huy nhân Hoàng quý thị gia phả

Hoàng tộc áp ư Khê Tang giả, thuy tổ Phúc Diễn công thuy cư kỳ địa, tỷ Nguyễn thị hiệu Từ Đức, Phúc Diễn sinh Thuần Nghĩa công.

Tỷ Trịnh thị hiệu Từ Ý, Thuần Nghĩa sinh Phúc Đức.

Tỷ Vũ thị hiệu Từ Tâm, Phúc Đức sinh Phúc Lai.

Tỷ Nguyễn thị hiệu Từ Trung, Phúc Lai sinh Phúc Hưởng.

Tỷ Trịnh thị hiệu Từ Chất, Phúc Hưởng sinh Pháp Cẩn.

Tỷ Nguyễn thị hiệu Từ Dung, Pháp Cẩn sinh Phúc Khánh.

Tỷ Phạm thị hiệu Diệu Kế, sinh nam nữ các nhất. Nam Đăng Thuật công, nữ tặc ngã thiếu tăng tổ tỷ thị.

DỊCH NGHĨA:

Gia phả Thiếu tăng tổ Từ Chính huy nhân, họ Hoàng

Họ Hoàng quê ấp Khê Tang, thủy tổ là Phúc Diên công, định cư đầu tiên ở đất ấy, và cụ bà họ Nguyễn, hiệu Từ Đức, sinh Thuần Nghĩa.

Thuần Nghĩa lấy bà họ Trịnh, hiệu Từ Ý, sinh Phúc Đức.

Phúc Đức lấy bà họ Vũ, hiệu Từ Tâm, sinh Phúc Lai.

Phúc Lai lấy bà họ Nguyễn, hiệu Từ Trung, sinh Phúc Hưởng.

Phúc Hưởng lấy bà họ Trịnh, hiệu Từ Chất, sinh Pháp Cẩn.

Pháp Cẩn lấy bà họ Nguyễn, hiệu Từ Dung, sinh Pháp Nghiêm.

Pháp Nghiêm lấy bà họ Phạm, hiệu Diệu Kế, sinh 1 trai, 1 gái. Con trai là Đăng Thuật, con gái là cụ Thiếu tăng tổ ta.

5. 祖妣慈順徽人張貴氏家譜

張姓籍於青泥，始祖篤心公，原均澤社人，姓阮（諡號不詳），移住青泥社，篤心寺，因以寺名為號，生男玄恩公。玄恩為張姓禿睦公後改姓張，富於財，生男玄進公。

玄進蒙贈振義子，生男惠卿公，諱表，官木丸屯田所所使，贈羅川伯，生男六。一覽（傳二世無嗣），二略（傳至八代孫之子彪，彪之子忠，忠之子燐，是大宗之承嗣孫），三謀、四大、六監，仁壽公則其第五男也。

公諱挺，官勘合，贈太仆御史臺都御史，昌派侯，壽八十。正夫人張氏，生二男，次仲樸，官都指揮，贈都督，蓮溪侯（生男登接，接生揭，揭生檣，檣生樺）。長則文雅公，諱登揆，第丙辰科三甲進士，官特進金紫榮祿大夫，王府陪從平章省平章事，工部尚書，爵建川侯，卒七十奇。正夫人武氏，生七男，女不詳。

長男登授，第鄉薦，官協鎮，梧川侯（生男柄，柄生槁，槁無男）。

第二男登捷，弟生徒，官撫御史，定川伯（生三男，長棧、次操、季掌。

棧生二男，長捧、次揍。捧生七男擅、樸、桷、旻、捲、檄、樸。

擅承樸後，生樸，樸生振。

揍第舉人，官知縣，生男三，長克譽、次克誨，舉人、季克順。

操生二男，長拒、次拊。拒生四男，槿、檄、掄、機。拊有學，卒八十零，生男櫛。

掌生三男，杖、持、槎）。

第三男登採（生子括無繼）。

第四男登哲（無繼）。

第五男登枝（生四男，金春品等是其玄孫）。

第六男登拱（生二男，長槩，次挹。槩生槿、櫟、扭。挹生男攝）。

第七男登搢（生男指，指生揩，揩生挽）。

女則我慈順徽人，是其行五，次夫人鄭氏所生。

PHIÊN ÂM:

Tổ tỷ Từ Thuận huy nhân Trương quý thị gia phả

Trương tính tịch ư Thanh Nê, thủy tổ Đốc Tâm công, nguyên Quân Trạch xã nhân, tính Nguyễn (thụy hiệu bát tường), di trú Thanh Nê xã, Đốc Tâm tự, nhân dĩ tự danh vi hiệu, sinh nam Huyền Ân công. Huyền Ân vi Trương tính Thốc Mục Công hậu cải tính Trương, phú ư tài, sinh nam Huyền Tiến Công.

Huyền Tiến mông tặng Chấn Nghĩa tử, sinh nam Huệ Khanh công, huy Biểu, quan Mộc hoàn đồn điền sở sở sứ, tặng La Xuyên bá, sinh nam lục. Nhất Lãm (truyền nhị thế vô tự), nhị Lược (truyền chí bát đại tôn chi tử Bưu, Bưu chi tử Trung, Trung chi tử Lân, thị đại tông chi thừa tự tôn), tam Miêu, tứ Đại, lục Giãm, Nhân Thọ công tác kỳ đệ ngũ nam dã.

Công huy Đĩnh, quan Khám hợp, tặng Thái bộc ngự sử đài đô ngự sử, Xương Phái hầu, thọ bát thập. Chính phu nhân Trương thị, sinh nhị nam, thứ Trọng Phác, quan Đô chỉ huy, tặng đô đốc, Liên Khê hầu (sinh nam Đăng Tiếp, Tiếp sinh Yết, Yết sinh Cát, Cát sinh Cao). Trưởng tặc Văn Nhã công, huy Đẳng Quý, đệ Bính Thìn khoa Tam giáp Tiến sĩ, quan Đặc tiến kim tử vinh lộc đại phu, Vương phủ bồi tụng Bình chương sảnh bình chương sự, Công bộ Thượng thư, tước Kiến Xuyên hầu, tốt thất thập cơ. Chính phu nhân Vũ thị, sinh thất nam, nữ bất tường.

Trưởng nam Đăng Thụ, đệ Hương tiến, quan Hiệp trấn, Ngô Xuyên hầu (sinh nam Bính, Bính sinh Bình, Bình vô nam).

Đệ nhị nam Đăng Tiếp, đệ Sinh đồ, quan Phủ ngự sử, Đĩnh Xuyên bá (sinh tam nam, trưởng Diễm, thứ Tháo, quý Chương).

Diễm sinh nhị nam, trưởng Bổng thứ Tấu. Bổng sinh thất nam Thiện, Mạc, Sảng, Bôn, Quyển, Trí, Toán.

Thiện thừa Bính hậu, sinh Tuệ, Tuệ sinh Chấn.

Tấu đệ Cử nhân, quan Tri huyện, sinh nam tam, trưởng Khắc Dự, thứ Khắc Hôi, Cử nhân, Quý Khắc Thuận.

Tháo sinh nhị nam, trưởng Cử, thứ Biện. Cử sinh tứ nam, Cần, Mẫn, Luân, Tì. Biện hữu học, tốt bát thập linh, sinh nam Tư.

Chương sinh tam nam, Trưởng, Trí, Cơ.

Đệ tam nam Đăng Thái (sinh tử Quát vô kế).

Đệ tứ nam Đăng Triết (vô kế).

Đệ ngũ nam Đăng Kỳ (sinh tử nam, kim Xuân Phẩm đăng thị kỳ huyền tôn).

Đệ lục nam Đăng Cung (sinh nhị nam, trưởng Sách, thứ Ấp. Sách sinh Bút, Toán, Sửu. Ấp sinh nam Nhiếp).

Đệ thất nam Đăng Tấn (sinh nam Chỉ, Chỉ sinh Giai, Giai sinh Văn).

*Nữ tặc ngã Từ Thuận huy nhân, thị kỳ hành ngũ, thứ phu nhân
Trịnh thị sở sinh.*

DỊCH NGHĨA:

Gia phả Từ Thuận huy nhân, họ Trương

Họ Trương quê Thanh Nê, thủy tổ là Đốc Tâm công, nguyên người xã Quân Trạch, họ Nguyễn (thủy, hiệu không rõ), dời về ở chùa Đốc Tâm xã Thanh Nê, nhân lấy tên chùa làm tên hiệu. Sinh 1 trai Huyền Ân, Huyền Ân làm con nuôi Thốc Mộc công, họ Trương, nên đổi theo họ Trương, nhà rất giàu có, sinh 1 trai Huyền Tiến.

Huyền Tiến được tặng tước Chấn nghĩa tử, sinh 1 trai Huệ Khanh, huý Biếu. Biếu làm quan chức Mộc hoàn đồn điền sở sứ, tặng tước La Xuyên bá, sinh 6 trai. Trai cả Lãm (truyền được 2 đời thì không người nối dõi). Con thứ 2 Lược (truyền đến đứa con của cháu 8 đời là Bư. Con của Bư là Trung. Con của Trung là Lân. Lân là cháu kế thừa thờ cúng của họ đại tông). Con thứ 3 Mư, thứ 4 Đại, thứ 6 Giám.

Nhân Thọ công là con trai thứ 5, huý Đĩnh, làm quan chức Khám hợp, tặng Thái bộc Ngự sử đài Đô ngự sử, tước Xương Phái hầu, thọ 80 tuổi. Cụ bà chính thất họ Trương, sinh 2 trai. Con thứ Trọng Phác, Trọng Phác làm quan Đô chỉ huy, tặng Đô đốc, tước Liên Khê hầu (sinh con trai Đăng Tiếp, Tiếp sinh Yết, Yết sinh Cát, Cát sinh Cao). Con trai trưởng Văn Nhã công, huý Đăng Quý, đỗ Tam giáp Tiến sỹ khoa Bính Thìn, quan Đặc tiến kim tử vinh lộc đại phu, Vương phủ bồi tụng, Bình chương sảnh, bình chương sự, Công bộ Thượng thư, tước Kiến Xuyên hầu, mất năm 70 tuổi. Cụ bà chính thất họ Vũ, sinh được 7 trai, con gái thì không rõ.

Con trai cả Đăng Thụ, đỗ Hương Tiến, quan Hiệp trấn, tước Ngô Xuyên hầu (sinh con trai Bính, Bính sinh Bình, Bình không có con thừa kế).

Con trai thứ 2 Đăng Tiệp, đỗ Sinh đồ, quan chức Phủ Ngự sử, tước Định Xuyên bá (sinh 3 trai, trưởng Diễm, thứ Tháo, út Chuồng).

Diễm sinh 2 trai, trưởng Bổng, thứ Tấu. Bổng sinh 7 trai là Thiện, Mạc, Sảng, Bôn, Quyển, Trí, Toán.

Thiện làm con thừa tự của Bính, sinh Tuệ, Tuệ sinh Chấn.

Tấu đỗ Cử nhân, làm quan Tri huyện, sinh 3 trai, trưởng Khắc Dự, thứ Khắc Hồi, đỗ Cử nhân, con trai út Khắc Thuận.

Tháo con thứ 2 của Đăng Tiệp, sinh 2 trai, trưởng Cự, thứ Biện. Cự sinh 4 trai: Cần, Mẫn, Luân, Ti. Biện có học, thọ 80 tuổi, sinh 1 trai Tư.

Chuồng (con thứ 3 của Đăng Tiệp), sinh 3 trai: Phù, Trì, Cơ.

Con trai thứ 3 (của Đăng Quy) là Đăng Thái, sinh 1 trai Quát, Quát không có con.

Con trai thứ 4 Đăng Triết, không có con.

Con trai thứ 5 Đăng Kỳ (sinh 4 trai, nay bọn Xuân Phẩm là chất của ông).

Con trai thứ 6 Đăng Cung (sinh 2 trai, trưởng Sách, thứ Ấp. Sách sinh 3 trai: Bút, Toán, Sửu. Ấp sinh 1 trai Nhiếp).

Con trai thứ 7 là Đăng Tấn (sinh 1 trai Chỉ, Chỉ sinh Giai, Giai sinh Văn).

Người con gái Từ Thuận huy nhân ta ở vào hàng thứ 5, do bà vợ thứ sinh ra.

6. 先妣慈淑徽人阮貴氏家譜

阮氏籍於安永(屬快州府東安縣)。始祖玄遠公，正妣阮氏號慈孝，亞妣阮氏號慈在。玄遠生守信公。

妣阮氏號慈淨，守信生福德公。

妣阮氏號慈儀，福德生福軒公。

妣阮氏號慈貴，福軒生三男，長延，次財（福延生福玄、法案，福財生福綏、福累），季則我福正公，妣阮氏號慈仁，生二男，長福祿，我福佐公是其次。

妣阮氏號慈瑤，福佐生四男，我善信公其第四支也。

善信諱超，字敦樸，充府生，授進功庶郎，永康縣承，壽七十奇，正妣阮氏號樸雅（諱攜）壽五十奇，亞妣黎氏號節愛（諱松）壽六十（五月初六日善信忌日，八月二十日樸雅忌日，正月初八日節愛忌日）。

善信生三男，我弘實公其第三支也。弘實諱理，字端毅，充府學號生，授總長，壽六十奇，妣阮氏號懿順（諱霖）壽七十奇（十月初八日弘實公，正月二十九日懿順忌）。

弘毅生四男，仲子固甫（諡明允奉褒獎義民，生三男，今阮珪是其次孫）。叔子敬惠（諡端亮奉褒獎義民，生八男，今九品阮瑁是其次孫）。季子瑩甫（諡清直，生男璫吏目）。長則我明靜公，是公諱肅字敬甫，登丁卯科秀才，壽六十奇。

正妣吳氏諱烜，號慈質（我吳憲察文肅公次女）壽六十奇（十月初一日祖考忌，三月十五日正妣忌，六月初四日次妣忌）。

公生三男，長諱璇（字琬甫），次珣（乏繼）季斑（乏繼）。四女，長諱某，歸盛烈阮族，生三男一女。次諱纏，歸錦機阮族（乏繼）。季諱祿歸羅溪吳族（生一男）。我先妣號慈淑則其第二女（先妣及姨每諱纏，是少妣何氏號慈薰所生也）。

璇生男璿、生男瓊，瓊是我明靜公之曾孫，今主承祀。

PHIÊN ÂM:

Tiên tỷ Từ Thục huy nhân Nguyễn quý thị gia phả

*Nguyễn thị tịch ư An Vĩnh (thuộc Khoái Châu phủ Đông An huyện).
Thủy tổ Huyền Viễn công, chính tỷ Nguyễn thị hiệu Từ Hiếu, á tỷ Nguyễn
thị hiệu Từ Tại. Huyền Viễn sinh Thủ Tín công.*

Tỷ Nguyễn Thị hiệu Từ Tịnh, Thủ Tín sinh Phúc Đức công.

Tỷ Nguyễn thị hiệu Từ Nghi, Phúc Đức sinh Phúc Hiên công.

*Tỷ Nguyễn thị hiệu Từ Quý, Phúc Hiên sinh tam nam, trưởng Diên,
thứ Tài (Phúc Diên sinh Phúc Huyền, Pháp An, Phúc Tài sinh Phúc Tuy,
Phúc Lũy), quý tắc ngã Phúc Chính công, tỷ Nguyễn thị hiệu Từ Nhân, sinh
nhị nam, trưởng Phúc Lộc, ngã Phúc Tá công thị kỳ thứ.*

Tỷ Nguyễn thị hiệu Từ Dao, Phúc Tá sinh tứ nam, ngũ Thiện Tín công kỳ đệ tứ chi dã.

Thiện Tín huý Siêu, tự Đôn Phác, sung phủ sinh, thụ Tiến công thứ lang, Vĩnh Khang huyện thừa, thọ thất thập cơ, chính tỷ Nguyễn thị hiệu Phác Nhã (huý Huê) thọ ngũ thập cơ, á tỷ Lê thị hiệu Tiết Ái (huý Sán) thọ lục thập (ngũ nguyệt sơ lục nhật Thiện Tín kỵ nhật, bát nguyệt nhị thập nhật Phác Nhã kỵ nhật, chính nguyệt sơ bát nhật Tiết Ái kỵ nhật).

Thiện Tín sinh tam nam, ngũ Hoàng Thực công kỳ đệ tam chi dã. Hoàng Thực huý Giáp, tự Đoan Nghị, sung phủ học hiệu sinh, thụ tổng trưởng, thọ lục thập cơ, tỷ Nguyễn thị hiệu Ý Thuận (huý Mộc) thọ thất thập cơ (thập nguyệt sơ bát nhật Hoàng Thực công, chính nguyệt nhị thập cửu nhật Ý Thuận kỵ).

Hoàng Thực sinh tứ nam, trọng tử Cố Phủ (thụy Minh Doãn phụng bao tướng nghĩa dân, sinh tam nam, kim Nguyễn Khuê thị kỳ thứ tôn). Thúc tử Kính Huệ (thụy Đoan Lượng phụng bao tướng nghĩa dân, sinh bát nam, kim cửu phẩm Nguyễn Mạo thị kỳ thứ tôn). Quý tử Oánh Phủ (thụy Thanh Trục, sinh nam Toại lại mục). Trưởng tắc ngã Minh Tĩnh công, thị công huý Túc tự Kính Phủ, đăng Đinh Mão khoa tú tài, thọ lục thập cơ.

Chính tỷ Ngô thị huý Huyền, hiệu Từ Chất (ngũ Ngô hiến sát Văn Túc công thứ nữ) thọ lục thập cơ (thập nguyệt sơ nhất nhật tổ khảo kỵ, tam nguyệt thập ngũ nhật chính tỷ kỵ, lục nguyệt sơ tứ nhật thứ tỷ kỵ).

Công sinh tam nam, trưởng huý Toàn (tự Phủ, thứ Điền (pháp kế) quý Ban (pháp kế). Tử nữ, trưởng huý mỗ, quy Thịnh Liệt Nguyễn tộc, sinh tam nam nhất nữ. Thứ huý Triền, quy Cẩm Cơ Nguyễn tộc (pháp kế). quý huý Lộc quy La Khê Ngô tộc (sinh nhất nam). ngũ tiên tỷ hiệu

Từ Thực tặc kỳ đệ nhị nữ (tiên tử cập di mỗi huy Triền, thị thiếu tử Hà thị hiệu Từ Huân sở sinh dã).

Toàn sinh nam Quân, sinh nam Hoàn, Hoàn thị ngã Minh Tĩnh công chi tăng tôn, kim chủ thừa tự.

DỊCH NGHĨA:

Gia phả của mẹ ta, họ Nguyễn hiệu Từ Thực

Họ Nguyễn quê An Vĩnh (huyện Đông An, phủ Khoái Châu), thủy tổ là Huyền Viễn công, và cụ bà chính thất họ Nguyễn, hiệu Từ Hiếu, cụ bà thứ thất, họ Nguyễn, hiệu Từ Tại, sinh được Thủ Tín.

Thủ Tín lấy cụ bà họ Nguyễn, hiệu Từ Nghi, sinh Phúc Hiên.

Phúc Hiên lấy cụ bà họ Nguyễn, hiệu Từ Quý, sinh 3 trai. Trưởng Diên, thứ Tài (Phúc Diên sinh Phúc Huyền, làm Pháp ấn. Phúc Tài sinh Phúc Tuy, Phúc Cảnh). Con trai út Phúc Chính.

Phúc Chính lấy cụ bà họ Nguyễn, hiệu Từ Nhân, sinh 2 trai, trưởng Phúc Lộc, Phúc Tá công của ta là thứ.

Phúc Tá lấy cụ bà họ Nguyễn, hiệu Từ Dao, sinh 4 trai, Thiện Tín công của ta là con thứ 4.

Thiện Tín huy Siêu, tự Đông Phác, được bổ làm Phủ sinh, nhận chức Tiến công thứ lang, Huyện thừa huyện Vĩnh Khang, thọ 70 tuổi. Cụ bà chính thất, họ Nguyễn, hiệu Phúc Nhã, (huy Huê), thọ 50 tuổi), cụ bà thứ thất, họ Lê, hiệu Tiết Ái (huy Sáu), thọ 60 tuổi (Ngày mừng 6 tháng 3, giỗ Thiện Tín. Ngày mừng 8 tháng Giêng, giỗ Tiết Ái).

Thiện Tín sinh 3 trai, Hoàng Thực công của ta là con trai thứ 3.

Hoàng Thực huý Giáp, tự Đoan Nghị, được sung vào phủ học Hiệu sinh, nhận chức Tổng trưởng, thọ 60 tuổi. Cụ bà họ Nguyễn, hiệu Ý Thuận (huý Mộc), thọ 70 tuổi (Ngày mừng 8 tháng 10, giỗ Hoàng Thực, ngày 29 tháng Giêng, giỗ Ý Thuận).

Hoàng Thực sinh 4 trai, con trai thứ 2 là Cố Phủ (thụy Minh Doãn, được khen thưởng là nghĩa dân, sinh 3 trai. Nay Nguyễn Khuê là cháu thứ của cụ). Con trai thứ 3 Kính Huệ (thụy Đoan Lượng, được khen thưởng là nghĩa dân, sinh 8 trai. Nay Nguyễn Mạo, hàm Cửu phẩm là cháu thứ của cụ). Con trai út Oánh Phủ (thụy Thanh Trực, sinh trai Toại, chức Lại mục). Người con trai trưởng là Minh Tĩnh công ta, huý Túc, tự Kính Phủ, Tú tài khoa Đinh Mão, thọ 60 tuổi.

Cụ bà chính thất họ Ngô, huý Hằng, hiệu Từ Chất (là con gái thứ của cụ Văn Túc, chức Hiến sát, họ Ngô ta), thọ trên 60 tuổi (Ngày mừng 1 tháng 10 là ngày giỗ của cụ, ngày 15 tháng 3, giỗ cụ bà chính thất, ngày mừng 4 tháng 6, giỗ cụ bà thứ thất). Cụ sinh được 3 trai, trưởng huý Tuyên (tự Hoàn Phủ), thứ Điền (không có con), út Ban cũng không có con. 4 người con gái của cụ là, gái cả huý Mỹ, về làm dâu họ Nguyễn ở Thịnh Liệt (sinh 3 trai, 2 gái). Con gái thứ huý Triền, về làm dâu họ Nguyễn ở Cẩm Cơ (không có con). Con gái út huý Lộc, về làm dâu họ Ngô ở La Khê (sinh 1 trai). Mẹ ta hiệu Từ Thực, là con gái thứ 2)mẹ ta và ta, đều huý Triền, do bà thứ họ Hà, hiệu Từ Huân sinh ra).

Người con trưởng huý Tuyên, sinh con trai huý Quán, Quán sinh Ái. Ái là chất của cụ Minh Tĩnh nay chủ việc thờ cúng.

7. 正閩黎氏家譜

黎族邑於苓塘者，其先自文典來也。六代以上譜記無徵。

五代祖考號具淵，妣黃氏（生年忌日不詳），生六男，我岳曾祖考號福恭是其第二男也，壽七十旬（正月初七日忌）。妣阮氏（三月十四日忌）生五男。

我岳曾祖考號福惠，又其第二男也，壽七十奇（四月十七日忌）。妣阮氏號慈悲（三月二十三日忌）生二男。

我岳祖考諱寶字珍甫號福善，又其第二男，壽七十三（十一月二十一日忌）。妣陳氏諱憲號慈成，壽八十四（四月初八日忌）生五男。

我岳考諱啓，字迪甫號純厚，丁亥年七月初八日丑時生，戊子年六月初三日卒，第三男也，壽三十二。岳妣阮貴氏諱昭，號慈明，壽五十一，乙酉年生，乙亥年七月十一日終。生男女各三，長倬、次儀，並禮號生、次次倬里正。長女婉、次娥，我正閩諱好，嗣德八年乙卯，八月初九日，亥時生，嗣德二十六年歸于我，正閩其季女也。

PHIÊN ÂM:

Chính khốn Lê thị gia phả

Lê tộc ấp u Linh Đường giả, kỳ tiên tự Văn Điển lai dã. Lục đại dĩ thượng phả ký vô trưng.

Ngũ đại tổ khảo hiệu Cụ Uyên, tỷ Hoàng thị (sinh niên kỷ nhật bất tường), sinh lục nam, ngũ nhạc tăng tổ khảo hiệu Phúc Cung thị kỳ đệ nhị nam dã, thọ thất thập tuần (chính nguyệt sơ thất nhật kỷ). Tỷ Nguyễn thị (tam nguyệt thập tứ nhật kỷ) sinh ngũ nam.

Ngũ nhạc tăng tổ khảo hiệu Phúc Huệ, hựu kỳ đệ nhị nam dã, thọ thất thập cơ (tứ nguyệt thập thất nhật kỷ). Tỷ Nguyễn thị hiệu Từ Bi (tam nguyệt nhị thập tam nhật kỷ) sinh nhị nam.

Ngũ nhạc tổ khảo huy Bảo tự Trân Phủ hiệu Phúc Thiện, hựu kỳ đệ nhị nam, thọ thất thập tam (thập nhất nguyệt nhị thập nhất nhật kỷ). Tỷ Trần thị huy Hiến hiệu Từ Thành, thọ bát thập tứ (tứ nguyệt sơ bát nhật kỷ) sinh ngũ nam.

Ngũ nhạc khảo huy Khải, tự Dịch Phủ hiệu Thuần Hậu, Đinh Hợi niên thất nguyệt sơ bát nhật sừu thời sinh, Mậu Tý niên lục nguyệt sơ tam nhật tốt, đệ tam nam dã, thọ tam thập nhị. Nhạc tỷ Nguyễn quý thị huy Chiêu, hiệu từ minh, thọ ngũ thập nhất, ất Dậu niên sinh, ất Hợi niên thất nguyệt thập nhất nhật chung. Sinh nam nữ các tam, trưởng Tố, thứ Nghi, tịnh lễ hiệu sinh, thứ thứ Luỹ lý chính. Trưởng nữ Uyên, thứ Nga, ngũ chính khốn huy Hảo, Tự Đức bát niên ất Mão, bát nguyệt sơ cửu nhật, Hợi thời sinh, Tự Đức nhị thập lục niên quy vu ngã, chính khốn kỳ quý nữ.

DỊCH NGHĨA:

Gia phả của vợ cả ta, họ Lê

Họ Lê quê Linh Đường, tổ tiên từ Văn Điển đến. Từ đời thứ 6 trở về trước, gia phả không thấy ghi.

Tổ khảo 5 đời, hiệu Cự Uyên, lấy cụ bà họ Hoàng (Ngày sinh ngày mất không rõ), sinh 6 trai. Cụ nhạc Cao tổ khảo ta, hiệu Phúc Cung, là con trai thứ 2, thọ 70 tuổi (mất ngày mùng 7 tháng Giêng), cụ bà họ Nguyễn (mất ngày 14 tháng 3) sinh 5 trai.

Cụ nhạc Tăng tổ khảo ta, hiệu Phúc Huệ, cũng là con trai thứ 2, thọ 70 tuổi (mất ngày mùng 7 tháng 4). Cụ bà họ Nguyễn hiệu Từ Bi (mất ngày 23 tháng 3) sinh 2 trai.

Nhạc Tổ khảo ta, húy Bảo, tự Chân Phủ, hiệu Phúc Thiện, là con trai thứ 2, thọ 73 tuổi (mất ngày 21 tháng 11). Cụ bà Trần thị, húy Hiến, hiệu Từ Thành, thọ 84 tuổi (mất ngày mùng 8 tháng 4) sinh được 5 trai.

Bố vợ ta, húy Khải, tự Dịch Phủ, hiệu Thuần Hậu, sinh giờ Sửu ngày mùng 8 tháng 7, năm Đinh Hợi, mất ngày mùng 3 tháng 6 năm Mậu Tý, là con trai thứ 3, mất năm 32 tuổi. Mẹ vợ ta họ Nguyễn, húy Chiêu, hiệu Từ Minh, thọ 51 tuổi, sinh năm Ất Dậu, mất ngày 11 tháng 7 năm Ất Hợi. Bố mẹ vợ ta sinh được 3 trai, 3 gái. Con trai trưởng húy Tố, con trai thứ húy Nghi, đều là Hiệ sinh, con trai thứ 3 Cảnh, làm Chánh lý trưởng. Con gái cả tên Uyên, con gái thứ tên Nga, vợ cả ta húy Hào, sinh giờ Hợi, ngày mùng 9 tháng 8, năm Ất Mão, niên hiệu Tự Đức thứ 8, đến niên hiệu Tự Đức thứ 26 thì về với ta. Vợ cả ta là con gái út./.

MỤC LỤC

Thay lời kết.....	5
-------------------	---

TRÚC LÂM TÔNG CHỈ NGUYÊN THANH

-Lời giới thiệu.....	11
-Trúc Lâm đại viên giác thanh tự (<i>Lời tựa tập Trúc Lâm đại viên giác thanh</i>).....	33
-Ngũ lục.....	40
-Tướng thanh nhị thập tứ bồ tát (<i>Hai mươi bốn vị bồ tát của tướng thanh</i>).....	45
-Trúc Lâm tông chỉ nguyên tông (<i>Đầu mối của Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh</i>).....	52

Tam tổ hành trạng (*Hành trạng ba vị tổ*)

-Đệ nhất hành (<i>Hành trạng vị tổ thứ nhất</i>).....	55
-Đệ nhị hành (<i>Hành trạng vị tổ thứ hai</i>).....	76
-Đệ tam hành (<i>Hành trạng vị tổ thứ ba</i>).....	86

Đại chân viên giác thanh

-Không thanh (<i>Thanh không</i>).....	111
-Ngộ thanh (<i>Tiếng thức</i>).....	133
-Ẩn thanh (<i>Tiếng âm</i>).....	149
-Phát tướng thanh (<i>Tiếng phát tướng</i>).....	163
-Kiến thanh (<i>Tiếng thấy</i>).....	174

-Hoán thanh (<i>Tiếng gọi</i>).....	185
-Thoát thanh (<i>Tiếng thoát</i>).....	197
-Thu thanh (<i>Tiếng thu</i>).....	216
-Định thanh (<i>Tiếng định</i>).....	227
-Tịch nhiên vô thanh (<i>Tiếng lặng lẽ không có tiếng</i>).....	241
-Trác thanh (<i>Tiếng đẽo</i>).....	251
-Nhất thanh (<i>Tiếng nhất</i>).....	265
-Xu thanh (<i>Tiếng chót</i>).....	276
-Biểu lý thanh (<i>Tiếng ngoài trong</i>).....	285
-Hành thanh (<i>Tiếng hành</i>).....	292
-Đồng thanh (<i>Tiếng trong suốt</i>).....	303
-Minh thanh (<i>Tiếng sáng</i>).....	312
-Phán thanh (<i>Tiếng quyết đoán</i>).....	322
-Túc thanh (<i>Tiếng quy túc</i>).....	334
-Bất quả thanh (<i>Tiếng không thành</i>).....	342
-Tàng thanh (<i>Tiếng ẩn giấu</i>).....	354
-Hưởng thanh (<i>Tiếng vang</i>).....	366
-Lưu động thanh (<i>Tiếng lưu động</i>).....	376
-Dư thanh (<i>Tiếng thừa</i>).....	391

Đại chân viên giác thanh tiểu khẩu

-Đệ nhất: Không thanh (<i>Thanh không</i>).....	403
-Đệ nhị: Ngộ thanh (<i>Tiếng thức</i>).....	405
-Đệ tam: Âm thanh (<i>Tiếng âm</i>).....	407
-Đệ tứ: Phát tướng thanh (<i>Tiếng phát tướng</i>).....	407

-Đệ ngũ: Kiến thanh (<i>Tiếng thấy</i>).....	408
-Đệ lục: Hoán thanh (<i>Tiếng gọi</i>).....	409
-Đệ thất: Thoát thanh (<i>Tiếng thoát</i>).....	410
-Đệ bát: Thu thanh (<i>Tiếng thu</i>).....	411
-Đệ cửu: Định thanh (<i>Tiếng định</i>).....	412
-Đệ thập: Tịch nhiên vô thanh (<i>Tiếng lặng lẽ không có tiếng</i>)..	413
-Đệ thập nhất: Trác thanh (<i>Tiếng đẽo</i>).....	414
-Đệ thập nhị: Nhất thanh (<i>Tiếng nhất</i>).....	415
-Đệ thập tam: Xu thanh (<i>Tiếng chót</i>).....	416
-Đệ thập tứ: Biểu lý thanh (<i>Tiếng ngoài trong</i>).....	417
-Đệ thập ngũ: Hành thanh (<i>Tiếng hành</i>).....	418
-Đệ thập lục: Đồng thanh (<i>Tiếng trong suốt</i>).....	418
-Đệ thập thất: Minh thanh (<i>Tiếng sáng</i>).....	419
-Đệ thập bát: Phán thanh (<i>Tiếng quyết đoán</i>).....	420
-Đệ thập cửu: Túc thanh (<i>Tiếng động</i>).....	422
-Đệ nhị thập: Bất quả thanh (<i>Tiếng không thành</i>).....	423
-Đệ nhị thập nhất: Tàng thanh (<i>Tiếng ẩn giấu</i>).....	425
-Đệ nhị thập nhị: Hưởng thanh (<i>Tiếng vang</i>).....	426
-Đệ nhị thập tam: Lưu động thanh (<i>Tiếng lưu động</i>).....	427
-Đệ nhị thập tứ: Dư thanh (<i>Tiếng thừa</i>).....	428

HẢI ĐÔNG CHÍ LƯỢC

-Lời giới thiệu.....	435
-Nhân vật chí.....	439

Tương tương liệt truyện

-Phạm Công Trứ.....	445
-Vũ Duy Chí.....	452
-Đinh Văn Tả.....	467
-Vũ Văn Uyên.....	480
-Trần Cảnh.....	493
-Phạm Đình Trọng.....	506

Nho học liệt truyện

-Trần Đăng Nguyên.....	519
-Hàn Thuyên.....	523
--Trần Ích Nguyên.....	524
-Nguyễn Bình Khiêm.....	527
-Nguyễn Đức Trinh.....	537
-Nguyễn Toàn An.....	539

PHỤ LỤC: NGÔ GIA THẾ PHẢ

-Lời giới thiệu.....	543
-Tông thống truyền văn ký (<i>Ghi lời truyền văn nguồn gốc họ Ngô</i>)	547
-Thế phả tổng tự (<i>Bài tựa tổng quát về thế phả</i>).....	553
-Phạm lệ.....	561

Ngô gia thế phả thực biên

-Sơ nhất đại (<i>Đời thứ nhất</i>).....	570
-Đệ nhị đại (<i>Đời thứ hai</i>).....	571

-Đệ tam đại (Đời thứ ba).....	573
-Đệ tứ đại (Đời thứ tư).....	575
-Đệ ngũ đại (Đời thứ năm).....	577
-Đệ lục đại (Đời thứ sáu).....	695
-Đệ thất đại (Đời thứ bảy).....	608
-Đệ bát đại (Đời thứ tám).....	611
-Đệ cửu đại (Đời thứ chín).....	616
-Đệ thập đại (Đời thứ mười).....	624
-Đệ thập nhất đại (Đời thứ mười một).....	639
-Đệ thập nhị đại (Đời thứ mười hai).....	649
-Đệ thập tam đại (Đời thứ mười ba).....	686
-Đệ thập tứ đại (Đời thứ mười bốn).....	716
-Đệ thập ngũ đại (Đời thứ mười lăm).....	728
Bạt	742

Tục biên

-Cổ thê (Người vợ đã mất).....	745
-Tiên trưởng huynh (Người anh trai đã mất).....	764
-Tiên thân đệ (Người em trai đã mất).....	765
-Cổ nhi (Con trai đã mất).....	769
Sùng ân quảng ký (Bài ký rộng ghi nêu cao ân đức).....	783

Phụ biên

-Ngũ đại tổ tĩ Tiết Ý huy nhân Tưởng quý thị gia phả (Gia phả của cụ bà 5 đời hiệu là Tiết Ý huy nhân Tưởng quý thị).....	791
---	-----

- Tứ đại tổ tĩ trình Từ phu nhân Nguyễn quý thị gia phả (*Gia phả của cụ bà 4 đời hiệu là Trình Từ phu nhân, họ Nguyễn*).....794
- Chính tằng tổ tĩ Từ Minh phu nhân Ngô quý thị gia phả (*Gia phả của cụ bà chính tằng tổ tĩ hiệu Từ Minh phu nhân, họ Ngô*)798
- Thiếu tằng tổ tĩ Từ Chính huy nhân Hoàng quý thị gia phả (*Gia phả của cụ bà thiếu tằng tổ tĩ hiệu Từ Chính huy nhân, họ Hoàng*).....802
- Tổ tĩ Từ Thuận huy nhân Trương quý thị gia phả (*Gia phả của tổ tĩ hiệu là Từ Thuận huy nhân, họ Trương*).....803
- Tiên tĩ hiệu Từ Thục huy nhân Nguyễn quý thị gia phả (*Gia phả của tiên tĩ hiệu là Từ Thục huy nhân, họ Nguyễn*).....808
- Chính khố Lê thị gia phả (*Gia phả của vợ cả ta, họ Lê*).....814

Giá: 200.000đ